

**ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

Tập IV - Chương thứ VI - VII

**RÙPAPARAMAṬṬHA SAṄGAHA VIBHÀGO -
SAMUCCAYA SAṄGAHA VIBHÀGO
TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC SIÊU LÝ -
TỔNG HỢP PHÂN TÍCH TẬP YẾU**

Tác Giả: **SADDHAMMA JOTIKA DHAMMACÀRIYA**
Dịch Giả: **Bhikkhu PASÀDO**

P.L. 2560

D.L. 2017

LỜI MỞ ĐẦU

(Xuất Bản Lần Thứ Tám)

Giáo khoa thư *Siêu Lý Quang Minh (Paramatthajotika)* với Chương thứ 1, thứ 2 và thứ 6 gồm *Tâm (Citta)*, *Tâm Sở (Cetasika)*, *Sắc Pháp (Rùpa)* và *Níp Bàn (Nibbàna)*, là giáo khoa thư tiên khởi mà bậc học giả Vô Tỷ Pháp sẽ được nghiên cứu học hỏi. Chương trình đào tạo ở trong hạng bậc này đã được coi như làm thành nền tảng Giáo Pháp rất trọng yếu. Với người có sự mong mỏi sẽ thấu hiểu được ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp thì càng cần phải có sự thấu hiểu cùng với sự ghi nhớ thật vi diệu, tương đương với Trí Tuệ của bậc học giả đã có được thực hiện vậy; vì rằng nền tảng Giáo Pháp mà sẽ nghiên cứu ở trong các hạng bậc cao hơn tiếp nối theo đây, thì đa phần cũng sẽ phải nói đến các vấn đề của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn này vậy.

Còn về một khía cạnh khác nữa, là một khi bậc học giả đã có được nghiên cứu học hỏi một cách tốt đẹp rồi, thì cũng nên vận dụng nền tảng Giáo Pháp dắt dẫn vào việc trau dồi tu tập Pháp Hành, ngõ hầu rèn luyện thúc liễm tâm thức của mình để không phải bị rơi vào phía đạo lộ thấp hèn ty liệt; vì nhờ như bậc học giả không có khả năng thúc liễm tâm thức của mình để cho phải bị rơi về phía con đường ty liệt, ấy là tham lam, sân hận, làm lạc; thì hạng người ấy chẳng khác nào với cái vá mà chẳng biết được hương vị của canh vậy. Mong rằng quyển giáo khoa thư này sẽ chỉ dẫn đạo lộ cho bậc học giả được kiến tập xuyên suốt sự an vui sự tiến hóa ở trong Giáo Pháp của Đức Ngài Chánh Đẳng Giác.

Xin *hoan hỷ tán thành (Anumodanà)* với Ngài Trưởng Lão cùng với tập thể ở trong việc xuất bản quyển giáo khoa thư này. Xin cho Ngài Trưởng Lão có được sự an vui sự tiến hóa, tư duy nghĩ tưởng đến bất luận điều thích hợp nào với Giáo Pháp thì xin cho điều ấy được thành tựu viên mãn vẹn toàn; và cuối cùng xin cho Ngài Trưởng Lão được thành đạt đến Đạo Quả Níp Bàn ở trong thời vị lai cận đại này.

Đại Trưởng Lão **Dhammakàmo**
Vụ Phó Vụ Chuyên Tu Pháp Hành
Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp

LỜI KHAI ĐOAN
(Đại Trưởng Lão *Saddhammajotika Dhammàcariya*)

Jànitabbaṃ pajànàti Desitabbaṃ pi àsayam
Desako yena ñàṇena Desetu tassa tejasà

Đức Ngài Chánh Đẳng Giác, là bậc đã lập ý khái thuyết Chánh Pháp, là bậc đã lập ý toàn tri đến *Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma)*, Đức Phật Ngài đã ứng đương khái thuyết với nhiều phương cách, cho đến liễu tri thấu suốt cả tâm tính tập khí của nhiều *Chúng Hữu Tình Khả Huấn Luyện (Veneyyasatta)*; xin cho bất luận mãnh lực nào của cả ba mãnh lực *Toàn Giác Trí (Sabbaññañāṇa)* ấy, hỗ trợ ban phát cho Đệ Tử Đức Phật phát sinh Trí Tuệ thậm thâm ngõ hầu có khả năng sẽ soạn tác bộ Kinh điển này cho được thành tựu một cách viên mãn.

Toàn Giác Trí của Bậc Chánh Đẳng Giác có ba thể loại mãnh lực, ấy là:

1. *Thuyết Giảng Giáo Pháp (Desetabbadhamma)*: Toàn tri Giáo Pháp khả khái thuyết phổ truyền phổ cập, tức là năm trường hợp *Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma)*. [Đức Phật Ngài lập ý dạy bảo cho người hữu duyên được nghe, được hiểu biết những Pháp cao siêu, và sớm nhận thức chân như thực tính các Pháp đáng hiểu biết, đáng nhận thấy.]
2. *Phương Quảng Thuyết Giảng Giáo Pháp (Desetabbadhammapakàra)*: Toàn tri ở trong việc thuyết giảng Giáo Pháp thành nhiều từng phần từng đoạn (Tuần Tự Giáo Pháp), tức là có khả năng thuyết giảng một cách tuyệt hảo, phương quảng, ngay ở trong cùng một đề tài. [Đức Phật Ngài lập ý giảng dạy bảo Giáo Pháp hữu lý đến với người hữu duyên được nghe, ngõ hầu có thể liễu tri đặng tầm cầu Pháp Chân Đế.]
3. *Khả Từ Giáo Đạo Giả (Veneyyajjhàsayaya)*: Toàn tri tâm tính tập khí của *Chúng Hữu Tình Khả Huấn Luyện (Veneyyasatta)* phổ cập rằng Giáo Pháp nào sẽ thích hợp và làm thành hữu ích đối với nhóm người nào, thì cũng sẽ nêu lên những điều Pháp ấy ra giảng giải để cho thích hợp đối với tâm tính tập khí của nhóm người ấy. [Đức Phật Ngài lập ý giảng dạy đặc biệt phi thường đến với người hữu duyên, một khi đã thực hành theo Pháp Học - Pháp Hành thì hằng luôn đặng kết quả lợi ích.]

Do bởi Toàn Giác Trí có cả ba mãnh lực như đã được đề cập đến ở tại đây, và cũng chính vì lý do này mà một khi Đức Phật Ngài đang khi thuyết giảng thì tất cả hàng Phật Tử mà có được chú ý lắng nghe Chánh Giáo Pháp khái truyền của Đức Phật ở ngay trong sát na ấy, thì ai ai cũng đều được chứng đắc Đạo Quả, ước tính thành số lượng mười triệu, và kể ra Toàn Giác Trí đây quả là hữu ích một cách thù thắng đối với tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này.

Người soạn tác kinh điển, hoặc người hướng dẫn giảng giải về Pháp Học (*Pariyattidhamma*) gồm Kinh Tạng, Luật Tạng, Vô Tỷ Pháp Tạng, và Pháp Hành (*Paṭipattidhamma*) là *An Chí (Samatha) - Minh Sát (Vipassanà)*, hoặc người đã là bậc *Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)* có nhiệm vụ thuyết giảng Giáo Pháp đối với tất cả những Hội Chúng để dẫn đến khởi sinh đức tin và đồng thời tịch diệt các *Pháp Triền Cái (Nivarana)*; hết cả thấy toàn là những công việc có liên quan đến việc kiến tạo *Pháp Toàn Thiện (Pàrami – Ba La Mật)*, và luôn cả làm thành sự việc trọng yếu ở trong việc sẽ bảo toàn Phật Giáo cho được tồn tại và tăng trưởng tiến hóa. Vì thế, cả ba nhóm người này thiết yếu sẽ cần phải có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực của Toàn Giác Trí này vừa theo thích hợp để sẽ có được.

1. Cả ba nhóm người đã vừa đề cập đến rồi đây, sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với ba trường hợp mãnh lực của Toàn Giác Trí đây, tức là những nhóm người ấy thiết yếu sẽ cần phải được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi chương trình đào tạo các học khóa một cách hoàn mãn, thì mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ nhất vậy.
2. Chương trình đào tạo các học khóa đã được nghiên cứu học hỏi một cách hoàn mãn rồi đây, sẽ phải là việc nghiên cứu học hỏi đã được lắng nghe lời giải thích tỷ giáo, so sánh ẩn dụ, và suy xét từng các ý nghĩa từ ở nơi vị Giáo Thọ có nền tảng luận chứng và trí đức tốt đẹp, thì mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ hai vậy.
3. Khi đã được nghiên cứu học hỏi chương trình đào tạo các học khóa một cách hoàn mãn, luôn cả đã được lắng nghe các lời giải thích tốt đẹp rồi đây, sẽ cần phải liễu tri đến các hành động và việc nói năng của tất cả mỗi con người hiện hành theo *Thực Tính (Sabhava)* vì rằng các hành động và việc nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Bất Thiện, và các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Tịnh Hảo đây; **rằng khi tính theo Cảnh, Lộ Trình, Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu** và **Nhân Cần Thiết** thì có sự khác biệt với nhau. Cho dù quả thật có sự khác biệt nhau đi nữa, tuy nhiên các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Bất Thiện ở phân cực vi tế lại na ná tương tự với các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Tịnh Hảo ở bên phía thiện hảo; vì thế, cả ba nhóm người này sẽ cần phải thấu hiểu tường tận đến sự khác biệt với nhau:
 - Giữa các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi *Tham Lam (Lobha)*, và các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi *Tín Niệm (Saddhà)*, *Vô Sân (Adosa)*, *Hoan Hỷ (Mudità)*, thể theo sự xác thực của Chân Đế.
 - Giữa các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi *Sân Hận (Dosa)*, và các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi *Tàm Quý (Hiri – Ottappa)*, *Bi Mẫn (Karunà)*, thể theo sự xác thực của Chân Đế.

- Giữa các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi *Tà Kiến (Ditṭhi)*, *Hoài Nghi (Vicikicchà)*, *Tật Đố (Issà)*, và các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi *Chánh Ngữ (Sammavàcà)*, *Chánh Nghiệp (Sammakammanta)*, *Chánh Mạng (Sammàjìva)*, *Trí Tuệ (Pañña)*, thể theo sự xác thực của Chân Đế.
- Giữa các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi *Si Mê (Moha)*, *Ngã Mạn (Màna)*, *Hôn Thùy (ThinaMiddha)*, và các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi *Vô Tham (Alobha)*, *Vô Sân (Adosa)*, *Trung Gian (Tatramajjhata)*, *Bi Mẫn (Karunà)*, *Trí Tuệ (Pañña)*, thể theo sự xác thực của Chân Đế; như vậy v.v.

thì mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ ba vậy. Nếu như không có được hiện hành theo như điều đã vừa đề cập ở tại đây, thì người ấy sẽ không có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực, mà có thể chỉ có Trí Tuệ ở thể loại thông thường. Vì lý do này, đa phần các việc nghĩ suy, việc thuyết giảng, và việc soạn tác các kinh điển, sẽ thiên hướng đi theo đường lối *Tư Kiến (Attanomati)*, sẽ xa rời những lời Phật Ngôn, Chú Giải và Phụ Chú Giải. Một khi đã là như vậy, thì người đã được thụ lãnh việc đào tạo (Học Giả), hoặc người đã được đọc (Độc Giả), hoặc đã được lắng nghe các loại kinh điển từ các vị này rồi (Thính Giả); mà nếu nhớ như phát sinh đức tin ở trong các lời nói ấy, thì cũng giống như người phải bệnh sốt lại đón nhận thuốc lầm, và quả thật là vô cùng đáng tiếc; vì rằng người đã được thụ lãnh việc đào tạo, hoặc đã được đọc, hoặc đã được lắng nghe từ các loại kinh điển này, sẽ chẳng thể nào có được sự liễu tri đến những lời Phật Ngôn và Chú Giải một cách rõ ràng.

Và nếu như cả ba nhóm người này [*Soạn Tác Giả (Ganthakàra)*, *Giảng Thuyết Giả (Ganthavàcaka)*, và *Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)*] có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực của Toàn Giác Trí vừa theo thích hợp như vậy rồi; thể là kinh điển của các vị ấy soạn tác, hoặc Pháp Học hoặc Pháp Hành mà các vị ấy hướng dẫn giảng giải, hoặc Giáo Pháp mà các vị ấy đang thuyết giảng, nhất định hẳn là vô cùng hữu ích đến với người đã được đọc, đã được học, và đã được lắng nghe, thì cũng giống như bệnh nhân mà đã được dùng đúng bài thuốc hay vậy.

Với mãnh lực Thiện Tâm, Bản Đạo đã truy niệm nghĩ tưởng đến Ân Đức của Toàn Giác Trí, do vậy, nguyện cho cả ba trường hợp mãnh lực này hiện hữu ở trong nội tâm bản tánh của Bản Đạo vừa theo thích hợp, và xin được hiện khởi lên ngay ở trong sát na đang soạn tác kinh điển, để cho quyển kinh sách này được thành tựu một cách viên mãn, và sẽ được làm thành lợi ích đến với người nghiên cứu học hỏi quyển kinh sách này.

Lại nữa, trong *Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisàsanà)* phối hợp với cả ba Tạng là Tạng Kinh (*Suttantapiṭaka*), Tạng Luật (*Vinayapiṭaka*), và Tạng Vô Tỷ Pháp (*Abhidhammapiṭaka*); trong những cả ba Tạng này mà nếu nhớ như chỉ có

việc dịch thuật Pàli Ngữ, và lời giải thích đặc biệt chỉ có mỗi một Tạng Kinh ở trong các quốc độ ấy, thế thì cũng sẽ có việc giảng dạy việc học hỏi duy nhất chỉ mỗi một Tạng Kinh ấy mà thôi; và sẽ không có được việc giảng dạy việc học hỏi ở trong cả hai Tạng còn lại, ấy là Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp. Một khi đã là như vậy, thì sẽ phát sinh lên điều tác hại đến với tất cả các hàng Phật Tử; bởi vì tất cả những hàng Phật Tử ấy, chỉ có mỗi một bận tâm trong việc tìm kiếm mưu sinh, và sẽ thiếu mất đi việc rèn luyện kỹ cương về Thân về Lời, luôn cả mất đi đức tin và sự tín ngưỡng ở trong Phật Giáo; và rất chỉ có *Ái Dục (Tanhà)*, *Ngã Mạn (Màna)*, *Tà Kiến (Diṭṭhi)*, khinh miệt bỉ báng đến Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp mà chính đây cũng là những Phật Ngôn. Và đây cũng chính là điều tác hại đã phát sinh từ ở việc không được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Nếu ngặt như lời dịch thuật và lời giải thích mà duy nhất chỉ có hai Tạng Kinh và Tạng Luật này thôi, và chẳng có lời dịch thuật và lời giải thích ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp như vậy rồi ở trong các quốc độ ấy; thế thì cũng chỉ có việc giảng dạy và việc nghiên cứu học hỏi đặc biệt chuyên ở trong Tạng Kinh và Tạng Luật này mà thôi, và như thế, việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp chẳng thể nào có cơ hội khởi sinh lên được. Một khi đã là như vậy, thì cũng sẽ phát sinh lên điều tác hại đến với tất cả các hàng Phật Tử, bởi vì tất cả những hàng Phật Tử ấy sẽ cùng rủ nhau chỉ lo bận tâm trong việc tìm kiếm mưu sinh và trong việc rèn luyện kỹ cương về Thân về Lời, nhằm chỉ để tôn thêm sự xinh đẹp đáng vẻ diện mạo ở bên ngoài; còn về phía nội tâm bản tánh là phần ở bên trong thì lại thiếu mất đi đức tin, sự tín ngưỡng chẳng có được vững chắc ở trong tôn giáo của mình; và lại chỉ có tà kiến thấy sai chấp lầm, chỉ có ngã mạn chấp thủ tôi ta, và khinh miệt bỉ báng ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp này. Và đây cũng chính là điều tác hại đã phát sinh từ ở việc không được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Vì thế, ở quốc độ nào nếu có được lời dịch thuật và lời giải thích ở trong cả ba Tạng một cách hoàn toàn đầy đủ, thì tất cả các hàng Phật Tử ở trong quốc độ ấy, cũng sẽ có được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi ở trong cả ba Tạng một cách hoàn toàn đầy đủ. Một khi đã là như vậy, thì tâm trí của những hàng Phật Tử này sẽ được phối hợp với đức tin, sự tín ngưỡng ở trong Phật Giáo của mình một cách vững chắc bất thối chuyển, chẳng có tâm trí nghiêng ngã ở trong các đạo giáo khác; và luôn cả các đạo giáo ấy cũng không thể nào len lỏi xen lẫn vào, hoặc phá hại đức tin, sự tín ngưỡng của tất cả các hàng Phật Tử ấy được. *Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchadiṭṭhi)*, *Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)*, *Đoạn Kiến (Uccheda diṭṭhi)* cả ba Tà Kiến này cũng không thể nào khởi sinh lên được, mà có thể thì chỉ có *Thân Kiến (Sakkàyadiṭṭhi)*, đây chỉ là loại Tà Kiến thông thường.

Ayàthàvamàna sự kiêu mạn bất hợp, và *Yàthàvamàna* sự kiêu mạn thích hợp một cách thô thiển cũng không có thể khởi sinh lên được; và nếu có, thì chỉ có

thể là *Yàthàvamàna* sự kiêu mạn thích hợp thuộc loại vi tế. Và lại, cả *Tư Tiên (Pubbacetanà)*, *Tư Hiện (Muñcacetanà)*, và *Tư Hậu (Aparacetanà)* liên quan với việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập của tất cả các hàng Phật Tử ấy, cũng sẽ là loại *Tư Tác Ý (Cetanà)* tịnh hảo, thanh tịnh và chân chánh; tránh xa khỏi Bất Thiện Pháp sẽ len lỏi xâm nhập vào trong cả ba Tư Tác Ý ấy vừa theo thích hợp. Và đây cũng chính là ân đức ích trí phát sinh từ ở nơi việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Một khi kết luận lại, với việc nghiên cứu học hỏi ở trong cả ba Tạng này, thì việc học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đã được xếp vào việc học hỏi mang lại rất nhiều lợi ích. Tất cả sự việc này, là cũng vì việc học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đã góp phần hỗ trợ, giúp đỡ sách tấn cho việc học hỏi ở trong cả hai Tạng còn lại, loại trừ đi tri kiến sai lầm và đã làm cho phát sinh lên chánh tri kiến; rằng tri kiến của mình đã được thụ lãnh từ ở việc nghiên cứu học hỏi Tạng Kinh ấy, thì chẳng thể nào chỉ bằng ấy đủ làm cho phát sinh lợi ích đặc biệt trong việc tự lập thân tác thành cơ nghiệp ở trong kiếp hiện sinh này, mà đó chỉ làm cho có tri kiến trong việc cư xử đối đãi với nhau ở cả hai phía tốt và xấu, để rồi sẽ xa lánh đi khỏi sự xấu ác, và sẽ sinh sống theo đường lối tốt đẹp tuần tự kể từ bậc thấp cho đến bậc cao, ngõ hầu cho được thành tựu lợi ích về bản thân và lợi ích cho quý Ngài, luôn cả trong kiếp sống này và kiếp sống vị lai.

Và tri kiến phát sinh từ ở việc học hỏi Tạng Luật, cũng chẳng phải chỉ nhằm để cho việc rèn luyện kỹ cương về Thân về Lời một cách viên mãn trong việc giao tiếp ở những nơi trọng yếu, hầu để tôn thêm sự xinh đẹp đáng vẻ diện mạo ở bên ngoài, mà lập ý chỉ nhằm cho Thân và Lời ấy được thanh tịnh; và ngõ hầu cho bản thân chẳng phải bị thụ lãnh sự ưu não khốn khổ, hoặc tha nhân phải thụ lãnh sự khốn khổ bởi do dựa vào Thân và Lời của ta.

Điều này một khi sẽ nêu lên tỷ dụ để so sánh, thì *Tạng Vô Tỷ Pháp được ví như rễ cái, Tạng Luật được ví như thân cây, và Tạng Kinh được ví như cành nhánh của thân cây.* Hoặc một trường hợp khác, nếu sẽ tỷ dụ để sánh với cơ thể, thì *Tạng Vô Tỷ Pháp được ví như trái tim, Tạng Luật được ví như sinh mạng, và Tạng Kinh được ví như các chi phần của thân thể.*

Chính vì thế, Bàn Đạo đã lập khởi việc giảng dạy vào mỗi ngày về Tạng Vô Tỷ Pháp đến với tất cả các vị học giả kể từ Phật Lịch 2492 (Đương Lịch 1950) tại Đại Học Đường Vô Tỷ Pháp *Chung Cáo Thị Tu Viện (Rakkhaṅghositàràma)* tỉnh lỵ Dhonburi trở đi cho đến Phật Lịch 2509 đây, thì Bàn Đạo đã vừa giảng dạy các kinh điển và luôn cả với việc soạn tác các kinh sách liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp. Ngay hiện giờ, kinh sách liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp đã được liệt kê cho việc biên soạn và sẽ đăng làm thành tựu một cách mau chóng cho chương trình đào tạo các học khóa đây, thì đã có được 25 quyển kinh rồi.

Theo chỗ Bàn Đạo đã vừa đề cập đến ở tại đây, chẳng phải là việc nói dưới hình thức để mà khoe khoang khoác lác. Bàn Đạo chỉ có lập ý để cho tất cả các

hàng Phật Tử đã có sùng tín ở trong Phật Giáo được thấu hiểu đến mục đích của Bản Đạo một cách chân thực rằng Bản Đạo đã phải thụ lãnh sự vất vả cả về thể xác lẫn tinh thần chẳng phải là không ít. Và lại khi việc soạn tác kinh điển đã được xong xuôi rồi, kể đến sẽ là việc sắp xếp in ấn cho thành quyển kinh sách để lên *Bảo Tháp Pháp Bảo (Dhammacetiya – Kho tàng kinh sách)* thì việc sắp xếp in ấn cho được thành tựu cũng quả là khó khăn. Vì lẽ tất cả các hàng Phật Tử vẫn chưa có được ưa thích nghiên cứu học hỏi ở trong trình độ Giáo Pháp này, và cũng có một vài người có sự hiểu biết sai lầm rằng quyển Kinh Pháp ấy là kinh sách để cho người ưa thích in ấn và phân phát trong các tang lễ ma chay, chẳng cần thiết để sẽ bỏ vốn đầu tư cho việc tạo dựng hoặc cho việc mua bán. Vì lý do này, việc in ấn và xuất bản giáo khoa thư Vô Tỷ Pháp cho được thành tựu viên mãn thể theo chương trình đào tạo các học khóa đây, cũng quả là công việc vô cùng khó khăn.

Lại nữa, trong việc soạn tác các kinh điển ấy, cũng chẳng phải là công việc được thực hiện một cách dễ dàng, vì lẽ Bản Đạo chẳng phải là người Thái. Việc viết ra Thái Ngữ ắt hẳn không thể nào tự bản thân Bản Đạo làm được. Do bởi lý do ấy, mới cần phải có người phụ viết, mà người phụ viết này quả là vô cùng trọng yếu và tìm kiếm rất là khó khăn. Vì lẽ người sẽ phụ giúp ấy, chẳng phải chỉ có đơn thuần với việc viết ra y theo lời dạy bảo của Bản Đạo không thôi, mà người phụ viết kinh điển thiết yếu sẽ phải là:

1. Người có tri kiến túc dụng ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp,
2. Người ấy phải có đủ niềm tin chân thực, phải thực kham nhẫn và phải thực siêng năng,
3. Người ấy phải có kiến thức ở trong lãnh vực Thái Ngữ vừa đủ thích hợp,
4. Người ấy phải có đủ cơ hội để sẽ làm được công việc,

Người đã hội đủ các đặc tính như vừa đề cập ở tại đây, thì mới sẽ thành người phụ viết kinh điển được. Nếu chẳng là như thế, thì công việc bất thành. Sự kiện này, Bản Đạo đã từng chỉ dẫn cho rất nhiều người phụ viết rồi, có cả hàng cư sĩ tại gia và luôn cả bậc xuất gia, có cả hàng nam giới và luôn cả các vị nữ nhân. Thoạt lúc ban đầu đã có được chỉ dẫn cho hàng xuất gia, ấy là các vị Tăng Sinh Vô Tỷ Pháp để cho làm người phụ viết; thế nhưng kết quả đón nhận thì lại chẳng thành công. Bởi vì có một vài vị thì chẳng hội đủ khả năng, có một vài vị thì hội đủ khả năng nhưng lại thiếu sự kham nhẫn và chăm chỉ siêng năng, một vài vị thì lại có những công việc lo lắng riêng tư; chính vì thế, mới làm cho công việc không được trôi chảy suôn sẻ, và như thế sự giúp đỡ có thể chỉ là chút ít và nhỏ nhoi mà thôi. Đến giai đoạn nối tiếp, thì đã có chỉ dẫn cho nam học viên để làm người phụ viết, và kết quả thành tựu cũng tương tự chỉ là phần nhỏ nhoi, cũng không có khả năng làm cho công việc được tiếp diễn phát triển. Với lý do này, Bản Đạo mới tuyền

chọn rất nhiều bậc học giả hội đủ kiến thức và khả năng để sẽ hỗ trợ ở trong công việc phụ giúp cho việc viết kinh điển này của Bàn Đạo mãi cho đến Phật Lịch 2503 thì đã mang lại kết quả viên mãn một cách tốt đẹp. Đó là 25 quyển kinh điển liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp, và 5 quyển giáo khoa thư liên quan với việc diễn thuyết và thuyết giảng Giáo Pháp đây, phần lớn cũng do nhờ vào các bậc học giả có đức tin, là người lèo lái dẫn tới sự thành tựu cho Bàn Đạo. Sự kiện này trình bày cho thấy rằng trong khoảng thời gian đang tiến hành công việc đây, thì Bàn Đạo đã phải đón nhận rất nhiều sự vất vả khó nhọc cả về thể xác lẫn tinh thần.

Cho dù chỉ có một mình Bàn Đạo phải vất vả khó nhọc như thế nào đi nữa, tuy nhiên đã làm cho biết bao nhiêu người khác với số lượng đông đảo được đón nhận sự lợi ích và sự hạnh phúc ở trong kiếp hiện tại này và kiếp vị lai, thì Bàn Đạo cũng hoan hỷ đồng ý đón nhận với mọi trường hợp vất vả ấy; và chẳng nghĩ tưởng đến điều nào khác, chỉ ngoài ra sẽ còn nỗ lực khuyến khích cho tất cả các bậc học giả có đức tin, có sự sùng tín ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đến để phụ giúp với nhau cho việc sáng tạo ra các kinh điển ngõ hầu thành tựu viên mãn; để cho làm thành giáo khoa thư ở trong các chương trình đào tạo các học khóa của Phật Giáo; và cho làm thành lợi ích đến với tất cả các bậc học giả của Tạng Vô Tỷ Pháp ở thế hệ nối tiếp; và chính vì sự nghiệp kiến tạo Thập Pháp Toàn Thiện (*Thập Ba La Mật*) vừa theo điều kiện thích hợp sẽ được thành tựu với mọi trường hợp.

Quyển kinh sách này là giáo trình đào tạo đặc biệt dành cho các Học Viên thuộc Tiểu Học Vô Tỷ Pháp bậc Tam. Và việc sắp đặt phần Vấn Đáp để ở trong quyển kinh sách này, là cũng vì lợi ích đến với các vị Giáo Thọ thực hiện việc giảng dạy, luôn cả đến với các Học Viên đang khảo cứu học hỏi sẽ được học hỏi nghiên cứu các phần Vấn Đáp này. Vì lẽ khi đến thời kỳ thi cử thì sẽ sắp xếp chọn lấy những câu hỏi đã được đặt đề ở trong quyển kinh sách này, đem ra làm bài thi viết với cả 10 điều; cùng với lời giải đáp cũng được viết ra một cách rõ ràng. Còn 5 câu hỏi khảo hạch ấy, là cũng được sắp xếp chọn lấy từ ở những lời giải thích đã thiết lập ở phần trên, đem ra làm bài thi khảo hạch. Tất cả sự việc này cũng nhằm đem lại lợi ích đến với tất cả các vị Học Viên ấy vậy.

Về việc giảng dạy và việc khảo thí ở trong Đại Học Đường Vô Tỷ Pháp Chung Cáo Thị Tu Viện tại tỉnh lỵ Dhonburi, gồm có 9 Lớp dành cho Học Viên và 6 Lớp dành cho bậc Giáo Thọ.

Có 9 Lớp Dành Cho Học Viên, đó là:

1. *Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam (Cùlàbhidhammika)*, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 1 – 2 – 6.
2. *Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị*, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 3 – 7.

3. *Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất*, kinh điển được quy định là *Giảng Giải Tổng Lược Pháp Tụ (Dhammasaṅgīṇīsarūpatthanissaya)*.
4. *Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Majjhimābhidhammika)*, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 4 – 5.
5. *Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị*, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ pháp, Chương thứ 8 – 9.
6. *Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất*, kinh điển được quy định là *Giảng Giải Tổng Lược Nguyên Chất Ngữ (Dhātukathāsarūpatthanissaya)*.
7. *Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Mahābhidhammika)*, kinh điển được quy định là *Giảng Giải Tổng Lược Song Đối – Phẩm I (Yamakasārūpatthanissaya)*.
8. *Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị*, kinh điển được quy định là *Giảng Giải Tổng Lược Song Đối – Phẩm II – 3 (Yamakasārūpatthanissaya)*.
9. *Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất*, kinh điển được quy định là *Giảng Giải Tổng Lược Đại Phát Thú (Mahāpaṭṭhānasārūpanissaya)*.

Có 6 Lớp Dành Cho Giáo Thọ, đó là:

1. *Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Abhidhammakathika)*, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 1 – 2 – 3 cùng với cả lời giải thích trích từ ở Chú Giải và Phụ Chú Giải.
2. *Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị*, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 5 – 6 – 7 cùng với cả lời giải thích trích từ ở Chú Giải và Phụ Chú Giải.
3. *Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất*, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 4 – 8 – 9 cùng với cả lời giải thích trích từ ở Chú Giải và Phụ Chú Giải.
4. *Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Abhidhammācariya)*, kinh điển được quy định là *Giảng Giải Tổng Lược Pháp Tụ và Nguyên Chất Ngữ*.
5. *Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị*, kinh điển được quy định là *Giảng Giải Tổng Lược Song Đối Phẩm 1 – 2 – 3*.
6. *Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất*, kinh điển được quy định là *Giảng Giải Tổng Lược Đại Phát Thú*, và *Văn Phạm Pāli Ngữ* trong phần dịch thuật Chú Giải Kinh Pháp Cú.

Việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp đây, là chẳng phải chỉ có duy nhất mỗi một bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, mà lần lượt vẫn còn có nhiều bộ Kinh điển khác nữa với nội dung vô cùng vi tế; được tính kể từ bộ *Kinh Pháp Tụ (Dhammasaṅgīṇīpakāṇa)* trở đi cho đến bộ *Kinh Song Đối (Yamakapakāraṇa)* và bộ *Kinh Đại Phát Thú (Mahāpaṭṭhānapakāraṇa)*. Đối với bộ Kinh Tổng Hợp

Nội Dung Vô Tỷ Pháp, thì đó chỉ là bộ Kinh làm thành nền tảng của 7 bộ Kinh Tạng Vô Tỷ Pháp. Vì thế, việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp đây, mà nếu như chỉ chuyên học hỏi ở mỗi một bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp này không thôi, thế rồi việc liễu tri nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp và sự thấu hiểu ở trong Thực Tính Pháp cho được thậm thâm uyên bác, ắt hẳn không thể nào hiện hành như ý được. Một trường hợp khác nữa, đang khi học hỏi ở bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đây, thì bậc học giả cũng nên học hỏi luôn ở trong phần Chú Giải, Phụ Chú Giải cùng với cả phần Vấn – Đáp. Và lại, nếu như bậc học giả đã có sự hiểu biết ở trong hết cả 9 Chương của bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp này một cách tốt đẹp rồi, thì người ấy ắt hẳn có khả năng để nghiên cứu trong Tạng Vô Tỷ Pháp ở trình độ cao hơn, như có *Mẫu Đề Tam Pháp Tụ (Dhamma saṅginimātikā)* v.v. cho đến bộ Kinh Đại Phát Thụ quả là thuận lợi vô cùng. Một khi đã có sự hiểu biết trong các bộ Kinh ở trình độ bậc cao, thế rồi ắt hẳn sẽ có được sự liễu tri đến *Nghĩa Vị (Attharasa)*, và *Pháp Vị (Dhammarasa)* ở trong Phật Giáo, luôn cả còn có được *Sở Năng (Indriya)* bền vững kiên cường ở trong Phật Giáo, chẳng có run sợ nao núng ở trong kiếp hiện tại này và cả ở kiếp vị lai, cho suốt trọn đến chứng đạt được *Giải Thoát Vị (Vimuttirasa)*, thành tựu viên mãn *Tuệ Chánh Đẳng Giác (Sammāsambodhiñāṇa)*, *Tuệ Độc Giác (Paccekaḥbodhiñāṇa)*, và *Tuệ Thinh Văn Giác (Sāvakaḥbodhiñāṇa)* y theo sở nguyện của mình.

Giáo khoa thư giảng giải ở Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam đã được sắp xếp xuất bản lần thứ 4 này đây, là cũng nhờ vào năng lực tịnh tài từ ở tất cả các Học Viên, có cả hàng Tại Gia và Xuất Gia, đã hỗ trợ giúp đỡ với nhau trong việc kiến tạo lên các giáo khoa thư cho được làm thành số lượng phong phú.

Vì thế, Bản Đạo xin được *hoan hỷ tán thành (Anumodanā)* trong Tư Tác Ý Thiện của tất cả các Học Viên, và luôn cả với việc đóng góp tịnh tài để kiến tạo lên các giáo khoa thư này của các quý vị. Xin cho mãnh lực Tư Tác Ý Thiện của các quý vị đây, hãy ban phát hồng phúc đến cho tất cả từng mỗi quý vị được thành tựu viên mãn ở trong Giáo Pháp thanh tịnh của Đức Ngài Chánh Đẳng Giác.

Điều Lệ Tuân Hành Trong Việc Giảng Dạy Và Việc Học Hỏi

Tất cả các vị Giáo Thọ Tạng Vô Tỷ Pháp và các bậc học giả nên thấu hiểu điều lệ tuân hành của việc giảng dạy và việc học hỏi, như vậy:

+ Bậc Giáo Thọ giảng dạy cần phải tuân hành theo 10 điều cơ bản như tiếp theo đây:

1. Phải cho tất cả các học viên thực hiện việc đọc các bài học đây cho được ghi nhớ trước đi.
2. Bài học nào có phần đoạn văn Pāli và lời dịch thuật, thì cũng cần nên giải thích một cách tóm tắt các lời dịch thuật ấy từ ở đoạn văn Pāli ngữ này cho

các học viên được thấu hiểu, và phải cho các học viên đọc tới đọc lui một cách chuẩn xác cho đến nhuần miệng những phần Pàli ngữ từ các lời dịch thuật ấy.

3. Khi các học viên đã thực hiện việc đọc các bài học ấy một cách thật chuẩn xác rồi, thì cũng cần nên giải thích nội dung các bài học ấy cho các học viên được thấu hiểu rõ ràng.
4. Khi các học viên đã được lắng nghe lời giải thích rồi, thì cũng cần nên cho các học viên ấy đọc lại các lời đã được giải thích.
5. Nên tạo cơ hội cho đến với các học viên có được cơ hội vấn hỏi những ý nghĩa mà vẫn chưa được thấu hiểu.
6. Phải nêu lên các điều ẩn dụ trong những ý nghĩa mà các học viên đã vừa vấn hỏi vậy.
7. Tiếp nối từ đây, bảy giờ cũng cần nên đặt vấn đề vấn hỏi những ý nghĩa đang được giảng dạy, nhằm để cho tất cả các học viên sẽ giải đáp các vấn đề ấy. Khi các học viên vẫn chưa giải đáp trúng vấn đề đã được nêu lên, thì cũng cần phải hướng dẫn, chỉ bảo và giải thích các vấn đề ấy cho đến các học viên.
8. Về việc hướng dẫn chỉ bảo, thì cũng cần phải chỉ bảo đặc biệt chỉ ở trong các chuẩn mực đã được xác lập, không nên giải thích cho ra ngoài phạm vi của các nền tảng Giáo Pháp.
9. Phải nghiêm khắc dự phòng trong việc nêu ra câu hỏi chi tiết của các học viên, để ngăn ngừa không cho các học viên lấy các luận điểm ở ngoài đề tài đem ra để vấn hỏi.
10. Khi việc giảng dạy đã trải qua đủ một tuần, thì cũng cần phải đặt vấn đề đến với tất cả các học viên khoảng độ 10 điều ở trong bài học mà đã được giảng dạy suốt trọn một tuần lễ đấy; và cũng trong ngày đặt vấn đề đây, thì cũng cần ngưng việc giảng dạy khoảng độ 1 ngày.

Tất cả các Học Viên cũng cần phải tuân hành theo 10 điều cơ bản như tiếp theo đây:

1. Tất cả các học viên nên học thuộc lòng phần Pàli Ngữ trong lời dịch thuật và các nền tảng Giáo Pháp trọng yếu.
2. Tất cả các bài học phải đọc cho thật chuẩn xác cho đến nhuần miệng trước mặt vị Giáo Thọ.
3. Các lời giải thích mà đã được lắng nghe từ ở vị Giáo Thọ đã có giải thích, thì cũng nên ghi nhớ và đọc đi đọc lại các lời giải thích ấy một cách thật chuẩn xác.
4. Những vấn đề nào mà vẫn chưa được thấu hiểu một cách rõ ràng tường tận, thì cũng cần phải đem ra hỏi han mãi cho đến khi được đón nhận sự hiểu biết ở trong những ý nghĩa mà vẫn chưa được hiểu biết.

5. Phải cố gắng ghi chép lấy những cốt lõi Giáo Pháp trọng yếu, để sẽ đem ra mà suy xét kỹ lưỡng trong các nền tảng của Giáo Pháp.
6. Không nên đem các vấn đề chẳng có liên quan với môn học mà mình đang nghiên cứu học hỏi ra để vấn hỏi.
7. Tất cả các học viên chẳng nên chỉ ngồi lắng nghe và chỉ ghi chép không thôi, mà phải nên dùng miệng để nói trong sát na đang nghiên cứu học hỏi.
8. Khi đến thời lúc đặt vấn đề trong sát na mà tất cả các học viên đang nghiên cứu học hỏi ấy, thì trước hết tất cả các học viên nên cố gắng suy nghĩ kỹ lưỡng cho được thấu hiểu ở trong vấn đề đã vừa được nêu lên, rồi mới hăng trả lời.
9. Khi đã suy nghĩ kỹ lưỡng cho đến thấu hiểu ở trong vấn đề đã vừa được nêu lên rồi đó, rồi thì tất cả các học viên nên trả lời các vấn đề ấy, chẳng sợ sẽ phải trả lời trúng hoặc sai.
10. Khi đã bắt tay vào việc học rồi, thì tất cả phải nên học hỏi cho liên tục một cách tiệm tiến, nhằm để huân tập hết cả Ngũ Quyền ấy là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ cho khởi sinh lên già dặn và vững chắc.

Cuối cùng thì, Bản Đạo sẽ đem các kệ ngôn của tất cả các bậc *Hiền Trí (Paṇḍita)* đã có nói đến, để trình bày ở tại đây nhằm đem lại lợi ích đến với tất cả các vị Giáo Thọ và các Học Viên, nhằm để có được cơ hội thực hành theo những ý nghĩa ở trong các kệ ngôn này vậy.

Vinà hatthena lekhanam Mukhena paṭhanam vinà
Vinà cittaena jānanam Na attham ñāyate kadà

Bỏ qua việc học, bỏ qua việc đọc, và bỏ qua cả sự thấu hiểu; nhận thức được cả ba điều này rồi, thì đến khi nào người ấy sẽ có được sự hiểu biết nội dung bài học ? Chắc chắn là sẽ không thể nào thấu hiểu đến nội dung của bài học được.

Potthakesu ca yaṃ sippam Parahatthesu yaṃ dhanam
Yathà kicce samuppanne Na tam sippam na tam dhanam

Các học thuật thì hiện hữu ở trong kinh điển, tài sản thì hiện hữu ở trong nắm tay của người khác; một khi có hữu sự thiết yếu khởi sinh, thì các học thuật ấy cũng chẳng phải là kiến thức của mình, và các tài sản ấy cũng chẳng phải là tài sản của mình.

Rùpayobbanasampannà Visàlakulasambhavà
Vijjàhina na sobhante Niggandhà iva kiṃsukà

Người nào, cho dù có được sắc thân da dẻ hồng hào xinh đẹp đi nữa, và cho dù đã được sinh trong một gia tộc có tài sản của cải đi nữa; thế nhưng lại thiếu đi

tri kiến hiểu biết, thì cũng chẳng phải là hạng mỹ nhân ở trong hội chúng, và như thế được ví như một đóa hoa bạch kim xinh đẹp nhưng lại chẳng có hương thơm.

Paṇḍito sutasampanno Yattha atthi ce suto
Mahussàhena taṃ thànaṃ Gantabbam va sutesinà

Ở nơi nào mà có bậc Hiền Trí hội đủ tri kiến với cả ba Tạng, và một khi người mà có sự ưa thích tầm cầu về những tri kiến ấy đã được biết tin rồi, thì càng phải cố gắng để cho đến được chỗ trú xứ ấy.

Ganthe visàradaṃ chekaṃ Sotà seviya dullabham
Ganthavàcakamaçeraṃ Cakke vaḍḍhissate kamaṃ

Với bậc học giả đã hữu phúc duyên thì thường sẽ có được nương nhờ vào vị Giáo Thọ hội túc năng chuyên môn thông thạo ở trong cả ba Tạng chẳng chút khó khăn nào cả, và rồi nhất định sẽ tuần tự tăng tiến trên con đường *Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisàsanà)*, *Pháp Hành Truyền Bá (Paṭipattisàsanà)* và *Pháp Thành Viên Mãn (Pativedhasàsanà)*.

Nipune sutameseyya Vicinitva suttathiko
Bhattaṃ hukkhaliyaṃ pakkam Bhàjanepi tathà bhava

Bậc đã có nguyện vọng sẽ cho mình có được tri kiến của một bậc Hiền Trí, thì hãy nên thẩm sát một cách thận trọng, tinh tế, và hãy nên tìm kiếm và tích lũy tri kiến hiểu biết ở trong trú xứ của vị Giáo Thọ có Trí Tuệ sắc sảo tinh tường, điềm đạm và thận trọng với đủ khả năng sẽ truyền đạt lại tri kiến hiểu biết cho một cách hoàn hảo, cũng giống như cơm ở trong nồi đã được nấu chín đúng độ, thì cho dù múc bỏ vào đĩa cũng vẫn là cơm đã được nấu chín tới như nhau (còn nếu ở trong nồi đã không được nấu chín đúng độ, thì cho dù có xới bỏ vào đĩa cũng vẫn chưa chín tới vậy, và có thể là cơm sượng, hoặc gạo vẫn còn sống.)

Yo sisso sippalobhena Bahum ganhàti taṃ sippam
Mùgova supinaṃ passaṃ Kathetumpi na ussahe

Bậc học giả nào đã thực hiện việc học hỏi với lắm nhiều môn học thuật do bởi tham vọng có được nhiều kiến thức, bậc học giả đó sẽ không có khả năng để sẽ nói lại các môn học thuật ấy được, cũng ví như một người cầm đã nằm mộng mị chiêm bao, thế nhưng không có khả năng để sẽ kể lại cho người khác nghe được.

Màtukhiraṃ supayaṃso Thanamùlam nachindeyya
Satthusippam uggaṇhanto Satthudosaṃ titikkheyya

Trẻ thơ đang bú sữa của người Mẹ, cũng không nên làm hủy hoại nắm vú phải bị đứt lìa như thế nào, thì bậc học giả đã được thụ lãnh việc giáo dục huấn tập

của bậc Thầy Giáo Thọ, cũng nên kham nhẫn đối với những ngôn từ bảo ban của vị Thầy Giáo Thọ, và cũng không nên oán thù hằn như thế đó.

-----00000-----

PHI LỘ

(của Ngài Đại Trưởng Lão *Tịnh Sự*)

Chúng tôi phiên dịch Tạng Vô Tỷ Pháp (Tạng Diệu Pháp) cũng không ngoài ra Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

Chỉ về Hữu Vi cho chúng ta thấy rõ Vô Thường, Khổ Nãi và Vô Ngã để làm bàn đạp, qua rồi mới hoàn toàn rốt ráo thật tự nhiên, nêu danh là Níp Bàn (*Nibbàna*) không Luân Hồi Sanh Tử chi cả.

Nhưng chúng ta muốn hiểu thấu, Đắc Chứng chắc phải nhờ Học Hành đầy đủ, hầu tránh khỏi sai lầm và mê tín.

Vì thế nên chúng tôi cố gắng đem lời kinh nghiệm uyển chuyên rất nhiều lần đa cách.

Nay in ra để giúp Quý Bạn đồng tìm.

Mong lợi ích kiên thức cùng nhau tiến hóa.

Santakicco Mahà Thera

(Ngài Đại Trưởng Lão *Tịnh Sự*)

-----00000-----

VÔ TỶ PHÁP TẠNG THI TẬP

Tạng Diệu Pháp Phật Đà tự thuyết,
Tại Cung Trời Đạo Lợi thưở xưa,
Kỷ Mão theo Âm Lịch mới vừa,
Trước Dương Lịch sáu trăm sáu chục,
Nói ba tháng chín mươi ngày đủ,
Hàng Chư Thiên đắc Đạo khắp cùng.
Cả tám trăm triệu chẳng thông dung,
Phân ra sắp đặt thành bảy Bộ.
Pháp tính cộng thành ra môn số,
Đặng bốn muôn lại với hai ngàn.
Kể nêu ra từ Bộ rõ ràng,
Cho dễ nhớ kiếm tìm nghiên cứu.
Pháp Tự Luận bắt đầu gom tựu,
Thuyết trong vòng thập nhị nhựt rồi,
Đặng Pháp môn ngàn với ba trăm,

Đắc Đạo Quả bảy mươi số triệu,
Phân Tích Luận thứ hai khác kiêu,
Nói như là đồng trước thì giờ,
Tính Pháp môn nhiều cũng hơn sơ,
Sáu ngàn với năm trăm đầy đủ,
Thiên Đắc Quả bảy kinh số cụ,
Bộ thứ ba **Chát Ngữ** sáu ngày
Pháp bảy thiên trọn chẵn đủ đây.
Sáu chục triệu Chư Thiên chứng Quả.
Nhân Chế Định thứ tư Luận tủa,
Nói sáu ngày Pháp cả năm ngàn,
Vớ sáu trăm giúp đặng hoàn toàn.
Bậc chứng Quả sáu mươi triệu chẵn.
Ngữ Tông Luận mười hai ngày đặng,
Pháp bảy ngàn lại với một trăm.
Thất kinh đắc Đạo Quả cao thâm.
Bộ thứ sáu gọi là **Song Luận**
Thuyết mười tám ngày rồi cũng xứng.
Đặng năm ngàn một bách Pháp môn,
Đủ đầy cộng bảy chục triệu người,
Đắc Đạo Quả Chư Thiên cả thầy.
Đại Thú Luận chót sau thứ bảy,
Hăm ba ngày Phật thuyết mới rồi.
Đặng chín ngàn tứ bách Pháp môn,
Bốn trăm triệu Chư Thiên thành tựu.

-----00000-----

Người nào tự kiếm sự an vui,
Ép uổng tha nhân phải ngậm ngùi,
Dùng cách lẩn quyền cho thỏa dạ,
Sau này chuyển kiếp chẳng còn vui !

Nếu ai tự kiếm sự an vui,
Chẳng để tha nhân phải ngậm ngùi,
Không chút làm cho người phải khổ,
Sau này chuyển kiếp vẫn còn vui.

Santakicco Mahà Thera
(Ngài Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự**)

**TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỬ PHÁP
TẬP IV - CHƯƠNG THỨ VI**

RÙPAPARAMMATTHA – SẮC PHÁP SIÊU LÝ

Ettàvatà vibhattà hi sappabhedappavattikà Cittacetāsikā dhammā rūpaṃ dāni pavuccati. Samuddesā vibhāgā ca samuṭṭhānā kalāpato pavattikkamato cāti pañcadhā tattha saṅgaho.

Từ trước cho đến tại đây, đã có phân tích về các Pháp Tâm và Tâm Sở theo những phân loại và các diễn tiến sinh khởi. Bây giờ, xin đề cập đến Sắc Pháp. Phần Tổng Hợp về các Sắc Pháp gồm có năm Phần là: Tổng Luận, Phân Tích, Xuất Sinh Xứ, Tổng Hợp Sắc Pháp, và Phương Thức Chuyển Khởi.

[**Chú thích:** Từ trước cho đến tại đây là ý nói về năm Chương đầu (I – V) của bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tử Pháp đã có đề cập đến các Tâm (89 hoặc 121 *Citta*) và các Tâm Sở (52 *Cetasikā*). Theo những phân loại là ý chỉ cho Chương thứ I, II và III đã phân tích các loại Tâm và Tâm Sở một cách đầy đủ chi tiết và rõ ràng. Các diễn tiến sinh khởi là ý chỉ cho Chương thứ IV đã đề cập đến 7 loại Lộ Trình của Tâm trong khi còn đang hiện sinh, và vào thời tái tục; và Chương thứ V đã đề cập đến 31 Cõi Giới, phương thức phân loại các Nghiệp Lực cùng với các diễn tiến của tâm thức trong lúc cận tử lâm chung, và tục sinh. Chương thứ VI chủ yếu đề cập đến hai Phần, là *Sắc Siêu Lý (Rūpaparamattha)* và *Níp Bàn Siêu Lý (Nibbānaparamattha)*]

Việc trình bày *Tổng Hợp (Saṅgaha)* Sắc Pháp ở trong Chương thứ VI nói về Sắc Siêu Lý đây, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã có trình bày làm thành 5 Phần, là:

1. **Phần Tổng Luận Sắc Pháp (Rūpasamuddesanaya):** Việc trình bày Sắc Pháp một cách tóm tắt (*Saṅkhepa – Tóm Luận*).
2. **Phần Phân Tích Sắc Pháp (Rūpavibhāganaya):** Việc phân tích Sắc Pháp một cách đầy đủ chi tiết.
3. **Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp (Rūpasamuṭṭhānanaya):** Việc trình bày xuất sinh xứ của Sắc Pháp.
4. **Phần Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpanaya):** Việc trình bày Sắc Pháp sinh khởi theo từng nhóm bợn.
5. **Phần Phương Thức Chuyển Khởi Sắc Pháp (Rūpapavattikamanaya):** Việc trình bày sự sinh khởi cùng với sự diệt mất của Sắc Pháp theo phương thức trình tự.

[**Chú thích:** Hai mươi tám loại Sắc Pháp đã được liệt kê. Sắc là chi, khởi sinh lên do bởi nguyên nhân nào, sinh khởi và diệt mất ra sao, cũng đã được giải thích rõ ràng với đầy đủ chi tiết. Sắc Pháp (*Rūpa*) là Pháp Siêu Lý thứ ba đã được

đề cập đến ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp; và cũng là một trong hai thành phần hình thành cái được gọi là Chúng Hữu Tình với thành phần thứ nhất, đó là Danh Pháp (*Nàma*). Cũng như ở phần tâm linh là Danh Pháp (*Nàma*), phần cơ thể vật chất là Sắc Pháp (*Rùpa*) cũng đã được phân tích một cách rất tỷ mỉ. Tuy nhiên không có một định nghĩa nào hợp lý để cho từ ngữ Sắc Pháp mang đầy đủ ý nghĩa ở trong các Kinh điển, cũng như ở trong các phần Chú Giải và Phụ Chú Giải.

Từ ngữ *Rùpa* xuất nguyên từ ngữ căn “*Rup*” là “*tan vỡ, phân tán, hoặc hoại diệt*”. Theo bộ *Phụ Chú Giải Phân Tích (Vibhàviniṭṭhà)*, *Rùpa* là Pháp có đặc tính biến đổi thay hình đổi dạng, hoặc có một hình thể khác do tác động bởi những điều kiện vật lý nghịch chiều như nóng, lạnh, v.v. (*Sìtoṇhàdi virodhippaccaeyehi vikàraṃ àpajjati*). Theo quan điểm Phật Giáo, Sắc Pháp không những luôn luôn biến đổi mà cũng có tính chất hoại diệt (*Khaya, vaya*). Sắc Pháp chỉ tồn tại duy nhất ở trong khoảnh khắc của 17 sát na Tâm. Sắc Pháp biến đổi rất mau lẹ, đến nỗi các nhà Chú Giải Sư đã nói rằng “*không thể gỡ được hai lần đứng ngay vào một nơi!*”. Sắc Pháp cũng còn được giải thích là Pháp tự biểu hiện (do từ ngữ căn “*rup*” – *pakàsane*).

Các nhà học giả có những gợi ý khác nhau về ý nghĩa của Sắc Pháp. Danh từ này thường được phiên dịch là “*hình tướng, thân thể, phần vật chất, cơ thể vật chất, v.v.*”. Tùy theo trường hợp, và tùy theo ở những đoạn văn, tuy nhiên cũng không có một ý nghĩa đặc biệt chuẩn xác cho tất cả mọi trường hợp. Theo quan điểm về Triết Học, “*phần vật chất hoặc Sắc Pháp*” mang ý nghĩa gần gũi nhất với từ ngữ *Rùpa*, mặc dầu các nhà khoa học cũng cảm thấy khó mà tìm ra một định nghĩa thật chuẩn xác cho từ ngữ này.

Cũng nên ghi nhận rằng lý thuyết về nguyên tử rất thịnh hành ở ngay đất nước Ấn Độ vào thời kỳ của Đức Phật. Từ ngữ *Paramàṇu* (*Cực Vi Trần*) là một từ ngữ có thể tương đương với từ ngữ “*Nguyên Tử*” của thời hiện đại này. Theo sự tin tưởng ở thời bấy giờ, một *Rathareṇu* (*Bụi Trần*) gồm có 36 *Tajjàrì*, một *Tajjàrì* bằng 36 *Aṇu*, một *Aṇu* (một phần tử cực nhỏ, cực vi tế) bằng 36 *Paramàṇu*. Một hạt bụi nhỏ xíu vờn vờ ở trong làn ánh sáng, được gọi là một *Rathareṇu* (*Bụi Trần*). Như vậy, một *Paramàṇu* bằng 1/ 46,656 của một *Rathareṇu*, và như thế, *Paramàṇu* này được xem như không thể còn phân chia được nữa.

Với Tuệ Nhãn siêu phàm của Đức Phật đã phân tích cái gọi là *Paramàṇu* ấy, và lập ý khái thuyết rằng bao gồm các *Pháp Siêu Lý (Paramattha)* những đơn vị cùng tột, không còn có thể phân chia thêm nữa. Những Pháp Siêu Lý ấy, là *Đất Tố Chất (Paṭhavìdhātu)*, *Thủy Tố Chất (Àpodhātu)*, *Hỏa Tố Chất (Tejodhātu)* và *Phong Tố Chất (Vâyodhātu)*; và không nên hiểu rằng các Tố Chất này là đất, nước, lửa và gió thông thường.]

**PHẦN THỨ NHẤT:
PHẦN TỔNG LƯỢC SẮC PHÁP
(RÙPASAMUDESANAYA)**

(Việc trình bày Sắc Pháp một cách tóm tắt)

Cattàri mahàbhùtāni catunnaṃ ca mahàbhùtānaṃ upādāya rūpaṃ ti dvidhampetaṃ rūpaṃ ekādasavidhena saṅgahaṃ gacchati. Kathaṃ ?

Pathavidhātu, àpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu bhūtarūpaṃ nāma. Cakkhu, sotāṃ, ghānaṃ, jivhā, kāyo pasādarūpaṃ nāma. Rūpaṃ, saddo, gandho, raso, àpodhātuvajjitaṃ bhūtattayasāṅkhātāṃ phoṭṭhabbaṃ ca gocaraarūpaṃ nāma. Itthattaṃ, purisattaṃ bhāvarūpaṃ nāma. Hadayavatthu hadayarūpaṃ nāma. Jīvitindriyaṃ jīvitarūpaṃ nāma. Kabalikāro àhāro àhārarūpaṃ nāma. Iti ca aṭṭhārasavidhampetaṃ sabhāvarūpaṃ salakkhaṇa rūpaṃ nipphannarūpaṃ rùparūpaṃ, sammāsana rūpaṃ ti ca saṅgahaṃ gacchati. Àkāsadhātu paricchedarūpaṃ nāma. Kāyaviññatti vacivññatti viññattirūpaṃ nāma. Rùpassa lahutà mudutà kammaññatà viññattidvayaṃ vikārarūpaṃ nāma. Rùpassa upacayo santati jaratà aniccataṃ lakkhaṇarūpaṃ nāma. Jātirūpameva panettha upacayasantatināmena pavuccāti ti ekādasa vidhampetaṃ rūpaṃ aṭṭhavisatividhaṃ hoti sarūpavasena.

Sắc Pháp có hai thành phần chủ yếu, là Tứ Đại Hiện (**Mahàbhùtā**); và những 24 Sắc Pháp do Tứ Đại Hiện tạo thành, gọi là Sắc Y Sinh (**Udāyarūpa**). Hai thành phần này gồm có 28 Sắc Pháp, và chia ra 11 thể loại. Như thế nào ?

Địa Tố Chất, Thủy Tố Chất, Hỏa Tố Chất, Phong Tố Chất; gọi tên là **Sắc Đại Hiện**. Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân; gọi tên là **Sắc Thanh Triệt**. Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc (ở trong ba Tố Chất câu hành, trừ Thủy Tố Chất ra); gọi tên là **Sắc Thông Hành Cảnh**. Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính; gọi tên là **Sắc Bản Tính**. Ý Vật (trái tim); gọi tên là **Sắc Tâm Cơ**. Mạng Quyên gọi tên là **Sắc Mạng Quyên**. Đoàn Thực gọi tên là **Sắc Vật Thực**. Như thế, 18 loại Sắc Pháp đã được phân loại theo Hữu Thực Tính cố hữu của Sắc Pháp, theo Hữu Thực Tướng đặc trưng của Sắc Pháp, đã được sở tạo do bởi nhân duyên, hằng luôn chịu sự biến đổi hoại diệt, và có khả năng thích nghi cho việc tư duy quán tưởng.

Không Giới Tố Chất gọi tên là **Sắc Hạng Giới**. Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri; gọi tên là **Sắc Biểu Tri**. Kinh Khoái, Nhu Nhuyển, Thích Sự, hai Sắc Biểu Tri; gọi tên là **Sắc Biến Thể**. Tích Trữ, Thừa Kế, Lão Mại, Vô Thường; gọi tên là **Sắc Thực Tướng**. Tại đây, đặc tính của Tích Trữ và Thừa Kế, cũng được gọi là **Sinh Khởi Sắc**, với ý nghĩa là hiện tượng khởi sinh của Sắc Pháp. Như vậy, 11 thể loại của Sắc Pháp đã được xem như là 28 Sắc Pháp, tùy theo từng đặc tính cá biệt cố hữu của Sắc Pháp.

Katham ? Bhùtappasàdavisayà bhàvo hadayamiccapi jìvitàhàrarùpehi aṭṭhàrasa vidham tathà. Paricchedo ca viññatti vikàro lakkhaṇanti ca anipphannà dasa càti aṭṭhavisadham bhava. Ayamettha rùpasamuddeso.

Như thế nào (là 28) ? Như vậy, tóm lại có tất cả là 28 Sắc Pháp, gồm Tứ Sắc Đại Hiện, Ngũ Sắc Thanh Triệt, Tứ Sắc Thông Hành, Nhị Sắc Bản Tính, Nhất Sắc Ý Vật, Nhất Sắc Mạng Quyền, và Nhất Sắc Vật Thực; cộng lại có 18 Sắc Thành Sở Tác. Lại thêm, 10 Sắc Phi Thành Sở Tác, ấy là Nhất Sắc Hạn Giới, Nhị Sắc Biểu Tri, Tam Sắc Biến Thể, và Tứ Sắc Thực Tướng.

Trên đây là Phân liệt kê Tổng Lược tất cả các Sắc Pháp.

-----0000-----

CHÌA KHÓA

- + Sắc Pháp (**Rùpa**) có 28, là:
 - + Sắc Thành Sở Tác có 18
 - + Sắc Phi Thành Sở Tác có 10
- } gom thành 28
- 18 Sắc Thành Sở Tác, là:
- Sắc Đại Hiện 4
 - Sắc Thanh Triệt 5
 - Sắc Thông Hành 7 hoặc 4
 - Sắc Bản Tính 2
 - Sắc Tâm Cơ 1
 - Sắc Mạng Quyền 1
 - Sắc Vật Thực 1
- } gom thành 18
- 10 Sắc Phi Thành Sở Tác, là:
- Sắc Hạn Giới 1
 - Sắc Biểu Tri 1
 - Sắc Biến Thể 5 hoặc 3
 - Sắc Thực Tướng 4
- } gom thành 10

1. Tứ Sắc Đại Hiện, là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.
2. Ngũ Sắc Thanh Triệt, là: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.
3. Thất Sắc Thông Hành, là: Sắc Cảnh, Thính Cảnh, Khí Cảnh, Vị Cảnh, Địa Xúc Cảnh, Hỏa Xúc Cảnh, Phong Xúc Cảnh.
4. Nhị Sắc Bản Tính, là: Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính.
5. Nhất Sắc Tâm Cơ, là: Ý Vật.
6. Nhất Sắc Mạng Quyền, là: Mạng Quyền.

7. Nhất Sắc Vật Thực, là: Đoàn Thực.
8. Nhất Sắc Hạn Giới, là: Không Giới Tổ Chất (còn gọi là Sắc Giao Giới).
9. Nhị Sắc Biểu Tri, là: Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.
10. Ngũ Sắc Biến Thể, là: Khinh Khoái, Nhu Nhuyễn, Thích Sự, Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.
11. Tứ Sắc Thực Tướng, là: Tích Trữ, Thừa Kế, Lão Mại, Vô Thường.

Như kệ ngôn Tổng Hợp ở trong bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã có trình bày rằng:

Bhùtappasàdavisayà Bhàvo hadayamiccapi
Jivitàhàrarùpehi Aṭṭhàrasa vidham tathà
Paricchedo ca viññatti Vikàro lakkhaṇanti ca
Anipphannà dasa càti Aṭṭhavisadham bhava

28 Sắc Pháp ấy, khi liệt kê theo Phân Phân Loại thì có được 2 Đại Phân Loại, và 11 Tiểu Phân Loại.

+ **2 Đại Phân Loại, là:**

1. 18 Sắc Thành Sở Tác,
2. 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.

+ **11 Tiểu Phân Loại, là:**

1. Sắc Đại Hiện	4	}	gom 18 Sắc này gọi tên là Sắc Thành Sở Tác
2. Sắc Thanh Triệt	5		
3. Sắc Thông Hành	7 hoặc 4		
4. Sắc Bản Tính	2		
5. Sắc Tâm Cơ	1		
6. Sắc Mạng Quyền	1		
7. Sắc Vật Thực	1		
8. Sắc Hạn Giới	1	}	gom 10 Sắc này gọi tên là Sắc Phi Thành Sở Tác
9. Sắc Biểu Tri	2		
10. Sắc Biến Thể	5 hoặc 3		
11. Sắc Thực Tướng	4		

Trong số lượng 28 Sắc ấy, tính kể từ Sắc Đại Hiện cho đến Sắc Vật Thực, và khi gom 18 Sắc này lại, thì một cách xác thực chính là *Chân Sắc Siêu Lý*. Còn 10 Sắc Pháp còn lại, được tính kể từ Sắc Hạn Giới cho đến Tứ Sắc Thực Tướng, thì một cách xác thực đầy chẵn phải là *Chân Sắc Siêu Lý*, mà là loại Sắc Đặc Biệt được sinh khởi ở trong 18 Chân Sắc Siêu Lý ấy, gọi là *Ngụy Sắc Chân Lý*.

Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới đặt tên cho 18 Chân Sắc Siêu Lý ấy, bao gồm với 5 tên gọi, ấy là:

1. **Sắc Thực Tính (Sabhàvarùpa):** là từng mỗi Sắc có thực tính của mình.
2. **Sắc Thực Tướng (Salakkhaṇarùpa):** là từng mỗi Sắc có thực tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã.
3. **Sắc Thành Sở Tác (Nippannarùpa):** là Sắc sinh khởi từ ở nơi Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực.
4. **Sắc Sắc (Rùparùpa):** là Sắc có việc biến đổi hoại diệt.
5. **Sắc Tư Duy (Sammāsanarùpa):** là Sắc để cho bậc Hành Giả thâm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Còn đối với 10 Sắc mà chẳng phải là Chân Sắc Siêu Lý ấy, thì có tên gọi đối nghịch lại như vậy:

1. **Sắc Phi Thực Tính (Asabhàvarùpa):** là từng mỗi Sắc chẳng có thực tính của mình.
2. **Sắc Phi Thực Tướng (Asalakkhaṇarùpa):** là Sắc chẳng có thực tướng về Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.
3. **Sắc Phi Thành Sở Tác (Anippannarùpa):** là Sắc chẳng phải sinh khởi từ ở nơi Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực.
4. **Sắc Phi Sắc (Arùparùpa):** là Sắc chẳng có việc biến đổi hoại diệt.
5. **Sắc Phi Tư Duy (Asammāsanarùpa):** là Sắc làm cho bậc Hành Giả không thể thâm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã được.

Sắc Pháp có số lượng là 28, và được phân chia ra thành 2 thể loại, ấy là:

1. Sắc Đại Hiện (Mahàbhūtarùpa) 2. Sắc Y Sinh (Upàdāyarùpa)

1. Sắc Đại Hiện lập ý đến Sắc làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng, như có câu Chú Giải trình bày rằng: *“Upàdinnànupàdinnasantānesu salakkhaṇato sasambhārato ca mahantāni hutvā bhavanti pātubhavantīti = Mahàbhūtāni”*- “Những thể loại Sắc nào làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng bởi theo thực tính của mình, và bởi theo hình trạng của mình, ở trong bản tính của vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng; vì thế, những thể loại Sắc ấy gọi tên là Sắc Đại Hiện.”

2. Sắc Y Sinh lập ý đến Sắc nương nhờ vào Sắc Đại Hiện mà sinh khởi, như có câu Chú Giải trình bày rằng: *“Mahàbhūtānaṃ upàdāya pavattaṃ rūpaṇi = Upàdāyarūpaṃ”*- “Sắc được sinh khởi bởi do nương vào Sắc Đại Hiện, vì thế Sắc ấy mới gọi tên là Sắc Y Sinh.”

- Sắc Đại Hiện có 4, là: 1/. Địa, 2/. Thủy, 3/. Hỏa, 4/. Phong.

- Sắc Y Sinh có 24, là: 1/. Nhãn, 2/. Nhĩ, 3/. Tỷ, 4/. Thiệt, 5/. Thân, 6/. Sắc, 7/. Thính, 8/. Khí, 9/. Vị, 10/. Nữ Giới Tính, 11/. Nam Giới Tính, 12/. Ý Vật, 13/. Mạng Quyên, 14/. Vật Thực, 15/. Hạng Giới, 16/. Thân Biểu Tri, 17/. Ngũ Biểu Tri, 18/. Kinh Khoái, 19/. Nhu Nhuyễn, 20/. Thích Sự, 21/. Tích Trữ, 22/. Thừa Kế, 23/. Lão Mai, 24/. Vô Thường.

Kết hợp 4 Sắc Đại Hiện và 24 Sắc Y Sinh thành 28 Sắc Pháp.

[**Chú thích:** + *Tứ Sắc Đại Hiện (Mahabhùtārùpà)* theo ý nghĩa của từng từ ngữ, là các Pháp trở nên to lớn, hình thành to lớn. Tứ Sắc Đại Hiện là những thành phần căn bản của Sắc Pháp, luôn luôn dính liền với nhau, và không thể tách rời xa nhau. Mọi vật thể, cho dù cực vi tế cho đến cực cự đại đi nữa, từ cực vi trần cho đến núi cao, cũng đều phải do bởi bốn Tố Chất có đặc tính cá biệt ấy hợp thành.

+ 24 *Sắc Y Sinh (Upàdàyarùpà)* này có đặc tính chuyển hóa, hoặc có đặc tính phụ thuộc của Sắc Pháp tùy theo Tứ Sắc Đại Hiện. Như mặt đất là thành phần chánh yếu, y sinh hoặc chuyển hóa giống như cây cối từ đó được mọc lên.]

Chi Pháp Của 28 Sắc Pháp

1. *Địa (Pathavi):* tức là Sắc cứng và mềm.
2. *Thủy (Àpo):* tức là Sắc chảy lan ra hoặc quén tụ lại.
3. *Hỏa (Tejo):* tức là Sắc lạnh và nóng.
4. *Phong (Vayo):* tức là Sắc căng phồng và chuyển động.
5. *Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasàda):* tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Sắc.
6. *Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasàda):* tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Thính.
7. *Tỷ Thanh Triệt (Ghànapasàda):* tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Khí.
8. *Thiệt Thanh Triệt (Jivhàpasàda):* tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Vị.
9. *Thân Thanh Triệt (Kàyapasàda):* tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Xúc.
10. *Cảnh Sắc (Rùpàrammaṇa):* tức là các sắc màu.
11. *Cảnh Thính (Saddàrammaṇa):* tức là các âm thanh.
12. *Cảnh Khí (Gandhàrammaṇa):* tức là các khí hơi.
13. *Cảnh Vị (Rasàrammaṇa):* tức là các mùi vị.
14. *Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbàrammaṇa):* tức là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, lỏng.
15. *Nữ Giới Tính (Itthibhàva):* tức là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nữ giới.

16. *Nam Giới Tính (Purisabhàva)*: tức là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nam giới.
 17. *Tâm Cơ (Hadaya)*: tức là Sắc sinh trú ở trong trái tim, và làm thành chỗ nương sinh của tất cả Tâm và Tâm Sở.
 18. *Mạng Quyền (Jivita)*: tức là Sắc gìn giữ bảo hộ tất cả các Sắc Nghiệp.
 19. *Vật Thực (Àhàra)*: tức là Sắc dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi.
 20. *Hạn Giới (Pariccheda)*: tức là Không Giới Sắc xen vào giữa bốn Tổng Hợp Sắc này với bốn Tổng Hợp Sắc kia (còn gọi là Sắc Giao Giới).
 21. *Thân Biểu Tri (Kàyaviññatti)*: tức là các hoạt động của xác thân.
 22. *Ngữ Biểu Tri (Vaciviññatti)*: tức là các hoạt động của lời nói.
 23. *Khinh Khoái (Lahutà)*: tức là sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác.
 24. *Nhu Nhuyễn (Mudutà)*: tức là sự mềm mỏng của Sắc Thành Sở Tác.
 25. *Thích Sự (Kammaññatà)*: tức là sự thích dụng đối với sự việc của Sắc Thành Sở Tác.
 26. *Tích Trữ (Upacaya)*: tức là sự sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần sau sau đó cho đến tròn đủ Sắc cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác.
 27. *Thừa Kế (Santati)*: tức là sự sinh khởi nối tiếp nhau của Sắc Thành Sở Tác cho đến tử vong.
 28. *Lão Mại (Jaratà)*: tức là sự lão mại già nua của Sắc Thành Sở Tác.
 29. *Vô Thường (Aniccatà)*: tức là sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác.
- + **Ghi chú:** Đối với *Cảnh Xúc*, chính là *Địa, Hỏa, Phong* ở phần Sắc Đại Hiện ấy vậy, vì thế, nếu tính Sắc Pháp lần lượt theo thứ tự thì chỉ có số lượng là 28.

Sinh Trú Của 28 Sắc Pháp Ở Trong Cơ Thể Loài Hữu Tình

Ở trong cơ thể của tất cả Chúng Hữu Tình thì thường có thể thâm sát tìm thấy từng mỗi sinh trú của 28 Sắc Pháp, như tiếp theo đây:

1. Tứ Sắc Đại Hiện sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
 2. Nhãn Thanh Triệt sinh trú ở trong con mắt.
 3. Nhĩ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ tai.
 4. Tỷ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ mũi.
 5. Thiệt Thanh Triệt sinh trú ở cái lưỡi.
 6. Thân Thanh Triệt sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
 7. Cảnh Sắc
 8. Cảnh Thinh
 9. Cảnh Khí
 10. Cảnh Vị
 11. Cảnh Xúc
- } sinh trú ở trong khắp cả cơ thể

12. Nữ Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nữ giới.
 13. Nam Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nam giới.
 14. Tâm Cơ sinh trú ở trong Sắc Trái Tim.
 15. Mạng Quyên
 16. Đoàn Thực
 17. Sắc Không Giới
- } sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
18. Thân Biểu Tri sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
 19. Ngũ Biểu Tri sinh trú ở nơi miệng.
 20. Tam Sắc Biên Thể sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
 21. Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

Giải Thích Trong Thực Tính – Thực Tướng Của 28 Sắc Pháp

TỨ SẮC ĐẠI HIỀN (Mahàbhùtarùpa 4)

1. Địa (Pathavi): là một thể loại *Tổ Chất (Dhātu)* gọi với nhau là *Địa Tổ Chất (Pathavidhātu – Địa Giới)*, có *Đặc Tính Cương Kiện (Kakkhaḷalakkhaṇa)* nghĩa là khi đem so sánh Địa Tổ Chất với ba Sắc Đại Hiền còn lại thì Địa Tổ Chất có đặc tính cứng rắn. Nếu như bất luận vật thể nào có nhiều Địa Tổ Chất làm trưởng trội, thì đặc tính cứng rắn này cũng được hiện bày một cách mạnh mẽ, như là sắt, đá, cây cối, v.v. Và nếu như bất luận vật thể nào chỉ có Địa Tổ Chất với số lượng ít ỏi, thì đặc tính cứng rắn ấy cũng không có hiện bày mạnh mẽ được. Và khi tiếp xúc đụng chạm thì có cảm giác với một trạng thái mềm mại, có nghĩa là sự cứng rắn ấy chỉ có chút ít và khi ngồi lên mới có được một cảm giác mềm mại được. Do vậy, Pháp chủng mà có đặc tính cứng hoặc mềm trong khi đã tiếp xúc đụng chạm, đều đã được liệt kê thành Địa Tổ Chất hết cả thảy; vì lẽ loại trừ Địa Tổ Chất này ra, thì tất cả các Sắc Pháp khác không có khả năng làm cho có được cảm giác cứng hoặc mềm, hiện bày lên đối với việc tiếp xúc đụng chạm ấy được.

Lại nữa, Địa Tổ Chất này là chỗ nương nhờ, chỗ nương trú của tất cả các Sắc Pháp khác, cũng tương tự như mặt nền đất với các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng vậy. Có nghĩa là loại trừ Địa Tổ Chất này ra, thì sắc thân hình dạng, da dẻ phủ sắc, suốt cho đến mọi sự cảm giác khác, tức là những thể loại Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Hỏa Xúc, Cảnh Phong Xúc này đây, cũng không thể nào hiện bày lên được. Như có câu Chú Giải đã nói rằng: **“Sahajàtarùpàni pathanti patitṭhahanti etthàti = Pathavi”**- **“Tất cả các Sắc Pháp cùng cấu sinh với nhau thường an trú ở trong Pháp chủng ấy, bởi do thế, Pháp chủng làm chỗ nương nhờ, làm chỗ nương trú của tất cả những Sắc cùng cấu sinh ấy, mới gọi tên là Địa Tổ Chất.”**

[**Chú thích:** Từ ngữ *Dhātu* có nghĩa là Tổ Chất, hoặc nguyên tố là từ ngữ tương đương gần nhất với *Dhātu*. Từ ngữ *Pathavi* còn được viết là *Pathavi* xuất

nguyên với ngữ căn **“Puth”** nghĩa là duỗi ra, dẫn ra, trương ra, hoặc nói rộng ra. Kết hợp hai từ ngữ này lại thành **Pathavidhātu** có nghĩa là **Địa Tố Chất**; được gọi như vậy, vì cũng như mặt đất, Địa Tố Chất này có chức năng nâng đỡ, làm nền tảng cho ba Tố Chất khác đồng sinh khởi. Thực tính cố hữu của Địa Tố Chất là cứng và mềm. Theo các nhà Chú Giải nói rằng *“không có Địa Tố Chất này, thì một vật thể không có thể choán được một chỗ nào ở trong không gian”*. Đặc tính cứng hay mềm, thuần túy tương đối, là hai điều kiện của Tố Chất cá biệt này. Có thể nói rằng Tố Chất này ở trong đất, nước, lửa và trong gió. Ví như nước ở phần dưới nâng đỡ nước ở phần trên. Chính Tố Chất có đặc tính duỗi ra này, kết hợp với Tố Chất có đặc tính chuyển động (**Vāyo**) đã tạo nên áp lực đẩy lên, đã nâng đỡ phần nước ở trên. Nóng hay lạnh là đặc tính thuộc **Hỏa Tố Chất (Tejodhātu)**. Còn chảy lỏng và quên tụ là đặc tính thuộc **Thủy Tố Chất (Āpodhātu)**.]

2. Thủy (Āpo): là một thể loại Tố Chất, gọi với nhau là **Thủy Tố Chất (Āpo dhātu – Thủy Giới)** có đặc tính rò rỉ chảy lan ra hoặc quên tụ lại (**Paggharaṇa lakkaṇa** hoặc **Ābandhanalakkaṇa**). Thủy Tố Chất này, nếu như hiện hữu với số lượng nhiều ở trong bất luận vật thể nào đi nữa, thì thường làm cho chảy lỏng và rò rỉ lan ra. Nếu như có số lượng ít thì sẽ làm cho các vật thể ấy quên tụ lại thành đông, thành khối cục; cũng ví như nhựa mủ có khả năng kết nối các vật thể dính vào nhau thành đông, thành khối cục như thế nào; thì Thủy Tố Chất cũng tương tự như một nhựa mủ có khả năng kết nối Địa Tố Chất cho quên tụ vào nhau tạo thành xác thân hình dạng như thế ấy.

Trong một vật thể mà Thủy Tố Chất khởi sinh đã có số lượng nhiều hơn Địa Tố Chất, thì chính với mãnh lực của Thủy Tố Chất ấy đã làm cho Địa Tố Chất có số lượng ít oi, mới làm thành tác nhân cho vật thể ấy mềm nhũn đi, và có khả năng chảy lan ra như thể là nước vậy. Khi ta nhìn thấy được nước ấy đang chảy lan ra, là cũng do có nhiều Thủy Tố Chất, và ít Địa Tố Chất. Một khi Địa Tố Chất đã ít đi, thì chính Địa Tố Chất ấy là người mềm nhũn do bởi Thủy Tố Chất là người làm cho mềm nhũn vậy, và chẳng phải Thủy Tố Chất mềm nhũn như là ta đã có sự hiểu biết với nhau đâu. Vì lẽ Thủy Tố Chất là một Tố Chất chẳng phải được nhìn thấy bằng mắt, hoặc được tiếp xúc bằng thân, mà chỉ có được biết bằng Tâm mà thôi. Và ở trong một vật thể có số lượng Thủy Tố Chất ít hơn Địa Tố Chất, v.v. thì mãnh lực của Thủy Tố Chất cũng làm cho Địa Tố Chất ấy quên tụ vào nhau thành đông, thành khối cục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Āpeti saḥajātarūpesu byāpetvā tiṭṭhatīti = Āpo”**- *“Pháp chủng nào thường trải rộng ra và thấm sâu khắp cả ở trong Sắc cùng câu sinh với mình, và rồi ẩn trú ở trong những Sắc ấy, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thủy Tố Chất.”*

Một trường hợp khác nữa: **“Appayāti saḥajātarūpāni suṭṭhu brūheti vadḍhatīti = Āpo”**- *“Pháp chủng nào làm cho tất cả các Sắc cùng câu sinh với mình được tăng trưởng lên một cách tốt đẹp, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thủy Tố Chất.”*

Một trường hợp khác nữa: “*Sahajàtarùpàni avippakiṇṇàni katvā pàti rakkhatīti = Àpo*”- “*Pháp chủng nào thường bảo hộ Sắc cùng câu sinh một cách vững chắc, không làm cho bị bể vỡ tan tác ra, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thủy Tố Chất.*”

Thủy Tố Chất có hai thể loại, đó là:

1. Thủy Tố Chất thông thường có *Đặc Tính Thúc Phược Vật (Àbandhana lakkhana)* nghĩa là có đặc tính quên tụ lại, tuy nhiên một khi đã bị *Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)*, và thể rời *Đặc Tính Lậu Chi (Paggharaṇalakkhana)* lại hiện bày, nghĩa là phải bị rò rỉ chảy lan ra. Tức là Thủy Tố Chất hiện hữu ở trong sắt, vàng, sáp ong, v.v. có nghĩa là những thể loại sắt, hoặc vàng, hoặc sáp ong đây, một khi lấy đem đi nấu chảy hoặc đốt cháy đi, thì những vật thể này sẽ trở thành vật nhão lỏng ra và có khả năng rò rỉ chảy lan ra; tuy nhiên việc rò rỉ chảy lan ra của các vật thể này chẳng phải Thủy Tố Chất là vật chảy lan ra, mà đích thị chính là Địa Tố Chất cùng câu sinh với Thủy Tố Chất ấy là vật rò rỉ chảy lan ra. Và cũng chính ngay trong cùng một vật thể ấy, nếu trái lại lấy đem nhúng bỏ vào trong nước lạnh thì những vật thể ấy sẽ tự cứng trở lại thành một thỏi sắt, thành một thỏi vàng như lúc ban đầu. Trong sự việc tự cứng rắn trở lại của những vật thể này, chính là việc tự cứng rắn lại của Địa Tố Chất, và chẳng phải là việc tự cứng rắn lại của Thủy Tố Chất.
2. Thủy Tố Chất thông thường có *Đặc Tính Lậu Chi (Paggharaṇalakkhana)* là đặc tính rò rỉ chảy lan ra. Tuy nhiên một khi bị *Hàn Lãn Hỏa (Sitatejo)* và thể rời *Đặc Tính Thúc Phược Vật (Àbandhanalakkhana)* lại hiện bày, nghĩa là quên tụ lại. Tức là Thủy Tố Chất hiện hữu ở trong nước, có nghĩa là lẽ thường nước là một vật thể lỏng; tuy nhiên nếu lấy nước ấy đem bỏ vào chỗ nơi giá lạnh có nhiệt độ đến 0 độ C thì nước ấy sẽ trở thành một khối băng đá. Và một khi lấy khối băng đá ra khỏi chỗ nơi giá lạnh ấy rồi, thì khối băng đá bị khí hậu ở bên ngoài có *Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)*, thể là khối băng đá ấy cũng từ từ tan chảy ra, làm thành vật thể lỏng như lúc ban đầu.

[*Chú thích:* Theo ý nghĩa của từng từ ngữ, là Tố Chất có đặc tính chảy lỏng. Từ ngữ *Àpo* xuất nguyên từ ngữ căn “*Ap - đến*”, hoặc “*À + căn Pày*” là lớn lên, trưởng thành. Theo quan điểm Phật Giáo, chính Tố Chất này làm kết nối dính liền các phần tử Sắc Pháp khác lại với nhau, và như thế, bảo hộ không cho phải bị phân tán rời rạc ra. Chảy lỏng và rò rỉ lan ra là đặc tính của Tố Chất này. Và cũng nên hiểu rằng *lạnh* chẳng phải là đặc tính của Thủy Tố Chất. *Àpo* là Tố Chất có đặc tính kết nối dính liền. Chẳng giống như Địa Tố Chất, ta không thể cảm nhận Thủy Tố Chất bằng các giác quan; và đây là thành phần làm dính liền các phần tử rời rạc của vật thể, và phải được khởi sinh từ ý niệm hình thể. Khi một vật ở thể đặc chảy ra thì thành phần Thủy Tố Chất ở trong chất lỏng ấy trở nên trôi

hơn. Khi một vật ở thể đặc bị phân tán thành bụi trần, và ở trong từng mỗi hạt bụi tí ti ấy cũng có chứa đựng thành phần Thủy Tố Chất. Thành phần có đặc tính duỗi ra (của Địa) liên quan rất mật thiết với thành phần có đặc tính làm kết nối dính liền (của Thủy), và khi mất đi Tố Chất này thì vật thể ấy cũng tiêu tan.]

3. Hỏa (Tejo): là một thể loại Tố Chất, gọi với nhau là *Hỏa Tố Chất (Tejodhatu – Hỏa Giới)* có đặc tính là nóng và lạnh. Đặc tính nóng gọi là *Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)* và đặc tính lạnh gọi là *Hàn Lãn Hỏa (Sitatejo)*. Tuy nhiên cả hai Hỏa Tố Chất này có trạng thái thực tính là *bốc hơi (Uṇhattalakkhana – Đặc Tính Ôn Độ)*, có nghĩa là *Viêm Nhiệt Hỏa* thì có đặc tính là “*bốc hơi nóng*”, và *Hàn Lãn Hỏa* thì có đặc tính là “*bốc hơi lạnh*”. Và cả hai thể loại Hỏa Tố Chất này, có chức năng làm cho các vật thể chín rộ chín rục, và làm cho ôn nhu tử mẫn, sắc bén thuận thực. Như sẽ trông thấy được rằng đa số các vật thể, như là vật thực v.v. đã làm cho chín rục là do bởi độ nóng, tuy nhiên cũng vẫn có một vài vật thực đã làm cho chín rục là do bởi độ lạnh tương tự như nhau. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Tejeti paripàcetiti = Tejo*”- “*Pháp chủng nào làm cho chín rục, thì Pháp chủng ấy gọi tên là Hỏa Tố Chất.*”

Hỏa Tố Chất có năm thể loại, là:

1. **Khí Đẳng Nhiệt Khí (Usmatejo):** là Hỏa Tố Chất hằng hiện hữu ở trong cơ thể của tất cả Chúng Hữu Tình (bốc hỏa, bốc khí nóng).
2. **Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo):** là Hỏa Tố Chất có sức nóng cao độ.
3. **Hỏa Hóa Nhiệt Khí (Dahanatejo):** là Hỏa Tố Chất có sức nóng mãnh liệt cao độ; và có khả năng thiêu đốt cơ thể cho phải bị dị ứng đi.
4. **Lão Suy Nhiệt Khí (Jiranatejo):** là Hỏa Tố Chất làm cho cơ thể suy sụp, tiều tụy và lão邁 đi.
5. **Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pacakatejo):** là Hỏa Tố Chất làm nhiệm vụ tiêu hóa vật thực.

Trong cả năm thể loại Hỏa Tố Chất này, thì Hỏa Tố Chất hằng hiện hữu ở trong cơ thể của Chúng Hữu Tình, đó chính là *Khí Đẳng Nhiệt Khí (Usmatejo)* với *Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pacakatejo)*. Còn đối với *Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo)*, *Hỏa Hóa Nhiệt Khí (Dahanatejo)*, và *Lão Suy Nhiệt Khí (Jiranatejo)*, cả ba thể loại này thì không có hằng thường hiện hữu. Chỉ hiện khởi lên là cũng do *Khí Đẳng Nhiệt Khí* có trạng thái bị dị ứng, chẳng hạn như người lên cơn sốt thân viêm nhiệt, cũng có nghĩa là *Khí Đẳng Nhiệt Khí* đã biến đổi thành trạng thái *Hỏa Khốc Nhiệt Khí*. Hoặc nếu như bị sốt cao độ, thân viêm nhiệt nặng dần đến mê sảng, cũng có nghĩa là *Khí Đẳng Nhiệt Khí* đã biến đổi dị thường từ *Hỏa Khốc Nhiệt Khí* chuyển thành *Hỏa Hóa Nhiệt Khí*. Và ở trong người có bệnh tật thường luôn hành hạ, hoặc người đã vào đến giai đoạn cuối cuộc đời rồi, thì đích thị chính là

Khí Đẳng Nhiệt Khí đã chuyển đổi trạng thái thành *Lão Suy Nhiệt Khí*, và đã làm cho hiện khởi lên trạng thái suy sụp, tiêu tụy của xác thân, chẳng hạn như tóc bạc, răng gãy, mắt mờ, thịt da khô héo, v.v.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Tejo* được xuất nguyên từ ngữ căn “*Tij*” làm cho sắc bén, chín muồi. Sự linh hoạt và thuần thực của sự vật là đều do ở Hỏa Tố Chất. Cả hai, nóng và lạnh là đặc tính của Hỏa Tố Chất, vì có năng lực làm cho các vật chất trở nên chín muồi. Nói cách khác, Hỏa Tố Chất tạo sinh lực cho vật chất, và vật chất được bảo tồn hoặc bị hư hoại cũng đều do Tố Chất này. Không giống như ba Tố Chất khác ở trong Tứ Sắc Đại Hiện, Hỏa Tố Chất có năng lực làm cho vật chất tự mình hồi sinh.]

4. Phong (Vayo): là một thể loại Tố Chất, gọi với nhau là *Phong Tố Chất (Vayodhātu – Phong Giới)* có đặc tính căng phồng ra hoặc chuyển động (*Vitthambhanalakkhaṇa* hoặc *Samiraṇalakkhaṇa*).

+ Phong Tố Chất có đặc tính căng phồng gọi là *Khuếch Đại Phong (Vitthambhanavāyo)*. *Khuếch Đại Phong* làm cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình bền chắc vững vàng, không cho rệu rã lung lay chuyển động. Ở trong xác thân của con người ta, nếu như *Khuếch Đại Phong* này hiện bày lên thì người ấy có cảm giác như là căng cứng, mệt mỏi, đau nhức, ở khắp cả cơ thể; hoặc một khi ta gồng các khủy cánh tay, chân, và một khi ta dướn con mắt lên nhìn chăm chăm mà không nháy mắt; với thời gian ấy *Khuếch Đại Phong* cũng có hiện bày thể theo sự tự cố gắng nỗ lực của mình. Về phía ở bên trong, thì các vật thể được an trú một cách vững chắc, hoặc làm cho tự căng phồng lên là cũng do bởi mãnh lực của *Khuếch Đại Phong* ấy vậy; cũng ví như quả bóng nén ép đầy hơi vào ở bên trong đó, thì quả bóng ấy căng cứng lên, là cũng do bởi *Khuếch Đại Phong*. Hoặc dụng cụ lọc nước dùng để lọc nước, một khi dụng cụ lọc nước ấy được bỏ vào ở trong nước thì nước tràn vào ở trong đó. Khi rút lên và lấy tay bịt lỗ dụng cụ lọc nước ấy lại, thì *Phong Tố Chất* ở phía bên ngoài cũng sẽ hứng đỡ nước ở trong dụng cụ lọc nước ấy không cho chảy ra ngoài. Cũng tương tự với trái đất mà tất cả Chúng Hữu Tình đang nương trú đây, nền lục địa được đặt ở trên nước, và nước đặt ở trên gió được gọi là *Hạ Tầng Hư Không (Hetthimaajjāṭākāsa)*. *Hạ Tầng Hư Không* này hứng đỡ nước, làm cho nước và nền lục địa được bền chắc vững vàng, và có được như vậy là cũng do bởi mãnh lực của *Khuếch Đại Phong*. Như có câu Chú Giải nói rằng: “*Vāyati sahaṇādamme apatamāne katvā sahaṇāti = Vāyo*”- “*Tố Chất nào thường dất dẫn cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình được bền chắc vững vàng và bất chuyển, bởi do thế mới gọi tên Tố Chất ấy là Phong Tố Chất.*”

+ *Phong Tố Chất* có đặc tính chuyển động gọi là *Chuyển Động Phong (Samiraṇavāyo)*. *Chuyển Động Phong* này làm cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình chuyển động theo; chẳng hạn như tất cả Chúng Hữu Tình chuyển đổi các tư thế oai nghi, hoặc việc nháy mắt, đảo mắt, vẩy tay, ngo nguậy bàn chân, việc bài tiết các vật ứ tập ra khỏi cơ thể, các việc sản sinh con cái, v.v. Tất cả thấy các

thể loại này có được hiện hành là cũng do bởi mãnh lực Chuyển Động Phong. Còn Chuyển Động Phong hiện hữu ở bên ngoài loài Hữu Tình, đã làm cho các sự vật chuyển động di dịch rời khỏi chỗ ban đầu. Như có câu Chú Giải nói rằng: “*Vāyati desantatuppatti hetubhāvena bhūtasāṅghātaṃ pāpetīti = Vāyo*”- “*Tổ Chất nào thường làm tác nhân cho nhóm Sắc Đại Hiện cùng cấu sinh với mình khởi sinh lên sự di dịch rời khỏi chỗ thứ nhất đi đến chỗ khác, bởi do thế mới gọi tên Tổ Chất ấy là Phong Tổ Chất.*”

Phong Tổ Chất có sáu thể loại, là:

1. *Hướng Thượng Phong (Uddhaṅgamāvāyo)*: là Phong Tổ Chất thổi lên hướng phía trên.
2. *Hạ Lạc Phong (Adhogamāvāyo)*: là Phong Tổ Chất thổi xuống phía dưới.
3. *Nội Tạng Phong (Kucchiṭṭhavāyo)*: là Phong Tổ Chất hiện hữu ở trong lỗ hốc thuộc về bụng dưới.
4. *Tràng Y Phong (Kotṭhāsavāvāyo)*: là Phong Tổ Chất hiện hữu ở trong ruột già.
5. *Chuyển Động Phong (Aṅgamaṅgānusārivāyo)*: là Phong Tổ Chất hiện hữu khắp cả cơ thể.
6. *Sổ Túc Phong (Assāpassāsavāyo)*: là Phong Tổ Chất hơi thở vào ra.

Sáu thể loại Phong Tổ Chất đã vừa đề cập ở tại đây, sinh trú ở bên trong cơ thể của loài Hữu Tình, cũng còn được gọi là *Nội Thân Phong (Ajḅhaattavāyo)*. Còn gió thổi ở phía bên ngoài, gọi là *Ngoại Thân Phong (Bahiddhavāyo)*.

Những cả bốn thể loại Tổ Chất gồm Địa, Thủy, Hỏa, Phong đây, gọi là Sắc Đại Hiện, vì làm thành Sắc to lớn, làm trưởng trội đối với tất cả các Sắc Pháp khác, và hiện bày rõ ràng. Chẳng hạn như các vật thể cho dù to hoặc nhỏ đi nữa, hiện bày được các hình dạng tướng trạng là cũng chính do bởi Sắc Đại Hiện ấy vậy. Và sắc màu da dẻ của các vật thể ấy hiện bày lên nhiều ít, hiện bày mạnh yếu, là cũng chính do bởi mãnh lực Sắc Đại Hiện kết hợp vào với nhau nhiều hoặc ít. Chính vì thế, cả Tứ Sắc Đại Hiện này, rằng khi nói theo hình thù tướng trạng thì rất to lớn, rằng khi nói theo thực tính thì hiện bày rõ ràng hơn các Sắc Pháp khác.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Mahantāni hutvā bhūtāni pātubhūtānīti = Mahābhūtāni*”- “*Những thể loại Sắc Pháp nào, rằng khi tính theo tướng trạng và thực tính, là to lớn và hiện bày rõ ràng, bởi do thế mới gọi tên những thể loại Sắc Pháp ấy là Đại Hiện.*”

[*Chú thích:* Tứ Đại Hiện – bốn Tổ Chất gồm Địa, Thủy, Hỏa, Phong – luôn luôn dính liền với nhau, không thể tách rời ra được. Tuy nhiên ở trong cùng một thể loại vật chất, thì Tổ Chất này có thể trưởng trội hơn các Tổ Chất khác; thí dụ như ở trong đất thì Địa Tổ Chất lớn trội hơn, ở trong nước thì Thủy Tổ Chất, ở trong lửa thì Hỏa Tổ Chất, và ở trong gió thì Phong Tổ Chất lớn trội hơn. Cả bốn

Tổ Chất còn được gọi là Đại Hiện, bởi vì luôn luôn hiện hữu ở trong tất cả mọi hình thể vật chất, từ cực vi trần nhỏ tí ti cho đến cả thiên thể cực cự đại.]

NGŨ SẮC THANH TRIỆT (**Pasàdarūpa 5**)

1. Nhãn Thanh Triệt (*Cakkhupasàda*): có câu Chú Giải nói rằng: “*Cakkhuvīṇṇānadhiṭṭhitam hutvā samavisamaṃ cakkhati àcikkhantaṃ viya hotīti = Cakkhu*”- “Sắc Pháp nào làm thành chỗ nương trú của Tâm Nhãn Thức và có thực tính na ná y như là báo cho Tâm Nhãn Thức hiểu biết ở trong Cảnh rằng là Cảnh này thì tốt, Cảnh ấy thì không tốt, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nhãn, tức là Nhãn Thanh Triệt.”

Tất cả những con mắt không được gọi tên là Nhãn Thanh Triệt. Chỗ được gọi tên là Nhãn Thanh Triệt đây, là một thể loại Sắc Pháp sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt như pha lê, làm thành vật dụng tiếp thấu Cảnh Sắc, ẩn trú ở khoảng giữa tâm điểm trong mắt đen, có 7 tầng lớp màng con mắt y như núp bông gòn tằm ướt sũng dầu hết cả 7 lớp, to ước độ bằng đầu của con chí, có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Nhãn Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn) chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Nhãn Môn.

2. Nhĩ Thanh Triệt (*Sotapasàda*): có câu Chú Giải nói rằng: “*Sotavīṇṇānadhiṭṭhitam hutvā saddaṃ suṇātīti = Sotaṃ*”- “Sắc Pháp nào làm thành chỗ nương trú của Tâm Nhĩ Thức, và thường được lắng nghe âm thanh, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt.”

Một phần khác nữa, “*Saddaṃ suṇanti etenāti = Sotaṃ (và) Sadde suyanti etenāti = Sotaṃ*”- “Tất cả những Tâm, Tâm Sở thường được lắng nghe âm thanh do bởi nương vào Sắc Pháp ấy, chính vì thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc nghe thấy của những thể loại Tâm, Tâm Sở ấy, gọi tên là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt” (Hoặc) “Tất cả loài Hữu Tình được nghe thấy âm thanh do bởi Sắc Pháp ấy, chính vì thế mới gọi tên Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc nghe thấy của Chúng Hữu Tình ấy là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt.”

Trong câu Chú Giải ở điều thứ nhất, là việc trình bày theo *Phần Vị Trí Cận Lân (Thānāyupacāranaya)* là việc trình bày theo phần gián tiếp. Còn ở trong câu Chú Giải ở điều thứ hai, là việc trình bày theo *Phần Vi Thủ (Mukhayanaya)*, là việc trình bày theo phần trực tiếp.

Nhĩ Thanh Triệt là một thể loại *Pháp chủng* sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thấu các âm thanh; đã ẩn trú ở trong khoang tai, có hình dạng giống như vòng đai, và nơi ấy mọc lông sợi đen mịn. Nhĩ Thanh Triệt tỏa rộng ra khắp mọi khu vực, có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Nhĩ Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Nhĩ Môn.

3. Tỳ Thanh Triệt (Ghànapasàda): có câu Chú Giải nói rằng: **“Ghàyatiti = Ghànām”**- *“Sắc Pháp nào thường thường hút ngửi khí hơi, Sắc Pháp ấy được gọi tên là Tỳ, tức là Tỳ Thanh Triệt.”* Việc trình bày phần Chú Giải này, là việc trình bày theo *Phần Vị Trí Cận Lân (Thànayùpacàranaya)* là việc trình bày theo phần gián tiếp; bởi vì Tỳ Thanh Triệt không có khả năng ngửi khí hơi được, mà trái lại Tâm Tỳ Thức sinh khởi do bởi nương vào Tỳ Thanh Triệt mới là người ngửi và biết được khí hơi. Tuy nhiên chỗ trình bày câu Chú Giải như vậy, là việc trình bày có ý nghĩa là việc ngửi khí hơi của Tâm Tỳ Thức ấy đang an trú ở trong Tỳ Thanh Triệt, thế rồi rút lấy Tỳ Thanh Triệt này lên trình bày, y như thể Tỳ Thanh Triệt này là người ngửi khí hơi ấy vậy. Và nếu sẽ đem tỳ đối với lời nói rằng **“Căn nhà ấy rất bề bộn”** thì nói với thể loại này, là lập ý nhắm vào con người ở trong căn nhà ấy, bởi vì căn nhà không thể bề bộn được, mà trái lại chỉ có con người ở trong căn nhà ấy mới bề bộn.

Một phần khác nữa đã có trình bày rằng: **“Ghàyanti etenāti = Ghànām (Và) Ghàyiyanti etenāti = Ghànām”**- *“Tất cả Chúng Hữu Tình thường hút ngửi khí hơi với Sắc Pháp nào, bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc hút ngửi khí hơi của Chúng Hữu Tình mới được gọi tên là Tỳ (Hoặc) Tất cả Chúng Hữu Tình cần phải ngửi khí hơi với Sắc Pháp ấy, bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc cần phải ngửi khí hơi của Chúng Hữu Tính mới được gọi tên là Tỳ.”*

Cả hai phần Chú Giải này, là việc trình bày theo *Phần Vi Thủ (Mukhaya naya)*, là việc trình bày theo phần trực tiếp.

Tỳ Thanh Triệt này, là một thể loại *Pháp chủng* sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thu các khí hơi; đã ẩn trú ở trong khoang mũi, có hình dạng giống như móng dê, và có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Tỳ Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Tỳ Môn.

4. Thiệt Thanh Triệt (Jivhàpasàda): có câu Chú Giải nói rằng: **“Jivitam avhàyatiti = Jivhà”**- *“Sắc Pháp nào có thực tính na ná như kêu gọi mùi vị, và làm thành tác nhân cho kéo dài tuổi thọ, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Thiệt.”*

Từ ngữ *Jivhà* này được chiết tự ra thành hai từ ngữ, là *Jivita* + *Avhà*. Từ ngữ *Jivita* dịch là *“Tuổi Thọ”*, tuy nhiên trong chỗ này được dịch là *Rasa* (*Mùi Vị*), bởi vì tuổi thọ sẽ được an trụ là cũng phải nương vào các mùi vị, nghĩa là việc thọ thực với những thực phẩm có vị chua, ngọt, v.v. thì tuổi thọ sẽ được an trụ lâu dài; chính vì thế, mới rút lấy từ ngữ *Jivita* làm thành tên gọi của tuổi thọ và là Quả của *Rasa* (*Mùi Vị*) trong khi ấy được đặt để làm Tác Nhân. *Rasa* (*Mùi Vị*) là gọi

các mùi vị, còn *Jivita* chỉ là việc gọi theo *Phần Quả Báo Cận Lân (Phalùpacara naya)* tức là gọi theo Phần gián tiếp.

Từ ngữ *Avhà* dịch là “gọi, loan báo”; khi đã được kết hợp với từ ngữ *Jivita* thì cũng chính là lập ý nhắm đến việc gọi các mùi vị ấy vậy, vì lẽ thông thường Thiệt Thanh Triệt đây, hằng có thiên hướng ở trong các mùi vị là chỗ xứng ý toại nguyện của Tâm Thiệt Thức thường lui tới.

Khi đã kết hợp từ ngữ *Jivita* với từ ngữ *Avhà* vào với nhau và thành *Jivhà*, có nghĩa là từ ngữ *Jivita* ấy, đổi *Ì* thành *I*, còn cả hai từ ngữ *Vi* với *Ta* này thì loại trừ ra; đổi với từ ngữ *Avhà* thì loại trừ *A* ra, và chỉ còn lại *Vhà*; chính vì thế, khi kết hợp vào mới thành *Jivhà*.

Thiệt Thanh Triệt này, là một thể loại *Pháp chủng* sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thấu các mùi vị; đã ẩn trú ở trong khoảng giữa bề mặt cái lưới, có hình dạng giống như đầu đóa hoa sen, và có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Thiệt Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Thiệt Môn.

5. Thân Thanh Triệt (*Kàyapasàda*): có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Kucchitànāṃ kesàḍiṇāṃ pàpadhammāṇca àyoti = Kāyo*”- “Sắc Pháp nào làm thành chỗ tụ hội của các thành phần khác, có tóc, v.v. là chỗ đáng ghét bỏ; và làm thành chỗ tụ hội của Bất Thiện Pháp, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi là Thân, tức là tất cả các thân thể.”

Về việc gọi tên Thân Thanh Triệt là *Thân*, ấy là việc trình bày một cách gián tiếp; là việc gọi theo *Phần Bộ Phận Đơn Nhất (Ekadesayùpacàranaya)*; là việc rút lấy từ ngữ *Thân* làm thành tên gọi của tất cả các thân thể, và đem đặt để thành một bộ phận duy nhất ở trong Thân Thanh Triệt.

Hoặc một phần khác nữa, gọi tên Thân Thanh Triệt là *Thân*, là việc trình bày theo *Phần Vị Trí Cận Lân (Thànayùpacàranaya)* có nghĩa là rút lấy từ ngữ *Kāya* làm thành tên gọi của thân thể, đem đặt để thành một bộ phận duy nhất và nương sinh ở trong Thân Thanh Triệt.

Thân Thanh Triệt này, là một thể loại *Pháp chủng* sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thấu các sự vật tiếp xúc đụng chạm, như có lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng. Thân Thanh Triệt này ẩn trú ở trong khắp cả cơ thể, chỉ ngoại trừ đầu ngọn tóc, lông, móng, bề mặt lớp da chết khô, và chỗ tụ hội các vật thực mới ở trong ruột già, là thuộc lãnh địa của *Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pàcakatejo)*; và lại có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Thân Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Thân Môn.

Cả năm thể loại Sắc Pháp gồm Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân đây, gọi tên là Sắc Thanh Triệt, vì có thực tính trong suốt, và có khả năng tiếp thu các Cảnh của mình. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Pasìdatitì = Pasàdo*”- “*Sắc Pháp nào có sự trong suốt, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là Thanh Triệt.*”

[**Chú thích:** Sắc Thanh Triệt (*Pasàdarùpa*) mang ý nghĩa là phần nhạy cảm của ngũ giác quan, gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân. Phần nhạy cảm này có khuynh hướng làm tỏ sáng các thành phần Sắc Pháp khác ở trong giác quan. Ví dụ như theo thông thường khi gọi là “*con mắt*” (*Cakkhu*) là sự tập hợp bao gồm rất nhiều *Yếu Tố* (*Sasambhàra*) khác nhau của Sắc Pháp, gồm có Tứ Đại Hiện, Tứ Sắc Y Sinh với Cảnh Sắc, Khí, Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Mạng Quyền và Nhãn Thanh Triệt, làm thành một Bọn Tổng Hợp Sắc (*Kalàpa*), gọi tên là *Bọn Tổng Hợp Thân Thập* (*Kàyadassakakalàpa*). Phần nhạy cảm ấy (*Cakkhupasàda – Thân Thanh Triệt*) nằm ngay giữa ở trong mắt đen và làm cho nhìn thấy được các sự vật; và làm cho nương sinh nương trú của Tâm Nhãn Thức (*Cakkhuvijñāṇa*) và trở thành phương tiện cho tiến trình tâm thức của Lộ Nhãn Môn (*Cakkhudvāravithi*). Tư Tác Ý muốn thấy có khuynh hướng làm phát triển Nhãn Quan.

Phần nhạy cảm (*Pasàdarùpa – Sắc Thanh Triệt*) của các giác quan khác cũng được hiện hành tương tự theo cùng một phương thức với Nhãn Thanh Triệt.]

7 SẮC HÀNH TRẠNG (*Visayarùpa*) Hoặc SẮC THÔNG HÀNH (*Gocararùpa*)

1. Cảnh Sắc (*Rùpàrammaṇa*): có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Rùpayati hadayaṅgatabhàvaṃ pakàsetitì = Rùpaṃ*”- “*Sắc Pháp nào thường hay biểu thị sự hiểu biết của tâm thức cho hiện bày, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là Cảnh Sắc*”, hoặc “*Rùpayati dabbam pakàsetitì = Rùpaṃ*”- “*Sắc Pháp nào thường hay biểu thị thực thể vật chất, hình dáng tướng trạng cho hiện bày, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là Cảnh Sắc.*”

Giải thích rằng một người đang có những sự hoan hỷ duyệt ý, khổ tâm, buồn lòng, sợ hãi, xấu hổ, v.v. và một khi người khác đã trông thấy được cử chỉ điệu bộ và diện mạo của người ấy, thì cũng có sự thấu hiểu được rằng người ấy đang có sự hoan hỷ duyệt ý, khổ tâm, buồn lòng, sợ hãi, xấu hổ, v.v. Trong sự việc mà người khác có được sự thấu hiểu như thế, là cũng do bởi chính Cảnh Sắc ấy làm thành người biểu thị sự hiểu biết của người ấy cho hiện bày ra ngoài. Hoặc một phần khác, các thực thể vật chất, hoặc hình dáng tướng trạng của các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng mà đã được hiện bày cho được hiểu biết đầy, cũng chính là do nương vào Cảnh Sắc làm thành người thực hiện cho hiện bày ấy vậy. Cảnh Sắc làm thành người thực hiện cho các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày cho người khác nhìn thấy và thấu hiểu được đó, cũng chính là các sắc màu vậy.

2. Cảnh Thinh (Saddàrammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Saddiyati uccariyatiti = Saddo”-** “Sắc Pháp nào phát âm ra, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Thinh.” tức là âm thanh của tất cả Chúng Hữu Tình phát ra; hoặc **“Sappati sotaviññeyyabhavaṃ gacchatiti = Saddo”-** “Sắc Pháp nào thường đạt đến thực tính làm cho Tâm Nhĩ Thức thấu hiểu được, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Thinh.”

Trong câu Chú Giải ở điều thứ nhất lập ý chỉ lấy âm thanh của tất cả các vật thể hữu sinh mạng đang vận dụng để truyền phát ra, chẳng hạn như âm thanh người đang nói, và âm thanh của các loài Hữu Tình kêu hoặc rống lên. Còn ở trong câu Chú Giải ở điều sau, lập ý đến âm thanh của tất cả các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng, bởi vì những âm thanh này đặng làm thành Cảnh của Tâm Nhĩ Thức, cũng chính là các thính âm vậy.

3. Cảnh Khí (Gandhàrammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Gandhayati attano vatthum sùcetiti = Gandho”-** “Sắc Pháp nào thường biểu hiện chỗ nương trú của mình, bởi do thế, gọi tên Sắc Pháp ấy là Khí.”

Giải thích rằng các khí hơi gọi tên là Cảnh Khí, vì lẽ làm thành Sắc Pháp biểu hiện cho đặng thấu hiểu đến thực thể vật chất mà mình đang nương trú, chẳng hạn như bông hoa có hương thơm, hoặc các hương phẩm, v.v. Cho dù các vật thể này sẽ hiện hữu ở nào đi nữa, một khi Cảnh Khí đã có được cơ hội lan tỏa ra rồi, thì thường làm cho tất cả mọi người tức thì biết được rằng đây là hương thơm của đóa hoa, đây là hương thơm của hương phẩm; và cũng biết được rằng đóa hoa, hoặc hương phẩm đang hiện hữu ở nơi nào; y như là Cảnh Khí này một khi đã tiếp xúc với Phong Tố Chất rồi, thì sẽ loan tin cho tất cả mọi người biết được rằng đóa hoa ở chỗ ấy, hương phẩm ở nơi này. Vì lý do như vậy mà một số Ngài Phụ Chú Giải Sư mới giải đáp từ ngữ **“Sùceti”** là **“Idamettha atthiti pesuññaṃ karontaṃ vīya hoti”-** “Cảnh Khí này có thực tính na ná như báo hiệu cho biết rằng các thực thể vật chất ấy đang ở chỗ này vậy.” (trương tự như lay ông tôi ở bụi này)

4. Cảnh Vị (Rasàrammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Rasiyati assadiyatiti = Raso”-** “Sắc Pháp nào làm cho Tâm Thiệt Thức hoan hỷ duyệt ý, bởi do thế, gọi tên Sắc Pháp ấy làm thành chỗ hoan hỷ duyệt ý của Tâm Thiệt Thức ấy là Vị.”

Giải thích rằng Cảnh Vị tức là các mùi vị ấy cho dù sẽ là tốt hoặc không tốt đi nữa, cũng thường làm thành chỗ hoan hỷ duyệt ý đối với Tâm Thiệt Thức hết cả thấy. Từ ngữ nói rằng **“duyệt ý”** ở trong chỗ này chính là lập ý đến việc thấu hiểu mùi vị ấy, và chẳng phải nhắm đến con người; bởi vì lẽ thường con người thường chỉ có duyệt ý ở trong mùi vị tốt mà thôi, còn đối với mùi vị không tốt thì ắt hẳn là bất duyệt ý. Đối với Tâm Thiệt Thức ấy, thì cho dù mùi vị tốt hoặc không tốt đi nữa, thì cũng đều duyệt ý để nếm hết cả thấy các mùi vị ấy.

5. Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbàrammaṇa): có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Phusatabbanti = Phoṭṭhabbam”**- **“Sắc Pháp nào mà Thân Thanh Triệt phải bị xúc chạm, bởi do thế, gọi tên Sắc Pháp ấy là Xúc.”**

Cảnh Xúc có ba thể loại, ấy là:

1. **Cảnh Địa Xúc (Pathaviṭṭhabbàrammaṇa):** tức là mềm, cứng.
2. **Cảnh Hỏa Xúc (Tejophoṭṭhabbàrammaṇa):** tức là lạnh, nóng.
3. **Cảnh Phong Xúc (Vāyophoṭṭhabbàrammaṇa):** tức là lỏng, căng.

Bởi do thế, cả ba Cảnh Xúc này cũng chính là ba Sắc Đại Hiện, loại trừ Thủy Đại Hiện ra. Đối với Thủy Đại Hiện ấy, thì Thân Thanh Triệt không thể xúc chạm được, và chính vì thế, mới không vào ở trong Cảnh Xúc được.

Ở trong thể loại nước thông thường hoặc nước đá, thì có rất nhiều Thủy Tố Chất; tuy nhiên trong thời gian mà chúng ta lấy tay nhúng vào ở trong nước và có được cảm giác rằng lạnh, nóng, mềm, cứng, thì đó cũng chỉ là Địa Tố Chất, Hỏa Tố Chất hiện hữu ở trong nước ấy mà thôi. Còn riêng đối với Thủy Tố Chất có ở trong nước ấy, thì chẳng phải là Sắc Pháp mà đã được xúc chạm; chính vì thế, mới không thể nào được biết do bởi cái Tâm Thân Thức, mà chỉ có thể biết được qua việc tư duy nghĩ suy mà thôi. Chẳng hạn như trong thời gian mà chúng ta đã được trông thấy thực thể vật chất có hình dáng là góc cạnh, hoặc tròn, hoặc dài đó; thì quả thật là chúng ta chẳng phải đã được trông thấy là góc cạnh, hoặc tròn, hoặc dài của các vật thể ấy đâu, mà trái lại chúng ta chỉ có thể được trông thấy các sắc màu đang hiện hữu ở trong các vật thể ấy mà thôi. Và một khi chúng ta sẽ nhận thức được rằng vật thể ấy là sắc màu có góc cạnh, vật thể này là có sắc màu tròn, cũng chính là do bởi việc tư duy nghĩ suy mà thôi. Bởi vì những thể loại của góc cạnh hoặc tròn đây, chẳng phải là Cảnh Sắc, mà đó chính là Cảnh Pháp, và chính vì thế mới không thể trông thấy bằng mắt được, mà chỉ phải bằng Tâm mới có thể biết được. Như đã có nêu lên thí dụ điển hình để trình bày ở tại đây để làm cho nhận thức được rằng Thủy Tố Chất hiện hữu ở trong nước, thì cũng tương tự như nhau, là không thể xúc chạm được, bởi vì chẳng phải là Cảnh Xúc, mà đó chỉ là Cảnh Pháp, và chỉ sẽ được biết là do bởi nương vào việc tư duy nghĩ suy mà thôi.

Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị và cả ba Cảnh Xúc, một khi kết hợp 7 Sắc Pháp này lại thì được gọi tên là **Sắc Hành Trạng (Visàyarūpa)** vì lẽ những thể loại Sắc này làm thành Cảnh của Tâm, Tâm Sở nương sinh theo Lộ Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân một cách trực tiếp. Và chỗ gọi là **Sắc Thông Hành (Gocararūpa)** cũng vì làm chỗ thông hành của Tâm, Tâm Sở nương sinh ở trong cả Lục Môn. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“Gàvo caranti = Gacaro, Gocarasadisāti = Gocarà”**- **“Tất cả những con bò thường hay du ngoạn ở trong chỗ ấy, bởi do thế, chỗ ấy mới gọi tên là Ngưu Hành Đạo”**, tức là lãnh địa mà tất

cả các con bò thường hay lui tới. Những thể loại Sắc nào làm thành chỗ du hành của *Tâm Lục Môn (Chadvàrikacitta)* tương tự như chỗ du ngoạn của tất cả các con bò, bởi do thế, những thể loại Sắc ấy được gọi tên là *Thông Hành Đạo*.

Thể theo câu Chú Giải đã trình bày ở tại đây, là việc trình bày theo *Phần Tương Đồng (Sadisùpacàranaya)*, có nghĩa là việc trình bày bởi theo việc tỷ giảo so sánh.

Một phần khác nữa, trình bày theo *Phần Vi Thủ (Mukhyanaya)*, như vậy:

“Gàvo caranti etthàti = Gocaram”- “Tất cả các Quyền có Nhãn Quyền (*Cakkhundriya*) v.v. thường hay du hành ở trong Cảnh có Cảnh Sắc v.v. bởi do thế, Cảnh có Cảnh Sắc v.v. mới gọi tên là Thông Hành.”

Ở trong chỗ này, từ ngữ **“Go – Bò”** được dịch là **“Indriya – Quyền”**. Từ ngữ **“Gocara – Thông Hành”** với **“Àrammaṇa – Cảnh”** có cùng một ý nghĩa tương tự như nhau.

[**Chú thích:** Những hiện tượng của các Sắc Pháp làm thành đối tượng cho các giác quan, và tác động như hỗ trợ làm cho khởi sinh sự thấu hiểu của giác quan tương ứng. Từ ngữ *Sắc (Rùpa)* ở trong Cảnh Sắc, bao hàm cả hai ý nghĩa, sắc màu và hình tướng. Từ ngữ *Xúc (Phoṭṭhabba)* ở trong Sắc Pháp, với Thủy Tổ Chất có đặc tính cực vi tế nên Ngũ Quan không thể nào cảm nhận được. Chỉ còn lại ba Tổ Chất kia của Sắc Đại Hiện, tức là Địa Tổ Chất, Hỏa Tổ Chất và Phong Tổ Chất, được xem như là Cảnh Xúc, tức là giác quan có thể cảm nhận được. Thí dụ như ở trong thể loại nước thông thường hoặc nước đá; thì đặc tính lạnh là Hỏa Tổ Chất, đặc tính mềm lỏng là Địa Tổ Chất, và có sức nặng đè xuống hoặc áp lực, là Phong Tổ Chất. Và quả thật, không thể xúc chạm được đặc tính dính liền của Thủy Tổ Chất vậy.]

NHỊ SẮC BẢN TÍNH (Bhàvarùpa 2)

1. Nữ Giới Tính (Itthibhàva): có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Itthiyà bhàvo = Itthibhàvo”-** “Sắc Pháp nào làm thành tác nhân của sự hình thành nữ giới, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nữ Giới Tính.”

2. Nam Giới Tính (Purisabhàva): có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Pumassa bhàvo = Pumbhàvo”-** “Sắc Pháp nào làm thành tác nhân của sự hình thành nam giới, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nam Giới Tính” (*Pumbhàva* hoặc *Purisabhàva*).

Xác thân của tất cả Chúng Hữu Tình đang hiện hữu ở trong thế gian này, sẽ biết được rằng nữ giới hoặc nam giới ấy, là cũng do nương vào bốn thể loại đặc tính biểu thị đặng cho được biết, ấy là:

1. **Tính Biệt (Liṅga):** sắc tướng hình thể, có tay, chân, mặt, mắt, giới tính, v.v.

2. *Trầm Triệu (Nimitta)*: biểu tượng dấu hiệu, như có râu ria, không có râu, v.v.
3. *Tính Hạnh (Kutta)*: tính tình và hạnh kiểm, chẳng hạn như việc nô đùa chơi giỡn, các hành động tạo tác, v.v.
4. *Hành Trạng (Àkappa)*: cử chỉ oai nghi, như việc đi, đứng, nằm, ngồi, việc ăn, việc nói, v.v.

Cả bốn thể loại đặc tính biểu thị đặng cho được biết đến giới tính đây, thì thường luôn được hiện bày vận hành thể theo cả hai Sắc Giới Tính. Nếu như cả bốn thể loại này sinh khởi do bởi nương vào Sắc Nữ Giới Tính làm vị chủ quản, thì thường có hình thù tướng trạng, và cử chỉ oai nghi là nữ giới. Và nếu như cả bốn thể loại này sinh khởi do bởi nương vào Sắc Nam Giới Tính làm vị chủ quản, thì thường có hình thù tướng trạng, và cử chỉ oai nghi là nam giới.

[*Chú thích: Nữ Giới Tính (Itthabhàva) và Nam Giới Tính (Purisabhàva) còn được gọi là Nữ Căn (Itthindriya – Nữ Quyền) và Nam Căn (Purisindriya – Nam Quyền); biểu thị trạng thái phân biệt về hai Giới Tính. (Xin xem thêm về phần Quyền Lực Duyên, bộ Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thù, Tập IV, trang 101)]*

NHẤT SẮC TÂM CƠ (Hadayarùpa 1)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Hadanti sattà tam tam attham và anattham và pùrenti etenàti = Hadayam*”- “*Tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do nương vào Sắc Pháp ấy, mà thường tạo tác cho khởi sinh lên điều lợi ích và không lợi ích, chính vì thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình tạo tác điều lợi ích và không lợi ích, mới được gọi tên là Sắc Tâm Cơ.*”

Mỗi ngày tất cả Chúng Hữu Tình đã và đang tạo tác với nhau biết bao nhiêu việc; nếu như tác hành những Thiện Sự tác thành hữu ích thì gọi là *Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)*; và nếu như tạo tác bao điều Bất Thiện Sự tác thành vô ích thì gọi là *Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)*. Cho dù *Thiện Nghiệp Lực* hoặc *Bất Thiện Nghiệp Lực* sẽ phải sinh khởi đi nữa, thì thiết yếu cũng cần phải nương sinh vào Sắc Tâm Cơ. Đối với ở trong Cõi Ngũ Uẩn, nếu như chẳng có Sắc Tâm Cơ, thì ắt hẳn Chúng Hữu Tình không thể nào tạo tác được bất luận một công việc nào, cho đến cả việc tư duy nghĩ ngợi, hiểu biết các sự kiện, v.v. cũng không thể nào thực hiện được, mà trái lại chỉ như một hình tượng, con rối mà thôi. Bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho thành tựu ở trong mọi công việc, như đã vừa đề cập đến, mới được gọi là *Sắc Tâm Cơ*.

Sắc Tâm Cơ này có hai thể loại, là:

1. *Sắc Tâm Tạng (Mānsahadaya rūpa)*: tức là Sắc trái tim có trạng thái na ná như đóa hoa sen.
2. *Sắc Ý Vật (Hadaya vatthu rūpa)*: tức là một thể loại Sắc Nghiệp sinh trú ở trong Sắc Tâm Tạng.

Từ ngữ *Sắc Tâm Cơ* ở trong chỗ này, là lập ý lấy Sắc Ý Vật, hay còn gọi là Sắc Ý Vật. Cư xứ của Sắc Tâm Cơ là ẩn trú ở trong khoang lỗ hổng có trạng thái giống như cái hồ, to ước chừng bằng hạt *Hoa Nguyệt Quế (Punnāga)* ở bên trong trái tim. Bên trong khoang này có máu nuôi dưỡng độ chừng một bao tay, là chỗ nương sinh của Ý Giới (*Manodhātu*) và Ý Thức Giới (*Manoviññāṇadhātu*).

[*Chú thích*: Sắc Tâm Cơ, hoặc là “*cửu điểm của Tâm Thức*”. Ở trong bộ *Pháp Tụ (Dhammasaṅgani)* đã không có đề cập đến Sắc Pháp này. Trong bộ *Chú Giải Atthasālini*, thì từ ngữ *Hadaya vatthu* đã được giải thích là “*Cittassa vatthu*”- “*cửu điểm của Tâm Thức*” (căn cứ từ nơi đó mà Tâm sinh khởi). Như vậy, chúng ta thấy rõ Đức Phật đã không chỉ rõ một cửu điểm nào cho Tâm Thức, hoặc là trái tim hay là đầu não; như Ngài đã có chỉ rõ khi đề cập đến các giác quan khác. Vào thời kỳ của Đức Phật, phần đông người ta đã tin rằng trái tim là Sắc Tâm Cơ, và luận thuyết này hiển nhiên đã được bộ Kinh *Upanishad* hỗ trợ. Lúc bấy giờ, cũng nên hiểu biết rằng, Đức Phật đã không hề xác nhận, hoặc phủ nhận luận thuyết rất phổ thông vào thời cổ xưa ấy, đã cho rằng Sắc Tâm Cơ là trái tim. Ở trong bộ Kinh *Phát Thú (Paṭṭhāna)* là bộ Kinh đề cập đến Duyên Hệ Tương Quan, Đức Phật đã lập ý khái thuyết đến cửu điểm của Tâm Thức bằng những danh từ gián tiếp là “*Yaṃ rūpaṃ nissāya*”- “*Y cửu trên Sắc Pháp này*”, và không quả quyết xác nhận Sắc Pháp (*Rūpa*) ấy là trái tim, hoặc là đầu não. Tuy nhiên, theo quan niệm của các Ngài Chú Giải Sư, có các Ngài Đại Giáo Thọ *Buddhaghosa* và Ngài *Anuruddha* thì quả quyết cửu điểm của Tâm Thức (Sắc Tâm Cơ) vẫn là trái tim.]

NHẤT SẮC MẠNG QUYỀN (*Jivitarūpa 1*)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Jivanti saha jātadhammā etenāti = Jivitaṃ*”- “*Tất cả các Sắc Pháp cấu sinh vẫn còn được sinh tồn với việc nương vào Sắc Pháp ấy, bởi do thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho tất cả các Sắc Pháp cấu sinh vẫn còn được sinh tồn, mới gọi tên là Sắc Mạng Quyền.*”

Từ ngữ *tất cả các Sắc Pháp cấu sinh* ở trong chỗ này, tức là Sắc Nghiệp và tất cả các Sắc Nghiệp sinh khởi nối tiếp với nhau, và được an trụ đây, cũng bởi do có Sắc Mạng Quyền làm vị bảo hộ. Và Sắc Nghiệp này cho dù thực sự sẽ là Sắc Pháp sinh từ ở nơi Nghiệp Lực đi nữa, thế nhưng Nghiệp Lực này lại chẳng phải là vị bảo hộ, vì lẽ Nghiệp Lực làm thành *Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna)* cho tất cả những Sắc Pháp này đã trôi qua quá khứ rồi, mới không có mãnh lực ở trong việc

bảo hộ cho Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi mình được; và chính vì thế mới cần phải có một thể loại Sắc Pháp đặc biệt làm vị bảo hộ, ấy chính là Sắc Mạng Quyền vậy.

Còn Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực thì chẳng cần phải có Sắc Pháp đặc biệt làm vị bảo hộ đặng cho có được việc sinh khởi nối tiếp với nhau, và được an trụ cho đến hết tuổi thọ của mình; cũng bởi vì đích thị chính những thể loại Sắc Pháp đây đã có xuất sinh xứ làm vị bảo hộ cho mình rồi.

[**Chú thích:** Sự sống hiện hữu trong hai thành phần, Danh Pháp và Sắc Pháp. Đời sống thuần túy tâm linh – Danh Mạng Quyền – vốn dĩ là một trong 52 Tâm Sở. Đời sống thuần túy vật chất – Sắc Mạng Quyền – vốn dĩ là một trong 28 Sắc Pháp. Kết hợp cả hai này lại, là những yếu tố chánh yếu của cái gọi là loài Hữu Tình. Danh Mạng Quyền là 1 trong 7 Tâm Sở Biên Hành, và Sắc Mạng Quyền thì được kết hợp với hầu hết tất cả những Sắc Pháp, ngoại trừ xác tử thi. Đồng thời, một khi Tâm Tái Tục sinh khởi, thì Sắc Mạng Quyền cũng khởi sinh cùng một lúc với Bốn Sắc Nghiệp Tổng Hợp Thân Thập; và Sắc Mạng Quyền được xem như có *Quyền Năng (Indriya)* vì có ảnh hưởng mạnh mẽ và tạo sức sống đến những phần tử Sắc Pháp khác đồng câu sinh.]

NHẤT SẮC VẬT THỰC (Àhàrarùpa 1)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Kabaḷam karīyatīti = Kabaḷikāro**”- “Thực phẩm nào mà người ta đã thực hiện cho làm thành từng miếng nhỏ, hoặc thực hiện cho làm thành thức ăn, bởi do thế mới gọi tên thực phẩm ấy là Đoàn Thực.”

“**Àhāriyatīti = Àhāro**”- “Người ta đã ăn và nuốt với thực phẩm nào, bởi do thế thực phẩm ấy mới được gọi tên là Vật Thực.”

“**Kabaḷikāro ca so àhāro cāti = Kabaḷikārahāro**”- “Thực phẩm nào mà người ta đã thực hiện cho làm thành từng miếng nhỏ, đã ăn và nuốt đi, bởi do thế thực phẩm ấy mới được gọi tên là Đoàn Vật Thực.”

Từ ngữ **Kabaḷikārahāra** đây, là tên gọi của tất cả các vật thực, thế nhưng ở trong chỗ này đang trình bày đến Sắc Vật Thực, chính vì thế Đoàn Vật Thực mới thành **Chất Bỏ Phẩm (Ojā)** hiện hữu ở trong các vật thực.

Câu Chú Giải của từ ngữ **Chất Bỏ Phẩm (Ojā)**: “**Attano udayānantaram rūpam janetīti = Ojā**”- “Pháp chủng nào vẫn làm cho các Sắc Pháp câu sinh với mình nối tiếp sinh khởi không gián đoạn, bởi do thế Pháp chủng ấy mới được gọi tên là Chất Bỏ Phẩm.”

Sắc Bỏ Phẩm này một khi đã thấm nhập vào ở trong cơ thể của Chúng Hữu Tình rồi, thì thường làm cho Sắc Vật Thực tức thì sinh khởi; có nghĩa là Sắc Bỏ Phẩm này đã làm cho cơ thể của Chúng Hữu Tình có được năng lực và tăng trưởng lên cho đến mức cùng cực, thì chẳng còn phát triển to thêm được nữa. Thế rồi, Chất Bỏ Phẩm này cũng còn làm nhiệm vụ dắt dẫn Sắc Vật Thực đặng làm cho cơ thể được sung mãn và cho được sinh tồn.

[**Chú thích:** Những vật thực thô sơ được đem vào để ăn bằng cách làm thành từng miếng ăn nhỏ. Tại đây, từ ngữ *Vật Thực (Àhàra)* bao hàm ý nghĩa là *Chất Bổ Phẩm (Ojà)*, là chất dinh dưỡng để dưỡng nuôi cơ thể vật chất. Ở trong câu Phật Ngôn “*Sabbe sattà àhàraṭṭhitikà*”- “*Nhất thiết chúng sinh duy thực tồn*”, tất cả Chúng Hữu Tình đều được sinh tồn do nhờ vào cả hai thể loại vật thực, Danh Vật Thực và Sắc Vật Thực. Từ ngữ *Vật Thực (Àhàra)* mang ý nghĩa là một *trợ duyên (Paccaya)*, hay là một điều kiện.]

NHẤT SẮC HẠN GIỚI (**Paricchedarùpa 1**)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Na kassatīti akàso, akàsoyeva akàso*”- “*Chỗ nào bất khả giới hạn được, chính vì thế chỗ ấy mới gọi tên là Hư Không. Chính ngay chỗ nào bất khả giới hạn được, thì gọi tên là Hư Không.*”

Hư Không (Àkàsa) có bốn thể loại, là:

1. *Cõi Hư Không Giới (Ajaṭakàsa)*: tức là cõi trống không ở cả hai phía của hư không. Ở mặt phía dưới thì được tính kể từ dưới nền lục địa và mặt nước hứng đón nền lục địa ấy; ở mặt phía trên thì được tính kể từ Cõi Vô Sắc Giới trở lên.
2. *Hạn Chế Không Giới (Paricchinnakàsa)*: tức là khoảng trống không đã có ấn định giới hạn, chẳng hạn như khoang cửa cái, khoang cửa sổ, khoang tai, khoang mũi, khoang miệng, v.v.
3. *Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh (Kasiṇugghatimàkàsa)*: tức là Hư Không đã xả bỏ lìa khỏi cả 9 đề mục Hoàn Tịnh.
4. *Hạn Giới Hư Không (Paricchedakàsa)*: tức là khoảng trống xen kẽ ở giữa Bộn Tổng Hợp Sắc này với Bộn Tổng Hợp Sắc nối tiếp, và đó chính là Sắc Hạn Giới vậy.

Ở trong những thể loại *Cõi Hư Không Giới, Hạn Chế Không Giới, Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh* này, thì ắt hẳn thường luôn có *Hạn Giới Hư Không*, nghĩa là hằng luôn có *Sắc Hạn Giới*.

Lại nữa, trong tất cả các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng, nếu nhớ như chẳng có khoảng trống, tức là *Hạn Chế Không Giới* thì những vật thể ấy sẽ không tài nào để làm cho biết đến sắc tướng hình dạng và số lượng được đâu. Chúng ta chỉ sẽ được biết đến sắc tướng hình dạng và số lượng, là cũng chỉ do bởi *Hạn Chế Không Giới* đầy như thế nào; thì tất cả các *Sắc Pháp* hữu sinh mạng và phi sinh mạng, nếu nhớ như chẳng có *Sắc Hạn Giới* thì cũng không có được số lượng *Bộn Tổng Hợp Sắc Pháp*, cũng không có chỗ cuối cùng của *Sắc Pháp*, và cũng không có hạn định ranh giới của *Sắc Pháp*. Những thể loại *Sắc Pháp* ấy sẽ dính liền với nhau thành hàng dãy dài không dứt. Một khi đã là như vậy, thì *Sanh*

Diệt Trí (Udayabbañña) và *Hoại Diệt Trí (Bhaññañña)* liên quan với Sắc Pháp cũng không thể sinh khởi lên được, vì lẽ không có khả năng để quán sát sự sinh diệt của Sắc Pháp ấy được.

[**Chú thích:** Thế theo các Ngài Chú Giải Sư ở Đảo Quốc Tích Lan, thì danh từ *Àkàsa* được xuất nguyên từ ngữ căn *À + Kas, cày bừa*; vì lẽ không thể cày như trên nền đất, nên gọi không gian là *Àkàsa*. Nó còn mang một ý nghĩa khác nữa, là sự nhận thấy, sự nhận ra. Thế theo Ngài Chú Giải Sư *Ledi Sayadaw* thì danh từ này có nghĩa là “*chói sáng, xuất hiện*”. Tuy nhiên *Àkàsa* vốn tự nó là Hư Không, là một nguyên tố, cũng còn được gọi là Không Giới, trong ý nghĩa là một *Nijjiva không có thực thể*, chẳng phải như một Tổ Chất “sống” như là Tứ Sắc Đại Hiện. Khi được kể là 1 trong 28 Sắc Pháp, *Àkàsa* không mang ý nghĩa là lớp không gian rộng lớn ở bên ngoài vũ trụ, mà chính là lớp không gian ở bên trong của Sắc Pháp, phân chia giới hạn những Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp (*Kalàpa*) với nhau. Vì lẽ ấy, Tạng Vô Tỷ Pháp đã xem *Paricchedarūpa* là *Sắc Hạn Giới*. Cho dù *Àkàsa (Hư Không)* chẳng phải là một đối tượng có thực thể, tuy nhiên vì nó được kết hợp với tất cả những Sắc Pháp được khởi sinh do bởi tác nhân, cùng như thế Sắc Hạn Giới đã được tạo nên do bởi bốn tác nhân, ấy là Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực; cùng với thực tướng sinh diệt và hoại diệt.]

NHỊ SẮC BIỂU TRI (*Viññattirūpa 2*)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Adhippàyaṃ viññāpetīti = Viññattī*”- “*Sắc Pháp nào đã làm cho người khác biết đến ý định và sở nguyện của mình, bởi do thế Sắc Pháp ấy mới gọi tên là Biểu Tri.*” “*Viññattī* hoặc *Viññāyatīti = Viññattī*”- “*Sắc Pháp nên được biết bởi do tự chính mình, chính vì thế mới gọi tên là Biểu Tri.*” Hoặc “*Viññāpenti janā viññāyanti và janehi aññamaññassa cittāni etāyāti = Viññattī*”- “*Tất cả mỗi con người, do bởi nương vào Sắc Pháp ấy, đã làm cho hiểu biết tâm ý lẫn nhau; hoặc tất cả mỗi con người, do bởi nương vào Sắc Pháp ấy, đã hiểu biết được tâm ý lẫn nhau; bởi do thế Sắc Pháp ấy mới gọi tên là Biểu Tri.*”

Bất luận người nào ngay đang khi biểu lộ cử chỉ oai nghi qua việc ngoắt tay hoặc nói năng, và đã làm cho người khác thấu hiểu được ý định và sở nguyện của người ấy; là cũng do bởi việc ngoắt tay hoặc việc nói năng đã có khởi sinh lên cử chỉ biểu hiện đặc biệt. Cử chỉ biểu hiện đặc biệt này gọi là Sắc Biểu Tri. Và nếu như chẳng có Sắc Biểu Tri này rồi, thế thì việc chuyển động của Chúng Hữu Tình cũng chẳng có sai khác chi với việc chuyển động của lá cây; và âm thanh giọng nói của Chúng Hữu Tình cũng chẳng có sai khác chi với sấm chớp trời mưa. Một khi đã là như vậy, thì tất cả mỗi con người sẽ không thể nào thấu hiểu được ý định và sở nguyện lẫn nhau; và cũng bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt phát sinh

lên ở trong việc chuyển động về Thân, và việc nói năng về Lời của Chúng Hữu Tình, mới được gọi tên là Sắc Biểu Tri.

1. **Thân Biểu Tri (Kàyaviññatti):** có câu Chú Giải nói rằng: “*Kàyena viññatti = Kàyaviññatti*”- “Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc chuyển động; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc chuyển động về Thân, mới được gọi tên là Thân Biểu Tri.
2. **Ngữ Biểu Tri (Vacìviññatti):** có câu Chú Giải nói rằng: “*Vaciyà viññatti = Vacìviññatti*”- “Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc nói năng; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc nói năng về Lời, mới được gọi tên là Ngữ Biểu Tri.”

Sắc Biểu Tri có hai thể loại, là:

1. **Trí Năng Biểu Tri (Bodhanaviññatti):** tức là lập ý đến việc chuyển động về Thân, hoặc về Lời đã làm cho người khác thấu hiểu được ý định và sở nguyện của mình.
2. **Chuyển Hình Biểu Tri (Pavattanaviññatti):** tức là lập ý đến việc chuyển động về Thân, hoặc về Lời chỉ hiện hành theo lệ thông thường, và chẳng có lập ý để làm cho người khác thấu hiểu được ý định và sở nguyện của mình.

Bởi do thế ở trong cả hai Sắc Biểu Tri ấy mới được chia ra làm thành 4 thể loại, ấy là:

1. **Trí Năng Thân Biểu Tri (Bodhanakàyaviññatti),**
2. **Chuyển Hình Thân Biểu Tri (Pavattanakàyaviññatti),**
3. **Trí Năng Ngữ Biểu Tri (Bodhanavacìviññatti),**
4. **Chuyển Hình Ngữ Biểu Tri (Pavattanavacìviññatti).**

[**Chú thích:** Từ ngữ *Viññatti* (*Biểu Tri*) mang ý nghĩa những biểu hiện truyền cảm qua việc sử dụng phương tiện mà người ta có thể truyền cảm tư tưởng với nhau; người này có thể hiểu biết ý định và sở nguyện của người kia.

Có hai hình thức truyền thông, là *Thân Biểu Tri (Kàyaviññatti)*, biểu lộ bằng Thân, tức truyền cảm bằng hành động; và *Ngữ Biểu Tri (Vacìviññatti)*, biểu lộ bằng Lời. *Thân Biểu Tri (Kàyaviññatti)* phát nguyên do từ Tâm tạo nên Phong Tố Chất, dắt dẫn đến hành động bằng Thân. *Ngữ Biểu Tri (Vacìviññatti)* phát nguyên do từ Tâm tạo ra Địa Tố Chất. Thời gian tồn tại của một Sắc Biểu Tri chỉ là một sát na Tâm.]

TAM SẮC BIẾN THỂ (Vikàrarùpa 3)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Viseso àkàro = Vikàro*”- “*Trạng thái đặc biệt của Sắc Thành Sở Tác, được gọi tên là Biến Thể.*”

Câu Chú Giải này đã trình bày cho thấy rằng Sắc Biến Thể thì chẳng có trạng thái đặc biệt, mà đó chính là trạng thái đặc biệt của Sắc Thành Sở Tác khởi sinh, tức là:

1. **Sắc Khinh Khoái (Rùpalahutà):** có câu Chú Giải nói rằng: “*Lahuno bhàvo = Lahutà*”- “*Trạng thái nhẹ nhàng, gọi tên là Khinh Khoái.*” “*Rùpassa lahutà = Rùpalahutà*”- “*Trạng thái nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác, được gọi tên là Sắc Khinh Khoái.*”
2. **Sắc Nhu Nhuyễn (Rùpamudutà):** có câu Chú Giải nói rằng: “*Muduno bhàvo = Mudutà*”- “*Trạng thái mềm mỏng, gọi tên là Nhu Nhuyễn.*” “*Rùpassa mudutà = Rùpamudutà*”- “*Trạng thái mềm mỏng của Sắc Thành Sở Tác, gọi tên là Sắc Nhu Nhuyễn.*”
3. **Sắc Thích Sự (Rùpakammaññatà):** có câu Chú Giải nói rằng: “*Kammani sàdhu = Kammaññatà*”- “*Sự thích dụng ở trong các công việc, gọi tên là Thích Sự.*” “*Kammaññassa bhàvo = Kammaññatà*”- “*Thực tính thích dụng ở trong các công việc, gọi tên là Thích Sự.*” “*Rùpassa kammaññatà = Rùpakammaññatà*”- “*Thực tính thích dụng ở trong các công việc của Sắc Thành Sở Tác, gọi tên là Sắc Thích Sự.*”

Hai Sắc Biểu Tri đã vừa trình bày cũng được liệt kê vào trong Sắc Biến Thể như nhau, bởi do thể Sắc Biến Thể mới có được 5; và cả 5 Sắc Biến Thể này là những thể loại Sắc Pháp đặc biệt chỉ khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng mà thôi. Đối với cả 3 Sắc Biến Thể gồm Khinh Khoái, Nhu Nhuyễn, Thích Sự đây, một khi đã sinh khởi thì thường cùng đồng sinh khởi; và một khi đã sinh khởi rồi thì thường biểu thị cho hiểu biết được rằng các cử chỉ oai nghi với việc chuyển động các oai nghi lớn nhỏ, hoặc việc nói năng, thường được hiện hành với trạng thái trác thủy hành châu một cách nhẹ nhàng êm ái và thích hợp, chẳng có điều chi trắc trệu trở ngại khó khăn cả.

[**Chú thích:** *Sắc Biến Thể (Vikàrarùpa)* tính cách biến đổi của Sắc Pháp. Sắc Khinh Khoái chỉ cho sức khỏe của cơ thể vật chất, và được ví như một thanh sắt được nung đỏ suốt ngày. Sắc Nhu Nhuyễn được ví như một tấm da được đập nhồi thật nhu nhuyễn. Sắc Thích Sự thì đối nghịch với đặc tính cứng rắn của thân thể, và được ví như thỏi vàng được khéo giũa, khéo mài.]

TỨ SẮC THỰC TƯỢNG (Lakkhaṇarūpa 4)

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Lakkhīyanti vinicchīyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = Lakkhaṇam*”- “*Tất cả các Pháp mà bậc Hiền Trí đã phân*

tích thâm xét được rằng những thể loại Pháp ấy là Hữu Vi (*Saṅkhata*) do việc nương vào Sắc Pháp này, bởi do thể Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc phân tích thâm xét ấy, mới gọi tên là Thực Tướng.”

Có hai thể loại Pháp, là 1/. Pháp Hữu Vi (*Saṅkhatadhamma*), 2/. Pháp Vô Vi (*Asaṅkhatadhamma*).

+ Pháp Hữu Vi (*Saṅkhatadhamma*) có nghĩa là tất cả các Pháp đã bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Tác Duyên (*Paccaya*) là Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết, Vật Thực; tức là Tâm, Tâm Sở và Níp Bàn.

+ Pháp Vô Vi (*Asaṅkhatadhamma*) có nghĩa là tất cả các Pháp chẳng có bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Tác Duyên, tức là Níp Bàn và Chế Định.

Và ở trong tất cả các Pháp đã bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Tác Duyên ấy, thì thường có việc sinh khởi là Sinh (*Jāti*), việc an trụ là Lão Mại (*Jarata*), và việc diệt mất là Vô Thường (*Aniccatà*), là biểu tượng đặc trưng của tất cả các Pháp ấy.

Còn tất cả các Pháp chẳng có bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Tác Duyên thì thường không có cả 3 biểu tượng đặc trưng như đã vừa đề cập đến; và đích thị chính cả 3 biểu tượng này làm thành tác nhân cho hiểu được rằng những thể loại Pháp này là Pháp Hữu Vi, những thể loại Pháp này là Pháp Vô Vi; bởi do thế, mới gọi là Thực Tướng.

Thực Tướng của Danh Pháp là Tâm và Tâm Sở thì có 3 thể loại như đã vừa đề cập đến. Còn Thực Tướng của Sắc Pháp thì có 4 thể loại, là Sinh (*Jāti*) chia ra làm 2, tức là Tích Trữ (*Upacaya*), Thừa Kế (*Santati*); đối với Lão Mại (*Jarata*) và Vô Thường (*Aniccatà*) thì cũng tương tự như nhau. Như sẽ được giải thích tiếp theo đây:

1. Sắc Tích Trữ (*Upacayarūpa*): có câu Chú Giải nói rằng: “*Ādito uparito ca cayoti = Upacayo*”- “Việc sinh khởi lần đầu tiên và việc sinh khởi những lần sau sau cho đến tròn túc số Sắc Pháp cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác, thì được gọi tên là Tích Trữ.

Ở trong sát na Tái Tục của Chúng Hữu Tình, Sắc Nghiệp sinh khởi lần đầu tiên ấy, thì được gọi tên là Tích Trữ. Và chỗ nối tiếp từ ở nơi sát na Tái Tục trở đi, thì việc sinh khởi của Sắc Nghiệp vẫn cứ tiếp tục sinh khởi liên tục chưa tròn đủ túc số của Chúng Hữu Tình Thai Sanh (*Gabbhaseyyasatta*) mãi cho đến tận tuần lễ thứ 11, thì Sắc Nghiệp mới sinh khởi đã tròn đủ; chính vì thế việc sinh khởi của Sắc Nghiệp ở trong giai đoạn sau, chỗ nối tiếp từ ở nơi sát na Tái Tục trở đi cho mãi đến tròn đủ túc số ấy, mới được gọi tên là Tích Trữ.

Còn các nhóm Chúng Hữu Tình thuộc Sản Địa Thấp Sanh (*Samsedaja*) và Sản Địa Hóa Sanh (*Opapātika*) ấy, thì Sắc Nghiệp ở ngay trong sát na Tái Tục đã sinh trọn đủ túc số rồi, bởi do thế chỉ có Sắc Nghiệp sinh khởi ở ngay trong sát na Tái Tục thì mới được gọi là Tích Trữ; còn Sắc Nghiệp sinh khởi ở những lần sau sau, nối tiếp từ ở nơi sát na Tái Tục trở đi ấy, thì không được gọi là Tích Trữ.

2. Sắc Thừa Kế (Santatirūpa): có câu Chú Giải nói rằng: “*Sam punap punam tati = Santati*”- “*Sự sinh khởi một cách thường luôn của Sắc Thành Sở Tác, thì được gọi tên là Thừa Kế.*” Hoặc “*Sambandhà tati = Santati*”- “*Sự sinh khởi một cách liên tục nối tiếp nhau của Sắc Thành Sở Tác, thì được gọi tên là Thừa Kế.*”

Một khi Sắc Nghiệp đã sinh khởi tròn đủ rồi, tiếp nối thì Sắc Nghiệp sinh khởi nối tiếp nhau liên tục cho đến suốt trọn kiếp sống, được gọi là *Sắc Thừa Kế*.

Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực cũng tương tự như nhau, là một khi đã sinh khởi lần đầu tiên, hoặc một khi đã sinh khởi ở giai đoạn sau mãi cho đến các bộ phận của loài Hữu Tình ấy đã trọn đủ vẹn toàn, thì được gọi tên là *Sắc Tích Trữ (Upacayarūpa)*. Tiếp nối từ nơi ấy, tính kể từ các bộ phận đã được đầy đủ trở đi, thì những thể loại Sắc Pháp này sinh khởi nối tiếp nhau một cách liên tục mãi cho đến suốt trọn kiếp sống, được gọi là *Sắc Thừa Kế (Santatirūpa)*.

Ở trong bộ Chú Giải *Atthasàlini* và *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo* đã nêu lên ví dụ để so sánh với cả hai Sắc Tích Trữ và Sắc Thừa Kế này, là cũng ví như một giếng nước đã được đào lên ở sát cạnh con sông. Khi vừa mới đào xong, thì nước bắt đầu chảy vào đến bên trong giếng nước ở lần đầu tiên đây, thì cũng giống như Sắc Tích Trữ sinh khởi ở trong sát na ban đầu. Tiếp đến thì nước ấy cũng vẫn tiếp tục thường luôn chảy vào bên trong giếng nước mãi cho đến đầy cả giếng. Sự việc này cũng tương tự như Sắc Tích Trữ sinh khởi ở trong sát na ban đầu, thế rồi tiếp nối từ ở nơi sát na Tái Tục, một khi nước đã đầy giếng thì cũng sẽ phải chảy tràn ra khỏi giếng và chảy theo nền mặt đất, thì cũng được ví tương tự với Sắc Thừa Kế.

3. Sắc Lão Mại (Jaratarūpa): có câu Chú Giải nói rằng: “*Jarànam bhavo = Jaratà*”- “*Đặc tính từ ở nơi sự già nua của Sắc Thành Sở Tác, thì được gọi tên là Lão Mại.*”

Một khi tất cả *Tứ Sắc Thành Sở Tác (Catujanipphannarūpa)* sinh khởi, thì tuổi thọ của những cả *Tứ Sắc Thành Sở Tác* ấy có được tuổi thọ là 51 sát na tiểu. Trong số lượng 51 sát na này, thì có 1 sát na Sinh, và đó chính là sát na thứ nhất. Có 1 sát na Diệt, và đó chính là sát na thứ 51. Còn sát na thứ 2 cho đến sát na thứ 50, là sát na Trụ. Trong số lượng 49 sát na làm thành sát na Trụ của *Tứ Sắc Thành Sở Tác* ấy, thì được gọi tên là *Sắc Lão Mại*, bởi vì ở trong khoảng giữa này có thực tính làm thành sự lão mại khởi sinh ở trong đó vậy.

4. Sắc Vô Thường (Aniccatarūpa): có câu Chú Giải nói rằng: “*Aniccànam bhavo = Aniccata*”- “*Đặc tính từ ở nơi sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác, thì được gọi là Vô Thường.*”

Sắc Pháp có tên gọi là *Sắc Vô Thường* đây, lập ý lấy sát na Diệt của Sắc Pháp, và đó chính là sát na thứ 51.

Cả hai *Sắc Lão Mại* và *Sắc Vô Thường* đây, hiện hữu ở trong *Sắc Thành Sở Tác* sinh khởi được tính kể từ sát na Tái Tục trở đi mãi cho đến lúc loài Hữu Tình ấy mạng vong.

Bốn Sắc Thực Tướng đã vừa được trình bày ở tại đây, là trình bày theo *Phần Siêu Lý (Paramatthanaya)*, và gọi là *Sinh, Lão, Tử Siêu Lý (Paramatthajàti, jarà, maraṇa)*. *Sinh, Lão, Tử* trình bày để ở trong Kinh Tạng ấy, thì được gọi là *Sinh, Lão, Tử Tục Đế (Sammutijàti, jarà, maraṇa)* có nghĩa là vào sát na tất cả Chúng Hữu Tình thọ sinh ở trong thai bào của người Mẹ thì gọi là *Sinh*, sát na mạng vong gọi là *Tử*, và ở trong khoảng giữa sinh với tử ấy, thì gọi là *Lão*.

Lão Mai có hai thể loại, là:

1. *Ẩn Tàng Lão (Paṭicchannajarà)*: có nghĩa là sự lão mai đã không có hiện bày.
2. *Hiện Hiện Lão (Pàkaṭajarà)*: có nghĩa là sự lão mai đã có hiện bày.

Tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã được sinh ra khỏi thai bào của người Mẹ rồi cho đến phát triển to lớn lên thành thanh niên, thanh nữ, và vẫn chưa có hiện bày trạng thái tóc bạc, răng rụng, v.v.; thì ở trong khoảng thời gian này sự lão mai cũng vẫn còn đang hiện hữu, tuy nhiên đó là sự lão mai ở thể loại *Ẩn Tàng Lão (Paṭicchannajarà)* có nghĩa là sự già nua đã không có hiện bày. Khi người ấy vượt qua khỏi chạn tuổi thanh niên, thanh nữ; vào đến chạn tuổi mà có trạng thái tóc bạc, răng rụng, v.v. đã hiện bày lên, thì sự lão mai ở trong giai đoạn này gọi là *Hiện Hiện Lão (Pàkaṭajarà)*: có nghĩa là sự già nua đã có hiện bày.

Ngay cả ở trong tất cả Sắc Pháp là Sắc Phi Thành Sở Tác, tức là Sắc Phi Sinh Mạng ấy, như là núi đồi, cây cối, đất, nước; và các thực thể vật chất khác hiện hữu ở trong thế gian này, cũng thường luôn có sự lão mai xâm nhập vào thống quản hết cả thảy. Và sự lão mai của tất cả những thể loại *Sắc Phi Quyền Phục (Anindriyabaddharūpa)* này cũng có 2 thể loại, ấy là *Ẩn Tàng Lão* và *Hiện Hiện Lão*. Ở trong cả hai thể loại này, thì cũng có một số Sắc Pháp chỉ có duy nhất một thể loại *Ẩn Tàng Lão*, và không có *Hiện Hiện Lão*, chẳng hạn như đất, nước, núi đồi, mặt trời, mặt trăng, vàng, kim cương, ngọc thạch, v.v. Sự lão mai hiện hữu ở trong những thể loại Sắc Pháp này gọi là *Bất Kiến Lão (Avicijarà)* là khó nhận thấy được sự già nua, bởi vì không có cơ hội để sẽ được nhìn thấy sự lão mai của thể loại Sắc Pháp này.

Còn cây cối, và các thực thể vật chất khác ngoài ra của đất, nước, núi đồi, mặt trời, mặt trăng, vàng, kim cương, ngọc thạch, v.v. thì có cả *Ẩn Tàng Lão* và *Hiện Hiện Lão*; bởi do thế, sự lão mai hiện hữu ở trong thể loại Sắc Pháp này, gọi là *Hữu Kiến Lão (Savicijarà)* là dễ nhận thấy được sự già nua, bởi vì có được cơ hội để được nhìn thấy.

[*Chú thích: Sắc Thực Tướng (Lakkhaṇarūpa)* được gọi như vậy, là vì Sắc Pháp có nhiều đặc tướng riêng biệt ở trong những giai đoạn khác nhau, gồm *Sinh (Uppāda)*, *Trụ (Ṭhiti)* và *Diệt (Bhaṅga)*.

Tích Trữ (Upacaya) có nghĩa là sự tích lũy tiên khởi, hay sự phát sinh sơ khởi, ở tại đây gọi là sự sinh khởi. Trong từ ngữ “*Upacaya*” với “*Upa*” được

dùng ở trong ý nghĩa “đầu tiên, tiên khởi”. Sự sinh khởi lần đầu tiên của Sắc Pháp Siêu Lý ở trong nhóm Chúng Hữu Tình Thai Sanh thì thông thường có ba Tổng Hợp Sắc Pháp, là *Tổng Hợp Thân Thập*, *Tổng Hợp Tính Thập*, và *Tổng Hợp Vật Thập* ngay lúc được thọ sinh vào thai bào của người Mẹ. Sự sinh khởi nối tiếp liên tục của ba Tổng Hợp Sắc Pháp này, từ khi vừa thác sinh cho đến mạng chung của kiếp sống, được xem là giai đoạn *Thừa Kế (Santati)*. Cả hai, Tích Trữ và Thừa Kế được xem là *Sinh (Jāti)*. Hai Sắc Pháp này có sự khác biệt, với Sắc Tích Trữ là giai đoạn tiên khởi của tiến trình Sắc Pháp, còn Sắc Thừa Kế là sự lặp đi lặp lại liên tục cũng trong cùng tiến trình Sắc Pháp ấy. Như thế, Sắc Pháp chỉ còn 27 thay vì là 28. Thông thường thì thời gian tồn tại của một Sắc Pháp được xem là 17 sát na Tâm. Sát na Tâm đầu tiên là Sắc Tích Trữ, sát na Tâm cuối cùng là Sắc Vô Thường, và 15 sát na ở khoảng giữa là Sắc Lão Mại. *Sắc Vô Thường (Aniccata)* thể hiện của giai đoạn Sắc Pháp phải bị tiêu hoại. Một cách chính xác, mỗi Sắc Pháp Siêu Lý chỉ có ba Sắc Thực Tướng, ấy là *Sinh*, *Hoại* và *Diệt*. Thực tướng *Vô Thường* đồng nghĩa với *Tử Vong (Marāṇa)*. Trong suốt khoảng cách giữa Sinh và Tử, là một tiến trình trưởng thành, trụ hay hoại diệt.

Ngoài trừ 5 Sắc Pháp, tức là 2 Sắc Biểu Tri, Sinh, Lão và Vô Thường, tất cả 23 Sắc Pháp còn lại tồn tại 17 sát na Tâm.] (Xin xem Tập II – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương thứ IV, trang 255)

Tóm lại, ở đoạn cuối phần Pàli của Phần thứ nhất đã có trình bày một đoạn văn tóm tắt liệt kê tất cả các Sắc Pháp, đã kể rõ ra 18 Sắc Thành Sở Tác, và 10 Sắc Phi Thành Sở Tác, kết hợp lại có tất cả 28 Sắc Pháp. Đoạn văn trình bày rằng:

Katham ?

Bhūtapasàdavisayā bhāvo hadayamiccapi jīvitāhārarupehi aṭṭhārasa vidham tathā. Paricchedo ca viññatti vikāro lakkhaṇanti ca anipphannā dasa cāti aṭṭhavisadham bhavē. Ayamettha rūpasamuddeso.

Như thế nào (là 28) ?

Như vậy, tóm lại có tất cả là 28 Sắc Pháp, gồm Tứ Sắc Đại Hiện, Ngũ Sắc Thanh Triệt, Tứ Sắc Thông Hành, Nhị Sắc Giới Tính, Nhất Sắc Ý Vật, Nhất Sắc Mạng Quyền, và Nhất Sắc Vật Thực; cộng lại có 18 Sắc Thành Sở Tác. Lại thêm, 10 Sắc Phi Thành Sở Tác, ấy là Nhất Sắc Hạn Giới, Nhị Sắc Biểu Tri, Tam Sắc Biến Thể, và Tứ Sắc Thực Tướng.

Kết Thúc Phần Tổng Lược Sắc Pháp

-----00000-----

PHẦN THỨ HAI: PHÂN PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (RŪPAVIBHĀGANAYA)

(Việc phân tích Sắc Pháp một cách đầy đủ chi tiết)

Sabbañ ca panetaṃ rūpaṃ ahetukaṃ, sappaccayaṃ, sāsavaṃ, sañkhataṃ, lokiyaṃ, kāmavacaraṃ, anārammaṇaṃ, appahātabbamevāti ekavidhaṃ pi ajjhattika bhārahādivasena bahudhā bhedaṃ gacchati.

Bây giờ, tất cả các Sắc Pháp được phân chia ra các thể loại sai khác nhau như sau: Hữu Nhân, Hữu Duyên, Hữu Lậu, Hữu Vi, Hiệp Thế, Dục Giới, Bất Tri Cảnh, Phi Phóng Khí. Như vậy Sắc Pháp chỉ có một. Nếu phân chia ra thành Nội Bộ, Ngoại Bộ, v.v. thì Sắc Pháp được phân chia thành nhiều thể loại.

Kāthaṃ ? Pasādasāṅkhātaṃ pañcavidhampi ajjhattikarūpaṃ nāma; itaraṃ bhārahādivasena bahudhā bhedaṃ gacchati. Pasādahadayaṃ sañkhātaṃ chabbidhampi vatthu rūpaṃ nāma; itaraṃ avatthurūpaṃ. Pasādaviññāṭṭisañkhātaṃ sattavidhampi dvāra rūpaṃ nāma; itaraṃ advārarūpaṃ. Pasādabhāvajīvitasañkhātaṃ atthavidham pi indriya rūpaṃ nāma; itaraṃ anindriyarūpaṃ. Pasādavisayasañkhātaṃ dvādasavidhampi oḷārika rūpaṃ, santike rūpaṃ, sappatigharūpaṃ ca; itaraṃ sukhumarūpaṃ, dūrerūpaṃ, appatigharūpaṃ ca kammajaṃ upādinnarūpaṃ; itaraṃ anupādinnarūpaṃ. Rūpāyatanaṃ sanidassanarūpaṃ; itaraṃ anidassa rūpaṃ. Cakkhādivayaṃ asampattavasena, ghāṇādivayaṃ sampattavasena pañcavidhampi gocaraggāhikarūpaṃ; itaraṃ agocaraggāhikarūpaṃ. Vanṇo, gandho, raso, oja, bhūtacatukkaṃ ceti aṭṭhavidhampi avinibbhogarūpaṃ; itaraṃ vinibbhogarūpaṃ.

Bằng cách nào ? Năm thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt gọi tên là **Sắc Nội Bộ**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Ngoại Bộ**. Sáu thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt và Sắc Ý Vật gọi tên là **Sắc Hữu Vật**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Phi Hữu Vật**. Bảy thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt và hai Sắc Biểu Tri gọi tên là **Sắc Hữu Môn**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Vô Môn**. Tám thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính và Sắc Mạng Quyền gọi tên là **Sắc Hữu Quyền**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Phi Hữu Quyền**. Mười hai thể loại gồm có Ngũ Sắc Thanh Triệt, và bảy Sắc Thông Hành gọi tên là **Sắc Thô Thiển**, **Sắc Cận Lân**, và **Sắc Hữu Đới Chiếu**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Vi Tế**, **Sắc Dao Viễn**, và **Sắc Bất Đới Chiếu**. Các Sắc Pháp bởi do Nghiệp mà sinh gọi tên là **Sắc Hữu Chấp Thủ**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Phi Chấp Thủ**. Sắc Xứ gọi tên là **Sắc Hữu Kiến**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Phi Hữu Kiến**. Cả hai Nhãn Căn và Nhĩ Căn tiếp thu giữ lấy Cảnh không xúc chạm đối tượng; cả ba Tỷ Căn, Thiệt Căn và Thân Căn phải xúc chạm đối tượng. Ngũ Thanh Triệt gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Bất Thủ Cảnh**. Tám thể loại gồm Tứ Sắc Đại Hiện, Sắc, Khí, Vị và Bồ Phâm (Vật Thực Nội) gọi tên là **Sắc Bất Giãn Biệt (Sắc Bất Ly)**; các Sắc Pháp khác gọi là **Sắc Khả Giãn Biệt (Sắc Hữu Ly)**.

Icevamaṭṭhavisati vidhampi ca vicakkhaṇā.

Ajjhattikàbhidhedena vibhajanti yathàrahaṃ.

Ayamettha rūpavibhàgo.

Như vậy, tùy theo sự phân chia Sắc Pháp thế theo các thể loại Sắc Nội Bộ và Sắc Ngoại Bộ, v.v. mà bậc Hiền Trí đã phân tích ra làm 28 thể loại Sắc Pháp. Trên đây, là việc phân loại tất cả các Sắc Pháp.

-----00000-----

GIẢI THÍCH

Tất cả 28 Sắc Pháp này có được 8 tên gọi với nhau thế theo Thực Tính, là:

1. Gọi tên là *Vô Nhân (Ahetuka)*, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là *Hữu Nhân (Sahetuka)*, vì chẳng có phối hợp với Nhân Tương Ứng.
2. Gọi tên là *Hữu Duyên (Sappaccaya)*, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là *Vô Duyên (Appaccaya)*, vì có 4 Trợ Duyên.
3. Gọi tên là *Hữu Lậu (Sàsava)*, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là *Vô Lậu (Anàsava)*, vì làm thành Cảnh của Lậu Hoặc.
4. Gọi tên là *Hữu Vi (Saṅkhata)*, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là *Vô Vi (Asaṅkhata)*, vì bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Trợ Duyên.
5. Gọi tên là *Hiệp Thế (Lokiya)*, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là *Siêu Thế (Lokuttara)*, vì làm thành Pháp liệt kê vào ở trong *Pháp Hành Thế Tục (Saṅkhàraloka)*.
6. Gọi tên là *Dục Giới (Kàmàvacara)*, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là *Hữu Sắc Giới (Rùpàvacara)* và *Vô Sắc Giới (Arùpàvacara)*, vì làm thành Cảnh của Ái Dục (*Kàmatanàhà*).
7. Gọi tên là *Bất Tri Cảnh (Anàrammaṇa)*, và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là *Hữu Tri Cảnh (Sàrammaṇa)*, vì không có khả năng tri giác được đối tượng.
8. Gọi tên là *Phi Phóng Khí (Appahàtabba)*, và không có Sắc pháp nào có tên gọi là *Khả Phóng Khí (Pahàtabba)*, vì chẳng phải làm thành Pháp cần phải phóng khí xả bỏ.

[*Chú thích:* Tên gọi là *Vô Nhân (Ahetuka)* vì Sắc Pháp không có phối hợp với các Nhân Tương Ứng có *Tham (Lobha)*, *Sân (Dosa)*, v.v. Tên gọi là *Hữu Duyên (Sappaccaya)* vì Sắc Pháp chỉ có hiện hữu tương quan với bốn Duyên trợ tác là Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực. Tên gọi là *Hữu Lậu (Sàsava)* vì Sắc Pháp là đối tượng của Dục Lậu. Tên gọi là *Hữu Vi (Saṅkhata)* vì Sắc Pháp được cấu tạo, sắp bày do bởi bốn Trợ Duyên là Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực. Tên gọi là *Hiệp Thế (Lokiya)* vì Sắc Pháp thuộc về thế gian, vì liên kết với thế gian Ngũ Thủ Uẩn. Tên gọi là *Dục Giới (Kàmàvacara)* vì thuộc về Cõi Dục Giới, và lại nằm ở trong phạm vi của Ngũ Trần. Tên gọi là *Bất Tri Cảnh (Anàrammaṇa)*

vì bởi chính tự Sắc Pháp bất khả tri giác đối tượng; và chính Tâm Thức tri giác đối tượng xuyên qua giác quan. Tên gọi là *Phi Phóng Khí (Appahàtabba)* vì không có sự tuân tự loại trừ các Sắc Pháp như việc diệt trừ phiền não; tuy nhiên không bao hàm ý nghĩa là “không thể bị hủy diệt” vì Sắc Pháp vẫn phải bị định luật Vô Thường chi phối.]

28 Sắc Pháp này, một khi đã phân tích bởi theo danh xưng thì có được 8 tên gọi, có Vô Nhân, Hữu Duyên, v.v. thì thường chỉ có duy nhất mỗi một thể loại, và chẳng có thể loại đối nghịch lại; có nghĩa chỗ vừa có tên gọi là Vô Nhân thì đích thị cũng vừa là tên gọi Hữu Duyên, Hữu Lậu, Hữu Vi, Hiệp Thế, Dục Giới, Bất Tri Cảnh, và Phi Phóng Khí vậy. Tuy nhiên nếu phân chia thể theo *Nội Bộ (Ajhattika)*, bởi theo *Hữu Vật (Vatthu)*, v.v. thì thường có thể loại đối nghịch lại với nhau, chẳng hạn như một khi đã phân chia 28 Sắc Pháp bởi theo sự làm thành Nội Bộ, thì thường cũng có Sắc Ngoại Bộ (*Bàhira*). Và một khi phân chia bởi theo sự làm thành Hữu Vật, thì Sắc Pháp làm thành Phi Hữu Vật thường cũng có được từng đôi với nhau, và đã có với nhau thành 11 đôi, như tiếp theo đây:

Phân Chia 28 Sắc Pháp Theo Việc Chia Ra Làm Thành 11 Đôi

1. + *Sắc Nội Bộ (Ajhattikarùpa)*: có **5** Sắc thuộc bên trong nội bộ, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt.

+ *Sắc Ngoại Bộ (Bàhirarùpa)*: có **23** Sắc thuộc bên ngoại bộ, tức là 23 Sắc Pháp còn lại.

2. + *Sắc Hữu Vật (Vatthurùpa)*: có **6** Sắc làm thành chỗ nương sinh của Tâm, Tâm Sở, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, và 1 Sắc Tâm Cơ.

+ *Sắc Phi Hữu Vật (Avatthurùpa)*: có **22** Sắc không làm thành chỗ nương sinh của Tâm, Tâm Sở, tức là 22 Sắc Pháp còn lại.

3. + *Sắc Hữu Môn (Dvàrarùpa)*: có **7** Sắc làm thành tác nhân từ ở nơi việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, và Thân Hành Nghiệp Lực, Ngũ Hành Nghiệp Lực, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Biểu Tri.

+ *Sắc Vô Môn (Advàrarùpa)*: có **21** Sắc không làm thành tác nhân từ ở nơi việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, và Thân Hành Nghiệp Lực, Ngũ Hành Nghiệp Lực, tức là 21 Sắc Pháp còn lại.

4. + *Sắc Hữu Quyền (Indriyarùpa)*: có **8** Sắc làm thành trưởng trội, làm vị bảo hộ ở trong việc nhìn thấy, v.v. tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Mạng Quyền.

+ *Sắc Phi Hữu Quyền (Anindriyarùpa)*: có **20** Sắc không làm thành trưởng trội, làm vị bảo hộ ở trong việc nhìn thấy, v.v. tức là 20 Sắc Pháp còn lại.

5. + *Sắc Tho Thiển (Olàrikarùpa)*: có **12** Sắc thô thiển, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày rõ ràng, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thế.

+ *Sắc Vi Tế (Sukhumarùpa)*: có 16 Sắc vi tế, lập ý đến Sắc Pháp không có hiện bày rõ ràng, tức là 16 Sắc Pháp còn lại.

6. + *Sắc Cận Lân (Santikerùpa)*: có 12 Sắc cận lân, sát cận; lập ý đến Sắc Pháp được nhận thấy dễ dàng, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

+ *Sắc Dao Viễn (Dùrerùpa)*: có 16 Sắc xa cách, lập ý đến Sắc Pháp khó được nhận thấy biết, tức là 16 Sắc Pháp còn lại.

7. + *Sắc Hữu Đối Chiếu (Sappañgharùpa)*: có 12 Sắc có được tiếp xúc, đối chiếu lẫn nhau, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

+ *Sắc Phi Hữu Đối Chiếu (Appañgharùpa)*: có 18 Sắc Pháp không có tiếp xúc, bất đối chiếu lẫn nhau, tức là 18 Sắc Pháp còn lại.

8. + *Sắc Hữu Chấp Thủ (Upàdinnarùpa)*: có 18 Sắc nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, tức là 18 Sắc Nghiệp.

+ *Sắc Phi Chấp Thủ (Anupàdinnarùpa)*: có 40 Sắc không có nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, tức là 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiệt, và 12 Sắc Vật Thực.

9. + *Sắc Hữu Kiến (Sanidassanarùpa)*: có 1 Sắc được nhận thấy bằng mắt, tức là Cảnh Sắc.

+ *Sắc Phi Hữu Kiến (Anidassanarùpa)*: có 27 Sắc không thể nhận thấy bằng mắt được, tức là 27 Sắc Pháp còn lại.

10. + *Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggàhakarùpa)*: có 5 Sắc tiếp thân được Ngũ Cảnh, tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt.

+ *Sắc Bất Thủ Cảnh (Agocaraggàhakarùpa)*: có 23 Sắc không thể tiếp thân Ngũ Cảnh được, tức là 23 Sắc Pháp còn lại.

11. + *Sắc Bất Giản Biệt (Avinibbhogarùpa)*: có 8 Sắc bất giản biệt, không thể tách ly với nhau được, tức là Tứ Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Khí Cảnh, Vị Cảnh, và Sắc Vật Thực.

+ *Sắc Khả Giản Biệt (Vinibbhogarùpa)*: có 20 Sắc giản biệt, có thể tách ly với nhau được, tức là 20 Sắc Pháp còn lại.

[*Chú thích: Sắc Nội Bộ (Ajhattikarùpa)* là Sắc Pháp ở bên trong thuộc về cá nhân. Năm giác quan có sự trong suốt, rất nhạy cảm và cần thiết cho Chúng Hữu Tình. Nếu không có các bộ phận này thì Chúng Hữu Tình trở thành vô tri giác như một khúc gỗ. *Sắc Hữu Vật (Vatthurùpa)* có tác dụng như cứ điểm của Tâm Thức. *Sắc Hữu Quyền (Indriyarùpa)* có khả năng chi phối các Sắc Pháp khác; ví như gọi tên Sắc Nhãn Thanh Triệt là Sắc Hữu Quyền, vì Sắc Pháp này có khả năng chi phối 9 Sắc còn lại ở trong Tổng Hợp Nhãn Thập. Hai Sắc Bản Tính có khả năng chi phối đặc tính Nam Giới, Nữ Giới. Và cũng ví như một vị thuyền trưởng trên một chiếc tàu, Sắc Mạng Quyền có khả năng bảo hộ các Sắc Pháp. *Sắc Tho Thiển (Oḷàrikarùpa)* vì sự quan trọng Sắc Pháp ở cả hai phương diện, chủ quan và khách quan. Được xem là *Cận Lân (Santike)* vì tính cách thọ cảm của Sắc Pháp. Đặc tính *Tho Thiển* và *Cận Lân* ở cả hai, giác quan nhạy cảm và đối

tượng của giác quan, xúc chạm với nhau. Vì lẽ ấy còn được gọi là *Đối Chiếu (Sappatigha)* tiếp xúc đụng chạm với nhau. *Sắc Hữu Chấp Thủ (Upàdinnarūpa)* bởi do Tham Ái và Tà Kiến bám chặt vào 18 Sắc Pháp sinh khởi lần đầu tiên do từ ở nơi Nghiệp Lực. *Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggàhakarūpa)* được gọi như vậy là vì nó bám giữ lấy Ngũ Trần làm đối cảnh. Ngũ Quan có tác dụng làm thành Căn Môn cho Tâm Thức sinh khởi, thế nhưng Nhãn, Nhĩ v.v.vốn dĩ là Sắc Pháp lại bất tri giác đối tượng. Và chính Ngũ Quan Thức có Nhãn Thức, Nhĩ Thức v.v. tri giác đối tượng. Thế theo Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp thì sắc màu và âm thanh được xem là các đối tượng không đến gần nơi mắt và tai như những sự xúc chạm bằng thân, v.v. Cả hai, Nhãn và Nhĩ tiếp thu đối tượng từ ở đằng xa, không phải trực tiếp xúc chạm đến. Trong các trường hợp khác, thì phải trực tiếp xúc chạm đến Căn Môn của giác quan. Ví như muốn biết được mùi vị thì đối tượng phải trực tiếp xúc chạm vào lưỡi. Hai đối tượng kia, Khí và Xúc, cũng nên hiểu biết được như thế. Vì lẽ ấy, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã chú giải phân biệt *Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggàhakarūpa)*, tức bám giữ lấy đối tượng; và *Sắc Bất Thủ Cảnh (Agocaraggàhakarūpa)*, tức không bám giữ lấy đối tượng.]

Tuần Tụ Giải Thích Trong 11 Đới Sắc Pháp Đới Thứ Nhất: **Sắc Nội Bộ Với Sắc Ngoại Bộ**

Sắc Nội Bộ với Sắc Ngoại Bộ. Từ ngữ *Sắc Nội Bộ* đây, không có nghĩa là Sắc Pháp sinh trú ở bên trong nội tạng thân thể, mà lập ý đến sự lợi ích, bởi vì cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này có nhiều năng lực hữu ích đối với tất cả Chúng Hữu Tình. Thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, nếu như không có cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này rồi, thế là cũng không có khả năng để sẽ làm được bất luận điều chi, và cũng chẳng khác nào với một khúc gỗ hoặc búp bê; bởi do thế, những cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này mới được kể là Sắc Pháp có nhiều năng lực hữu ích, và mới được đặt tên là **Sắc Nội Bộ**; cũng tỷ như những người có nhiều năng lực hữu ích, và đã giúp đỡ ở trong hết mọi công việc lớn nhỏ, thì chúng ta sẽ gọi những hạng người ấy là người thuộc ở trong nội bộ.

Còn những 23 Sắc còn lại thì gọi tên là **Sắc Ngoại Bộ**. Sắc Ngoại Bộ ấy, thì ở trong thân thể vật chất chẳng có quan trọng bằng với Sắc Thanh Triệt, bởi do thế mới đặt tên gọi là Sắc Ngoại Bộ, và cũng tỷ như người ở ngoại bộ thì không thể nào giúp đỡ trong những công việc nhiều bằng với người ở trong nội bộ.

Đới Thứ Hai: **Sắc Hữu Vật Với Sắc Phi Hữu Vật**

Lẽ thường thì Tâm và Tâm Sở của tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong Cõi Ngũ Uẩn ấy, nếu sẽ sinh khởi lên được thì cũng cần phải có chỗ nương sinh; và nhờ chẳng là như thế, thì Tâm Tâm Sở ấy cũng không có khả năng để sinh khởi

lên được. Và chỗ nương sinh của Tâm và Tâm Sở, ấy chính là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Tâm Cơ; bởi do thế, cả những 6 Sắc Pháp này mới được gọi tên là **Sắc Hữu Vật**. Nếu sẽ nêu lên điều tỷ dụ để so sánh, thì cũng ví như con người thông thường sẽ phải du hành xa bằng đường hàng không, thì cần phải nương vào máy bay làm phương tiện vận tải mới sẽ đưa đi được. Điều này như thế nào, thì Sắc Hữu Vật cũng hiện hành cũng trong cùng một phương thức tương tự như thế ấy.

Còn những 22 Sắc Pháp còn lại ấy, chẳng phải là chỗ nương sinh của Tâm và Tâm Sở, bởi do thế, mới đặt tên là **Sắc Phi Hữu Vật**.

Đôi Thứ Ba: Sắc Hữu Môn Với Sắc Vô Môn

Việc sinh khởi của các Tâm Lộ Trình, hoặc việc sinh khởi của Thân Hành Nghiệp Lực, hoặc Ngũ Hành Nghiệp Lực đây, thì cũng cần phải nương vào 7 Sắc Hữu Môn làm thành tác nhân. Sẽ nói rằng việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, thì cần phải có Ngũ Sắc Thanh Triệt làm thành tác nhân đặng cho sinh khởi lên được; bởi do thế, Ngũ Sắc Thanh Triệt này mới được gọi tên là **Khởi Sinh Môn** (*Uppatidvāra*) có nghĩa là Sắc Pháp làm thành tác nhân từ ở nơi việc sinh khởi của Lộ Trình Ngũ Môn.

Còn việc sinh khởi của các Thân hành động tạo tác, cho dù sẽ là *Thiện Hạnh* (*Sucarita*) hoặc *Ác Hạnh* (*Ducarita*) đi nữa, mà một khi đã loại trừ Thân Biểu Tri đi rồi, thì đa phần những Thân hành động tạo tác ấy sẽ không có thể khởi sinh lên được. Còn các việc chuyện trò nói năng, cả về Thiện Hạnh hoặc Ác Hạnh, để sẽ khởi sinh lên được thì cũng cần phải nương vào Ngũ Biểu Tri; mà một khi đã loại trừ Ngũ Biểu Tri đi rồi, thì các việc nói năng ấy cũng không có thể khởi sinh lên được. Bởi do thế, cả hai Sắc Biểu Tri này mới được gọi tên là **Nghiệp Môn** (*Kammadvāra*) có nghĩa là Sắc Pháp làm thành tác nhân cho khởi sinh Thân Hành Nghiệp Lực và Ngũ Hành Nghiệp Lực.

Còn 21 Sắc Pháp còn lại, thì chẳng phải là Sắc Pháp làm cho khởi sinh Thân Hành Nghiệp Lực, Ngũ Hành Nghiệp Lực; bởi do thế, mới gọi tên là **Sắc Vô Môn**.

Đôi Thứ Tư: Sắc Hữu Quyền Với Sắc Phi Hữu Quyền

Việc trông thấy sẽ khởi sinh lên được, thì ắt cần phải nương vào Nhãn Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ. Nếu như trường hợp thiếu mất Nhãn Thanh Triệt đi rồi, thì việc trông thấy cũng không thể nào khởi sinh lên được.

Một trường hợp khác nữa là việc trông thấy đây, sẽ trông thấy được rõ ràng hoặc không được rõ ràng, sẽ trông thấy được xa hoặc không được xa ấy, là cũng phải tùy thuộc vào Nhãn Thanh Triệt này. Nếu như Nhãn Thanh Triệt này có nhiều năng lực tốt đẹp, thì việc trông thấy cũng được rõ ràng và được nhìn thấy xa, các vật thể lớn hoặc nhỏ cũng vẫn có khả năng nhìn thấy được rõ ràng; bởi do thế,

Nhãn Thanh Triệt này mới làm thành chủ vị trưởng trội trong việc nhìn thấy hết tất cả, mới được gọi tên là **Sắc Hữu Quyền**.

Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt cũng được hiện hành trong cùng một phương thức này.

Sắc Nữ Giới Tính (Itthibhàvarùpa) làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ trong xác thân của Nữ Giới.

Sắc Nam Giới Tính (Purisabhàvarùpa) làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ trong xác thân của Nam Giới; bởi vì sắc thân và các bộ phận của tất cả Chúng Hữu Tình ấy, thường sinh khởi nương theo cả hai Sắc Bản Tính này. Nếu như loài Hữu Tình nào ở trong sát na mới vừa tục sinh ấy và có Sắc Nữ Giới Tính cùng câu sinh, thì xác thân và các bộ phận sinh khởi ở trong những giai đoạn sau sau của loài Hữu Tình này, cũng sẽ hiện hành nương theo Sắc Nữ Giới Tính. Nếu như loài Hữu Tình nào ở trong sát na vừa mới tục sinh ấy và có Sắc Nam Giới Tính đang cùng câu sinh, thì sắc thân và các bộ phận sinh khởi ở trong những giai đoạn sau sau của Hữu Tình ấy, cũng sẽ hiện hành nương theo Sắc Nam Giới Tính, và cũng bởi do thế, cả hai Sắc Bản Tính này mới được gọi tên là **Sắc Hữu Quyền**.

Sắc Hữu Quyền làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ ở trong việc gìn giữ Sắc Nghiệp câu sinh với mình cho được an trụ mãi suốt trọn đến 51 sát tiếu. Tuy nhiên việc sinh khởi của Sắc Nghiệp ấy, chẳng phải là do bởi nương sinh Sắc Mạng Quyền làm thành người cho sinh khởi; mà thực ra sự sinh khởi là do bởi nương vào Nghiệp Quá Khứ; và tiếp nối khi Sắc Nghiệp đã hiện khởi sinh lên, thế rồi Sắc Mạng Quyền cũng liền sinh khởi mới làm nhiệm vụ Sắc bảo hộ thay thế cho Nghiệp Quá Khứ ấy; và bởi do thế, Sắc Mạng Quyền này mới làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ trong việc gìn giữ Sắc Nghiệp, và đã được gọi tên là **Sắc Hữu Quyền**.

Còn 20 Sắc Pháp còn lại, đã không làm chủ vị trưởng trội và cũng không làm vị bảo hộ trong bất luận công việc nào cả, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Hữu Quyền**.

Đôi Thứ Năm: Sắc Thô Thiển Với Sắc Vi Tế

Khi kết hợp những 12 Sắc Pháp gồm Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, thì gọi tên là Sắc Thô Thiển. Tuy nhiên từ ngữ nói rằng Sắc Thô Thiển ở trong chỗ này chẳng phải lấy ý nghĩa thô thiển của Sắc Pháp, mà lập ý đến sự hiện bày rõ ràng. Có nghĩa là những thể loại Sắc Pháp này một khi đã được thẩm sát với Trí Tuệ thì cũng đã hiện bày một cách rất rõ ràng, bởi do vậy mới gọi tên là **Sắc Thô Thiển**.

Còn 16 Sắc Pháp còn lại, một khi thẩm sát với Trí Tuệ thì chẳng có hiện bày được rõ ràng, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Vi Tế**.

Đôi Thứ Sáu: Sắc Cận Lân Với Sắc Dao Viễn

Khi kết hợp những 12 Sắc Pháp gồm Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, một khi đã được thẩm sát với Trí Tuệ thì cũng được hiểu biết một cách dễ dàng, bởi do thế, mới gọi tên là **Sắc Cận Lân**.

Còn 16 Sắc Pháp còn lại, một khi thẩm sát với Trí Tuệ thì lại hiểu biết rất khó khăn, bởi do thế, mới gọi tên là **Sắc Dao Viễn**.

Đôi Thứ Bảy: Sắc Hữu Đối Chiếu Với Sắc Phi Hữu Đối Chiếu

Khi kết hợp những 12 Sắc Pháp gồm Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, làm thành những Sắc Pháp đối chiếu xúc chạm lẫn nhau thể theo thực tính; chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khi đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc đã có được thực tính đối chiếu với nhau; bởi do thế những thể loại Sắc Pháp này mới gọi tên là **Sắc Hữu Đối Chiếu**.

Còn 16 Sắc Pháp còn lại, là những Sắc Pháp chẳng có được thực tính đối chiếu lẫn nhau, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Hữu Đối Chiếu**.

Đôi Thứ Tám: Sắc Hữu Chấp Thủ Với Sắc Phi Chấp Thủ

18 Sắc Nghiệp gọi tên là Sắc Hữu Chấp Thủ cũng bởi vì làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, mà có Ái Dục và Tà Kiến thấm nhập vào tác hành cho làm thành Cảnh; bởi do thế những 18 Sắc Nghiệp này mới gọi tên là **Sắc Hữu Chấp Thủ**.

Còn những 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết và 12 Sắc Vật Thực này, thì chẳng phải làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực; mà đích thị làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Tâm, Quý Tiết và Vật Thực, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Chấp Thủ**.

Đôi Thứ Chín: Sắc Hữu Kiến Với Sắc Phi Hữu Kiến

Cảnh Sắc là chỉ duy nhất một thể loại gồm các sắc màu, là Sắc Pháp bằng với con mắt mà đã được trông thấy; bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Hữu Kiến**.

Còn 27 Sắc Pháp còn lại, thì chẳng phải là những Sắc Pháp bằng với con mắt mà đã được trông thấy; bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Hữu Kiến**.

Đôi Thứ Mười: Sắc Thủ Cảnh Với Sắc Bất Thủ Cảnh

Ngũ Sắc Thanh Triệt gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh**, vì đó chính là Sắc Pháp tiếp thu được Ngũ Cảnh; chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệt thì tiếp thu được Cảnh Sắc, và đã làm cho khởi sinh hiểu biết được việc nhận thấy; Nhĩ Thanh Triệt thì tiếp thu được Cảnh Thính, và đã làm cho khởi sinh việc được lắng nghe; Tỷ Thanh Triệt thì tiếp thu được Cảnh Khí, và đã làm cho khởi sinh việc nhận biết được khí hơi; Thiệt Thanh Triệt thì tiếp thu được Cảnh Vị, và đã làm cho khởi sinh việc nhận biết được mùi vị; Thân Thanh Triệt thì tiếp thu được Cảnh Xúc, và đã làm cho khởi sinh nhận biết được việc tiếp xúc.

Trong tất cả những 5 Sắc Thủ Cảnh ấy đã chia ra làm 2 thể loại, là:

1. *Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác (Asampattagocaraggàhakarùpa)*: có nghĩa là tiếp thu giữ lấy Cảnh mà vẫn không xúc chạm đến, tức là Nhãn Thanh Triệt và Nhĩ Thanh Triệt.
2. *Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác (Sasampattagocaraggàhakarùpa)*: có nghĩa là tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến, tức là Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.

[**Chú thích:** Bộ Kinh Vô Tỷ Pháp Toàn Tập, với Phẩm thứ 2, điều thứ 31 có nội dung chính yếu liên quan với sự kiện này như sau: Thể theo bậc Đại Chú Giải Sư thời xa xưa đã giải thích rằng cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này là *Hữu Thủ Xúc Giác (Sampattagàha)* có nghĩa là tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến. Tuy nhiên quan điểm của Ngài Chú Giải Sư *Buddhaghosàcàriya* đã trình bày rằng cả hai Nhãn với Nhĩ đây, tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến cũng được [*Hữu Thủ Xúc Giác (Sampattagàha)*] và tiếp thu giữ lấy Cảnh mà vẫn không xúc chạm đến cũng được [*Phi Thủ Xúc Giác (Asampattagàha)*], chẳng hạn như mặt trời và mặt trăng là Cảnh Sắc có ánh sáng chiếu sáng. Cảnh mà xúc chạm đến là ánh sáng chiếu sáng của mặt trời hoặc mặt trăng, thế nhưng Sắc Pháp mặt trời hoặc mặt trăng thì lại hiện bày ở trên bầu trời là Cảnh không thể nào xúc chạm được; và Nhãn thì không thể tiếp thu được Cảnh này. Còn Tỷ, Thiệt, Thân ấy đặc biệt chỉ tiếp thu với những Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến.]

Giải thích rằng: Nhãn Thanh Triệt một cách đặc biệt là thường chỉ tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ vẫn không xúc chạm đến; nếu như Cảnh Sắc ấy mà đã xúc chạm đến rồi, thế thì Nhãn Thanh Triệt không thể nào tiếp thu giữ lấy Cảnh Sắc ấy được; có nghĩa là không thể nào trông thấy được đâu, chẳng hạn như khi chúng ta đưa bàn tay lên ở ngay trước mặt chúng ta trong khoảng tầm mắt vừa thích hợp, thì con mắt của chúng ta sẽ trông thấy được bàn tay ấy; tuy nhiên nếu như chúng ta lấy bàn tay ấy đưa vào xúc chạm đến con mắt rồi, thế là chúng ta không thể nào trông thấy được bàn tay.

Nhĩ Thanh Triệt thì cũng tương tự như nhau, là thường chỉ tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ vẫn không xúc chạm đến; nếu như âm thanh ấy mà vào xúc chạm đến ở trong khoang lỗ tai của Nhĩ Thanh Triệt, và thế rồi Nhĩ Thanh Triệt cũng không thể nào tiếp thu giữ lấy âm thanh ấy được, tức là không tài nào lắng nghe được âm thanh. Chỗ mà có thể lắng nghe được đây, chẳng phải là âm thanh phải vào xúc chạm đến Nhĩ Thanh Triệt, mà âm thanh ấy chỉ phải ở trong khoảng cách vừa thích hợp đối với việc được lắng nghe ấy mà thôi. Bởi do thế, cả hai Nhĩ Thanh Triệt và Nhĩ Thanh Triệt này mới gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác**.

Còn cả ba Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt và Thân Thanh Triệt đây, thì cần phải tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến. Nếu như Cảnh ấy mà vẫn không có được vào xúc chạm đến, thì cũng không có tài nào để tiếp thu giữ lấy Cảnh ấy được; chẳng hạn như Tỷ Thanh Triệt thì cần phải tiếp thu giữ lấy Cảnh Khí mà đã vào xúc chạm thì mới nhận biết được khí hơi ấy. Nếu như Cảnh Khí hoặc mùi hơi ấy vẫn không có được vào xúc chạm đến Tỷ Thanh Triệt, thì cũng không có khả năng để nhận biết mùi khí hơi ấy được.

Thiệt Thanh Triệt cũng cần phải tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ xúc chạm đến, thì mới sẽ nhận biết được mùi vị. Nếu như Cảnh Vị hoặc mùi vị ấy vẫn chưa có vào xúc chạm đến, thì Thiệt Thanh Triệt cũng không có khả năng để sẽ nhận biết được mùi vị ấy.

Thân Thanh Triệt cũng cần phải tiếp thu giữ lấy cảnh ở chỗ xúc chạm đến, thì mới sẽ cảm giác được lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, v.v. Nếu như Cảnh Xúc ấy vẫn chưa có vào xúc chạm đến Thân Thanh Triệt, thì cũng không có khả năng để có được cảm giác lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, v.v. Cả ba Sắc Thanh Triệt này mới được gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác**.

Còn 23 Sắc Pháp còn lại, thì gọi tên là **Sắc Bất Thủ Cảnh**, vì lẽ không có khả năng để tiếp thu giữ lấy Cảnh được.

Đôi Thứ Mười Một: Sắc Bất Giản Biệt Với Sắc Khả Giản Biệt

Khi kết hợp cả 8 Sắc Pháp gồm Tứ Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị và Sắc Vật Thực này lại, thì gọi tên là **Sắc Bất Giản Biệt**, bởi vì những cả 8 Sắc Pháp này không thể nào tách rời với nhau được, mà phải là thường luôn cùng câu sinh vào nhau; và ngay cả ở trong một Sắc Pháp cực vi tế như là một hạt nguyên tử đi nữa, thì cũng phải kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này. Nói tóm lại thì hết cả thấy tất cả các Sắc Pháp hiện hữu ở trong thế gian này sẽ không thể nào thiếu vắng 8 Sắc Bất Giản Biệt này được đâu, tối thiểu thì cũng phải hằng thường luôn kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

Còn 20 Sắc Pháp còn lại, là những Sắc Pháp có thể tách rời với nhau được. Cả 20 Sắc Pháp này thì không nhất thiết phải cùng câu sinh với nhau, và chỉ có thể câu sinh với nhau trong cùng một nhóm riêng biệt của mình mà thôi. Bởi do thế,

những cả 20 Sắc Pháp này mới gọi tên là **Sắc Khả Giản Biệt**; và những thể loại Sắc Khả Giản Biệt này cho dù quả thật sẽ phải bị tách rời với nhau đi nữa, thế nhưng cũng vẫn phải thường luôn cùng cấu sinh vào nhau với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

Kết Thúc Phân Phân Tích Sắc Pháp

-----00000-----

PHẦN THỨ BA: PHẦN XUẤT SINH XỨ SẮC PHÁP (RÙPASAMUṬṬHĀNANAYA)

(Trình bày Pháp làm thành tác nhân cho Sắc Pháp khởi sinh,
Và việc sinh khởi của Sắc Pháp do bởi nương vào những tác nhân ấy)

Kammaṃ, cittaṃ, utu, àhàro ceti cattàri rùpasamuṭṭhànàni nàma. Tatthà kàmàvacaraṃ rùpàvacaraṃ ceti pañcaviṣatividhampi kusalàkusalakammaṃ abhisankhataṃ ajjhattikasantàne kammamuṭṭhànarùpaṃ paṭisandhim upadàya khane samuṭṭhàpeti. Arùpavipàkadvipañcaviññāṇavajjitaṃ pañca sattatividhampi cittaṃ citta samuṭṭhànarùpaṃ paṭhamabhavangaṃ upadàya jàyantameva samuṭṭhàpeti. Tattha appanājavanaṃ iriyàpathampi sannàmeti. Votthapana kàmàvacara javanābhiññā pana viññattiṃpi samuṭṭhàpeti. Somanassajavanàni panettha terasa hasanampi janenti. Sītuṇhotu samaññatà tejo dhātu ùtippattava utusamuṭṭhànarùpaṃ ajjhatañ ca bahiddhà ca yathàrahaṃ samuṭṭhàpeti. Ojà sankhàto àhàro àhàrasamuṭṭhànàrùpaṃ ajjho haraṇakàle ùhānappatto va samuṭṭhàpeti. Tattha hadaya indriyarùpāni kammajañeva. Viññatti dvayaṃ cittajameva. Saddo cittotujo. Lahutādittayaṃ utucittàhārehi sambhoti. Avinibbhogarùpāni ceva àkāsadhātu ca catūhi sambhūtāni. Lakkhaṇarùpāni na kucoti jàyanti. Aṭṭhàrasa paṇṇarasa terasa dvàdasāti ca kammacittotukàhàrajāni honti yathakkamaṃ. Jàyamānādi rùpānaṃ sabhāvattā hi kevalaṃ lakkhaṇāni na jàyanti kehicīti pakāsitaṃ. Ayamettha rùpasamuṭṭhānanayo.

Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực là tên gọi của Tír Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp. Tại đây, hai mươi lăm Tâm Dục Giới và Sắc Giới, đã chi phối từ ở nơi Thiện và Bất Thiện Nghiệp Lực (thuộc quá khứ) tác thành các Sắc Pháp do Nghiệp mà nương sinh liên tục trong từng mỗi sát na ở trong tự bản thân, và đã được tính kể từ Tâm Tái Tục khởi sinh. Bảy mươi lăm Tâm trừ Tâm Quả Dị Thực Vô Sắc Giới và Ngũ Song Thức, tác thành các Sắc Pháp do Tâm mà nương sinh, tính kể từ Tâm Hữu Phần đầu tiên sinh khởi. Tại đây, các Tâm Nhập Định Đồng Lực điều hòa oai nghi của thân thể, thế nhưng các Tâm Thảm Tấn, Đồng Lực Dục Giới và Thắng Trí tạo tác các Sắc Biểu Tri. Mười ba Tâm Đồng Lực cấu hành

Hỷ Thọ cũng tác hành sự mỉm cười. Hỏa Tố Chất gồm cả lạnh và nóng, một khi đã đến trú vị và tùy theo trường hợp, đã bắt đầu tác thành các Sắc Pháp Nội Bộ và Ngoại Bộ nương sinh vào Quý Tiết. Vật Thực được gọi tên là Bồ Phẩm khi được tiêu hóa và đạt đến trú vị, đã tác thành các Sắc Pháp nương sinh từ ở Vật Thực. Tại đây, Ý Vật và 8 Sắc Mạng Quyền nương sinh vào Nghiệp Lực. Hai Biểu Tri do Tâm mà khởi sinh. Âm thanh do Tâm và Quý Tiết mà khởi sinh. Ba Sắc Biến Thể Kinh Khoái, v.v. khởi sinh do bởi Quý Tiết, Tâm và Vật Thực. Sắc Bất Gian Biệt và Sắc Hạn Giới do bởi Tứ Nhân mà khởi sinh. Các Sắc Thực Tướng tự khởi sinh, và không do bởi một tác nhân nào. Mười tám, mười lăm, mười ba, và mười hai tuần tự khởi sinh tùy thuộc vào Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực. Các Sắc Thực Tướng khởi sinh, thì không do bởi tác nhân nào tạo ra, vì với đặc tính cố hữu dính liền theo các Sắc Pháp ấy mà hiện bày. Trên đây, là việc trình bày Phần Xuất Sinh Xứ tất cả các Sắc Pháp.

-----00000-----

PHẦN GIẢI THÍCH

Có 4 thể loại Pháp làm thành tác nhân cho Sắc Pháp khởi sinh, đó là:
1/. Nghiệp Lực, 2/. Tâm Thức, 3/. Quý Tiết, và 4/. Vật Thực.

1. Nghiệp Lực (Kamma): lập ý đến các hành động đã có tạo tác hữu quan với Thân, Lời và Ý ở phần Thiện cũng có, ở phần Bất Thiện cũng có, và ở trong đời quá khứ hoặc ngay trong đời này; tức là 25 Nghiệp Lực, là Tư Tác Ý hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới. Kết hợp 25 Nghiệp Lực này lại, đã làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na của Tâm Thức được tính kể từ Tâm Tái Tục trở đi.

2. Tâm Thức (Citta): tức là 75 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bậc Vô Sinh), 52 Tâm Sở ở ngay trong kiếp sống hiện tại, đã làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na Sinh của Tâm Thức được tính kể từ Tâm Hữu Phần thứ nhất ngay chỗ nối tiếp của Tâm Tái Tục trở đi.

3. Quý Tiết (Utu): tức là Hàn Lãn Hỏa (Sitatejo) sự lạnh, Viêm Nhiệt Hỏa (Uñhatejo) sự nóng hiện hữu ở nội phần và ngoại phần của Chúng Hữu Tình, đã làm cho Sắc Quý Tiết khởi sinh. Đối với ở bên trong Chúng Hữu Tình đã làm cho khởi sinh lên trong từng mỗi sát na của Tâm Thức, và được tính kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục trở đi. Còn về phần lạnh và nóng hiện hữu ở bên ngoài của Chúng Hữu Tình ấy, thì vào bất cứ thời gian nào mà đã hiện khởi lên một cách đầy

đủ, thì chính vào ngay thời gian ấy đã làm cho Sắc Quý Tiết khởi sinh lên một cách liên tục và không gián đoạn.

4. Vật Thực (Àhàra): tức là Bồ Phẩm có ở trong các vật thực, đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh lên hiện hữu trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình, và ở trong từng mỗi sát na của Tâm Thức được tính kể từ Chất Bồ phẩm của Vật Thực thấm nhập lan tỏa ra ở trong thân thể của Chúng Hữu Tình ấy một cách trọn vẹn.

[**Chú thích:** *Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp (Rùpasamuṭṭhàna)* là tác nhân của sự khởi sinh các Sắc Pháp. Theo quan điểm Phật Giáo thì không tìm kiếm nguyên nhân đầu tiên đã sinh khởi ra các Sắc Pháp, cũng không cố gắng giải quyết vấn đề nguồn gốc cùng tột của những hiện tượng vật chất, hoặc Sắc Pháp; và mặc nhiên đã thừa nhận rằng đây là một sự kiện cố hữu sẵn có, Sắc Pháp này vốn dĩ đã hiện hữu. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp có trình bày đến bốn nguyên nhân đã làm khởi sinh các Sắc Pháp, ấy là Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.]

Giải Thích Trong Cả Tứ Xuất Sinh Xứ Đã Làm Cho Sắc Pháp Khởi Sinh

1. Nghiệp Xuất Sinh Xứ (Kammasamuṭṭhàna): Hết cả thủy Nghiệp Lực thì có số lượng là 33; tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 21 Thiện Nghiệp Lực, kết hợp lại thành 33 là như vậy. Tuy nhiên ở trong phần Nghiệp Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 25 Nghiệp Lực; và đã loại trừ đi 8 Nghiệp Lực, ấy là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế. Trong việc loại trừ cả 8 Thiện Nghiệp Lực này đi, là cũng vì những thể loại Thiện Nghiệp Lực này không làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên được. Có nghĩa là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới là Nghiệp Lực sinh khởi bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại *Nghiệp Xứ Tu Tập Ly Ái Sắc (Rùpaviràgabhàvanà)* là việc đoạn lưu sự duyệt ý ở trong Sắc Pháp; bởi do thế, đích thị chính với mãnh lực từ ở nơi Tu Tập Ly Ái Sắc này, mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được.

Còn ở trong cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế đấy, là Nghiệp Lực khởi sinh bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại Nghiệp Xứ thẩm sát Tam Thực Tướng (Vô Thường, Khô Đau, Vô Ngã) ở trong Ngũ Uẩn Danh Sắc, là thể loại Nghiệp Lực tiêu diệt *Sinh Chung (Bhavajàti)* và Sắc Nghiệp lại chính là hiện thân của *Sinh Chung Tử*; bởi do thế cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế này mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được.

[**Chú thích:** “*Nghiệp Xuất Sinh Xứ*” bởi do Nghiệp Lực mà Sắc Pháp khởi sinh. Một cách xác thực, Nghiệp Lực hàm ý đến các Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong quá khứ, và chỉ có những thể loại Tâm Dục Giới với Tâm Sắc Giới thì mới có thiên hướng tạo tác ra Sắc Pháp. Đó là 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, và 5 Tâm Thiện *Thiền Hữu Sắc Giới (Rùpajhàna)*. Một thể loại Tâm Thiện hoặc Tâm Bất Thiện đã tạo tác ra Nghiệp Lực khởi sinh vào lúc lâm chung của một Hữu Tình, đã tạo duyên cho Tâm Tái Tục sinh khởi trong kiếp

sống thứ hai kể đó. Cùng lúc với sự sinh khởi của Tâm Tái Tục này, thì các Sắc Pháp do bởi Nghiệp Lực quá khứ đã hội đủ điều kiện cũng cùng khởi sinh vào lúc ấy trong từng mỗi sát na, cũng ví như ngọn lửa của cây đèn đã được thắp môi lên, cho đến sát na Tâm thứ 17 - khi loài Hữu Tình cận tử lâm chung. Khi đã được thọ sinh do bởi Nghiệp Quả quá khứ, thì ba thể loại *Tổng Hợp Thập Sắc Pháp (Dasakakalàpa)* đầu tiên đã được khởi sinh, ấy là *Tổng Hợp Thân Thập*, *Tổng Hợp Tính Thập*, và *Tổng Hợp Vật Thập*.]

2. Tâm Xuất Sinh Xứ (Cittasamutthàna): Hết cả thấy Tâm Thức thì có số lượng là 89; tuy nhiên ở trong phần Tâm Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 75 cái Tâm, và đã loại trừ đi 14 cái, ấy là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh.

Trong việc loại trừ cả 14 cái Tâm này đi, là cũng vì 10 Tâm Ngũ Song Thức ấy thì có năng lực yếu kém, và không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Bốn Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy, là quả báo nương sinh từ Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và cũng là hiện thân của Sinh Chung Tử Ly Ái Sắc Tu Tập; bởi do thế mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Còn Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh ấy, thì đặc biệt sẽ không nêu lên số lượng Tâm Thức để mà loại trừ; và lập ý chỉ lấy sát na làm chức năng Tái Tục và Tử mà thôi. Có nghĩa là có cả thấy 19 cái Tâm làm chức năng Tái Tục, đó là những 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới như đã được giải thích ở phần trên rồi; còn 15 cái Tâm Tái Tục còn lại ấy, thì ngay trong sát na sinh khởi lần đầu tiên ở trong kiếp sống mới với năng lực vẫn còn yếu kém, do vậy mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Và có 13 cái Tâm Tử của Bạc Vô Sinh, đó là những 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, và 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy thì có cùng một nội dung chính với phần đã được giải thích ở phía trên; còn 9 cái Tâm Tử còn lại, là Tâm Tử của Bạc Vô Sinh đã hoàn toàn diệt Phiền Não; bởi do thế mới không làm cho Sắc Tâm khởi sinh. Tuy nhiên 9 cái Tâm này nếu làm nhiệm vụ Tử của người khác ngoại trừ Bạc Vô Sinh ấy, thì lại có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Lại nữa, 75 cái Tâm làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được đấy, là cũng chính ngay ở từng mỗi sát na Sinh của mình. Còn sát na Trụ và sát na Diệt của từng mỗi cái Tâm ấy, thì không có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được; là cũng vì thông thường tất cả Danh Pháp chỉ có năng lực duy nhất là ngay ở sát na Sinh. Một khi đến sát na Trụ và sát na Diệt thì năng lực đã yếu đi; bởi do thế, những 75 cái Tâm này mới làm cho Sắc Tâm chỉ khởi sinh lên được là ở ngay sát na Sinh của mình mà thôi.

[**Chú thích:** Tâm Thức – tuy vô hình, vô sắc, nhưng lại là một yếu tố hỗn hợp có nhiều năng lực ở trong cái gọi là Hữu Tình – là có khả năng tạo tác các Sắc Pháp. Nói cách khác, Tâm Thiện hoặc Tâm Bất Thiện tạo nên Sắc Pháp ở cả hai hoan hỷ duyệt ý hoặc là bất duyệt ý. Điều này hiển hiện rõ rệt qua những biến đổi sắc tướng của một Hữu Tình do sự thay đổi tư tưởng của Hữu Tình ấy. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp, ngay trong sát na Tâm Hữu Phần sinh khởi đầu tiên, kể từ sau Tâm Tái Tục vừa diệt mất, thì tức thời Sắc Tâm khởi sinh do Tâm tạo. Tâm Tái Tục không tạo ra Sắc Pháp do Tâm tạo, vì chính Nghiệp Lực đã làm chức năng ấy, và vì lẽ đây là yếu tố mới mẻ trong kiếp sống mới. Không có Sắc Pháp do Tâm tạo khởi sinh vào giai đoạn Trụ và Diệt của từng mỗi sát na, bởi vì có năng lực yếu kém. Ngũ Song Thức thì không có đủ khả năng tạo ra các Sắc Pháp. Bốn Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Sắc Giới (*Arùpavipàkajhàna*) cũng không tạo ra các Sắc Pháp, vì đã trau giồi Tu Tập Ly Ái Sắc với một trạng thái tâm thức buông bỏ và không còn luyến ái vào Sắc Pháp. Những Chi Thiện rất cần thiết để tạo ra các Sắc Pháp từ ở nơi Tâm, vì thế với người đã chứng đắc Thiên Định thì có thể tạo tác ra Sắc Pháp với năng lực mạnh mẽ giúp cho sự sống không còn có nhu cầu về vật thực. Tâm linh mạnh thì không thể thiếu sức sống. Người đã chứng đạt trạng thái an vui Níp Bàn thì có thể sống một thời gian mà không cần đến vật thực. Đức Phật đã trải nghiệm trạng thái ấy suốt trọn 49 ngày, trong 7 tuần lễ sau khi Ngài đã thành đạt Quả vị Chánh Đẳng Giác.]

3. Quý Tiết Xuất Sinh Xứ (*Utusamuṭṭhàna*): về lời giải thích ở trong phần Quý Tiết Xuất Sinh Xứ này, đã có trình bày rõ ràng ở trong đoạn trên, mới không cần phải trình bày lại nữa.

[**Chú thích:** Như đã có được đề cập ở phần trên, ngay sát na Tâm Tái Tục thì do bởi Nghiệp Lực đã tạo tác ra ba Tổng Hợp Thập Sắc Pháp gồm Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, và Tổng Hợp Vật Thập. Hỏa Tổ Chất ở bên trong nội phần của cả ba Tổng Hợp ấy, phối hợp với Hỏa Tổ Chất ở bên ngoài, đã tạo ra các Sắc Pháp do Quý Tiết mà khởi sinh vào giai đoạn Trụ và Diệt của Tâm Tái Tục. Vào giai đoạn tiên khởi của sự tái tục, thì Hỏa Tổ Chất do Nghiệp tạo đã thay thế Hỏa Tổ Chất do Tâm tạo. Rõ ràng từ ngữ *Quý Tiết (Utu)*, đã được bao hàm ý nghĩa của cả hai lạnh và nóng. Một cách xác thực, chính Hỏa Tổ Chất nội phần và ngoại phần, cũng là một tác nhân đã tạo ra các Sắc Pháp.]

4. Vật Thực Xuất Sinh Xứ (*Àhàrasamuṭṭhàna*): Chất Bỏ Phẩm đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh đây, chẳng phải là chất Bỏ Phẩm đặc biệt chỉ có ở trong các vật thực không thôi, mà ngay cả ở một vài loại thuốc, chẳng hạn như thuốc bỏ cũng có Bỏ Phẩm tương tự như nhau; bởi do thể khi sử dụng tiêm chích, hoặc ăn uống, hoặc bôi thoa, thì cũng tương tự như vậy, đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh lên đối với người ấy. Và chất Bỏ Phẩm này hiện hữu cả bên trong lẫn bên ngoài của Chúng Hữu Tình, được gọi là *Nội Phần Bỏ Phẩm (Ajjhatta Ojà)* và *Ngoại Phần Bỏ Phẩm (Bahiddha Ojà)*. Đối với Bỏ Phẩm đã có trình bày ở trong đoạn

trên, đó là Nội Phần Bỏ Phẩm. Còn Ngoại Phần Bỏ Phẩm đấy, đích thị chính là *Nghiệp Bỏ Phẩm (Kammaja Ojà)* và *Quý Tiết Bỏ Phẩm (Utu Ojà)* sinh trú ở bên trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Trong cả hai thể loại Bỏ Phẩm này, thì *Nội Phần Bỏ Phẩm* làm chức năng giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhakasatti)*. Còn *Ngoại Phần Bỏ Phẩm* thì làm chức năng trực tiếp cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là *Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti)*. Trong cả hai Ngoại Phần Bỏ Phẩm, là Nghiệp Bỏ Phẩm và Quý Tiết Bỏ Phẩm, thì Nghiệp Bỏ Phẩm rất quan trọng trong công việc giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh nhiều hơn Quý Tiết Bỏ Phẩm.

Ở trong bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo* đã có trình bày rằng trong Cõi Nhân Thế người nào đã có được thọ dụng vật thực no đủ ở lần thứ nhất thì sẽ gìn giữ thân thể của người ấy cho vẫn được sinh tồn nội trong bảy ngày, mà chẳng cần phải thọ thêm cái chi nữa. Đối với trong Cõi Thiên Giới, thì tiên thực của Chúng Thiên mà đã có được thọ dụng lần thứ nhất đấy, thì cũng tương tự như nhau, là sẽ gìn giữ thân thể cho được tồn tại suốt trọn một tháng trời, hoặc là hai tháng trời, mà chẳng cần phải thọ thêm cái chi nữa. Sự việc có được như vậy, là cũng vì Bỏ Phẩm hiện hữu ở trong vật thực mà đã ăn vào, thì đã hòa nhập với Nghiệp Bỏ Phẩm đang hiện hữu ở trong thân thể, thế rồi đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh suốt trọn bảy ngày là ở trong Cõi Nhân Thế, và khởi sinh suốt trọn một tháng trời, hoặc hai tháng trời là ở trong Cõi Thiên Giới. Còn về phần thai nhi ở trong thai bào ước độ 2 hoặc 3 tuần lễ của người Mẹ, một khi người Mẹ đã thọ dụng vật thực vào ở trong nội tạng, thì chất Bỏ Phẩm lan tỏa ra và thấm nhập vào đến cơ thể của thai nhi khi vẫn đang còn là *Phối Điểm (Abbuda)* hoặc *Phôi Thai (Pesi, thời kỳ sau 3 tháng)*; thế rồi đã làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh đối với thai nhi ấy.

Ở trong bộ *Chú Giải Ngũ Thập Căn Góc (Mùlapaññasa Atthakathà)* đã có trình bày rằng thông thường thì các vật thực ấy một khi đã bỏ vào trong miệng của người thọ thực rồi, thì cũng đã làm cho *Tổng Hợp Bát Thuần Vật Thực (Àhàraja suddhatthakakalàpa)* khởi sinh lên được.

Điều này trình bày cho được thấy rằng Sắc Vật Thực sinh trú ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, là thường luôn sinh khởi suốt trọn thời gian nối tiếp với nhau không gián đoạn, mãi cho đến chấm dứt sinh mạng.

[*Chú thích:* Từ ngữ *Àhàra* có nghĩa là chất phẩm dinh dưỡng ở bên trong các miếng ăn vật thực, và *Ojà* là chất Bỏ Phẩm hiện hữu ở bên trong nhóm các Sắc Pháp do bởi Nghiệp, Tâm và Quý Tiết tạo. Chất Bỏ Phẩm nội phần do chất phẩm dinh dưỡng ngoại phần giúp đỡ bảo hộ và tạo tác Sắc Pháp vào giai đoạn trú vị được tồn tại trong 49 sát na Tiểu. Sắc Pháp khởi sinh khi Chất Bỏ Phẩm nội phần đã được tiêu hóa và lan tỏa ra khắp cả châu thân. Riêng rẽ một mình, Chất Bỏ Phẩm không thể tạo tác Sắc Pháp nếu không có chất phẩm dinh dưỡng từ ở bên ngoài. Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật) và 8 Sắc Hữu Quyền hoàn toàn do Nghiệp Lực tạo. Như vậy, Sắc Mạng Quyền hoặc sức sống ở trong các Chúng Hữu Tình như

Nhân Loại và Bàng Sanh, phải được phân biệt với những thực thể vật chất phi sinh mạng như cây cối, núi đồi, v.v. vì lẽ những vật thể không phải do Nghiệp Lực tạo.]

Trình Bày Số Lượng Sắc Pháp Khởi Sinh Từ Nơi Tử Xuất Sinh Xứ

<i>1. Atthàrasa paññarasa Kammacittotukàhàra</i>	<i>Terasa dvàdasàti ca Jàni honti yathàkkamañ.</i>
<i>2. Jàyamànàdi rùpànañ Lakkhañani na jàyanti</i>	<i>Sabhàvattà hi kevalañ Kehiciti pakàsitañ.</i>

1. Sắc Pháp sinh từ nơi Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực có số lượng tuần tự như vậy, là: Sắc Nghiệp có 18, Sắc Tâm có 15, Sắc Quý Tiết có 13, và Sắc Vật Thực có 12.

2. Còn cả Tử Sắc Thực Tướng ấy, thì Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết rằng không có được khởi sinh bởi do nương vào bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, vì cả Tử Sắc Thực Tướng này chỉ là thực tính của Tổng Hợp Sắc Pháp đang bắt đầu khởi sinh mà thôi, do đó đặc biệt không có Xuất Sinh Xứ. (Các Sắc Thực Tướng khởi sinh, thì không do bởi tác nhân nào tạo ra, vì với đặc tính cố hữu dính liền theo các Sắc Pháp ấy mà hiện bày.)

+ **Sắc Nghiệp** là Sắc Pháp sinh từ nơi Nghiệp Lực, và có được số lượng 18, đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 18.

Phân Tích 18 Sắc Nghiệp Theo Phần Nhất Định (Ekanta) Và Theo Phần Bất Định (Anekanta)

Khi kết hợp 9 Sắc Pháp gồm có 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền này lại, là những Sắc Pháp nhất định chỉ nương sinh từ nơi Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. Khi kết hợp 9 Sắc Pháp gồm có 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới này lại, là những Sắc Pháp chỉ nương sinh từ nơi Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ một cách bất định.

Có nghĩa là cả 9 Sắc Pháp gồm có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sự làm thành Nữ Giới, sự làm thành Nam Giới, trái tim, và sinh mạng này lại, là đặc biệt chỉ có nương sinh ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình mà thôi; vì lẽ những thể loại Sắc Pháp này chỉ có nương sinh duy nhất từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực, và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế mà thôi. Còn 9 Sắc Pháp còn lại, thì nương sinh ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình cũng được, hoặc nương sinh ở trong tất cả các vật thể phi sinh mạng cũng được; bởi vì cũng có những Sắc Pháp nương sinh từ ở các Xuất Sinh Xứ khác nữa.

+ **Sắc Tâm** là Sắc Pháp nương sinh từ nơi Tâm Thức, và có được số lượng 15, đó là: 2 Sắc Biểu Tri, 1 Cảnh Thinh, 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 15.

Phân Tích 15 Sắc Tâm Theo Phần Nhất Định (Ekanta) Và Theo Phần Bất Định (Anekanta)

2 Sắc Biểu Tri nhất định nương sinh từ nơi Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ. Còn 13 Sắc Pháp còn lại, gồm có Cảnh Thinh v.v. thì nương sinh từ nơi Tâm Xuất Sinh Xứ một cách bất định.

Có nghĩa là việc hoạt động sắc thân hoặc việc nói năng; với cả hai thể loại này thường chỉ sinh trú ở trong vật thể hữu sinh mạng ngàn ấy thôi, vì đó là Sắc Pháp chỉ có nương sinh thuần nhất vào Tâm và Tâm Sở.

Còn 13 Sắc Pháp còn lại, không chỉ nương sinh duy nhất từ nơi Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ, mà cũng còn nương sinh từ nơi Quý Tiết, hoặc nương sinh từ nơi Vật Thực cũng có; chẳng hạn như âm thanh, nếu âm thanh là của người nói năng hoặc là âm thanh của tất cả Chúng Hữu Tình kêu rống lên, thì có tới hai thể loại Xuất Sinh Xứ, đó là Tâm Xuất Sinh Xứ và Quý Tiết Xuất Sinh Xứ. Nếu âm thanh là sấm chớp trời gầm, gió thổi, nước chảy, lá cây lay động, tiếng máy xe, tàu thuyền, chuông, v.v. những thể loại này thường thì chỉ có nương sinh từ nơi Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

Sự nhẹ nhàng của thân thể, sự mềm mại của thân thể, và sự thích dụng đối với công việc của sắc thân ở trong các hành động, và việc nói năng; với cả ba Sắc Pháp này thì nương sinh từ nơi Tâm cũng có, từ nơi Quý Tiết cũng có, và từ nơi Vật Thực cũng có; cũng tương tự như vậy, chẳng hạn một khi Tâm Thức được an vui thì sắc thân cũng có cảm giác nhẹ nhàng thoải mái, tháo vát nhanh nhẹn, và chẳng có trục trặc trở ở trong các công việc.

Ba Sắc Biến Thể này, một khi khởi sinh thì thường cùng câu sinh với nhau, và chỉ có khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng mà thôi.

Còn 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 9 Sắc Pháp này, là những Sắc Pháp nương sinh từ nơi Tâm làm Xuất Sinh Xứ một cách bất định, và cũng tương tự với 9 Sắc Nghiệp ở phần bất định vậy.

+ **Sắc Quý Tiết** là Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết, và có được số lượng 13, đó là: 1 Cảnh Thinh, 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 13. Ở trong số lượng 13 Sắc Quý Tiết đây, thì không có Sắc Pháp chỉ nương sinh duy nhất từ ở Quý Tiết; bởi do thể mới không có Sắc Quý Tiết ở phần nhất định, và cả 13 Sắc Pháp này đều là Sắc Quý Tiết theo phần bất định hết cả thảy.

+ **Sắc Vật Thực** là Sắc Pháp nương sinh từ nơi Vật Thực, và có được số lượng 12, đó là: 3 Sắc Biên Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 sắc Hạn Giới, kết hợp lại thành 12. Trong số lượng 12 Sắc Vật Thực này, thì cũng không có Sắc Pháp chỉ nương sinh duy nhất vào Vật Thực; bởi do thể mới không có Sắc Vật Thực ở phần nhất định, và cả 12 Sắc Pháp này cũng đều là Sắc Vật Thực theo phần bất định hết cả thấy.

+ **Còn cả Tứ Sắc Thực Tướng**, thì không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đó chính là thực tính của 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh từ ở cả Tứ Xuất Sinh Xứ. Và một khi 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh do nương vào bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ nào rồi, thì ở trong chính tự bản thân của Sắc Thành Sở Tác ấy thường luôn có cả Tứ Sắc Thực Tướng này hiện bày dính liền với nhau. Có nghĩa là việc khởi sinh, việc an trụ, việc diệt mất của những thể loại Sắc Pháp ấy thì cũng tương tự như từng mỗi con người khi đã được sinh ra thì thường luôn có 4 trường hợp trạng thái dính liền theo từng mỗi cá nhân, đó là:

1/. Sự Sinh Ra, 2/. Sự Lớn Lên, 3/. Sự Già Đi, 4/. Sự Tử Vong. Và lại những sự việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong đây, thì chẳng phải khởi sinh lên một cách riêng biệt được, mà chính là cần phải nương vào thân thể của con người hoặc của loài Hữu Tình mới được khởi sinh, và như thế sẽ gọi là **Sự Sinh Ra**. Khi thân thể của con người hoặc Hữu Tình ấy dần dần to lớn lên cho đến hết mức, thì cũng được gọi là **Sự Lớn Lên**. Khi thân thể của con người hoặc của Hữu Tình ấy bắt đầu già yếu xuống, thì cũng được gọi là **Sự Già Đi**. Và khi con người hoặc Hữu Tình ấy mệnh chung, thì cũng được gọi là **Sự Tử Vong**. Giả như không có thân thể của con người hoặc của Hữu Tình đã hiện khởi lên rồi, thì cả bốn biểu tượng đặc trưng này cũng sẽ không hiện khởi lên được. Và điều này như thế nào, thì thân thể của con người hoặc của Hữu Tình cũng được so sánh tương tự với Sắc Thành Sở Tác nương sinh từ ở bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ; với việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong của con người hoặc Hữu Tình ấy cũng được ví tương tự với cả Tứ Sắc Thực Tướng dường thế ấy. Bởi do vậy, những cả Tứ Sắc Thực Tướng này mới không có khởi sinh qua việc nương nhờ bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đã được gọi là **Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutoci samuṭṭhānikarūpa)**.

Phân Tích 28 Sắc Pháp Theo Số Lượng Xuất Sinh Xứ

1. Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ (Ekasamuṭṭhānikarūpa): Có 11 Sắc Pháp nương sinh duy nhất chỉ một Xuất Sinh Xứ, đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền; cả 9 Sắc Pháp này chỉ nương sinh thuần nhất

vào Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri nương sinh thuần nhất vào Tâm làm Xuất Sinh Xứ

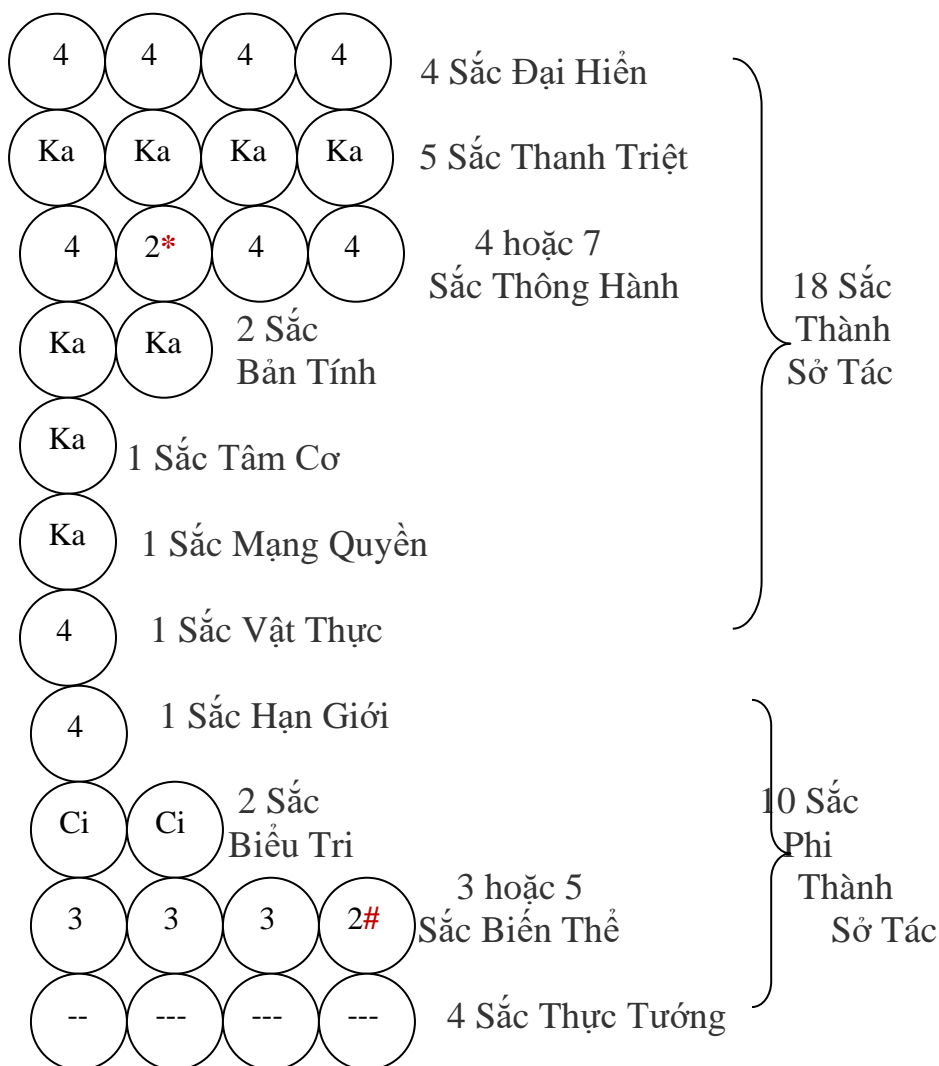
2. Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ (*Dvisamuṭṭhānikarūpa*): Có 1 Sắc Pháp nương sinh vào cả hai Xuất Sinh Xứ, đó là: Cảnh Thinh nương sinh vào Tâm hoặc Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Tam Xuất Sinh Xứ (*Tisamuṭṭhānikarūpa*): Có 3 Sắc Pháp nương sinh vào cả ba Xuất Sinh Xứ, đó là:

3 Sắc Biến Thể nương sinh vào Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ (*Catusamuṭṭhānikarūpa*): Có 9 Sắc Pháp nương sinh vào cả bốn Xuất Sinh Xứ, đó là: 4 Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Hạn Giới; cả 9 Sắc Pháp này đều nương sinh vào Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

5. Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (*Nakutocisamuṭṭhānikarūpa*): Có 4 Sắc Pháp không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào, đó là 4 Sắc Thực Tướng.



[*Chú thích:* **Ka:** Nghiệp Xuất Sinh Xứ / **Ci:** Tâm Xuất Sinh Xứ

4: Sắc Pháp được khởi sinh từ nơi cả Tứ Xuất Sinh Xứ, tức là sinh từ ở Nghiệp cũng được, Tâm cũng được, Quý Tiết cũng được, Vật Thực cũng được.

3: Sắc Pháp được khởi sinh từ nơi ba Xuất Sinh Xứ, đó là Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

2*: Cảnh Thinh được khởi sinh từ nơi hai Xuất Sinh Xứ, đó là Tâm Thức và Quý Tiết.

2#: 2 Sắc Biểu Tri được khởi sinh từ nơi Tâm Xuất Sinh Xứ.]

Sự Hiện Hành Của Cả Tứ Sắc Pháp Hiện Hữu Ở Trong Thân Thể

Trong thân thể của tất cả Nhân Loại và Chúng Hữu Tình Bàng Sanh với hình thù tướng dạng và các bộ phận có được hiện khởi lên, thường là phải nương vào Sắc Nghiệp làm thành nền tảng tiên khởi, để rồi các Sắc Pháp khác mới giúp đỡ và cải thiện cho các hình thù tướng dạng cùng với các bộ phận cho được hiện khởi lên một cách rõ nét. Nếu như không có Sắc Nghiệp làm nền tảng để hứng đón thì các thân thể của Chúng Hữu Tình ấy cũng chẳng khác chi với cây cối, hoặc khúc gỗ vậy. Sắc Pháp làm thành người giúp đỡ và cải thiện hình thù tướng dạng cùng với các bộ phận cho được hiện khởi lên một cách rõ ràng ấy, tức là 4 thể loại Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực.

Sắc Quý Tiết có 4 thể loại, đó là:

1. *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp (Kammaccayautujarūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.
2. *Sắc Quý Tiết Duyên Tâm (Cittaccayaturūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ.
3. *Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccayaturūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.
4. *Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực (Àhàrapaccayaturūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

Với lý do này, ở trong thân thể của tất cả Nhân Loại và Chúng Hữu Tình Bàng Sanh mới có Sắc Quý Tiết phủ trùm khắp tất cả; và chính vì thế, một khi Hữu Tình ấy chết đi, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn đang tiếp tục hiện bày. Về phần Sắc Nghiệp và Sắc Vật Thực, thì chỉ có hiện bày ở trong khoảng thời gian Hữu Tình ấy vẫn đang còn sinh mạng mà thôi, và một khi Hữu Tình ấy mà chết đi, thì cả 2 Sắc Pháp này cũng diệt mất hết tất cả.

+ **Đối với Sắc Tâm**, thì đặc biệt tự bản thân không thể hiện khởi lên được, mà cần phải nương vào Sắc Nghiệp, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực; với cả ba Sắc Pháp này làm thành chỗ nương trú thì mới khởi sinh lên được. Có nghĩa là Sắc

Tâm này thiết yếu cần phải nương vào thân thể của Hữu Tình thì sẽ mới khởi sinh, và nhờ như không có thân thể, thể rồi Sắc Tâm ấy cũng không khởi sinh lên được.

Sắc Tâm có 7 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông lập ý đến Sắc Tâm hiện hành một cách thông thường, chẳng hạn như việc hít thở vô ra.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười, tức là việc cười giòn, cười mỉm.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc khóc lóc, tức là việc khóc lóc rên la.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi, tức là việc co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, ngoái nhìn bên trái, liếc nhìn bên phải, bước tới, thoái lui, nháy mắt, há miệng, nhai cắn, v.v.
5. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng, tức là việc nói năng trò chuyện, tụng đọc kinh sách, ca hát.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi, tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm.
7. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ, tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm được một cách bình thường.

Trong số lượng 7 thể loại Sắc Tâm như đã vừa đề cập ở tại đây, rằng khi tính theo Chi Pháp thì đó chính là 15 Sắc Tâm. Tuy nhiên ở trong 15 Sắc Tâm này, thì chỉ có 10 Sắc Pháp là hiện bày mà quán sát được, đó là Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, 3 Cảnh Xúc, 5 Sắc Biến Thể; còn những 5 Sắc Pháp còn lại thì không có hiện bày, đó là Thủy Tố Chất, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Hạn Giới.

Phân Tích 75 Tâm Theo 7 Thể Loại Sắc Tâm

1. Tâm đã làm cho Sắc Tâm Phổ Thông được khởi sinh lên, tức là hết tất cả 75 Tâm.
2. Có 13 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc vui được đầy, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.
3. Có 2 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc khóc lóc rên la, đó là 2 Tâm căn Sân.
4. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi được đầy, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lục Dục Giới, và 2 Tâm Thăng Trí.
5. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc nói năng, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.
6. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên cả Tứ Đại Oai Nghi, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.

7. Có 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

Ghi chú: Trong số lượng 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, là đặc biệt đã tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí. Nếu như không đặc biệt tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí này, thì chỉ có 56 cái Tâm mà thôi; đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố. Tất cả đây cũng vì 2 cái Tâm Thắng Trí đã được liệt kê vào trong 26 cái Tâm Đồng Lực Kiên Cố rồi, đó chính là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiên Hữu Sắc Giới, và 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiên Hữu Sắc Giới vậy. Tuy nhiên việc đặc biệt tính riêng thêm nữa ấy, là cũng vì 2 cái Tâm Thiện và Tâm Duy Tác Ngũ Thiên Hữu Sắc Giới đây, chẳng phải là thể loại thông thường, và chẳng có việc liễu tri đặc biệt; trái lại có việc liễu tri đặc biệt, bởi chính do thể mới đặc biệt được tính riêng thêm nữa vậy.

Phân Tích 7 Thể Loại Sắc Tâm Theo Sự Phân Loại Của Tâm

1. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm căn Tham Câu Hành Hỷ phối hợp với 22 cái Tâm Sở, thì có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

2. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm căn Tham Câu Hành Xả phối hợp với 21 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

3. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 cái Tâm căn Sân Câu Hành Ưu phối hợp với 22 cái Tâm Sở, thì có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc khốc lóc rên la.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

4. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 cái Tâm căn Si Câu Hành Xả phối hợp với 16 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phô Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

5. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 10 Tâm Ngũ Song Thức phối hợp với 7 cái Tâm Sở, thì **không có** thể loại nào cả.

6. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thảm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, và kết hợp cả 6 cái Tâm này phối hợp với 11 cái Tâm Sở, thì có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phô Thông.

7. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 1 Tâm Khai Ý Môn phối hợp với 11 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phô Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

8. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 1 Tâm Tiểu Sinh phối hợp với 12 cái Tâm Sở, thì có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phô Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

9. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ, 4 cái Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ phối hợp với 38 cái Tâm Sở, thì có được 6 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phô Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc vui cười.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

10. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm Đại Thiện Câu Hành Xả, 4 cái Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Xả phối hợp với 37 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phô Thông.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

11. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 8 cái Tâm Đại Quả phối hợp với 33 cái Tâm Sở, thì có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phổ Thông.

12. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 26 cái Tâm Đồng Lực Kiên Cố (trừ 2 Tâm Thắng Trí), đó là 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế phối hợp với 38 cái Tâm Sở, thì có được 2 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm làm cho cả Oai Nghi (việc đứng, việc ngồi, việc nằm) nương sinh từ ở nơi 1 cái Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới và 2 Tâm Thắng Trí kiên trụ được một thời gian lâu dài.

13. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 5 cái Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới phối hợp với 35 cái Tâm Sở, thì có được một thể loại, đó là Sắc Tâm Phổ Thông.

14. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 4 cái Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới phối hợp với 30 cái Tâm Sở, thì **không có** thể loại nào cả.

15. Sắc Tâm nương sinh do từ nơi 2 cái Tâm Thắng Trí phối hợp với 30 cái Tâm Sở, thì có được 5 thể loại, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng.
4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

Phân Tích 13 Tâm Đồng Lực Dục Giới Hỷ Thọ Đã Làm Cho Việc Cười Vui Khởi Sinh Theo 3 Hạng Người

1. Hạng Phạm Phu cười vui với 8 cái Tâm, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.
2. Ba Bậc Quả Hữu Học cười vui với 6 cái Tâm, đó là 2 Tâm Tham Bất Tương Kiến Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.
3. Bậc Vô Sinh cười vui với 5 cái Tâm, đó là 1 Tâm Tiểu Sinh, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

Kết Thúc Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp

-----00000-----

Bản Đồ Trình Bày Việc Phân Tích Tâm Theo 7 Thẻ Loại Sắc Tâm

1.

6	6	6	6	5	5	5	5
---	---	---	---	---	---	---	---

 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ /
4 Tâm căn Tham Xả Thọ
 2.

6	6
---	---

 2 Tâm căn Sân Ưu Thọ
 3.

5	5
---	---

 2 Tâm căn Si Xả Thọ
 4.

--	--	--	--	--	1	1
----	----	----	----	----	---	---

 } 10 Tâm Ngũ Song Thức
2 Tâm Tiếp Thâu
2 Tâm Thẩm Tấn
 5.

--	--	--	--	--	1	1	1
----	----	----	----	----	---	---	---

 }
 6.

1	5	6
---	---	---

 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh
 7.

6	6	6	6	5	5	5	5
---	---	---	---	---	---	---	---

 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ /
4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ
 8.

1	1	1	1	1	1	1	1
---	---	---	---	---	---	---	---

 8 Tâm Đại Quả
 9.

6	6	6	6	5	5	5	5
---	---	---	---	---	---	---	---

 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ /
4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ
 10.

2	2	2	2	2
---	---	---	---	---

 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới

5

 Tâm Thiện Vô Sắc Giới
 11.

1	1	1	1	1
---	---	---	---	---

 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới

5

 Tâm Duy Tác Hữu Sắc Giới
 12.

2	2	2	2	2
---	---	---	---	---

 5 Tâm Duy Tác Hữu Sắc Giới

5

 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới
 13.

2	2	2	2
---	---	---	---

 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới
 14.

--	--	--	--
----	----	----	----

 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới
 15.

2	2	2	2
---	---	---	---

 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới
-
- | | | | | | | | | | |
|--|---|---|---|---|--|---|---|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 16. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 40px;"> <tr><td>2</td></tr> </table> 17. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 40px;"> <tr><td>2</td></tr> </table> 18. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 40px;"> <tr><td>2</td></tr> </table> 19. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 40px;"> <tr><td>2</td></tr> </table> | 2 | 2 | 2 | 2 | <ol style="list-style-type: none"> 20. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 40px;"> <tr><td>2</td></tr> </table> 21. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 40px;"> <tr><td>2</td></tr> </table> 22. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 40px;"> <tr><td>2</td></tr> </table> 23. <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center; width: 40px;"> <tr><td>2</td></tr> </table> | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 2 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
- 4 Tâm
Thiện
Siêu Thế

4 Tâm
Quả
Siêu Thế

**PHẦN THỨ TƯ:
PHẦN TỔNG HỢP SẮC PHÁP
(RÙPAKALÀPANAYA)**

(Việc trình bày Sắc Pháp khởi sinh thành từng nhóm)

Ekuppàdà ekanirodhà ekanissayà sahavuttino ekavīsati rùpakalàpà nàma.

Tattha jìvitaṃ avinibbhogarùpañca cakkhunà saha cakkhusadakam ti pavuccati. Tathà sotàdihi saddhim sotadasakam, ghaṇadasakam, jivhàdasakam, kàyadasakam, itthibhàvadasakam, pumbhàvadasakam, vatthudasakam ceti yathàkkamaṃ yojetabbaṃ. Avinibbhogarùpameva jìvitena saha jìvitanavakanti pavuccati. Ime nava kammaṃsaṃmuṭṭhànakalàpà.

Avinibbhogarùpaṃ pana suddhaṭṭhakam. Tadeva kàyaviññattiyà saha kàyaviññattinavakam vacìviññatti saddehi ca vacìviññattidasakam. Lahutàdihi saddhim lahutàdekàdasakam. Kàyaviññattilahutàdivàdasakam, vacìviññatti saddalahutàditerasakam ceti cha cittasamuṭṭhànakalàpà.

Suddhaṭṭhakam, saddanavakam, lahutàdi ekàdasakam, saddalahutàdi dvàdasakam ceti cattàro utusamuṭṭhànakalàpà.

Suddhaṭṭhakam, lahutàdekàdasakam ceti dve àhàrasamuṭṭhànakalàpà.

Tattha suddhaṭṭhakam, saddanavakam ceti dve utusamuṭṭhànakalàpà bahiddhàpi labbhanti. Avasesà pana saabbe pi ajjhattikameva.

Kammacittotuhàrasamuṭṭhànà yathàkkamaṃ. Nava cha caturo dveti kalàpà ekavīsati. Kalàpanaṃ paricchedalakkhaṇattà vicakkhaṇà. Na kalàpaṅgaṃ iccàhu àkàsaṃ lakkhaṇàni ca.

Ayamettha kalàpa yojanà,

Có tất cả là hai mươi một Tổng Hợp Sắc Pháp, xét vì các Sắc Pháp này đồng khởi sinh (hoặc cùng có chung một khởi điểm), đồng diệt mất (hoặc cùng có chung một điểm chấm dứt), đồng y chỉ (hoặc cùng có chung một nền tảng), và đồng cùng tồn tại với nhau.

Tại đây, Sắc Mạng Quyên và 8 Sắc Bất Giản Biệt cùng với Nhãn, được gọi tên là Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp. Cùng thế ấy, với Nhĩ, v.v. được gọi tên là Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Nữ Tính Thập Pháp, Tổng Hợp Nam Tính Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, được kết hợp tùy theo trường hợp. Tám Sắc Bất Giản Biệt cùng với Mạng Quyên được gọi tên là Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp. Như vậy, có chín Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do bởi Nghiệp Lực.

Tám Sắc Bất Giản Biệt được gọi tên là Tổng Hợp Bát Thuần Pháp. Tám Sắc Pháp này kết hợp với Thân Biểu Tri thành Tổng Hợp Thân Biểu Cửu Pháp. Cùng với Khẩu Biểu Tri và Thinh kết hợp thành Tổng Hợp Ngữ Biểu Thinh Thập Pháp. Cùng với Kinh Khoái, Nhu Nhuyến, v.v. kết hợp thành Tổng Hợp Kinh Khoái Thập Nhất Pháp. Cùng với Thân Biểu Tri và Kinh Khoái, v.v. kết hợp

thành Tổng Hợp Thân Biểu Kinh Khoái Thập Nhị Pháp. Cùng với Ngũ Biểu Tri, Thỉnh, Kinh Khoái v.v. kết hợp thành Tổng Hợp Ngũ Biểu Thỉnh Kinh Khoái Thập Tam Pháp. Như vậy, có sáu Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do Tâm Thức.

Tám Sắc Bất Giản Biệt được gọi tên là Tổng Hợp Bát Thuần Pháp. Thỉnh là Cửu Pháp. Kinh Khoái, Nhu Nhuyển, v.v. là Thập Nhất Pháp. Thỉnh, Kinh Khoái, v.v. là Thập Nhị Pháp. Như vậy, có bốn Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do bởi Quý Tiết.

Tám Sắc Bất Giản Biệt được gọi tên là Tổng Hợp Bát Thuần Pháp. Kinh Khoái, Nhu Nhuyển, v.v. là Thập Nhất Pháp. Như vậy, có hai Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do bởi Vật Thực.

Tại đây, Tổng Hợp Bát Thuần Pháp. Thỉnh là Cửu Pháp. Có hai Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh do từ Quý Tiết đã được tìm thấy ở Ngoại Phần. Những Tổng Hợp Sắc Pháp còn lại thì chỉ được tìm thấy ở trong Nội Phần.

Có hai mươi một thể loại Tổng Hợp Sắc Pháp; với chín, sáu, bốn và hai, tùy theo trường hợp mà nương sinh từ nơi Nghiệp Lực, từ nơi Tâm Thức, từ nơi Quý Tiết, và từ nơi Vật Thực.

Bởi do Hư Không chỉ định Sắc Hạn Giới và các Sắc Thực Tướng chỉ nêu rõ đặc tính cố nhiên của các Sắc Pháp, vì vậy Bạc Hiền Trí dạy rằng cả hai Sắc Pháp này không nằm trong Tổng Hợp Sắc Pháp.

Tại đây, là sự hình thành các Tổng Hợp Sắc Pháp.

-----00000-----

PHẦN GIẢI THÍCH

Từ ngữ nói rằng “*Kalāpa*” dịch nghĩa là “nhóm, bộ phận, bọn, quần thể”; bởi do thế, từ ngữ Tổng Hợp Sắc Pháp mới lập ý nói đến các Sắc Pháp làm thành nhóm, thành bọn; và ở trong từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, nhất thiết sẽ cần phải có ba thể loại thực tính đồng hiện hành, được gọi là *Đồng Hành (Sahavutti)*. Đó là:

1. **Đồng Khởi Sinh (*Ekuppàda*):** đồng câu sinh.
2. **Đồng Tiệt Diệt (*Ekanirodha*):** đồng diệt mất.
3. **Đồng Ý Chí (*Ekanissaya*):** đồng nương trú một chỗ, tức là Tứ Sắc Đại Hiện.

Một khi đã có được sự đồng hiện hành với cả ba thể loại thực tính này rồi, mới gọi là Tổng Hợp Sắc Pháp, và có 23 Tổng Hợp Sắc Pháp, đó là:

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp | } kết hợp lại thành
23 Tổng Hợp Sắc Pháp |
| 2. 8 Tổng Hợp Sắc Tâm | |
| 3. 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết. | |
| 4. 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực. | |

Như có câu kệ trình bày rằng:

***Kammacittotuhàra Samuṭṭhànà yathàkkamaṃ
Navaṭṭha caturo dveti Kalàpà hi dveṇṣati***

Những Tổng Hợp Sắc Pháp mà có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ đây; rằng khi tính theo số lượng chính xác rồi, và thể theo tuần tự thì có được như vậy là: 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, 8 Tổng Hợp Sắc Tâm, 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết, 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực; kết hợp lại thành 23 Tổng Hợp Sắc Pháp.

Trong số lượng những 23 Tổng Hợp Sắc Pháp này, rằng khi tính đếm số lượng về Sắc Pháp thì chỉ có được 23 Sắc Pháp, có nghĩa là ở trong số lượng 28 Sắc Pháp ấy, đã loại trừ đi 1 Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng, và còn lại là 23.

Chỗ loại trừ đi 1 Sắc Hạn Giới đây, cũng vì Sắc Hạn Giới là Sắc Pháp hạn định ranh giới giữa Tổng Hợp Sắc Pháp này với Tổng Hợp Sắc Pháp kia; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

Còn 4 Sắc Thực Tướng, thì cũng tương tự như nhau, đó là những Sắc biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp. Như đã có trình bày câu kệ nói rằng:

***Kalāpanaṃ pariccheda Lakkhaṇattà vicakkaṇa
Na kalāpaṅgaṃ iccāhu Àkaṣaṃ lakkhaṇāni ca***

Tất cả các bậc Hiền Trí đã không trình bày đến một Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng, là thuộc Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp; cũng bởi vì những cả 5 Sắc Pháp này chỉ là phần cách ly của Tổng Hợp Sắc Pháp, và lại cũng chỉ là biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp mà thôi.

CỬU TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP (Kammajakalàpa 9), đó là:

1. *Tổng Hợp Nhân Thập Pháp (Cakkhudasaṅkalàpa):* lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhân Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nhân Thanh Triệt.
2. *Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp (Sotadasaṅkalàpa):* lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhĩ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nhĩ Thanh Triệt.
3. *Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp (Ghānadasaṅkalàpa):* lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Tỷ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Tỷ Thanh Triệt.

4. *Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp (Jivhàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thiệt Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Thiệt Thanh Triệt.
5. *Tổng Hợp Thân Thập Pháp (Kàyadasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thân Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Thân Thanh Triệt.
6. *Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp (Itthibhàvadasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nữ Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nữ Giới Tính.
7. *Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp (Purisabhàvadasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nam Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nam Giới Tính.
8. *Tổng Hợp Vật Thập Pháp (Vatthudasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Tâm Cơ làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Tâm Cơ.
9. *Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp (Jivitanavakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp với Sắc Mạng Quyền làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt và 1 Sắc Mạng Quyền.

Giải thích: Cả 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp này, tức là Sắc Pháp nương sinh từ nơi Nghiệp Lực, và đó cũng chính là 17 Sắc Nghiệp (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới). Bởi do thế 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp này mới đặc biệt chỉ có khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng mà thôi. Trong từng mỗi một con người, thì chỉ khởi sinh nhiều nhất có 8 Tổng Hợp Sắc Pháp, là cũng bởi vì cả hai Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp và Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp đây, sẽ không thể nào cùng câu sinh được cả hai với nhau trong từng mỗi con người. Nếu đã là Nữ Giới, thì phải loại trừ Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp ra; và nếu đã là Nam Giới, thì cũng phải loại trừ Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp ra, và cũng chính vì thế, mới chỉ còn lại 8 Tổng Hợp Sắc Pháp mà thôi. Tại đây lập ý chỉ lấy đích thực Tổng Hợp Sắc Nghiệp, chứ không có lập ý lấy Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Nghiệp; tức là Tổng Hợp Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ; nghĩa là trong 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp này cũng đã có cả Quý Tiết ở trong đây, và đó chính là Hòa Tố Chất vậy. Thể loại Quý Tiết này khởi sinh bởi do nương vào Nghiệp Lực; và cũng vì thế, gọi là Sắc Nghiệp. Còn Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết hiện hữu ở trong các Tổng Hợp Sắc Nghiệp đây, thì chẳng phải đích thực là Sắc Nghiệp, mới gọi là Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp. Chính vì thế, các bộ phận hiện bày ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, như có tóc, lông, móng, răng, sừng, ngà, tay, chân, v.v. đều toàn là những Sắc Quý Tiết hết cả; tức là Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp cũng có, Sắc Quý Tiết Duyên Tâm cũng có, Sắc

Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng có, và cũng có cả Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực. Tuy nhiên chỉ có Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp là làm chủ vị trưởng trội, và ba thể loại Sắc Quý Tiết còn lại thì chỉ là phần phối hợp. Sẽ được rõ biết là vào trong thời gian mà tất cả Chúng Hữu Tình mạng vong, vì theo lẽ thường nhiên một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong, thế rồi cả ba Sắc Nghiệp, Sắc Tâm và Sắc Vật Thực này cũng thường tiệt diệt hết chẳng còn dư sót, và chỉ còn lại Sắc Quý Tiết mà thôi. Sắc Quý Tiết còn lại ở tại đây, đích thị chính là 4 thể loại Sắc Quý Tiết mà đã vừa đề cập đến; và cũng vì thế mới nói được rằng “*trong từng mỗi con người thì chỉ có nhiều nhất 8 Tổng Hợp Sắc Pháp là như vậy*”.

Phân Tích Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp Theo Ba Phần Thân Thể

Trong thân thể của con người ta, đã được chia ra làm thành ba phần, đó là:

1. *Thượng Thân (Uparimakàya)*: Phần trên thân thể, tính kể từ cổ trở lên đến đầu.
2. *Trung Thân (Majjhimakàya)*: Phần giữa thân thể, tính kể từ cổ trở xuống đến rốn.
3. *Hạ Thân (Hetthimakàya)*: Phần dưới thân thể, tính kể từ rốn trở xuống đến bàn chân.

+ Trong phần trên thân thể, thì có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Thinh Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, 5/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 6/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 7/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

+ Trong phần giữa thân thể, thì có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Vật Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

+ Trong phần dưới thân thể, thì có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

BÁT TỔNG HỢP SẮC TÂM (Cittajakalàpa 8), đó là:

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhatthakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.
2. *Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thinh.
3. *Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp (Kàyaviññattinavakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thân Biểu Tri.

4. *Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thinh Thập Pháp (Vaciviññattisaddadasaka kalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngũ Biểu Tri và 1 Thinh.
5. *Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutàdiekàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến thể.
6. *Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Saddalahutàdivàdasaka kalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.
7. *Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Kàyaviññattilahutà divàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thân Biểu Tri, và 3 Sắc Biến Thể.
8. *Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thinh Khinh Khoái Thập Tam Pháp (Vaciviññattisaddalahutàdīterasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 13 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngũ Biểu Tri, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.

+ Từ điều thứ 1 cho đến điều thứ 4, gọi là *Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūla kalàpa)*. Và từ điều thứ 5 cho đến điều thứ 8, gọi là *Tổng Hợp Căn Hành (Mūli kalàpa)*.

Giải thích: Tám Tổng Hợp Sắc Tâm đã trình bày ở tại đây, là đã trình bày theo bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo. Đối với trong bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, thì chỉ có trình bày 6 Tổng Hợp mà thôi, tức là đã loại trừ Tổng Hợp Thinh Cử Pháp và Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp ra; và lại cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm này đích thị chính là 14 Sắc Tâm (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới). Bởi do thế, những Tổng Hợp Sắc Tâm này thường đặc biệt chỉ có nương sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng mà thôi.

Trong cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm đó:

1. Tổng Hợp Bất Thuần Pháp (Suddhatthakakalàpa): chỉ khởi sinh trong những lúc chẳng có quan hệ với việc hoạt động về Thân, việc nói năng về Lời; hoặc có bất luận một âm thanh tiếng động nào đang phát âm ra, và trong sát na mà tâm trí mệt mỏi, hoặc bất ổn định. Tức là trạng thái của việc hít thở vô ra, thì có biểu hiện trạng thái phồng lên và xẹp xuống của cái bụng. Trong lúc buồn lòng, hoặc nóng giận; thì có biểu hiện trạng thái mặt đỏ tía, hoặc mặt tái xanh. Trong lúc ghét ghê, hoặc sợ hãi; thì có biểu hiện trạng thái sồn tóc gáy, sồn hết gai ốc, hoặc nổi da gà, v.v.

Tổng Hợp Bất Thuần Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp*, và khởi sinh ở trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là trạng thái của việc hít

thở vô ra. Trong lúc tâm trí duyệt ý, thì có biểu hiện trạng thái diện mạo vui vẻ, hớn hở hoan. Trong lúc Pháp Hỷ khởi sinh, thì cũng có biểu hiện trạng thái sồn tóc gáy, sồn hết gai ốc, hoặc nổi da gà, v.v.

2. Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp (Saddanavakakalàpa): khởi sinh trong lúc có âm thanh hiện bày mà chẳng có quan hệ với việc nói năng nào cả; và khởi sinh trong những lúc tâm trí mệt mỏi, thối lui sụt giảm, hoặc bất kiên định. Tức là âm thanh phát sinh từ gió của hơi thở vô ra, tiếng ho, hắt hơi, ợ hơi, ngáp ngủ, hoặc tiếng mớ sáng mà chẳng hay biết.

Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Thịnh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp*, và khởi sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là cùng một thể loại âm thanh với Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp, tuy nhiên âm thanh ấy trong sáng hơn, và tiếng mớ cũng biết rõ sự tình.

3. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp (Kàyaviññattinavakakalàpa): khởi sinh trong những lúc hoạt động về thân thể không được bình thường, có nghĩa là trong những lúc tâm trí mệt mỏi, bất kiên định; tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm, co duỗi, co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, ngoái nhìn bên trái, liếc nhìn bên phải, bước tới, thoái lui, nháy mắt, há miệng, nhai cắn, v.v.

Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp*, và khởi sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là việc đi, đứng, ngồi, nằm, v.v. được an lạc, nhanh nhẹn, và thoải mái.

4. Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thịnh Thập Pháp (Vacivññattisaddadasakakalàpa): khởi sinh trong những lúc nói năng, đọc sách, ca hát, tụng kinh, v.v. không được bình thường, có nghĩa là trong lúc có cảm giác bất an nặng nề, hoặc trong lúc tâm trí thối lui sụt giảm, không sẵn lòng để nói năng, hoặc không hoan hỷ để đọc, v.v.

Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thịnh Thập Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Ngữ Biểu Tri Thịnh Khinh Khoái Thập Tam Pháp*, và khởi sinh trong những lúc bình thường, hoặc những lúc tâm trí được an lạc, thì những sự việc nói năng, việc tụng đọc đây cũng được hiện hành một cách an lạc thoải mái.

Phân Tích Bát Tổng Hợp Sắc Tâm Theo Ba Phần Thân Thể

Trong phần trên thân thể, thì có được cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm khởi sinh.

Trong phần giữa và phần dưới thân thể, thì có được 4 Tổng Hợp Sắc Tâm, đó là: 1/. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, 2/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp, 3/. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp, 4/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp.

TỨ TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT (*Utujakalàpa* 4), đó là:

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.
2. *Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thinh.
3. *Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutàdiekàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến Thể.
4. *Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Saddalahutàdivàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.
+ Điều thứ 1 và thứ 2, gọi là *Tổng Hợp Căn Nguyên (Mùlakalàpa)*. Và điều thứ 3 và thứ 4, gọi là *Tổng Hợp Căn Hành (Mùlikalàpa)*.

Giải thích: Cả 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết đây, đích thị chính là 12 Sắc Quý Tiết (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới) đó vậy. Và ở trong cả Tứ Sắc Quý Tiết này, thì thường chỉ khởi sinh ở nội phần thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Còn ngoài phần Chúng Hữu Tình, tức là ở trong những vật thể phi sinh mạng, và chỉ có được khởi sinh hai Tổng Hợp, ấy là Tổng Hợp Bát Thuần Pháp với Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp mà thôi.

Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Khởi Sinh Trong Nội Phần Hữu Tình

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhaṭṭhakakalàpa)*: đó chính là thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình, bởi vì Tổng Hợp Sắc Quý Tiết này:

1/. Là Tổng Hợp làm thành nền tảng hứng đón những Tổng Hợp Sắc Pháp khác nữa. Nếu như không có Sắc Quý Tiết này rồi, thì các Tổng Hợp Sắc Pháp khác, như có Tổng Hợp Sắc Nghiệp, v.v. cũng không có khả năng hiện khởi lên được. 2/. Và Tổng Hợp Bát Thuần Pháp này khởi sinh ở bên trong thân thể của Chúng Hữu Tình ấy trong những lúc không được bình thường, chẳng hạn như mệt mỏi, hoặc bất an.

Tổng Hợp Bát Thuần Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp*, tức là thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình ở trong những lúc quân bình an lạc.

2. *Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalàpa)*: khởi sinh trong những lúc có âm thanh được phát ra ở một vài phần của thân thể, chẳng hạn như bị sôi bụng, tiếng ngáy; hoặc âm thanh phát sinh từ nơi vỗ tay, búng tay, và âm thanh phát sinh do đánh vào bất luận ở phần nào của thân thể; tuy nhiên những thể loại âm thanh ấy không được phát ra cho thật rõ ràng.

Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Thịnh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp*, đó chính là các âm thanh đã có được đề cập ở trong Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp vậy, tuy nhiên các âm thanh ấy phát ra trong sáng rõ ràng.

Nhị Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Khởi Sinh Ngoại Phần Hữu Tình

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhatthakakalàpa)*: tức là các thực thể vật chất hiện hữu ở trong thế gian này và núi đồi, cây cối, sông nước, lửa, gió, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ánh sáng, bóng tối, v.v.

2. *Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp (Saddanavakakalàpa)*: tức là những thể loại như tiếng gió thổi, âm thanh sấm chớp trời gấm, tiếng nước chảy, tiếng máy xe, tàu thuyền, chuông, v.v.

Phân Tích Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Theo Ba Phần Thân Thể

Cả Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết thường được khởi sinh ở trong ba phần thân thể. Đối với Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, hoặc Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp thì hằng thường luôn khởi sinh. Còn cả hai Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp, hoặc Tổng Hợp Thịnh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp đây, thì thi thoảng đôi khi khởi sinh, và chẳng phải hằng thường luôn.

NHỊ TỔNG HỢP SẮC VẬT THỰC (Àhàrajakalàpa 2), đó là:

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhatthakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt; và được gọi là *Tổng Hợp Căn Nguyên (Mùlakalàpa)*.

2. *Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutàdiekàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến Thể; và được gọi là *Tổng Hợp Căn Hành (Mùlikalàpa)*.

Giải thích: Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này, đó chính là 11 Sắc Vật Thực (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới). Và cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực này thường chỉ đặc biệt khởi sinh ở nội phần của Chúng Hữu Tình mà thôi.

Vả lại sự hiện hành của cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực có được như vậy là:

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhatthakakalàpa)*: nương sinh vào các vật thực, hoặc các loại thuốc sẽ là tốt hoặc không tốt đi nữa, nhưng một khi dùng vào rồi đã không làm cho thân thể có được cảm giác tươi tốt, khỏe mạnh, phần chân, và nhanh nhẹn. Hoặc một khi đã dùng vào rồi, đã làm cho thân thể có cảm giác bất an, bực bội, và khó chịu, chẳng hạn như vậy; có nghĩa là Tổng Hợp Vật

Thực nương sinh từ nơi thuốc hoặc những thể loại vật thực này vẫn chưa có được phối hợp với cả 3 Sắc Biến Thể.

2. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutàdiekàdasakalàpa): nương sinh khi đã dùng các vật thực, hoặc các loại thuốc, và đã làm cho thân thể có cảm giác tươi tốt, khỏe mạnh, phấn chấn và an lạc, chẳng hạn như vậy; có nghĩa là Tổng Hợp Sắc Vật Thực nương sinh từ nơi các thể loại thuốc hoặc vật thực đây đã phối hợp với cả 3 Sắc Biến Thể.

Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này, thì không có khởi sinh ở ngoại phần Hữu Tình được, vì lẽ Tổng Hợp Sắc Vật Thực chỉ sẽ khởi sinh lên được, thiết yếu cần phải nương vào *Nghiệp Bồ Phẩm (Kammaojà)* hiện hữu ở bên trong thân thể của Hữu Tình làm thành người hiệp trợ đối với *Bồ Phẩm Ngoại Phần (Bahiddhaojà)*. Có nghĩa là một thể loại Bồ Phẩm khác nữa hiện hữu ở trong các thể loại vật thực ấy; bởi do thế, Tổng Hợp Sắc Vật Thực hiện hữu ở trong các thể loại vật thực một khi vẫn chưa có được thọ thực vào, thì chẳng phải là Tổng Hợp Sắc Vật Thực, mà đó chính là Tổng Hợp Sắc Quý Tiết cả thầy.

Các cây cối phát triển tươi tốt to lớn lên, đâm cành phát tán, trở sinh hoa quả là do bởi nương vào đất, nước, và phân bón. Những thể loại này được hiểu biết với nhau rằng đất, nước và phân bón ấy đã làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh đối với cây cối rất nhiều. Quả thực là những thể loại đất, nước và phân bón ấy, đã không làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh lên đối với cây cối bất luận một trường hợp nào cả, mà trái lại chỉ làm cho Tổng Hợp Sắc Quý Tiết được khởi sinh lên thôi, vì lẽ cây cối chẳng thể nào thọ dụng loại thực phẩm của loài Hữu Tình được. Đất và nước, hoặc phân bón tưới cho cây cối đó, thì thường thấm đi vào trong thân cây theo con đường rễ cái và rễ con của cây và hiện hành theo lẽ thường nhiên. Nếu sẽ nói với nhau là cây cối đã thọ dụng vật thực, đã uống nước ăn phân bón, thì đó là cách gọi theo từ ngữ dân gian, và chẳng phải theo thực tính Siêu Lý; cũng tương tự cùng một phương thức mà chúng ta bảo với nhau rằng “*chiếc xe này thì uống xăng nhiều, chiếc xe đó thì uống xăng ít*”, mà sự thực là chẳng có chiếc xe nào uống xăng vào được cả; và đó chỉ là dùng để gọi bảo với nhau theo *Thành Ngữ Thế Tục (Vohàrasammuti)* mà thôi.

Phân Tích Nhị Tổng Hợp Sắc Vật Thực Theo Ba Phần Thân Thể

Trong cả ba phần thân thể thì cả hai Tổng Hợp Sắc Vật Thực thường luôn khởi sinh lên được.

Kết Thúc Phân Tổng Hợp Sắc Pháp

-----00000-----

**PHẦN THỨ NĂM:
PHẦN CHUYỂN KHỞI SẮC PHÁP
(RÙPAPAVATTIKKAMANAYA)**

(Trình bày sự khởi sinh cùng với sự diệt diệt của Sắc Pháp theo tuần tự)

Sabbàni panetàni rùpàni kàmaloke yathàraham anùnàni pavattiyam upalabbhanti. Paṭisandhiyam pana saṃsedajānañceva opapàtikànañca cakkhu sota ghàṇa jivhà kàya bhàva vatthu dasaka saṅkhàtāni satta dasakāni pātubhavanti, ukatthavasena. Omakavasena pana cakkhu sota ghàṇa bhàva dasakāni kadāci pi na labbhanti. Tasmā tesam vasena kalāpāhāni veditabbā.

Gabbhaseyyaka sattānam pana kàyabhāvavatthu dasakasaṅkhàtāni tīṇi dasakāni pātubhavanti. Tatthāpi bhāvadasakam kadāci na labbhati. Tato param pavattikāle kamena cakkhudasakādīni ca pātubhavanti.

Icevam paṭisandhim upādāya kammaṣamuṭṭhānā dutiyacittam upādāya cittasamuṭṭhānā tṭhikālam upādāya utusamuṭṭhānā ojaḥparaṇam upādāya àhàrasamuṭṭhānā cāti catusamuṭṭhānarūpa kalāpa santati kàmaloke dipajāla viya nadīsoto viya ca yāvatāyukam abbhocchinnaṃ pavattati.

Marāṇakāle pana cuticittopari sattarasama cittassa tṭhiti kalam upādāya kammajarupāni na uppajjanti. Puretaram uppannāni ca kammajarupāni cuticittasamakalam eva pavattitvā nirujjhanti. Tato param cittajāhàrajarupāṇ ca vocchijjhati. Tato param utusamuṭṭhānarūpaparamparā yāva matakālebara saṅkhāta pavattanti. Icevam matasattānam punadeva bhavantare paṭisandhim upādāya tathā rupaṃ pavattati.

Rùpaloke pana ghàṇa jivhà kàya bhàva dasakāni ca àhàrajakalāpāni ca na labbhanti. Tasmā tesam paṭisandhikāle cakkhu sota vatthivasena tīṇi dasakāni jīvanavakāni cāti cattāro kammaṣamuṭṭhānakalāpā, pavattiyam cittotu samuṭṭhānā ca labbhanti. Asaññasattānam pana cakkhu sota vatthu saddāni pi na labbhanti. Tathā sabbāni pi cittajarupāni. Tasmā tesam paṭisandhikāle jīvanavakam eva. Pavattiyāñ ca saddavajjitam utusamuṭṭhāna rūpaṃ atiricchati. Icevam kāmārūpasaññi saṅkhātesu tisu tṭhānesu paṭisandhi pavatti vasena duvidhā rùpappavatti veditabbā.

Aṭṭhavisati kamesu honti tevīsa rùpisu sattaraseva saññīnam arūpe natthi kiñci pi. Saddo vikāro jaratā marāṇāna copapattiyam na labbhanti pavatte tu na kiñci pi na labbhati. Ayamettha rupa pavattikkamo.

Tất cả các Sắc Pháp ấy, không thiếu Sắc nào và tùy theo trường hợp, đã chuyển khởi hiện hữu đầy đủ ở trong Cõi Dục Giới. Tuy nhiên trong lúc thọ sinh, đối với Chúng Hữu Tình thuộc Hóa Sanh và Thập Sanh, thì tối đa sẽ hiện khởi chỉ có được bảy Tổng Hợp Thập Sắc Pháp là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Tính, và Vật. Còn tối thiểu thì có đôi khi không hiện khởi lên được đối với các Tổng Hợp Thập

Sắc Pháp Nhãn, Nhĩ, Tỷ và Tính. Do vậy, cần phải hiểu Chúng Hữu Tình đây như là không có các Tổng Hợp Thập Sắc Pháp ấy vậy.

Đối với Chúng Hữu Tình Thai Sanh (vào lúc thọ sinh) thì ba Tổng Hợp Thập Sắc Pháp là Thân, Tính và Tâm Cơ có được khởi sinh; tuy nhiên cũng đôi khi Tính Thập Pháp đã không có hiện khởi. Từ lúc đã thọ sinh trở đi xuyên suốt trọn kiếp sống, tuân tự những Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp v.v. đã được khởi sinh. Như vậy, các Sắc Pháp đã được tạo nên theo bốn phương cách: do Nghiệp mà khởi sinh từ lúc thọ sinh, do Tâm mà khởi sinh từ sát na thứ hai, do Quý Tiết mà khởi sinh vào thời trú vị, do Vật Thực mà khởi sinh từ lúc Bỏ Phẩm đã được tiêu hóa; liên tục chuyển khởi không gián đoạn ở trong Cõi Dục Giới cho đến lúc mệnh chung, như một ngọn lửa của cây đèn đã được thắp lên, hoặc một dòng sông đang trôi chảy. Thế nhưng ngay lúc lâm chung, kể từ Tâm Tử tính đếm ngược trở lại sau đến sát na thứ mười bảy và tính vào thời trú vị của Tâm, thì các Sắc Pháp do Nghiệp mà khởi sinh đã không còn hiện khởi thêm nữa. Các Sắc Pháp do Nghiệp đã khởi sinh trước đó chỉ tồn tại cho đến Tâm Tử rồi đồng cùng diệt với Tâm Tử ấy. Nói tiếp theo, các Sắc Pháp do Tâm và Vật Thực tạo cũng chấm dứt. Sau đó, thì sự chuyển khởi tiếp tục của các Sắc Pháp do Quý Tiết sinh, vẫn còn kéo dài tùy theo sự tồn tại của thi thể cho đến khi hoàn toàn tan rã. Như vậy, đối với người đã chết, thì các Sắc Pháp lại khởi sinh tương tự cùng một phương cách ấy ở trong kiếp sống kế đó, và được bắt đầu kể từ Tâm Tái Tục.

Ở trong Cõi Sắc Giới thì các Tổng Hợp Thập Sắc Pháp về Tỷ, Thiệt, Thân, và Tính do Vật Thực sinh, đã không khởi sinh lên được. Do vậy, đối với Chúng Hữu Tình này trong lúc tái tục, thì chỉ hiện khởi lên có bốn Tổng Hợp Thập Pháp bởi do Nghiệp sinh, ấy là Nhãn, Nhĩ, và Tâm Cơ cùng với Mạng Cửu Pháp; và trong thời chuyển khởi, các Sắc Pháp do Tâm và Quý Tiết sinh, thì tiếp tục được hiện khởi. Thế nhưng, đối với Chúng Hữu Tình Vô Tướng, thì Nhãn, Nhĩ, Tâm Cơ và Thinh không hiện khởi lên. Tương tự, tất cả các Sắc Pháp do Tâm sinh, cũng không hiện khởi. Do vậy, đối với Chúng Hữu Tình này trong lúc tái tục, thì chỉ có Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp khởi sinh; và trong thời chuyển khởi, loại trừ Thinh, tất cả các Sắc Pháp do Quý Tiết sinh, thì có được khởi sinh.

Như vậy, ở trong ba Cõi Dục Giới, Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Tướng, thì tiến trình Sắc Pháp cần phải được hiểu theo hai phương cách, thời tái tục và thời chuyển khởi. Trong Cõi Dục Giới thì có hai mươi tám Sắc Pháp, ở Cõi Sắc Giới thì có hai mươi ba. Trong Cõi Vô Tướng thì chỉ có mười bảy, và ở Cõi Vô Sắc Giới thì không có Sắc Pháp nào khởi sinh. Vào lúc tái tục, thì Thinh, Sắc Biến Thể, Lão Mai và Vô Thường không có hiện khởi. Trong thời chuyển khởi bình nhật, thì chẳng có Sắc Pháp chi là không có.

Tại đây, là phương cách chuyển khởi của tất cả các Sắc Pháp.

-----00000-----

PHẦN GIẢI THÍCH

Kệ Ngôn Trình Bày Các Sắc Pháp Có Được Khởi Sinh Và Không Được Khởi Sinh Ở Trong 31 Cõi Giới

Aṭṭhavisati kàmesu Honti tevīsa rūpīsu
Sattaraseva saññīnaṃ Arūpe natthi kiñci pi

Trong 11 Cõi Dục Giới thì cả 28 Sắc Pháp thường được khởi sinh. Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng) thì 23 Sắc Pháp (loại trừ Tỳ, Thiệt, Thân, 2 Sắc Bản Tính) thường được khởi sinh. Trong 1 Cõi Hữu Tình Vô Tướng thì 17 Sắc Pháp (loại trừ 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Thỉnh, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 2 Sắc Biểu Tri) thường được khởi sinh. Trong Cõi Vô Sắc Giới thì không có bất luận Sắc Pháp nào khởi sinh lên được cả.

Giải thích: Kệ ngôn đã trình bày tại đây, đây là cơ sở trình bày đến số lượng Sắc Pháp có được khởi sinh và không được khởi sinh ở trong 31 Cõi Giới. Và người sinh trú ở trong 11 Cõi Dục Giới ấy, thì cả 28 Sắc Pháp thường được khởi sinh lên một cách trọn đủ ở trong thời chuyên khởi bình nhật, không tăng cũng không giảm hơn nữa. Tuy nhiên một khi tính theo Người, nếu là nữ giới thì cần phải loại trừ Sắc Nam Giới Tính ra; và nếu là nam giới thì cũng cần phải loại trừ Sắc Nữ Giới Tính ra. Và nếu như người ấy lại bị khiếm khuyết bất luận một trong các bộ phận chẳng hạn như mắt, tai, mũi, giới tính; hoặc đến 2 – 3 thể loại, thể rồi cũng cần phải loại trừ các Sắc Pháp ấy ra, vừa theo thích hợp của từng mỗi thể loại. Rằng khi tính theo phần tập hợp lại, thì ở trong 11 Cõi Dục Giới có cả 28 Sắc Pháp thường được khởi sinh lên, như câu kệ ngôn đã có trình bày rằng “*Aṭṭhavisati kàmesu*”.

Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng) là chỗ sinh trú của tất cả Chư Phạm Thiên, thì Tỳ, Thiệt, Thân và cả 2 Sắc Bản Tính thường không khởi sinh lên được; vì lẽ cả 5 Sắc Pháp này là các Sắc Pháp chỉ thuần nhất hỗ trợ ở trong Cảnh Dục Trần. Còn Chư Phạm Thiên ấy, là các bậc đã được thọ sinh từ ở nơi mãnh lực của Thiên Định Sắc Giới, và đã đoạn tiết mọi tham muốn dục trần; bởi do thế, cả 5 Sắc Pháp này mới không có được khởi sinh lên đối với nhóm Chư Phạm Thiên.

Đối với Nhãn và Nhĩ có được khởi sinh lên với Chư Phạm Thiên, là cũng vì cả 2 Sắc Pháp này chẳng có bất luận điều chi tác hại cả, và lại thường có nhiều ân đức hữu ích nữa. Có nghĩa là Nhãn thì có ân đức hữu ích ở trong sự việc sẽ được trông thấy đến các Bậc có Ân Đức Chí Thượng là Bậc Chánh Đẳng Giác, v.v. được gọi là *Ân Đức Kiến Thị Tối Thượng (Dassanānuttariyaṅga)* – là được trông thấy sự việc vi diệu thù thắng), và Nhĩ thì có ân đức hữu ích ở trong sự việc sẽ được lắng nghe Giáo Pháp Thù Thắng, được gọi là *Ân Đức Thính Văn Tối Thượng*

(Savanànutтарыгуна – là được lắng nghe sự việc vi diệu thù thắng). Bởi do thế, cả 2 Sắc Pháp là Nhân và Nhĩ đây, mới được khởi sinh lên đối với Chư Phạm Thiên. Và hết cả thấy Sắc Pháp mà khởi sinh với nhóm Chư Phạm Thiên ấy, thì có được số lượng là 23 Sắc Pháp với nhau, và chẳng có khiếm khuyết bất luận một Sắc Pháp nào đối với Chư Phạm Thiên ấy cả. Như câu kệ ngôn đã có trình bày rằng **“Honti tevìsa rùpisu.”**

Trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng thì thường chỉ có được 17 Sắc Pháp khởi sinh lên mà thôi, tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, 1 Sắc Mạng Quyền, 3 Sắc Biến Thể, và 4 Sắc Thực Tướng. Là như vậy, cũng vì tất cả nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng đây, là hạng Phạm Thiên không có Danh Pháp, tức là Tâm và Tâm Sở không có khởi sinh. Vì lý do này, Sắc Pháp làm thành chỗ nương sinh của Tâm và Tâm Sở mới không cần phải khởi sinh lên đối với Chư Phạm Thiên này. Còn 2 Sắc Bản Tính, thì cho dù thực sự sẽ không là Sắc Pháp nương sinh từ nơi Tâm và Tâm Sở, tức là chẳng phải là Sắc Tâm đi nữa; tuy nhiên đối với tất cả Chư Phạm Thiên ấy đã đoạn tiết Tham Ái, và chính cả 2 Sắc Bản Tính này đa phần lại là Sắc Pháp đã làm cho khởi sinh Tham Ái; chính vì vậy mới chẳng thiết yếu đối với tất cả Chư Phạm Thiên ấy. Bởi do thế, tất cả nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng mới chỉ có được 17 Sắc Pháp khởi sinh ngần ấy thôi. Như câu kệ ngôn đã có trình bày rằng **“Sattarasevasaññanam”**.

Trong 4 Cõi Vô Sắc Giới là chỗ sinh trú của tất cả nhóm Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới mà đã được sinh khởi từ ở nơi mãnh lực tiến tu Thiền Định có liên quan với đề mục *Tu Tập Ly Ái Sắc (Rùpaviràgabhàvanà)*, tức là sự đoạn lưu khởi việc hoan hỷ duyệt ý ở trong Sắc Pháp; bởi do thế, tất cả Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới mới không có Sắc Pháp khởi sinh, và cũng tương tự như nhau, là suốt trọn ở trong Cõi Giới mình đang sinh sống, thì cũng không có bất luận Sắc Pháp nào khởi sinh lên được. Như câu kệ ngôn đã có trình bày rằng **“Arùpe natthi kiñcipi”**.

Phân Tích 28 Sắc Pháp Khởi Sinh Trong 11 Cõi Dục Giới Thê Theo Cả Tứ Xuất Sinh Xứ

Khi phân tích tất cả 28 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Dục Giới thê theo Xuất Sinh Xứ, thì có đủ cả Tứ Xuất Sinh Xứ và luôn cả số lượng Sắc Xuất Sinh Xứ cũng được khởi sinh trọn đủ hết cả. Tức là 18 Sắc Nghiệp, 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, 12 Sắc Vật Thực; và kết hợp lại thành 58 Sắc Pháp. Và lại ở trong số lượng Sắc Xuất Sinh Xứ của những cả Tứ Xuất Sinh Xứ đây, thì trong từng mỗi Xuất Sinh Xứ cũng thường có đủ cả Tứ Sắc Thực Tướng cùng hiện hữu với nhau; có nghĩa là 18 Sắc Nghiệp cũng có cả Tứ Sắc Thực Tướng, tức là Sắc Nghiệp Tích Trữ, Sắc Nghiệp Thừa Kế, Sắc Nghiệp Lão Mại, và Sắc Nghiệp Vô Thường, và kết hợp lại thành 4.

Trong Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực cũng hiện hành trong cùng một phương thức này; bởi do thế, khi kết hợp cả Tứ Sắc Thực Tướng hiện hữu ở trong cả bốn thể loại Sắc Pháp như đã vừa đề cập mới thành là 16; và khi tính gộp lại nhau với số lượng của 58 Sắc Pháp, thì mới thành số lượng 74 Sắc Pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Dục Giới. Trong những số lượng 74 Sắc Pháp này, nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 28 Sắc Pháp mà thôi.

Phân Tích 23 Sắc Pháp Khởi Sinh Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (Loại Trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng) Thể Theo Cả Tứ Xuất Sinh Xứ

Khi phân tích 23 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới thể theo Xuất Sinh Xứ, thì thường chỉ có 3 Xuất Sinh Xứ (loại trừ Vật Thực Xuất Sinh Xứ), là vì tất cả Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới thì chẳng có thọ dụng vật thực như thể loại của nhóm Nhân Loại và Chư Thiên. Tất cả Chư Phạm Thiên ấy thường luôn no đủ với Pháp Hỷ, và cũng bởi do thế, Pháp Hỷ mới tương đương như là vật thực của Chư Phạm Thiên. Vì lý do này, trong số lượng 23 Sắc Pháp ấy mới không có tính Sắc Vật Thực vào là vậy.

Trong số lượng cả 3 Sắc Xuất Sinh Xứ ấy, thì Sắc Nghiệp thường chỉ có được 13 Sắc Pháp khởi sinh (loại trừ Tỷ, Thiệt, Thân, Tính). Sắc Tâm thì có được cả 15 Sắc Pháp khởi sinh. Sắc Quý Tiết thì có được cả 13 Sắc Pháp khởi sinh; và kết hợp lại thành 41 Sắc Pháp. Và lại một khi đã kết hợp với 12 Sắc Thực Tướng rồi thì mới thành số lượng 53 Sắc Pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới. Nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 23 Sắc Pháp mà thôi.

Phân Tích 17 Sắc Pháp Khởi Sinh Trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng Thể Theo Cả Tứ Xuất Sinh Xứ

Khi phân tích 17 Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng thể theo Xuất Sinh Xứ, thì thường chỉ có được 2 Xuất Sinh Xứ, đó là Nghiệp Xuất Sinh Xứ và Quý Tiết Xuất Sinh Xứ; cũng vì nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng là hạng Phạm Thiên không có Tâm và Tâm Sở; bởi do thế, Sắc Pháp nương sinh từ nơi Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ mới không có khởi sinh. Còn Sắc Pháp nương sinh từ nơi Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ ấy, thì đã là lẽ thường nhiên không có đối với Chư Phạm Thiên rồi.

Trong số lượng cả 2 Sắc Xuất Sinh Xứ ấy, thì Sắc Nghiệp thường có được 10 Sắc Pháp khởi sinh, tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạng Giới, và 1 Sắc Mạng Quyền. Sắc Quý Tiết thì thường có được 12 Sắc Pháp (loại trừ Thịnh) khởi sinh; và kết hợp lại thành 22. Và lại một khi đã kết hợp với 8 Sắc Thực Tướng rồi thì mới thành số lượng 30 Sắc pháp có được khởi sinh ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng; và nếu tính một cách phổ thông thì cũng chỉ có số lượng 17 Sắc Pháp.

Ghi chú: Chỗ tính kết hợp Tứ Sắc Thực Tướng vào với các Sắc Pháp nương sinh từ nơi cả Tứ Xuất Sinh Xứ ấy, thì tính theo phần kết hợp ấy chẳng hạn như vậy: 18 Sắc Nghiệp kết hợp với Tứ Sắc Thực Tướng thì thành 22 Sắc Pháp; 15 Sắc Tâm kết hợp với Tứ Sắc Thực Tướng thì thành 19 Sắc Pháp. Tuy nhiên, nếu sẽ tính Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú riêng từng mỗi một Sắc Thành Sở Tác, thì ở trong 18 Sắc Nghiệp ấy chỉ có 17 Sắc Thành Sở Tác (loại trừ 1 Sắc Hạn Giới); và trong từng mỗi Sắc Pháp của 17 Sắc Thành Sở Tác ấy lại có Tứ Sắc Thực Tướng cùng cấu sinh với nhau; chính vì thế mới kết hợp lại thành 68 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 18 Sắc Nghiệp vào rồi, thì mới có được 86 Sắc Nghiệp.

Trong 15 Sắc Tâm thì có 9 Sắc Thành Sở Tác, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt và 1 Sắc Thinh. Trong từng mỗi một Sắc Pháp của 9 Sắc Thành Sở Tác thì có Tứ Sắc Thực Tướng; và kết hợp lại thành 36 Sắc Thực Tướng. Và khi cùng kết hợp với 15 Sắc Tâm vào rồi, thì mới có được 51 Sắc Tâm.

Trong 13 Sắc Quý Tiết thì tương tự cũng có 9 Sắc Thành Sở Tác, chính vì thế mới có 36 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 13 Sắc Quý Tiết vào rồi, thì mới có được 49 Sắc Quý Tiết.

Trong 12 Sắc Vật Thực, thì có 8 Sắc Thành Sở Tác, chính là 8 Sắc Bất Giản Biệt; bởi do đó mới có 32 Sắc Thực Tướng, và khi cùng kết hợp với 12 Sắc Vật Thực vào rồi, thì mới có được 44 Sắc Vật Thực là như vậy.

Kệ Ngôn Trình Bày Sắc Pháp Không Có Được Khởi Sinh Trong Thời Tái Tục Nhưng Lại Có Được Khởi Sinh Trong Thời Chuyển Khởi Bình Nhật

***Saddo vikàro jaratà Maraṇaṇa copapattiyam
Na labbhanti pavatte tu Na kiñci pi na labbhati***

Kết hợp cả 8 Sắc Pháp đây: 1 Sắc Thinh, 5 Sắc Biến Thế, 1 Sắc Lão Mại, và 1 Sắc Vô Thường, thì không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, tức là sát na Sinh của Tâm Tái Tục. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi Bình Nhật, thì bất luận là Sắc Pháp nào cho dù sẽ không có được khởi sinh, hoặc không có hiện hữu đi nữa, thì cũng thường được khởi sinh lên hết tất cả.

Giải thích: Ngay sát na Sinh của Tâm Tái Tục thì được gọi là Thời Tái Tục. Kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục trở đi cho đến sát na Trụ của Tâm Tử thì được gọi là Thời Chuyển Khởi; và đây là sự hiện hành thể theo phần Thực Tính.

Cả 8 Sắc Pháp không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục đây, có nghĩa là ngay ở trong sát na Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình thì âm thanh tiếng động cũng vẫn chưa có; việc hoạt động về Thân, việc nói năng về Lời cũng vẫn chưa có; Sắc nhẹ, Sắc mềm, và Sắc thích dụng đối với công việc, Sắc đang lão mại, Sắc đang diệt mất thì cũng vẫn là chưa có. Điều này được ví như một nồi gạo mới bắt đầu đặt ở trên bếp lò, thì sẽ không làm sao để cho gạo tức thời phải sôi lên được

như thế nào, thì sát na Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình cũng tương tự như nhau, và như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

Câu kệ tổng hợp này, là đặc biệt chỉ trình bày riêng phần 8 Sắc Pháp có Thịnh, v.v. không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục; bởi do thế, mới cần phải hiểu biết rằng 20 Sắc Pháp còn lại thì thường có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục. Trong số lượng của những 20 Sắc Pháp này, thì Sắc Nghiệp cũng có ở trong số lượng này, luôn cả Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực cũng có ở trong số lượng này. Tuy nhiên cả ba nhóm là Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực đây, thì thường không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, và chỉ có được khởi sinh ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi; bởi do thế, cả 20 Sắc Pháp mà có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, là chỉ có duy nhất một nhóm Sắc Nghiệp, và đó chính là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, 1 Sắc Tích Trữ, và 1 Sắc Thừa Kế; kết hợp lại thành 20.

Trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp có trình bày số lượng 8 Sắc Pháp không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục; tuy nhiên nếu trình bày thể theo phần Chú Giải và Phụ Chú Giải rồi, thì Sắc Pháp không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục sẽ phải là 9 Sắc Pháp, tức là thêm 1 Sắc Thừa Kế nữa; bởi do thế ở trong số lượng 28 Sắc Pháp, thì Sắc Pháp không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục mới là 9, và 19 Sắc Pháp còn lại thì có được khởi sinh.

Còn ở trong Thời Chuyển Khởi, thì cả 28 Sắc Pháp gồm có Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực thì thường có được khởi sinh lên hết cả thảy.

19 Sắc Nghiệp mà có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, nếu sắp xếp theo phần Tổng Hợp, thì cũng chính là 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp đó vậy. Và ở trong cả thảy 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp đây mà không có được khởi sinh đối với tất cả Chúng Hữu Tình ở trong Thời Tái Tục, là cũng phải tùy thuộc theo trường hợp thích hợp của Sản Địa và Cõi Giới của Chúng Hữu Tình.

Sản Địa Hoặc Sản Sinh Xứ (**Yoni**)

Có 3 hoặc 4 Sản Địa của tất cả Chúng Hữu Tình, đó là:

1. *Thấp Sanh Sản Địa (Samsedaja)* lập ý đến sinh ở trong chỗ có mù nhựa dính.
2. *Hóa Sanh Sản Địa (Opapàtika)* lập ý đến phát sinh to lớn liên tức thì, y như thể rút từ ở trên cao xuống.
3. *Thai Sanh Sản Địa (Gambhaseyyaka)* lập ý đến sản sinh ở trong thai bào của người Mẹ. Thai Sanh Sản Địa chia ra làm 2 thể loại, đó là:
 - *Noãn Sanh Sản Địa (Aṇḍaja)* lập ý đến sinh ở trong quả trứng.
 - *Bao Y Sanh Sản Địa (Jalàbuja)* lập ý đến sinh ở trong cái nhau.

Vì thế, khi kết hợp lại thì mới có được Tứ Sản Địa, là: 1/. Thấp Sanh Sản Địa, 2/. Hóa Sanh Sản Địa, 3/. Noãn Sanh Sản Địa, 4/. Bao Y Sanh Sản Địa.

[**Chú thích:** Theo quan điểm của Phật Giáo thì có được 4 loại sản sinh, đó là Thấp Sanh, Noãn Sanh, Hóa Sanh và Thai Sanh. Một vài hình thức Hữu Tình thấp kém được sinh ra và sinh sống ở trong những nơi ẩm thấp, được gọi là Thấp Sanh. Đôi khi Chúng Hữu Tình Thấp Sanh Sản Địa khiếm khuyết một vài giác quan và không có Nam hoặc Nữ Giới Tính. Tất cả đều có Tâm Thức vì được sinh ra với Tổng Hợp Vật Thập Pháp, tức là Sắc Ý Vật. Chúng Hữu Tình Hóa Sanh Sản Địa thì thông thường là vô hình đối với Nhân Mục của Nhân Loại. Bởi do Nghiệp Lực quá khứ tạo duyên, Chúng Hữu Tình ấy khởi sinh mà chẳng phải trải qua giai đoạn thọ thai và sản sinh. Chúng Nga Quỷ, Chư Thiên và Chư Phạm Thiên thì thuộc về hạng này. Một vài hạng Chúng Hữu Tình Hóa Sanh ở trong Cảnh Dục Giới thì không có Nam hoặc Nữ Giới Tính. Tuy nhiên Chúng Hữu Tình Hóa Sanh ở trong Cõi Sắc Giới chẳng những không có các giác quan về mũi, lưỡi và thân, cho dù có đủ các bộ phận ấy; vì lẽ Chư Phạm Thiên chẳng bao giờ thiết yếu để sử dụng đến. Chúng Hữu Tình Noãn Sanh Sản Địa thì cũng tương tự với hạng Thai Sanh Sản Địa. Thông thường vào lúc đi thọ sinh đều có được 3 Tổng Hợp Thập Pháp, đó là: Tổng Hợp Thân, Tính và Vật Thập Pháp; và cũng có đôi khi một vài Hữu Tình không có Nam hoặc Nữ Giới Tính. Vì lẽ ấy, nhận thấy rằng chí đến ở trong quả trứng cũng có Tâm Thức.]

Giải Thích Trong Cả Tứ Sản Địa

1. Thấp Sanh Sản Địa (Samsedaja): Tất cả Chúng Hữu Tình tái tục với Thấp Sanh Sản Địa đây, thì không cần phải nương vào người Cha, người Mẹ mà mới có ra; chỉ nương sinh từ nơi cây cối, trái quả, tán cây, máu huyết, nước bản thủ (nước đọng ao tù), v.v. chẳng hạn như thiếu nữ *Ciñcamànavikà* sản sinh từ nơi trái me, thiếu nữ *Veluvadì* sản sinh từ nơi cây tre, thiếu nữ *Padumavadì* sản sinh từ nơi hoa sen và nàng *Padumavadì* này có tới 499 nam nhi được sản sinh từ nơi máu huyết. Các nhóm sâu bọ thì sinh từ nơi trái quả, hoặc ở chỗ bản thủ chẳng hạn như vậy. Tuy nhiên Chúng Hữu Tình thuộc Thấp Sanh Sản Địa đây, không thể phát sinh to lớn lên liền tức thì, mà phải từ từ lớn dần lên, cũng na ná với nhóm Thai Sanh Sản Địa.

2. Hóa Sanh Sản Địa (Opapàtika): Loài Hữu Tình tái tục với Hóa Sanh Sản Địa đây, thì chẳng cần phải nương vào cái chi cả, chỉ duy nhất nương vào Nghiệp Lực Quá Khứ; và một khi đã được sinh ra thì phát khởi to lớn lên liền tức thì, chẳng hạn như nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Nga Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên, Nhân Loại ở trong thời kỳ *Kiến Lập Kiếp Sơ (Vaṭṭathàyì Kappa)*.

3. Noãn Sanh Sản Địa (Añḍaja): Tất cả Chúng Hữu Tình tái tục với Noãn Sanh Sản Địa đây, thì cần phải nương sinh từ nơi cái bụng của người Mẹ, tuy nhiên

tiên khởi tái tục thì phải ở trong quả trứng trước. Khi người Mẹ đã sản sinh ra quả trứng rồi, thì từ nơi quả trứng ấy, loài Hữu Tình mới sẽ được sản sinh ra một lần nữa. Việc sản sinh của nhóm Hữu Tình này cũng theo tuần tự từ từ lớn dần lên, tức là nhóm gà, vịt, chim, quạ, thằn lằn, tắc kè, rắn, v.v.

Nhân Loại cũng có ở trong nhóm Noãn Sanh Sản Địa, chẳng hạn như hai vị Tỳ Khưu gọi với nhau là *Trưởng Lão Dvebàtikathera* là con trai của Nữ Điều Nhân, tiên khởi là đã được sản sinh ra hình thành quả trứng trước, rồi từ quả trứng mới được sản sinh ra một lần nữa; và tích truyện này đã được trình bày đề trong bộ Kinh Pháp Cú.

4. Bao Y Sanh Sản Địa (*Jalàbuja*): Tất cả Chúng Hữu Tình tái tục với Bao Y Sanh Sản Địa đây, thì tương tự như nhau, là cũng cần phải nương sinh từ nơi bụng của người Mẹ, tuy nhiên không cần phải có quả trứng bao bọc như là nhóm Noãn Sanh Sản Địa; và việc sản sinh của nhóm Hữu Tình này cũng được sinh ra, rồi cũng theo tuần tự từ từ lớn dần lên; tức là nhóm Nhân Loại, và nhóm Hữu Tình Bằng Sanh ngoài ra của nhóm Noãn Sanh Sản Địa.

Phân Tích Cõi Giới Theo Tứ Sản Địa

Niraye kummavajjesu Devesu ca na yoniyo
Tisso purimikà honti Catasso pi gatittaye
(Trích trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ)

Trong Cõi Địa Ngục, hoặc ở trong 6 tầng Thiên Giới (1) loại trừ nhóm Địa Cư Thiên (*Bhummaṭṭhadevatà*) (2) hoặc ở trong nhóm Ái Dục Thiên Đốt Ngạ Quỷ (*Nijjhàmatanḥikapetesu ca*) thì những cả 3 Sản Địa là: Tháp Sanh Sản Địa, Noãn Sanh Sản Địa và Bao Y Sanh Sản Địa đây, thường không có được khởi sinh. Trong cả 3 Sinh Thú (*Gati*) là: Nhân Loại, Hữu Tình Bằng Sanh, Ngạ Quỷ, thì cả Tứ Sản Địa thường có được khởi sinh.

[**Chú thích:** (1): 6 tầng Thiên Giới là: 1 Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương, 1 Cõi Đạo Lợi Thiên Giới, 1 Cõi Dạ Ma Thiên Giới, 1 Cõi Đâu Suất Đà Thiên Giới, 1 Cõi Hóa Lạc Thiên Giới, và 1 Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên Giới.

(2): Địa Cư Thiên là một nhóm Chư Thiên ở tầng tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương, mà nương trú theo những trú địa như là núi đồi, sông nước, nhà cửa, bảo tháp, giảng đường, v.v. (Xin xem phần chi tiết ở trong bộ Đại Phụ Chú Giải Tổng Hợp Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 5, quyển I, Địa Giới Tứ Phần, đã được soạn tác do bởi Ngài *Saddhammajotika Dhammàcariya*)]

Câu kệ ngôn này đã không có trình bày đến Sản Địa khởi sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới. Là như vậy, cũng vì các nhóm Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới đây được sinh khởi với mãnh lực của Tâm Thiện Sắc Giới đã chứng đắc Thiên Định; bởi do thế mới không có nhiều thể loại Sản Địa, mà duy nhất chỉ có một thể loại

Hóa Sanh Sản Địa mà thôi; khác biệt với nhóm Người ở Cõi Dục Giới thì đã có được rất nhiều thể loại Sản Địa.

Khi tóm tắt nội dung lại, thì có được 24 nhóm Người chỉ thuộc duy nhất nhóm Hóa Sanh Sản Địa, đó là: 1 Hữu Tình Địa Ngục, 1 Ái Dục Thiêu Đốt Nga Quỷ, 1 Chư Thiên sinh trú ở trong Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương (loại trừ nhóm Địa Cư Thiên), 5 Chư Thiên sinh trú ở trong 5 Cõi Thiên Giới tầng bậc trên, và 16 Phạm Thiên Sắc Giới.

Đối với Nhân Loại, Địa Cư Thiên, Hữu Tình Bàn Sanh, Atula, Nga Quỷ (loại trừ Ái Dục Thiêu Đốt Nga Quỷ) thì có đủ cả Tứ Sản Địa (Xin xem bản chính phương “Phân Tích Cõi Giới Theo Tứ Sản Địa”)

Phân Tích Tứ Sản Địa Theo Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp

1. Cả 2 nhóm Thấp Sanh Sản Địa và Hóa Sanh Sản Địa đây, thì ngay ở trong sát na Tái Tục thường có được tối đa 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp hiện hữu ở trong việc sản sinh, đó là: Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Tính Thập Pháp, và Tổng Hợp Vật Thập Pháp. Tại đây, là tính theo *Phần Thượng Phẩm (Ukkatthanaya)*.

Khi tính theo *Phần Hạ Phẩm (Omakanaya)*, thì có phần khiếm khuyết các Tổng Hợp Sắc Pháp như sau:

1. **Nhóm Thấp Sanh Sản Địa** thì khiếm khuyết có đến 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, và Tổng Hợp Tính Thập Pháp.
2. **Nhóm Khổ Thú Hóa Sanh Sản Địa** thì khiếm khuyết có đến 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, và Tổng Hợp Tính Thập Pháp.
3. **Nhóm Thiệt Thú Hóa Sanh Sản Địa ở Cõi Nhân Loại**, thì khiếm khuyết 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là Tổng Hợp Tính Thập Pháp (điều này lập ý chỉ lấy riêng phần Nhân Loại ở trong thời kỳ Kiến Lập Kiếp Sơ mà thôi, nối tiếp theo đó thì không có)
4. Còn **nhóm Hóa Sanh Sản Địa ở tất cả các Cõi Thiên Giới**, ngay ở trong sát na Tái Tục thì Tổng Hợp Sắc Nghiệp thường khởi sinh mà chẳng khiếm khuyết Tổng Hợp Sắc Nghiệp nào.

2. Nhóm Hóa Sanh Sản Địa ở tất cả Chư Phạm Thiên Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng), thì ngay ở trong sát na Tái Tục có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp, thường được khởi sinh.

3. Nhóm Hóa Sanh Sản Địa ở Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, thì ngay ở trong sát na Tái Tục thường chỉ có duy nhất một Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

4. Nhóm Thai Sanh Sản Địa, thì ngay ở trong sát na Tái Tục (rằng khi tính theo Phần Thượng Phẩm) thường có được tối đa 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Tính Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp.

Rằng khi theo Phần Hạ Phẩm, một cách tối thiểu thì thường có được 2 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Thân Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp; còn Tổng Hợp Tính Thập Pháp thì có thể khiếm khuyết cũng được (Xin xem bản chính phương “Phân Tích Tứ Sản Địa Theo Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp”).

Phân Tích Tổng Hợp Sắc Nghiệp Khởi Sinh Riêng Biệt Theo Sản Địa Trong Thời Chuyển Khởi

+ Nhóm Thấp Sanh Sản Địa và Hóa Sanh Sản Địa sinh trú ở trong Cõi Dục Giới thì có được 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh trong Thời Chuyển Khởi, đó là Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

Khi kết hợp Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh trong Thời Tái Tục và luôn cả trong Thời Chuyển Khởi thì có được 8 Tổng Hợp.

+ Nhóm Hóa Sanh Sản Địa sinh trú ở trong Cõi Hữu Sắc Giới thì trong Thời Chuyển Khởi đặc biệt Tổng Hợp Sắc Nghiệp không có khởi sinh thêm nữa, mà chỉ tồn tại có 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp (1). Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng thì chỉ có 1 Tổng Hợp (2).

+ Nhóm Thai Sanh Sản Địa ở trong Thời Chuyển Khởi thì có được 5 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp. Trong số lượng 5 Tổng Hợp này thì có thể có 3 Tổng Hợp khiếm khuyết cũng được, đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp và Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp.

Khi kết hợp Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh trong Thời Tái Tục và luôn cả trong Thời Chuyển Khởi thì có được 8, và khiếm khuyết thì có được 4. (Xin xem bản đồ chính phương “Phân Tích Tứ Sản Địa Theo Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp”).

[**Ghi chú:** (1), (2): 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp của nhóm Chư Phạm Thiên Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng) đó là: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, và Tổng Hợp Cửu Mạng Pháp. Và 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, đó là Tổng Hợp Cửu Mạng Pháp đã khởi sinh lần đầu tiên ngay ở trong Thời Tái Tục, thì cho dù trong Thời Chuyển Khởi cũng vẫn liên tục khởi sinh thêm lên nữa, tuy

nhiên đặc biệt là trong suốt Thời Chuyển Khởi thì không có Tổng Hợp Sắc Nghiệp nào khác khởi sinh lên được.]

Trình Bày Việc Khởi Sinh Của Cả 5 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Có Sắc Thực Tướng v.v. Của Nhóm Thai Sanh Sản Địa

Tato param pavattimhi Vaddhamànassa jantuno
Cakkhudasakàdayo ca Cattàro honti sambhavà

(Siêu Lý Phân Tích – *Paramatthavinicchaya*, điều 71, kệ ngôn thứ 809)

Nói tiếp Thời Tái Tục thì trong Thời Chuyển Khởi, cả 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp có Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, v.v. thường khởi sinh lên đối với Hữu Tình một cách tuần tự và từ từ phát triển lên tùy theo trường hợp để sẽ được hiện hành, và không hạn chế rằng cái chi là sinh trước và cái chi là sinh sau.

Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, Tổng Hợp Thiện Thập Pháp, cả 4 Tổng Hợp này khởi sinh ở trong tuần lễ thứ 11, tức là vào khoảng 70 đến 77 ngày. Tuy nhiên việc khởi sinh của cả 4 Tổng Hợp này là bất hạn định, rằng Tổng Hợp nào sinh trước và Tổng Hợp nào sinh sau; vì lẽ Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết tuần tự của cả Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp ấy, chẳng phải lập ý khái thuyết theo *Phân Phát Sinh (Upapattikamaya)*, là việc trình bày theo *Phân Thuyết Giáo (Desanàkamanaya)* tương tự với việc trình bày về Ngũ Uẩn và Tứ Đế (*Sacca*) như bộ *Chú Giải Ngũ Tông (Kathàvatthu Atthakathà)* đã có trình bày rằng: “*Sesàni cattàri sattasattati rattimhi jàyanti*”- “4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp còn lại gồm Thân, Tính, Vật và Mạng Quyền thì thường khởi sinh ở trong thời 77 ngày, tức là 11 tuần lễ.”

Còn Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp thì khởi sinh ở trong tuần lễ đầu tiên sau khi Tâm Tái Tục trở đi, tức là ở trong khoảng thời gian 7 ngày.

Đối với Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp mà khởi sinh ở trong Thời Chuyển Khởi của nhóm Thai Sanh Sản Địa và Hóa Sanh Sản Địa trong Cõi Dục Giới đấy, thì thường khởi sinh kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục trở đi.

Trình Bày Kệ Ngôn Đề Cập Đến Sự Tiến Hóa Của Sắc Pháp Kể Từ Tái Tục Cho Đến Có Đầy Đủ Các Bộ Phần

Pathamaṃ kalalaṃ hoti Kalalà hoti abbudaṃ
Abbudà jàyate pesi Pesi nibbattatì ghano
Ghanà pasàkhà jàyanti Kesà lomà nakhàpi ca

(*Phẩm Lục Kệ - Chánh Tạng Pàli Tương Ứng Bộ Kinh – Phần Tương Ứng Dạ Xoa, Bài Kinh Thiên Chủ Đế Thích – điều 208*) – (*Samṃpayuttanikàya – Sagàthàvagga - Yakkhasaṃpayutta – Indrasutta, # 208*)

Trình tự quá trình hình thành của nhóm Thai Sanh Hữu Tình ở trong thai bào được chia ra làm 5 thời kỳ, còn được gọi là *Thai Nội Ngũ Vị* (năm thời kỳ ở trong thai bào), như sau:

1/. Trong tuần lễ đầu tiên của việc Tái Tục, thì **Sắc Chủng Tử (Kalalarùpa)** khởi sinh, đó là giọt nước trong suốt giống như nước dầu mè. (Còn gọi là *Yết La Lam Vị, Tạt Uế*, là thời kỳ tinh huyết của Cha Mẹ bắt đầu hòa hợp thành một.)

2/. Trong tuần lễ thứ hai, là kể sau khi Sắc Chủng Tử, thì **Sắc Phôi Điềm (Abbudarùpa)** khởi sinh, và có trạng thái tương tự như trứng đỏ, sắc tựa như nước rửa thịt. (Còn gọi là *An Bộ Đàm Vị, Bào*, là thời kỳ tăng trưởng thành hình như cái nhọt phồng rộp.)

3/. Trong tuần lễ thứ ba, là kể sau khi Sắc Phôi Điềm, thì **Sắc Phôi Thai (Pesirùpa)** khởi sinh, và có trạng thái như miếng thịt mềm nhão, có sắc màu đỏ. (Còn gọi là *Bế Thi Vị, Huyết Nhục*, là thời kỳ dần dần thành máu thịt.)

4/. Trong tuần lễ thứ tư, là kể sau khi Sắc Phôi Thai, thì **Sắc Thai Khối (Ghanarùpa)** khởi sinh, và có trạng thái thành một khối, có hình dáng giống quả trứng gà. (Còn gọi là *Kiên Nam Vị, Nhục Đoàn*, là thời kỳ dần dần thành một khối thịt rắn chắc.)

5/. Trong tuần lễ thứ năm, là kể sau khi Sắc Thai Khối thì nối tiếp theo đó, là **Ngũ Chi (Pañcasàkhà)** khởi sinh, tức là Sắc Pháp phát triển ra thành năm chi (**Tato param**) ở trong khoảng giữa tuần lễ thứ 12 cho đến tuần lễ thứ 42, và những thể loại tóc, lông, móng, v.v. cũng đã hiện bày. (Còn gọi là *Bát La Xa Khur Vị, Hình Vị Ngũ Chi*, là thời kỳ dần dần có đủ 6 Căn.)

Trình Bày Việc Khởi Sinh Của Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực

Trong từng mỗi kiếp sống, cái Tâm Thức đầu tiên sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình, đó chính là Tâm Tái Tục. Khi Tâm Tái Tục diệt đi, thì cái Tâm thứ 2 sinh nối tiếp từ nơi Tâm Tái Tục, đó chính là Tâm Hữu Phần thứ nhất.

Sắc Tâm khởi phát sinh trú kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất này, và thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na Sinh của Tâm Thức. Còn sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm ấy, thì Sắc Tâm không có sinh, vì theo lẽ thường nhiên thì Tâm và Tâm Sở thường chỉ có năng lực vào ngay sát na Sinh mà thôi.

Sắc Quý Tiết khởi phát sinh trú kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục, và thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na của Tâm Thức, vì lẽ Sắc Quý Tiết khởi sinh là bởi do nương vào Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ, chẳng phải từ nơi Tâm và Tâm Sở làm Xuất Sinh Xứ; chính vì thế mới khởi sinh lên được trong từng mỗi sát na của Tâm.

Sắc Vật Thực đối với nhóm Người Thấp Sanh và Hóa Sanh đấy, thì ngay khi Tái Tục đã vừa khởi sinh, liền tức thì nối tiếp từ nơi ấy đã có thọ dụng vật thực; chính vì thế mà Sắc Vật Thực của cả 2 nhóm Người này mới khởi phát sinh trú vào Lộ Trình Ý Môn và sinh khởi kể từ sau Tâm Tái Tục và Tâm Hữu Phần, và lại thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na của Tâm Thức, vì lẽ Sắc Vật Thực khởi sinh là bởi do nương vào Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, chẳng phải từ nơi Tâm và Tâm Sở làm Xuất Sinh Xứ; chính vì thế mới khởi sinh lên được trong từng mỗi sát na của Tâm, cũng tương tự với Sắc Quý Tiết.

Còn Sắc Vật Thực khởi sinh ở trong nhóm Người Thai Sanh, thì thường khởi sinh một khi các vật thực mà người Mẹ thọ thực vào, lan tỏa và thấm nhập vào thân thể của Hữu Tình đang sinh trú ở trong thai bào người Mẹ, vào giai đoạn vật thực khởi lập lan tỏa và thấm nhập vào dưỡng nuôi thân thể của Hữu Tình đã vừa tái tục. Ở trong tuần lễ đầu tiên khi vẫn còn là *Chủng Tử Hữu Tình (Kalala sattàha)* thì vật thực vẫn chưa có lan tỏa ra được, nối tiếp khi đến tuần lễ thứ 2 hoặc tuần lễ thứ 3 là giai đoạn của *Phôi Điểm Hữu Tình (Abbudasattàha)* và *Phôi Thai Hữu Tình (Pesisattàha)* thì vật thực mới sẽ bắt đầu lan tỏa và thấm nhập vào đến thân thể của Hữu Tình ấy được. Và một khi Sắc Vật Thực đã khởi sinh lên rồi, thì thường luôn sinh khởi liên tục vào trong từng mỗi sát na của Tâm Thức. Như Đức Chánh Đẳng Giác đã lập ý khái thuyết đề ở trong *Phẩm Lục Kệ - Chánh Tạng Pàli Tương Ứng Bộ Kinh – Phần Tương Ứng Dạ Xoa, Bài Kinh Thiên Chủ Đế Thích – điều 208) – (Sampayuttanikàya – Sagàthàvagga - Yakkhasampayutta – Indrasutta, # 208)* nói rằng:

*Yañcassa bhuñjati màtā Annam pānañca bhojanam
Tena so tattha yāpeti Matukucchigato naroti*

Người Mẹ của trẻ thơ thọ dụng bất luận vật thực nào, sẽ là cơm gạo hoặc thức uống đi nữa; thì trẻ thơ sinh trú ở trong bụng của người Mẹ, có vật bao phủ trùm lấy cũng được nương vào vật thực này mà bảo hộ sinh mệnh cho được sống còn ở trong bào thai của người Mẹ.

(Xin xem bản chính phương trình bày việc sinh khởi lúc ban đầu, việc sinh khởi lần cuối cùng, và việc diệt mất của Tứ Sắc Pháp.)

**Trình Bày Sự Sinh Trú Của Cả Tứ Sắc Pháp Trong Cõi Dục Giới
Ví Tựa Với Ngọn Lửa Hoặc Dòng Sông**

*Icevaṃ paṭisandhiṃ upādāya kammaṣamuṭṭhānā dutiyacittaṃ upādāya
cittasamuṭṭhānā ṭḥitikālaṃ upādāya utusamuṭṭhānā oḷapharaṇaṃ upādāya
àhārasamuṭṭhānā cāti catusamuṭṭhānarūpa kalāpa santati kāmaloke dīpajālà
viya naḍisoto viya ca yāvataṃyukaṃ abbhocchinnaṃ pavattati.*

Trong đoạn văn như đã vừa đề cập đến, thì Sắc Nghiệp thường khởi phát sinh trú kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Tục. Sắc Tâm sinh trú kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất. Sắc Quý Tiết sinh trú kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Tục. Sắc Vật Thực sinh trú kể từ sát na Bồ Phẩm lan tỏa thấm nhập khắp cả. Kết hợp lại sự nối tiếp của Tổng Hợp Sắc Pháp khởi sinh từ ở nơi Tứ Xuất Sinh Xứ trong Cõi Dục Giới, thì thường được khởi sinh không gián đoạn suốt trọn kiếp sống, giống như một ngọn lửa và một dòng sông như vậy.

Trình Bày Sự Diệt Mất Của Cả Tứ Sắc Pháp

1. *Marañakàle pana cuticittopari sattarasama cittassa ìhiti kàlam upadàya kammajarùpàni na uppajjanti. Puretaraṃ uppannàni ca kammaja rùpàni cuticittasamakàlam eva pavattivà nirujjhanti.*

2. *Tato paraṃ cittajàhàrajarupañ ca vocchijjhati.*

3. *Tato paraṃ utusamuṭṭhànarùpaparamparà yàva matakaḷebara saṅkhàta pavattanti.*

1. Còn ngay lúc lâm chung, kể từ Tâm Tử tính đếm ngược trở lại sau đến sát na thứ mười bảy và tính vào thời trú vị của Tâm, thì các Sắc Pháp do Nghiệp mà khởi sinh đã không còn hiện khởi thêm nữa. Và Sắc Nghiệp khởi sinh vào sát na Trụ của cái Tâm thứ 17 đây, thường được tồn tại cho đến Tâm Tử rồi đồng cùng diệt với Tâm Tử ấy.

2. Nối tiếp theo sau từ nơi Sắc Nghiệp đã diệt mất, thì Sắc Tâm và Sắc Vật Thực cũng diệt mất.

3. Sau khi cả ba Sắc Pháp, là Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, và Sắc Vật Thực đã diệt đi rồi, thì việc sinh khởi nối tiếp nhau từ nơi Sắc Quý Tiết cũng khởi sinh cho đến tử vong, và thành một tử thi.

Giải thích: + Trong phần Pàli điều thứ 1, kể từ *Marañakàle pana* v.v. cho đến *nirujjhanti* được giải thích rằng Sắc Nghiệp khi bắt đầu khởi sinh kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Tục, rồi thì cũng sinh nối tiếp với nhau liên tục không gián đoạn trong từng mỗi sát na của Tâm suốt trọn thời gian Hữu Tình ấy vẫn đang còn có sinh mạng, và suốt cho đến Hữu Tình ấy tử vong. Và trong lúc cận tử lâm chung, thì Sắc Nghiệp khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi, và rồi cũng không còn sinh nối tiếp nữa. Còn Sắc Nghiệp khởi sinh lần cuối cùng, khi tuổi thọ tương đương với 17 sát na tròn đủ của Tâm, thì cũng diệt mất; bởi do thế, Sắc Nghiệp đây mới đồng diệt với Tâm Tử.

Trong sự việc Sắc Nghiệp sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 đây, cũng vì lẽ thường nhiên của từng mỗi một Sắc Pháp thì có tuổi thọ bằng với 17 sát na Tâm rồi cũng diệt mất, và Tâm Tử với Sắc Nghiệp sẽ phải đồng

cùng diệt với nhau, mới sẽ gọi là Hữu Tình ấy mệnh chung. Không có sự việc Tâm Tử khởi sinh rồi diệt trước Sắc Nghiệp được. Nếu Sắc Nghiệp vẫn chưa có diệt mất, thì Tâm Tử thường cũng không khởi sinh. Sự việc này hiện hành theo thực tính, và không có bất luận một sự vật nào chỉ huy cai quản cả. Với lý do này, việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Nghiệp mới cần phải sinh vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

+ Trong phần Pàli điều thứ 2, chỗ nói rằng *Tato param* cho đến *vocchijjati* đây, được giải thích rằng ngoại trừ Tâm Tử của Bạc Vô Sinh, thì Tâm Tử của tất cả hạng Phạm Phu và các Bạc Hữu Học thường làm cho Sắc Tâm được khởi sinh; bởi do thế việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Tâm mới khởi sinh vào sát na Sinh của Tâm Tử. Đối với Bạc Vô Sinh thì Sắc Tâm sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi. Điều này trình bày cho được thấy rằng cho dù Tâm Tử đã diệt đi rồi, tức là người ấy đã chết đi nữa, thế nhưng Sắc Tâm cũng vẫn còn tồn tại và tiếp nối thêm được một chút ít nữa; có nghĩa là đối với hạng Phạm Phu hoặc Bạc Hữu Học một khi đã mạng vong rồi, thì Sắc Tâm cũng vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 16 cái Tâm rồi mới diệt mất. Còn Bạc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn, thì Sắc Tâm vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 15 cái Tâm rồi mới diệt mất hẳn. **Rằng khi đã nói đến như vậy, chỉ là việc nói theo thực tính hiện hành của Lộ Trình Danh Pháp và Lộ Trình Sắc Pháp mà thôi. Còn nếu theo thành ngữ dân gian, thì sẽ nói được rằng khi đã chết đi rồi thì Sắc Tâm cũng đồng diệt với nhau. Tất cả sự việc này, là cũng bởi thời gian bằng với 15 cái hoặc 16 cái Tâm đây, thì cũng vẫn chưa bằng với 1/100 của một giây vậy.**

Đối với Sắc Vật Thực đã có được nói đến rằng “*khởi sinh trong từng mỗi sát na của Tâm*” đây; là khi đến sát na Diệt của Tâm Tử thì Sắc Vật Thực cũng vẫn còn được khởi sinh lần cuối cùng. Và khi Tâm Tử đã diệt đi rồi, lập ý đến người ấy đã tử vong thuộc về Người Dục Giới, thì Sắc Vật Thực khởi sinh lần cuối cùng, và vẫn còn được tồn tại tương đương với cái 17 Tâm nữa, tuy nhiên không được tròn đủ, tức là chỉ bằng với 50 sát na Tiểu mà thôi.

Còn tất cả Chư Phạm Thiên thì không có Sắc Vật Thực sinh trú, bởi do thế mới không cần phải đề cập đến.

+ Trong phần Pàli điều thứ 3, chỗ nói rằng *Tato param* v.v. cho đến *kaḷavarasaṅkhàtà pavattanti* đã hàm ý nghĩa nói rằng việc khởi sinh nối tiếp với nhau của Sắc Quý Tiết đây, là việc khởi sinh suốt cho đến tử vong và thành một tử thi. Giải thích rằng Sắc Quý Tiết này khởi sinh liên tục cho đến ngay cả Hữu Tình ấy sẽ phải chết đi nữa, thì Sắc Quý Tiết ấy cũng vẫn còn được khởi sinh, và lại cho đến luôn cả Hữu Tình ấy trở thành một tử thi đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn tiếp tục khởi sinh. Tương tự như thế, cho dù tử thi ấy sẽ trở thành xương cốt, hoặc trở thành tro bụi, hoặc trở thành đất cát đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn

sinh khởi như thường. Là vì Sắc Quý Tiết này có được sinh khởi xuyên suốt mãi cho đến trái đất bị hoại diệt, thì lúc bấy giờ mới hoàn toàn diệt. Việc đề cập đến như vậy, là lập ý lấy Sắc Quý Tiết của nhóm Hữu Tình Thấp Sanh Sản Địa và Thai Sanh Sản Địa. Còn đối với Sắc Quý Tiết của nhóm Hóa Sanh Sản Địa, tức là Hữu Tình Địa Ngục, Nga Quỷ, Atula, Chư Thiên, Phạm Thiên; với những hạng này một khi đã mệnh chung rồi thì Sắc Quý Tiết thường là cùng đồng diệt chung với nhau; vì lẽ nhóm Hóa Sanh Sản Địa đây, một khi đã tử vong thì chẳng còn dư sót ở phần tử thi, và cũng giống như ngọn lửa diệt tắt vậy.

(Xin xem bản chính phương trình bày việc sinh khởi lần đầu tiên, việc sinh khởi lần cuối cùng, và việc diệt mất của Tứ Sắc Pháp.)

Kệ Ngôn Trình Bày Đến Sự Luân Chuyển Quanh Quẩn Trong Vòng Luân Hồi Của Sắc Pháp

***Icevaṃ matasattānaṃ
Paṭisandhimupādāya***

***Punadeva bhavāntare
Tathā rūpaṃ pavattati***

Trong đặc tính bầm sinh của tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi ở trong thế gian này, thì cả Tứ Sắc Pháp lại thường khởi sinh tương tự cùng một phương cách ấy ở trong kiếp sống mới kế đó, và được bắt đầu kể từ Tâm Tái Tục. Như đã được giảng giải rồi vậy.

Kết Thúc Phần Chuyển Khởi Sắc Pháp

-----00000-----

VẤN VÀ ĐÁP VỀ TỔNG HỢP SẮC PHÁP SIÊU LÝ (TẬP IV - CHƯƠNG THỨ SÁU)

1. Hỏi: *Việc trình bày Sắc Siêu Lý đây, đã được chia ra làm mấy phần ? Là những chi ? Và luôn cả cho trình bày ý nghĩa của từng mỗi phần ấy.*

Đáp: *Việc trình bày Tổng Hợp (Saṅgaha) Sắc Pháp ở trong Chương thứ VI nói về Sắc Siêu Lý đây, Ngài Giáo Thọ Anuruddha đã có trình bày làm thành 5 Phần, là:*

1. *Phần Tổng Lược Sắc Pháp (Rūpasamuddesanaya):* Việc trình bày Sắc Pháp một cách tóm tắt (*Saṅkhepa – Tóm Lược*).
2. *Phần Phân Tích Sắc Pháp (Rūpavibhāganaya):* Việc phân tích Sắc Pháp một cách đầy đủ chi tiết.
3. *Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp (Rūpasamuṭṭhānanaya):* Việc trình bày xuất sinh xứ của Sắc Pháp.

4. *Phần Tổng Hợp Sắc Pháp (Rùpakalàpanaya)*: Việc trình bày Sắc Pháp sinh khởi theo từng nhóm bộn.
5. *Phần Phương Thức Chuyển Khởi Sắc Pháp (Rùpapavattikamanaya)*: Việc trình bày sự sinh khởi cùng với sự diệt mất của Sắc Pháp theo phương thức trình tự.

2. Hỏi: *Sắc Pháp có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho trình bày tên gọi của những thể loại Sắc Pháp ấy theo tuần tự riêng từng mỗi Sắc Pháp.*

Đáp: Sắc Pháp (*Rùpa*) có 28, là:

1. Tứ Sắc Đại Hiện, là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.
2. Ngũ Sắc Thanh Triệt, là: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.
3. Thất Sắc Thông Hành, là: Sắc Cảnh, Thinh Cảnh, Khí Cảnh, Vị Cảnh, Địa Xúc Cảnh, Hỏa Xúc Cảnh, Phong Xúc Cảnh.
4. Nhị Sắc Bản Tính, là: Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính.
5. Nhất Sắc Tâm Cơ, là: Ý Vật.
6. Nhất Sắc Mạng Quyền, là: Mạng Quyền.
7. Nhất Sắc Vật Thực, là: Đoàn Thực.
8. Nhất Sắc Hạn Giới, là: Không Giới Tổ Chất (còn gọi là Sắc Giao Giới).
9. Nhị Sắc Biểu Tri, là: Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.
10. Ngũ Sắc Biến Thể, là: Kinh Khoái, Nhu Nhuyễn, Thích Sự, Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.
11. Tứ Sắc Thực Tướng, là: Tích Trữ, Thừa Kế, Lão Mại, Vô Thường.

3. Hỏi: *28 Sắc Pháp ấy, khi sắp theo Đại Phân Loại thì có bao nhiêu ? Là những chi ? Khi sắp theo Tiểu Phân Loại thì có bao nhiêu ? Là những chi ?*

Đáp: 28 Sắc Pháp ấy, khi liệt kê theo Phần Phân Loại thì có được 2 Đại Phân Loại, và 11 Tiểu Phân Loại.

+ 2 Đại Phân Loại, là: 18 Sắc Thành Sở Tác và 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.

+ 11 Tiểu Phân Loại, là:

- 4 Sắc Đại Hiện, 5 Sắc Thanh Triệt, 7 hoặc 4 Sắc Thông Hành, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Vật Thực. Gom 18 Sắc Pháp này gọi tên là **Sắc Thành Sở Tác**.
- 1 Sắc Hạn Giới, 2 Sắc Biểu Tri, 5 hoặc 3 Sắc Biến Thể, và 4 Sắc Thực Tướng. Gom 10 Sắc này gọi tên là **Sắc Phi Thành Sở Tác**.

4. Hỏi: *Cho trình bày 28 Sắc Pháp theo Phần Chân Sắc Siêu Lý và Ngụy Sắc Siêu Lý. Và cho trình bày nội dung của tên gọi các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Sắc Thực Tính, Sắc Phi Thực Tính, Sắc Thực Tướng, Sắc Phi Thực Tướng,*

Sắc Thành Sở Tác, Sắc Phi Thành Sở Tác, Sắc Sắc, Sắc Phi Sắc, Sắc Tư Duy, Sắc Phi Tư Duy.

Đáp: Trong số lượng 28 Sắc Pháp, tính kể từ Sắc Đại Hiện cho đến Sắc Vật Thực, và khi gom 18 Sắc này lại thì một cách xác thực chính là *Chân Sắc Siêu Lý*. Còn 10 Sắc Pháp còn lại, tính kể từ Sắc Hạn Giới cho đến Tứ Sắc Thực Tướng, thì một cách xác thực đây chẳng phải là *Chân Sắc Siêu Lý*, mà là loại Sắc Đặc Biệt được sinh khởi ở trong 18 Chân Sắc Siêu Lý ấy, gọi là *Ngụy Sắc Chân Lý*.

1. *Sắc Thực Tính (Sabhavarùpa)*: là từng mỗi Sắc có thực tính của mình.
2. *Sắc Thực Tướng (Salakkhanarùpa)*: là từng mỗi Sắc có thực tướng là Vô Thường, Khổ Đau và Vô Ngã.
3. *Sắc Thành Sở Tác (Nippannarùpa)*: là Sắc sinh khởi từ ở nơi Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực.
4. *Sắc Sắc (Rùparùpa)*: là Sắc có việc biến đổi hoại diệt.
5. *Sắc Tư Duy (Sammasanarùpa)*: là Sắc để cho bậc Hành Giả thẩm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Còn đối với 10 Sắc mà chẳng phải là Chân Sắc Siêu Lý ấy, thì có tên gọi đối nghịch lại như vậy:

- a. *Sắc Phi Thực Tính (Asabhavarùpa)*: là từng mỗi Sắc chẳng có thực tính của mình.
- b. *Sắc Phi Thực Tướng (Asalakkhanarùpa)*: là từng mỗi Sắc chẳng có thực tướng về Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.
- c. *Sắc Phi Thành Sở Tác (Anippannarùpa)*: là Sắc chẳng phải sinh khởi từ ở nơi Nghiệp, Tâm, Quý Tiết và Vật Thực.
- d. *Sắc Phi Sắc (Arùparùpa)*: là Sắc chẳng có việc biến đổi hoại diệt.
- e. *Sắc Phi Tư Duy (Asammasanarùpa)*: là Sắc làm cho bậc Hành Giả không thể thẩm sát bởi theo sự hình thành đặc tính Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã được.

5. Hỏi: Cho giải thích nội dung của những từ ngữ Sắc Đại Hiện và Sắc Y Sinh. Và cho trình bày Chi Pháp của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Nhân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Xúc, Nữ Giới Tính, Mạng Quyền, Thân Biểu Tri, Khinh Khoái, Tích Trữ, Vô Thường.

Đáp: 1. **Sắc Đại Hiện** lập ý đến Sắc làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng, như có câu Chú Giải trình bày rằng: *“Upàdinnànupàdinnasantànesu salakkhanato sasambhàrato ca mahantàni hutvà bhavanti pàtubhavantiti = Mahabhùtani”*- “Những thể loại Sắc nào làm thành to lớn và hiện bày rõ ràng bởi theo thực tính của mình, và bởi theo hình trạng của mình, ở trong bản tính của

vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng; vì thế, những thể loại Sắc ấy gọi tên là Sắc Đại Hiện.”

2. **Sắc Y Sinh** lập ý đến Sắc nương nhờ vào Sắc Đại Hiện mà sinh khởi, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Mahàbhùtànāṃ upādāya pavattaṃ rūpanti = Upādāyarūpam*”- “Sắc được sinh khởi bởi do nương vào Sắc Đại Hiện, vì thế Sắc ấy mới gọi tên là Sắc Y Sinh.”

- Sắc Đại Hiện có 4, là: 1/. Địa, 2/. Thủy, 3/. Hỏa, 4/. Phong.
 - Sắc Y Sinh có 24, là: 1/. Nhãn, 2/. Nhĩ, 3/. Tỷ, 4/. Thiệt, 5/. Thân, 6/. Sắc, 7/. Thính, 8/. Khí, 9/. Vị, 10/. Nữ Giới Tính, 11/. Nam Giới Tính, 12/. Ý Vật, 13/. Mạng Quyền, 14/. Vật Thực, 15/. Hạng Giới, 16/. Thân Biểu Tri, 17/. Ngữ Biểu Tri, 18/. Kinh Khoái, 19/. Nhu Nhuyễn, 20/. Thích Sự, 21/. Tích Trữ, 22/. Thừa Kế, 23/. Lão Mại, 24/. Vô Thường.
- Kết hợp 4 Sắc Đại Hiện và 24 Sắc Y Sinh thành 28 Sắc Pháp.

Trình bày tuần tự Chi Pháp của các Sắc Pháp như tiếp theo đây:

1. *Địa (Pathavī)*: tức là Sắc cứng và mềm.
2. *Thủy (Āpo)*: tức là Sắc chảy lan ra hoặc quén tụ lại.
3. *Hỏa (Tejo)*: tức là Sắc lạnh và nóng.
4. *Phong (Vāyo)*: tức là Sắc căng phồng và chuyển động.
5. *Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)*: tức là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Sắc.
6. *Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)*: tức là các sắc màu.
7. *Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)*: tức là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, lỏng.
8. *Nữ Giới Tính (Itthibhāva)*: tức là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nữ giới.
9. *Mạng Quyền (Jīvita)*: tức là Sắc gìn giữ bảo hộ tất cả các Sắc Nghiệp.
10. *Vật Thực (Āhāra)*: tức là Sắc dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi.
11. *Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti)*: tức là các hoạt động của xác thân.
12. *Kinh Khoái (Lahutā)*: tức là sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác.
13. *Tích Trữ (Upacaya)*: tức là sự sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần sau đó cho đến tròn đủ Sắc cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác.
14. *Vô Thường (Aniccatā)*: tức là sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác.

+ **Ghi chú**: Đối với *Cảnh Xúc*, chính là *Địa, Hỏa, Phong* ở phần Sắc Đại Hiện ấy vậy, vì thế, nếu tính Sắc Pháp lần lượt theo thứ tự thì chỉ có số lượng là 28.

6. Hỏi: Cho trình bày sinh trú của 28 Sắc Pháp ở trong thân thể của Chúng Hữu Tình.

Đáp: Ở trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình thì thường có thể thẩm sát tìm thấy từng mỗi sinh trú của 28 Sắc Pháp, như tiếp theo đây:

1. Tứ Sắc Đại Hiện sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
2. Nhãn Thanh Triệt sinh trú ở trong con mắt.
3. Nhĩ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ tai.
4. Tỷ Thanh Triệt sinh trú ở trong lỗ mũi.
5. Thiệt Thanh Triệt sinh trú ở cái lưỡi.
6. Thân Thanh Triệt sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
7. Cảnh Sắc
8. Cảnh Thinh
9. Cảnh Khí
10. Cảnh Vị
11. Cảnh Xúc
12. Nữ Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nữ giới.
13. Nam Giới Tính sinh trú ở trong khắp cả cơ thể của nam giới.
14. Tâm Cơ sinh trú ở trong Sắc Trái Tim.
15. Mạng Quyên
16. Đoàn Thực
17. Sắc Không Giới
18. Thân Biểu Tri sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
19. Ngữ Biểu Tri sinh trú ở nơi miệng.
20. Tam Sắc Biến Thể sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.
21. Tứ Sắc Thực Tướng sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

7. Hỏi: Cho trình bày Thực Tính – Thực Tướng của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, và Thủy Tổ Chất, Hỏa Tổ Chất, Phong Tổ Chất chia ra làm mấy thể loại? Là những chi?

Đáp: 1. Địa (*Pathavi*): là một thể loại Tổ Chất (*Dhātu*) gọi với nhau là Địa Tổ Chất (*Pathavidhātu – Địa Giới*), có Đặc Tính Cương Kiện (*Kakkhala lakkhaṇa*) nghĩa là khi đem so sánh Địa Tổ Chất với ba Sắc Đại Hiện còn lại thì Địa Tổ Chất có đặc tính cứng rắn. Nếu như bất luận vật thể nào có nhiều Địa Tổ Chất làm trưởng trội, thì đặc tính cứng rắn này cũng được hiện bày một cách mạnh mẽ, như là sắt, đá, cây cối, v.v. Và nếu như bất luận vật thể nào chỉ có Địa Tổ Chất với số lượng ít ỏi, thì đặc tính cứng rắn ấy cũng không có hiện bày mạnh mẽ được. Và khi tiếp xúc đụng chạm thì có cảm giác với một trạng thái mềm mại, có nghĩa là sự cứng rắn ấy chỉ có chút ít và khi ngồi lên mới có được một cảm giác mềm mại được. Do vậy, Pháp chủng mà có đặc tính cứng hoặc mềm trong khi đã tiếp xúc đụng chạm, đều đã được liệt kê thành Địa Tổ Chất hết cả thảy; vì lẽ loại trừ Địa Tổ Chất này ra, thì tất cả các Sắc Pháp khác không có khả năng làm cho có

được cảm giác cứng hoặc mềm, hiện bày lên đối với việc tiếp xúc đụng chạm ấy được. Lại nữa, Địa Tố Chất này là chỗ nương nhờ, chỗ nương trú của tất cả các Sắc Pháp khác, cũng tương tự như mặt nền đất với các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng vậy. Có nghĩa là loại trừ Địa Tố Chất này ra, thì sắc thân hình dạng, da dẻ phủ sắc, suốt cho đến mọi sự cảm giác khác, tức là những thể loại Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Hỏa Xúc, Cảnh Phong Xúc này đây, cũng không thể nào hiện bày lên được. Như có câu Chú Giải đã nói rằng: **“Sahajàtarùpàni pathanti patitthahanti etthàti = Pathavi”**- *“Tất cả các Sắc Pháp cùng cấu sinh với nhau thường an trú ở trong Pháp chủng ấy, bởi do thế, Pháp chủng làm chỗ nương nhờ, làm chỗ nương trú của tất cả những Sắc cùng cấu sinh ấy, mới gọi tên là Địa Tố Chất.”*

2. Thủy (Àpo): là một thể loại Tố Chất, gọi với nhau là **Thủy Tố Chất (Àpo dhātu – Thủy Giới)** có đặc tính rò rỉ chảy lan ra hoặc quên tụ lại (**Paggharaṇa lakkaṇa** hoặc **Àbandhanalakkaṇa**). Thủy Tố Chất này, nếu như hiện hữu với số lượng nhiều ở trong bất luận vật thể nào đi nữa, thì thường làm cho chảy lỏng và rò rỉ lan ra. Nếu như có số lượng ít thì sẽ làm cho các vật thể ấy quên tụ lại thành đông, thành khối cục; cũng ví như nhựa mủ có khả năng kết nối các vật thể dính vào nhau thành đông, thành khối cục như thế nào; thì Thủy Tố Chất cũng tương tự như một nhựa mủ có khả năng kết nối Địa Tố Chất cho quên tụ vào nhau tạo thành xác thân hình dạng như thế ấy.

Trong một vật thể mà Thủy Tố Chất khởi sinh đã có số lượng nhiều hơn Địa Tố Chất, thì chính với mãnh lực của Thủy Tố Chất ấy đã làm cho Địa Tố Chất có số lượng ít oi, mới làm thành tác nhân cho vật thể ấy mềm nhũn đi, và có khả năng chảy lan ra như thể là nước vậy. Khi ta nhìn thấy được nước ấy đang chảy lan ra, là cũng do có nhiều Thủy Tố Chất, và ít Địa Tố Chất. Một khi Địa Tố Chất đã ít đi, thì chính Địa Tố Chất ấy là người mềm nhũn do bởi Thủy Tố Chất là người làm cho mềm nhũn vậy, và chẳng phải Thủy Tố Chất mềm nhũn như là ta đã có sự hiểu biết với nhau đâu. Vì lẽ Thủy Tố Chất là một Tố Chất chẳng phải được nhìn thấy bằng mắt, hoặc được tiếp xúc bằng thân, mà chỉ có được biết bằng Tâm mà thôi. Và ở trong một vật thể có số lượng Thủy Tố Chất ít hơn Địa Tố Chất, v.v. thì mãnh lực của Thủy Tố Chất cũng làm cho Địa Tố Chất ấy quên tụ vào nhau thành đông, thành khối cục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Àpeti sahajàtarùpesu byàpetvā tittthātīti = Àpo”**- *“Pháp chủng nào thường trải rộng ra và thấm sâu khắp cả ở trong Sắc cùng cấu sinh với mình, và rồi ẩn trú ở trong những Sắc ấy, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thủy Tố Chất.”*

Một trường hợp khác nữa: **“Appayāti sahajàtarùpàni sutthū brūhēti vadḍhatīti = Àpo”**- *“Pháp chủng nào làm cho tất cả các Sắc cùng cấu sinh với mình được tăng trưởng lên một cách tốt đẹp, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thủy Tố Chất.”*

Một trường hợp khác nữa: “*Sahajàtarùpàni avippakiṇṇàni katvā pàti rakkhatīti = Àpo*”- “*Pháp chủng nào thường bảo hộ Sắc cùng câu sinh một cách vững chắc, không làm cho bị bể vỡ tan tác ra, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thủy Tố Chất.*”

Thủy Tố Chất có hai thể loại, đó là:

a/. Thủy Tố Chất thông thường có *Đặc Tính Thúc Phục Vật (Àbandhana lakkhaṇa)* nghĩa là có đặc tính quên tụ lại, tuy nhiên một khi đã bị *Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)*, và thế rồi *Đặc Tính Lậu Chi (Paggharaṇalakkhaṇa)* lại hiện bày, nghĩa là phải bị rò rỉ chảy lan ra. Tức là Thủy Tố Chất hiện hữu ở trong sắt, vàng, sáp ong, v.v. có nghĩa là những thể loại sắt, hoặc vàng, hoặc sáp ong đây, một khi lấy đem đi nấu chảy hoặc đốt cháy đi, thì những vật thể này sẽ trở thành vật chảy nhão lỏng ra và có khả năng rò rỉ chảy lan ra; tuy nhiên việc rò rỉ chảy lan ra của các vật thể này chẳng phải Thủy Tố Chất là vật chảy lan ra, mà đích thị chính là Địa Tố Chất cùng câu sinh với Thủy Tố Chất ấy là vật rò rỉ chảy lan ra. Và cũng chính ngay trong cùng một vật thể ấy, nếu trái lại lấy đem nhúng bỏ vào trong nước lạnh thì những vật thể ấy sẽ tự cứng trở lại thành một thỏi sắt, thành một thỏi vàng như lúc ban đầu. Trong sự việc tự cứng rắn trở lại của những vật thể này, chính là việc tự cứng rắn lại của Địa Tố Chất, và chẳng phải là việc tự cứng rắn lại của Thủy Tố Chất.

b/. Thủy Tố Chất thông thường có *Đặc Tính Lậu Chi (Paggharaṇalakkhaṇa)* là đặc tính rò rỉ chảy lan ra. Tuy nhiên một khi bị *Hàn Lãn Hỏa (Sītatejo)* và thế rồi *Đặc Tính Thúc Phục Vật (Àbandhanalakkhaṇa)* lại hiện bày, nghĩa là quên tụ lại. Tức là Thủy Tố Chất hiện hữu ở trong nước, có nghĩa là lẽ thường nước là một vật thể lỏng; tuy nhiên nếu lấy nước ấy đem bỏ vào chỗ nơi giá lạnh có nhiệt độ đến 0 độ C thì nước ấy sẽ trở thành một khối băng đá. Và một khi lấy khối băng đá ra khỏi chỗ nơi giá lạnh ấy rồi, thì khối băng đá bị khí hậu ở bên ngoài có *Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)*, thế là khối băng đá ấy cũng từ từ tan chảy ra, làm thành vật thể lỏng như lúc ban đầu.

3. Hỏa (Tejo): là một thể loại Tố Chất, gọi với nhau là *Hỏa Tố Chất (Tejodhātu – Hỏa Giới)* có đặc tính là nóng và lạnh. Đặc tính nóng gọi là *Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)* và đặc tính lạnh gọi là *Hàn Lãn Hỏa (Sītatejo)*. Tuy nhiên cả hai Hỏa Tố Chất này có trạng thái thực tính là *bốc hơi (Uṇhattalakkhaṇa – Đặc Tính Ôn Độ)*, có nghĩa là *Viêm Nhiệt Hỏa* thì có đặc tính là “*bốc hơi nóng*”, và *Hàn Lãn Hỏa* thì có đặc tính là “*bốc hơi lạnh*”. Và cả hai thể loại Hỏa Tố Chất này, có chức năng làm cho các vật thể chín rộ chín rục, và làm cho ôn nhu tử mẫn, sắc bén thuận thực. Như sẽ trông thấy được rằng đa số các vật thể, như là vật thực v.v. đã làm cho chín rục là do bởi độ nóng, tuy nhiên cũng vẫn có một vài vật thực đã làm cho chín rục là do bởi độ lạnh tương tự như nhau. Như có câu Chú

Giải trình bày rằng: “*Tejeti paripàcetiti = Tejo*”- “*Pháp chủng nào làm cho chín rục, thì Pháp chủng ấy gọi tên là Hỏa Tố Chất.*”

Hỏa Tố Chất có năm thể loại, là:

1. *Khí Đẳng Nhiệt Khí (Usmàtejo)*: là Hỏa Tố Chất hằng hiện hữu ở trong cơ thể của tất cả Chúng Hữu Tình (bộc hỏa, bốc khí nóng).
2. *Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo)*: là Hỏa Tố Chất có sức nóng cao độ.
3. *Hỏa Hóa Nhiệt Khí (Dahanatejo)*: là Hỏa Tố Chất có sức nóng mãnh liệt cao độ; và có khả năng thiêu đốt cơ thể cho phải bị dị ứng đi.
4. *Lão Suy Nhiệt Khí (Jiraṇatejo)*: là Hỏa Tố Chất làm cho cơ thể suy sụp, tiêu tụy và lão mai đi.
5. *Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pàcakatejo)*: là Hỏa Tố Chất làm nhiệm vụ tiêu hóa vật thực.

Trong cả năm thể loại Hỏa Tố Chất này, thì Hỏa Tố Chất hằng hiện hữu ở trong cơ thể của Chúng Hữu Tình, đó chính là *Khí Đẳng Nhiệt Khí (Usmàtejo)* với *Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pàcakatejo)*. Còn đối với *Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo)*, *Hỏa Hóa Nhiệt Khí (Dahanatejo)*, và *Lão Suy Nhiệt Khí (Jiraṇatejo)*, cả ba thể loại này thì không có hằng thường hiện hữu. Chỉ hiện khởi lên là cũng do *Khí Đẳng Nhiệt Khí* có trạng thái bị dị ứng, chẳng hạn như người lên cơn sốt thân viêm nhiệt, cũng có nghĩa là *Khí Đẳng Nhiệt Khí* đã biến đổi thành trạng thái *Hỏa Khốc Nhiệt Khí*. Hoặc nếu như bị sốt cao độ, thân viêm nhiệt nặng dẫn đến mê sảng, cũng có nghĩa là *Khí Đẳng Nhiệt Khí* đã biến đổi dị thường từ *Hỏa Khốc Nhiệt Khí* chuyên thành *Hỏa Hóa Nhiệt Khí*. Và ở trong người có bệnh tật thường luôn hành hạ, hoặc người đã vào đến giai đoạn cuối cuộc đời rồi, thì đích thị chính là *Khí Đẳng Nhiệt Khí* đã chuyển đổi trạng thái thành *Lão Suy Nhiệt Khí*, và đã làm cho hiện khởi lên trạng thái suy sụp, tiêu tụy của xác thân, chẳng hạn như tóc bạc, răng gãy, mắt mờ, thịt da khô héo, v.v.

4. Phong (Vàyo): là một thể loại Tố Chất, gọi với nhau là *Phong Tố Chất (Vàyodhātu – Phong Giới)* có đặc tính căng phồng ra hoặc chuyển động (*Vitthambhanalakkhaṇa* hoặc *Samiraṇalakkhaṇa*).

a/. Phong Tố Chất có đặc tính căng phồng gọi là *Khuếch Đại Phong (Vitthambhanavàyo)*. *Khuếch Đại Phong* làm cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình bền chắc vững vàng, không cho rệu rã lung lay chuyển động. Ở trong xác thân của con người ta, nếu như *Khuếch Đại Phong* này hiện bày lên thì người ấy có cảm giác như là căng cứng, mệt mỏi, đau nhức, ở khắp cả cơ thể; hoặc một khi ta gồng các khủy cánh tay, chân, và một khi ta dướn con mắt lên nhìn chăm chăm mà không nháy mắt; với thời gian ấy *Khuếch Đại Phong* cũng có hiện bày thể theo sự tự cố gắng nỗ lực của mình. Về phía ở bên trong, thì các vật thể được an trú một

cách vững chắc, hoặc làm cho tự căng phồng lên là cũng do bởi mãnh lực của Khuếch Đại Phong ấy vậy; cũng ví như quả bóng nén ép đầy hơi vào ở bên trong đó, thì quả bóng ấy căng cứng lên, là cũng do bởi Khuếch Đại Phong. Hoặc dụng cụ lọc nước dùng để lọc nước, một khi dụng cụ lọc nước ấy được bỏ vào ở trong nước thì nước tràn vào ở trong đó. Khi rút lên và lấy tay bịt lỗ dụng cụ lọc nước ấy lại, thì Phong Tố Chất ở phía bên ngoài cũng sẽ hứng đỡ nước ở trong dụng cụ lọc nước ấy không cho chảy ra ngoài. Cũng tương tự với trái đất mà tất cả Chúng Hữu Tình đang nương trú đây, nên lục địa được đặt ở trên nước, và nước đặt ở trên gió được gọi là *Hạ Tầng Hư Không (Hetthimaajjatakāsa)*. *Hạ Tầng Hư Không* này hứng đỡ nước, làm cho nước và nền lục địa được bền chắc vững vàng, và có được như vậy là cũng do bởi mãnh lực của Khuếch Đại Phong. Như có câu Chú Giải nói rằng: “*Vāyati sahaṅgādhamme apatamāne katvā sahatīti = Vāyo*”- “*Tố Chất nào thường dắt dẫn cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình được bền chắc vững vàng và bất chuyển, bởi do thế mới gọi tên Tố Chất ấy là Phong Tố Chất.*”

b/. Phong Tố Chất có đặc tính chuyển động gọi là *Chuyển Động Phong (Samīraṇavāyo)*. *Chuyển Động Phong* này làm cho Sắc Pháp cùng câu sinh với mình chuyển động theo; chẳng hạn như tất cả Chúng Hữu Tình chuyển đổi các tư thế oai nghi, hoặc việc nháy mắt, đảo mắt, vẩy tay, ngo nguậy bàn chân, việc bài tiết các vật ứ tập ra khỏi cơ thể, các việc sản sinh con cái, v.v. Tất cả thấy các thể loại này có được hiện hành là cũng do bởi mãnh lực *Chuyển Động Phong*. Còn *Chuyển Động Phong* hiện hữu ở bên ngoài loài Hữu Tình, đã làm cho các sự vật chuyển động di dịch rời khỏi chỗ ban đầu. Như có câu Chú Giải nói rằng: “*Vāyati desantatuppatti hetubhāvena bhūtasāṅghātaṃ pāpetīti = Vāyo*”- “*Tố Chất nào thường làm tác nhân cho nhóm Sắc Đại Hiện cùng câu sinh với mình khởi sinh lên sự di dịch rời khỏi chỗ thứ nhất đi đến chỗ khác, bởi do thế mới gọi tên Tố Chất ấy là Phong Tố Chất.*”

Phong Tố Chất có sáu thể loại, là:

1. *Hướng Thượng Phong (Uddhaṅgamāvāyo)*: là Phong Tố Chất thổi lên hướng phía trên.
2. *Hạ Lạc Phong (Adhogamāvāyo)*: là Phong Tố Chất thổi xuống phía dưới.
3. *Nội Tạng Phong (Kucchiṭṭhavāyo)*: là Phong Tố Chất hiện hữu ở trong lỗ hốc thuộc về bụng dưới.
4. *Tràng Y Phong (Kotṭhāsavāvāyo)*: là Phong Tố Chất hiện hữu ở trong ruột già.
5. *Chuyển Động Phong (Aṅgamaṅgānusārivāyo)*: là Phong Tố Chất hiện hữu khắp cả cơ thể.
6. *Sổ Tức Phong (Assāsapassāvāyo)*: là Phong Tố Chất hơi thở vào ra.

Sáu thể loại Phong Tố Chất đã vừa đề cập ở tại đây, sinh trú ở bên trong cơ thể của loài Hữu Tình, cũng còn được gọi là *Nội Thân Phong (Ajjhaattavàyo)*. Còn gió thổi ở phía bên ngoài, gọi là *Ngoại Thân Phong (Bahiddhavàyo)*.

Những cả bốn thể loại Tố Chất gồm Địa, Thủy, Hỏa, Phong đây, gọi là Sắc Đại Hiện, vì làm thành Sắc to lớn, làm trưởng trội đối với tất cả các Sắc Pháp khác, và hiện bày rõ ràng. Chẳng hạn như các vật thể cho dù to hoặc nhỏ đi nữa, hiện bày được các hình dạng tướng trạng là cũng chính do bởi Sắc Đại Hiện ấy vậy. Và sắc màu da dẻ của các vật thể ấy hiện bày lên nhiều ít, hiện bày mạnh yếu, là cũng chính do bởi mãnh lực Sắc Đại Hiện kết hợp vào với nhau nhiều hoặc ít. Chính vì thế, cả Tứ Sắc Đại Hiện này, rằng khi nói theo hình thù tướng trạng thì rất to lớn, rằng khi nói theo thực tính thì hiện bày rõ ràng hơn các Sắc Pháp khác.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Mahantàni hutvà bhùtāni pātubhūtānīti = Mahabhūtāni”**- “*Những thể loại Sắc Pháp nào, rằng khi tính theo tướng trạng và thực tính, là to lớn và hiện bày rõ ràng, bởi do thế mới gọi tên những thể loại Sắc Pháp ấy là Đại Hiện.*”

8. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải và lời giải thích của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, và Thân Thanh Triệt.

Đáp: **1. Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasàda):** có câu Chú Giải nói rằng: **“Cakkhuvīññānadhiṭṭhitam hutvà samavisamaṃ cakkhati àcikkhantaṃ viya hoṭīti = Cakkhu”**- “*Sắc Pháp nào làm thành chỗ nương trú của Tâm Nhãn Thức và có thực tính na ná y như là báo cho Tâm Nhãn Thức hiểu biết ở trong Cảnh rằng là Cảnh này thì tốt, Cảnh ấy thì không tốt, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nhãn, tức là Nhãn Thanh Triệt.*”

Tất cả những con mắt không được gọi tên là Nhãn Thanh Triệt. Chỗ được gọi tên là Nhãn Thanh Triệt đây, là một thể loại Sắc Pháp sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt như pha lê, làm thành vật dụng tiếp thấu Cảnh Sắc, ẩn trú ở khoảng giữa tâm điểm trong mắt đen, có 7 tầng lớp màng con mắt y như núp bông gòn tằm ướt sũng dầu hết cả 7 lớp, to ước độ bằng đầu của con chí, có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Nhãn Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn) chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Nhãn Môn.

2. Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasàda): có câu Chú Giải nói rằng: **“Sotaviññānadhiṭṭhitam hutvà saddaṃ suṇāṭīti = Sotaṃ”**- “*Sắc Pháp nào làm thành chỗ nương trú của Tâm Nhĩ Thức, và thường được lắng nghe âm thanh, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt.*”

Một phần khác nữa, **“Saddaṃ suṇanti etenāti = Sotaṃ (và) Sadde suyanti etenāti = Sotaṃ”**- “*Tất cả những Tâm, Tâm Sở thường được lắng nghe âm thanh*

do bởi nương vào Sắc Pháp ấy, chính vì thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc nghe thấy của những thể loại Tâm, Tâm Sở ấy, gọi tên là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt” (Hoặc) “Tất cả loài Hữu Tình được nghe thấy âm thanh do bởi Sắc Pháp ấy, chính vì thế mới gọi tên Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc nghe thấy của Chúng Hữu Tình ấy là Nhĩ, tức là Nhĩ Thanh Triệt.”

Trong câu Chú Giải ở điều thứ nhất, là việc trình bày theo *Phần Vị Trí Cận Lân (Thànayùpacàranaya)* là việc trình bày theo phần gián tiếp. Còn ở trong câu Chú Giải ở điều thứ hai, là việc trình bày theo *Phần Vi Thủ (Mukhayana)*, là việc trình bày theo phần trực tiếp.

Nhĩ Thanh Triệt là một thể loại *Pháp chủng* sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tinh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thu các âm thanh; đã ẩn trú ở trong khoang tai, có hình dạng giống như vòng đai, và nơi ấy mọc lông sợi đen mịn. Nhĩ Thanh Triệt tỏa rộng ra khắp mọi khu vực, có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Nhĩ Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Nhĩ Môn.

3. Tỳ Thanh Triệt (Ghànapasàda): có câu Chú Giải nói rằng: “*Ghàyatiti = Ghànām*”- “Sắc Pháp nào thường thường hít ngửi khí hơi, Sắc Pháp ấy được gọi tên là Tỳ, tức là Tỳ Thanh Triệt.” Việc trình bày phần Chú Giải này, là việc trình bày theo *Phần Vị Trí Cận Lân (Thànayùpacàranaya)* là việc trình bày theo phần gián tiếp; bởi vì Tỳ Thanh Triệt không có khả năng ngửi khí hơi được, mà trái lại Tâm Tỳ Thức sinh khởi do bởi nương vào Tỳ Thanh Triệt mới là người ngửi và biết được khí hơi. Tuy nhiên chỗ trình bày câu Chú Giải như vậy, là việc trình bày có ý nghĩa là việc ngửi khí hơi của Tâm Tỳ Thức ấy đang an trú ở trong Tỳ Thanh Triệt, thế rồi rút lấy Tỳ Thanh Triệt này lên trình bày, y như thể Tỳ Thanh Triệt này là người ngửi khí hơi ấy vậy. Và nếu sẽ đem tỳ đối với lời nói rằng “*Căn nhà ấy rất bề bộn*” thì nói với thể loại này, là lập ý nhắm vào con người ở trong căn nhà ấy, bởi vì căn nhà không thể bề bộn được, mà trái lại chỉ có con người ở trong căn nhà ấy mới bề bộn.

Một phần khác nữa đã có trình bày rằng: “*Ghàyantī etenāti = Ghànām (Và) Ghàyiyanti etenāti = Ghànām*”- “Tất cả Chúng Hữu Tình thường hít ngửi khí hơi với Sắc Pháp nào, bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc hít ngửi khí hơi của Chúng Hữu Tình mới được gọi tên là Tỳ (Hoặc) Tất cả Chúng Hữu Tình cần phải ngửi khí hơi với Sắc Pháp ấy, bởi do thế, Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc cần phải ngửi khí hơi của Chúng Hữu Tình mới được gọi tên là Tỳ.”

Cả hai phần Chú Giải này, là việc trình bày theo *Phần Vi Thủ (Mukhayana)*, là việc trình bày theo phần trực tiếp.

Tỳ Thanh Triệt này, là một thể loại *Pháp chủng* sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tinh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thu các khí hơi; đã ẩn trú ở

trong khoang mũi, có hình dạng giống như móng dê, và có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Tỷ Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Tỷ Môn.

4. Thiệt Thanh Triệt (Jivhàpasàda): có câu Chú Giải nói rằng: “*Jivitaṃ avhàyatiti = Jivhà*”- “Sắc Pháp nào có thực tính na ná như kêu gọi mùi vị, và làm thành tác nhân cho kéo dài tuổi thọ, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Thiệt.”

Từ ngữ *Jivhà* này được chiết tự ra thành hai từ ngữ, là *Jivita* + *Avhà*. Từ ngữ *Jivita* dịch là “Tuổi Thọ”, tuy nhiên trong chỗ này được dịch là *Rasa* (Mùi Vị), bởi vì tuổi thọ sẽ được an trụ là cũng phải nương vào các mùi vị, nghĩa là việc thọ thực với những thực phẩm có vị chua, ngọt, v.v. thì tuổi thọ sẽ được an trụ lâu dài; chính vì thế, mới rút lấy từ ngữ *Jivita* làm thành tên gọi của tuổi thọ và là Quả của *Rasa* (Mùi Vị) trong khi ấy được đặt để làm Tác Nhân. *Rasa* (Mùi Vị) là gọi các mùi vị, còn *Jivita* chỉ là việc gọi theo *Phần Quả Báo Cận Lân (Phalùpacara naya)* tức là gọi theo Phần gián tiếp.

Từ ngữ *Avhà* dịch là “gọi, loan báo”; khi đã được kết hợp với từ ngữ *Jivita* thì cũng chính là lập ý nhắm đến việc gọi các mùi vị ấy vậy, vì lẽ thông thường Thiệt Thanh Triệt đây, hằng có thiên hướng ở trong các mùi vị là chỗ xứng ý toại nguyện của Tâm Thiệt Thức thường lui tới.

Khi đã kết hợp từ ngữ *Jivita* với từ ngữ *Avhà* vào với nhau và thành *Jivhà*, có nghĩa là từ ngữ *Jivita* ấy, đổi *I* thành *I*, còn cả hai từ ngữ *Vi* với *Ta* này thì loại trừ ra; đối với từ ngữ *Avhà* thì loại trừ *A* ra, và chỉ còn lại *Vhà*; chính vì thế, khi kết hợp vào mới thành *Jivhà*.

Thiệt Thanh Triệt này, là một thể loại *Pháp chủng* sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thu các mùi vị; đã ẩn trú ở trong khoảng giữa bề mặt cái lưỡi, có hình dạng giống như đầu đóa hoa sen, và có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Thiệt Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Thiệt Môn.

5. Thân Thanh Triệt (Kàypasàda): có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Kucchitànaṃ kesàdīnaṃ pàpadhammānañca àyoti = Kàyo*”- “Sắc Pháp nào làm thành chỗ tụ hội của các thành phần khác, có tóc, v.v. là chỗ đáng ghét bỏ; và làm thành chỗ tụ hội của Bất Thiệt Pháp, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi là Thân, tức là tất cả các thân thể.”

Về việc gọi tên Thân Thanh Triệt là *Thân*, ấy là việc trình bày một cách gián tiếp; là việc gọi theo *Phần Bộ Phận Đơn Nhất (Ekadesayùpacàranaya)*; là việc rút lấy từ ngữ *Thân* làm thành tên gọi của tất cả các thân thể, và đem đặt để thành một bộ phận duy nhất ở trong Thân Thanh Triệt.

Hoặc một phần khác nữa, gọi tên Thân Thanh Triệt là *Thân*, là việc trình bày theo *Phần Vị Trí Cận Thân (Thànayupacàranaya)* có nghĩa là rút lấy từ ngữ *Kàya* làm thành tên gọi của thân thể, đem đặt để thành một bộ phận duy nhất và nương sinh ở trong Thân Thanh Triệt.

Thân Thanh Triệt này, là một thể loại *Pháp chủng* sinh từ ở nơi Nghiệp Lực, có sự trong suốt tịnh khiết, và làm thành vật dụng tiếp thu các sự vật tiếp xúc đụng chạm, như có lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng. Thân Thanh Triệt này ẩn trú ở trong khắp cả cơ thể, chỉ ngoại trừ đầu ngọn tóc, lông, móng, bề mặt lớp da chết khô, và chỗ tụ hội các vật thực mới ở trong ruột già, là thuộc lãnh địa của *Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pàcakatejo)*; và lại có chức năng làm tròn hai nhiệm vụ:

- 1/. Là vật thể làm thành chỗ nương trú của Tâm Thân Thức,
- 2/. Làm thành cửa ngõ (Môn), chỗ nương sinh của Tâm Lộ Trình Thân Môn.

Cả năm thể loại Sắc Pháp gồm Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân đây, gọi tên là Sắc Thanh Triệt, vì có thực tính trong suốt, và có khả năng tiếp thu các Cảnh của mình. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Pasìdatiti = Pasàdo*”- “*Sắc Pháp nào có sự trong suốt, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là Thanh Triệt.*”

9. Hỏi: Vì lý do nào các sắc màu mới có tên gọi là Cảnh Sắc; và các khí hơi mới có tên gọi là Cảnh Khí ?

Đáp: 1. *Cảnh Sắc (Rùpàrammaṇa)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Rùpayati hadayaṅgatabhàvaṃ pakàsetiti = Rùpaṃ*”- “*Sắc Pháp nào thường hay biểu thị sự hiểu biết của tâm thức cho hiện bày, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là Cảnh Sắc*”, hoặc “*Rùpayati dabbam pakàsetiti = Rùpaṃ*”- “*Sắc Pháp nào thường hay biểu thị thực thể vật chất, hình dáng tướng trạng cho hiện bày, bởi do thế, Sắc Pháp ấy mới được gọi tên là Cảnh Sắc.*”

Giải thích rằng một người đang có những sự hoan hỷ duyệt ý, khổ tâm, buồn lòng, sợ hãi, xấu hổ, v.v. và một khi người khác đã trông thấy được cử chỉ điệu bộ và diện mạo của người ấy, thì cũng có sự thấu hiểu được rằng người ấy đang có sự hoan hỷ duyệt ý, khổ tâm, buồn lòng, sợ hãi, xấu hổ, v.v. Trong sự việc mà người khác có được sự thấu hiểu như thế, là cũng do bởi chính Cảnh Sắc ấy làm thành người biểu thị sự hiểu biết của người ấy cho hiện bày ra ngoài. Hoặc một phần khác, các thực thể vật chất, hoặc hình dáng tướng trạng của các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng mà đã được hiện bày cho được hiểu biết đầy, cũng chính là do nương vào Cảnh Sắc làm thành người thực hiện cho hiện bày ấy vậy. Cảnh Sắc làm thành người thực hiện cho các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày cho người khác nhìn thấy và thấu hiểu được đó, cũng chính là các sắc màu vậy.

2. *Cảnh Khí (Gandhàramma)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Gandhayati attano vatthum sùcetiti = Gandho*”- “*Sắc Pháp nào thường biểu hiện chỗ nương trú của mình, bởi do thế, gọi tên Sắc Pháp ấy là Khí.*”

Giải thích rằng các khí hơi gọi tên là Cảnh Khí, vì lẽ làm thành Sắc Pháp biểu hiện cho đặng thấu hiểu đến thực thể vật chất mà mình đang nương trú, chẳng hạn như bông hoa có hương thơm, hoặc các hương phẩm, v.v. Cho dù các vật thể này sẽ hiện hữu ở nào đi nữa, một khi Cảnh Khí đã có được cơ hội lan tỏa ra rồi, thì thường làm cho tất cả mọi người tức thì biết được rằng đây là hương thơm của đóa hoa, đây là hương thơm của hương phẩm; và cũng biết được rằng đóa hoa, hoặc hương phẩm đang hiện hữu ở nơi nào; y như là Cảnh Khí này một khi đã tiếp xúc với Phong Tố Chất rồi, thì sẽ loan tin cho tất cả mọi người biết được rằng đóa hoa ở chỗ ấy, hương phẩm ở nơi này. Vì lý do như vậy mà một số Ngài Phụ Chú Giải Sư mới giải đáp từ ngữ “*Sùceti*” là “*Idamettha atthiti pesuññaṃ karontaṃ viya hoti*”- “*Cảnh Khí này có thực tính na ná như báo hiệu cho biết rằng các thực thể vật chất ấy đang ở chỗ này vậy.*” (trương tự như lay ông tôi ở bụi này)

10. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải và lời giải thích ở trong cả 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Sắc Vật Thực, và 1 Sắc Hạn Giới.

Đáp: 1. *Nữ Giới Tính (Itthibhàva)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Itthiyà bhàvo = Itthibhàvo*”- “*Sắc Pháp nào làm thành tác nhân của sự hình thành nữ giới, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nữ Giới Tính.*”

2. *Nam Giới Tính (Purisabhàva)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Pumassa bhàvo = Pumbhàvo*”- “*Sắc Pháp nào làm thành tác nhân của sự hình thành nam giới, bởi do thế mới gọi tên Sắc Pháp ấy là Nam Giới Tính*” (*Pumbhàva* hoặc *Purisabhàva*).

Xác thân của tất cả Chúng Hữu Tình đang hiện hữu ở trong thế gian này, sẽ biết được rằng nữ giới hoặc nam giới ấy, là cũng do nương vào bốn thể loại đặc tính biểu thị đặng cho được biết, ấy là:

5. *Tính Biệt (Liṅga)*: sắc tướng hình thể, có tay, chân, mặt, mắt, giới tính, v.v.
6. *Trầm Triệu (Nimitta)*: biểu tượng dấu hiệu, như có râu ria, không có râu, v.v.
7. *Tính Hạnh (Kutta)*: tính tình và hạnh kiểm, chẳng hạn như việc nô đùa chơi giỡn, các hành động tạo tác, v.v.
8. *Hành Trạng (Ākappa)*: cử chỉ oai nghi, như việc đi, đứng, nằm, ngồi, việc ăn, việc nói, v.v.

Cả bốn thể loại đặc tính biểu thị đặng cho được biết đến giới tính đây, thì thường luôn được hiện bày vận hành thể theo cả hai Sắc Giới Tính. Nếu như cả bốn thể loại này sinh khởi do bởi nương vào Sắc Nữ Giới Tính làm vị chủ quản, thì

thường có hình thù tướng trạng, và cử chỉ oai nghi là nữ giới. Và nếu như cả bốn thể loại này sinh khởi do nương vào Sắc Nam Giới Tính làm vị chủ quản, thì thường có hình thù tướng trạng, và cử chỉ oai nghi là nam giới.

3. *Sắc Tâm Cơ (Hadayarùpa)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Hadanti sattà tam tam attham và anattam và pùrenti etenàti = Hadayam*”- “Tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do nương vào Sắc Pháp ấy, mà thường tạo tác cho khởi sinh lên điều lợi ích và không lợi ích, chính vì thế Sắc Pháp làm thành tác nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình tạo tác điều lợi ích và không lợi ích, mới được gọi tên là *Sắc Tâm Cơ*.”

Mỗi ngày tất cả Chúng Hữu Tình đã và đang tạo tác với nhau biết bao nhiêu việc; nếu như tác hành những Thiện Sự tác thành hữu ích thì gọi là *Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)*; và nếu như tạo tác bao điều Bất Thiện Sự tác thành vô ích thì gọi là *Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)*. Cho dù *Thiện Nghiệp Lực* hoặc *Bất Thiện Nghiệp Lực* sẽ phải sinh khởi đi nữa, thì thiết yếu cũng cần phải nương sinh vào *Sắc Tâm Cơ*. Đối với ở trong Cõi Ngũ Uẩn, nếu nhỡ như chẳng có *Sắc Tâm Cơ*, thì ắt hẳn Chúng Hữu Tình không thể nào tạo tác được bất luận một công việc nào, cho đến cả việc tư duy nghĩ ngợi, hiểu biết các sự kiện, v.v. cũng không thể nào thực hiện được, mà trái lại chỉ như một hình tượng, con rối mà thôi. Bởi do thế, *Sắc Pháp* làm thành tác nhân cho thành tựu ở trong mọi công việc, như đã vừa đề cập đến, mới được gọi là *Sắc Tâm Cơ*.

Sắc Tâm Cơ này có hai thể loại, là:

1. *Sắc Tâm Tạng (Mañsahadayarùpa)*: tức là *Sắc* trái tim có trạng thái nả như đóa hoa sen.
2. *Sắc Ý Vật (Hadayavatturùpa)*: tức là một thể loại *Sắc Nghiệp* sinh trú ở trong *Sắc Tâm Tạng*.

Từ ngữ *Sắc Tâm Cơ* ở trong chỗ này, là lập ý lấy *Sắc Ý Vật*, hay còn gọi là *Sắc Ý Vật*. Cư xứ của *Sắc Tâm Cơ* là ẩn trú ở trong khoang lỗ hồng có trạng thái giống như cái hồ, to ước chừng bằng hạt *Hoa Nguyệt Quế (Punnàga)* ở bên trong trái tim. Bên trong khoang này có máu nuôi dưỡng độ chừng một bao tay, là chỗ nương sinh của *Ý Giới (Manodhātu)* và *Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu)*.

4. *Sắc Mạng Quyền (Jivitarùpa)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Jivanti sahajàtadhammà etenàti = Jivitam*”- “Tất cả các *Sắc Pháp* cấu sinh vẫn còn được sinh tồn với việc nương vào *Sắc Pháp* ấy, bởi do thế *Sắc Pháp* làm thành tác nhân cho tất cả các *Sắc Pháp* cấu sinh vẫn còn được sinh tồn, mới gọi tên là *Sắc Mạng Quyền*.”

Từ ngữ *tất cả các Sắc Pháp câu sinh* ở trong chỗ này, tức là Sắc Nghiệp và tất cả các Sắc Nghiệp sinh khởi nối tiếp với nhau, và được an trụ đây, cũng bởi do có Sắc Mạng Quyền làm vị bảo hộ. Và Sắc Nghiệp này cho dù thực sự sẽ là Sắc Pháp sinh từ ở nơi Nghiệp Lực đi nữa, thế nhưng Nghiệp Lực này lại chẳng phải là vị bảo hộ, vì lẽ Nghiệp Lực làm thành *Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhàna)* cho tất cả những Sắc Pháp này đã trôi qua quá khứ rồi, mới không có mãnh lực ở trong việc bảo hộ cho Sắc Pháp nương sinh từ ở nơi mình được; và chính vì thế mới cần phải có một thể loại Sắc Pháp đặc biệt làm vị bảo hộ, ấy chính là Sắc Mạng Quyền vậy.

Còn Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực thì chẳng cần phải có Sắc Pháp đặc biệt làm vị bảo hộ đặng cho có được việc sinh khởi nối tiếp với nhau, và được an trụ cho đến hết tuổi thọ của mình; cũng bởi vì đích thị chính những thể loại Sắc Pháp đây đã có xuất sinh xứ làm vị bảo hộ cho mình rồi.

5. *Sắc Vật Thực (Àhàrarūpa)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Kabaḷam karīyatīti = Kabaḷikāro”**- “Thực phẩm nào mà người ta đã thực hiện cho làm thành từng miếng nhỏ, hoặc thực hiện cho làm thành thức ăn, bởi do thế mới gọi tên thực phẩm ấy là Đoàn Thực.”

“Àhàriyatīti = Àhàro”- “Người ta đã ăn và nuốt với thực phẩm nào, bởi do thế thực phẩm ấy mới được gọi tên là Vật Thực.”

“Kabaḷikāro ca so àhàro cāti = Kabaḷikārahàro”- “Thực phẩm nào mà người ta đã thực hiện cho làm thành từng miếng nhỏ, đã ăn và nuốt đi, bởi do thế thực phẩm ấy mới được gọi tên là Đoàn Vật Thực.”

Từ ngữ *Kabaḷikārahàra* đây, là tên gọi của tất cả các vật thực, thế nhưng ở trong chỗ này đang trình bày đến Sắc Vật Thực, chính vì thế Đoàn Vật Thực mới thành *Chất Bồ Phẩm (Ojā)* hiện hữu ở trong các vật thực.

Câu Chú Giải của từ ngữ *Chất Bồ Phẩm (Ojā)*: **“Attano udayānantaram rūpam janetīti = Ojā”**- “Pháp chủng nào vẫn làm cho các Sắc Pháp câu sinh với mình nối tiếp sinh khởi không gián đoạn, bởi do thế Pháp chủng ấy mới được gọi tên là Chất Bồ Phẩm.”

Sắc Bồ Phẩm này một khi đã thấm nhập vào ở trong cơ thể của Chúng Hữu Tình rồi, thì thường làm cho Sắc Vật Thực tức thì sinh khởi; có nghĩa là Sắc Bồ Phẩm này đã làm cho cơ thể của Chúng Hữu Tình có được năng lực và tăng trưởng lên cho đến mức cùng cực, thì chẳng còn phát triển to thêm được nữa. Thế rồi, Chất Bồ Phẩm này cũng còn làm nhiệm vụ dắt dẫn Sắc Vật Thực đặng làm cho cơ thể được sung mãn và cho được sinh tồn.

6. *Sắc Hạn Giới (Paricchedarūpa)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Nakassatīti akāso, akāsoyeva akāso”**- “Chỗ nào bất khả giới hạn được, chính vì thế chỗ ấy mới gọi tên là Hư Không. Chính ngay chỗ nào bất khả giới hạn được, thì gọi tên là Hư Không.”

Hư Không (Àkàsa) có bốn thể loại, là:

1. *Cõi Hư Không Giới (Ajaṭākāsa)*: tức là cõi trống không ở cả hai phía của hư không. Ở mặt phía dưới thì được tính kể từ dưới nền lục địa và mặt nước hứng đón nền lục địa ấy; ở mặt phía trên thì được tính kể từ Cõi Vô Sắc Giới trở lên.
2. *Hạn Chế Không Giới (Paricchinnākāsa)*: tức là khoảng trống không đã có ấn định giới hạn, chẳng hạn như khoang cửa cái, khoang cửa sổ, khoang tai, khoang mũi, khoang miệng, v.v.
3. *Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh (Kasiṇugghāṭimākāsa)*: tức là Hư Không đã xả bỏ lìa khỏi cả 9 đề mục Hoàn Tịnh.
4. *Hạn Giới Hư Không (Paricchedaṭākāsa)*: tức là khoảng trống xen kẽ ở giữa Bộn Tổng Hợp Sắc này với Bộn Tổng Hợp Sắc nối tiếp, và đó chính là Sắc Hạn Giới vậy.

Ở trong những thể loại *Cõi Hư Không Giới*, *Hạn Chế Không Giới*, *Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh* này, thì ắt hẳn thường luôn có *Hạn Giới Hư Không*, nghĩa là hằng luôn có *Sắc Hạn Giới*.

Lại nữa, trong tất cả các vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng, nếu nhớ như chẳng có khoảng trống, tức là *Hạn Chế Không Giới* thì những vật thể ấy sẽ không tài nào để làm cho biết đến sắc tướng hình dạng và số lượng được đâu. Chúng ta chỉ sẽ được biết đến sắc tướng hình dạng và số lượng, là cũng chỉ do bởi *Hạn Chế Không Giới* đầy như thế nào; thì tất cả các *Sắc Pháp* hữu sinh mạng và phi sinh mạng, nếu nhớ như chẳng có *Sắc Hạn Giới* thì cũng không có được số lượng *Bộn Tổng Hợp Sắc Pháp*, cũng không có chỗ cuối cùng của *Sắc Pháp*, và cũng không có hạn định ranh giới của *Sắc Pháp*. Những thể loại *Sắc Pháp* ấy sẽ dính liền với nhau thành hàng dãy dài không dứt. Một khi đã là như vậy, thì *Sanh Diệt Trí (Udayabbañña)* và *Hoại Diệt Trí (Bhaṅgañña)* liên quan với *Sắc Pháp* cũng không thể sinh khởi lên được, vì lẽ không có khả năng để quán sát sự sinh diệt của *Sắc Pháp* ấy được.

11. Hỏi: Hai *Sắc Biểu Trí* được chia ra làm bao nhiêu thể loại? Là những chi? Luôn cả cho trình bày nội dung. Và cho dịch nghĩa các *Câu Chú Giải* như tiếp theo đây:

- *Kāyena viññatti = Kāyaviññatti*
- *Viseso àkāro = Vikāro*
- *Lahuto bhāvo = Lahutā*
- *Rūpassa lahutā = Rūpalahutā*

- *Lakkhīyanti vinicchīyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = Lakkhaṇaṃ*

Đáp: Hai Sắc Biểu Tri được chi ra làm 2 thể loại, và trong từng mỗi thể loại của Sắc Biểu Tri lại được chia ra làm 2 thể loại nữa. Đó là:

1. *Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti):* có câu Chú Giải nói rằng: “*Kāyena viññatti = Kāyaviññatti*”- “*Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc chuyển động; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc chuyển động về Thân, mới được gọi tên là Thân Biểu Tri.*”
2. *Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti):* có câu Chú Giải nói rằng: “*Vaciyā viññatti = Vacīviññatti*”- “*Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc nói năng; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc nói năng về Lời, mới được gọi tên là Ngữ Biểu Tri.*”

Sắc Biểu Tri có hai thể loại, là:

1. *Trí Năng Biểu Tri (Bodhanaviññatti):* tức là lập ý đến việc chuyển động về Thân, hoặc về Lời đã làm cho người khác thấu hiểu được ý định và sở nguyện của mình.
2. *Chuyển Hình Biểu Tri (Pavattanaviññatti):* tức là lập ý đến việc chuyển động về Thân, hoặc về Lời chỉ hiện hành theo lệ thông thường, và chẳng có lập ý để làm cho người khác thấu hiểu được ý định và sở nguyện của mình.

Chính vì thế ở trong cả hai Sắc Biểu Tri ấy mới được chia ra làm thành 4 thể loại, ấy là:

1. *Trí Năng Thân Biểu Tri (Bodhanakāyaviññatti),*
2. *Chuyển Hình Thân Biểu Tri (Pavattanakāyaviññatti),*
3. *Trí Năng Ngữ Biểu Tri (Bodhanavacīviññatti),*
4. *Chuyển Hình Ngữ Biểu Tri (Pavattanavacīviññatti).*

+ Dịch nghĩa các Câu Chú Giải như tiếp theo đây:

- *Kāyena viññatti = Kāyaviññatti:* *Cử chỉ biểu hiện đặc biệt đã làm cho thấu hiểu được sở nguyện bởi qua việc chuyển động; bởi do thế, cử chỉ biểu hiện đặc biệt tức là việc chuyển động về Thân, mới được gọi tên là Thân Biểu Tri.*
- *Viseso àkàro = Vikàro:* *Trạng thái đặc biệt của Sắc Thành Sở Tác, được gọi tên là Biến Thế.*
- *Lahuto bhàvo = Lahutà:* *Trạng thái nhẹ nhàng, gọi tên là Khinh Khoái.*
- *Rùpassa lahutà = Rùpalahutà:* *Trạng thái nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác, được gọi tên là Sắc Khinh Khoái.*

- **Lakkhīyanti vinicchīyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = Lakkhaṇaṃ:** Tất cả các Pháp mà bậc Hiền Trí đã phân tích thẩm xét được rằng những thể loại Pháp ấy là Hữu Vi (**Saṅkhata**) do việc nương vào Sắc Pháp này, bởi do thể Sắc Pháp làm thành tác nhân cho việc phân tích thẩm xét ấy, mới gọi tên là Thực Tướng.

12. Hỏi: Khi gọi tên theo Thực Tính của 28 Sắc Pháp ấy, thì có được bao nhiêu tên gọi ? Là những chi ? Và luôn cả cho trình bày nội dung của từng mỗi tên gọi ấy.

Đáp: Tất cả 28 Sắc Pháp này có được 8 tên gọi với nhau thể theo Thực Tính, đó là:

1. Gọi tên là Vô Nhân (**Ahetuka**), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Hữu Nhân (**Sahetuka**), vì chẳng có phối hợp với Nhân Tương Ứng.
2. Gọi tên là Hữu Duyên (**Sappaccaya**), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Vô Duyên (**Appaccaya**), vì có 4 Trợ Duyên.
3. Gọi tên là Hữu Lậu (**Sāsava**), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Vô Lậu (**Anāsava**), vì làm thành Cảnh của Lậu Hoặc.
4. Gọi tên là Hữu Vi (**Saṅkhata**), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Vô Vi (**Asaṅkhata**), vì bị tạo tác sắp bày do bởi 4 Trợ Duyên.
5. Gọi tên là Hiệp Thế (**Lokiya**), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Siêu Thế (**Lokuttara**), vì làm thành Pháp liệt kê vào ở trong Pháp Hành Thế Tục (**Saṅkhàraloka**).
6. Gọi tên là Dục Giới (**Kàṃavacara**), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Hữu Sắc Giới (**Rùpavacara**) và Vô Sắc Giới (**Arùpavacara**), vì làm thành Cảnh của Ái Dục (**Kàmatanàhà**).
7. Gọi tên là Bất Tri Cảnh (**Anàrammaṇa**), và không có Sắc Pháp nào có tên gọi là Hữu Tri Cảnh (**Sàrammaṇa**), vì không có khả năng tri giác được đối tượng.
8. Gọi tên là Phi Phóng Khí (**Appahàtabba**), và không có Sắc pháp nào có tên gọi là Khả Phóng Khí (**Pahàtabba**), vì chẳng phải làm thành Pháp cần phải phóng khí xả bỏ.

13. Hỏi: Sắc Nội Bộ, Sắc Hữu Vật, Sắc Hữu Môn, Sắc Hữu Quyền, Sắc Thô Thiển khởi sinh ở trong đầu của Ngài thì có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi Sắc Pháp.

Đáp: + Sắc Nội Bộ (**Ajjhattakarūpa**) khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng là 5 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt.

+ Sắc Hữu Vật (**Vatthurūpa**) khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng là 5 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt.

+ *Sắc Hữu Môn (Dvārārūpa)* khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng là 7 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Biểu Tri.

+ *Sắc Hữu Quyền (Indriyarūpa)* khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng là 7 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt, Sắc Nữ Giới Tính hoặc Sắc Nam Giới Tính, và 1 Sắc Mạng Quyền.

+ *Sắc Thô Thiển (Olārikarūpa)* khởi sinh ở trong đầu của Tôi có số lượng là 12 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

14. Hỏi: Cho phân chia 28 Sắc Pháp ấy, thể theo Sắc Thô Thiển với Sắc Vi Tế, Sắc Hữu Chấp Thủ với Sắc Phi Chấp Thủ, Sắc Bất Giản Biệt với Sắc Khả Giản Biệt.

Đáp: + **Sắc Thô Thiển với Sắc Vi Tế:** Trong số lượng 28 Sắc Pháp ấy, làm thành Sắc Thô Thiển, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày rõ ràng. Có nghĩa là những thể loại Sắc Pháp này một khi đã được thẩm sát với Trí Tuệ thì cũng đã hiện bày một cách rất rõ ràng, bởi do vậy mới gọi tên là **Sắc Thô Thiển**; có số lượng là 12 Sắc Pháp, tức là 5 Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể. Làm thành Sắc Vi Tế, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày không có rõ ràng. Có nghĩa là một khi thẩm sát với Trí Tuệ thì chẳng có hiện bày được rõ ràng, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Vi Tế**; có số lượng là 16 Sắc Pháp, tức là 16 Sắc Pháp còn lại.

+ **Sắc Hữu Chấp Thủ với Sắc Phi Chấp Thủ:** 18 Sắc Nghiệp gọi tên là Sắc Hữu Chấp Thủ cũng bởi vì làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực, mà có Ái Dục và Tà Kiến thâm nhập vào tác hành cho làm thành Cảnh; bởi do thế những 18 Sắc Nghiệp này mới gọi tên là **Sắc Hữu Chấp Thủ**.

Còn những 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết và 12 Sắc Vật Thực này, thì chẳng phải làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực; mà đích thị làm thành quả báo nương sinh từ ở nơi Tâm, Quý Tiết và Vật Thực, bởi do thế mới gọi tên là **Sắc Phi Chấp Thủ**.

+ **Sắc Bất Giản Biệt với Sắc Khả Giản Biệt:** Khi kết hợp cả 8 Sắc Pháp gồm Tứ Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị và Sắc Vật Thực này lại, thì gọi tên là **Sắc Bất Giản Biệt**, bởi vì những cả 8 Sắc Pháp này không thể nào tách rời với nhau được, mà phải là thường luôn cùng cấu sinh vào nhau; và ngay cả ở trong một Sắc Pháp cực vi tế như là một hạt nguyên tử đi nữa, thì cũng phải kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này. Nói tóm lại thì hết cả thấy tất cả các Sắc Pháp hiện hữu ở trong thế gian này sẽ không thể nào thiếu vắng 8 Sắc Bất Giản Biệt này được đâu, tối thiểu thì cũng phải hằng thường luôn kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

Còn 20 Sắc Pháp còn lại, là những Sắc Pháp có thể tách rời với nhau được. Cả 20 Sắc Pháp này thì không nhất thiết phải cùng cấu sinh với nhau, và chỉ có thể cấu sinh với nhau trong cùng một nhóm riêng biệt của mình mà thôi. Bởi do thế,

những cả 20 Sắc Pháp này mới gọi tên là **Sắc Khả Giản Biệt**; và những thể loại Sắc Khả Giản Biệt này cho dù quả thật sẽ phải bị tách rời với nhau đi nữa, thế nhưng cũng vẫn phải thường luôn cùng cấu sinh vào nhau với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

15. Hỏi: Cho phân chia 7 Sắc Hữu Môn thể theo Khởi Sinh Môn với Nghiệp Môn, luôn cả với lời giải thích.

Đáp: Trong số lượng 7 Sắc Hữu Môn ấy, thì 5 Sắc Thanh Triệt làm thành **Khởi Sinh Môn**; và 2 Sắc Biểu Tri làm thành **Nghiệp Môn**. Giải thích rằng:

Việc sinh khởi của các Tâm Lộ Trình, hoặc việc sinh khởi của Thân Hành Nghiệp Lực, hoặc Ngũ Hành Nghiệp Lực đây, thì cũng cần phải nương vào 7 Sắc Hữu Môn làm thành tác nhân. Sẽ nói rằng việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn, thì cần phải có Ngũ Sắc Thanh Triệt làm thành tác nhân đặng cho sinh khởi lên được; bởi do thế, Ngũ Sắc Thanh Triệt này mới được gọi tên là *Khởi Sinh Môn* (*Uppattidvāra*) có nghĩa là Sắc Pháp làm thành tác nhân từ ở nơi việc sinh khởi của Lộ Trình Ngũ Môn.

Còn việc sinh khởi của các Thân hành động tạo tác, cho dù sẽ là *Thiện Hạnh* (*Sucarita*) hoặc *Ác Hạnh* (*Ducarita*) đi nữa, mà một khi đã loại trừ Thân Biểu Tri đi rồi, thì đa phần những Thân hành động tạo tác ấy sẽ không có thể khởi sinh lên được. Còn các việc chuyện trò nói năng, cả về Thiện Hạnh hoặc Ác Hạnh, để sẽ khởi sinh lên được thì cũng cần phải nương vào Ngũ Biểu Tri; mà một khi đã loại trừ Ngũ Biểu Tri đi rồi, thì các việc nói năng ấy cũng không có thể khởi sinh lên được. Bởi do thế, cả hai Sắc Biểu Tri này mới được gọi tên là *Nghiệp Môn* (*Kammadvāra*) có nghĩa là Sắc Pháp làm thành tác nhân cho khởi sinh Thân Hành Nghiệp Lực và Ngũ Hành Nghiệp Lực.

16. Hỏi: Sắc Thủ Cảnh có ý nghĩa là chi? Cho nêu lên dẫn chứng trình bày một cách tóm tắt, và cho phân tích những thể loại Sắc Thủ Cảnh đấy theo Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác cùng với Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác.

Đáp: Ngũ Sắc Thanh Triệt gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh**, vì đó chính là Sắc Pháp tiếp thu được Ngũ Cảnh; chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệt thì tiếp thu được Cảnh Sắc, và đã làm cho khởi sinh hiểu biết được việc nhận thấy.

Trong tất cả những 5 Sắc Thủ Cảnh ấy đã chia ra làm 2 thể loại, là:

1. **Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác** (*Asampattagocaraggāhakarūpa*): có nghĩa là tiếp thu giữ lấy Cảnh mà vẫn không xúc chạm đến, tức là Nhãn Thanh Triệt và Nhĩ Thanh Triệt.
2. **Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác** (*Sasampattagocaraggāhakarūpa*): có nghĩa là tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến, tức là Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.

[**Chú thích:** Bộ Kinh Vô Tỷ Pháp Toàn Tập, với Phẩm thứ 2, điều thứ 31 có nội dung chính yếu liên quan với sự kiện này như sau: Thể theo bậc Đại Chú Giải Sư thời xa xưa đã giải thích rằng cả Ngũ Sắc Thanh Triệt này là *Hữu Thủ Xúc Giác (Sampattagàha)* có nghĩa là tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến. Tuy nhiên quan điểm của Ngài Chú Giải Sư *Buddhaghosàcàriya* đã trình bày rằng cả hai Nhãn với Nhĩ đây, tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến cũng được [*Hữu Thủ Xúc Giác (Sampattagàha)*] và tiếp thu giữ lấy Cảnh mà vẫn không xúc chạm đến cũng được [*Phi Thủ Xúc Giác (Asampattagàha)*], chẳng hạn như mặt trời và mặt trăng là Cảnh Sắc có ánh sáng chiếu sáng. Cảnh mà xúc chạm đến là ánh sáng chiếu sáng của mặt trời hoặc mặt trăng, thế nhưng Sắc Pháp mặt trời hoặc mặt trăng thì lại hiện bày ở trên bầu trời là Cảnh không thể nào xúc chạm được; và Nhãn thì không thể tiếp thu được Cảnh này. Còn Tỷ, Thiệt, Thân ấy đặc biệt chỉ tiếp thu với những Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến.]

Giải thích rằng: Nhãn Thanh Triệt một cách đặc biệt là thường chỉ tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ vẫn không xúc chạm đến; nếu như Cảnh Sắc ấy mà đã xúc chạm đến rồi, thế thì Nhãn Thanh Triệt không thể nào tiếp thu giữ lấy Cảnh Sắc ấy được; có nghĩa là không thể nào trông thấy được đâu, chẳng hạn như khi chúng ta đưa bàn tay lên ở ngay trước mặt chúng ta trong khoảng tầm mắt vừa thích hợp, thì con mắt của chúng ta sẽ trông thấy được bàn tay ấy; tuy nhiên nếu như chúng ta lấy bàn tay ấy đưa vào xúc chạm đến con mắt rồi, thế là chúng ta không thể nào trông thấy được bàn tay.

Nhĩ Thanh Triệt thì cũng tương tự như nhau, là thường chỉ tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ vẫn không xúc chạm đến; nếu như âm thanh ấy mà vào xúc chạm đến ở trong khoang lỗ tai của Nhĩ Thanh Triệt, và thế rồi Nhĩ Thanh Triệt cũng không thể nào tiếp thu giữ lấy âm thanh ấy được, tức là không tài nào lắng nghe được âm thanh. Chỗ mà có thể lắng nghe được đây, chẳng phải là âm thanh phải vào xúc chạm đến Nhĩ Thanh Triệt, mà âm thanh ấy chỉ phải ở trong khoảng cách vừa thích hợp đối với việc được lắng nghe ấy mà thôi. Bởi do thế, cả hai Nhãn Thanh Triệt và Nhĩ Thanh Triệt này mới gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác**.

Còn cả ba Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt và Thân Thanh Triệt đây, thì cần phải tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ đã xúc chạm đến. Nếu như Cảnh ấy mà vẫn không có được vào xúc chạm đến, thì cũng không có tài nào để tiếp thu giữ lấy Cảnh ấy được; chẳng hạn như Tỷ Thanh Triệt thì cần phải tiếp thu giữ lấy Cảnh Khí mà đã vào xúc chạm thì mới nhận biết được khí hơi ấy. Nếu như Cảnh Khí hoặc mùi hơi ấy vẫn không có được vào xúc chạm đến Tỷ Thanh Triệt, thì cũng không có khả năng để nhận biết mùi khí hơi ấy được.

Thiệt Thanh Triệt cũng cần phải tiếp thu giữ lấy Cảnh ở chỗ xúc chạm đến, thì mới sẽ nhận biết được mùi vị. Nếu như Cảnh Vị hoặc mùi vị ấy vẫn chưa có

vào xúc chạm đến, thì Thiệt Thanh Triệt cũng không có khả năng để sẽ nhận biết được mùi vị ấy.

Thân Thanh Triệt cũng cần phải tiếp thu giữ lấy cảnh ở chỗ xúc chạm đến, thì mới sẽ cảm giác được lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, v.v. Nếu như Cảnh Xúc ấy vẫn chưa có vào xúc chạm đến Thân Thanh Triệt, thì cũng không có khả năng để có được cảm giác lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, v.v. Cả ba Sắc Thanh Triệt này mới được gọi tên là **Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác**.

17. Hỏi: Khi kết hợp Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, được gọi tên là Sắc Hữu Đối Chiếu có ý nghĩa là chi? Cho lời giải thích. Và Sắc Hữu Quyền có ý nghĩa là chi? Có số lượng bao nhiêu? Là những chi? Cho lời giải thích nêu lên thí dụ dẫn chứng cho được nhận thấy độ chừng một Sắc Pháp.

Đáp: + **Sắc Hữu Đối Chiếu:** Khi kết hợp những 12 Sắc Pháp gồm Ngũ Sắc Thanh Triệt và 7 Sắc Biến Thể này lại, làm thành những Sắc Pháp đối chiếu xúc chạm lẫn nhau thể theo thực tính; chẳng hạn như Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khi đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị đã có được thực tính đối chiếu với nhau; Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc đã có được thực tính đối chiếu với nhau; bởi do thế những thể loại Sắc Pháp này mới gọi tên là **Sắc Hữu Đối Chiếu**.

+ **Sắc Hữu Quyền** có nghĩa là Sắc Pháp làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ ở trong việc trông thấy, v.v. có 8, tức là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, và 1 Sắc Mạng Quyền.

Giải thích: Nêu lên một thí dụ dẫn chứng như sau: chẳng hạn như việc trông thấy sẽ khởi sinh lên được, thì ắt cần phải nương vào Nhãn Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội, làm vị bảo hộ. Nếu như trường hợp thiếu mất Nhãn Thanh Triệt đi rồi, thì việc trông thấy cũng không thể nào khởi sinh lên được.

Một trường hợp khác nữa là việc trông thấy đây, sẽ trông thấy được rõ ràng hoặc không được rõ ràng, sẽ trông thấy được xa hoặc không được xa ấy, là cũng phải tùy thuộc vào Nhãn Thanh Triệt này. Nếu như Nhãn Thanh Triệt này có nhiều năng lực tốt đẹp, thì việc trông thấy cũng được rõ ràng và được nhìn thấy xa, các vật thể lớn hoặc nhỏ cũng vẫn có khả năng nhìn thấy được rõ ràng; bởi do thế, Nhãn Thanh Triệt này mới làm thành chủ vị trưởng trội trong việc nhìn thấy hết tất cả, mới được gọi tên là **Sắc Hữu Quyền**.

18. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong Sắc Bất Giản Biệt với Sắc Khả Giản Biệt theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn của nền tảng.

Đáp: Khi kết hợp cả 8 Sắc Pháp gồm Tứ Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị và Sắc Vật Thực này lại, thì gọi tên là **Sắc Bất Giản Biệt**, bởi vì

những cả 8 Sắc Pháp này không thể nào tách rời với nhau được, mà phải là thường luôn cùng câu sinh vào nhau; và ngay cả ở trong một Sắc Pháp cực vi tế như là một hạt nguyên tử đi nữa, thì cũng phải kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này. Nói tóm lại thì hết cả thấy tất cả các Sắc Pháp hiện hữu ở trong thế gian này sẽ không thể nào thiếu vắng 8 Sắc Bất Giản Biệt này được đâu, tối thiểu thì cũng phải hằng thường luôn kết hợp với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

Còn 20 Sắc Pháp còn lại, là những Sắc Pháp có thể tách rời với nhau được. Cả 20 Sắc Pháp này thì không nhất thiết phải cùng câu sinh với nhau, và chỉ có thể câu sinh với nhau trong cùng một nhóm riêng biệt của mình mà thôi. Bởi do thế, những cả 20 Sắc Pháp này mới gọi tên là **Sắc Khả Giản Biệt**; và những thể loại Sắc Khả Giản Biệt này cho dù quả thật sẽ phải bị tách rời với nhau đi nữa, thế nhưng cũng vẫn phải thường luôn cùng câu sinh vào nhau với cả 8 Sắc Bất Giản Biệt này.

19. Hỏi: Cho trình bày các Sắc Pháp như tiếp theo đây:

1. Sắc Pháp làm được Sắc Hữu Quyền nhưng không làm được Sắc Vi Tế.
2. Sắc Pháp làm được Sắc Vi Tế nhưng không làm được Sắc Hữu Quyền.
3. Sắc Pháp làm được cả hai Sắc Hữu Quyền và Sắc Vi Tế.
4. Sắc Pháp không làm được cả hai Sắc Hữu Quyền và Sắc Vi Tế.
5. Sắc Pháp làm được Sắc Hữu Chấp Thủ nhưng không làm được Sắc Khả Giản Biệt.
6. Sắc Pháp làm được Sắc Khả Giản Biệt nhưng không làm được Sắc Hữu Chấp Thủ.
7. Sắc Pháp làm được cả hai Sắc Hữu Chấp Thủ và Sắc Khả Giản Biệt.
8. Sắc Pháp không làm được cả hai Sắc Hữu Chấp Thủ và Sắc Khả Giản Biệt.

Đáp: 1. Sắc Pháp làm được Sắc Hữu Quyền nhưng không làm được Sắc Vi Tế, đó là 5 Sắc Thanh Triệt.

2. Sắc Pháp làm được Sắc Vi Tế nhưng không làm được Sắc Hữu Quyền, đó là: 1 Thủy Tổ Chất, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Vật Thực, 1 Sắc Hạn Giới, 2 Sắc Biểu Tri, 3 Sắc Biến Thể, và 4 Sắc Thực Tướng.

3. Sắc Pháp làm được cả hai Sắc Hữu Quyền và Sắc Vi Tế, đó là: 2 Sắc Bản Tính, và 1 Sắc Mạng Quyền.

4. Sắc Pháp không làm được cả hai Sắc Hữu Quyền và Sắc Vi Tế, đó là: 1 Địa Tổ Chất, 1 Hỏa Tổ Chất, 1 Phong Tổ Chất, 1 Cảnh Sắc, 1 Cảnh Thinh, 1 Cảnh Khí, và 1 Cảnh Vị.

5. Sắc Pháp làm được Sắc Hữu Chấp Thủ nhưng không làm được Sắc Khả Giản Biệt, đó là: 8 Sắc Bất Giản Biệt sinh từ nơi Nghiệp Lực.

6. Sắc Pháp làm được Sắc Khả Giản Biệt nhưng không làm được Sắc Hữu Chấp Thủ, đó là: 1 Sắc Thinh, 2 Sắc Biểu Tri, 3 Sắc Biến Thể, 4 Sắc Thực Tướng, và 1 Sắc Hạn Giới, sinh từ nơi Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

7. Sắc Pháp làm được cả hai Sắc Hữu Chấp Thủ và Sắc Khả Giản Biệt, đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Sắc Hạn Giới, sinh từ nơi Nghiệp Lực.

8. Sắc Pháp không làm được cả hai Sắc Hữu Chấp Thủ và Sắc Khả Giản Biệt, đó là: 8 Sắc Bất Giản Biệt sinh từ nơi Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

20. Hỏi: Cho trình bày số lượng của Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực có khả năng làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, và Nghiệp Lực với Tâm Thức không có khả năng làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là thể loại Nghiệp Lực nào và thể loại Tâm Thức nào? Cho lời giải thích theo riêng từng mỗi thể loại.

Đáp: 1/. Nghiệp Lực làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là 25 Nghiệp Lực, là Tư Tác Ý hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới; kết hợp lại thành 25.

2/. Tâm Thức làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là 75 Tâm Thức (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thực Vô Sắc Giới, Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh), 52 Tâm Sở ở ngay trong kiếp sống hiện tại, tính kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất nối tiếp từ nơi Tâm Tái Tục.

3/. Quý Tiết làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là *Hàn Lãn Hỏa (Sitatejo)* sự lạnh và *Viêm Nhiệt Hỏa (Uñhatejo)* sự nóng hiện hữu ở nội phần và ngoại phần của Chúng Hữu Tình, đã làm cho Sắc Quý Tiết có được khởi sinh lên.

4/. Vật Thực làm cho Sắc Pháp có được khởi sinh lên, tức là Bồ Phẩm hiện hữu ở trong các vật thực.

+ Hết cả thấy Nghiệp Lực thì có số lượng là 33; tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 21 Thiện Nghiệp Lực, kết hợp lại thành 33 là như vậy. Tuy nhiên ở trong phần Nghiệp Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 25 Nghiệp Lực; và đã loại trừ đi 8 Nghiệp Lực, ấy là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế. Trong việc loại trừ cả 8 Thiện Nghiệp Lực này đi, là cũng vì những thể loại Thiện Nghiệp Lực này đã không làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên được. Có nghĩa là 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới là Nghiệp Lực sinh khởi bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại *Nghiệp Xứ Tu Tập Ly Ái Sắc (Rùpaviràgabhàvanà)* là việc đoạn lưu sự duyệt ý ở trong Sắc Pháp; bởi do thế, đích thị chính với mãnh lực từ ở nơi Tu Tập Ly Ái Sắc này, mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được.

Còn ở trong cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế đây, là Nghiệp Lực khởi sinh bởi do nương vào việc tiến hóa thể loại Nghiệp Xứ thẩm sát Tam Thực Tướng (Vô Thường, Khô Đau, Vô Ngã) ở trong Ngũ Uẩn Danh Sắc, là thể loại Nghiệp Lực tiêu diệt *Sinh Chung (Bhavajàti)* và Sắc Nghiệp lại chính là hiện thân của *Sinh Chung Tử*; bởi do thế cả 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế này mới không làm cho Sắc Nghiệp khởi sinh lên được.

+ Hết cả thấy Tâm Thức thì có số lượng là 89; tuy nhiên ở trong phần Tâm Xuất Sinh Xứ thì chỉ lấy có 75 cái Tâm, và đã loại trừ đi 14 cái, ấy là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh.

Trong việc loại trừ cả 14 cái Tâm này đi, là cũng vì 10 Tâm Ngũ Song Thức ấy thì có năng lực yếu kém, và không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Bốn Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy, là quả báo nương sinh từ Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, và cũng là hiện thân của Sinh Chung Tử Ly Ái Sắc Tu Tập; bởi do thế mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Còn Tâm Tái Tục của tất cả Chúng Hữu Tình và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh ấy, thì đặc biệt sẽ không nêu lên số lượng Tâm Thức để mà loại trừ; và lập ý chỉ lấy sát na làm chức năng Tái Tục và Tử mà thôi. Có nghĩa là có cả thấy 19 cái Tâm làm chức năng Tái Tục, đó là những 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới như đã được giải thích ở phần trên rồi; còn 15 cái Tâm Tái Tục còn lại ấy, thì ngay trong sát na sinh khởi lần đầu tiên ở trong kiếp sống mới với năng lực vẫn còn yếu kém, do vậy mới không có khả năng để làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Và có 13 cái Tâm Tử của Bạc Vô Sinh, đó là những 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, và 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới. Đối với 4 Tâm Quả Dị Thục Vô Sắc Giới ấy thì có cùng một nội dung chính với phần đã được giải thích ở phía trên; còn 9 cái Tâm Tử còn lại, là Tâm Tử của Bạc Vô Sinh đã hoàn toàn diệt Phiền Não; bởi do thế mới không làm cho Sắc Tâm khởi sinh. Tuy nhiên 9 cái Tâm này nếu làm nhiệm vụ Tử của người khác ngoại trừ Bạc Vô Sinh ấy, thì lại có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

21. Hỏi: Cũng có Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã diệt, và lại cũng có Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên; cả 2 nhóm Sắc Pháp này là thể loại Sắc Pháp nào vậy? Và tại làm sao Đức Phật Ngài lại không gọi là Sắc Tâm Sở? Cho lời giải thích

Đáp: Cũng có Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã diệt, và lại cũng có Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên; cả 2 nhóm Sắc Pháp này, thì Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã diệt, đó là **Sắc Nghiệp**, bởi vì sinh từ nơi Tâm Sở Tư hình thành Nghiệp Lực hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới. Còn Sắc Pháp sinh từ nơi Tâm Sở đã vừa sinh khởi mới lên, đó là **Sắc Tâm**, bởi vì lẽ thường Tâm thường luôn phối hợp với Tâm Sở; chính vì thế, một khi Tâm Thức đã làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên, thì Tâm Sở cũng cùng làm chức năng này. Tự một mình cái Tâm thì không thể nào làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được.

Trong sự việc cả 2 nhóm Sắc Pháp này đã không được gọi là *Sắc Tâm Sở* đầy, đối với Sắc Nghiệp thì cho dù thực sự sinh từ nơi Tư Tác Ý Bất Thiện và Tư Tác Ý Thiện đi nữa, tuy nhiên những thể loại Tư Tác Ý này Đức Phật Ngài đã lập ý gọi là *Nghiệp Lực*. Như lập ý khái thuyết rằng “*Cetanàham bhikkhave vedāmi*”- “*Nấy tất cả Chư Tỳ Khuru, Như Lai tuyên bố rằng chính thực Tư Tác Ý hình thành ra Nghiệp Lực*”. Với lý do này, Sắc Pháp sinh từ nơi 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 13 Tư Tác Ý Thiện Hiện Thế, mới không được gọi là *Sắc Tâm Sở*, mà chỉ gọi theo lời của Đức Ngài Chánh Đẳng Giác đã khái thuyết là *Sắc Nghiệp*.

Còn *Sắc Tâm* sinh từ nơi *Tâm Tâm Sở* ở trong hiện tại, mà không được gọi là *Sắc Tâm Sở* đầy, là cũng vì gọi theo Pháp làm chủ vị trường trội; tức là sát na *Tâm Tâm Sở* đang tiếp thân lấy Cảnh, thì chính là *Tâm* làm chủ vị, và chẳng phải là *Tâm Sở* làm chủ vị; với lý do này mới không gọi là *Sắc Tâm Sở* được, và mới được gọi là *Sắc Tâm*.

22. Hỏi: *Bồ Phẩm đã làm cho Sắc Vật Thực được khởi sinh đầy, có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và thể loại Bồ Phẩm nào đã trực tiếp làm cho Sắc Vật Thực khởi sinh, và thể loại nào chỉ là giúp đỡ bảo hộ ?*

Đáp: Chất Bồ Phẩm hiện hữu cả bên trong lẫn bên ngoài của Chúng Hữu Tình, được gọi là *Nội Phần Bồ Phẩm (Ajjhata Ojà)* và *Ngoại Phần Bồ Phẩm (Bahiddha Ojà)*. Đối với Bồ Phẩm đã có trình bày ở trong đoạn trên, đó là Nội Phần Bồ Phẩm. Còn Ngoại Phần Bồ Phẩm đầy, đích thị chính là *Nghiệp Bồ Phẩm (Kammaja Ojà)* và *Quý Tiết Bồ Phẩm (Utu Ojà)* sinh trú ở bên trong thân thể của tất cả Chúng Hữu Tình. Trong cả hai thể loại Bồ Phẩm này, thì *Nội Phần Bồ Phẩm* làm chức năng giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhakasatti)*. Còn *Ngoại Phần Bồ Phẩm* thì làm chức năng trực tiếp cho Sắc Vật Thực khởi sinh, được gọi là *Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti)*. Trong cả hai Ngoại Phần Bồ Phẩm, là *Nghiệp Bồ Phẩm* và *Quý Tiết Bồ Phẩm*, thì *Nghiệp Bồ Phẩm* rất quan trọng trong công việc giúp đỡ bảo hộ cho Sắc Vật Thực khởi sinh nhiều hơn *Quý Tiết Bồ Phẩm*.

23. Hỏi: *Cho dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:*

Aṭṭhàrasa paṇṇarasa Terasa dvàdasàti ca
Kammacittotukàhàra Jàni honti yathàkkamaṃ

và cho phân tích 18 Sắc Nghiệp ấy bởi theo Sắc Nội Bộ, Sắc Hữu Vật, Sắc Hữu Môn, Sắc Hữu Quyền, Sắc Thô Thiển.

Đáp: Dịch nghĩa kệ ngôn rằng: “*Sắc Pháp nương sinh từ nơi Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực có số lượng tuần tự như vậy, là: Sắc Nghiệp có 18, Sắc Tâm có 15, Sắc Quý Tiết có 13, và Sắc Vật Thực có 12.*” Và phân tích 18 Sắc Nghiệp, ấy là: **5 Sắc Thanh Triệt** là Sắc Nội Bộ, Sắc Hữu Vật, Sắc Hữu Môn, Sắc Hữu Quyền, và là Sắc Thô Thiển. **2 Sắc Bản Tính** và **1 Sắc Mạng Quyền** là

Sắc Hữu Quyền. **1 Sắc Tâm Cơ** là Sắc Hữu Vật. **6 Sắc Biến Thể** (loại trừ Cảnh Thịnh) là Sắc Thô Thiên.

24. Hỏi: Cho phân tích các Sắc Pháp như tiếp theo đây thể theo Tứ Xuất Sinh Xứ: 16 Sắc Thô Thiên, 11 Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ, 1 Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ, 3 Sắc Tam Xuất Sinh Xứ, 9 Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ.

Đáp: 1. 16 Sắc Vi Tế ấy là 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ. 3 Sắc Biến Thể có Tâm Thức, Quý Tiết, và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ. Thủy Tố Chất, 1 Sắc Vật Thực, 1 Sắc Hạn Giới có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ. Tứ Sắc Thực Tướng không có được nương sinh bất luận từ một Xuất Sinh Xứ nào cả, đó là Sắc Vô Xuất Sinh Xứ.

2. **Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ:** có 11 Sắc Pháp đó là: 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền; cả 9 Sắc Pháp này chỉ nương sinh thuần nhất vào Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. 2 Sắc Biểu Tri nương sinh thuần nhất vào Tâm làm Xuất Sinh Xứ

3. **Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ:** có 1 Sắc Pháp đó là: Cảnh Thịnh nương sinh vào Tâm hoặc Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

4. **Sắc Tam Xuất Sinh Xứ:** có 3 Sắc Pháp đó là: 3 Sắc Biến Thể nương sinh vào Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

5. **Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ:** có 9 Sắc Pháp đó là: 4 Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, Sắc Hạn Giới; cả 9 Sắc Pháp này đều nương sinh vào Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực.

25. Hỏi: Cả Tứ Sắc Thực Tướng mà Ngài đã nói rằng không có được nương sinh bất luận từ một Xuất Sinh Xứ nào cả; khi đã là như vậy, thì sẽ nói được hoặc không nói được rằng cả Tứ Sắc Thực Tướng ấy, khởi sinh do bởi Đức Phật Ngài là bậc đã kiến tạo ra? Cho lời giải thích theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn của nền tảng vậy.

Đáp: Cả Tứ Sắc Thực Tướng thì không có nương sinh bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đó chính là thực tính của 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh từ ở cả Tứ Xuất Sinh Xứ. Và một khi 18 Sắc Thành Sở Tác khởi sinh do nương vào bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ nào rồi, thì ở trong chính tự bản thân của Sắc Thành Sở Tác ấy thường luôn có cả Tứ Sắc Thực Tướng này hiện bày dính liền với nhau. Có nghĩa là việc khởi sinh, việc an trụ, việc diệt mất của những thể loại Sắc Pháp ấy thì cũng tương tự như từng mỗi con người khi đã được sinh ra thì thường luôn có 4 trường hợp trạng thái dính liền theo từng mỗi cá nhân, đó là:

1/. Sự Sinh Ra, 2/. Sự Lớn Lên, 3/. Sự Già Đi, 4/. Sự Tử Vong. Và lại những sự việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong đây, thì chẳng phải khởi sinh lên một cách riêng biệt được, mà chính là cần phải nương vào thân thể của con người hoặc của

loài Hữu Tình mới được khởi sinh, và như thế sẽ gọi là **Sự Sinh Ra**. Khi thân thể của con người hoặc Hữu Tình ấy dần dần to lớn lên cho đến hết mức, thì cũng được gọi là **Sự Lớn Lên**. Khi thân thể của con người hoặc của Hữu Tình ấy bắt đầu già yếu xuống, thì cũng được gọi là **Sự Già Đi**. Và khi con người hoặc Hữu Tình ấy mệnh chung, thì cũng được gọi là **Sự Tử Vong**. Giả như không có thân thể của con người hoặc của Hữu Tình đã hiện khởi lên rồi, thì cả bốn biểu tượng đặc trưng này cũng sẽ không hiện khởi lên được. Và điều này như thế nào, thì thân thể của con người hoặc của Hữu Tình cũng được so sánh tương tự với Sắc Thành Sở Tác nương sinh từ ở bất luận một trong cả Tứ Xuất Sinh Xứ; với việc sinh ra, lớn lên, già đi và tử vong của con người hoặc Hữu Tình ấy cũng được ví tương tự với cả Tứ Sắc Thực Tướng dường thế ấy. Bởi do vậy, những cả Tứ Sắc Thực Tướng này mới không có khởi sinh qua việc nương nhờ bất luận một Xuất Sinh Xứ nào cả, và đã được gọi là *Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutocisamuṭṭhànika rūpa)*. Và lại cũng không có được khởi sinh do bởi Đức Phật là bậc đã kiến tạo ra.

26. Hỏi: Bốn thể loại Sắc Quý Tiết sinh trú ở trong thân thể của Ngài, là những chi? Cho trình bày nội dung của các Sắc Quý Tiết ấy.

Đáp: Bốn thể loại Sắc Quý Tiết sinh trú ở trong thân thể của Tôi, đó là:

1. *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp (Kammappaccayaṭṭjarūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.
2. *Sắc Quý Tiết Duyên Tâm (Cittappaccayaṭṭurūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Tâm Thức làm Xuất Sinh Xứ.
3. *Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccayaṭṭurūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.
4. *Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực (Àhàrapaccayaṭṭurūpa)* = Sắc Pháp nương sinh từ nơi Quý Tiết mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

27. Hỏi: Cho trình bày Tâm làm cho Sắc Tâm có được khởi sinh như tiếp theo đây: 1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm liên quan với việc cười vui.
3. Sắc Tâm liên quan với việc khóc lóc.
4. Sắc Tâm liên quan với việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi.
5. Sắc Tâm liên quan với việc nói năng.
6. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi.
7. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.

Đáp:

1. Tâm đã làm cho Sắc Tâm Phổ Thông được khởi sinh lên, tức là hết tất cả 75 Tâm.

2. Có 13 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc cười vui được đầy, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.
3. Có 2 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc khóc lóc rên la, đó là 2 Tâm căn Sân.
4. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi được đầy, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, và 2 Tâm Thắng Trí.
5. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên việc nói năng, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.
6. Có 32 cái Tâm đã làm cho khởi sinh lên cả Tứ Đại Oai Nghi, thì cũng có Chi Pháp tương tự với điều thứ 4.
7. Có 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

Ghi chú: Trong số lượng 58 cái Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, là đặc biệt đã tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí. Nếu như không đặc biệt tính riêng thêm 2 cái Tâm Thắng Trí này, thì chỉ có 56 cái Tâm mà thôi; đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, và 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố. Tất cả đây cũng vì 2 cái Tâm Thắng Trí đã được liệt kê vào trong 26 cái Tâm Đồng Lực Kiên Cố rồi, đó chính là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới, và 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới vậy. Tuy nhiên việc đặc biệt tính riêng thêm nữa ấy, là cũng vì 2 cái Tâm Thiện và Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới đây, chẳng phải là thể loại thông thường, và chẳng có việc liễu tri đặc biệt; trái lại có việc liễu tri đặc biệt, bởi chính do thể mới đặc biệt được tính riêng thêm nữa vậy.

28. Hỏi: Cho trình bày Sắc Tâm sinh từ nơi Tâm như tiếp theo đây: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới (loại trừ Thắng Trí), 5 Tâm Quả Dự Thục Hữu Sắc Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 4 Tâm Quả.

Đáp: 1. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm căn Tham Câu Hành Hỷ, đó là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
2. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm căn Tham Câu Hành Xả, là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
3. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 2 Tâm căn Sân, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc khóc lóc.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
 4. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 2 Tâm căn Si, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
 5. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 1 cái Tâm Khai Ý Môn, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm liên quan với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm liên quan với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm liên quan với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
 6. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 1 cái Tâm Tiểu Sinh, đó là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
 7. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ, là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc cười vui.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 4. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 6. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
 8. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm Đại Thiện Câu Hành Xả, là:
 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.

3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
- 9.** Có 2 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 5 cái Tâm Thiện Hữu Sắc Giới, đó là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 Đại Oai Nghi sinh đối với 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Thắng Trí được kiên trụ lâu dài.
- 10.** Có 1 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 5 cái Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, đó là: 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
- 11.** Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ nơi 2 cái Tâm Thắng Trí, đó là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm quan hệ với việc chuyển động về Thân.
 3. Sắc Tâm quan hệ với việc nói năng về Lời.
 4. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi.
 5. Sắc Tâm quan hệ với cả Tứ Đại Oai Nghi kiên trụ.
- 12.** Có 2 thể loại Sắc tâm sinh từ nơi 4 cái Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, đó là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 Đại Oai Nghi sinh đối với 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 1 Tâm Tiểu Sinh, 2 Tâm Thắng Trí được kiên trụ lâu dài.

29. Hỏi: Cho phân tích 13 cái Tâm Câu Hành Hỷ làm cho việc cười vui khởi sinh đối với 3 hạng Người.

Đáp: 13 cái Tâm Câu Hành Hỷ làm cho việc cười vui khởi sinh đối với 3 hạng Người, đó là:

1. Phạm Phu cười vui với 8 cái Tâm, là: 4 Tâm căn Tham và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.
2. 3 Bậc Thánh Hữu Học cười vui với 6 cái Tâm, là: 2 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến Hỷ Thọ và 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.
3. Bậc Vô Sinh cười vui với 5 cái Tâm, là: 1 Tâm Tiểu Sinh và 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

30. Hỏi: Từ ngữ *Kalàpa* có ý nghĩa là chi? Và Tổng Hợp Sắc Pháp có số lượng bao nhiêu? Là những chi? Cho dẫn chứng cơ sở để trình bày với.

Đáp: Từ ngữ nói rằng “*Kalàpa*” dịch nghĩa là “nhóm, bộ phận, bọn, quần thể”; bởi do thế, từ ngữ Tổng Hợp Sắc Pháp mới lập ý nói đến các Sắc Pháp làm thành nhóm, thành bọn; và ở trong từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, nhất thiết sẽ cần phải có ba thể loại thực tính đồng hiện hành, được gọi là *Đồng Hành (Sahavutti)*. Đó là:

1. **Đồng Khởi Sinh (Ekuppàda):** đồng câu sinh.
2. **Đồng Tiệt Diệt (Ekanirodha):** đồng diệt mất.
3. **Đồng Y Chi (Ekanissaya):** đồng nương trú một chỗ, tức là Tứ Sắc Đại Hiện.

Một khi đã có được sự đồng hiện hành với cả ba thể loại thực tính này rồi, mới gọi là Tổng Hợp Sắc Pháp, và có 23 Tổng Hợp Sắc Pháp, đó là:

- | | | |
|---|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp 2. 8 Tổng Hợp Sắc Tâm 3. 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết. 4. 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực. | } | kết hợp lại thành
23 Tổng Hợp Sắc Pháp |
|---|---|---|

Như có câu kệ trình bày rằng:

***Kammacittotuhàra Samuṭṭhànà yathàkkamaṃ
Navatṭha caturo dveti Kalàpà hi dveṅṅsati***

Những Tổng Hợp Sắc Pháp mà có Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ đây; rằng khi tính theo số lượng chính xác rồi, và thể theo tuần tự thì có được như vậy là: 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, 8 Tổng Hợp Sắc Tâm, 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết, 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực; kết hợp lại thành 23 Tổng Hợp Sắc Pháp.

31. Hỏi: Tại sao Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** đã trình bày nói rằng Sắc Pháp đồng hiện hữu ở trong cùng một Tổng Hợp thì sẽ cần phải câu sinh với cả 3 Chi Pháp được gọi là Đồng Hành (**Sahavutti**) sẽ không có được nhiều hơn 3 hoặc sẽ là ít hơn 3? Cho lời giải thích.

Đáp: Sự việc Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** đã trình bày nói rằng Sắc Pháp đồng hiện hữu ở trong cùng một Tổng Hợp thì sẽ cần phải câu sinh với cả 3 Chi Pháp được gọi là Đồng Hành (**Sahavutti**), sẽ không có được nhiều hơn hoặc sẽ ít hơn 3, có nghĩa là cả 3 trạng thái được gọi là Đồng Hành của Tổng Hợp Sắc Pháp đây cũng tương tự với cả 4 trạng thái của Tâm Sở, chỉ khác biệt là không có Chi Đồng Cảnh (**Ekàlambana**), nghĩa là không có cùng chung một Cảnh mà thôi, còn ngoài ra thì đều giống nhau hết tất cả. Tức là Đồng Khởi Sinh (**Ekuppàda**), Đồng Tiệt Diệt (**Ekanirodha**), Đồng Trú Căn (**Ekavatthuka**) hoặc Đồng Y Chi (**Ekanissaya**) đồng nương trú một chỗ.

Bởi do thế, nếu Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp sẽ có nhiều hơn 3, thì cũng có nghĩa là sẽ cần phải có Chi Đồng Cảnh này vào. Tuy nhiên Chi Đồng Cảnh này lại không thể làm thành Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp được, vì lẽ Sắc Pháp chẳng phải do bởi nương vào Cảnh mà khởi sinh, thực sự là chỉ do nương sinh từ nơi Nghiệp Lực, Tâm Thức, và Vật Thực. Và quả thật bản thân Nghiệp

Lục, Tâm Thức, Quý Tiết và Vật Thực đây chính là Cảnh, nhưng chỉ là Cảnh của Tâm và Tâm Sở; chính vì thế, **Đồng Cảnh** mới không phải là Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp; và cũng vì lý do này, Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp mới không thể nào có nhiều hơn 3 được.

Vả lại nữa, Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp cũng không thể nào có ít hơn 3 được, vì lẽ thông thường Sắc Pháp sinh trú ở trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình thì có số lượng nhiều vô số kể, và thường luôn sinh diệt không gián đoạn, ví tựa như một dòng sông. Trong số lượng những thể loại Sắc Pháp này, thì Sắc Pháp cùng câu sinh với nhau cũng có, Sắc Pháp đồng cùng diệt cũng có, Sắc Pháp chẳng có đồng câu sinh cũng chẳng có đồng cùng diệt cũng có, và chẳng có đồng cùng nương trú vào Sắc Đại Hiện cũng có. Chẳng hạn như Nhân Thanh Triệt sinh trú ở trong con mắt của từng mỗi con người ấy, nếu tính đếm một cách phổ thông thì thường luôn phải có số lượng hơn hàng trăm nghìn, hàng triệu hơn. Trong số lượng hơn hàng trăm nghìn, hàng triệu hơn Nhân Thanh Triệt đây, thì cũng có Nhân Thanh Triệt cùng câu sinh và đồng cùng diệt với nhau cũng có; tuy nhiên chẳng phải đồng cùng nương trú vào Sắc Đại Hiện làm thành chỗ nương sinh. Đã là như vậy thì sẽ không gọi là đồng cùng một Tổng Hợp Sắc Pháp được; vả lại Sắc Đại Hiện sinh trú ở trong cùng một Tổng Hợp với nhau thì cũng có nhiều thể loại, đó là Sắc Đại Hiện Nghiệp, Sắc Đại Hiện Tâm, Sắc Đại Hiện Quý Tiết, và Sắc Đại Hiện Vật Thực. Ở trong cả bốn thể loại Sắc Đại Hiện này, thì cùng câu sinh với nhau cũng có rồi đó, đồng cùng diệt với nhau cũng có rồi đó, thế nhưng lại khác biệt ở chỗ nương sinh; vì lẽ chẳng hạn như Sắc Đại Hiện Nghiệp thì cần phải cùng chung với Sắc Đại Hiện Nghiệp nương đỡ vào nhau, Sắc Đại Hiện Tâm thì cần phải cùng chung với Sắc Đại Hiện Tâm nương đỡ vào nhau, v.v. thì sẽ thành chung một Tổng Hợp với nhau mới được. Ngay cả đã là Sắc Đại Hiện với nhau rồi đấy, thế nhưng lại khác biệt Xuất Sinh Xứ thì cũng không thể cùng chung một Tổng Hợp với nhau được nữa kia; chẳng hạn như Địa là Địa Nghiệp, Thủy là Thủy Tâm, Hỏa là Hỏa Quý Tiết, Phong là Phong Vật Thực; đã là như vậy rồi, thì cả Tứ Sắc Đại Hiện này cũng không thể nào ở chung một Tổng Hợp Sắc Pháp với nhau được, huống hồ là khác biệt Xuất Sinh Xứ với nhau. Chí đến cùng một Xuất Sinh Xứ và đồng cùng diệt với nhau, thế nhưng chỗ nương trú lại khác biệt nhau thì cũng không thể nào thành chung một Tổng Hợp Sắc Pháp với nhau được cả. Chẳng hạn như có 2 nhóm Sắc Đại Hiện sinh từ nơi Nghiệp Lục, và cả 2 nhóm này cùng câu sinh và đồng cùng diệt với nhau, thế nhưng chỗ nương trú của cả 2 nhóm Sắc Đại Hiện này lại khác biệt nhau, có nghĩa là chỗ nương trú của Địa ở trong nhóm thứ 1 phải là Thủy, Hỏa, Phong cùng nương trú ở trong nhóm thứ 1 với nhau. Thủy, Hỏa, Phong ở trong nhóm thứ 2 thì sẽ không thể nào làm thành chỗ nương trú của Địa ở trong nhóm thứ 1 được. Trong cùng một phương cách, Thủy, Hỏa, Phong ở trong nhóm thứ 2 cũng không thể nào làm thành chỗ nương trú của Địa ở trong nhóm thứ 2 được; bởi do thế, cả 2 nhóm Sắc Đại Hiện này, mới

không thể nào thành một Tổng Hợp Sắc Pháp với nhau được. Cũng ví như có 2 người đồng sinh và đồng tử trong cùng một ngày với nhau, nhưng lại khác Mẹ; thế rồi sẽ không thể gọi 2 người này là anh em ruột thịt được như thế nào, thì Sắc Pháp cùng chung một Tổng Hợp Sắc Pháp cũng như thế ấy. Với nguyên nhân như đã được giải thích ở tại đây, mới trình bày cho thấy rằng Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp chỗ gọi là **Đồng Hành** sẽ không thể nào ít hơn 3 được.

32. Hỏi: Các Sắc Pháp khác làm thành Chi Pháp của Tổng Hợp được, thế nhưng tại làm sao 1 Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng lại không được làm thành Chi Pháp của Tổng Hợp? Cho lời giải thích và dẫn chứng cơ sở để trình bày với.

Đáp: Chỗ loại trừ đi 1 Sắc Hạn Giới đây, cũng vì Sắc Hạn Giới là Sắc Pháp hạn định ranh giới giữa Tổng Hợp Sắc Pháp này với Tổng Hợp Sắc Pháp kia; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp.

Còn 4 Sắc Thực Tướng, thì cũng tương tự như nhau, đó là những Sắc biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp; bởi do thế mới không có liệt kê vào ở trong Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp. Như đã có trình bày câu kệ nói rằng:

*Kalāpanam pariccheda
Na kalāpaṅgam iccāhu*

*Lakkhaṇattā vicakkhaṇā
Ākāsaṃ lakkhaṇāni ca*

Tất cả các bậc Hiền Trí đã không trình bày đến một Sắc Hạn Giới và 4 Sắc Thực Tướng, là thuộc Chi Phần của Tổng Hợp Sắc Pháp; cũng bởi vì những cả 5 Sắc Pháp này chỉ là phần cách ly của Tổng Hợp Sắc Pháp, và lại cũng chỉ là biểu tượng đặc trưng của Tổng Hợp Sắc Pháp mà thôi.

33. Hỏi: Cho trình bày 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp cùng với ý nghĩa nội dung và Chi Pháp.

Đáp: Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp cùng với ý nghĩa nội dung và Chi Pháp, có như vậy:

1. **Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp (Cakkhudasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhãn Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nhãn Thanh Triệt.
2. **Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp (Sotadasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Nhĩ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nhĩ Thanh Triệt.
3. **Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp (Ghānadasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Tỷ Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Tỷ Thanh Triệt.
4. **Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp (Jivhādasakakalāpa):** lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thiệt Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Thiệt Thanh Triệt.

5. *Tổng Hợp Thân Thập Pháp (Kàyadasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Thân Thanh Triệt làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Thân Thanh Triệt.
6. *Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp (Itthìbhàvadasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nữ Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nữ Giới Tính.
7. *Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp (Purisabhàvadasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Nam Giới Tính làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nam Giới Tính.
8. *Tổng Hợp Vật Thập Pháp (Vatthudasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp với Sắc Tâm Cơ làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Tâm Cơ.
9. *Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp (Jìvitanavakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp với Sắc Mạng Quyền làm chủ vị trưởng trội; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt và 1 Sắc Mạng Quyền.

34. Hỏi: Trong từng mỗi một con người thì tối đa có được bao nhiêu Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh? Và cả 2 Tổng Hợp Nữ Giới Tính với Tổng Hợp Nam Giới Tính đây có cùng khởi sinh ở trong mỗi con người được hay không? Cho lời giải thích và hãy phân tích cả 3 phần thân thể thể theo Tổng Hợp Sắc Nghiệp.

Đáp: Trong từng mỗi một con người, thì chỉ khởi sinh nhiều nhất có 8 Tổng Hợp Sắc Pháp, là cũng bởi vì cả hai Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp và Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp đây, sẽ không thể nào cùng câu sinh được cả hai với nhau trong từng mỗi con người. Nếu đã là Nữ Giới, thì phải loại trừ Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp ra; và nếu đã là Nam Giới, thì cũng phải loại trừ Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp ra, và cũng chính vì thế, mới chỉ còn lại 8 Tổng Hợp Sắc Pháp mà thôi; do vậy mới nói rằng “trong từng mỗi con người thì chỉ có nhiều nhất 8 Tổng Hợp Sắc Pháp là như vậy”.

Phân tích cả 3 phần thân thể thể theo Tổng Hợp Sắc Nghiệp:

1. *Thượng Thân (Uparimakàya)*: Phần trên thân thể, tính kể từ cổ trở lên đến đầu; thì có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Thính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, 5/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 6/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 7/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.
2. *Trung Thân (Majjhimakàya)*: Phần giữa thân thể, tính kể từ cổ trở xuống đến rốn; thì có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Vật Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

3. *Hạ Thân (Hetṭhimakàya)*: Phần dưới thân thể, tính kể từ rốn trở xuống đến bàn chân; thì có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp.

35. Hỏi: Cho trình bày theo tuần tự tên gọi của Bát Tổng Hợp Sắc Tâm và cho lời giải thích ở trong Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp và Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp.

Đáp: Bát Tổng Hợp Sắc Tâm, đó là:

1. *Tổng Hợp Bát Thuần Pháp (Suddhatṭhakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp; tức là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.
2. *Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thinh.
3. *Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp (Kàyaviññattinavakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 1 Thân Biểu Tri.
4. *Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thinh Thập Pháp (Vacìviññattisaddadasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngũ Biểu Tri và 1 Thinh.
5. *Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất Pháp (Lahutàdiekàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, và 3 Sắc Biến thể.
6. *Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Saddalahutàdivàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.
7. *Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị Pháp (Kàyaviññattilahutàdivàdasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thân Biểu Tri, và 3 Sắc Biến Thể.
8. *Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thinh Khinh Khoái Thập Tam Pháp (Vacìviññattisaddalahutàdīterasakakalàpa)*: lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 13 Sắc Pháp; tức là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngũ Biểu Tri, 1 Thinh, và 3 Sắc Biến Thể.

Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp (Saddanavakakalàpa): khởi sinh trong lúc có âm thanh hiện bày mà chẳng có quan hệ với việc nói năng nào cả; và khởi sinh trong những lúc tâm trí mệt mỏi, thối lui sụt giảm, hoặc bất kiên định. Tức là âm thanh phát sinh từ gió của hơi thở vô ra, tiếng ho, hắt hơi, ợ hơi, ngáp ngủ, hoặc tiếng mở sáng mà chẳng hay biết.

Tổng Hợp Thinh Cửu Pháp đây, một khi có cả 3 Sắc Biến Thể cùng câu sinh với nhau, thì được gọi là *Tổng Hợp Thinh Khinh Khoái Thập Nhị Pháp*, và khởi

sinh trong những lúc tâm trí được an lạc hoặc kiên định; tức là cùng một thể loại âm thanh với Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp, tuy nhiên âm thanh ấy trong sáng hơn, và tiếng mõ cũng biết rõ sự tình.

36. Hỏi: Kể từ cổ xuống đến rốn thì có được bao nhiêu Tổng Hợp Sắc Tâm khởi sinh? Là những chi? Và cả Bát Tổng Hợp Sắc Tâm ấy là thuộc nhóm Sắc nào, có số lượng bao nhiêu, là những chi?

Đáp: Kể từ cổ xuống đến rốn có được 4 Tổng Hợp Sắc Tâm khởi sinh, là: 1/. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, 2/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu Pháp, 3/. Tổng Hợp Kinh Khoái Thập Nhất Pháp, 4/. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Kinh Khoái Thập Nhị Pháp. Trong cả Bát Tổng Hợp Sắc Tâm ấy, tức là Sắc Tâm, có số lượng 14, là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Thịnh, 5 Sắc Biến Thể.

37. Hỏi: 13 Sắc Quý Tiết khi sắp bày thành Tổng Hợp Sắc Pháp thì có được số lượng bao nhiêu Tổng Hợp, là những chi? Và hãy phân tích những thể loại Tổng Hợp Quý Tiết ấy thể theo việc sinh khởi nội phần và ngoại phần.

Đáp: 13 Sắc Quý Tiết khi sắp bày thành Tổng Hợp Sắc pháp thì có được 4 Tổng Hợp, đó là: 1/. Tổng Hợp Bát Thuần Pháp, 2/. Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp, 3/. Tổng Hợp Kinh Khoái Thập Nhất Pháp, 4/. Tổng Hợp Thịnh Kinh Khoái Thập Nhị Pháp. Trong cả Tứ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết đây, một khi khởi sinh thể theo nội phần thì có được cả 4 Tổng Hợp. Còn thể theo ngoại phần, là ở trong vật thể phi sinh mạng thì khởi sinh chỉ có được 2 Tổng Hợp, đó là: Tổng Hợp Bát Thuần Pháp và Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp mà thôi.

38. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt nhau giữa âm thanh ca hát và âm thanh nhạc cụ, và giữa Tổng Hợp Sắc Tâm Bát Thuần Pháp với Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Bát Thuần Pháp.

Đáp: Sự khác biệt nhau giữa âm thanh ca hát và âm thanh nhạc cụ, đó là: âm thanh ca hát là do nương theo Tâm khởi sinh, và âm thanh nhạc cụ là do nương theo Quý Tiết khởi sinh. Âm thanh ca hát thì có được 2 Tổng Hợp Sắc Tâm, ấy là: 1/. Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thịnh Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thịnh Kinh Khoái Thập Tam Pháp. Âm thanh nhạc cụ thì có được 1 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết, ấy là Tổng Hợp Thịnh Cửu Pháp. Âm thanh ca hát thì nương sinh từ nơi vật thể hữu sinh mạng cũng được, tức là âm thanh của con người đang ca hát; nương sinh từ nơi vật thể phi sinh mạng cũng được, tức là âm thanh ca hát phát sinh từ nơi đĩa hát hoặc máy phát thanh radio. Còn âm thanh nhạc cụ thì duy nhất chỉ có nương sinh từ nơi vật thể phi sinh mạng.

Sự khác biệt nhau giữa Tổng Hợp Sắc Tâm Bát Thuần Pháp với Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Bát Thuần Pháp, đó là:

1. Tổng Hợp Sắc Tâm Bát Thuần Pháp thì duy nhất chỉ có khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng. Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Bát Thuần Pháp thì khởi sinh ở trong vật thể hữu sinh mạng cũng được, và phi sinh mạng cũng được.

2. Tổng Hợp Sắc Tâm Bát Thuần Pháp không thể hiện bày một cách riêng biệt được, mà thường luôn cần phải nương vào Sắc Quý Tiết mới được hiện bày. Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Bát Thuần pháp thì hiện bày một cách riêng biệt được, chẳng hạn như thân thể con người, loài hữu tình, cây cối, núi đồi, các lãnh địa, v.v.

39. Hỏi: *Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực ấy có được khởi sinh ở ngoại phần Hữu Tình hay không? Cho lời giải thích thể theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn của nền tảng.*

Đáp: Cả 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này, thì không có khởi sinh ở ngoại phần Hữu Tình được, vì lẽ Tổng Hợp Sắc Vật Thực chỉ sẽ khởi sinh lên được, thiết yếu cần phải nương vào *Nghiệp Bồ Phẩm (KammaOjà)* hiện hữu ở bên trong thân thể của Hữu Tình làm thành người hiệp trợ đối với *Bồ Phẩm Ngoại Phần (BahiddhaOjà)*. Có nghĩa là một thể loại Bồ Phẩm khác nữa hiện hữu ở trong các thể loại vật thực ấy; bởi do thế, Tổng Hợp Sắc Vật Thực hiện hữu ở trong các thể loại vật thực một khi vẫn chưa có được thọ thực vào, thì chẳng phải là Tổng Hợp Sắc Vật Thực, mà đó chính là Tổng Hợp Sắc Quý Tiết cả thảy.

Các cây cối phát triển tươi tốt to lớn lên, đâm cành phát tán, trở sinh hoa quả là do bởi nương vào đất, nước, và phân bón. Những thể loại này được hiểu biết với nhau rằng đất, nước và phân bón ấy đã làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh đối với cây cối rất nhiều. Quả thực là những thể loại đất, nước và phân bón đấy, đã không làm cho Tổng Hợp Sắc Vật Thực khởi sinh lên đối với cây cối bất luận một trường hợp nào cả, mà trái lại chỉ làm cho Tổng Hợp Sắc Quý Tiết được khởi sinh lên thôi, vì lẽ cây cối chẳng thể nào thọ dụng loại thực phẩm của loài Hữu Tình được. Đất và nước, hoặc phân bón tưới cho cây cối đó, thì thường thấm đi vào trong thân cây theo con đường rễ cái và rễ con của cây và hiện hành theo lẽ thường nhiên. Nếu sẽ nói với nhau là cây cối đã thọ dụng vật thực, đã uống nước ăn phân bón, thì đó là cách gọi theo từ ngữ dân gian, và chẳng phải theo thực tính Siêu Lý; cũng tương tự cùng một phương thức mà chúng ta bảo với nhau rằng “*chiếc xe này thì uống xăng nhiều, chiếc xe đó thì uống xăng ít*”, mà sự thực là chẳng có chiếc xe nào uống xăng vào được cả; và đó chỉ là dùng để gọi bảo với nhau theo *Thành Ngữ Thế Tục (Vohàrasammuti)* mà thôi.

40. Hỏi: *Cho dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:*

Aṭṭhavisati kàmesu Honti tevìsa rùpisu
Sattaraseva saññinaṃ Arùpe natthi kiñci pi

Đáp: Dịch nghĩa: Trong 11 Cõi Dục Giới thì cả 28 Sắc Pháp thường được khởi sinh. Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng) thì 23 Sắc Pháp (loại trừ Tỳ, Thiệt, Thân, 2 Sắc Bản Tính) thường được khởi sinh. Trong 1 Cõi Hữu Tình Vô Tướng thì 17 Sắc Pháp (loại trừ 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Thinh, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 2 Sắc Biểu Tri) thường được khởi sinh. Trong Cõi Vô Sắc Giới thì không có bất luận Sắc Pháp nào khởi sinh lên được cả.

41. Hỏi: Ngài nói rằng chỉ có 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh ở trong Phạm Thiên Sắc Giới, đó là: Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Vật Thập Pháp, Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp. Khi là như vậy thì ở trong cái đầu của vị Phạm Thiên Sắc Giới cũng chỉ có Nhân với Nhĩ mà thôi, và hoặc là không có Tỳ, Thiệt chẳng hạn như vậy. Và lại sự việc vị Phạm Thiên Sắc Giới chỉ có Nhân và Nhĩ khởi sinh lên được, là do bởi nguyên nhân nào? Cho lời giải thích.

Đáp: Trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng) là chỗ sinh trú của tất cả Chư Phạm Thiên, thì Tỳ, Thiệt, Thân và cả 2 Sắc Bản Tính thường không khởi sinh lên được; vì lẽ cả 5 Sắc Pháp này là các Sắc Pháp chỉ thuần nhất hỗ trợ ở trong Cảnh Dục Trần. Còn Chư Phạm Thiên ấy, là các bậc đã được thọ sinh từ ở nơi mãnh lực của Thiên Định Sắc Giới, và đã đoạn tiết mọi tham muốn Dục Trần; bởi do thế, cả 5 Sắc Pháp này mới không có được khởi sinh lên đối với nhóm Chư Phạm Thiên.

Đối với Nhân và Nhĩ có được khởi sinh lên với Chư Phạm Thiên, là cũng vì cả 2 Sắc Pháp này chẳng có bất luận điều chi tác hại cả, và lại thường có nhiều Ân Đức hữu ích nữa. Có nghĩa là Nhân thì có Ân Đức hữu ích ở trong sự việc sẽ được trông thấy đến các Bậc có Ân Đức Chí Thượng như là Bậc Chánh Đăng Giác, v.v. được gọi là **Ân Đức Kiến Thị Tối Thượng (Dassanànutтарыгуна)** – là được trông thấy sự việc vi diệu thù thắng), và Nhĩ thì có Ân Đức hữu ích ở trong sự việc sẽ được lắng nghe Giáo Pháp Thù Thắng, được gọi là **Ân Đức Thính Văn Tối Thượng (Savanànutтарыгуна)** – là được lắng nghe sự việc vi diệu thù thắng). Vì lý do này, cả 2 Sắc Pháp là Nhân và Nhĩ đây mới được khởi sinh lên đối với các Chư Phạm Thiên.

42. Hỏi: Sắc Pháp sinh trú ở trong Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng có được bao nhiêu thể loại, và Sắc Pháp sinh trú ở trong thân thể của Nhân Loại có bao nhiêu thể loại? Là những chi? Và Sắc Pháp sinh từ nơi Nghiệp Lực khi tính một cách tròn đủ thì có số lượng bao nhiêu, là những chi? Và cho trình bày một cách tròn đủ Sắc Pháp sinh trú ở trong Cõi Dục Giới.

Đáp: Sắc Pháp sinh trú ở trong Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng thì có 2 thể loại, là Sắc Nghiệp và Sắc Quý Tiết. Sắc Pháp sinh trú ở trong thân thể của

từng mỗi Nhân Loại thì có đủ cả 4 thể loại, là Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực.

Khi tính một cách tròn đủ thì Sắc Pháp sinh từ nơi Nghiệp Lực có số lượng 86, là: 18 Sắc Nghiệp thì có 17 Sắc Thành Sở Tác. Trong từng mỗi Sắc Pháp của 17 Sắc Thành Sở Tác đây có được phối hợp với 4 Sắc Thực Tướng. Bởi do thế, Sắc Thực Tướng mới có 68, và 68 Sắc Thực Tướng kết hợp với 18 Sắc Nghiệp mới làm thành Sắc Nghiệp tròn đủ là 86.

Sắc Pháp sinh trú một cách tròn đủ ở trong Cõi Dục Giới thì có số lượng 230, tức là 86 Sắc Nghiệp, 51 Sắc Tâm, 49 Sắc Quý Tiết và 44 Sắc Vật Thực.

43. Hỏi: Cho dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

*Saddo vikàro jaratà Maraṇaṇa copapattiyam
Na labbhanti pavatte tu Na kiñci pi na labbhati*

Đáp: Dịch nghĩa: Kết hợp cả 8 Sắc Pháp đây: 1 Sắc Thinh, 5 Sắc Biến Thể, 1 Sắc Lão Mai, và 1 Sắc Vô Thường, thì không có được khởi sinh ở trong Thời Tái Tục, tức là sát na Sinh của Tâm Tái Tục. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi Bình Nhật, thì bất luận là Sắc Pháp nào cho dù sẽ không có được khởi sinh, hoặc không có hiện hữu đi nữa, thì cũng thường được khởi sinh lên hết tất cả.

44. Hỏi: Sắc Pháp sinh trú ở trong sát na Tái Tục, gồm thể loại Sắc Pháp nào, có số lượng bao nhiêu, là những chi? Và cho phân tích Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh ở trong sát na Tái Tục của Thấp Sanh Sản Địa, Thai Sanh Sản Địa, và Hóa Sanh Sản Địa trong Cõi Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng)

Đáp: Sắc Pháp sinh trú ở trong sát na Tái Tục, tức là Sắc Nghiệp, có số lượng 18, đó là: 8 Sắc Bất Giản Biệt, 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Sắc Hạn Giới, tùy thuộc theo tình cảnh thích hợp của Sản Địa và Cõi Giới. Và có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp khởi sinh ở trong sát na Tái Tục của Thấp Sanh Sản Địa, đó là: 1/. Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, 4/. Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp, 5/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 6/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 7/. Tổng Hợp Vật Thập Pháp. Trong sát na Tái Tục của Thai Sanh Sản Địa thì có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp, đó là: 1/. Tổng Hợp Thân Thập Pháp, 2/. Tổng Hợp Tính Thập Pháp, 3/. Tổng Hợp Vật Thập Pháp.

45. Hỏi: Khiếm khuyết Tổng Hợp Sắc Nghiệp gồm có Người thuộc Thấp Sanh Sản Địa và Thai Sanh Sản Địa, có nghĩa là thể loại Tổng Hợp Sắc Nghiệp nào? Và cho trình bày thời gian mà Tổng Hợp Nhân, Nhĩ, Tỷ Thiệt, và Tổng Hợp Mạng Cứu Pháp khởi sinh đối với thân thể của Ngài.

Đáp: Khiếm khuyết Tổng Hợp Sắc Nghiệp đối với Người thuộc Thấp Sanh Sản Địa và Thai Sanh Sản Địa, đó chính là: Tổng Hợp Nhân Thập Pháp, Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp, Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp, và Tổng Hợp Tính Thập Pháp.

Trình bày về thời gian cả bốn Tổng Hợp Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt đây khởi sinh ở trong thân thể của Tôi (thuộc Thai Sanh) là ở trong tuần lễ thứ 11, tức là khoảng giữa 70 đến 77 ngày. Tuy nhiên việc khởi sinh của cả 4 Tổng Hợp này là bất hạn định, rằng Tổng Hợp nào sinh trước và Tổng Hợp nào sinh sau; vì lẽ Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết tuần tự của cả Cửu Tổng Hợp Sắc Nghiệp ấy, chẳng phải lập ý khái thuyết theo ***Phân Phát Sinh (Upapattikamanaya)***, là việc trình bày theo ***Phân Thuyết Giáo (Desanàkamanaya)*** tương tự với việc trình bày về Ngũ Uẩn và Tứ Đế (***Sacca***) như bộ ***Chú Giải Ngữ Tông (Kathàvatthu Atthakathà)*** đã có trình bày rằng: ***“Sesàni cattàri sattasattati rattimhi jàyanti”***- “4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp còn lại gồm Thân, Tính, Vật và Mạng Quyền thì thường khởi sinh ở trong thời 77 ngày, tức là 11 tuần lễ.”

Còn Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp thì khởi sinh ở trong tuần lễ đầu tiên sau khi Tâm Tái Tục trở đi, tức là ở trong khoảng thời gian 7 ngày.

46. Hỏi: Có được bao nhiêu nhóm Hữu Tình sinh khởi to lớn lên tức thì, là những chi? Và cho trình bày sự phát triển một cách tuần tự từ nơi thân thể của Ngài, tính kể từ sát na Tái Tục trở đi cho đến có được tròn đủ các bộ phận.

Đáp: Có được 24 nhóm Người chỉ thuộc duy nhất nhóm Hóa Sanh Sản Địa sinh khởi to lớn lên tức thì, đó là: 1 Hữu Tình Địa Ngục, 1 Ái Dục Thiêu Đốt Nga Quỷ, 1 Chư Thiên sinh trú ở trong Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương (loại trừ nhóm Địa Cư Thiên), 5 Chư Thiên sinh trú ở trong 5 Cõi Thiên Giới tầng bậc trên, và 16 Phạm Thiên Sắc Giới.

Trình tự quá trình hình thành thân thể của Tôi (nhóm Thai Sanh Hữu Tình) ở trong thai bào được chia ra làm 5 thời kỳ, còn được gọi là ***Thai Nội Ngũ Vị (năm thời kỳ ở trong thai bào)***, như sau:

1/. Trong tuần lễ đầu tiên của việc Tái Tục, thì ***Sắc Chúng Tử (Kalalarùpa)*** khởi sinh, đó là giọt nước trong suốt giống như nước dầu mè. (Còn gọi là ***Yết La Lam Vị, Táp Uế***, là thời kỳ tinh huyết của Cha Mẹ bắt đầu hòa hợp thành một.)

2/. Trong tuần lễ thứ hai, là kể sau khi ***Sắc Chúng Tử***, thì ***Sắc Phôi Điềm (Abbudarùpa)*** khởi sinh, và có trạng thái tương tự như tròng trứng đỏ, sắc tựa như nước rửa thịt. (Còn gọi là ***An Bộ Đàm Vị, Bào***, là thời kỳ tăng trưởng thành hình như cái nhọt phồng rộp.)

3/. Trong tuần lễ thứ ba, là kể sau khi ***Sắc Phôi Điềm***, thì ***Sắc Phôi Thai (Pesirùpa)*** khởi sinh, và có trạng thái như miếng thịt mềm nhão, có sắc màu đỏ. (Còn gọi là ***Bé Thi Vị, Huyết Nhục***, là thời kỳ dần dần thành máu thịt.)

4/. Trong tuần lễ thứ tư, là kể sau khi ***Sắc Phôi Thai***, thì ***Sắc Thai Khối (Ghanarùpa)*** khởi sinh, và có trạng thái thành một khối, có hình dáng giống quả

trứng gà. (Còn gọi là *Kiên Nam Vị*, *Nhục Đoàn*, là thời kỳ dần dần thành một khối thịt rắn chắc.)

5/. Trong tuần lễ thứ năm, là kể sau khi Sắc Thai Khôi thì nối tiếp theo đó, là *Ngũ Chi (Pañcasàkhà)* khởi sinh, tức là Sắc Pháp phát triển ra thành năm chi (*Tato param*) ở trong khoảng giữa tuần lễ thứ 12 cho đến tuần lễ thứ 42, và những thể loại tóc, lông, móng, v.v. cũng đã hiện bày. (Còn gọi là *Bát La Xa Khur Vị*, *Hình Vị Ngũ Chi*, là thời kỳ dần dần có đủ 6 Căn.)

47. Hỏi: Cho trình bày việc sinh khởi lần đầu tiên và lần cuối cùng của các Sắc Pháp như tiếp theo đây: Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực.

Đáp: Sắc Nghiệp khởi sinh lần đầu tiên kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Tục, và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi.

Sắc Tâm khởi sinh lần đầu tiên kể từ sát na Sinh của Tâm Hữu Phần thứ nhất, và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của Tâm Tử. Đối với Bạc Vô Sinh khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử trở đi.

Sắc Quý Tiết này khởi sinh liên tục cho đến ngay cả Hữu Tình ấy sẽ phải chết đi nữa, thì Sắc Quý Tiết ấy cũng vẫn còn được khởi sinh, và lại cho đến luôn cả Hữu Tình ấy trở thành một tử thi đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn tiếp tục khởi sinh. Tương tự như thế, cho dù tử thi ấy sẽ trở thành xương cốt, hoặc trở thành tro bụi, hoặc trở thành đất cát đi nữa, thì Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn sinh khởi như thường. Là vì Sắc Quý Tiết này có được sinh khởi xuyên suốt mãi cho đến trái đất bị hoại diệt, thì lúc bấy giờ mới hoàn toàn diệt.

Sắc Vật Thực khởi sinh kể từ Bồ Phàm lan tỏa thâm nhập khắp cả (trong tuần lễ thứ 2 - 3) và khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Diệt của Tâm Tử.

48. Hỏi: Cả 4 Sắc Pháp gồm có Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực sẽ sinh trú và sẽ diệt mất ở trong thân thể của Ngài vào thời gian nào? Cho trình bày theo riêng từng mỗi phần. Và tất cả các Ngài Chú Giải và Phụ Chú Giải đã nói rằng ở trong Cõi Nhân Loại khi thọ thực một lần thì được sinh tồn đến 7 ngày, và ở trong Cõi Thiên Giới khi thọ thực một lần thì được sinh tồn đến 1 hoặc 2 tháng; thế nhưng Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã có nói rằng có hạng Nhân Loại chẳng phải thọ thực chi mà cũng vẫn có thể được sinh tồn đến 7 hoặc 10 tháng! Vậy muốn biết được rằng hạng Nhân Loại nào chẳng nương nhờ vào cái chi mà vẫn được sinh tồn?

Đáp: Sắc Nghiệp diệt mất vào sát na Diệt của Tâm Tử. Sắc Tâm của hạng Phàm Phu hoặc 3 Bạc Thánh Hữu Học một khi đã mệnh chung thì Sắc Tâm chỉ sẽ tồn tại bằng với 16 cái Tâm rồi mới diệt mất. Sắc Quý Tiết thì sẽ diệt mất khi thể gian bị hoại diệt. Sắc Vật Thực một khi đã tử vong rồi thì vẫn còn tồn tại chỉ bằng

với 17 cái Tâm nhưng không tròn đủ, tức là chỉ bằng với 50 sát na Tiểu thì mới sẽ diệt mất.

Theo Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã có nói rằng có hạng Nhân Loại chẳng cần thọ dụng vật thực mà cũng vẫn được sinh tồn đến 7 hoặc 10 tháng, đó chính là thai nhi ở trong thai bào của người Mẹ do bởi nương vào vật thực của người Mẹ đã thọ thực vào.

49. Hỏi: Cho lời giải thích phần Pàli ở cả 2 điều như tiếp theo đây:

1. *Maranākāle pana cuticittopari sattarasama cittassa ÷hiti kàlaṃ upādāya kammajarūpaṇi na uppajjanti. Puretaraṃ uppānāni ca kammajarūpaṇi cuticittasamakālaṃ eva pavattitvā nirujjhanti.*

2. *Tato paraṃ cittajāhàrajarūpaṇ ca vocchijjhati.*

Đáp: Dịch nghĩa phần Pàli ở cả 2 điều thứ 1 và thứ 2:

1. Còn ngay lúc lâm chung, kể từ Tâm Tử tính đếm ngược trở lại sau đến sát na thứ mười bảy và tính vào thời trú vị của Tâm, thì các Sắc Pháp do Nghiệp mà khởi sinh đã không còn hiện khởi thêm nữa. Và Sắc Nghiệp khởi sinh vào sát na Trụ của cái Tâm thứ 17 đây, thường được tồn tại cho đến Tâm Tử rồi đồng cùng diệt với Tâm Tử ấy.

2. Nói tiếp theo sau từ nơi Sắc Nghiệp đã diệt mất, thì Sắc Tâm và Sắc Vật Thực cũng diệt mất.

Giải thích: + Trong phần Pàli điều thứ 1, kể từ *Maranākāle pana* v.v. cho đến *nirujjhanti* được giải thích rằng Sắc Nghiệp khi bắt đầu khởi sinh kể từ sát na Sinh của Tâm Tái Tục, rồi thì cũng sinh nối tiếp với nhau liên tục không gián đoạn trong từng mỗi sát na của Tâm suốt trọn thời gian Hữu Tình ấy vẫn đang còn có sinh mạng, và suốt cho đến Hữu Tình ấy tử vong. Và trong lúc cận tử lâm chung, thì Sắc Nghiệp khởi sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi, và rồi cũng không còn sinh nối tiếp nữa. Còn Sắc Nghiệp khởi sinh lần cuối cùng, khi tuổi thọ tương đương với 17 sát na tròn đủ của Tâm, thì cũng diệt mất; bởi do thế, Sắc Nghiệp đây mới đồng diệt với Tâm Tử.

Trong sự việc Sắc Nghiệp sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 đây, cũng vì lẽ thường nhiên của từng mỗi một Sắc Pháp thì có tuổi thọ bằng với 17 sát na Tâm rồi cũng diệt mất, và Tâm Tử với Sắc Nghiệp sẽ phải đồng cùng diệt với nhau, mới sẽ gọi là Hữu Tình ấy mệnh chung. Không có sự việc Tâm Tử khởi sinh rồi diệt trước Sắc Nghiệp được. Nếu Sắc Nghiệp vẫn chưa có diệt mất, thì Tâm Tử thường cũng không khởi sinh. Sự việc này hiện hành theo thực tính, và không có bất luận một sự vật nào chỉ huy cai quản cả. Với lý do này,

việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Nghiệp mới cần phải sinh vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 17 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

+ Trong phần Pàli điều thứ 2, chỗ nói rằng *Tato param* cho đến *vocchijjati* đây, được giải thích rằng ngoại trừ Tâm Tử của Bạc Vô Sinh, thì Tâm Tử của tất cả hạng Phạm Phu và các Bạc Hữu Học thường làm cho Sắc Tâm được khởi sinh; bởi do thế việc khởi sinh lần cuối cùng của Sắc Tâm mới khởi sinh vào sát na Sinh của Tâm Tử. Đối với Bạc Vô Sinh thì Sắc Tâm sinh lần cuối cùng vào sát na Sinh của cái Tâm thứ 2 tính đếm ngược trở lại sau kể từ Tâm Tử khởi đi. Điều này trình bày cho được thấy rằng cho dù Tâm Tử đã diệt đi rồi, tức là người ấy đã chết đi nữa, thế nhưng Sắc Tâm cũng vẫn còn tồn tại và tiếp nối thêm được một chút ít nữa; có nghĩa là đối với hạng Phạm Phu hoặc Bạc Hữu Học một khi đã mạng vong rồi, thì Sắc Tâm cũng vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 16 cái Tâm rồi mới diệt mất. Còn Bạc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn, thì Sắc Tâm vẫn còn được tồn tại tiếp nối thêm tương đương với 15 cái Tâm rồi mới diệt mất hẳn. **Rằng khi đã nói đến như vậy, chỉ là việc nói theo thực tính hiện hành của Lộ Trình Danh Pháp và Lộ Trình Sắc Pháp mà thôi. Còn nếu theo thành ngữ dân gian, thì sẽ nói được rằng khi đã chết đi rồi thì Sắc Tâm cũng đồng diệt với nhau. Tất cả sự việc này, là cũng bởi thời gian bằng với 15 cái hoặc 16 cái Tâm đây, thì cũng vẫn chưa bằng với 1/100 của một giây vậy.**

Đối với Sắc Vật Thực đã có được nói đến rằng “khởi sinh trong từng mỗi sát na của Tâm” đây; là khi đến sát na Diệt của Tâm Tử thì Sắc Vật Thực cũng vẫn còn được khởi sinh lần cuối cùng. Và khi Tâm Tử đã diệt đi rồi, lập ý đến người ấy đã tử vong thuộc về Người Dục Giới, thì Sắc Vật Thực khởi sinh lần cuối cùng, và vẫn còn được tồn tại tương đương với cái 17 Tâm nữa, tuy nhiên không được tròn đủ, tức là chỉ bằng với 50 sát na Tiểu mà thôi.

Còn tất cả Chư Phạm Thiên thì không có Sắc Vật Thực sinh trú, bởi do thế mới không cần phải đề cập đến.

50. Hỏi: Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây, và ở trong tất cả 31 Cõi Giới sẽ hiện hành theo kệ ngôn này có được hay không ? Cho lời giải thích.

*Icevaṃ matasattānaṃ
Paṭisandhimupādāya*

*Punadeva bhavantare
Tathà rūpaṃ pavattati*

Đáp: Dịch nghĩa: Trong đặc tính bản sinh của tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi ở trong thế gian này, thì cả Tứ Sắc Pháp lại thường khởi sinh tương tự cùng một phương cách ấy ở trong kiếp sống mới kể đó, và được bắt đầu kể từ Tâm Tái Tục. Như đã được giảng giải rồi vậy.

Và ở trong tất cả 31 Cõi Giới thì sẽ không có hiện hành theo kế ngôn này được, vì lẽ ở trong tất cả 31 Cõi Giới ấy có một vài Cõi Giới không có tròn đủ cả Tứ Sắc Pháp khởi sinh. Nếu Hữu Tình thọ sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới thì Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực thường được khởi sinh một cách tròn đủ. Nếu như thọ sinh ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Hữu Tình Vô Tướng) thì Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết thường được khởi sinh. Nếu như thọ sinh ở trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng thì Sắc Nghiệp và Sắc Quý Tiết thường được khởi sinh. Và cả Tứ Sắc Pháp ấy không có khởi sinh nếu như đã thọ sinh ở trong Tứ Cõi Vô Sắc Giới.

Vì thế, ở trong 31 Cõi Giới mới hiện hành thể theo kế ngôn này, là cũng tùy theo trường hợp tương ứng đối với Cõi Giới mà thôi.

Kết thúc phần Vấn - Đáp ở trong Sắc Pháp Siêu Lý

-----00000-----

NIBBÀNAPARAMATTHA - NÍP BÀN SIÊU LÝ

Nibbànaṃ pana lokuttarasāṅkhàtaṃ catumaggañāṇena sacchikātabbaṃ maggaphalaṇaṃ àlambanabhūtaṃ vanaṣāṅkātaṃ taṇhāya nikkhantattā nibbānanti pavuccati.

Tadetaṃ sabhāvato ekavidhampi saupādisesanibbānadhātu anipādisesa nibbānadhātu cāti duvidhaṃ hoti kàraṇapariyāyena. Tathà suññataṃ animittaṃ appaṇihitaṃ cāti tividhaṃ hoti àkàrabhedena.

Padamuccutamaccataṃ asaṅkhātamanuttaraṃ nibbānaṃ iti bhāsanti vānamuttā mahesayo. Iti cittaṃ cetasiṅkaṃ rūpaṃ nibbānaṃ iccapi paramatthaṃ pakāsentī catudhā va tathāgatā. Iti Abhidhammatthasaṅgahe rūpasāṅgahavibhāgo nāma Chaṭṭho Paricchedo.

Níp Bàn được gọi là Siêu Thế, và phải được chứng tri bằng với Trí Tuệ của Tứ Đạo; trở thành một đối tượng của Đạo và Quả, và lại đã được gọi là Níp Bàn vì đó là một sự giải thoát khỏi rình Ái Dục.

Níp Bàn theo tự tánh thì chỉ có một thể loại. Theo phương thức tự chứng tri thực tính khi còn sinh mạng và không còn sinh mạng, thì có được hai thể loại: Hữu Dư Y Níp Bàn Giới và Vô Dư Y Níp Bàn Giới. Theo hành tướng thì có được Không Hư, Vô Tướng, Vô Nguyên.

Với các bậc Đại Ấn Sĩ đã giải thoát khỏi Tham Ái, thì đã gọi Níp Bàn là Pháp Bất Tử, Vô Biên, Vô Vi, và Vô Thượng.

Như vậy, các Đức Như Lai đã nêu rõ Tứ Pháp Siêu Lý, đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn. Ở trong bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, đây là Chương thứ Sáu với tên gọi là Tổng Hợp Phân Tích Sắc Pháp Siêu Lý.

-----00000-----

PHẦN GIẢI THÍCH

Padamuccutamaccatam
Nibbànam iti bhàsanti

Asaṅkhàtamanuttaram
Vànamuttà mahesayo

Với các bậc Đại Ấn Sĩ đã giải thoát khỏi Tham Ái, thì đã gọi Níp Bàn là Pháp Bất Tử, Vô Biên, Vô Vi, và Vô Thượng.

Tất cả các Bậc Chánh Đăng Giác - các Ngài hằng luôn tâm cầu Ấn Đức thù thắng tối thượng là Giới Uẩn, Định Uẩn và Tuệ Uẩn. Các Ngài đã thoát khỏi Ái Dục - vật thúc phược, thường luôn đề cập đến một thể loại Pháp Thực Tính đã được chứng đạt đến, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi, có trạng thái bất tử, và vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, là Pháp tối thượng, đó là Níp Bàn (*Nibbàna*).

Giải thích ở trong kệ ngôn này nói rằng Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã miêu tả Ấn Đức của Níp Bàn, và đã trình bày cho được biết rằng Níp Bàn ấy là chi ?

Có 5 từ ngữ đã dùng để miêu tả Ấn Đức của Níp Bàn ở trong kệ ngôn này, đó là: *Padam*, *Accutam*, *Accantam*, *Asaṅkhatam*, và *Anuttaram*. Kết hợp những cả 5 từ ngữ này lại, là thực tính của Níp Bàn; bởi do đó, Pháp nào có 5 thể loại thực tính như đã vừa đề cập tại đây, và thể theo ngôn từ của các Bậc Chánh Đăng Giác, thì Pháp ấy đích thị được gọi tên là Níp Bàn.

+ Từ ngữ *Padam* dịch nghĩa là “*một phần*” có nghĩa là “*một thể loại Pháp Thực Tính đã chứng đạt được, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi*” tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ *Accutam* dịch nghĩa là “*Pháp Bất Tử*” có nghĩa là “*bất sinh, bất tử*” vì lẽ sự chết có được thì cũng cần phải có sự sinh; và một khi đã không có sự sinh rồi, thì sự chết cũng không có được; tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ *Accantam* dịch nghĩa là “*Pháp đã xâm phạm và làm mất đi Ngũ Uẩn về Quá Khứ và Vị Lai*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là Níp Bàn ấy xâm phạm Ngũ Uẩn đã diệt, tức là *Quá Khứ Uẩn (Pubbantakhandha)*, và xâm phạm Ngũ Uẩn sẽ sinh về sau, tức là *Vị Lai Uẩn (Aparantakhandha)*. Cho dù quả thật đã không có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở ngay thời Hiện Tại đi nữa, tuy nhiên một khi đã có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở thời Quá Khứ và luôn cả thời Vị Lai rồi, thì coi như việc trình bày xâm phạm Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại cũng đã được thành tựu. Vì lẽ nếu như Ngũ Uẩn đã không có sinh và cũng sẽ không có sinh nối tiếp về sau, thế thì cũng không có Ngũ Uẩn đang khởi sinh vậy. Cũng ví như có người nói rằng “*Tôi đã không từng trông thấy máu ở trong con cua, và tiếp nối về sau cũng sẽ không trông thấy y hết như nhau.*” Việc nói như vậy cũng có nghĩa là họ cũng không có được trông thấy ngay cả ở trong thời Hiện Tại.

Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại đây, đó chính là **Vị Lai Uẩn** của Ngũ Uẩn đã trải qua, và sẽ là **Quá Khứ Uẩn** của Ngũ Uẩn sẽ lại khởi sinh nối tiếp về sau; bởi do đó mới đặc biệt không thiết yếu phải trình bày việc xâm phạm *Hiện Tại Uẩn (Paccuppanakhandha)*. Và lại sự việc có được chứng tri Níp Bàn đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Thời, gọi là *Ngoại Thời (Kàlavimutta)*, và là Pháp đã vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, gọi là *Ngoại Uẩn (Khandhavimutta)*.

+ Từ ngữ *Asaṅkhatam* dịch nghĩa là “*Pháp chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là Níp Bàn đây, chẳng phải là Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp; vì lẽ thường nhiên thì những thể loại Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp đây, có được khởi sinh lên là cũng do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, hoặc 2 – 3 – 4 Tác Duyên làm thành người tạo tác sắp bày, được gọi là Pháp Hữu Vi. Và lại Níp Bàn là Pháp thuần nhất chẳng khởi sinh do bởi bất luận một Tác Duyên nào, vô vi, không có được cấu tạo, và không phải là Tác Nhân cũng không phải là Quả Báo.

Khi nói theo thực tính phổ thông, thì từ ngữ Pháp Vô Vi đó cũng vừa có luôn cả Chế Định tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với ở trong chỗ này, thì đặc biệt chỉ trình bày về *Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma)* là Pháp có chân thực nghĩa; chính vì thế, Pháp Vô Vi ở trong chỗ này mới lập ý chỉ lấy riêng biệt Níp Bàn mà thôi.

+ Từ ngữ *Anuttaram* dịch nghĩa là “*Pháp Tối Thượng*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là các Pháp khác sẽ không thể nào tối thượng hơn Níp Bàn ấy được.

Rằng khi nói theo phần kết hợp lại, thì Pháp Tối Thượng cũng chính là Tâm Siêu Thế và 36 Tâm Sở, và Níp Bàn. Tuy nhiên ở trong chỗ này thì lập ý chỉ lấy duy nhất mỗi một Níp Bàn, là cũng vì kệ ngôn đã có đề cập đề ở phía trên thì cũng chỉ trình bày duy nhất đến câu chuyện Níp Bàn.

Trình Bày Câu Chú Giải Và Lời Giải Thích Ở Trong Từ Ngữ Níp Bàn

Từ ngữ *Nibbàna* khi chiết tự ra thì có được 2 từ ngữ, là *Ni* + *Vàna*. *Ni* dịch là “*giải thoát, vượt thoát khỏi*”. *Vàna* dịch nghĩa là “*Pháp làm thành vật kết nối thúc phược*” lập ý đến Ái Dục (*Taṇhà*). Khi kết hợp 2 từ ngữ vào nhau thành *Nivàna*, dịch nghĩa là “*Pháp vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược*” lập ý đến giải thoát khỏi Ái Dục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng:

“*Vinati saṃsibbatīti = Vànam*” – “*Pháp chủng nào thường làm thành người kết nối thúc phược, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Vàna (sự ham muốn)*” tức là Ái Dục.

“*Vànato nikkhantanti = Nibbànam*”- “*Pháp chủng nào thường vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược giữa kiếp sống nhỏ và kiếp sống lớn một cách tiệt diệt, tức là Ái Dục, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Níp Bàn.*”

“*Nibbàyanti sabbe vatta dukkha santàpà etasminti = Nibbànam* (và) *Nibbàyanti ariyajànà etasminti = Nibbànam*”- “*Khổ Luân Hồi và tất cả mọi sự thống khổ khác thì thường không có ở trong Níp Bàn.*” (hoặc) “*Tất cả các bậc Thánh Nhân khi chứng đạt đến Pháp Uẩn Níp Bàn, là bất sinh bất tử; bởi do thế Pháp chủng hủy diệt sự Sinh Tử cho tột diệt, được gọi tên là Níp Bàn.*”

Lẽ thường, tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong thế gian này, thì sự Sinh và sự Tử ở trong từng mỗi con người đã trải qua quả là nhiều vô số lượng không thể nào tính đếm được rằng đã từng sinh và đã từng tử bao nhiêu lần rồi, và tiếp nối về sau thì sự Sinh và sự Tử cũng liên tục nối tiếp để sẽ còn đi mãi, bất hạn định được rằng sẽ chấm dứt vào lúc nào. Khi đã là như vậy cũng do bởi nương vào Ái Dục, là sự duyệt ý, sự ái luyến muội tâm ở trong các Cảnh; đã làm thành người thúc phược Hữu Tình để không cho vượt thoát khỏi sự Sinh và sự Tử được. Cũng giống như người thợ may đã lấy nhiều mảnh vải đem may cho dính vào với nhau như thế nào, thì Ái Dục cũng được sánh tựa như người thợ may, tức là thúc phược Hữu Tình ở trong kiếp sống cũ cho nối tiếp liên tục với kiếp sống mới; chính vì lý do này mà đích thị Ái Dục mới được gọi tên là *Vàna* (rừng rậm, sự ham muốn).

Còn đối với Níp Bàn là Pháp chủng vượt thoát khỏi Ái Dục, bởi do thế mới được gọi tên là *Ly Ái Dục (Nivàna)*. Từ ngữ *Vàna* là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi có thêm từ ngữ *Ni* phối hợp ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện. Tương tự với bậc có được danh xưng là *Bậc Lậu Tận (Khinàsa)*. Khi chiết tự từ ngữ *Khinàsa* thì có được 2 từ ngữ, là *Khina* + *Àsa*, *Khina* = chấm dứt, diệt tận; *Àsa* = Pháp Lậu Hoặc (thấm rỉ chảy ra) ở trong 31 Cõi Giới, tức là Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Tên gọi Lậu Hoặc là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi lấy từ ngữ *Khina* bổ túc ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện; rằng khi theo Người, đó chính là tất cả các Bậc Vô Sinh có bậc Chánh Đẳng Giác, v.v. như vậy.

Trình Bày Phân Loại Của Níp Bàn

Phân Loại Của Níp Bàn	{	Có 1: Trạng thái an tĩnh (Santilakkhaṇa)
		Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupàdisesanibbàna)
		Có 2 {
		Vô Dư Y Níp Bàn (Anupàdisesanibbàna)
		Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbàna)
Có 3 {		
Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbàna)		
Vô Nguyện Níp Bàn (Appaṇihitanibbàna)		

Níp Bàn Có 1

Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, đó là *Trạng Thái An Tĩnh (Santilakkhana)*, là lập ý đến tinh trạng tất cả các Phiền Não và Ngũ Uẩn. Chỗ nói rằng khi theo bản lai tự tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, chẳng giống như có cùng một thực thể vật chất nhưng lại có rất nhiều chủ nhân; bởi do thế sẽ không thể nào cùng sử dụng chung với nhau được, mà sẽ phải thay phiên nhau để từng mỗi người có được sử dụng. Còn Níp Bàn đây thì chẳng phải như vậy. Tất cả các Bạc Vô Sinh một khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, thì thường cùng nhau đều chứng đạt đến trạng thái an tĩnh hết cả thấy; trình bày cho thấy rằng Níp Bàn với thực tính *Tịnh Lạc (Santisukha)* quả là đếm không kể xiết, và tùy thuộc theo số lượng các Bạc Vô Sinh viên tịch Níp Bàn.

[*Chú thích:* Từ ngữ *Nirvāna (S)* hoặc *Nibbāna (P)* bao gồm *Ni + Vāna*, chuyển thành *Nibbāna*. Từ ngữ *Ni* hàm xúc ý “Không”, *Vāna* có nghĩa là “Dệt lưới” hoặc “Ái Dục”. Chính Ái Dục này tác hành như sợi dây thúc phược kết nối dính liền một loạt biết bao kiếp sống của một Hữu Tình ở trong vòng Luân Hồi Sinh Tử.

Ngày nào còn bị thúc phược ở trong mạng lưới Ái Dục hoặc luyến ái, thì Hữu Tình còn tích trữ Nghiệp Lực mới, và những năng lực này phải cụ thể hóa dưới một hình thức nào ở trong vòng quanh với biết bao kiếp Sinh Tử - Tử Sinh vô cùng tận. Một khi tất cả mọi hình thức Ái Dục đều đã bị tận diệt, thế là Nghiệp Lực chấm dứt, và nói theo ngôn ngữ chế định thông thường thì Hữu Tình ấy chứng ngộ Níp Bàn, và đã vượt thoát ra khỏi vòng quanh của bao kiếp Sinh và Tử. Theo quan niệm của Phật Giáo, Giải Thoát là vượt thoát ra khỏi vòng quanh Sinh và Tử mãi mãi trở đi trở lại, luân chuyển hồi quy, và chính đó không phải chỉ là việc thoát ra khỏi “Tội Khổ và Địa Ngục.”

Từ ngữ *Nibbāna* (Níp Bàn) xuất nguyên từ *Ni* (không) + ngữ căn *Vu* (dệt), có nghĩa là “Không có Ái Dục, hoặc không có luyến ái; hoặc tách rời, lià bỏ Ái Dục.” Một cách chính xác, Níp Bàn là Pháp đã được chứng ngộ do bởi tận diệt mọi hình thức Ái Dục.

Một trường hợp khác nữa, từ ngữ *Nibbāna* được xuất nguyên từ *Ni* (không) + ngữ căn *Va* (thối); ở trong trường hợp này, thì Níp Bàn có nghĩa là “thối tất, dập tất, hoặc tận diệt những ngọn lửa Tham, Sân, Si.” Nên hiểu được rằng Níp Bàn không phải chỉ suông là tận diệt Tham Dục (*Khayamattam eva na nibbānanti vattabham*). Tận diệt Tham Dục chỉ là phương tiện để chứng ngộ Níp Bàn, tự nó không phải là cứu cánh.

Níp Bàn là nguyên lý cùng tột (*Vatthudhamma – Tông Chỉ Pháp*) thuộc về Siêu Thế (*Lokuttara*) tức là vượt ra khỏi thế gian Danh Sắc hoặc Ngũ Uẩn. Níp Bàn được chứng ngộ nhờ vào trực giác (*Hiện Kiến – Paccakha*) hoặc Thông Đạt Trí (*Pativedhañāna*) và Tỷ Lượng (*Anumāna*) hoặc Tùy Giác Trí (*Anubodha ñāna*). Để diễn đạt cả hai ý niệm này, Níp Bàn được xem là cần phải chứng ngộ bằng với Trí Tuệ của Tứ Thánh Đạo và trở thành đối tượng của các tầng Đạo Quả.

Về tự tánh *Thực Tính (Sabhavato)*, Níp Bàn là *An Tịnh (Santi)*, và như vậy chỉ có duy nhất một (*Kevala*). Tùy theo sự chứng nghiệm - trước và sau khi viên tịch, thì Níp Bàn có hai thể loại. Trong chính văn Pàli có sử dụng từ ngữ *Phân Định Tác Nhân (Kàraṇapariyāyena)* được các bộ Chú Giải Pàli ở Đảo Quốc Tích Lan giải thích là nguyên nhân có được gọi như vậy vì có Hữu Dư Y và Vô Dư Y.]

Níp Bàn Có 2

Rằng khi *Phân Định Tác Nhân (Kàraṇapariyāyena)* thì Níp Bàn có được 2 thể loại, là:

1. *Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupàdisesanibbàna)*
2. *Vô Dư Y Níp Bàn (Anupàdisesanibbàna)*

1. Hữu Dư Y Níp Bàn có nghĩa là Níp Bàn hiện hành với Ngũ Uẩn, là tất cả Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp vẫn còn dư sót của Phiền Não; tức là Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng.

Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

(1) “*Kammakilesehi upàdiyātīti = Upàdi (và) Ārammaṇakaraṇavasena taṇhādīṭṭhīhi upàdiyātīti = Upàdi*”.

Những thể loại Nghiệp Lực và Phiền Não đây thường bám chặt lấy Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp rằng là của Ta; bởi do thế Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp đây, được gọi tên là *Upàdi (cung cấp cho sự sống)*.

Một trường hợp khác nữa, những thể loại Ái Dục và Tà Kiến đây thường bám chặt lấy Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp thể theo việc tạo tác cho làm thành Cảnh của Ta; bởi do thế Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp, được gọi tên là *Upàdi*.

(2) “*Sissati avasissatīti = Seso, Upàdi ca seso cāti = Upàdiseso*”.

Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp, gọi tên là *Sesa* vì lẽ vẫn đang còn dư sót của Phiền Não.

Ngũ Uẩn là những thể loại Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp đây, vừa gọi tên là *Upàdi* vừa gọi tên là *Sesa*; vì lẽ bị Nghiệp Lực và Phiền Não bám chặt lấy rằng là của Ta, hoặc bị Ái Dục và Tà Kiến bám chặt lấy thể theo việc tạo tác cho làm thành Cảnh, và là Pháp vẫn đang còn dư sót của Phiền Não; bởi do thế Ngũ Uẩn là những thể loại Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp đây, gọi tên là *Upàdisesa (Dư Y: còn dư sót chút ít sự cung cấp cho đời sống, còn phụ thuộc đến sự sống)*.

Có nghĩa là những thể loại Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp luân chuyển quanh quẩn ở trong vòng Luân Hồi thường sinh khởi hữu quan với Phiền Não, chỉ đến khi Đạo Vô Sinh thì mới đoạn tận hết tất cả Phiền Não chẳng còn dư sót; tuy nhiên Quả Dị Thục và Sắc Pháp đã là thành quả của những thể loại Phiền Não ấy cũng

vẫn đang còn dư sót; bởi do thể đích thị chính những Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp này mới được gọi tên là *Dur Y (Upàdisesa)*. Rằng khi tính theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên*, thì đó chính là thân thể của Bạc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng.

(3) “*Saha upàdisesena yà vattatiti = Saupàdisesa*”.

Níp Bàn nào thường câu sinh với Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp vẫn còn dư sót của tất cả các Phiền Nã, bởi do thể Níp Bàn ấy được gọi tên là *Hữu Dur Y (Saupàdisesa)* tức là Níp Bàn của tất cả các Bạc Vô Sinh đã được chứng tri đến.

Trong điều nói rằng “*Níp Bàn câu sinh với Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp*” ấy, thì chẳng giống với Tâm câu sinh với Tâm Sở; tức là lập ý lấy Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp vẫn còn dư sót ấy làm thành tác nhân cho được chứng tri đến Níp Bàn.

2. Vô Dur Y Níp Bàn có nghĩa là Níp Bàn không còn có dư sót Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp, tức là Níp Bàn của Bạc Vô Sinh đã viên tịch Níp Bàn rồi. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

“*Natthi upàdiseso yassati = Anupàdiseso*”.

Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp không còn có dư sót đối với Níp Bàn nào, bởi do thể Níp Bàn ấy được gọi tên là *Vô Dur Y (Anupàdisesa)*.

Trong sự việc nói rằng “*Rằng khi tính theo phân định từ nơi Tác Nhân thì Níp Bàn có được hai thể loại ấy*” có nghĩa là Quả Dị Thục với Sắc Nghiệp đang vẫn còn dư sót và không còn dư sót; cả hai thể loại này làm thành Tác Nhân cho được chứng tri thực tính của Níp Bàn. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết rằng Níp Bàn có hai là thể theo Tác Nhân như đã vừa đề cập; tuy nhiên cũng là việc trình bày theo phần gián tiếp thứ lớp (*Parinàyanaya*), chẳng phải theo phần thẳng thắn trực tiếp một lần một.

Lại nữa, Hữu Dur Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là *Kim Thế Níp Bàn (Ditthadhammanibbàna)* vì lẽ tất cả các Bạc Vô Sinh chứng tri được Níp Bàn khi vẫn đang còn sinh mạng, và vẫn chưa có viên tịch Níp Bàn.

Vô Dur Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là *Lai Sanh Níp Bàn (Samparàyika nibbàna)* vì lẽ tất cả các Bạc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, thì mới chứng tri được Níp Bàn.

Việc trình bày cả hai thể loại Níp Bàn một khi được gọi là Hữu Dur Y Níp Bàn và Vô Dur Y Níp Bàn đây, là việc trình bày theo Phần Tạng Vô Tỷ Pháp. Còn việc trình bày theo Phần Kinh Tạng thì đã có trình bày để ở trong phần Vấn Đáp thuộc Giáo Khoa Thư Lớp Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Saupàdisesa (Hữu Dur Y)*, bao gồm *Sa* “với”, *Upàdi* “Uẩn” (Danh và Sắc, Thân và Tâm). *Sesa* “còn dư sót lại”, *Upàdi: Upa + À + với ngữ căn Da* “lấy”, có nghĩa là “Ái Dục và Tà Kiến thúc phược lấy Ngũ Uẩn.” *Upàdi* cũng có nghĩa là *Tham Dục (Matta)* hoặc *Phiền Nã (Kilesa)*.

Theo Chánh Tạng Pàli và các bộ Chú Giải, thì Níp Bàn mà các Bạc Thất Lai, Nhất Lai và Bất Lai chứng tri thuộc thể loại Hữu Dur Y Níp Bàn, vì các Ngài

vẫn còn hữu sinh mạng và còn dư sót Phiền Não. Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh cũng vẫn là Hữu Dư Y Níp Bàn, vì các Ngài vẫn còn hiện hữu xác thân. Chỉ sau khi các Bậc Vô Sinh viên tịch thì mới được gọi là Vô Dư Y Níp Bàn, vì các Ngài đã diệt diệt Ngũ Uẩn và đã tận diệt mọi hình thức ô nhiễm Phiền Não.]

Níp Bàn Có 3

1. Không Hư Níp Bàn (**Suññatanibbàna**)
2. Vô Tướng Níp Bàn (**Animittanibbàna**)
3. Vô Nguyện Níp Bàn (**Appaṇihitanibbàna**)

1. Không Hư Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy diệt trừ không Phiền Não và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót, chính vì thế mới được gọi là Không Hư Níp Bàn.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Suññata* (*Không Hư*) được gọi như vậy “vì không còn Tham Ái, Sân Hận và Si Mê; hoặc không còn tất cả Pháp Tạo Thành, các sự vật được cấu tạo, hoặc các sự vật do Duyên Sinh; tức là Pháp Hữu Vi”. Từ ngữ *Suññata* (*Không Hư*) không có nghĩa rằng Níp Bàn là “Hư Vô” không có chi cả.]

2. Vô Tướng Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy không có bất luận thể loại điềm tướng trăm triệu, hình thù tướng trạng, sắc màu nào cả.

Lẽ thường Sắc Uẩn thì thường có Tổng Hợp Sắc Pháp đang cùng cấu sinh với nhau, và do đó hình thù tướng trạng, sắc màu da phủ sắc mới hiện khởi lên được. Còn Tứ Danh Uẩn thì cho dù quả thật không có hiện khởi hình thù tướng trạng, sắc màu da phủ sắc như là Sắc Uẩn đi nữa, tuy nhiên sự sinh khởi nối tiếp nhau của cả Tứ Danh Uẩn đây, thì tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác và *Bậc Thắng Tâm Thông Đạt Phúc Lộc Thắng Trí* (*Paracittavijānanaabhiññālabhipuggala*) thường được trông thấy với Trí Tuệ y như thể những Tứ Danh Uẩn ấy có hình thù tướng trạng vậy; và do đó mới có điềm tướng biểu tượng. Còn sự hiện hữu của Níp Bàn thì không là như vậy với bất luận mọi trường hợp nào, chính vì thế mới được gọi là Vô Tướng Níp Bàn.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Animitta* (*Vô Tướng*) có nghĩa “không còn các thực tính của Tham, Sân, Si, v.v. hoặc không còn các biểu tượng của tất cả các Pháp Tạo Thành, các sự vật được cấu tạo, hoặc các sự vật do Duyên Sinh; tức là Pháp Hữu Vi”.]

3. Vô Nguyện Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy không có Cảnh đáng sở cầu với Tham, và cũng chẳng có bản thân Ái Dục với lòng ham muốn ở bên trong Níp Bàn ấy. Giải thích rằng tất cả Chư Pháp Hữu Vi, cho dù là Sắc Pháp hoặc là Danh Pháp đi nữa, thì cũng cần phải có *Thực Tính Sở Nguyện*

(*Sabhāvapaṇihita*), tức là phải có Cảnh đáng mong mỏi sở cầu bất luận ở một trong hai thể loại, hoặc với Tham - hoặc có Ái Dục, hoặc có cả hai thể loại này. Cho dù ngay cả những Tâm Siêu Thế và Tâm Sở đây, quả thật sẽ không có Cảnh đáng sở cầu với mãnh lực Tham, và cũng chẳng có phối hợp với Ái Dục đi nữa; tuy nhiên cũng vẫn chưa thoát khỏi *Pháp Thành Sở Nguyên (Paṇihitadhamma)*, là vì vẫn còn phải sinh trú với Nhân Loại. Về phần Níp Bàn, thì chẳng có sinh trú ở trong nội phần Nhân Loại, và thuần nhất chỉ là Pháp ngoại phần, bởi do thế mới được gọi là Vô Nguyên Níp Bàn.

[*Chú thích:* Từ ngữ *Appaṇihita (Vô Nguyên)* có nghĩa là “*Không có sự khát khao ham muốn, tham vọng, v.v. hoặc do bởi không còn bám níu thúc phược vào những cảm thọ của Ái Dục.*”]

SỰ SỞ NGUYỆN NÍP BÀN ĐƯỢC SẮP THÀNH LY HỮU ÁI (*Vibhāvataṇhā*)

Người bất liễu tri ở trong thực tính về sự hiện hữu của Níp Bàn một cách vừa khéo, và một khi có được tư duy duyệt ý để nghĩ rằng Níp Bàn ấy chẳng bao giờ có sự khổ về Thân - khổ về Tâm ở bất luận một trường hợp nào, và hằng luôn thường lạc ngã tịnh, vì đã là Pháp giải thoát khỏi thế gian. Khi đã là như thế, thì khởi sinh sự mong cầu có được Níp Bàn, vì có sở cầu được sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm mà chẳng quan hệ chi với thế gian này, và lại cũng chẳng có sở cầu về sự sinh, sự già, sự bệnh và sự chết chi cả; thế nhưng thể loại tư duy ấy chẳng thấu đạt đến thực tính Bất Sinh của Níp Bàn là chi cả. (Lẽ thường tình sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm sẽ khởi sinh mà chẳng có quan hệ với việc Sinh của Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên ở trong thế gian ấy thì quả thật không có !)

Bởi do thế, sự sở nguyện Níp Bàn của hạng người này đã được sắp thành Ly Hữu Ái vậy.

Kết Thúc Phần Níp Bàn Siêu Lý

-----00000-----

VẤN VÀ ĐÁP VỀ NÍP BÀN SIÊU LÝ (TẬP IV - CHƯƠNG THỨ SÁU)

1. Hỏi: *Do bởi nguyên nhân nào Pháp chủng an tĩnh xa lìa Phiền Não và Ngũ Uẩn, được gọi tên là Níp Bàn ? Là thuộc nhóm Pháp nào ? Chứng đạt giác ngộ bằng với Trí Tuệ nào ? Làm thành Cảnh trực tiếp của nhóm Pháp nào ? Cho lời giải thích dẫn chứng nền tảng và phối hợp luôn cả lời dịch nghĩa.*

Đáp: Pháp chủng an tĩnh xa lìa Phiền Não và Ngũ Uẩn được gọi tên là Níp Bàn, vì lẽ đã vượt thoát khỏi Ái Dục; là Pháp Siêu Thế; chứng đạt giác ngộ chứng ngộ bằng với Trí Tuệ hiện hữu ở trong cả 4 Tâm Đạo; làm thành Cảnh trực tiếp của

8 Tâm Siêu Thế 36 Tâm Sở. Như Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày ở trong bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp nói rằng: “*Nibbànaṃ pana lokuttarasaṅkhātamaṃ catumaggañāṇena sacchikātabbaṃ maggaphalānaṃ àlambanabhūtaṃ vānasaṅkhātāya taṇhāya nikkhantattā nibbānanti pavuccati*” – “Níp Bàn được gọi là Siêu Thế, và phải được chứng tri bằng với Trí Tuệ của Tứ Đạo; trở thành một đối tượng của Đạo và Quả, và lại đã được gọi là Níp Bàn vì đó là một sự giải thoát khỏi rình Ái Dục.”

2. **Hỏi:** Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây, luôn cả với lời giải thích theo từng mỗi phần.

*Padamuccutamaccataṃ
Nibbānaṃ iti bhāsanti*

*Asaṅkhātamanuttaraṃ
Vānamuttā mahesayo*

Đáp: Với các bậc Đại Ấn Sĩ đã giải thoát khỏi Tham Ái, thì đã gọi Níp Bàn là Pháp Bất Tử, Vô Biên, Vô Vi, và Vô Thượng.

Tất cả các Bậc Chánh Đăng Giác - các Ngài hằng luôn tầm cầu Ấn Đức thù thắng tối thượng là Giới Uẩn, Định Uẩn và Tuệ Uẩn. Các Ngài đã thoát khỏi Ái Dục - vật thúc phược, thường luôn đề cập đến một thể loại Pháp Thực Tính đã được chứng đạt đến, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi, có trạng thái bất tử, và vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, là Pháp tối thượng, đó là Níp Bàn (*Nibbāna*).

Giải thích ở trong kệ ngôn này nói rằng Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã miêu tả Ấn Đức của Níp Bàn, và đã trình bày cho được biết rằng Níp Bàn ấy là chi ?

Có 5 từ ngữ đã dùng để miêu tả Ấn Đức của Níp Bàn ở trong kệ ngôn này, đó là: ***Padam***, ***Accutaṃ***, ***Accantaṃ***, ***Asaṅkhataṃ***, và ***Anuttaraṃ***. Kết hợp những cả 5 từ ngữ này lại, là thực tính của Níp Bàn; bởi do đó, Pháp nào có 5 thể loại thực tính như đã vừa đề cập tại đây, và thể theo ngôn từ của các Bậc Chánh Đăng Giác, thì Pháp ấy đích thị được gọi tên là Níp Bàn.

+ Từ ngữ ***Padam*** dịch nghĩa là “*một phần*” có nghĩa là “*một thể loại Pháp Thực Tính đã chứng đạt được, hiện hữu một cách đặc biệt, không có liên quan với Pháp Hữu Vi*” tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ ***Accutaṃ*** dịch nghĩa là “*Pháp Bất Tử*” có nghĩa là “*bất sinh, bất tử*” vì lẽ sự chết có được thì cũng cần phải có sự sinh; và một khi đã không có sự sinh rồi, thì sự chết cũng không có được; tức là Níp Bàn.

+ Từ ngữ ***Accantaṃ*** dịch nghĩa là “*Pháp đã xâm phạm và làm mất đi Ngũ Uẩn về Quá Khứ và Vị Lai*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là Níp Bàn ấy xâm phạm Ngũ Uẩn đã diệt, tức là *Quá Khứ Uẩn (Pubbantakhandha)*, và xâm phạm Ngũ Uẩn sẽ sinh về sau, tức là *Vị Lai Uẩn (Aparantakhandha)*. Cho dù quả thật đã

không có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở ngay thời Hiện Tại đi nữa, tuy nhiên một khi đã có trình bày việc xâm phạm Ngũ Uẩn ở thời Quá Khứ và luôn cả thời Vị Lai rồi, thì coi như việc trình bày xâm phạm Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại cũng đã được thành tựu. Vì lẽ nếu như Ngũ Uẩn đã không có sinh và cũng sẽ không có sinh nối tiếp về sau, thế thì cũng không có Ngũ Uẩn đang khởi sinh vậy. Cũng ví như có người nói rằng “*Tôi đã không từng trông thấy máu ở trong con cua, và tiếp nối về sau cũng sẽ không trông thấy y hết như nhau.*” Việc nói như vậy cũng có nghĩa là họ cũng không có được trông thấy ngay cả ở trong thời Hiện Tại.

Ngũ Uẩn ở thời Hiện Tại đây, đó chính là **Vị Lai Uẩn** của Ngũ Uẩn đã trải qua, và sẽ là **Quá Khứ Uẩn** của Ngũ Uẩn sẽ lại khởi sinh nối tiếp về sau; bởi do đó mới đặc biệt không thiết yếu phải trình bày việc xâm phạm *Hiện Tại Uẩn (Paccuppannakhandha)*. Và lại sự việc có được chứng tri Níp Bàn đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Thời, gọi là *Ngoại Thời (Kàlavimutta)*, và là Pháp đã vượt thoát khỏi Ngũ Uẩn, gọi là *Ngoại Uẩn (Khandhavimutta)*.

+ Từ ngữ *Asaṅkhatam* dịch nghĩa là “*Pháp chẳng có bị tạo tác do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là Níp Bàn đây, chẳng phải là Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp; vì lẽ thường nhiên thì những thể loại Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp đây, có được khởi sinh lên là cũng do bởi bất luận một trong 4 Tác Duyên, hoặc 2 – 3 – 4 Tác Duyên làm thành người tạo tác sắp bày, được gọi là Pháp Hữu Vi. Và lại Níp Bàn là Pháp thuần nhất chẳng khởi sinh do bởi bất luận một Tác Duyên nào, vô vi, không có được cấu tạo, và không phải là Tác Nhân cũng không phải là Quả Báo.

Khi nói theo thực tính phổ thông, thì từ ngữ Pháp Vô Vi đó cũng vừa có luôn cả Chế Định tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với ở trong chỗ này, thì đặc biệt chỉ trình bày về *Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma)* là Pháp có chân thực nghĩa; chính vì thế, Pháp Vô Vi ở trong chỗ này mới lập ý chỉ lấy riêng biệt Níp Bàn mà thôi.

+ Từ ngữ *Anuttaram* dịch nghĩa là “*Pháp Tối Thượng*” tức là Níp Bàn. Có nghĩa là các Pháp khác sẽ không thể nào tối thượng hơn Níp Bàn ấy được.

Rằng khi nói theo phần kết hợp lại, thì Pháp Tối Thượng cũng chính là Tâm Siêu Thế và 36 Tâm Sở, và Níp Bàn. Tuy nhiên ở trong chỗ này thì lập ý chỉ lấy duy nhất mỗi một Níp Bàn, là cũng vì kệ ngôn đã có đề cập ở phía trên thì cũng chỉ trình bày duy nhất đến câu chuyện Níp Bàn.

3. Hỏi: *Khi chiết tự từ ngữ Nibbàna thì có được bao nhiêu từ ngữ? Và cho trình bày ý nghĩa của từng mỗi từ ngữ ấy, và hãy dịch nghĩa câu Chú Giải như tiếp theo đây: “Vinati saṃsibbatiti = Vanaṃ; Vanaṭo nikkhantanti = Nibbanaṃ”*

Đáp: Từ ngữ *Nibbàna* khi chiết tự ra thì có được 2 từ ngữ, là *Ni* + *Vana*. *Ni* dịch là “*giải thoát, vượt thoát khỏi*”. *Vana* dịch nghĩa là “*Pháp làm thành vật kết nối thúc phược*” lập ý đến Ái Dục (*Taṇhà*). Khi kết hợp 2 từ ngữ vào nhau

thành *Nivàna*, dịch nghĩa là “*Pháp vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược*” lập ý đến giải thoát khỏi Ái Dục. Như có câu Chú Giải trình bày rằng:

“*Vinati saṃsibbatīti = Vānaṃ*” – “*Pháp chủng nào thường làm thành người kết nối thúc phược, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Vāna (sự ham muốn)*” tức là Ái Dục.

“*Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ*”- “*Pháp chủng nào thường vượt thoát khỏi vật kết nối thúc phược giữa kiếp sống nhỏ và kiếp sống lớn một cách tiệt diệt, tức là Ái Dục, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Níp Bàn.*”

4. Hỏi: *Do bởi nguyên nhân nào Ái Dục (Taṇhà) được gọi tên là Rừng Rậm (sự ham muốn) (Vāna) ? Và ở trong việc định đặt tên gọi Níp Bàn là rút đưa Ái Dục lên làm thành chủ vị trưởng trội, xem thấy bất khả thích với tên gọi của Pháp Chí Thiện, thế nhưng danh xưng Níp Bàn lại là tên gọi của Pháp Chí Thiện; thì muốn biết do bởi nguyên nhân nào mà có sự hiện hành như thế ấy ?*

Đáp: Ái Dục, là sự duyệt ý, sự ái luyến mọi tâm ở trong các Cảnh; đã làm thành người thúc phược Hữu Tình để không cho vượt thoát khỏi sự Sinh và sự Tử được. Cũng giống như người thợ may đã lấy nhiều mảnh vải đem may cho dính vào với nhau như thế nào, thì Ái Dục cũng được sánh tựa như người thợ may, tức là thúc phược Hữu Tình ở trong kiếp sống cũ cho nối tiếp liên tục với kiếp sống mới; chính vì lý do này mà đích thị Ái Dục mới được gọi tên là *Vāna* (*rừng rậm, sự ham muốn*).

Còn đối với Níp Bàn là Pháp chủng vượt thoát khỏi Ái Dục, bởi do thế mới được gọi tên là *Ly Ái Dục (Nivāna)*. Từ ngữ *Vāna* là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi có thêm từ ngữ *Ni* phối hợp ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện. Tương tự với bậc có được danh xưng là *Bạc Lộ Tận (Khināsava)*. Khi chiết tự từ ngữ *Khināsava* thì có được 2 từ ngữ, là *Khina* + *Àsava*, *Khina* = chắm dứt, diệt tận; *Àsava* = Pháp Lộ Hoặc (thấm rỉ chảy ra) ở trong 31 Cõi Giới, tức là Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Tên gọi Lộ Hoặc là tên gọi của Pháp Bất Thiện, tuy nhiên khi lấy từ ngữ *Khina* bỏ tức ở phía trước thì lại trở thành tên gọi của Pháp Chí Thiện; rằng khi theo Người, đó chính là tất cả các Bạc Vô Sinh có bậc Chánh Đẳng Giác, v.v. như vậy.

5. Hỏi: *Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa của từng trạng thái thực tính ấy với.*

Đáp: Rằng khi tính theo trạng thái thực tính thì Níp Bàn duy nhất chỉ có một thể loại, đó là *Trạng Thái An Tĩnh (Santilakkhaṇa)*, là lập ý đến tình trạng tất cả các Phiền Não và Ngũ Uẩn.

6. Hỏi: *Cho trình bày sự khác biệt giữa Hữu Dư Y Níp Bàn với Vô Dư Y Níp Bàn, và hãy phân tích cả hai thể loại này bởi theo Dĩ Nhân Bản Nguyên.*

Đáp: Hữu Dur Y Níp Bàn có nghĩa là Níp Bàn hiện hành với Ngũ Uẩn, là tất cả Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp vẫn còn dư sót của Phiền Não; rằng tính theo Người, tức là Níp Bàn của các Bậc Vô Sinh vẫn đang còn có sinh mạng.

Vô Dur Y Níp Bàn có nghĩa là Níp Bàn không còn có dư sót Ngũ Uẩn là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp; rằng tính theo Người, tức là Níp Bàn của Bậc Vô Sinh đã viên tịch Níp Bàn rồi.

7. Hỏi: Từ ngữ *Upàdi* có ở trong câu *Saupàdisesanibbàna* ấy, có được Chi Pháp là chi ? Sắp thành Uẩn thì có được bao nhiêu ?

Đáp: Từ ngữ *Upàdi* có ở trong câu *Saupàdisesanibbàna* ấy, thì có Chi Pháp tức là Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp; sắp thành Uẩn thì có được Ngũ Uẩn.

8. Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa ở trong cả hai Níp Bàn là Kim Thế Níp Bàn và Lai Sanh Níp Bàn.

Đáp: Hữu Dur Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là *Kim Thế Níp Bàn (Ditṭhadhammanibbàna)* vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh chứng tri được Níp Bàn khi vẫn đang còn sinh mạng, và vẫn chưa có viên tịch Níp Bàn.

Vô Dur Y Níp Bàn cũng sẽ còn được gọi là *Lai Sanh Níp Bàn (Samparàyika nibbàna)* vì lẽ tất cả các Bậc Vô Sinh khi đã viên tịch Níp Bàn rồi, thì mới chứng tri được Níp Bàn.

9. Hỏi: Rằng khi tính theo trạng thái hiện hữu của Níp Bàn thì có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày một cách tóm tắt ý nghĩa của Níp Bàn ấy.

Đáp: Rằng khi tính theo trạng thái hiện hữu của Níp Bàn thì có được ba thể loại, đó là:

1. Không Hư Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy tiết diệt trông không Phiền Não và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót, chính vì thế mới được gọi là Không Hư Níp Bàn.
2. Vô Tướng Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy không có bất luận thể loại điềm tướng trăm triệu, hình thù tướng trạng, sắc màu nào cả.
3. Vô Nguyện Níp Bàn có nghĩa là sự hiện hữu của Níp Bàn ấy không có Cảnh đáng sở cầu với Tham, và cũng chẳng có bản thân Ái Dục với lòng ham muốn ở bên trong Níp Bàn ấy.

10. Hỏi: Tất cả các bậc Hiền Trí nói rằng “Người vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh thì không đáng sở cầu Níp Bàn”. Một vài bậc Hiền Trí cũng có nói rằng “Người vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể của Ta và của tha nhân, thì cũng không đáng sở cầu Níp Bàn”. Và một vài bậc Hiền Trí cũng có nói rằng “Người có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc và Ý nghĩ suy,

thì cũng vẫn không đáng sở cầu Níp Bàn. Những lời nói này thì có nhân quả như thế nào? Cho lời giải thích ở cả ba lời nói này theo riêng từng mỗi phần.

Đáp: Sự việc tất cả các bậc Hiền Trí nói rằng “Người vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh thì không đáng sở cầu Níp Bàn”, là vì người ấy vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh, thì thường thể hiện là vẫn còn có Phiền Não, và vẫn còn mong cầu đến Ngũ Uẩn; thế nhưng thực tính của Níp Bàn ấy đã diệt diệt khỏi Phiền Não và Ngũ Uẩn không có chi còn dư sót cả, vì vậy mới gọi là **Không Hư Níp Bàn**. Với lý do này, người mà vẫn còn có sự duyệt ý ở trong việc thọ sinh thì mới không đáng sở cầu Níp Bàn.

Một vài bậc Hiền Trí nói rằng “Người vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể của Ta và của tha nhân, thì cũng không đáng sở cầu Níp Bàn”, vì lẽ thân thể hiện khởi cũng tức là Ngũ Uẩn hiện khởi làm thành điềm tướng biểu tượng, hình thù tướng trạng, sắc màu da phũ sắc; thế nhưng thực tính của Níp Bàn ấy không có bất luận một điềm tướng biểu tượng nào cả, vì vậy mới gọi là **Vô Tướng Níp Bàn**. Với lý do này, người mà vẫn chưa có nhàm chán ở trong thân thể của Ta và của tha nhân thì mới không đáng sở cầu Níp Bàn.

Còn một vài bậc Hiền Trí nói rằng “Người vẫn còn có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Ý nghĩ suy, thì cũng vẫn không đáng sở cầu Níp Bàn”, là vì Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Ý nghĩ suy là Pháp Hữu Vi. Lẽ thường thì tất cả Chư Pháp Hữu Vi, cho dù là Sắc Pháp hoặc Danh Pháp đi nữa, thì cũng cần phải có *Thực Tính Sở Nguyên (Sabhāvapaṇihita)*, tức là phải có Cảnh đáng mong mỏi sở cầu bất luận ở một trong hai thể loại, hoặc với Tham - hoặc có Ái Dục, hoặc có cả hai thể loại này; thế nhưng thực tính của Níp Bàn ấy không có Cảnh ở chỗ đáng sở nguyện với mãnh lực Tham và không có Ái Dục, vì vậy mới gọi là **Vô Nguyên Níp Bàn**. Với lý do này, người nào vẫn còn có sự duyệt ý như đã vừa đề cập đến, thì mới không đáng sở cầu Níp Bàn.

11. Hỏi: Lẽ thường Tâm Tâm Sở thì không có hình thù tướng trạng, sắc màu da phũ sắc tương tự với thân thể của Hữu Tình; như thế những thể loại Tâm Tâm Sở này sẽ gọi là Vô Tướng Níp Bàn có được hay không? Cho lời giải thích.

Đáp: Cho dù quả thật Tâm và Tâm Sở là Tứ Danh Uẩn sẽ không có hiện khởi thành hình thù tướng trạng, sắc màu da phũ sắc tương tự với Sắc Uẩn đi nữa; thế nhưng việc sinh liên tục nối tiếp với nhau của Tứ Danh Uẩn đây, thì tất cả các Bậc Chánh Đẳng Giác và *Bậc Thắng Tâm Thông Đạt Phúc Lộc Thắng Trí (Paracittavijānanaabhiññālabhīpuggala)* thường được trông thấy với Trí Tuệ y như thể những Tứ Danh Uẩn ấy có hình thù tướng trạng vậy; và do đó mới có điềm tướng biểu tượng. Còn sự hiện hữu của Níp Bàn thì không là như vậy với bất luận mọi trường hợp nào, chính vì thế mới không được gọi là **Vô Tướng Níp Bàn**.

12. Hỏi: Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp đây, là Pháp đã vượt thoát khỏi cả Tam Giới, chẳng phải là Cảnh của Ái Dục, bất phối hợp với Ái Dục, và lại bậc đã là chủ nhân của cái Tâm ấy cũng không có Phiền Nã, thế tại làm sao Tâm Quả Vô Sinh mới không được gọi là Vô Nguyện Níp Bàn ? Cho lời giải thích.

Đáp: Cho dù ngay cả Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp đây, quả thật sẽ không có Cảnh đáng sở cầu với mãnh lực Tham, và cũng chẳng có phối hợp với Ái Dục đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn chưa thoát khỏi *Pháp Thành Sở Nguyện (Paṇihitadhamma)*, là vì vẫn còn phải sinh trú với Nhân Loại. Còn Níp Bàn ấy, thì chẳng có sinh trú ở trong nội phần Nhân Loại, và thuần nhất chỉ là Pháp ngoại phần, bởi do thế sẽ không thể nào gọi Tâm Quả Vô Sinh và Tâm Sở phối hợp là Vô Nguyện Níp Bàn được.

13. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp ở trong các từ ngữ như tiếp theo đây: 1. *Suññata*, 2. *Nimitta*, 3. *Paṇihita*.

Đáp: Trình bày Chi Pháp của các từ ngữ sau đây:

1. *Suññata* Chi Pháp tức là Níp Bàn.
2. *Nimitta* Chi Pháp tức là Ngũ Uẩn.
3. *Paṇihita* Chi Pháp tức là Ngũ Uẩn.

14. Hỏi: Trong sát na đang Nhập Thiền Quả (*Phalasangama*) thì có được sự liễu tri y như thế là được thấy, được lắng nghe, được ngửi khí hơi, được biết mùi vị, được xúc chạm, được tư duy nghĩ ngợi hay không ? Cho lời giải thích theo sự hiểu biết của Ngài cho đúng theo nền tảng.

Đáp: Theo lẽ thường nhiên ở trong sát na đang Nhập Thiền Quả ấy, thì bất luận một cái Tâm Quả nào thường sinh khởi nối tiếp với nhau và Cảnh của những thể loại Tâm Quả ấy là Níp Bàn. Thực tính của Níp Bàn ấy; là **Không Hư** có nghĩa là diệt diệt khỏi Phiền Nã và Ngũ Uẩn; là **Vô Tướng** không có điềm tướng biểu tượng; và là **Vô Nguyện** không có Cảnh đáng sở nguyện với Tham và không có Ái Dục. Nói một cách cho dễ hiểu, tức là thực tính của Níp Bàn ấy không có chi cả, chỉ ngoài ra thực tính của sự diệt tất tất cả Ngũ Uẩn. Một khi đã là như vậy, thì ở trong sát na đang Nhập Thiền Quả thì sẽ không có sự liễu tri y như thế là được thấy, được lắng nghe, được ngửi khí hơi, được biết mùi vị, được xúc chạm, được tư duy nghĩ ngợi.

15. Hỏi: Sự sở nguyện Níp Bàn được sắp thành Ly Hữu Ái là thể loại nào ? Cho lời giải thích.

Đáp: Người bất liễu tri ở trong thực tính về sự hiện hữu của Níp Bàn một cách vừa khéo, và một khi có được tư duy duyệt ý để nghĩ rằng Níp Bàn ấy chẳng bao giờ có sự khổ về Thân - khổ về Tâm ở bất luận một trường hợp nào, và hằng luôn thường lạc ngã tịnh, vì đã là Pháp giải thoát khỏi thế gian. Khi đã là như thế,

thì khởi sinh sự mong cầu có được Níp Bàn, vì có sở cầu được sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm chẳng quan hệ chi với thế gian này, và lại cũng chẳng có sở cầu về sự sinh, sự già, sự bệnh và sự chết chi cả; thế nhưng thể loại tư duy ấy chẳng thấu đạt đến thực tính Bất Sinh của Níp Bàn là chi cả. (Lẽ thường tình sự an lạc về Thân - an lạc về Tâm sẽ khởi sinh mà chẳng có quan hệ với việc Sinh của Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên ở trong thế gian ấy thì quả thật không có !)

Bởi do thế, sự sở nguyện Níp Bàn của hạng người này đã được sắp thành Ly Hữu Ái vậy.

16. Hỏi: *Hãy trình bày theo tuần tự thực tính của 5 hoặc 6 Níp Bàn Siêu Lý.*

Đáp: Tuần tự trình bày về Thực Tính của 5 hoặc 6 Níp Bàn Siêu Lý:

Phân Loại Của Níp Bàn	Có 1	Trạng thái an tĩnh (Santilakkhaṇa)	
		Hữu Dur Y Níp Bàn (Saupàdisesanibbàna)	
	Có 2	{	Vô Dur Y Níp Bàn (Anupàdisesanibbàna)
			Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbàna)
			Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbàna)
Có 3	{	Vô Nguyên Níp Bàn (Appaṇihitanibbàna)	

Kết thúc phần Vấn Đáp ở trong Níp Bàn Siêu Lý

KẾT THÚC CHƯƠNG VI – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC SIÊU LÝ

-----00000-----

ĐẶC TÍNH CỦA BẬC HIỀN TRÍ (PAṆḌITA)

*Nayaṃ nayaṃ medhàvī adhuràyaṃ na yuñjati
Sunayo seyyaso hoti sammà vutto na kuppati
Vinayaṃ so pajàṇāti sàdhu tena samàgamoti*

Dịch nghĩa là:

1. Bậc Hiền Trí thường không hướng dẫn ở trong sự việc không đáng hướng dẫn.
2. Không phối hợp ở trong sự việc chẳng phải là bổn phận nhiệm vụ của mình.
3. Việc hướng dẫn ở trong Chánh Đạo là Thiện Sự của bậc Hiền Trí.
4. Bằng lời Thiện Ngôn, bậc Hiền Trí nói với tha nhân không sinh oán giận.
5. Bằng phương thức thiện xảo, bậc Hiền Trí tinh tường hướng dẫn đi ở trong Chánh Đạo.

Nói tóm lại, việc kết giao với các bậc Hiền Trí ấy mới quả là đạo lộ duy nhất tiến ích thanh lương. (Trích lược ở trong *Túc Sinh Truyện Hiền Trí Akitti (Akitti jataka)* thuộc Mười Ba Kệ Ngôn, điều kết tường # 40)

*“Sakka, Thiên Chủ ngự trên trần,
Ban tặng cho Ta một đặc ân:*

*Ước chẳng nghe, nhìn người độn trí,
Kẻ kia chẳng sống với Ta cùng !
Chẳng ham trò chuyện người vô trí,
Chẳng kết bạn cùng kẻ độn căn !*

Thiên Chủ **Sakka**: *“Kẻ ấy làm gì, Kassapa,
Cho Ngài, xin hãy nói ngay ra !
Tại sao bầu bạn người vô trí,
Ngài chẳng ưa, này, hãy bảo Ta”*

Bồ Tát **Akitti**: *“Hành động người ngu thật bạo tàn,
Buộc ràng gánh nặng chẳng ai mang,
Thực hành Ác Nghiệp: đích mong muốn,
Nổi giận khi nghe nói thật chân,
Nó chẳng biết gì là Chánh Hạnh,
Nên Ta không muốn kẻ ngu gần !”*

Thiên Chủ **Sakka**: *“Kassapa, khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn, giờ đây, điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.”*

Bồ Tát **Akitti**: *“Sakka, Thiên Chủ của quân sinh,
Ban tặng cho Ta một phước lành,
Ta ước nghe nhìn người có trí,
Ước mong vị ấy ở cùng mình,
Ta mong đàm luận cùng người Trí,
Được kết giao cùng bậc Trí Minh.”*

Thiên Chủ **Sakka**: *“Bậc trí làm gì, Kassapa,
Cho Ngài, xin hãy nói ngay ra,
Sao Ngài ao ước nơi Ngài ở,
Người trí cùng chung sống một nhà ?”*

Bồ Tát **Akitti**: *“Hành động tốt lành, bậc Trí Nhân,
Chẳng ràng buộc gánh khổ vào thân,
Chuyên tâm, bậc Trí làm ân phước,
Chẳng giận khi nghe nói thật chân.
Thông hiểu Chánh Hạnh, và do vậy,
Lành thay bậc Trí sống chung cùng.”*

-----00000-----

**TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỬ PHÁP
TẬP IV - CHƯƠNG THỨ VII**

SAMUCCAYASAṄGAHA – TỔNG HỢP TẬP YẾU

Dvāsattatividhā vuttā vatthudhammā salakkhaṇā. Tesam dāni yathāyogaṃ pavakkhāmi samuccayaṃ.

Akusalasaṅgaho, missakasaṅgaho, bodhipakkhiyasaṅgaho, sabbasaṅgaho cāti samuccayasaṅgaho catubbidho veditabbo.

Kathaṃ ?

Akusalasaṅgahe tava cattāro āsavā: kāmāsavo, bhavāsavo, diṭṭhāsavo, avijjāsavo.

Cattāro oghā: kāmogho, bhavogho, diṭṭhogho, avijjogho.

Cattāro yoga: kāmayogo, bhavoyogo, diṭṭhiyogo, avijjāyogo.

Cattāro ganthā: abhijjhā kàyagantho, vyāpādo kàyagantho, sīlabbataparāmāso kàyagantho, idaṃsaccabhīniveso kàyagantho.

Cattāro upādānā: kāmupādānaṃ, diṭṭhupādānaṃ, sīlabbatupādānaṃ, attavādupādānaṃ.

Cha nīvaraṇāni: kāmaccadanīvaraṇaṃ, vyāpādanīvaraṇaṃ, thīnamiddhanīvaraṇaṃ, uddhaccakukkuccanīvaraṇaṃ, vicīkicchānīvaraṇaṃ, avijjānīvaraṇaṃ.

Sattānusayā: kāmārāgānusayo, bhavarāgānusayo, paṭighānusayo, mānānusayo, diṭṭhānusayo, vicīkicchānusayo, avijjānusayo.

Dasa saṃyojanāni: kāmārāgasamyojanaṃ, rūparāgasamyojanaṃ, arūparāgasamyojanaṃ, paṭighasamyojanaṃ, mānasamyojanaṃ, diṭṭhisamyojanaṃ, sīlabbataparāmāsasamyojanaṃ, vicīkicchāsamyojanaṃ, uddhaccasamyojanaṃ, avijjāsamyojanaṃ, suttante.

Aparāni dasa saṃyojanāni: kāmārāgasamyojanaṃ, bhavarāgasamyojanaṃ, paṭighasamyojanaṃ, mānasamyojanaṃ, diṭṭhisamyojanaṃ, sīlabbataparāmāsasamyojanaṃ, vicīkicchāsamyojanaṃ, issāsamyojanaṃ, maccharīyasamyojanaṃ, avijjāsamyojanaṃ, abhidhamme.

Dasa kilesā: lobho, doso, moho, māno, diṭṭhi, vicīkicchā, thīnaṃ, uddhaccaṃ, ahrīkaṃ, anottappaṃ.

Āsavādisu panettha kāmabhavanāmena tabbatthukā taṇhā adhippetā. Sīlabbataparāmāso idaṃsaccabhīniveso attavādupādānaṃ ca tathā pavattaṃ diṭṭhigatameva pavuccati.

Āsavoghā ca yogā ca tayo ganthā ca vatthuto. Upādānā duve vuttā aṭṭha nīvaraṇā siyumaṃ.

Chalevànusayà honti nava saṃyojanà matà. Kilesà dasa vutto yaṃ navadhà pàpasāṅgaho.

Bảy mươi hai Pháp đã được trình bày với những bản tánh thực thể của chúng. Nay Tôi sẽ nói đến Tập Yếu tùy thuộc sự tương quan của các Pháp ấy. Tổng hợp Tập Yếu cần phải được hiểu là có bốn phân loại: Tổng Hợp Bất Thiện, Tổng Hợp Hôn Hợp, Tổng Hợp Đẳng Giác Phần (Bồ Đề Phần), Tổng Hợp Tận Thi. Như thế nào ?

Để khởi đầu, về Tổng Hợp Bất Thiện thì gồm có:

Tứ Lậu Hoặc: Dục Lậu Hoặc, Hữu Lậu Hoặc, Kiến Lậu Hoặc, và Vô Minh Lậu Hoặc.

Tứ Bộc Lưu: Dục Bộc Lưu, Hữu Bộc Lưu, Kiến Bộc Lưu, và Vô Minh Bộc Lưu.

Tứ Ách Phược: Dục Ách Phược, Hữu Ách Phược, Kiến Ách Phược, và Vô Minh Ách Phược.

Tứ Hệ Phược: Tham Thân Hệ Phược, Sân Thân Hệ Phược, Giới Cẩm Thủ Thân Hệ Phược, và Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược.

Tứ Chấp Thủ: Dục Chấp Thủ, Kiến Chấp Thủ, Giới Cẩm Thủ, và Ngã Luận Thủ.

Lục Triền Cái: Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái, Hôn Thùy Triền Cái, Trạo Hối Triền Cái, Hoài Nghi Triền Cái, và Vô Minh Triền Cái.

Thất Tùy Miên: Dục Ái Tùy Miên, Hữu Ái Tùy Miên, Khuể Phần Tùy Miên, Ngã Mạn Tùy Miên, Tà Kiến Tùy Miên, Hoài Nghi Tùy Miên, và Vô Minh Tùy Miên.

Theo Kinh Tạng thì có Thập **Kiết Sử** như sau: Dục Ái Kiết Sử, Sắc Ái Kiết Sử, Vô Sắc Ái Kiết Sử, Khuể Phần Kiết Sử, Ngã Mạn Kiết Sử, Tà Kiến Kiết Sử, Giới Cẩm Thủ Kiết Sử, Hoài Nghi Kiết Sử, Trạo Cử Kiết Cử, và Vô Minh Kiết Sử.

Theo Vô Tỷ Pháp Tạng thì có Thập **Kiết Sử** như sau: Dục Ái Kiết Sử, Hữu Ái Kiết Sử, Khuể Phần Kiết Sử, Ngã Mạn Kiết Sử, Tà Kiến Kiết Sử, Giới Cẩm Thủ Kiết Sử, Hoài Nghi Kiết Sử, Tật Đố Kiết Sử, Lận Sắc Kiết Sử, và Vô Minh Kiết Sử.

Thập Phiền Nã: Tham Ái, Sân Hận, Si Mê, Ngã Mạn, Tà Kiến, Hoài Nghi, Hôn Trâm, Trạo Cử, Vô Tàm, và Vô Quý.

Nơi đây, đối với các phân loại Ác Pháp như Lậu Hoặc, Hữu Ái, v.v. hàm xúc lòng Tham Ái y cứ ở trên các Pháp ấy. Cùng thế ấy, Giới Cẩm Thủ, Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược, và Ngã Luận Thủ đã hàm ý liên hệ với Tà Kiến.

Theo căn bản, thì chỉ có Tam Lậu Hoặc, Tam Bộc Lưu, Tam Ách Phược, và Tam Hệ Phược. Chấp Thủ chỉ có hai, và Triền Cái thì có tám. Tùy Miên thì có sáu, và phải được hiểu Kiết Sử chỉ có chín. Phiền Nã có mười. Như vậy, Tổng Hợp các Ác Pháp có được chín phân loại.

-----00000-----

PHẦN LIÊN KẾT VÀ THỆ NGUYỆN

*Dvāsattatīdha vuttā Vatthudhammā salakkhaṇā
Tesaṃ dāni yathāyogaṃ Pavakkhāmi samuccayaṃ*

Pháp Thực Tính là bảy mươi hai Pháp bản tánh thực thể mà Bản Đạo đã trình bày, bây giờ sẽ trình bày Tổng Hợp Tập Yếu, tức là Tổng Hợp tập hợp tất cả 72 Pháp Thực Tính ấy thể theo sự tương quan của chúng.

LỜI GIẢI THÍCH

Từ ngữ *Pháp Thực Tính (Vatthudhamma – Tông Chỉ Pháp)* có nghĩa là Bản Thể Pháp có đặc tính Chi Pháp Siêu Lý, và khả năng hiện bày đặc biệt chỉ đối với Trí Tuệ; chính vì thế tất cả các thực thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng mà nếu tính theo trạng thái của bản thể thực tính thì thường có được 72 Pháp, như sẽ đề cập đến là :

1. *Tất cả các Tâm*, tính là 1, vì một khi tính theo trạng thái thực tính thì thường chỉ có duy nhất một trạng thái là “*có sự hiểu biết Cảnh*”, và được gọi là “*Ārammaṇavijānanalakkhaṇā*”; với lý do này, tất cả các Tâm mới chỉ tính là 1.
2. *Tâm Sở* một khi tính đầy đủ chi tiết thì có được 3,426 cái, tuy nhiên nếu tính theo trạng thái thực tính của từng mỗi cái Tâm Sở thì chỉ có 52 cái.
3. Trong số lượng *tất cả các Sắc Pháp* một khi đặc biệt chỉ tính lấy riêng phần Sắc Thành Sở Tác, thì Sắc Thành Sở Tác đây có được nhiều phân loại với nhau, tức là có Sắc Nghiệp Thành Sở Tác, hoặc Sắc Tâm Thành Sở Tác, hoặc Sắc Quý Tiết Thành Sở Tác, hoặc Sắc Vật Thực Thành Sở Tác; tuy nhiên một khi tính theo trạng thái thực tính thì chỉ có 18 Sắc Pháp, bởi do thế mới chỉ tính lấy 18 Sắc Thành Sở Tác.
4. *Níp Bàn* tính là 1.

Còn 10 Sắc Phi Thành Sở Tác thì không có bản tánh thực thể riêng biệt, chỉ là việc hạn định giữa các Tổng Hợp Sắc Pháp với nhau, và chính là biểu hiện đặc tính của Sắc Thành Sở Tác; bởi do thế đặc biệt mới không tính lấy cả 10 Sắc Phi Thành Sở Tác này để cho vào trong Pháp Thực Tính được, và do vậy Pháp Thực Tính mới chỉ có 72 Pháp mà thôi.

[*Chú thích: Pháp Hữu Vật (Vatthudhamma – Bản Tính Thực Thể Pháp, Tông Chỉ Pháp)* với bốn thực tại cùng tột, hoặc Chân Đế, đề cập ở trong cả sáu Chương trước, và đã được phân loại ra thành 72 Pháp Hữu Vật, 72 Thực Tính Pháp, tức là hiện tượng tồn tại với những bản chất thuần nhiên cố hữu dính liền. (1 + 52 + 18 + 1 = 72)

- **Tính là 1:** Tất cả 89 thể loại Tâm được tính là 1, vì tất cả đều có chung một thực tính là “hay biết”.
- **Tính là 52:** Tất cả các Tâm Sở được thăm sát riêng biệt, vì từng mỗi Tâm Sở có những thực tính riêng biệt.
- **Tính là 18:** Tất cả các Sắc Thành Sở Tác được thăm sát riêng biệt, vì có những thực tính riêng biệt.
- **Tính là 1:** Níp Bàn được tính là 1, vì Níp Bàn có tĩn trạng thực tính.

Tất cả 72 Pháp này, đều là những thực thể chủ quan và khách quan, và đã được trình bày ở trong những sáu Chương trước. Trong Chương thứ 7 này thì trình bày cả Tứ Pháp Siêu Lý được kết tập chung vào nhau.]

Lại nữa, việc trình bày phân loại đầy đủ chi tiết của cả 72 Pháp Thực Tính ấy, thì Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã có trình bày theo riêng từng mỗi phần rồi, và được tính kể từ Chương thứ 1 v.v. cho đến Chương thứ 6; bởi do thế ở trong Chương thứ 7 này, Ngài sẽ trình bày việc tập hợp lại hết tất cả Tứ Pháp Siêu Lý gồm có các Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn, để sẽ sắp vào chung một nhóm với nhau làm thành một phần Tập Yếu nữa, và được gọi tên là *Tổng Hợp Tập Yếu (Samuccayasāṅgha)*.

Từ ngữ *Samuccaya* khi chiết tự thì có được như vậy: “*Sam* + *Uccaya* = *Samuccaya*”. *Sam* dịch nghĩa là “*Vào với nhau*” hoặc “*Pháp có Thực Tính được vào với nhau*”. *Uccaya* dịch nghĩa là “*kết tập, tập hợp*”.

Khi kết hợp cả 2 từ ngữ này vào với nhau thì dịch nghĩa là “*Việc kết tập vào với nhau*” hoặc “*Việc tập hợp Pháp có Thực Tính được vào với nhau*”, chẳng hạn như trình bày Pháp gọi tên là *Lậu Hoặc (Āsava)* thành một nhóm v.v. cho đến Pháp được gọi là *Đế (Sacca)* thành một nhóm cuối cùng.

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Saha ucciyante etthāti = Samuccayo (và) Sampiṇḍetvā ucciyante etenāti = Samuccayo*”- “*Chương có tên gọi là Tập Yếu, vì là Chương sẽ trình bày tập hợp tất cả Tứ Pháp Siêu Lý vào chung với nhau*” (hoặc) *Chương có tên gọi là Tập Yếu vì làm thành nguyên nhân cho việc trình bày tập hợp Pháp Siêu Lý được vào chung với nhau, cho ở chung mỗi nhóm với nhau.*”

Trong Chương thứ 7 này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* trình bày việc tập hợp các Pháp Thực Tính được vào chung với nhau thành từng mỗi nhóm mà được gọi là *Chương Tổng Hợp Tập Yếu*, thì có được 4 bọn nhóm, đó là:

1. ***Tổng Hợp Bất Thiện (Akusalasāṅgha)*:** Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất với các Pháp ở phía bên Bất Thiện.
2. ***Tổng Hợp Hỗn Hợp (Missakasāṅgha)*:** Việc trình bày liệt kê thành một nhóm với cả ba thể loại Pháp trộn lẫn vào nhau là: Thiện, Bất Thiện và Vô Ký.

3. **Tổng Hợp Đẳng Giác Phần (Bodhipakkhiyasaṅgaha):** Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất với các Pháp ở phía bên Tuệ Đạo.
4. **Tổng Hợp Tận Thị (Sabbasaṅgaha):** Việc trình bày liệt kê tất cả Pháp Thực Tính với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn làm thành một nhóm vào chung với nhau.

-----00000-----

Tiếp theo đây sẽ trình bày Tổng Hợp Tập Yếu với cả 4 nhóm theo tuần tự như sau:

TÔNG HỢP BÁT THIỆN (AKUSALASAṄGAHA)

Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất
với các Pháp ở phía bên Bát Thiện

Trong Tổng Hợp Bát Thiện đây, hiện hữu với cả 9 nhóm Pháp, đó là: 1/. *Lậu Hoặc (Àsava)*, 2/. *Bộc Lưu (Ogha)*, 3/. *Ách Phục (Yoga)*, 4/. *Hệ Phục (Gantha)*, 5/. *Chấp Thủ (Upàdàna)*, 6/. *Triền Cái (Nivarana)*, 7/. *Tùy Miên (Anusaya)*, 8/. *Kiết Sử (Samyojana)*, 9/. *Phiền Não (Kilesa)*.

1. LẬU HOẶC (ÀSAVA)

Có Tứ Lậu Hoặc, đó là:

1. **Dục Lậu Hoặc (Kàmàsava):** Pháp chủng làm thành Pháp tiết lậu ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.
2. **Hữu Lậu Hoặc (Bhavàsava):** Pháp chủng làm thành Pháp tiết lậu ở trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiên Sắc Giới, Thiên Vô Sắc Giới. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
3. **Kiến Lậu Hoặc (Ditṭhàsava):** Pháp chủng làm thành Pháp tiết lậu ở trong sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
4. **Vô Minh Lậu Hoặc (Avijjàsava):** Pháp chủng làm thành Pháp tiết lậu ở trong sự si mê lầm lạc. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.

2. BỘC LƯU (OGHA)

Có Tứ Bộc Lưu, đó là:

1. **Dục Bộc Lưu (Kàmogha):** Pháp chủng làm thành Pháp tạo tác cho Hữu Tình đắm chìm ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.

2. *Hữu Bộc Lưu (Bhavogha)*: Pháp chủng làm thành Pháp tạo tác cho Hữu Tình đắm chìm ở trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiên Sắc Giới, Thiên Vô Sắc Giới. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
3. *Kiến Bộc Lưu (Ditthogha)*: Pháp chủng làm thành Pháp tạo tác cho Hữu Tình đắm chìm ở trong sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
4. *Vô Minh Bộc Lưu (Avijjogha)*: Pháp chủng làm thành Pháp tạo tác cho Hữu Tình đắm chìm ở trong sự si mê lầm lạc. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.

3. ÁCH PHƯỚC (YOGA)

Có Tứ Ách Phước, đó là:

1. *Dục Ách Phước (Kāmayoga)*: Pháp chủng làm thành Pháp trói buộc Hữu Tình cho dính chặt ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.
2. *Hữu Ách Phước (Bhavayoga)*: Pháp chủng làm thành Pháp trói buộc Hữu Tình cho dính chặt ở trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiên Sắc Giới, Thiên Vô Sắc Giới. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
3. *Kiến Ách Phước (Ditthiyoga)*: Pháp chủng làm thành Pháp trói buộc Hữu Tình cho dính chặt ở trong sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
4. *Vô Minh Ách Phước (Avijjāyoga)*: Pháp chủng làm thành Pháp trói buộc Hữu Tình cho dính chặt ở trong sự si mê lầm lạc. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.

4. HỆ PHƯỚC (GANTHA)

Có Tứ Hệ Phước, đó là:

1. *Tham Thân Hệ Phước (Abhijjhakāyagantha)*: Pháp chủng hữu quan với Danh Thân – Sắc Thân bởi theo trạng thái thắt chặt ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.
2. *Sân Thân Hệ Phước (Byāpādakāyagantha)*: Pháp chủng hữu quan với Danh Thân – Sắc Thân bởi theo trạng thái oan trái oán hận. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Sân ở trong 2 Tâm căn Sân*.
3. *Giới Cấm Thủ Thân Hệ Phước (Sīlabbataparāmāsakāyagantha)*: Pháp chủng hữu quan với Danh Thân – Sắc Thân bởi theo trạng thái chấp thủ ở

trong việc thực hành sai trật. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.

4. **Thủ Thực Chấp Thân Hệ Phục (*Idamsaccabhinivesakàyantha*):** Pháp chủng hữu quan với Danh Thân – Sắc Thân bởi theo trạng thái bám chặt lấy ở trong ngã kiến chấp cho là đúng thật, và tri kiến của người là sai trật. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.

5. CHẤP THỦ (UPÀDÀNA)

Có Tứ Chấp Thủ, đó là:

1. **Dục Chấp Thủ (*Kàmupàdàna*):** Pháp chủng làm thành Pháp bám chặt lấy ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.
2. **Kiến Chấp Thủ (*Diṭṭhupàdàna*):** Pháp chủng làm thành Pháp bám chặt lấy ở trong sự thấy sai chấp lầm, ngoài ra phần Giới Cấm Thủ và Ngã Luận Thủ. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
3. **Giới Cấm Thủ (*Silabbatupàdàna*):** Pháp chủng làm thành Pháp bám chặt lấy ở trong việc thực hành sai trật. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
4. **Ngã Luận Thủ (*Attavàdupàdàna*):** Pháp chủng làm thành Pháp bám chặt lấy ở trong Danh Sắc, Ngũ Uẩn cho rằng là Ta của Ta. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.

6. TRIỀN CÁI (NĪVARAṆA)

Có Lục Triền Cái, đó là:

1. **Tham Dục Triền Cái (*Kàmacchandanivaraṇa*):** Pháp chủng làm thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự duyệt ý ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.
2. **Sân Độc Triền Cái (*Byàpàdanivarāṇa*):** Pháp chủng làm thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự oan trái oán hận. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Sân ở trong 2 Tâm căn Sân*.
3. **Hôn Thùy Triền Cái (*Thīnamiddhanivaraṇa*):** Pháp chủng làm thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự co rút lui sụt với Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hôn Trầm và Thụy Miên ở trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn*.
4. **Trạo Hối Triền Cái (*Uddhaccakukkucanivarāṇa*):** Pháp chủng làm thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự buông lung nhiễu cập tâm tính. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trạo Cử ở trong 12 Tâm Bất Thiện và Tâm Sở Hối Hận ở trong 2 Tâm căn Sân*.

5. *Hoài Nghi Triền Cái (Vicikicchànivarāṇa)*: Pháp chủng làm thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự thắc mắc nghi lự ở trong sự việc khả tín. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hoài Nghi ở trong 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi*.
6. *Vô Minh Triền Cái (Avijjànivarāṇa)*: Pháp chủng làm thành Pháp che án chắn ngang, cản trở Thiện Sự, là sự si mê lầm lạc do bởi bất liễu tri Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.

7. TÙY MIÊN (ANUSAYA)

Có Thất Tùy Miên, đó là:

1. *Dục Ái Tùy Miên (Kāmarāgānusaya)*: Pháp chủng ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính, là sự ưa thích mê say ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.
2. *Hữu Ái Tùy Miên (Bhavarāgānusaya)*: Pháp chủng ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính, là sự ưa thích mê say ở trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiên Sắc Giới, Thiên Vô Sắc Giới. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
3. *Khuê Phẫn Tùy Miên (Paṭighānusaya)*: Pháp chủng ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính, là sự oan trái oán hận. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Sân ở trong 2 Tâm căn Sân*.
4. *Ngã Mạn Tùy Miên (Mānānusaya)*: Pháp chủng ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính, là sự kiêu mạn chấp Ta. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Ngã Mạn ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
5. *Tà Kiến Tùy Miên (Diṭṭhānusaya)*: Pháp chủng ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính, là sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
6. *Hoài Nghi Tùy Miên (Vicikicchānusaya)*: Pháp chủng ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính, là sự thắc mắc nghi lự ở trong sự việc khả tín. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hoài Nghi ở trong 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi*.
7. *Vô Minh Tùy Miên (Avijjānusaya)*: Pháp chủng ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính, là sự si mê lầm lạc do bởi bất liễu tri Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si*.

8. KIẾT SỬ (SAMYOJANA)

+ Có Thập Kiết Sử (thê theo Kinh Tạng), đó là:

1. *Dục Ái Kiết Sử (Kāmarāgasamyojana)*: Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái dính khất ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.

2. **Sắc Ái Kiết Sử (Rùparàgasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái dính khắt ở trong Cõi Sắc Giới, hoặc Thiên Sắc Giới. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
3. **Vô Sắc Ái Kiết Sử (Arùparàgasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái dính khắt ở trong Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiên Vô Sắc Giới. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
4. **Khuể Phần Kiết Sử (Paṭighasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái oan trái oán hận. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Sân ở trong 2 Tâm căn Sân*.
5. **Ngã Mạn Kiết Sử (Mànasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái kiêu mạn chấp Ta. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Ngã Mạn ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
6. **Tà Kiến Kiết Sử (Ditṭhisamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái có sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
7. **Giới Cấm Thủ Kiết Sử (Silabbataparàmàsasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái thực hành sai trật. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
8. **Hoài Nghi Kiết Sử (Vicikicchàsamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái thắc mắc nghi lự. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hoài Nghi ở trong 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi*.
9. **Trạo Cử Kiết Sử (Uddhaccasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái buông lung nhiều cấp tâm tính. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trạo Cử ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.
10. **Vô Minh Kiết Sử (Avijjàsamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái si mê lầm lạc, bất liễu tri Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.

+ Có Thập Kiết Sử (thể theo Tạng Vô Tỷ Pháp), đó là:

1. **Dục Ái Kiết Sử (Kàmaràgasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái dính khắt ở trong Cảnh Dục Trần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.
2. **Hữu Ái Kiết Sử (Bhavaràgasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái dính khắt ở trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, hoặc Thiên Sắc Giới, Thiên Vô Sắc Giới. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
3. **Khuể Phần Kiết Sử (Paṭighasamyojana):** Pháp chủng trói buộc chặt Hữu Tình bởi theo trạng thái oan trái oán hận. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Sân ở trong 2 Tâm căn Sân*.

4. *Ngã Mạn Kiết Sử (Mànasamyojana)*: Pháp chủng trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái kiêu mạn chấp Ta. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Ngã Mạn ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
5. *Tà Kiến Kiết Sử (Ditthiasamyojana)*: Pháp chủng trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái có sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
6. *Giới Cấm Thủ Kiết Sử (Silabbataparàmàsasamyojana)*: Pháp chủng trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái thực hành sai trật. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.
7. *Hoài Nghi Kiết Sử (Vicikicchàsamyojana)*: Pháp chủng trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái thắc mắc nghi lự. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hoài Nghi ở trong 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi*.
8. *Tật Đố Kiết Sử (Issàsamyojana)*: Pháp chủng trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái đố kỵ ganh tỵ Thiện công đức của tha nhân. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tật Đố ở trong 2 Tâm căn Sân*.
9. *Lận Sắc Kiết Sử (Macchariyasamyojana)*: Pháp chủng trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái bòn sẻn keo kiệt ở trong tài sản hoặc Thiện công đức của mình. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Lận Sắc ở trong 2 Tâm căn Sân*.
10. *Vô Minh Kiết Sử (Avijjàsamyojana)*: Pháp chủng trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái si mê lầm lạc, bất liễu tri Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.

9. PHIỀN NÃO (KILESA)

Có Thập Phiền Não, đó là:

1. *Tham Ái (Lobha)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự hoan hỷ duyệt ý ở trong các Cảnh Hiệp Thế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham*.
2. *Sân Hận (Dosa)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự oán hận bất duyệt ý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Sân ở trong 2 Tâm căn Sân*.
3. *Si Mê (Moha)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự si mê lầm lạc. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.
4. *Ngã Mạn (Màna)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự kiêu mạn chấp Ta. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Ngã Mạn ở trong 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến*.
5. *Tà Kiến (Ditthi)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự thấy sai chấp lầm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến*.

6. *Hoài Nghi (Vicikicchà)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự thối mắc nghi lự ở trong sự việc khả tín. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hoài Nghi ở trong 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi*.
7. *Hôn Trầm (Thina)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự ủ rũ buồn rầu. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hôn Trầm ở trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dân*.
8. *Trạo Cử (Uddhacca)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự buông lung nhiều cập tâm tính. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trạo Cử ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.
9. *Vô Tàm (Ahirika)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự không hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Vô Tàm ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.
10. *Vô Quý (Anottappa)*: Pháp chủng làm thành Pháp buồn phiền ưu não, là sự không ghê sợ đối với Ác Hạnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Vô Quý ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.

Kệ Ngôn Trình Bày Chi Pháp Ở Trong Cả Chín Nhóm Tổng Hợp Bất Thiện

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| 1. <i>Àsavoghà ca yogà ca</i> | <i>Tayo ganthà ca vatthuto</i> |
| <i>Upàdànà duve vuttà</i> | <i>Aṭṭha nìvaraṇà siyumu</i> |
| 2. <i>Chalevànusayà honti</i> | <i>Nava saṃyojanà matà</i> |
| <i>Kilesà dasa vutto yaṃ</i> | <i>Navadhà pàpasaṅgaho</i> |

1. *Lậu Hoặc, Bộc Lưu, Ách Phục và Hệ Phục, với từng mỗi thể loại này khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được ba. Chấp Thủ thì có hai Chi Pháp Siêu Lý. Triền Cái thì có tám Chi Pháp Siêu Lý.*

2. *Tùy Miên thì có sáu Chi Pháp Siêu Lý, Kiết Sử chỉ có chín Chi Pháp Siêu Lý. Phiền Não thì có mười Chi Pháp Siêu Lý.*

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết việc trình bày Tổng Hợp Bất Thiện bởi theo chín nhóm thì có được như vậy.

Lời Giải Thích Ở Trong Tổng Hợp Bất Thiện

Câu Chú Giải của từ ngữ *Tổng Hợp Bất Thiện*: “*Ekantàkusalajàtikànaṃ oghacatukkàdīnaṃ saṅgahoti = Akusalasaṅgaho*”- “*Liệt kê các nhóm có Thực Tính Pháp đều toàn là Bất Thiện Chủng như là Bộc Lưu, v.v. sắp thành một Tổng Hợp, bởi do thế mới gọi tên là Tổng Hợp Bất Thiện.*”

1. LẬU HOẶC (ÀSAVA)

Từ ngữ *Lậu Hoặc (Āsava)* đây, có nghĩa là các sự vật đã bị ngâm chìm rất lâu dài, tức là loại rượu men rượu nẫu. Tuy nhiên ở trong chỗ này, từ ngữ *Lậu Hoặc* tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê có thực tính tương tự với rượu men rượu nẫu. Vì lẽ thường nhiên rượu men là các sự vật đã bị ngâm chìm rất lâu dài, và có khả năng làm cho con người một khi đã uống vào rồi, thì có trạng thái chệnh choáng ngà ngà say, mất đi tỉnh giác, và tạo tác ở trong các sự việc không đáng phải tạo tác, như đã được trông thấy hằng mỗi ngày qua những việc kinh cãi, cãi vã lẫn nhau; hoặc việc tranh giành cướp đoạt tài sản với nhau, hoặc tạo tác nghiệp sát mạng, v.v. thì đa phần những câu chuyện này là cũng do bởi nương sinh từ ở nơi rượu men đã làm thành tác nhân cho đến cả 90%, và hậu quả là con người đã bị sa đọa vào trong mãnh lực của rượu men ấy, để rồi sẽ phải bị đón nhận quả báo trở sinh tức thì, đó là sự thống khổ về Thân, về Tâm ở ngay trong kiếp sống này và luôn cả kiếp sống vị lai. Điều này như thế nào, thì *Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê cũng có thực tính tương tự với rượu men ấy, là vì cả ba Pháp này dính chặt chồng chất ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian rất lâu dài, và không thể nào tính đếm được số lượng của bao kiếp sống.*

Với lý do này, một khi những thể loại Pháp này hiện khởi đối với người nào rồi, thì sẽ làm cho tâm thức của người ấy bị thất niệm, mất tỉnh giác, và sa đọa vào trong mãnh lực của Tham Ái, hoặc Tà Kiến, hoặc Si Mê, để rồi sẽ tạo tác biết bao điều Ác Hạnh, như về Thân Ác Hạnh v.v. là cũng chính do bởi sự đắm say với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê ấy vậy; để rồi quả báo sẽ phải đón nhận từ ở nơi sự đắm say với mãnh lực của cả ba thể loại Pháp này, cũng sẽ là sự thống khổ về Thân, về Tâm ở trong kiếp sống này và luôn cả kiếp sống vị lai; và cũng tương tự với người đã say rượu men như thế ấy. Bởi do thế, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết lấy cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê, rằng là *Lậu Hoặc*, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Āsavanti ciram parivasantīti = Āsavā, Āsavā viyāti = Āsavā*”- “*Sự vật nào bị ngâm chìm rất lâu dài, thì sự vật ấy được gọi tên là Lậu Hoặc (tức là rượu men), “Những thể loại Pháp chủng nào có thực tính tương tự với rượu men, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Lậu Hoặc (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê).*”

Một trường hợp khác nữa, từ ngữ nói rằng *Lậu Hoặc* đây, khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, đó là “*Ā + Sava = Āsava*”; *Ā* dịch nghĩa là “*Vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định*”, *Sava* dịch nghĩa là “*tăng tiến, chảy tràn*”. Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau, thì được dịch nghĩa là “*Pháp làm cho vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định phải tăng tiến thêm lên mãi vô cùng tận.*”

Có nghĩa là sự hiện hữu từ ở nơi Danh – Sắc, Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình, trong từng mỗi con người là sinh rồi tử, tử rồi lại sinh; sự hiện hữu như vậy mãi cho đến tận kiếp sống hiện tại này, với thời gian dài quá là đếm vô hạn lượng. Thế rồi tiếp đến vị lai, thì cũng sẽ phải mãi tử sinh như vậy nữa, và cũng không thể nào hạn lượng được tương tự như nhau. Trình bày cho thấy được rằng

vòng luân hồi khổ của tất cả Chúng Hữu Tình đây, tăng tiến lên rất nhiều đến độ vô cùng tận. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Āyatam saṃsāradukkham savanti pasavanti vadḍhantīti = Āsavā**”- “*Pháp chủng nào làm cho vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định ấy, phải tăng tiến thêm lên mãi; bởi do thế Pháp chủng ấy mới được gọi tên là Lậu Hoặc.*” (Tức là Tham Ái, Tà Kiến, Ngã Mạn)

Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng **Ā** dịch nghĩa là “*có phạm vi hạn định đến Cõi Cùng Tột Hữu (Bhavaggabhūmi) là Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ; hoặc có phạm vi đến Chuyển Tộc (Gotrabhū).*”

Từ ngữ **Sava** dịch nghĩa là “*được sinh khởi, hoặc được tiết lậu chảy ra.*”

Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau, thì dịch nghĩa là “*được sinh khởi, hoặc được tiết lậu chảy ra cho đến Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Chuyển Tộc với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh.*”

Theo lẽ thường, thì cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này, có được sinh khởi là bởi do nương trú vào Pháp Hiệp Thế và Pháp Chế Định; chính vì thế, một khi trình bày nói rằng “*được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Chuyển Tộc*” thì chẳng hàm ý nội dung đặc biệt nào cả. Có nghĩa là Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, hoặc **Tuệ Chuyển Tộc (Gotrabhūñāna)** hoặc **Tuệ Dũ Tịnh (Vodanāñāna)**, với những thể loại này thì vẫn đang còn là Pháp Hiệp Thế; chính vì thế mới được làm thành Cảnh của Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê. Với lý do này mới nói rằng cả ba Pháp Lậu Hoặc Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê này được sinh khởi, hoặc được tiết lậu cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc đến Chuyển Tộc. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Bhavato abhavaggā dhammato āgotrabhumhā savant ārammaṇakaraṇavasena pavattantīti = Āsavā**”- “*Rằng tính theo Cõi Giới thì Pháp chủng nào được tiết lậu chảy đến, hoặc được sinh khởi đến Cõi Cùng Tột Hữu; và khi tính theo Pháp thì đến Chuyển Tộc, với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh; bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Lậu Hoặc.*”

Có điều đáng thắc mắc là cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê đây, được gọi tên là **Lậu Hoặc**, là vì làm thành vật dính khát chòng chất ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian rất lâu dài; hoặc được tiết lậu chảy ra, được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc cho đến Tuệ Chuyển Tộc, theo như đã có được trình bày rồi đấy; khi là như vậy, còn các Tâm Sở Bất Thiện khác chẳng hạn như Vô Tàm, Vô Quý, Ngã Mạn, v.v. cũng đã có được sinh trú ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian lâu dài, và cũng có khả năng được sinh khởi bởi do nương vào Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc đến Tuệ Chuyển Tộc làm thành Cảnh tương tự như nhau; thế nhưng vì nguyên nhân nào mà tại làm sao Đức Phật Ngài lại không liệt kê những thể loại Tâm Sở này cho sắp thành những Lậu Hoặc ?

Điều thắc mắc như vậy cũng sẽ phải được giải đáp là “*bởi vì cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê đây, có thực tính làm thành Lậu Hoặc hiện bày một cách rõ ràng hơn hẳn các Tâm Sở Bất Thiện khác,*” chẳng hạn như Ngã Mạn là

việc kiêu mạn chấp Ta, thì cho dù phải nương vào Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Tuệ Chuyển Tộc làm thành Cảnh rồi mới được sinh khởi đi nữa, tuy nhiên sự quảng khoáng và sự hiện bày một cách rõ ràng thì quả thật không sánh bằng với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Cũng tỷ dụ như từ ngữ nói rằng *Suriya* (Mặt trời) mà dịch nghĩa là “Ánh sáng” đã làm cho tất cả Nhân Loại có sự chói lòa, tức là cũng ngang bằng với mặt trời vậy. Tuy nhiên ánh sáng của các vật thể khác, chẳng hạn như ánh sáng của mặt trăng, hoặc ánh sáng của ngọn lửa thì cũng có khả năng khởi sinh lên sự chói lòa tương tự như nhau đến cho tất cả Nhân Loại; thế nhưng cũng không gọi là *Suriya* (Mặt trời) được. Tất cả sự việc này, là cũng bởi vì ánh sáng làm cho tất cả Nhân Loại có được sự chói lòa, đã hiện bày rất rõ ràng đến cùng tột, và lại cùng khắp ở trong cả thế gian, thì đó chính là ánh sáng của mặt trời ấy vậy.

Với lý do này, từ ngữ nói rằng *Suriya* mới chỉ hàm ý duy nhất ở đây là mặt trời, và chẳng phải ở mặt trăng hoặc ở ngọn lửa được. Điều này như thế nào, thì các Tâm Sở Bất Thiện khác, cho dù quả thật sẽ làm thành vật dính chặt chòng chát ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình; hoặc được tiết lậu chảy ra, được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu và Chuyển Tộc, với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh đi nữa; thế nhưng những sự việc làm thành vật dính chặt chòng chát, hoặc sự tiết lậu chảy ra, có được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu và Chuyển Tộc đây, thì thường cũng chỉ hiện bày duy nhất ở trong Pháp hình thành Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê mà thôi; bởi do thế Đức Phật Ngài mới không lập ý khái thuyết đến các Tâm Sở Bất Thiện khác cho sắp thành Lậu Hoặc được.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Àsava* được xuất nguyên từ “*À*” + ngữ căn “*Su*” trôi chảy, chảy tràn ra. Được gọi như vậy, vì *Àsava* (Lậu Hoặc) trôi chảy cho đến tận đỉnh cao của những kiếp sinh tồn (Cùng Tột Hữu) và hiện hữu chí đến sát na Chuyển Tộc (là sát na Tâm tức khắc khởi sinh trước sát na Tâm Đạo của vị Nhập Lưu Thất Lai). Trong vô lượng tiền kiếp, những Lậu Hoặc này hiện hữu ngầm ở bên trong tất cả Chúng Hữu Tình khi vẫn còn là Phàm Nhân; và có thể được xem như là chất độc cực kỳ nguy hiểm làm say đắm tất cả Chúng Hữu Tình, và cũng có thể khởi sinh lên ở trong tất cả các Cõi Giới. Ô nhiễm, hư hỏng, đòi bại, như bản, chất độc, bợn nhơ, v.v. là các cụm từ được xem như gần với ý nghĩa của Lậu Hoặc.

Từ ngữ *Àsava* thường được dịch nghĩa là Lậu Hoặc. **Hoặc** là mê tối, làm lạc, như là mê hoặc. **Lậu** có nghĩa là tiết lậu, rò rỉ chảy ra ngoài, và gây bợn nhơ. Ở đây hàm ý bợn nhơ tinh thần, Phiền Não Tham, Sân, Si, v.v. Tất cả Chúng Hữu Tình ở trong Tam Giới, thông qua sáu Luyến Căn như Nhãn, Nhĩ, v.v. suốt đêm ngày tiết lậu, rò rỉ chảy ra biết bao phiền não không ngừng, nên được gọi là Lậu. Còn hàm ý đến Phiền Não đang hiện hành khiến cho cái Tâm Thức liên tục bị trôi chảy phân tán không dứt, nên cũng được gọi là Lậu. Phiền Não ví tựa như đồ dùng bị thủng, như nhà ở bị thấm dột. Cũng còn có nghĩa là Lậu Thất (*Sót quên*)

hàm ý Phiền Não đã làm cho quên mất đi Chánh Đạo, và đã làm cho tất cả Chúng Hữu Tình chìm đắm trong vòng Luân Hồi Sinh Tử.

Trong cả Tứ Lậu Hoặc, thì Dục Lậu Hoặc có nghĩa là luyến ái theo dục lạc của Ngũ Trần; Hữu Lậu Hoặc là luyến ái theo các Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới; Kiến Lậu Hoặc có nghĩa là 62 Tà Kiến sai trật lầm lạc; và Vô Minh Lậu Hoặc là trạng thái si mê hữu quan đến Tứ Thánh Đế, đến kiếp sống quá khứ, kiếp sống vị lai, và đến cả hai kiếp sống quá khứ và vị lai, luôn cả đến Liên Quan Tương Sinh.]

2. BỘC LƯU (OGHA)

Từ ngữ **Ogha** (*Bộc Lưu*) ở trong chỗ này có nghĩa là “*Pháp chủng ví tựa như dòng thác nước*”. Tức là cả ba Tâm Sở Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành Pháp chủng được ví tựa như dòng thác nước. Vì nguyên nhân nào? Vì theo lẽ thường nhiên, dòng thác nước ấy, một khi bất luận một vật thể nào hoặc Hữu Tình nào đã bị rớt xuống ở trong dòng thác nước, thì dòng nước ấy thường làm nhận chìm vật thể, hoặc hành hạ thương tổn đến Hữu Tình, và rồi làm cho tất cả các vật thể hoặc Hữu Tình phải bị chìm ngấm xuống, không có cơ hội để trôi lên được. Thực tính của cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này cũng tương tự như nhau, tức là làm nhận chìm tất cả Chúng Hữu Tình, và làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm ngấm xuống ở trong Vòng Luân Hồi chí đến tận Cõi Thống Khổ, và không có được cơ hội để trôi lên thoát khỏi Vòng Luân Hồi, đặng chứng đắc Níp Bàn Giải Thoát. Với lý do này, cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê được gọi tên là **Ogha** (*Bộc Lưu*). Các Tâm Sở Bất Thiện khác thì không được gọi tên là Bộc Lưu, và lại cũng được hiện hành theo cùng một phương thức với Lậu Hoặc. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Avattharivà hanantiti = Oghà (và) Avahananti osidàpentiti = Oghà; Oghà viyàti = Oghà*”- “*Pháp chủng nào thường làm nhận chìm và hành hạ thương tổn tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do thể Pháp chủng ấy được gọi tên là Bộc Lưu*” (tức là dòng thác nước) (hoặc) “*Pháp chủng nào làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm ngấm xuống, bởi do thể Pháp chủng ấy được gọi tên là Bộc Lưu*” (tức là dòng thác nước). “*Những thể loại Pháp chủng nào làm nhận chìm và hành hạ thương tổn tất cả Chúng Hữu Tình, và làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm ngấm xuống ở trong Vòng Luân Hồi chí đến tận Cõi Thống Khổ, tương tự như dòng thác nước; bởi do thể những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Bộc Lưu*” (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê).

[**Chú thích:** Từ ngữ **Ogha** (*Bộc Lưu*) xuất nguyên từ “**Ava**” + “**Han**” gây tổn thương, hoặc sát hại. Tất cả Chúng Hữu Tình bị chìm đắm ở trong luồng trôi chảy của dòng thác nước vĩ đại, bị quay cuồng giữa những dòng thác nước xoáy mãnh liệt, bị lôi cuốn thẳng ra biển cả rồi bị nhận chìm xuống tận đáy như thế nào,

thì các dòng thác nước *Ogha* (*Bộc Lưu*) của kiếp sống cũng lôi cuốn tất cả Chúng Hữu Tình rồi đẩy đưa, nhận chìm ở trong những hoàn cảnh khốn cùng như thế ấy. Cũng còn hàm ý đến Phiền Nã của Tam Giới có thể làm trôi dạt đi Thiện Phẩm, nên được gọi tên là Bộc Lưu.]

3. ÁCH PHƯỚC (YOGA)

Từ ngữ *Yoga* (*Ách Phước*) dịch nghĩa là “trói buộc ví như keo dán kết dính hai vật thể cho dính khít vào nhau, và không cho sút sổ ra” như thế nào thì Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê cũng như thế ấy. Tức là trói buộc tất cả Chúng Hữu Tình cho dính khít ở trong Vòng Luân Hồi Khổ, và không cho vượt thoát ra được. Khi đem so sánh, thì keo dán được ví với Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê; hai vật thể thì một vật thể được ví với tất cả Chúng Hữu Tình, và còn một vật thể kia thì được ví với những kiếp sống, tức là Vòng Luân Hồi Khổ ấy vậy.

Hoặc một ví dụ khác nữa, được ví như đặt cái ách vào cổ con bò. Khi con bò ấy sẽ bước đi trong đường lộ chi, thì thường cũng phải kéo lôi cái ách dính theo cùng như thế nào, tất cả Chúng Hữu Tình quanh quẩn ở trong Vòng Luân Hồi Khổ và không cho vượt thoát ra được, vì đã bị trói buộc dính khít với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê cũng như thế ấy. Khi đem so sánh, thì con bò được ví với tất cả Chúng Hữu Tình; cái ách được ví với Tam Giới gồm Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới; còn sợi dây trói chặt con bò dính khít vào cái ách được ví như Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê.

Thế theo điều tỷ dụ như đã vừa đề cập tại đây, ắt hẳn trình bày cho thấy rằng tất cả Chúng Hữu Tình luân chuyển sinh tử ở trong Vòng Luân Hồi Khổ không thể vượt thoát khỏi ra được, là cũng chính do bởi mãnh lực của Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê làm thành người trói buộc Hữu Tình cho dính khít vào. Bởi do thế, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành *Ách Phước* (*Yoga*); còn các Tâm Sở Bất Thiện khác không được gọi tên là *Ách Phước*, vì cũng có cùng một phương thức nghĩa lý với Lậu Hoặc như đã có đề cập đến rồi vậy. Có câu Chú Giải của từ ngữ *Ách Phước* như vậy: “*Vatṭasmim sante yojentīti = Yogā*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào trói buộc Hữu Tình cho dính khít ở trong Vòng Luân Hồi Khổ, ấy là các kiếp sống; bởi do thế những Pháp chủng ấy được gọi tên là Ách Phước.*” (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê)

[*Chú thích:* Từ ngữ *Yoga* (*Ách Phước*) xuất nguyên từ ngữ căn “*Yuj*” trói buộc (như buộc chặt cái ách vào cổ con bò). Những Ách Phước là những sợi dây trói buộc cột chặt Chúng Hữu Tình vào vòng quanh quẩn bao kiếp sinh tồn sinh tử - tử sinh vô cùng tận của Vòng Luân Hồi Khổ.]

4. HỆ PHƯỚC (GANTHA)

Từ ngữ *Gantha* (*Hệ Phược*) lập ý đến vật trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái thắt chặt vào nhau, y như móc xích sắt. Lẽ thường móc xích sắt là một chuỗi thắt chặt dính liền với nhau thành một duỗi dây dài như thế nào, thì cả ba Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này thường luôn thắt chặt Hữu Tình ở trong khoảng thời gian tử vong với tái tục, và tái tục với tử vong cho móc dính liền nhau, không có thời gian cho vượt thoát đi được; ví tựa như chuỗi móc xích thắt chặt dính liền như thế ấy. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết cả ba Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành *Hệ Phược* (*Gantha*). Thế nhưng, ở trong *Hệ Phược* này, lại có kết hợp với từ ngữ *Kàya* (*Thân*), là cũng để cho được biết đến Pháp bị thắt chặt móc dính do bởi Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê, đó chính là *Danh Thân* (*Nàmakàya*) – *Sắc Thân* (*Rùpakàya*), và đó cũng chính là tất cả Chúng Hữu Tình ấy vậy. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Kàyaṃ ganthentīti = Kàyaganthā* (và) *Kàyena kàyaṃ ganthentīti = Kàyaganthā*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào thắt chặt, tức là móc dính vào Danh Thân, bởi do thể những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Thân Hệ Phược*” (hoặc) “*Những thể loại Pháp chủng nào thắt chặt, tức là móc dính Danh Thân – Sắc Thân ở trong khoảng thời gian giữa kiếp sống hiện tại với Danh Thân – Sắc Thân ở kiếp sống vị lai; bởi do thể những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Thân Hệ Phược.*”

[*Chú thích:* Từ ngữ *Gantha* (*Hệ Phược*) hàm ý thắt chặt Tâm với Thân, hoặc thắt chặt Danh Thân – Sắc Thân ở trong kiếp sống hiện tại với Danh Thân – Sắc Thân ở kiếp sống vị lai cho móc dính với nhau.]

Sự Khác Biệt Giữa Tham Ác Và Sân Độc Thuộc Ý Ác Hạnh Với Tham Ác Và Sân Độc Thuộc Hệ Phược

1. *Tham Ác* (*Abhijjhā*) thuộc *Ý Ác Hạnh* (*Manoduccarita*), đó là Tham thuộc thể loại thô thiên, có thực tính dục tâm cầu của cái tài sản của tha nhân cho đăng làm của mình một cách bất hợp pháp, Phi Chánh Pháp.

2. Còn *Tham Thân Hệ Phược* (*Abhijjhakāyaganthā*) là có cả Tham thuộc loại thô thiên và luôn cả loại vi tế - thắt chặt dính liền với dục tâm cầu, sự duyệt ý ở trong của cái tài sản của tha nhân, hoặc của chính mình một cách hợp pháp cũng có, bất hợp pháp cũng có; đều sắp thành *Tham Thân Hệ Phược* hết cả thảy.

3. *Sân Độc* (*Byāpāda*) thuộc *Ý Ác Hạnh*, tức là Sân thuộc thể loại thô thiên liên quan với sự suy nghĩ đả đơ mưu hại tha nhân cho họ có những điều thống khổ nguy hại, hoặc chú tâm nguyện rửa người mà ta không ưa thích cho đến chết đi.

4. Còn *Sân Thân Hệ Phược* (*Byāpādakāyaganthā*) tức là Sân thuộc loại thô thiên cũng có, hoặc loại vi tế cũng có; có nghĩa là không ưa thích, bất duyệt ý, oán hận, sợ hãi, khổ tâm buồn lòng, chí đến thực hiện việc sát mạng, thô ác ngữ. Với những thể loại này đều sắp thành *Sân Thân Hệ Phược* hết cả thảy.

5. CHẤP THỦ (UPÀDÀNA)

Từ ngữ *Upàdàna* (*Chấp Thủ*) khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, là *Upa* + *Àdàna*. *Upa* lập ý đến “*nắm bắt*”, *Àdàna* lập ý đến “*túm chặt*”. Khi kết hợp hai từ ngữ này vào nhau thì lập ý đến “*việc chấp thủ ở trong Cảnh*”. Pháp chấp thủ chặt ở trong Cảnh mà gọi là Chấp Thủ đây, được ví như một con rắn chộp bắt và cắn chặt con ếch, không chịu buông thả ra như thế nào, thì cả hai Pháp Tham Ái và Tà Kiến có thực tính chấp thủ chặt ở trong Cảnh của mình, không chịu buông thả cũng như thế ấy. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Upàdiyantiti = Upàdànàni*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào thường chấp thủ chặt ở trong Cảnh, bởi do thể những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Chấp Thủ.*”

[*Chú thích:* Từ ngữ *Upàdàna* (*Chấp Thủ*) xuất nguyên từ “*Upa + À*” và ngữ căn “*Dà*” cho. Chấp Thủ là ái luyện ở mức độ cao, vì lẽ ấy ở trong bộ Kinh Liên Quan Tương Sinh (*Paṭicca Samuppàda*) đã có trình bày “*Ái làm duyên cho Chấp Thủ.*” Ái Dục (*Tañhà*) được ví như tên trộm rình mò ở trong đêm tối để thâm đạo. Chấp Thủ (*Upàdàna*) được ví như hành động thâm đạo.]

6. TRIỀN CÁI (NÌVARAṆA)

Từ ngữ *Nīvaraṇa* (*Triền Cái*) đây, lập ý đến Pháp làm thành vật che án hoặc chắn ngang, cản trở Thiện Sự; tức là không cho khởi sinh các Thiện Nghiệp Lực, cùng với một vài thể loại Thiện Sự khác, chẳng hạn như làm cho hoại diệt đi Thiên Định mà đã được sinh khởi.

Theo lẽ thường, tất cả Nhân Loại thường thì đa phần bất duyệt ý ở trong việc thực hiện xả thí, trì giới, tu tập. Khi đã là như vậy, cũng chính do bởi mãnh lực từ ở bất luận một trong các Pháp Triền Cái có Tham Ái, Sân Hận, Hôn Trâm, Thụy Miên, Trạo Cử, Hối Hận, Hoài Nghi, Si Mê; hoặc do bởi 2, hoặc 3, hoặc 4 các Pháp ấy vậy; hoặc đôi khi đang thực hiện Thiện Sự thì lại khởi sinh lên sự nản lòng thối chí, bất duyệt ý, để rồi đã làm cho đức tin, và trí tuệ sáng suốt phải bị thối giảm sa sút đi. Điều này là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Hôn Thù Triền Cái khởi sinh và đã che chắn Thiện Sự, là Đức Tin, v.v. đi rồi. Và nếu nhờ như các Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái ở thể loại thô thiển khởi sinh đến với bậc Phúc Lộc Thiên Giả thì cũng làm cho Thiên Định đã từng có được, phải bị hoại diệt đi để rồi không còn có khả năng để nhập định được.

Sẽ nêu lên một thí dụ điển hình để trình bày cho được thấy một cách dễ dàng, chẳng hạn như một người không có sự sùng tín ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, tuy nhiên tình cờ lại được lắng nghe người ta trình bày đến những câu chuyện về Nghiệp Báo có chức năng sắp bày tất cả Chúng Hữu Tình đón nhận sự

an vui, sự khổ đau; hoặc một khi tử vong rồi thì cũng làm cho một số được đi thọ sinh thành Chư Thiên, một số về Nhân Loại, một số về Hữu Tình Bàng Sanh, một số về Ngạ Quỷ, và đọa Địa Ngục. Có việc nêu lên vấn đề Nhân Quả, điều ám chỉ, lối ẩn dụ, luôn cả việc tỷ giao với nền tảng của những Phật Ngôn và Chú Giải; mà nếu giả như người đang lắng nghe ấy đã không có bị Triền Cái bao phủ trùm lấy, thì thường thiết yếu sẽ phải khởi sinh lên sự sùng tín, và nỗ lực mãi miết chăm chú lắng nghe; vả lại ghi nhớ thâm nhập lấy ý nghĩa của từng nội dung, tập trung tâm trí không cho tản mạn lan man; thế rồi cũng sẽ liễu tri được ý nghĩa của những nội dung ấy là Thiện Nghiệp Lực, tức là Tín, Tấn, Niệm, Định Tuệ đã được khởi sinh.

Thế nhưng với người bất tín ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, và đang khi lắng nghe về các câu chuyện ấy thì thường khởi sinh sự nghi lự, thắc mắc, không tin rằng sẽ hiện hành thế theo như thế ấy được. Vì lẽ người ấy bất liễu tri ở trong sự việc hiện hữu sinh tồn của tất cả Chúng Hữu Tình đã hiện hành duyên theo mãnh lực của Nghiệp Báo. Một khi đã bất liễu tri rồi, thì thường khởi sinh lên việc chán ngán, không muốn lắng nghe, tâm trí thường chao đảo tìm kiếm đối tượng khác, để thay vào đó sẽ phát sinh lên sự mãn nguyện duyệt ý. Khi đã không tìm ra được, chỉ vì ở tại nơi đây thuận nhất trình bày Giáo Pháp mà thôi; thế rồi đã phát sinh lên sự bất duyệt ý, và nghĩ rằng Ta đã đi đến không đúng địa điểm rồi. Chỉ trong một khoảnh khắc sát na ấy, tâm trí của người ấy đã nghĩ tưởng đến hàng trăm thứ chuyện ngổn ngang sai khác, đã không còn tập trung để lắng nghe đến câu chuyện đang được khéo trình bày mãi cho đến chấm dứt việc thuyết giảng. Sự việc như thế, là bởi do người ấy đã không có khởi sinh lên Thiện Nghiệp Lực, và chỉ có duy nhất một phía Triền Cái khởi sinh ngăn ấy mà thôi. Tức là ngay ở trong lúc ban đầu thì Hoài Nghi Triền Cái khởi sinh, tiếp đến là Vô Minh Triền Cái khởi sinh, và tuần tự nối tiếp theo là Hôn Thùy Triền Cái, Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái, Trạo Hối Triền Cái khởi sinh.

Dẫn chứng thí dụ điển hình để trình bày ở tại đây, là để cho thấy rằng Thiện Nghiệp Lực đáng lý sẽ phải khởi sinh thì lại không có cơ hội để sinh khởi, đích thị chính do bởi Tham Ái, v.v. làm thành vật chướng ngại, cản trở Thiện Nghiệp Lực; bởi do thế những thể loại Tham Ái, v.v. đây mới được gọi tên là Triền Cái. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: ***“Jhànàdikam nivàrentiti = Nivaraṇāni”***- *“Những thể loại Pháp chướng ngại nào che án cản trở Thiện Sự, như là Thiền Định, v.v. không cho khởi sinh lên, bởi do thế những thể loại Pháp chướng ngại ấy được gọi tên là Triền Cái.”*

[***Chú thích:*** Từ ngữ *Nivaraṇa* (Triền Cái) xuất nguyên từ ***“Ni”*** + ngữ căn ***“Var”*** gây chướng ngại, cản ngăn. Được gọi như vậy, vì Pháp Triền Cái đã chặn ngang đạo lộ hướng đến trạng thái an lạc của Nhân, Thiên và Níp Bàn. Theo bản Chú Giải, thì từ ngữ Triền Cái này hàm ý cản ngăn đạo lộ hướng đến các tầng Thiền Định, v.v. của các tư tưởng Thiện Ý, ngăn chặn các tầng Thiền phát triển,

hoặc cản ngăn đạo lộ phát triển Tuệ Quán. Thông thường có năm Pháp Triền Cái; với một đôi gồm Hôn Trầm và Thụy Miên, Trạo Cử và Hối Hận – thì được kể chung vì do bởi *Sự Vụ (Kicca)*, *Tác Nhân (Hetu)*, và những yếu tố đối nghịch của các Pháp tương tự. Sự Vụ của Hôn Trầm và Thụy Miên là lui sụt, chênh mảng tinh thần, trì độn. Sự Vụ của Trạo Cử và Hối Hận là bấn khoăn áy náy, bất an. Tác Nhân của Hôn Trầm và Thụy Miên là trạng thái lười biếng; của Trạo Cử và Hối Hận là bất mãn, buồn phiền, chẳng hạn như vì cái chết của một người thân ở trong gia tộc, v.v. Nghị Lực đối nghịch với Hôn Trầm và Thụy Miên. Tình trạng đối nghịch với Trạo Cử và Hối Hận.

Tham Dục được ví như nước pha lẫn với các sắc màu sai khác. Sân Độc ví như nước đã đun sôi. Hôn Trầm và Thụy Miên ví như nước đầy rong rêu. Trạo Cử và Hối Hận ví như nước bị gió làm chao động. Hoài Nghi ví như nước đục, đầy bùn nhơ. Thì cũng ví như khi Ta nhìn xuống mặt nước đục đầy bùn nhơ thì không thể nào nhìn thấy cái bóng của chính mình; cùng thế ấy, do bởi những chướng ngại tinh thần, được gọi là Pháp Triền Cái, đã cản ngăn Ta không thể trông thấy điều chi dẫn đến trạng thái an lành, và hạnh phúc cho chính mình và cho đến tha nhân. Một khi đã chứng đắc được các tầng Thiền Định, thì tạm thời đã đè nén được các Pháp Triền Cái. Khi đã chứng đắc các tầng Thánh Đạo – Thánh Quả thì các Pháp Triền Cái này hoàn toàn bị tiệt diệt. Hoài Nghi, hoặc do dự không quả quyết, bị tiệt diệt ngay khi chứng đắc Đạo Quả Thất Lai. Tham Dục, Sân Độc và Hối Hận thì bị tiệt diệt ngay khi chứng đắc Đạo Quả Bất Lai. Cuối cùng, Trạo Cử và Hôn Thùy thì bị tiệt diệt ngay khi chứng đắc Đạo Quả Vô Sinh.]

7. TÙY MIÊN (ANUSAYA)

Tùy Miên đây, là một thể loại Phiền Não ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình, và lại là thể loại Pháp bí ẩn, không có khả năng để được trông thấy, và chỉ ngoại trừ riêng với bậc Chánh Đẳng Giác mà thôi. Theo thông thường thì Tùy Miên Phiền Não đây có thực tính tĩnh lặng, chẳng có hiện bày ra ngoài ở bất cứ một Lộ Môn nào cả; tiếp đến một khi có những Cảnh – tốt hoặc xấu – đi đến tiếp xúc với Lộ Nhân Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn; thế rồi Tùy Miên Phiền Não đang tĩnh lặng đây, liền chuyển đổi thực tính thành *Khởi Lập Phiền Não (Pariyuṭṭhānakilesa)* và xuất sinh khởi lên ở Lộ Ý Môn. Nếu như Khởi Lập Phiền Não này có năng lực cực kỳ mãnh liệt, thì chuyển đổi thực tính thành *Việt Cấp Phiền Não (Vīṭikkamakilesa)* xuất sinh khởi ra ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngũ Môn. Khởi Lập Phiền Não khởi sinh ở Lộ Ý Môn, hoặc Việt Cấp Phiền Não khởi sinh ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngũ Môn; với cả hai thể loại Phiền Não này thì không được gọi là Tùy Miên Phiền Não; tuy nhiên Khởi Lập Phiền Não này lại xuất sinh từ ở nơi Tùy Miên Phiền Não, và Việt Cấp Phiền Não thì được xuất sinh từ ở nơi Khởi Lập Phiền Não. Với lý do này, từ ngữ Tùy

Miên mới làm thành một thể loại Phiền Não tĩnh lặng ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Santàne anu anu sentiti = Anusaya*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào thường ngủ ngầm ở trong sự nối tiếp từ ở nơi Danh Pháp – Sắc Pháp, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Tùy Miên.*”

Hoặc một phần khác nữa: “*Anurūpaṃ kàraṇaṃ labhitvā senti uppajantīti = Anusaya*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào một khi đã hội túc nhân khả ái thì thường được khởi sinh, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Tùy Miên.*”

Nếu sẽ nêu lên điều tỷ dụ để so sánh giữa cả ba thể loại Tùy Miên Phiền Não, Khởi Lập Phiền Não và Việt Cấp Phiền Não này đây, thì cũng được so sánh giống với cây que diêm lửa. *Tùy Miên Phiền Não được ví như ngọn lửa ở ngay đầu cây que diêm. Các Cảnh đến tiếp xúc với Lộ Nhãn Môn, Lộ Nhĩ Môn, Lộ Tỷ Môn, Lộ Thiệt Môn, Lộ Thân Môn và Lộ Ý Môn thì được ví như lấy cây que diêm đánh vào bên cạnh hộp diêm. Khi hiện khởi lên ngọn lửa thì ví ngọn lửa này giống tựa như Khởi Lập Phiền Não; và khi lấy ngọn lửa đã hiện khởi lên đây, đem châm vào bất luận một vật thể nào, thì lửa bốc cháy dính vào các vật thể ấy được sánh tựa như Việt Cấp Phiền Não vậy.*

Việc Phóng Khí Cả Ba Phiền Não Bởi Theo Giới – Định – Tuệ

1. **Giới Thiện** thì có được khả năng phóng khí Việt Cấp Phiền Não.
2. **Định Thiện** thì có được khả năng phóng khí Khởi Lập Phiền Não.
3. **Tuệ Thiện** thì có được khả năng phóng khí Tùy Miên Phiền Não.

[*Chú thích:* Từ ngữ *Anusaya* (*Tùy Miên*) xuất nguyên từ “*Anu*” + “*Si*” ngủ ngầm. Tùy Miên là Pháp chưa hoàn toàn diệt, vẫn còn ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình, và cho đến khi hội túc nhân khả ái thì sẽ xuất sinh hiện khởi lên. Tất cả những khát vọng đều được gọi là Tùy Miên, các khuynh hướng ngủ ngầm của Uẩn Giới Tính; thế nhưng chỉ có bảy Pháp Tùy Miên là cực kỳ mãnh liệt. Một khi vẫn còn là Phàm Nhân, vẫn chưa chứng đắc các tầng Thánh Đạo – Thánh Quả, thì cho dù đã có được đắc chứng ở các Cõi Giới Hữu Thiên tột đỉnh đi nữa, và khi tục sinh trở lại Cõi Nhân Loại thì vẫn còn có thể bị các khuynh hướng nguy hại này xuất sinh hiện khởi lên một cách dễ dàng ở trong Uẩn Giới Tính, vì lẽ chúng vẫn đang còn ngủ ngầm và vẫn chưa hẳn diệt.]

8. KIẾT SỬ (SAMYOJANA)

Từ ngữ *Samyojana* (*Kiết Sử*) lập ý đến Pháp chủng trói buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, không cho thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi Khổ được; tương tự như

một sợi thừng thúc trói buộc chặt Hữu Tình, hoặc vật thể không cho sút sổ ra được. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Samyojenti bandhantiti = Samyojanani*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào thường trói buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do thể những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Kiết Sử.*”

Theo lẽ thường ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Phạm Nhân thì thường có một thể loại Pháp chủng được ví như một thừng thúc to lớn dài bằng 20 sải tay (40 m) dùng để thực hiện việc thúc phược buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, không cho vượt thoát khỏi Khô Uẩn; và những thừng thúc dài 20 sải tay này đích thị chính là Kiết Sử ấy vậy. Và ở trong tất cả những sợi dây thừng thúc là cả 10 Kiết Sử này, nếu nhờ như bất luận một thừng thúc nào có trạng thái khởi lên căng cứng thì sợi dây thừng thúc ấy sẽ dắt dẫn Chúng Hữu Tình bởi do nương theo Nghiệp Lực mà cho đi tục sinh ở trong Cõi Giới hữu quan với thừng thúc ấy.

Việc Phân Loại Thập Kiết Sử Với Hạ Phần (*Orambhàgiya*) Và Thượng Phần (*Uddhambhàgiya*) (Theo Phần Kinh Tạng)

1. Hạ Phần Kiết Sử (*Orambhàgiyasamyojana*): Có 5 Kiết Sử hiện hành ở trong Hạ Phần, tức là Cõi Dục Giới, đó là:

a/. Dục Ái Kiết Sử, b/. Khuê Phần Kiết Sử, c/. Tà Kiến Kiết Sử, d/. Giới Cấm Thủ Kiết Sử, e/. Hoài Nghi Kiết Sử.

2. Thượng Phần Kiết Sử (*Uddhambhàgiya*): Có 5 Kiết Sử hiện hành ở trong Thượng Phần, tức là Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới, đó là:

a/. Sắc Ái Kiết Sử, b/. Vô Sắc Ái Kiết Sử, c/. Ngã Mạn Kiết Sử, d/. Trạo Cử Kiết Sử, e/. Vô Minh Kiết Sử.

Thông thường tất cả Chúng Phạm Nhân không có chứng đắc Thiên Định thì sợi dây Dục Ái Kiết Sử thường luôn căng cứng. Và nếu như người ấy tạo tác nhiều Ác Hạnh, thì cả ba sợi dây gồm Khuê Phần Kiết Sử loại thô thiên, Tà Kiến Kiết Sử và Hoài Nghi Kiết Sử đây có được cơ hội căng cứng lên, và dắt dẫn người ấy phải bị đọa xuống Cõi Thống Khổ. Còn Giới Cấm Thủ Kiết Sử thì không có hiện bày đối với khắp cả mọi người, thế nhưng nếu đã có hiện bày đối với người nào rồi, thì cũng tương tự như nhau, là có khả năng dắt dẫn người ấy phải bị đọa xuống Cõi Thống Khổ vậy. Nếu như người ấy đa phần tạo tác Thiện Hạnh, thì cả hai sợi dây Khuê Phần Kiết Sử loại phổ thông, và *Ngã Kiến Kiết Sử (*Attaditthi samyojana*)* này có được cơ hội căng cứng lên, và dắt dẫn người ấy cho đi tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Đối với cả 3 sợi dây Kiết Sử gồm Tà Kiến Kiết Sử, Giới Cấm Thủ Kiết Sử, và Hoài Nghi Kiết Sử đây thì không có được cơ hội căng cứng.

Còn Phạm Nhân đã chứng đắc Thiên Định thì cả ba sợi dây Kiết Sử gồm Dục Ái Kiết Sử, Khuê Phần Kiết Sử và Giới Cấm Thủ Kiết Sử không có được cơ

hội càng cứng, duy chỉ có Trao Cử Kiết Sử có được cơ hội càng cứng lên mà thôi; bởi do thế một khi bậc Phúc Lộc Thiên Giả mệnh chung lìa khỏi Cõi Dục Giới rồi, thì tùy thuộc vào tầng Thiên Định đã chứng đắc, mới đi thọ sinh ở Cõi Sắc Giới hoặc Cõi Vô Sắc Giới. Tuy nhiên Phạm Nhân đã đi thọ sinh thành Phạm Thiên đây, thì vẫn chưa trừ tiết gốc rễ Dục Ái Kiết Sử, chỉ là phóng khí một cách đè nén với mãnh lực của Thiên Định ngăn ấy thôi; bởi do thế nếu như vị Phạm Thiên nào khi đến thời hoại Thiên Định và mệnh chung, thì vị Phạm Thiên ấy sẽ không thể tái tục trở lại thành Phạm Thiên được nữa, mà phải đi tục sinh ở trong Cõi Dục Giới và sẽ làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Sự việc như vậy, là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Dục Ái Kiết Sử, Khuể Phần Kiết Sử hiện hữu ở trong Uẩn Giới Tính của chính tự bản thân mình.

Bậc đã thành tựu viên mãn Đạo Quả Thất Lai hoặc Nhất Lai, với cả ba Kiết Sử gồm Tà Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ đây, thì đã được sát trừ một cách tiết diệt; bởi do thế mới vượt thoát ra khỏi *Hạ Phần Luân Hồi (Hetthimasamsàra)*, tức là cả Tứ Khổ Thủ. Tuy nhiên vẫn chưa vượt thoát ra khỏi *Trung Phần Luân Hồi (Majjhimasamsàra)* tức là Cõi Nhân Loại với Cõi Thiên Giới; và *Thượng Phần Luân Hồi (Uparimasamsàra)* tức là Cõi Sắc Giới với Cõi Vô Sắc Giới; vì lẽ cả bảy Kiết Sử còn lại đây, thì vẫn còn hiện hữu ở trong Uẩn Giới Tính. Và cho đến khi đã thành tựu viên mãn bậc Bất Lai rồi, thì cả hai Kiết Sử gồm Dục Ái Kiết Sử và Khuể Phần Kiết Sử này lại một lần nữa được sát trừ một cách tiết diệt và chẳng còn dư sót; bởi do thế bậc Bất Lai này mới vượt thoát ra khỏi Trung Phần Luân Hồi; vì lẽ cả năm Hạ Phần Kiết Sử này đã không còn hiện hữu. Thế nhưng vẫn chưa vượt thoát ra khỏi Thượng Phần Luân Hồi, bởi vì Thượng Phần Kiết Sử vẫn còn đang hiện hữu vậy. Tiếp đến khi đã thành tựu viên mãn bậc Vô Sinh rồi, thì mới vượt thoát ra khỏi Thượng Phần Luân Hồi, và khi đến thọ mạng diệt thì cũng thành đạt Vô Dư Y Níp Bàn. Tất cả sự việc này, là cũng do bởi sát trừ tiết diệt một cách hoàn mãn cả mười sợi dây Kiết Sử.

Lại nữa, việc phân chia Thập Kiết Sử ra thành Hạ Phần và Thượng Phần Kiết Sử đây, thì ở trong bộ *Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh* đã có trình bày nói rằng “*Kiết Sử mà bị sát trừ do bởi ba Đạo thấp thì được gọi tên là Hạ Phần Kiết Sử, còn Kiết Sử mà bị sát trừ do bởi Đạo Vô Sinh thì được gọi tên là Thượng Phần Kiết Sử.*”

Việc Phân Loại Thập Kiết Sử Với Hạ Phần (Orambhàgiya) Và Thượng Phần (Uddhambhàgiya) (Theo Phần Vô Tỷ Pháp Tạng)

1. Hạ Phần Kiết Sử: Có 7 Kiết Sử hiện hành ở trong Hạ Phần, đó là:
a/. Dục Ái Kiết Sử, b/. Khuể Phần Kiết Sử, c/. Tà Kiến Kiết Sử, d/. Giới Cấm Thủ Kiết Sử, e/. Hoài Nghi Kiết Sử, f/. Tật Đố Kiết Sử, g/. Lận Sắc Kiết Sử.

2. Thượng Phần Kiết Sử: Có 3 Kiết Sử hiện hành ở trong Thượng Phần, đó là: a/. Hữu Ái Kiết Sử, b/. Ngã Mạn Kiết Sử, c/. Vô Minh Kiết Sử.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Saṃyojana* (*Kiết Sử*) xuất nguyên từ “*Sam*” + ngữ căn “*Yuj*” cái ách, trói buộc, trằng thúc. Là Pháp chủng cột trói chúng sanh vào những kiếp sinh tồn của Vòng Luân Hồi Khổ. Lần lượt với bốn tầng Thánh Đạo – Quả sẽ sát trừ diệt các Kiết Sử này.]

9. PHIỀN NÃO (KILESA)

Từ ngữ *Kilesa* (*Phiền Nã*) lập ý đến Pháp chủng làm thành vật buồn phiền ưu não, hoặc bồn chồn lo lắng; chính vì thế Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp mà cùng cấu sinh với những thể loại Phiền Nã ấy, mới có sự buồn phiền ưu não và bồn chồn lo lắng; cũng bởi vì theo lẽ thường nhiên thì Tâm Thức và cử chỉ điệu bộ của tất cả con người, nếu như chẳng có cấu sinh hữu quan với Tham, Sân, v.v. thì con người ấy sẽ cảm thấy tinh thần được an lạc, sắc thân cùng diện mạo thì thanh thản trong sáng, chẳng có bất luận một trạng thái khốn khổ nào cả, và làm thành chỗ vui lòng vui mắt đối với người có được cơ hội hội kiến. Thế nhưng, nếu như tâm trí của người nào đó lại khởi sinh do bởi có Tham, Sân, v.v. đã thấm nhập vào và cột trói ràng buộc, thế thì tâm trí của người ấy sẽ có sự buồn phiền ưu não và bồn chồn lo lắng, sắc thân diện mạo hiện khởi lên nổi ưu lự bất an, tùy thuộc vào mãnh lực của những Phiền Nã ấy, và thường làm cho người có được hội kiến phải diện vô nhân sắc, hoảng hốt bất an. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới lập ý khái ngôn những thể loại Tham, Sân, v.v. này gọi là Phiền Nã. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Kilesanti upatàpentīti = Kilesà (và) Kilissati etehīti = Kilesà*”- “*Pháp chủng nào thường làm cho bồn chồn lo lắng, chính vì thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Phiền Nã*” (hoặc) “*Pháp Tương Ứng là Tâm, Tâm Sở thường buồn phiền ưu não với Pháp chủng nào, chính vì thế Pháp chủng làm thành tác nhân từ ở nơi buồn phiền ưu não của Pháp Tương Ứng ấy, mới được gọi tên là Phiền Nã.*” (Tức là Thập Phiền Nã)

1,500 Phiền Nã (Tính Theo Đây Đủ Toàn Bộ)

Có 150 Cảnh làm thành tác nhân cho Thập Phiền Nã sinh khởi, đó là:

- *Danh Ngữ Thập Tam (Nāmatepañña)*: là 53 Danh Pháp, 18 Sắc Thành Sở Tác, 4 Sắc Thực Tướng; kết hợp lại thành 75 Pháp.
 - Trong *Nội Giới Tính (Ajhattasandāna)*: là ở bên trong bản thân mình, có được 75 Pháp.
 - Trong *Ngoại Giới Tính (Bahiddhasandāna)*: là vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện hữu ở bên ngoài của bản thân mình, có được 75 Pháp.
- Kết hợp lại thành 150 Cảnh x 10 Phiền Nã = 1,500 Phiền Nã.

[**Chú thích:** Trong phân phân loại Bất Thiện Pháp (Tổng Hợp Bất Thiện), thì từ ngữ **Kàma** (Dục) đôi khi được áp dụng cho Cõi Dục Giới, và từ ngữ **Bhava** (Hữu) dành cho Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới. Từ ngữ **Lobha** (Tham Ái) hàm ý cho cả hai, là **Kàmatanàhà** (Dục Ái, hàm ý luyến ái duyên theo các Cảnh ở Cõi Dục Giới) và **Bhavatanàhà** (Hữu Ái, hàm ý luyến ái duyên theo các Cảnh ở Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới). Ba từ ngữ **Silabbataparàmàsa** (Giới Cẩm Thủ, Giới Chấp Tiệm Thi, chấp cứng giữ chặt những giới luật, và lễ nghi sai lầm), **Idamsaccàbhinivesa** (Thử Thực Chấp Thân Hệ Phược, hàm ý bám chặt lấy ở trong ngã kiến chấp cho là đúng thật, và tri kiến của người là sai trật) và **Attavàdùpàdàna** (Ngã Luận Thủ) đã hàm ý liên hệ với Tà Kiến (**Diṭṭhi**). Cả hai từ ngữ **Kàmàsava** (Dục Lậu Hoặc) và **Bhavàsava** (Hữu Lậu Hoặc) đều hàm ý đến Tham Ái (**Lobha**). Một cách chính xác thì chỉ có ba Lậu Hoặc, ba Bộc Lưu, ba Ách Phược, và ba Hệ Phược. Khi cả hai đôi Pháp chủng, **Hôn Thùy** (**Thìna - Middha**) và **Trạo Hối** (**Uddhacca – Kukkucca**) được xem là bốn Tâm Sở thì Pháp Triền Cái (**Nivaràṇa**) có được tám Pháp. Khi Dục Ái và Hữu Ái được nhập chung với Ái Dục thì Pháp Tùy Miên (**Anusaya**) được biết đến có sáu Pháp. Thập Kiết Sử (**Samyojana**) theo Kinh Tạng, thì còn có bảy Pháp khi Dục Ái, Sắc Ái và Vô Sắc Ái được bao gồm ở trong **Lobha**, và **Diṭṭhi** cùng với **Silabbataparàmàsa** được bao gồm ở trong **Diṭṭhi**. Thập Kiết Sử theo Vô Tỷ Pháp Tạng, thì còn có tám Pháp khi Dục Ái và Hữu Ái được bao gồm ở trong **Lobha**, và **Diṭṭhi** cùng với **Silabbataparàmàsa** được bao gồm ở trong **Diṭṭhi**. **Kilesa** chính xác là có mười Pháp. Như vậy, bậc Học Giả sẽ nhận thấy được rằng 14 Tâm Sở Bất Thiện, tùy theo số lượng nhiều hoặc ít khác nhau, đã hiện hữu ở trong chín thể loại thuộc phần Tổng Hợp Bất Thiện này vậy; và quả thật **Lobha** thì hiện hữu ở khắp tất cả.]

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Bất Thiện

-----00000-----

TỔNG HỢP HÔN HỢP (MISSAKASAṄGAHA)

Việc trình bày liệt kê thành một nhóm với cả ba thể loại Pháp trộn lẫn vào nhau gồm Thiện, Bất Thiện và Vô Ký

Missaka saṅgahe cha hetu: lobho, doso, moho, alobho, adoso, amoho. Sattajhànananàgàni: vitakko, vicàro, pìti, ekaggatà, somanassaṃ, domanassaṃ, upekkhà. Dvādasamaggaṅgàni: sammàdiṭṭhi, sammàsaṅkappo, sammàvaca, sammakammanto, sammajivo, sammavayāmo, sammāsati, sammāsamādhī, micchādiṭṭhi, micchāsaṅkappo, micchāvayāmo, micchāsamādhī. Bāvīsatiṅdriyāni: cakkhudriyaṃ, sotindriyaṃ, ghāṇindriyaṃ, jīvhindriyaṃ, kàyindriyaṃ, iṭṭhindriyaṃ, purisindriyaṃ, jīvitindriyaṃ, manindriyaṃ,

sukhindriyaṃ, dukkhindriyaṃ, somanassindriyaṃ, domanassindriyaṃ, upekkhindriyaṃ, saddhindriyaṃ, viriyindriyaṃ, satindriyaṃ, samādhindriyaṃ, paññindriyaṃ, anaññatassamītidriyaṃ, aññindriyaṃ, aññatāvindriyaṃ. Navabalāni: saddhābalaṃ, viriyabalaṃ, satibalaṃ, samādhibalaṃ, paññābalaṃ, hiribalaṃ, ottappabalaṃ, ahirikabalaṃ, anottappabalaṃ. Cattāro adhipati: chandādhipati, viriyādhipati, cittādhipati, vimaṃsādhipati. Cattāro āhārā: kabalikāro āhāro, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyo, viññāṇaṃ catutthaṃ. Indriyesu panettha sotāpattimaggañāṇaṃ anaññatassamītidriyaṃ, arahattaphalañāṇaṃ aññatāvindriyaṃ, majjhe cha ñāṇāni aññindriyānīti pavuccanti. Jivitindriyañca rūpārūpavasena duvidhaṃ hoti. Pañcaviññāṇesu jhānaṅgāni, aviriyesu balāni, ahetukesu maggaṅgāni na labbhanti. Tathā vicikicchācitte ekaggatā maggindriyabalabhāvaṃ na gacchati. Dvīhetuka tīhetukajavānsveva yathāsambhavaṃ adhipati ekova labbhati.

Cha hetu pañca jhānaṅgā maggaṅgā nava vatthuto. Soḷasindriyadhammā ca baladhammā naveritā. Cattārodhipati vuttā tathāhārāti sattadhā. Kusalādisamākiṇṇo vutto missakasaṅgaho.

Trong Tổng Hợp Hồn Hợp thì có được bảy phân loại Pháp:

Có Lục Nhân: Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

Có Thất Chi Thiên: Tâm, Tỉ, Hỷ Lạc, Nhất Thống, Hỷ Thọ, Ưu Thọ, Xả Thọ.

Có Thập Nhi Chi Đạo: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định, Tà Kiến, Tà Tư Duy, Tà Tinh Tấn, Tà Định.

Có Nhị Thập Nhị Quyền: Nhân Quyền, Nhĩ Quyền, Tỷ Quyền, Thiệt Quyền, Thân Quyền, Nữ Quyền, Nam Quyền, Mạng Quyền, Ý Quyền, Lạc Quyền, Khổ Quyền, Hỷ Quyền, Ưu Quyền, Xả Quyền, Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, Tuệ Quyền, Vị Tri Đương Tri Quyền, Dĩ Tri Quyền, Cụ Tri Quyền.

Có Cửu Lực: Tín Lực, Tấn Lực, Niệm Lực, Định Lực, Tuệ Lực, Tâm Lực, Quý Lực, Vô Tâm Lực, Vô Quý Lực.

Có Tứ Trưởng: Dục Trưởng, Cần Trưởng, Tâm Trưởng, Thâm Trưởng.

Có Tứ Thực: Đoàn Thực, Xúc Thực là thứ hai, Ý Tư Thực là thứ ba, Thức Thực là thứ tư.

Nay trong các Quyền, thì Vị Tri Đương Tri Quyền tức là Thất Lai Đạo Tuệ; và Cụ Tri Quyền tức là Vô Sinh Quả Tuệ. Trong giai đoạn ở khoảng giữa, thì Dĩ Tri Quyền tức là Lục Trí. Mạng Quyền gồm cả hai là Sắc Mạng Quyền và Danh Mạng Quyền. Các Chi Thiên không thể tìm được ở trong Ngũ Thức. Các Lực không thể tìm được trong các Tâm không có tinh tấn. Các Chi Đạo không tìm thấy được ở trong các Tâm Vô Nhân. Cũng vậy, trong Tâm Tương Ứng Hoài Nghi thì Nhất Thống không thể trở thành Chi Đạo, Quyền hoặc Lực. Trong Tứ

Trưởng thì chỉ có một Trưởng được chứng đắc một lần, tùy theo trường hợp, và chỉ ở trong các Tâm thuộc Nhị Nhân hoặc Tam Nhân.

Trên thực tế, thì chỉ có Lục Nhân, Ngũ Chi Thiên, Cửu Chi Đạo, Thập Lục Quyền, và Cửu Lực, đã có được trình bày. Cũng vậy, Tứ Trưởng và Tứ Thực cũng đã được đề cập đến. Như vậy, Tổng Hợp Hỗn Hợp đã được liệt kê theo bảy phân loại gồm có Thiện và Bất Thiện.

-----00000-----

LỜI GIẢI THÍCH

Trong Tổng Hợp Hỗn Hợp thì có được bảy nhóm Pháp, đó là: 1/. Nhân, 2/. Chi Thiên, 3/. Chi Đạo, 4/. Quyền, 5/. Lực, 6/. Trưởng, 7/. Vật Thực. Và rằng khi phân loại thì có được 64 thể loại, như sẽ tuần tự trình bày tiếp theo đây:

1. NHÂN (HETU)

Có Lục Nhân, đó là:

1. *Nhân Tham (Lobhahetu):* Sự ham muốn làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên ở trong Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham.*
2. *Nhân Sân (Dosahetu):* Sự oán hận làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên ở trong Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Sân ở trong 2 Tâm căn Sân.*
3. *Nhân Si (Mohahetu):* Sự si mê lầm lạc làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên ở trong Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện.*
4. *Nhân Vô Tham (Alobhahetu):* Sự không dính mắc ở trong Cảnh Dục Trần làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ và tăng trưởng lên ở trong Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Vô Tham ở trong 59 Tâm hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo.*
5. *Nhân Vô Sân (Adosahetu):* Sự bất oán hận làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên ở trong Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Vô Sân ở trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo.*
6. *Nhân Vô Si (Amohahetu):* Sự không si mê lầm lạc làm thành Pháp cho Danh Sắc câu sinh với mình được kiên trụ vào nhau và tăng trưởng lên ở trong Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 47 hoặc 79 Tâm Tịnh Hảo Tương Ứng Trí.*

2. CHI THIÊN (JHĀNAṄGA)

Có Thất Chi Thiền, đó là:

1. **Tâm (Vitakka):** Pháp chùng đem Tâm đến Cảnh và làm thành Pháp thâm thị lấy Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tâm ở trong 44 Tâm Dục Giới, 11 Tâm Sơ Thiền.*
2. **Tứ (Vicàra):** Pháp chùng cọ xát ma phủ với Cảnh và làm thành Pháp thâm thị lấy Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tứ ở trong 44 Tâm Dục Giới, 11 Tâm Sơ Thiền, và 11 Tâm Nhị Thiền.*
3. **Hỷ Lạc (Pīti):** Pháp chùng có sự vui mừng phấn khởi ở trong Cảnh và làm thành Pháp thâm thị lấy Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hỷ ở trong 18 Tâm Dục Giới Hỷ Thọ, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền, và Tâm Tam Thiền.*
4. **Nhất Thống (Ekaggatà):** Pháp chùng kiên trụ ở trong một Cảnh duy nhất và làm thành Pháp thâm thị lấy Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 111 Tâm (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).*
5. **Hỷ Thọ (Somanassa):** Pháp chùng thụ hưởng Cảnh làm cho Tâm an lạc, và làm thành Pháp thâm thị lấy Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong 62 Tâm Câu Hành Hỷ.*
6. **Ưu Thọ (Domanassa):** Pháp chùng thụ hưởng Cảnh làm cho Tâm ưu khổ, và làm thành Pháp thâm thị lấy Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong 2 Tâm căn Sân.*
7. **Xả thọ (Upekkhà):** Pháp chùng thụ hưởng Cảnh với Tâm quân bình, và làm thành Pháp thâm thị lấy Cảnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong 47 Tâm Câu Hành Xả (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).*

3. CHI ĐẠO (MAGGAŅGA)

Có Thập Nhị Chi Đạo đó là:

1. **Chánh Kiến (Sammàdiṭṭhi):** Sự trông thấy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 47 hoặc 79 Tâm Tương Ứng Trí.*
2. **Chánh Tư Duy (Sammàsaṅkappa):** Sự nghĩ suy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tâm ở trong 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 11 Tâm Sơ Thiền.*
3. **Chánh Ngữ (Sammàvācà):** Việc nói lời chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Chánh Ngữ ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 40 Tâm Siêu Thế.*
4. **Chánh Nghiệp (Sammākammaṅta):** Việc hành động chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Chánh Nghiệp ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 40 Tâm Siêu Thế.*

5. **Chánh Mạng (Sammàjīva):** Việc nuôi mạng chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Chánh Mạng ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 40 Tâm Siêu Thế.*
6. **Chánh Tinh Tấn (Sammāvāyama):** Sự nỗ lực chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo.*
7. **Chánh Niệm (Sammāsati):** Sự truy niệm chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo.*
8. **Chánh Định (Sammāsamādhi):** Sự kiên trụ định thức chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú và Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo.*
9. **Tà Kiến (Micchādīṭhi):** Sự thấy sai chấp lầm làm thành đạo lộ cho đi đến Khổ Thú. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tà Kiến ở trong 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến.*
10. **Tà Tư Duy (Micchāsankappa):** Sự nghĩ suy bất chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Khổ Thú. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tầm ở trong 12 Tâm Bất Thiện.*
11. **Tà Tinh Tấn (Micchāvāyama):** Sự nỗ lực bất chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Khổ Thú. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 12 Tâm Bất Thiện.*
12. **Tà Định (Micchāsamādhi):** Sự kiên trụ bất chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Khổ Thú. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 11 Tâm Bất Thiện (loại trừ 1 Tâm Sĩ Tương Ứng Hoài Nghi).*

4. QUYỀN (INDRĪYA)

Có Nhị Thập Nhị Quyền, đó là:

1. **Nhãn Quyền (Cakkhundriya):** Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc nhìn thấy. Chi Pháp tức là *Nhãn Thanh Triệt.*
2. **Nhĩ Quyền (Sotindriya):** Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc lắng nghe. Chi Pháp tức là *Nhĩ Thanh Triệt.*
3. **Tỷ Quyền (Ghāṇindriya):** Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong người khí hơi. Chi Pháp tức là *Tỷ Thanh Triệt.*
4. **Thiệt Quyền (Jīvitindriya):** Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc nếm mùi vị. Chi Pháp tức là *Thiệt Thanh Triệt.*
5. **Thân Quyền (Kāyindriya):** Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc xúc chạm. Chi Pháp tức là *Thân Thanh Triệt.*
6. **Nữ Quyền (Itthindriya):** Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong sự làm thành nữ nhân. Chi Pháp tức là *Sắc Nữ Giới Tính.*
7. **Nam Quyền (Purīṇindriya):** Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong sự làm thành nam nhân. Chi Pháp tức là *Sắc Nam Giới Tính.*

8. *Mạng Quyền (Jīvitindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc bảo hộ Danh Pháp và Sắc Pháp. Chi Pháp tức là *Sắc Mạng Quyền* và *Tâm Sở Mạng Quyền*.
9. *Ý Quyền (Manindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc tiếp thu Cảnh. Chi Pháp tức là *tất cả các Tâm*.
10. *Lạc Quyền (Sukhindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc thụ hưởng sự an lạc về Thân. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc*.
11. *Khổ Quyền (Dukkhindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc thụ hưởng sự khốn khổ về Thân. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ*.
12. *Hỷ Quyền (Somanassindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc thụ hưởng sự an lạc Tâm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong 62 Tâm Câu Hành Hỷ*.
13. *Uùi Quyền (Domanassindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc thụ hưởng sự khôn khổ Tâm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong 2 Tâm căn Sân*.
14. *Xả Quyền (Upekkhindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc thụ hưởng Cảnh quân bình. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong 55 Tâm Câu Hành Xả*.
15. *Tín Quyền (Saddhindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong sự sùng tín sự vật khả tín. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tín ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo*.
16. *Tấn Quyền (Viriyindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong sự nỗ lực tinh cần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 105 Tâm Tương Ứng Cần (Viriyasampayuttacitta)*.
17. *Niệm Quyền (Satindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc chánh niệm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo*.
18. *Định Quyền (Samādhindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc kiên trụ trong một Cảnh duy nhất. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 72 Tâm (loại trừ 16 Tâm Vô Căn (Avīriyacitta), 1 Tâm Sĩ Tương Ứng Hoài Nghi)*.
19. *Tuệ Quyền (Paññindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 47 hoặc 79 Tâm Tương Ứng Trí*.
20. *Vị Tri Đương Tri Quyền (Anaññātaññassāmitindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc liễu tri tỏ tường Tứ Thánh Đế mà bản thân không từng liễu tri. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 1 Tâm Đạo Thất Lai*.

21. *Dĩ Tri Quyền (Aññindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc liễu tri tỏ tường Tứ Thánh Đế mà bản thân đã từng liễu tri. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 3 Tâm Đạo bậc thấp và 3 Tâm Quả bậc thấp*.
22. *Cụ Tri Quyền (Aññatàvindriya)*: Pháp chủng làm thành người chủ quản ở trong việc liễu tri tỏ tường tột cùng Tứ Thánh Đế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 1 Tâm Quả Vô Sinh*.

5. LỰC (BALA)

Có Cửu Lực, đó là:

1. *Tín Lực (Saddhàbala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong sự sùng tín đối với sự vật khả tín. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tín ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo*.
2. *Tấn Lực (Vīriyabala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong sự nỗ lực tinh cần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 105 Tâm Tương Ứng Cần*.
3. *Niệm Lực (Satibala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong việc chánh niệm. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo*.
4. *Định Lực (Samādhībala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong việc kiên trụ trong một Cảnh duy nhất. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 104 Tâm (loại trừ 16 Tâm Vô Cần, và 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi)*.
5. *Tuệ Lực (Paññābala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 79 Tâm Tương Ứng Trí*.
6. *Tàm Lực (Hirībala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong sự hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tàm ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo*.
7. *Quý Lực (Ottappabala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong sự giật mình ghê sợ đối với Ác Hạnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Quý ở trong 91 Tâm Tịnh Hảo*.
8. *Vô Tàm Lực (Ahirībala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong sự không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Vô Tàm ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.
9. *Vô Quý Lực (Anottappabala)*: Pháp chủng bất kinh động ở trong sự không có giật mình ghê sợ đối với Ác Hạnh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Vô Quý ở trong 12 Tâm Bất Thiện*.

6. TRƯỞNG (ADHIPATÌ)

Có Tứ Trưởng, đó là:

1. *Dục Trưởng (Chandhādhipati)*: Pháp chủng làm thành trưởng trội ở trong sự duyệt ý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Dục ở trong 18 Tâm Đồng Lực Nhị Nhân, và 34 hoặc 66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân*.

2. **Cần Trưởng (Vīriyādhīpati):** Pháp chủng làm thành trưởng trội ở trong sự nỗ lực tinh cần. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 18 Tâm Đồng Lực Nhị Nhân, và 34 hoặc 66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân.*
3. **Tâm Trưởng (Cittādhīpati):** Pháp chủng làm thành trưởng trội ở trong việc tiếp thu Cảnh. Chi Pháp tức là *52 hoặc 84 Tâm Đồng Lực Nhị Nhân và Tâm Đồng Lực Tam Nhân.*
4. **Thâm Trưởng (Vimamsādhīpati):** Pháp chủng làm thành trưởng trội ở trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 34 hoặc 66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân.*

7. VẬT THỰC (ĀHĀRA)

Có Tứ Thực, đó là:

1. **Đoàn Thực (Kabalīkārāhāra):** Pháp chủng làm thành người dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi. Chi Pháp tức là *Bồ Phẩm hiện hữu ở trong các vật thực.*
2. **Xúc Thực (Phassāhāra):** Pháp chủng làm thành người dắt dẫn cho Thọ sinh khởi. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Xúc ở trong tất cả các Tâm.*
3. **Ý Tư Thực (Manosañācetanāhāra):** Pháp chủng làm thành người dắt dẫn cho Thức Quả Dị Thực có Tâm Tái Tục v.v. sinh khởi. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tư ở trong tất cả các Tâm.*
4. **Thức Thực (Viññāṇāhāra):** Pháp chủng làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và Sắc Nghiệp sinh khởi. Chi Pháp tức là *tất cả các Tâm.*

Kệ Ngôn Trình Bày Tâm Không Có Được Chi Thiên, Chi Đạo, Quyền Và Lực

“Pañcaviññāṇesu jhānaṅgaṇi, ahetukesu maggaṅgaṇi na labbhanti tatthā avīriyēsuekaggatā indriyabalabhavaṃ na gacchati, vicikicchācette pana maggabhavaṃ pi.”- “**Các Chi Thiên** không thể tìm được ở trong Ngũ Thức. **Các Lực** không thể tìm được trong các Tâm không có tinh tấn. **Các Chi Đạo** không tìm thấy được ở trong các Tâm Vô Nhân. Cũng vậy, trong Tâm Tương Ứng Hoài Nghi thì Nhất Thống không thể trở thành Chi Đạo, Quyền hoặc Lực.

Giải thích: Ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức thường không có được Chi Thiên. Ở trong 18 Tâm Vô Nhân thường không có được Chi Đạo Tâm Sở Nhất Thống. Ở trong 16 Tâm Vô Cần thường không đạt đến Định Quyền và Định Lực. Cũng vậy, Tâm Sở Nhất Thống ở trong Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi thường không đạt đến Tà Định, Định Quyền và Định Lực.

Kệ Ngôn Trình Bày Chi Pháp Trong Cả 7 Nhóm Tổng Hợp Hỗn Hợp

1. Chahetù pañcajhànaṅga	Maggaṅga nava vatthuto
Soḷasindriyadhammà ca	Baladhammà naveritā
2. Cattàrodhipati vuttā	Tathàhàrāti sattadhā
Kusalàdisamàkiṇṇo	Vutto missakasaṅgaho

Dịch nghĩa là: “Trên thực tế, thì chỉ có Lục Nhân, Ngũ Chi Thiên, Cửu Chi Đạo, Thập Lục Quyền, và Cửu Lực, đã có được trình bày. Cũng vậy, Tứ Trưởng và Tứ Thực cũng đã được đề cập đến. Như vậy, Tổng Hợp Hỗn Hợp đã được liệt kê theo bảy phân loại gồm có Thiện và Bất Thiện.”

1. + Nhân: Rằng khi tính Chi Pháp Siêu Lý thì có được 6.
 + Chi Thiên: Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được 5.
 + Chi Đạo: Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được 9.
 + Quyền: Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được 16.
 + Lực: Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được 9.
2. + Trưởng: Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được 4.
 + Vật Thực: Rằng khi tính theo Siêu Lý thì có được 4 tương tự như nhau.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết việc trình bày Tổng Hợp Hỗn Hợp với cả ba thể loại Pháp trộn lẫn vào nhau gồm Thiện, Bất Thiện và Vô Ký, thì có được 7 nhóm như vậy.

Lời Giải Thích Trong Tổng Hợp Hỗn Hợp

Câu Chú Giải của từ ngữ *Missakasaṅgaha* (Tổng Hợp Hỗn Hợp), đó là: **“Kusalàkusalàbyàkatamissakànaṃ hetuchakkàdīnaṃ saṅgahoti = Missakasaṅgaho”**- “Liệt kê các nhóm với những Pháp Thực Tính gồm có Lục Nhân v.v. thể theo Thiện, Bất Thiện và Vô Ký trộn lẫn vào nhau, bởi do thế mới được gọi tên là Tổng Hợp Hỗn Hợp.”

1. NHÂN (HETU)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Hetu* (Nhân) là:

Hinoti vattati phalaṃ	Etehi iti hetuvo
Laddhahetūhi te thirā	Ruḷhamulāva pādapaṃ

“Quả báo thường sinh khởi bởi do những thể loại Pháp này, bởi do thế những thể loại Pháp này mới được gọi tên là Nhân”. Có nghĩa là tất cả các Pháp được đón nhận sự bảo trợ từ ở nơi Nhân thì thường có thực tính kiên định ở trong Cảnh như thế nào, y như cây cối có rễ cây tươi tốt vươn trái ra như thế ấy.

Ghi chú: Lời giải thích về việc Nhân đây, đã có trình bày ở trong Tổng Hợp Nhân rồi, bởi do thế mới không cần phải giải thích thêm lần nữa ở trong chỗ này.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Heu* (*Nhân*) thường được dịch nghĩa là “điều kiện tạo tác, tác nhân”. Trong các bài Kinh thường được gặp những câu như là “*Ko hetu ko paccayo – Do Nhân nào, do Duyên nào*”. Trong Tạng Vô Tỷ Pháp thì hai từ ngữ *Hetu* và *Paccaya* được phân biệt một cách rõ ràng và ở mỗi từ ngữ có một ý nghĩa riêng biệt. *Hetu* là nguyên nhân, hoặc căn cội, nguồn gốc từ đó phát xuất ra, hàm ý về Lục Nhân Tương Ứng gồm có Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, và đã được giải thích ở phần trên. *Paccaya* là điều kiện hỗ trợ, là Pháp phụ trợ (*Upakàra dhamma*), hoặc duyên hệ. *Hetu* như rễ cây, và *Paccaya* như nước, phân bón, v.v. (Xin xem Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ I, II, III; trang 34)]

2. CHI THIỀN (JHANAṄGA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Jhānaṅga* (*Chi Thiền*), là:

*Àlambamupanijjhenti Iti jhānāni vuccare
Jhāpentī va paccanīke Itipi jhānasaññitā*

“Những thể loại Pháp nào thường đi vào thắm thị Cảnh có đề mục Hoàn Tĩnh (*Kasīna*) v.v. bởi do thể những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Thiền Na.” Hoặc “Những thể loại Pháp nào thường thiêu đốt Pháp đối nghịch nhau, bởi do thể những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Thiền Na.” Tức là 7 Chi Thiền.

Chỗ gọi là Thiền Na đây, có nghĩa là **Pháp chủng có thực tính đi vào thắm thị Cảnh một cách kiên định**. Đối với Cảnh bị chú mục, thì bất hạn định sẽ là Cảnh Nghiệp Xứ hoặc là chẳng phải; sẽ là Hiệp Thế hoặc Siêu Thế; sẽ là Siêu Lý hoặc Chế Định đi nữa; với những thể loại này đều làm thành Cảnh của Thiền Na hết cả thảy.

Lại thêm một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng Thiền Na đây, được dịch nghĩa là “thiêu đốt”. Từ ngữ “thiêu đốt” ở trong chỗ này lập ý đến “làm cho Pháp làm thành đối nghịch với mình có năng lực phải bị thôi giảm xuống”, hoặc “làm cho không khởi sinh lên được”. Tức là 6 Chi Thiền (loại trừ Ưu Thọ) hiện hữu ở trong Tâm Đáo Đại. Còn Chi Thiền hiện hữu ở trong Tâm Dục Giới thì có thực tính đi vào thắm thị Cảnh một cách kiên định, và hiện bày rõ ràng hơn là việc thiêu đốt Pháp làm thành đối nghịch với mình.

Pháp Làm Thành Đối Nghịch Với Chi Thiền

1. *Hôn Thùy* là Pháp đối nghịch với *Tâm* (*Vitakka*)
2. *Hoài Nghi* là Pháp đối nghịch với *Tứ* (*Vicāra*)

3. *Sân Độc* là Pháp đối nghịch với *Hỷ Lạc (Pīti)*
4. *Tham Dục* là Pháp đối nghịch với *Nhất Thống (Ekaggatā)*
5. *Trạo Cử, Hối Hận* và *Ưu Thọ* là Pháp đối nghịch với *Hỷ Thọ (Somanassa)* và *Xả Thọ (Upekkhā)*
6. *Hỷ Lạc* và *Hỷ Thọ* là Pháp đối nghịch với *Ưu Thọ (Domanassa)*

[**Chú thích:** Từ ngữ *Jhāna (Thiền Na)* được giải thích là Pháp siêu đốn tính cách chướng ngại của các Pháp Triền Cái, hoặc thâm thị vào Cảnh đề mục. Cả hai ý nghĩa đều có thể áp dụng cho thực tính Thiền Na, được chứng đắc do Tâm đã kiên định. Cả 6 Chi Thiền đều được dùng ở trong cả hai ý nghĩa này. Cũng với những Chi Thiền này, một khi hiện hữu ở trong các thể loại Tâm Thiện hoặc Bất Thiện, và có Ưu Thọ hiện khởi ở trong Tâm Bất Thiện, thì được gọi là *Chi Thiền (Jhānaṅga)* ở trong ý nghĩa thứ hai. Chỉ có Ưu Thọ là Bất Thiện, tất cả còn lại đều là Thiện.]

3. CHI ĐẠO (MAGGAṄGA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Maggaṅga (Chi Đạo)*, là:

<i>Sagatyā ca duggatyā ca</i>	<i>Nibbānanassa ca pāpaṇā</i>
<i>Tesaṅca pathabhūtattā</i>	<i>Maggaṅgānīti vuccare</i>
<i>Maggaṅga và aṅgānīti</i>	<i>Maggaṅgānīti sammata</i>

“*Cửu Chi Pháp mà Ngài đã nói rằng là Chi Đạo, bởi vì làm thành tác nhân cho đi đến Thiện Thú, Khổ Thú, Níp Bàn; và làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú, Khổ Thú và Níp Bàn.*”

Một phần khác nữa: “*Cửu Chi Pháp mà Ngài gọi là Chi Đạo, bởi vì làm thành từng mỗi Chi Phần của Đạo.*”

Thông thường tất cả Chúng Hữu Tình luân hồi sinh tử ở trong 31 Cõi Giới, hoặc bậc đã được chứng đạt đến Níp Bàn, thì thường phải nương vào tác nhân làm thành đạo lộ nâng đỡ sách tấn cho được chứng đạt đến. Như thế, ***Pháp làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến các Cõi Giới, và Níp Bàn;*** đó chính là 12 Chi Đạo, gồm có Chánh Kiến, v.v. ấy vậy.

Trong số lượng 12 Chi Đạo đây, thì có 8 Chi Đạo làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến Cõi Thiện Thú và Níp Bàn, đó là: 1/. Chánh Kiến, 2/. Chánh Tư Duy, 3/. Chánh Ngữ, 4/. Chánh Nghiệp, 5/. Chánh Mạng, 6/. Chánh Tinh Tấn, 7/. Chánh Niệm, 8/. Chánh Định.

Có 4 Chi Đạo làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến Cõi Khổ Thú, đó là: 1/. Tà Kiến, 2/. Tà Tư Duy 3/. Tà Tinh Tấn, 4/. Tà Định.

Ở trong Kinh Tạng, Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết đạo lộ ở ngoài ra 12 Chi Đạo như đã vừa đề cập đến đây, thì vẫn còn hiện hữu thêm nữa, đó là: Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạng, và Tà Niệm. Thế nhưng khi sắp bày thể theo Chi Pháp Siêu Lý thì chẳng có chi đặc biệt; và đó chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện liên quan với Ngũ Ác Hạnh và Thân Ác Hạnh; việc nuôi mạng ở trong đạo lộ bất chánh và việc nghĩ suy đến các điều Bất Thiện.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Maggaṅga* (Chi Đạo) theo bản Chú Giải thì được dùng ở trong ý nghĩa phổ thông; tức là Pháp hướng đến trạng thái của các Cõi Thiện Thú an lạc, Cõi Khổ Thú bất an, và Níp Bàn (*Sugatidugatinam nibbānassa ca abhimukham pāpanato magga*). Ở trong 12 Chi Đạo, thì bốn Chi Đạo cuối cùng hướng đến trạng thái bất an của Khổ Thú. Tất cả các Chi Đạo còn lại thì đến trạng thái an lạc của Thiện Thú, và Níp Bàn.

Một cách chính xác, thì 12 Chi Đạo kể trên, chính là 9 Tâm Sở hiện hữu ở trong các thể loại Tâm khác nhau. Ở trong 4 Chi Đạo Bất Thiện, thì Tà Kiến chính là Tâm Sở Tà Kiến; Tà Tư Duy chính là Tâm Sở Tàm; Tà Tinh Tấn chính là Tâm Sở Cần; và Tà Định chính là Tâm Sở Nhất Thống hiện hữu ở trong các thể loại Tâm Bất Thiện.

Ngược trở lại, thì Chánh Kiến chính là Tâm Sở Trí Tuệ. Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, Chánh Định cũng chính là các Tâm Sở Tàm, Tâm Sở Cần, Tâm Sở Nhất Thống hiện hữu ở trong các thể loại Tâm Thiện và Vô Ký. Chánh Niệm chính là Tâm Sở Niệm. Còn Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng chính là ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phẫn, và hiện hữu ở trong các thể loại Tâm Siêu Thế và riêng rẽ ở trong các thể loại Tâm Thiện Hiệp Thế. Bất Chánh Đạo bao hàm ý nghĩa của tám Tâm Sở đặc biệt này.]

4. QUYỀN (INDRIYA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Indriya* (Quyền), là: “*Indanti paramaissariyam karontīti = Indriyāni*”- “*Những thể loại Pháp nào làm thành người chủ quản, nghĩa là thường tác hành cho bản thân được hoàn toàn độc lập; bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới gọi tên là Quyền.*”

Từ ngữ *Indriya* (Quyền) dịch nghĩa là “*làm thành người chủ quản*” có nghĩa là *có khả năng làm cho Pháp Thực Tính câu sinh với mình, phải hiện hành theo mãnh lực của mình.* Chẳng hạn như Nhãn Quyền làm thành người chủ quản ở trong việc trông thấy, tức là việc trông thấy sẽ được hiện khởi lên cũng phải nương vào Nhãn Thanh Triệt. Nếu không có Nhãn Thanh Triệt, thế rồi việc trông thấy cũng không thể sinh khởi lên được. Và việc trông thấy xa hoặc gần, trông thấy được rõ ràng hoặc không rõ ràng, đó cũng chính là do bởi nương từ ở nơi Nhãn Thanh Triệt ấy vậy. Nếu như Nhãn Thanh Triệt có năng lực tốt đẹp, thì việc

trông thấy cũng được thấy xa và rõ; và nếu như Nhãn thanh Triệt có năng lực yếu kém, thì việc trông thấy cũng chẳng thấy được xa và cũng không rõ ràng. Với những thể loại này, là cũng chính do bởi Nhãn Thanh Triệt đã tạo tác cho hiện hành theo mãnh lực của bản thân mình ở trong việc chủ quản ấy vậy.

Ở trong các Quyền khác cũng tương tự như nhau, tức là từng mỗi Quyền cũng có chức năng chủ quản, nghĩa là tạo tác cho Pháp Thực Tính liên quan với bản thân được hiện hành theo mãnh lực của mình.

Việc Phân Tích Nhị Thập Nhị Quyền Theo Cõi Giới

1. *Nhãn Quyền, Nhĩ Quyền, Tỷ Quyền, Thiệt Quyền, Thân Quyền, Nữ Quyền, Nam Quyền, Lạc Quyền, Khổ Quyền, Hỷ Quyền*, kết hợp cả 10 Quyền này lại đều là Pháp Dục Giới hết cả thấy; bởi do thế gọi là *Dục Quyền (Kàmaindriya)*.

2. *Mạng Quyền, Ý Quyền, Xả Quyền, Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, Tuệ Quyền*, kết hợp cả 8 Quyền này lại được làm thành Pháp Dục Giới, Pháp Sắc Giới, Pháp Vô Sắc Giới và Pháp Siêu Thế; bởi do thế gọi là *Dục Giới Quyền, Sắc Giới Quyền, Vô Sắc Giới Quyền, và Siêu Thế Quyền (Kàma, Rùpa, Arùpa, Lokuttaraindriya)*.

3. *Hỷ Quyền* được làm thành Pháp Dục Giới, Pháp Sắc Giới, Pháp Vô Sắc Giới và Pháp Siêu Thế; bởi do thế gọi là *Dục Giới Quyền, Sắc Giới Quyền, và Siêu Thế Quyền*.

4. *Vị Tri Đương Tri Quyền, Dĩ Tri Quyền, Cụ Tri Quyền*, kết hợp cả 3 Quyền này lại đều được làm thành Pháp Siêu Thế hết cả thấy; bởi do thế gọi là *Siêu Thế Quyền*.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Indriya (Quyền)* được gọi như vậy vì lẽ những thể loại Pháp này có năng lực kiểm soát trong lãnh vực riêng biệt của mình. Ngũ Quyền đầu tiên chính là Ngũ Thanh Triệt, đã có được trình bày ở phần trên. Quyền thứ sáu và thứ bảy thì được gọi chung là *Giới Tính Quyền (Bhàvindriya)* gồm có Nam Giới Tính và Nữ Giới Tính. Mạng Quyền gồm cả hai là Danh Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền. Quyền thứ 10 cho đến 14 chính là Ngũ Thọ. Quyền thứ 15 cho đến 19 được xem cả hai, là *Quyền (Indriya)* và *Lực (Bala)*, bởi vì cả hai thể loại này chi phối những Tâm câu sinh và khắc phục những năng lực đối nghịch. Ba Quyền cuối cùng quả thật vô cùng quan trọng và thuộc về Pháp Siêu Thế. Từ ngữ *Anaññàtam* có nghĩa là Níp Bàn chưa từng được liễu tri đến. Đến khi thành đạt tầng Thánh đầu tiên - *Thất Lai Đạo (Sotàpatti Magga)* mới liễu tri được Tứ Thánh Đế lần đầu tiên. Do đó, Tuệ Giác của Thất Lai Đạo được gọi là *Vị Tri Đương Tri Quyền*. Sáu thể loại Tuệ Giác ở giai đoạn giữa, tính từ Quả Thất Lai cho đến Quả Vô Sinh được gọi là *Añña* (xuất nguyên từ *À* = tuyệt hảo, ngữ căn *ñà* = liễu tri), Tuệ Giác tối thượng. Vì lẽ Trí Tuệ hiện hữu ở trong bảy thể loại Tâm

Siêu Thế này đã kiểm soát được hết tất cả 37 Đẳng Giác Phận, nên được gọi là Quyền; hoặc năng lực kiểm soát.

Một bậc Vô Sinh được gọi là *Aññatàvi* vì lẽ Ngài đã chứng ngộ trọn vẹn Tứ Thánh Đế. Yếu tố cuối cùng là Tuệ Giác tối thượng của bậc Vô Sinh hiện hữu ở trong tầng Thánh Quả Vô Sinh.]

5. LỰC (BALA)

Từ ngữ *Bala* (Lực) có nghĩa là “*bất kinh động*”. Như có Pàli trình bày rằng: “*Akampanatthena balaṃ*”- “Gọi là Lực với ý nghĩa bất kinh động” Hoặc “*Baliyanti uppanne paṭipakkhadhamme saḥanti maddantīti = Balāni*”- “Những thể loại Pháp nào thường có năng lực đè nén Pháp đối nghịch đã có sinh khởi, và có sự kham nhẫn chiến đấu tiêu diệt những thể loại Pháp đối nghịch ấy, bởi do thế những thể loại Pháp ấy được gọi tên là Lực.”

Lời giải thích: Thông thường tất cả các vị tướng quân thường bất kinh động ở trong chức nghiệp của mình như thế nào, thì Cử Chi Pháp có Tín, v.v. cũng thường bất kinh động ở trong chức năng của mình, như là sự sùng tín, sự nỗ lực tinh cần, v.v. như thế ấy, nên mới được gọi tên Lực.

Sự bất kinh động có hai thể loại, đó là:

1/. Có một vài vị tướng quân bất kinh động ở trong chức nghiệp của mình; có nghĩa là sự làm thành người chủ quản sống ở trong quyền lực chỉ huy của mình, và một khi có được tiếp xúc với quân thù rồi thì bất kinh động, và lại có khả năng diệt trừ bọn quân thù ấy được. Điều này như thế nào, thì những thể loại Pháp Lực ở bên phía Thiện cũng bất kinh động ở trong chức năng của mình, và có khả năng diệt trừ Pháp Bất Thiện ở phần đối nghịch với mình, cho tiệt diệt đi được. Như trường hợp về Tín Lực có sự sùng tín một cách kiên định bất kinh động, và có khả năng diệt trừ Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho khởi sinh lên sự bất khả tín, cho phải bị tiệt diệt đi được chẳng hạn như vậy.

2/. Có một vài vị tướng quân bất kinh động ở trong chức nghiệp của mình; có nghĩa là chỉ đơn nhất làm thành người chủ quản ở trong quyền lực chỉ huy của mình mà thôi, thế nhưng một khi có được tiếp xúc với quân thù thì lại không có khả năng để sẽ diệt trừ bọn quân thù ấy cho phải bị thất bại thảm hại đi được. Điều này như thế nào, thì những thể loại Pháp Lực ở bên phía Bất Thiện quả thật có sự bất kinh động ở trong chức năng của mình, tức là chỉ có đơn nhất kiên trụ ở trong Pháp cùng câu sinh với mình mà thôi; thế nhưng một khi Pháp Thiện ở phần đối nghịch với mình đang sinh khởi lên, thì lại không có khả năng để sẽ diệt trừ đi được; phải bị thôi giảm và hiện hành đi theo ở phần Thiện Pháp. Như trường hợp về Vô Tàm Lực quả thật có sự bất kinh động ở trong việc không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh; thế nhưng một khi Tàm Lực sinh khởi lên rồi thì Vô Tàm Lực cũng phải

bị thất bại, và không còn có khả năng để kiên trụ được nữa, chẳng hạn như vậy. Như có phần Pàli dẫn chứng trình bày rằng:

Asaddhiye kosajje ca Muṭṭhassacce ca uddhacce
Avijjāya ahirike Nottappe ca na kampare.
Tasmā saddhādayo satta Kusalādi balāni ca
Yuttesveva akampena Upaṇṇāpi taṃnāmikā.

“Thất Chi Pháp có Tín, v.v. ở phần những thể loại Thiện và Vô Kỳ đây, gọi tên là Lực vì lẽ theo tuân tự bất kinh động ở trong Pháp Bất Thiện; có nghĩa là Tín thường bất kinh động ở trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi sự bất tín. Cần thường bất kinh động ở trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi sự lười biếng. Niệm thường bất kinh động ở trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi việc thất niệm. Định thường bất kinh động ở trong sự phóng dật. Tuệ thường bất kinh động ở trong việc bất liễu tri Chân Lý. Tàm thường bất kinh động ở trong sự không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Quý thường bất kinh động ở trong sự không có giật mình ghê sợ đối với Ác Hạnh.

Ngay cả Pháp Bất Thiện có những thể loại Cần, Vô Tàm, Vô Quý đây, cũng được gọi tên là Lực, vì lẽ chỉ bất kinh động đơn nhất ở trong Pháp Tương Ứng với mình mà thôi.”

[**Chú thích:** Từ ngữ *Bala* (Lực) được gọi tên như vậy bởi vì không thể bị những năng lực đối nghịch làm chao động, và bởi vì các thể loại Pháp này hỗ trợ tăng cường cho những thể loại Pháp đồng cùng câu sinh. Bảy Lực đầu tiên là Pháp Thiện, và hai Lực cuối cùng là Pháp Bất Thiện. Bảy Lực đầu tiên, theo tuân tự, đối nghịch với những trạng thái bất tín, lười biếng, phóng dật, vô minh, không có hổ thẹn Ác Hạnh, và không có giật mình ghê sợ quả báo của Ác Hạnh. Hai Lực Bất Thiện cuối cùng chỉ nằm ở trong 12 Tâm Bất Thiện và củng cố kiên trụ cho những thể loại đồng cùng câu sinh với mình.]

6. TRƯỞNG (ADHIPATÌ)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Adhipatī* (Trưởng) là: “*Adhinānam pati = Adhipatī*”- “Pháp làm thành thủ trưởng của Pháp hữu quan với mình, hoặc Pháp làm thành trưởng trội hơn Pháp hữu quan với mình; bởi do thể Pháp ấy mới được gọi tên là Trưởng.” Hoặc một phần khác nữa: “*Adhiko pati = Adhipatī*”- “Pháp làm thành thủ trưởng có năng lực cùng tột, hoặc Pháp làm thành trưởng trội có năng lực cùng tột; bởi do thể mới được gọi tên là Trưởng.”

Lời giải thích: Sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản đây, hiện hữu hai thể loại, đó là:

1. Sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo *sự làm thành Quyền*.
2. Sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo *sự làm thành Trưởng*.

1. Pháp làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản *bởi theo sự làm thành Quyền đây*, một khi sinh khởi lên thì thường đồng câu sinh trong cùng một lúc được nhiều Quyền với nhau mà không có việc bắt hòa lẫn nhau; bởi vì những thể loại Pháp làm thành Quyền đây chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong chức năng của mình mà thôi. Có nghĩa là Nhân Quyền chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong việc trông thấy. Ý Quyền cũng chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong việc tiếp thu Cảnh. Tín Quyền cũng chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong sự sùng tín, v.v. Chẳng hạn như khi cái Tâm Đại Thiện thứ nhất sinh khởi lên thì ở trong cái Tâm Đại Thiện đồng câu sinh với Tâm Sở đây, có được 8 Pháp làm thành Quyền cùng câu sinh với nhau, đó là: Mạng Quyền, Ý Quyền, Hỷ Quyền, Tín Quyền, Cần Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, và Tuệ Quyền.

Ở trong những cả Bát Quyền cùng câu sinh với cái Tâm Đại Thiện thứ nhất này, thì Tâm Sở Mạng Quyền làm thành Trưởng chủ quản ở trong chức năng bảo hộ Tâm – Tâm Sở cùng câu sinh với mình. Cái Tâm Đại Thiện thứ nhất thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc tiếp thu Cảnh. Hỷ Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc thụ hưởng Cảnh an lạc về Tâm. Tín Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc sùng tín. Cần Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc tinh cần. Niệm Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc đạt được ghi nhớ. Định Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc kiên trụ với Cảnh. Tuệ Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc liễu tri được Chân Lý. Từng mỗi phần làm theo mỗi chức năng riêng biệt, và không có việc cấm chỉ làm thành Trưởng lẫn nhau. Do vậy mới gọi là “*làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo sự làm thành Quyền.*”

2. Còn sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản *bởi theo sự làm thành Trưởng* đây, một khi sinh khởi ở trong từng mỗi giai đoạn thì thường chỉ được sinh khởi duy nhất một thể loại Pháp mà thôi. Chẳng hạn như ở trong sát na Dục làm thành Trưởng, tức là có sự duyệt ý một cách dững mãnh hiện khởi lên rồi, thì Cần, Tâm, và Tuệ cũng phải thuận từng theo Dục ở trong các Cảnh ấy. Nếu ở giai đoạn nào Cần làm thành Trưởng, tức là có sự tinh cần một cách dững mãnh hiện khởi lên rồi, thì Dục, Tâm, và Tuệ cũng phải thuận từng theo Cần đi ở trong các Cảnh ấy. Nếu ở giai đoạn nào Tâm làm thành Trưởng, tức là có sự chú tâm một cách dững mãnh hiện khởi lên rồi, thì Dục, Cần, và Tuệ cũng phải thuận từng theo Tâm đi ở trong các Cảnh ấy. Và nếu ở giai đoạn nào Tuệ làm thành Trưởng,

tức là có sự liễu tri được Chân Lý hiện khởi lên rồi, thì Dục, Cần và Tâm cũng phải thuận tùng theo Tuệ đi ở trong các Cảnh ấy, tương tự như nhau.

Tóm lại, rằng sự làm thành Trưởng **bởi theo sự làm thành Quyền** thì ở trong từng mỗi một giai đoạn, thường đồng câu sinh trong cùng một lúc được nhiều Quyền với nhau mà không có việc bắt hòa lẫn nhau. Còn sự làm thành Trưởng **bởi theo sự làm thành Trưởng** thì trong từng mỗi giai đoạn thường chỉ được sinh khởi duy nhất một thể loại Pháp mà thôi, và không thể có nhiều Trưởng cùng sinh khởi lên với nhau được.

Lại nữa, Pháp được làm thành Trưởng đây, thì chỉ phải ở trong Tâm Đồng Lục Nhị Nhân hoặc Đồng Lục Tam Nhân mà thôi; bởi do thế Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày đề ở trong bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp rằng: **“Dvihetukatihetujavanesveva yathàsambhavam adhipatiekova labbhati”**- “Trong Tứ Trưởng thì chỉ có một Trưởng được chứng đắc một lần, tùy theo trường hợp, và chỉ ở trong các Tâm thuộc Nhị Nhân hoặc Tam Nhân.” Duy nhất chỉ có được một Trưởng ở trong số lượng Tứ Trưởng, và tùy theo trường hợp chỉ sẽ được hiện hành ở trong các Tâm Đồng Lục Nhị Nhân và Tâm Đồng Lục Tam Nhân mà thôi.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Adhipati* (Trưởng) bao hàm ý nghĩa “có quyền thế cao trội, hay có quyền lãnh đạo”. Sự khác biệt giữa *Adhipati* (Trưởng) với *Indriya* (Quyền) nên được hiểu biết một cách rõ ràng. *Adhipati* với quyền thế cao trội, có thể ví như một vị Vua, nhà lãnh đạo quốc gia, có toàn quyền cai trị một Vương Quốc, là Chúa Tể của tất cả các vị Bộ Trưởng. *Indriya* được ví như vị Bộ Trưởng của nhà vua, chỉ kiểm soát riêng biệt Bộ của mình mà không thể lấn quyền qua một Bộ khác được. Như Nhân Quyền chẳng hạn, chỉ có thể kiểm soát riêng biệt về những Sắc Pháp cùng tồn tại ở trong con mắt, và không thể kiểm soát được những khả năng của lỗ tai. Trong trường hợp của *Adhipati* thì có quyền thế cao trội hơn, chi phối toàn thể những yếu tố cùng tồn tại với mình, và không có sự đối kháng nào cả. Tuy nhiên, không có hai *Adhipati* có thể tác hành trong cùng một lúc được. Trái lại, *Indriya* thì ở trong các bộ phận khác nhau như con mắt, lỗ tai, lỗ mũi, v.v. có thể cùng tồn tại trong cùng một lúc.]

7. VẬT THỰC (ÀHÀRA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Àhàra* (Vật Thực), là: **“Àhàrantiti = Àhàrà”**- “Những thể loại Pháp nào thường dắt dẫn các Pháp làm thành quả báo của mình; bởi do thế những thể loại Pháp ấy được gọi tên là Vật Thực.”

Lời giải thích: Từ ngữ *Àhàra* (Vật Thực) dịch nghĩa là “dắt dẫn đến” có nghĩa là “làm cho quả báo sinh khởi, vả lại giúp đỡ ủng hộ cho được tồn tại, và được tăng trưởng lên”. Tương tự như nói với nhau rằng “công việc này được thiết

lập lên, và được phát triển lên là cũng do bởi người quản lý làm thành nhà hướng dẫn dắt” và nếu thiếu mất người quản lý này đi rồi, thì các công việc ấy sẽ không có thể tồn tại và phát triển lên được. Điều này như thế nào thì sự sinh hoạt của tất cả Chúng Hữu Tình cũng tương tự như nhau, tức là một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã được sinh khởi với mãnh lực của Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế, thì Hữu Tình ấy sẽ có được sinh mệnh hiện hữu và được phát triển lên, là cũng do bởi nương vào Bồ Phẩm ở trong các vật thực sai khác làm thành người dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình ấy. Và khi Sắc Vật Thực đã sinh khởi rồi, thì cũng làm cho Hữu Tình ấy có được sinh mệnh hiện hữu và được phát triển lên; bởi do thế chất **Bồ Phẩm này mới được gọi tên là Đoàn Thực.**

Xúc (Phassa) được gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn Thọ. Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này có sự nhận thức an lạc (*Hỷ Thọ*), bất an (*Ưu Thọ*) hoặc thản nhiên (*Xả Thọ*), đã là thực tính của những cảm thọ đây sẽ hiện khởi lên được thì trước tiên cũng phải do nương vào việc tiếp xúc giữa Cảnh, Môn và Tâm. Việc tiếp xúc giữa cả ba thực tính này gọi là Xúc. Nếu không có Xúc là việc tiếp xúc này đây, thì các sự nhận thức ấy cũng sẽ không thể hiện khởi lên được. Và một khi đã thiếu mất sự nhận thức ấy đi rồi, thì tương tự như nhau, Tham là sự duyệt ý và dính mắc ở trong các Cảnh, là chỗ làm thành tác nhân cho việc tiến hóa của Thế Giới Hữu Tình này cũng không thể có được; bởi do thế **Xúc đây mới được gọi tên là Xúc Thực.**

Tư Tác Ý (Cetanà) được gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Quả Dị Thực, gồm có Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Nhãn Thức, v.v. sinh khởi lên được. Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình, chỉ ngoại trừ bậc Vô Sinh, khi mệnh chung rồi thì thường có việc việc tái tục tiếp nối trở lại ngay tức thì, và tiếp theo đó là có việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc ngửi khí hơi, việc nếm mùi vị, việc xúc chạm hiện khởi lên. Những thể loại này đều là Thức Quả Dị Thực hết tất cả, và Pháp làm thành tác nhân từ nơi việc sinh khởi của những thể loại Thức Quả Dị Thực này, cũng chính là Tư Tác Ý có việc sắp bày tạo tác các sự việc ấy hữu quan với Thân Hành cũng có, hoặc Ngũ Hành cũng có, hoặc Ý Hành cũng có. Nếu như không có Tư Tác Ý làm thành người sắp bày tạo tác, thế rồi tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã mệnh chung thì cũng sẽ không có việc tục sinh, việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v.

Có hai thể loại Tư Tác Ý làm thành người dắt dẫn cho tất cả Chúng Hữu Tình sinh khởi, và có được những thể loại từ nơi việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v., đó là: Tư Tác Ý hiện hữu ở trong các Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện Hiệp Thế làm thành người dắt dẫn cho Thức Quả Dị Thực sinh khởi một cách trực tiếp. Còn Tư Tác Ý hiện hữu ở trong các Tâm khác, phần ngoài ra Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế, thì làm thành người dắt dẫn Uẩn Tương Ứng với nhau cho sinh khởi chỉ ngàn ấy mà thôi. Với lý do này, **Tâm Sở Tư được gọi tên là Ý Tư Thực.**

Tất cả Tâm gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và Sắc Nghiệp sinh khởi. Lẽ thường Tâm và Tâm Sở cho dù quả thật là câu sinh với nhau đi nữa, tuy nhiên Tâm thường làm thành nhân vật chánh yếu dắt dẫn của Tâm Sở và Sắc Nghiệp. Đối với Tâm Tái Tục thì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và sắc Nghiệp sinh khởi. Còn Tâm Chuyển Khởi thì chỉ làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở mà thôi. Bởi do thế, Sắc Nghiệp sinh ở trong Thời Chuyển Khởi (*Pavattikàla - Thời Bình Nhật*), hoặc Sắc Nghiệp của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, thì thường chẳng có nương sinh do từ nơi Tâm ở ngay trong kiếp sống này, mà thường là nương sinh từ ở nơi Nghiệp Quá Khứ được gọi là *Nghiệp Thức* (*Kammaviññàṇa*) làm thành người dắt dẫn cho sinh khởi. Với lý do này, **tất cả các Tâm mới được gọi tên là Thức Thực**. Như có kệ ngôn trình bày rằng:

***Ojaṭṭhamakarūpaṃ ye Vedanaṃ paṭisandhikaṃ
Nāmarūpaṃ àharanti Tasmàhàrāti vuccare***

“Những thể loại Pháp nào thường dắt dẫn theo riêng từng mỗi của Tổng Hợp Vật Thực Bát Thuần, của Thọ, của Thức Tái Tục, Tâm Sở và Sắc Nghiệp; bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Vật Thực.”

Kết Luận

1. **Đoàn Thực:** thì dắt dẫn *Tổng Hợp Vật Thực Bát Thuần* cho sinh khởi trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình.
2. **Xúc Thực:** thì dắt dẫn *Thọ* là việc thụ hưởng Cảnh an lạc cũng có, khổ đau cũng có, thân nhiên cũng có.
3. **Ý Tư Thực:** thì dắt dẫn *Thức Tái Tục* là việc sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, Hữu Tình Địa Ngục, và *Thức Chuyển Khởi* là việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v.
4. **Thức Thực:** thì dắt dẫn *Tâm Sở và Sắc Nghiệp*.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Àhàra* (*Vật Thực*) được dùng ở trong ý nghĩa là Chất Bổ Phẩm, chất dinh dưỡng, thức ăn. Đoàn Thực bao hàm miếng ăn, vật thực dùng để ăn, cấp dưỡng Chất Bổ Phẩm cho cơ thể vật chất. Xúc Thực là thức ăn của các xúc giác, cấp dưỡng Chất Bổ Phẩm cho Ngũ Thọ. Ý Tư Thực là thức ăn tinh thần, là các Tâm Sở Tư ở trong 29 thể loại Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện Hiệp Thế. Những thức ăn tinh thần này cấp dưỡng Chất Bổ Phẩm, hoặc tạo nên hiện tượng tái tục ở trong Tam Giới. Thức Thực có nghĩa là vật thực cho Thức Tái Tục, cấp dưỡng những Tâm Sở và các Sắc Nghiệp Danh Sắc đồng câu sinh cùng một lúc. Có 19 thể loại Thức Tái Tục. Trong trường hợp Cõi Nhất Uẩn của Chúng Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng thì chỉ cấp dưỡng đơn thuần Sắc Pháp. Trong Cõi Tứ

Danh Uẩn thì chỉ cấp dưỡng đơn thuần Danh Pháp. Trong kiếp sống của Chúng Hữu Tình Ngũ Uẩn thì có được cấp dưỡng cả hai Danh và Sắc Vật Thực.]

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Hồn Hợp

-----00000-----

TỔNG HỢP ĐĂNG GIÁC PHẦN (BODHIPAKKHIYASAṄGAHA)

Việc trình bày liệt kê thành một nhóm duy nhất
với các Pháp ở phía bên Tuệ Đạo

Bodhipakkhiyasaṅgahe cattāro satipaṭṭhānā: kāyānupassanā - satipaṭṭhānaṃ, vedānupassanā - satipaṭṭhānaṃ, cittaṇupassanā - satipaṭṭhānaṃ.

Cattāro sammappadhānā: uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo, anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo, anuppannānaṃ kusalanāṃ uppādāya vāyāmo, uppannānaṃ kusalanāṃ bhīyyobhāvāya vāyāmo.

Cattāro iddhipādā: chandiddhipādo, viriyiddhipādo, cittiddhipādo, vimāṃsiddhipādo.

Pañcindriyāni: saddhindriyaṃ, viriyindriyaṃ, satindriyaṃ, samādhindriyaṃ, paññindriyaṃ.

Pañcabalāni: saddhābalaṃ, viriyabalaṃ, satibalaṃ, samādhībalaṃ, paññābalaṃ.

Sattabojjhaṅgā: satisambojjhaṅgo, dhammavicayasambojjhaṅgo, viriyasambojjhaṅgo, pītisambojjhaṅgo, passaddhisambojjhaṅgo, samādhīsambojjhaṅgo, upekkhāsambojjhaṅgo.

Aṭṭhamaggaṅgāni: sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā, sammākammanto, sammājīvo, sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhī.

Ettha pana cattāro satipaṭṭhānāti sammāsati ekāva pavuccati. Tathā cattāro sammappadhānāti ca sammāvāyāmo.

Chando cittaṃ upekkhā ca saddhā passaddhi pītiyo. Sammādiṭṭhi ca saṅkappo vāyāmo viratittayaṃ.

Sammāsati samādhīti cuddasete sabhāvato. Sattatiṃsappabhedena sattadhā tattha saṅgaho.

Saṅkappa passaddhi ca pītipekkhā chando ca cittaṃ viratittayaṃ ca.

Navekaṭṭhānā viriyaṃ nava aṭṭha sati samādhī catu pañca paññā.

Saddhā duṭṭhānuttamasattatiṃsaddhamānameso pavaro vibhāgo.

Sabbe lokuttare honti na vā saṅkappapītiyo. Lokiye pi yathāyogaṃ chabbisuddhippavattiyaṃ.

Trong Tổng Hợp Đăng Giác Phần, thì có:

Tứ Niệm Xứ là: Thân Tùy Quán Niệm Xứ, Thọ Tùy Quán Niệm Xứ, Tâm Tùy Quán Niệm Xứ, Pháp Tùy Quán Niệm Xứ.

Tứ Chánh Cần là: Tinh cần đoạn trừ các Ác Pháp đã sinh, Tinh cần ngăn ngừa không cho các Ác Pháp sẽ khởi sinh, Tinh cần làm cho các Thiện Pháp sẽ sinh khởi, Tinh cần bảo trì tăng trưởng các Thiện Pháp đã sinh,

Tứ Thần Túc là: Dục Thần Túc, Cần Thần Túc, Tâm Thần Túc, Thảm Thần Túc.

Ngũ Quyền là: Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, Tuệ Quyền.

Ngũ Lực là: Tín Lực, Tấn Lực, Niệm Lực, Định Lực, Tuệ Lực.

Thất Giác Chi là: Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi, Tinh Tấn Giác Chi, Hỷ Lạc Giác Chi, Khinh An Giác Chi, Định Giác Chi, Xả Giác Chi.

Bát Chi Đạo là: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Ở nơi đây, Tứ Niệm Xứ được xem là một Chánh Niệm. Cũng vậy, Tứ Chánh Cần được xem là một Chánh Tinh Tấn.

Như vậy, Tổng Hợp này khi phân loại thì có được bảy nhóm Pháp, gồm có 37 thể loại thể theo Thực Tính Pháp, đó là: Dục, Tâm, Trung Gian, Tín, Khinh An, Hỷ Lạc, Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, ba Ngăn Trừ Phần, Chánh Niệm và Chánh Định.

Sự phân loại của 37 Pháp Tối Thượng này được trình bày như sau: có chín Pháp gồm Tư Duy, Khinh An, Hỷ Lạc, Trung Gian, Dục, Tâm và ba Ngăn Trừ Phần được nói đến chỉ có một lần. Tinh Tấn đến chín lần, Niệm tám lần, Định bốn lần, Tuệ năm lần, và Tín hai lần.

Tất cả những Pháp này đôi khi, ngoại trừ Tư Duy và Hỷ Lạc, sinh khởi ở trong các Tâm Siêu Thế. Các Pháp này cũng sinh khởi ở trong các Tâm Hiệp Thế, tùy theo trường hợp, trong sự diễn tiến của sáu giai đoạn Thanh Tịnh (**Visuddhi**).

-----00000-----

LỜI GIẢI THÍCH

Trong Tổng Hợp Đẳng Giác Phần thì có được bảy nhóm Pháp, đó là: 1/. Niệm Xứ, 2/. Chánh Cần, 3/. Thần Túc, 4/. Quyền, 5/. Lực, 6/. Đẳng Giác Phần, 7/. Chi Đạo. Và rằng khi phân loại thì có được 37 thể loại, như sẽ tuần tự trình bày tiếp theo đây:

1. NIỆM XỨ (SATIPAṬṬHANA)

Có Tứ Niệm Xứ, đó là:

1. *Thân Tùy Quán Niệm Xứ (Kàyànupassanàsatiṭṭhàna)*: Niệm kiên trụ ở trong việc thăm sát hữu quan với thân thể, tức là Sắc Uẩn có hơi thở vô ra,

tiểu oai nghi, đại oai nghi, v.v. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*

2. *Thọ Tùy Quán Niệm Xứ (Vedanànupassanàsatipaṭṭhàna)*: Niệm kiên trụ ở trong việc thăm sát hữu quan với Thọ, tức là Hỷ, Khổ, Xả. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*
3. *Tâm Tùy Quán Niệm Xứ (Cittànupassanàsatipaṭṭhàna)*: Niệm kiên trụ ở trong việc thăm sát hữu quan với Tâm, có Tâm Tham, Tâm Vô Tham, Tâm Sân, Tâm Vô Sân, Tâm Si, Tâm Vô Si, v.v. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*
4. *Pháp Tùy Quán Niệm Xứ (Dhammànupassanàsatipaṭṭhàna)*: Niệm kiên trụ ở trong việc thăm sát hữu quan với Pháp Thực Tính đang hiện hữu thể theo trạng thái *Phi Thực Ngã*; và lại có Thực Tính của Tham, Sân, Si, v.v. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*

2. CHÁNH CẦN (SAMMAPPAĐHÀNA)

Có Tứ Chánh Cần, đó là:

1. *Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi (Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo)*: Sự nỗ lực tinh cần để xa lìa Ác Pháp đã sinh khởi lên rồi. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 12 Tâm Bất Thiện.*
2. *Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được (Anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo)*: Sự nỗ lực tinh cần để ngăn ngừa Ác Pháp vẫn chưa có sinh khởi, không cho được khởi sinh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 12 Tâm Bất Thiện.*
3. *Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên (Anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāmo)*: Sự nỗ lực tinh cần để cho Thiện Pháp vẫn chưa được sinh, làm cho sinh khởi lên. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 21 Tâm Thiện.*
4. *Tinh cần để làm tăng trưởng Thiện Pháp đã có được sinh khởi lên rồi (Uppannānaṃ kusalānaṃ bhiyyobhāvāya vāyāmo)*: Sự nỗ lực tinh cần để cho Thiện Pháp đã có được sinh khởi, làm cho tăng trưởng lên cùng tột. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 21 Tâm Thiện.*

3. THẦN TỨC (IDDHIPĀDA)

Có Tứ Thần Túc, đó là:

1. *Dục Thần Túc (Chandiddhipàda)*: Sự hoan hỷ duyệt ý một cách dững mãi làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Dục ở trong 21 Tâm Thiện*.
2. *Cần Thần Túc (Vīriyiddhipàda)*: Sự nỗ lực tinh cần một cách dững mãi làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 21 Tâm Thiện*.
3. *Tâm Thần Túc (Cittiddhipàda)*: Sự chú tâm một cách dững mãi làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả. Chi Pháp tức là *21 Tâm Thiện*.
4. *Thâm Thần Túc (Vimamsiddhipàda)*: Trí Tuệ một cách dững mãi làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 17 Tâm Thiện Tương Ứng Trí*.

4. QUYỀN (INDRÌYA)

Có Ngũ Quyền, đó là:

1. *Tín Quyền (Saddhindriya)*: Tín làm thành người chủ quản ở trong sự sùng tín đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tín ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.
2. *Tấn Quyền (Vīriyindriya)*: Tinh Tấn làm thành người chủ quản ở trong sự nỗ lực tinh cần đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.
3. *Niệm Quyền (Satindriya)*: Niệm làm thành người chủ quản ở trong việc chánh niệm đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.
4. *Định Quyền (Samādhindriya)*: Định làm thành người chủ quản ở trong việc kiên trụ trong Cảnh thích hợp. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.
5. *Tuệ Quyền (Paññindriya)*: Trí Tuệ làm thành người chủ quản ở trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.

5. LỰC (BALA)

Có Ngũ Lực, đó là:

1. *Tín Lực (Saddhàbala)*: Tín làm thành người bất kinh động ở trong sự sùng tín đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tín ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.

2. **Tấn Lực (*Vīriyabala*):** Tinh Tấn làm thành người bất kinh động ở trong sự nỗ lực tinh cần đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Động Lực Kiên Cố.*
3. **Niệm Lực (*Satibala*):** Niệm làm thành người bất kinh động ở trong việc chánh niệm đối với sự vật thích hợp. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Động Lực Kiên Cố.*
4. **Định Lực (*Samādhibala*):** Định làm thành người bất kinh động ở trong việc kiên trụ trong Cảnh thích hợp. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Động Lực Kiên Cố.*
5. **Tuệ Lực (*Paññābala*):** Trí Tuệ làm thành người bất kinh động ở trong việc liễu tri được Chân Lý. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 26 Tâm Động Lực Kiên Cố.*

6. GIÁC CHI (**BOJJHAṄGA**)

Có Thất Giác Chi, đó là:

1. **Niệm Đẳng Giác Chi (*Satisambojjhaṅga*):** Sự truy niệm làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Động Lực Kiên Cố.*
2. **Trạch Pháp Đẳng Giác Chi (*Dhammavicayasambojjhaṅga*):** Sự thâm sát tuyên trạch Pháp ở trong cả hai phía Nội – Ngoại, làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 26 Tâm Động Lực Kiên Cố.*
3. **Tinh Tấn Đẳng Giác Chi (*Vīriyasambojjhaṅga*):** Sự nỗ lực tinh cần làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Động Lực Kiên Cố.*
4. **Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi (*Pitisambojjhaṅga*):** Sự thỏa lòng duyệt ý làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ thánh Đế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hỷ Lạc ở trong 4 Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ, 4 Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ, 30 Tâm Động Lực Kiên Cố Hỷ Thọ (*Sappitikaappanājavana*); hoặc 3 Tâm Thiện Sắc Giới, 3 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế.*
5. **Khinh An Đẳng Giác Chi (*Passaddhisambojjhaṅga*):** Sự an lạc Thân, an lạc Tâm làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thân An, Tâm Sở Tâm An ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Động Lực Kiên Cố.*
6. **Định Đẳng Giác Chi (*Samādhisambojjhaṅga*):** Sự kiên trụ ở trong Cảnh làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở*

Nhất Thống ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

7. **Xả Đăng Giác Chi (*Upekkhàsambojjhaṅga*):** Việc làm cho các Pháp Tương Ứng có sự quân bình ở trong chức năng của mình, làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trung Gian ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*

7. CHI ĐẠO (MAGGAṄGA)

Có Bát Chi Đạo, đó là:

1. **Chánh Kiến (*Sammāditṭhi*):** Sự trông thấy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*
2. **Chánh Tư Duy (*Sammāsaṅkappa*):** Sự nghĩ suy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tầm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 10 Tâm Đồng Lực Sơ Thiện, hoặc 1 Tâm Thiện Sắc Giới, 1 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế.*
3. **Chánh Ngữ (*Sammāvācā*):** Việc nói lời chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Chánh Ngữ ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Siêu Thế.*
4. **Chánh Nghiệp (*Sammākammaṅga*):** Việc hành động chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Chánh Nghiệp ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Siêu Thế.*
5. **Chánh Mạng (*Sammājīva*):** Việc nuôi mạng chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Chánh Mạng ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Siêu Thế.*
6. **Chánh Tinh Tấn (*Sammāvāyāma*):** Sự nỗ lực chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*
7. **Chánh Niệm (*Sammāsati*):** Sự truy niệm chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Niệm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*
8. **Chánh Định (*Sammāsamādhi*):** Sự kiên trụ định thức chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.*

Kệ Ngôn Trình Bày Chi Pháp Trong Cả Bảy Nhóm Đăng Giác Phần

Chando cittaṃ upekkhā ca Saddhā passaddhi pītiyo.

Sammàdiṭṭhi ca saṅkappo Vàyàmo viratittayaṃ.
Sammāsati samādhīti Cuddasete sabhāvato.
Sattatiṃsappabhedena Sattadhà tattha saṅgaho.

“Nhu vậy, Tổng Hợp này khi phân loại thì có được bảy nhóm Pháp, gồm có 37 thể loại thể theo Thực Tính Pháp, đó là: Dục, Tâm, Trung Gian, Tín, Khinh An, Hỷ Lạc, Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, ba Ngăn Trừ Phần, Chánh Niệm và Chánh Định.”

Rằng khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì những thể loại Pháp Đẳng Giác Phần này có được 14 Pháp như vậy, là: Dục, Tâm, Trung Gian, Tín, Khinh An (Thân An và Tâm An cả hai này kết hợp lại thành 1), Hỷ Lạc, Trí Tuệ, Tàm, Càn, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, Niệm, Nhất Thống. Rằng khi tính theo phân loại thì có 37 thể loại. Việc liệt kê thành từng mỗi nhóm ở trong những 37 thể loại Pháp Đẳng Giác Phần này, thì có được 7 nhóm như vậy.

Kệ Ngôn Trình Bày Việc Phân Tích 14 Chi Pháp Bởi Theo Vị Trí Của Pháp Đẳng Giác Phần

Saṅkappa passaddhi ca pītupekkhā Chando ca cittaṃ viratittayañ ca.
Navekaṭṭhānā viriyaṃ nava aṭṭha Sati samādhī catu pañca paññā.
Saddhā duḥṭhānuttamasattatiṃsad- Dhammānameso pavaro vibhāgo.

“Sự phân loại của 37 Pháp Tối Thượng này được trình bày như sau: có chín Pháp gồm Tư Duy, Khinh An, Hỷ Lạc, Trung Gian, Dục, Tâm và ba Ngăn Trừ Phần được nói đến chỉ có một lần. Tinh Tấn đến chín lần, Niệm tám lần, Định bốn lần, Tuệ năm lần, và Tín hai lần.”

- *Tâm, Khinh An, Hỷ Lạc, Trung Gian, Dục, Tâm và 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần*, với từng mỗi thể loại của cả 9 Chi Pháp này thì có mỗi một vị trí là:
 1. *Tâm Sở Tâm* làm thành *Chánh Tư Duy Đạo*.
 2. *Tâm Sở Khinh An* làm thành *Khinh An Đẳng Giác Phần*.
 3. *Tâm Sở Hỷ Lạc* làm thành *Hỷ Lạc Đẳng Giác Phần*.
 4. *Tâm Sở Trung Gian* làm thành *Xả Đẳng Giác Chi*.
 5. *Tâm Sở Dục* làm thành *Dục Thần Túc*.
 6. *Tâm* làm thành *Tâm Thần Túc*.
 7. *Tâm Sở Chánh Ngữ* làm thành *Chánh Ngữ Đạo*.
 8. *Tâm Sở Chánh Nghiệp* làm thành *Chánh Nghiệp Đạo*.
 9. *Tâm Sở Chánh Mạng* làm thành *Chánh Mạng Đạo*.

- Một *Tâm Sở Càn* có được 9 vị trí, đó là:
 1. Làm thành 4 *Chánh Càn*.
 2. Làm thành 1 *Càn Thần Túc*.

3. Làm thành 1 Tấn Quyền.
 4. Làm thành 1 Tấn Lực.
 5. Làm thành 1 Tinh Tấn Đẳng Giác Chi.
 6. Làm thành 1 Chánh Tinh Tấn Đạo.
- Một *Tâm Sở Niệm* có được 8 vị trí, đó là:
 1. Làm thành 4 Niệm Xứ.
 2. Làm thành 1 Niệm Quyền.
 3. Làm thành 1 Niệm Lực.
 4. Làm thành 1 Niệm Đẳng Giác Chi.
 5. Làm thành 1 Chánh Niệm Đạo.
 - Một *Tâm Sở Nhất Thống* có được 4 vị trí, đó là:
 1. Làm thành 1 Định Quyền.
 2. Làm thành 1 Định Lực.
 3. Làm thành 1 Định Đẳng Giác Chi.
 4. Làm thành 1 Chánh Định Đạo.
 - Một *Tâm Sở Trí Tuệ* có được 5 vị trí, đó là:
 1. Làm thành 1 Thâm Thân Túc.
 2. Làm thành 1 Tuệ Quyền.
 3. Làm thành 1 Tuệ Lực.
 4. Làm thành 1 Trạch Pháp Đẳng Giác Chi.
 5. Làm thành 1 Chánh Kiến Đạo.
 - Một *Tâm Sở Tín* có được 2 vị trí, đó là:
 1. Làm thành 1 Tín Quyền.
 2. Làm thành 1 Tín Lực.

Việc phân tích 37 thể loại Pháp Đẳng Giác Phần Tội Thượng một cách đúng đắn thì có được như vậy.

Kệ Ngôn Trình Bày Sinh Trú Của 37 Pháp Đẳng Giác Phần

***Sabbe lokuttare honti
Lokiye pi yathàyogaṃ***

***Na và saṃkappapītiyo.
Chabbisuddhippavattiyaṃ.***

“Tất cả những Pháp này đôi khi, ngoại trừ Tư Duy và Hỷ Lạc, sinh khởi ở trong các Tâm Siêu Thế. Các Pháp này cũng sinh khởi ở trong các Tâm Hiệp Thế, tùy theo trường hợp, trong sự diễn tiến của sáu giai đoạn Thanh Tịnh (Visuddhi).”

Tất cả những 37 Pháp Đăng Giác Phần thường được sinh khởi ở trong Tâm Siêu Thế. Cả hai Chánh Tư Duy Đạo và Hỷ Lạc Đăng Giác Phần đây, thì thường không có sinh khởi ở trong một vài cái Tâm Siêu Thế; tức là Chánh Tư Duy thì thường không có sinh khởi ở trong *Tâm Nhị Thiên Siêu Thế (Lokuttaradutiya jhānacitta)* (vì không còn Chi Tầm). Hỷ Lạc Đăng Giác Phần thì thường không có sinh khởi ở trong *Tâm Tứ Thiên* và *Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế (Lokuttara catutthajhāna - pañcamajhāna)* (vì không còn Chi Hỷ). Những cả 37 Pháp Đăng Giác Phần này một khi thành tựu viên mãn đủ cả Lục Thanh Tịnh [loại trừ *Tri Kiến Thanh Tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi)*] thì cũng sẽ phải được phối hợp ngay ở trong Tâm Thiện Hiệp Thế và Tâm Duy Tác cho đăng thường sinh khởi (vì lẽ việc tu tập Pháp Hành cho được thành tựu viên mãn cả Lục Thanh Tịnh có *Giới Thanh Tịnh (Sīlavisuddhi)* v.v. cho đến *Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh (Paṭipadāñāṇadassana visuddhi)* là cũng sẽ phải tu tập Pháp Hành ngay ở trong tất cả các Tâm Thiện Hiệp Thế và Tâm Duy Tác này vậy.)

LỜI GIẢI THÍCH Ở TRONG ĐĂNG GIÁC PHẦN

Câu Chú Giải của từ ngữ *Bodhipakkhiyaṅgaha* (*Tổng Hợp Đăng Giác Phần*), là: “*Cattāri saccāni bujhatīti = Bodhi*”- “*Pháp chủng nào liễu tri cả Tứ Thánh Đế, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Giác Ngộ.*” Tức là Trí Tuệ hiện hữu ở trong 4 Tâm Đạo. Như Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết ở trong bộ Kinh Pāli Đại Xiển Minh (*Mahāniddeśa*) rằng: “*Bodhi vuccati catūsu maggesu ñāṇaṃ ñāṇa*”- “*Trí Tuệ ở trong Tứ Đạo, gọi là Giác Ngộ.*” “*Bodhiyā pakkhe bhavāti = Bodhipakkhiyā*”- “*Pháp khởi sinh ở trong một phía của Tứ Tuệ Đạo thì được gọi tên là Đăng Giác.*” Tức là 37 Pháp Đăng Giác Phần. “*Bodhi pakkhiyānaṃ saṅgahoti = Bodhipakkhiyaṅgaha*”- “*Việc trình bày tập hợp tất cả lại làm thành một phía Tứ Tuệ Đạo, bởi do thế mới được gọi là Tổng Hợp Đăng Giác Phần.*”

[*Chú thích:* Từ ngữ *Bodhipakkhiya* (*Đăng Giác Phần*) cũng còn được gọi là 37 Phẩm Trợ Đạo. *Bodhi* là Giác Ngộ, hoặc bậc có nguyện vọng thành đạt Giác Ngộ (*Giác Hữu Tình*). *Pakkhiya* theo ý nghĩa trực tiếp là “*đứng về phía của*”.]

1. NIỆM XỨ (SATIPAṬṬHANA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Satipaṭṭhāna* (*Niệm Xứ*) là: “*Sampayutta dhammesu pamukhā padhānā hutvā kàyādisu ārammaṇesu tiṭṭhatīti = Paṭṭhānaṃ*”- “*Pháp chủng nào làm chủ vị, tức là làm thành chính yếu ở trong tất cả các Pháp Tương Ứng, và rồi an trụ ở tất cả các Cảnh, có Thân, v.v.; bởi do thế Pháp chủng ấy mới có tên gọi là Xứ.*” “*Sati eva paṭṭhānanti = Satipaṭṭhānaṃ*”-

“Đích thị chính là Niệm làm thành chính yếu ở trong Pháp Tương Ứng, và rồi kiên trụ ở trong Cảnh, có Thân, v.v.; bởi do thế mới gọi tên là Niệm Xứ.”

Nguyên Nhân Chỉ Có Mỗi Một Pháp Niệm Mà Được Làm Thành Cả Tứ Niệm Xứ

- Chỉ có mỗi một Pháp Niệm mà làm thành cả Tứ Niệm Xứ, bởi vì:
 1. Thiết lập cho việc hạn định về Cảnh, thì có 4.
 2. Thực tướng của trăm triệu hiện khởi lên, thì cũng có 4.
 3. Và việc đoạn tận các Pháp Điên Đảo, thì cũng có 4.Với nguyên nhân này mà chỉ có mỗi một Pháp Niệm mới làm thành được cả Tứ Niệm Xứ.

Cảnh Làm Thành Trú Xứ Cho Việc Hạn Định Của Niệm

- Có bốn Cảnh làm thành trú xứ cho việc hạn định của Niệm, đó là:
 1. *Sắc Uẩn (Rùpakhandha)*: làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là *Thân Tùy Quán Niệm Xứ*.
 2. *Thọ Uẩn (Vedanàkhandha)*: làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là *Thọ Tùy Quán Niệm Xứ*.
 3. *Thức Uẩn (Viññāṇakhandha)*: làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là *Tâm Tùy Quán Niệm Xứ*.
 4. *Tướng Uẩn (Saññākhandha)* và *Hành Uẩn (Sankhàrakhandha)*: làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là *Pháp Tùy Quán Niệm Xứ*.

Tứ Thực Tướng Làm Thành Trăm Triệu Hiện Khởi Lên Và Việc Đoạn Tận Tứ Pháp Điên Đảo (Vipallāsadhama)

1. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong *Thân (Kāya)*, làm thành tác nhân cho *Bất Tĩnh Thực Tướng (Asubhalakkhaṇa)* hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thì thường đoạn tận *Tịnh Điên Đảo (Subhavipallāsa)* cho diệt mất đi.
2. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong *Thọ (Vedanā)*, làm thành tác nhân cho *Khổ Đau Thực Tướng (Dukkhalakkhaṇa)* hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thì thường đoạn tận *Lạc Điên Đảo (Sukha vipallāsa)* cho diệt mất đi.
3. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong *Tâm (Citta)*, làm thành tác nhân cho *Vô Thường Thực Tướng (Aniccalakkhaṇa)* hiện khởi lên, và cũng ngay

trong cùng một sát na ấy, thì thường đoạn tận *Thường Diên Đảo (Nicca vipallāsa)* cho diệt mất đi.

4. Việc hạn định thẩm sát thường luôn ở trong *Thực Tính Pháp (Sabhāva dhamma)* tức là Tướng và Hành, làm thành tác nhân cho *Vô Ngã Thực Tướng (Anattalakkhaṇa)* hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thì thường đoạn tận *Ngã Diên Đảo (Attavipallāsa)* cho diệt mất đi.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Satipaṭṭhāna (Niệm Xứ)* khi chiết tự thì gồm có hai từ ngữ *Sati + Paṭṭhāna*. *Sati* là Niệm, ghi nhớ, hay biết, hoặc chú tâm ghi nhận. *Paṭṭhāna* là củng cố, thiết lập, áp đặt lên, nền tảng, hoặc Xứ. Các Pháp *Niệm Xứ* này được áp dụng để trau giồi và phát triển ở cả hai lãnh vực, An Chỉ và Minh Sát. Từng mỗi Niệm Xứ được chủ hướng vào một mục tiêu riêng biệt. Quán niệm về bốn Xứ này, thì có một đạo lộ hướng dẫn đến sự phát triển trạng thái *Bất Tịnh (Asubha)*, *Khổ Đau (Dukkha)*, *Vô Thường (Anicca)* và *Vô Ngã (Anatta)*; và có một đạo lộ khác thì nhằm đoạn tận trạng thái *Tịnh (Subha)*, *Lạc (Sukha)*, *Thường (Nicca)* và *Ngã (Atta)*.

Một cách vắn tắt, đề mục thẩm sát chú niệm có thể được chia ra làm hai thành phần; đó là Niệm về *Nāma (Danh)*, và Niệm về *Rūpa (Sắc)*. Thân Tỳ Quán Niệm Xứ, hoặc còn gọi là Niệm Thân, liên hệ đến thành phần *Rūpa (Sắc)*; chẳng hạn như hơi thở được xem là một *Rūpa*. Thọ Tỳ Quán Niệm Xứ và Tâm Tỳ Quán Niệm Xứ (còn được gọi là Niệm Thọ và Niệm Tâm) đã đề cập đến những thể loại cảm thọ và những tâm thức sai khác nhau. Pháp Tỳ Quán Niệm Xứ (còn được gọi là Niệm Pháp) đã đề cập đến cả hai, Danh và Sắc. Trong bài Kinh Niệm Xứ, là bài Kinh thứ 10 ở trong Trung Bộ Kinh đã có trình bày đầy đủ với nội dung chi tiết về Tứ Niệm Xứ này.]

2. CHÁNH CẦN (SAMMAPPA DHÀNA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Sammappadhāna (Chánh Cần)* là: “*Sammā padahanti etenāti = Sammappadhāna*”- “*Tất cả các Pháp Tương Ứng có sự nỗ lực tinh cần một cách chân chánh, cùng với việc nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế Pháp chủng làm thành tác nhân của sự nỗ lực tinh cần đầy, mới được gọi tên là Chánh Cần.*” Tức là Tâm Sở Cần.

Tinh Tấn được làm thành Chánh Cần thì phải là thể loại Tinh Tấn một cách mãnh liệt. Tinh Tấn thông thường thì không thể nào làm được, và Tinh Tấn làm thành Chánh Cần đây, thì phải là Tinh Tấn hiện hữu duy nhất chỉ ở trong Tâm Đồng Lực Thiện mà thôi. Còn Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Đồng Lực Duy Tác và Tâm Quả thì không thể nào làm thành Chánh Cần được. Vì lẽ tất cả các bậc Vô Sinh thì thường đã vượt thoát khỏi chức năng tạo tác hữu quan với việc đoạn tận Bất Thiện và tác hành cho Thiện sinh khởi đi rồi. Bởi do thế, *Tinh Tấn*

hiện hữu ở trong Tâm Đồng Lực Duy Tác mới không được gọi là Chánh Căn. Đối với Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Quả thì cũng tương tự như nhau, tức là bất hữu quan với cả bốn chức năng ấy, vì lẽ tự bản thân mình đã là Di Thực Quả rồi.”

Nguyên Nhân Chỉ Có Mỗi Một Pháp Tinh Tấn Mà Được Làm Thành Cả Tứ Chánh Căn

- Chỉ có mỗi một Pháp Tinh Tấn làm thành cả Tứ Chánh Căn vì lẽ Sự Vụ (*Kicca*) của Tinh Tấn ở tại nơi đây hiện hữu bốn thể loại, đó là:
 1. Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi.
 2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được.
 3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên.
 4. Tinh cần để làm tăng trưởng Thiện Pháp đã có được sinh khởi lên rồi.

1. Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi (*Uppannānam pāpakānam pahānāya vāyāmo*): Tại nơi đây, Bất Thiện Pháp đã có sinh khởi lên rồi, ở chỗ được gọi *Uppannapāpaka* có nghĩa là Bất Thiện hữu quan với Ác Hạnh (*Duccarita*) và Ác Mạng (*Durājiva*) mà bản thân đã có tạo tác ở ngay trong kiếp sống này.

Một trường hợp khác nữa, cho dù quả thật thể loại Bất Thiện hữu quan với Ác Hạnh và Ác Mạng mà bản thân vẫn chưa có từng tạo tác đi nữa, tuy nhiên vẫn có thực tính tương tự với Ác Hạnh – Ác Mạng mà bản thân đã có từng tạo tác đi rồi, thì thể loại Bất Thiện Ác Hạnh – Ác Mạng ấy cũng vẫn được gọi tên là “Ác Pháp đã từng sinh” (*Uppannapāpaka*) tương tự như nhau, thế nhưng chẳng phải là trực tiếp. Chẳng hạn như nam nhân *K* đã từng có sát hại đến gà, bởi do thể Bất Thiện Sát Mạng (*Akusalapāṇātipāta*) đây, là thể loại “Ác Pháp đã từng sinh” (*Uppannapāpaka*) một cách trực tiếp đối với nam nhân *K* này. Còn về việc Bất Thiện Sát Mạng (*Akusalapāṇātipāta*) hữu quan với việc sát mạng ở các loài Hữu Tình khác, ngoài ra việc sát mạng gà, thì cũng vẫn được gọi là “Ác Pháp đã từng sinh” (*Uppannapāpaka*) tương tự như nhau; thế nhưng hiện hành một cách gián tiếp, vì lẽ lập ý chỉ lấy tên gọi của hành động tạo tác mà thôi. Bởi vì việc sát mạng gà, hoặc sát mạng đến các Hữu Tình khác, thì tất cả cũng đều gọi tên là Sát Mạng (*Pāṇātipāta*) hết cả thảy. Những Ác Hạnh khác thì cũng hiện hành tương tự y theo với phương thức này.

Theo lẽ thường nhiên, một khi Bất Thiện Nghiệp Lực đã có từng sinh khởi lên rồi, thì cũng phải diệt tắt, và sẽ chẳng thể nào tồn tại được lâu dài. Khi đã là như vậy, thì việc đoạn tận Bất Thiện đã có từng sinh khởi lên, sẽ chẳng phải là việc đoạn tận một cách trực tiếp được, mà đó chỉ là việc đoạn tận gián tiếp mà thôi. Sẽ nói rằng một khi thẩm sát liễu tri được đúng sai rồi, thì cũng có sự chủ tâm rằng Ta đây sẽ không tạo Ác Hạnh, như việc sát mạng Hữu Tình, v.v. và hơn nữa ở trong

sự diễn tiến của câu chuyện này thì cũng không đáng phải nỗ lực để giữ lấy nghĩ suy ấy cho khởi sinh ưu não buồn lòng, vì lẽ chẳng có lợi ích chi cả. Có nghĩa là sẽ không thể nào làm cho Thiện Pháp bị thôi giảm đi được, mà trái lại bởi do nương vào việc nghĩ suy này, chỉ sẽ là làm cho phát sinh tội lỗi, tức là sẽ làm cho tâm thức thêm buồn rầu nóng nảy khởi sinh lên. Một khi đã thâm sát một cách thấu đáo như vậy rồi, thì cũng buông bỏ việc nghĩ suy ấy đi, rồi nỗ lực tinh cần làm cho tâm trí khởi sinh Thiện Pháp nối tiếp theo. Cả hai thể loại này được gọi tên là ***Uppannanam pàpakanam pahànàya vàyàmo***. Còn việc đoạn tận Bất Thiện đã từng sinh của Tinh Tấn ở trong phần *Đạo Thiện (Maggakusala)* thì đã rõ ràng rồi.

2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được (*Anuppannanam pàpakanam anuppàdàya vàyàmo*): Tại nơi đây, Bất Thiện Pháp vẫn chưa từng có sinh khởi - ở chỗ được gọi ***Anuppannanam*** có nghĩa là Bất Thiện hữu quan với việc Ác Hạnh và Ác Mạng mà bản thân vẫn chưa từng có tạo tác chỉ ở trong kiếp sống này. Vì lẽ thường nhiên tất cả con người sinh tử luân hồi ở trong Vòng Luân Hồi Khổ đây, thì sẽ không thể nào đã không từng tạo tác Bất Thiện Pháp với Ác Hạnh và Ác Mạng ấy được, ắt hẳn đã từng có tạo tác hết cả thảy; bởi do thế mới lập ý lấy Bất Thiện Pháp vẫn chưa từng sinh khởi đây chỉ là ở trong kiếp sống này mà thôi. “*Ác Pháp chưa từng sinh*” (***Anuppannapàpaka***) đây, thì có hai thể loại, đó là:

- *Người nào vẫn chưa từng có thâm đạo*, bởi do thế Bất Thiện mà chưa từng sinh đây, đó chính là Bất Thiện chưa từng sinh đối với người ấy.
- *Người nào đã từng có thâm đạo về ngân tiền, nhưng vẫn chưa từng thâm đạo về kim tiền*; bởi do thế Bất Thiện chưa từng sinh hữu quan với việc thâm đạo kim tiền thì được liệt kê thành *Bất Thiện chưa từng sinh* đối với người ấy. Tại đây lập ý chỉ lấy sự khác biệt với nhau giữa Cảnh cũ và Cảnh mới; tức là vật chất của cái mà người ấy vẫn chưa từng thâm đạo với vật chất đã từng có thâm đạo, đích thị là chẳng giống với nhau; chính vì thế, mới được liệt kê thành thể loại *Bất Thiện chưa từng sinh*.

Lại nữa, Ngài Chú Giải Sư nói rằng bất luận một người nào đã từng có sát mạng Hữu Tình rồi; thế nhưng khi hãy còn ít tuổi thì vẫn chưa từng có sát mạng Hữu Tình, và tiếp đến đã có sát mạng Hữu Tình nhưng lại không nghĩ tưởng đến, lại còn quên hết tất cả đi. Khi đã là như vậy, thì cũng vẫn được liệt kê thể loại *Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapàṇàtipàta)* này là thể loại *Bất Thiện chưa từng sinh* đối với người ấy; tuy nhiên chỉ hiện hành một cách gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp.

Sự cố gắng để cho các Thiện Pháp mới được sinh khởi, tức là cần phòng lưu tâm thường luôn ở trong Thiện Pháp với việc thực hiện xả thí, trì giới, tiến tu Chí Quán, việc phụng dưỡng Mẹ Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ; việc nghiên cứu học hỏi, việc

giảng dạy Pháp Học, việc nguyện thọ trì *Điều Tiết Dục (Dhùtaṅga – Dầu Đà)*, việc trùng tu các tự viện, v.v. Việc thực hiện như đã vừa đề cập đến đây, thì cũng được gọi là “*Anuppannaṇaṃ pàpakàṇaṃ anuppàdàya vàyàmo*”-

3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên (*Anuppannaṇaṃ kusalàṇaṃ uppàdàya vàyàmo*): Tại nơi đây, Thiện Pháp mới - tức là Thiện Pháp vẫn chưa từng có sinh khởi, ở chỗ được gọi *Anuppannakusala* lập ý đến Thiện Hiệp Thế gồm có Chỉ Quán, v.v. tùy theo thích hợp mà vẫn chưa từng có sinh khởi ở trong kiếp sống này; và *Đạo Thiện (Maggakusala)* vẫn chưa từng có sinh khởi ở trong kiếp sống này và những kiếp sống trước.

Người nào vẫn chưa từng thực hiện Xả Thí Thiện, bởi do thể Xả Thí Thiện ấy là *Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)*. Đối với người ấy, hoặc với người đã từng có thực hiện Xả Thí Thiện rồi, thể nhưng vẫn chưa từng thọ trì Ngũ Giới; từng thọ trì Ngũ Giới rồi, thể nhưng vẫn chưa từng thọ trì Bát Giới; từng thọ trì Ngũ Giới và Bát Giới rồi, thể nhưng vẫn chưa từng thực hiện Chỉ Quán; bởi do thể những thể loại Ngũ Giới, Bát Giới, Chỉ Quán đây cũng thuộc thể loại *Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)* đối với người ấy, tương tự như nhau.

Hoặc chỉ nội ở trong việc Xả Thí Thiện ấy không thôi, với người nào chỉ duy nhất đã từng mức vật thực bỏ vào bát cúng dường vị Tỳ Khuru, thể nhưng không từng cúng dường y áo; hoặc đã từng xuất gia thành vị Tỳ Khuru, thể nhưng vẫn chưa từng cúng dường *Thí Tăng Y (Kathina)*; hoặc đã từng cúng dường Thí Tăng Y rồi, thể nhưng vẫn chưa từng kiến tạo Pháp Bảo, v.v. Tương tự như nhau, những thể loại này cũng được gọi là *Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)*, và việc đã vừa đề cập đến tại đây cũng sắp thành thể loại Thiện Hiệp Thế.

Đối với *Đạo Thiện (Maggakusala)* vẫn chưa từng có sinh khởi đấy, tức là với người nào đã từng tiến tu Minh Sát rồi, thể nhưng vẫn chưa từng thành tựu Quả vị Thất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Thất Lai rồi, thể nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Nhất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Nhất Lai rồi, thể nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Bát Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Bát Lai rồi, thể nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Vô Sinh; thể thì những Đạo Thiện như đã vừa đề cập đến tại đây cũng được gọi là *Đạo Thiện vẫn chưa từng sinh khởi* vậy.

Khi người nào đã thẩm thị thấy rằng bất luận một Thiện Pháp nào ở trong tất cả những Thiện Pháp như đã vừa đề cập, mà vẫn chưa từng sinh khởi đối với mình, thì liền nỗ lực tinh cần thực hiện cho được sinh khởi. Đích thị chính việc nỗ lực tinh cần để làm cho Thiện Pháp mà vẫn chưa từng có sinh khởi, cho có được sinh khởi đối với bản thân mình, thì đã được gọi tên là “*Anuppannaṇaṃ kusalàṇaṃ uppàdàya vàyàmo*”.

4. Tinh cần để bảo trì tăng trưởng Thiện Pháp đã có sinh khởi lên rồi (*Uppannaṇaṃ kusalàṇaṃ bhiyyobhàvaya vàyàmo*): Tại nơi đây, Thiện Pháp đã

từng có sinh khởi cho được tăng trưởng thêm lên, ở chỗ được gọi *Uppannakusala* (*Thiện đã từng sinh*) chỉ lập ý riêng về Thiện Hiệp Thế gồm có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập mà đã từng có được sinh khởi lên đối với bản thân mình ở trong kiếp sống này và kiếp sống trước mà thôi. Chỗ sẽ phải nỗ lực tinh cần làm cho tăng trưởng lên cùng tốt đấy, tức là làm cho sinh khởi lên hoài hoài. Tuy nhiên đối với *Đạo Thiện* đấy, thì chẳng có hữu quan, vì lẽ Đạo Thiện đã từng có được sinh khởi đối với bản thân mình, thì thường được sinh khởi duy nhất chỉ có một lần rồi liền diệt tắt đi, không có được sinh khởi lên hoài hoài; và duy chỉ có nỗ lực tinh cần làm cho tăng Đạo Thiện ở các bậc trên vẫn chưa được sinh khởi, làm cho sinh khởi lên mà thôi. Bởi do thế ý nghĩa của từ ngữ *Uppannakusala* (*Thiện đã từng sinh*) ở tại đây, mới chỉ dành riêng ở phần Thiện Hiệp Thế đã từng có được sinh khởi đối với bản thân mình ngay ở trong kiếp sống này và kiếp sống trước. Và sự nỗ lực tinh cần để làm cho Thiện Pháp đã có được sinh khởi lên rồi, cho được thường luôn sinh khởi, thì mới được gọi tên là “*Uppannānaṃ kusalānaṃ bhīyyobhāvaya vāyāmo*”.

3. THẦN TỨC (IDDHIPÀDA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Iddhipàda* (*Như Ý Túc*), là: “*Ijjhanam = Iddhi*”- “*Sự thành tựu một cách viên mãn thì được gọi tên là Túc Mãn.*” Túc là Thiên Định, Thắng Trí, Đạo, Quả. “*Pajjati etenāti = Pàdo*”- “*Bất luận một người nào thường thành đạt đến bởi do nương vào Pháp ấy, bởi do thế Pháp chúng làm thành tác nhân cho sự thành đạt đến của người ấy thì được gọi tên là Phương Tiện (Nền Tảng).*” Túc là Chi Pháp của Tứ Thần Túc. “*Iddhiyà pàdo = Iddhipàdo*”- “*Pháp chúng làm thành tác nhân cho đạt đến sự thành tựu viên mãn, là Thiên Định, Thắng Trí, Đạo, Quả, thì được gọi tên là Thần Túc.*”

Theo lẽ thường nhiên tất cả các bậc Vô Sinh là bậc đã đạt đến sự thành tựu một cách viên mãn; bởi do thế *Dục (Chanda)*, *Cần (Vīriya)*, *Tâm Duy Tác (Kiriya-citta)* và *Trí Tuệ (Pañña)* của bậc Vô Sinh mới không được gọi là *Thần Túc*. Còn đối với *Tâm Quả (Phalacitta)* thì đã là quả báo của Tâm Đạo rồi; bởi do thế Tâm Quả hoặc Dục, Cần, Trí Tuệ hiện hữu ở trong Tâm Quả cũng không được gọi là *Thần Túc*. Như thế, Pháp mà được gọi tên là *Thần Túc* mới chính là 21 Tâm Thiện; và Dục, Cần, Trí Tuệ chỉ hiện hữu ở các Tâm Thiện này mà thôi, cũng tương tự với Pháp làm thành *Chánh Cần (Sammappadhāna)* vậy.

Lại nữa, Dục, Cần, Trí Tuệ và Tâm Thiện mà sinh khởi một cách thông thường thì không thể làm thành Pháp Thần Túc được; cần phải có năng lực một cách dũng mãnh thì mới sẽ được làm thành Pháp Thần Túc. Bởi vì Chi Pháp của cả Tứ Thần Túc đây, đích thị cũng chính là cả **Tứ Trưởng** vậy; chỉ khác biệt là Pháp làm thành Trưởng thì có được cả Thiện, Bất Thiện, và Vô Ký; thế nhưng Pháp làm thành **Thần Túc** thì đơn nhất chỉ có Thiện ngàn ấy mà thôi.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Iddhipàda* (*Thần Túc*) hàm ý đến những phương tiện nhằm làm thành tựu mục tiêu, hoặc cứu cánh. Một cách chính xác, tất cả bốn Pháp Thần Túc này đều thuộc về Tâm Siêu Thế. *Dục Thần Túc* là Tâm Sở Dục với “ý muốn làm” Dục Tâm Cầu. *Cần Thần Túc* là Tâm Sở Cần hàm xúc với Tứ Chánh Cần. *Tâm Thần Túc* là tất cả các Tâm Siêu Thế. *Thẩm Thần Túc* là Tâm Sở Trí Tuệ ở trong các Tâm Siêu Thế. Chỉ khi nào cả Tứ Pháp này hiện hữu ở trong Tâm Siêu Thế thì mới được gọi là *Iddhipàda* (*Thần Túc*).]

Về phần 4/. Quyền (*Indriya*) và 5/. Lực (*Bala*) thì các câu Chú Giải và lời giải thích ở trong các từ ngữ *Indriya* (*Quyền*) và *Bala* (*Lực*) đã có trình bày ở trong Tổng Hợp Hỗn Hợp rồi, bởi do thế tại nơi đây mới không cần phải trình bày lại thêm lần nữa.

6. GIÁC CHI (BOJJHAṄGA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Bojjhaṅga* (*Giác Chi*), là: “*Bujjhanti etàyāti = Bodhi*”- “*Tất cả các bậc Ẩn Sĩ thường được liễu tri Tứ Thánh Đế là do bởi nhóm Pháp này, bởi do thế nhóm Pháp làm thành tác nhân cho được liễu tri Tứ Thánh Đế đây, mới được gọi tên là Giác Ngộ.*” Tức là Chi Pháp của Thất Giác Chi kết hợp với nhau, có Niệm, Trí Tuệ, v.v. “*Bodhiyà aṅgo = Bojjhaṅgo*”- *Pháp làm thành công cụ kết hợp của một nhóm Pháp tác nhân cho được liễu tri Tứ Thánh Đế, mới được gọi tên là Giác Chi.*” Tức là Chi Pháp của riêng từng mỗi Giác Chi.

Lời Giải Thích Ở Trong Thất Giác Chi

1. *Niệm Đẳng Giác Chi (Satisambojjhaṅga)*: Niệm có sự tiến hóa, nghĩa là có được sự nối tiếp nhau an trụ ở trong Cảnh của cả Tứ Niệm Xứ bởi do *Sự Tu Tập (Bhàvanàkicca)*, thế rồi diệt trừ sự *Phóng Dật (Pamàda)*, và làm cho *Đẳng Giác Trí (Sambodhiñāṇa)* tức là cả Tứ Đạo được sinh khởi, được gọi tên là *Niệm Đẳng Giác Chi*.

2. *Trạch Pháp Đẳng Giác Chi (Dhammavicayasambojjhaṅga)*: Trí Tuệ có sự tiến hóa, nghĩa là liễu tri ở trong Danh Sắc, và sự sinh diệt của Danh Sắc bởi do *Sự Tu Tập (Bhàvanàkicca)*, thế rồi diệt trừ *Si Mê (Moha)*, và hiện khởi sự làm thành *Đẳng Giác Trí (Sambodhiñāṇa)* tức là cả Tứ Đạo, được gọi tên là *Trạch Pháp Đẳng Giác Chi*.

3. *Tinh Tấn Đẳng Giác Chi (Vīriyasambojjhaṅga)*: Tinh Tấn có sự tiến hóa, nghĩa là sự nỗ lực tinh cần một cách dững mãnh trong việc đoạn lưu Bất Thiện, việc cản phòng không cho Bất Thiện sinh khởi, việc làm cho Thiện mới được sinh khởi, và việc làm cho Thiện cũ được tăng trưởng bởi do *Sự Tu Tập*; thế

rồi diệt trừ sự *Trì Độn (Kosajja)* là sự lười biếng, và làm cho *Đẳng Giác Trí* tức là cả Tứ Đạo được sinh khởi, được gọi tên là *Tinh Tấn Đẳng Giác Chi*.

4. *Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi (Pīṭisambojjhaṅga)*: Hỷ Lạc có sự tiến hóa, nghĩa là có sự hân hoan phấn khởi ở trong Cảnh của *Tu Tập Minh Sát (Vipassanā bhāvanā)*, thế rồi diệt trừ *Bất Mãn Ý (Arati)* là sự bất hoan hỷ duyệt ý, và làm cho *Đẳng Giác Trí* tức là cả Tứ Đạo sinh khởi, được gọi tên là *Hỷ Lạc Đẳng Giác Chi*.

5. *Khinh An Đẳng Giác Chi (Passaddhisambojjhaṅga)*: Cả hai Tâm Sở Thân An và Tâm An có sự tiến hóa, nghĩa là có sự an lạc cả Thân và Tâm, thế rồi diệt trừ sự cương kiện, sự khổ sở ưu não; và làm cho *Đẳng Giác Trí* tức là cả Tứ Đạo sinh khởi, được gọi tên là *Khinh An Đẳng Giác Chi*.

6. *Định Đẳng Giác Chi (Samādhisambojjhaṅga)*: Tâm Sở Nhất Thống có sự tiến hóa, nghĩa là kiên trụ ở trong Cảnh của *Tu Tập Minh Sát (Vipassanā bhāvanā)*, thế rồi diệt trừ sự buông lung phóng dật; và làm cho *Đẳng Giác Trí* tức là cả Tứ Đạo sinh khởi, được gọi tên là *Định Đẳng Giác Chi*.

7. *Xả Đẳng Giác Chi (Upekkhāsambojjhaṅga)*: Tâm Sở Trung Gian có sự tiến hóa, nghĩa là làm cho *Tín (Saddhā)* với *Tuệ (Paññā)*, *Tấn (Viriya)* với *Định (Samādhi)* có sự quân bình, không có việc cương nhu bất đồng; thế rồi diệt trừ *Tham Dục (Kāmachanda)*, *Hoài Nghi (Vicikicchā)*, *Trạo Cử (Uddhacca)*, *Hối Hận (Kukkucca)*, *Hôn Thù (Thīnamiddha)*; và làm cho *Đẳng Giác Trí* tức là cả Tứ Đạo sinh khởi, được gọi tên là *Xả Đẳng Giác Chi*.

[*Chú thích:* Từ ngữ *Sambojjhaṅga* (*Đẳng Giác Chi*) khi chiết tự ra thì có được ba từ ngữ *Sam + Bodhi + Aṅga*. *Sam* = nâng cao, tốt đẹp, *Bodhi* = giác ngộ, hoặc bậc có nguyện vọng phấn đấu để thành đạt sự giác ngộ (*Giác Hữu Tình*), *Aṅga* = chi phần. Nơi đây, *Dhammavicaya* (*Trạch Pháp*) có nghĩa là thâm thị theo chân thực tính của Danh và Sắc, do bởi tiến tu Tuệ Minh Sát. *Passadhi* (*Khinh An*) có nghĩa là cả hai Thân An và Tâm An Tâm Sở với trạng thái an lạc. *Upekkhā* (*Xả*) có nghĩa là trạng thái quân bình với mọi Pháp. Cả ba Trạch Pháp, Tinh Tấn, và Hỷ Lạc đối trị với Hôn Thù. Cả ba Khinh An, Định và Xả đối trị với Phóng Dật.]

7. CHI ĐẠO (MAGGAṅGA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Maggaṅga*, là: “*Kīlese marentā nibbānaṃ gacchanti etānāti = Maggo*”- “*Tất cả các bậc Ấn Sĩ sát trừ Phiền Não, và thường đạt đến Níp Bàn do bởi Pháp ấy; bởi do thế Pháp chúng làm thành tác nhân của việc sát trừ Phiền Não, và chứng đạt đến Níp Bàn của các bậc Ấn Sĩ ấy, thì được gọi tên là Đồ Đạo.*” Tức là bát Chi Đạo kết hợp vào nhau, có Chánh Kiến, v.v. “*Maggaṅga aṅga = Maggaṅga*”- “*Pháp làm thành công cụ kết hợp nhóm Pháp tác*

nhân của việc sát trừ Phiền Não, và chứng đạt đến Níp Bàn, thì được gọi tên là Chi Đạo.” Tức là Bát Chi Đạo theo riêng từng mỗi chi phần.

Lời Giải Thích Ở Trong Bát Chi Đạo

1. **Chánh Kiến (Sammàdiṭṭhi):** Sự liễu minh ở trong cả Tứ Thánh Đế bởi theo Tứ Sự Vụ (*Kicca*), là:

- Liễu minh ở trong Khổ Đế bởi do Đạt Tri Sự Vụ (*Pariññàkicca*).
- Liễu minh ở trong Tập Đế bởi do Diệt Trừ Sự Vụ (*Pahānakicca*).
- Liễu minh ở trong Diệt Đế bởi do Đắc Chứng Sự Vụ (*Sacchikarāṇakicca*).
- Liễu minh ở trong Đạo Đế bởi do Tu Tập Sự Vụ (*Bhāvanākicca*).

Những thể loại này được gọi tên là Chánh Kiến.

2. **Chánh Tư Duy (Sammāsaṅkappa):** Sự nghĩ suy chân chánh hữu quan:

- Ly Tham Dục Tư Duy (*Nikkhamasaṅkappa*): sự nghĩ suy xa lìa khỏi Cảnh Dục Trần.
- Ly Cừu Hận Tư Duy (*Abyāpādasāṅkappa*): sự nghĩ suy kết hợp với Từ Ái.
- Ly Oán Độc Tư Duy (*Avihimsāsaṅkappa*): sự nghĩ suy kết hợp với Bi Mẫn.

Những thể loại này được gọi tên là Chánh Tư Duy.

3. **Chánh Ngữ (Sammāvācā):** Việc xa lánh cả Tứ Ngữ Ác Hạnh bất hữu quan với việc nuôi mạng, được gọi tên là Chánh Ngữ.

4. **Chánh Nghiệp (Sammākammanta):** Việc xa lánh cả Tam Thân Ác Hạnh bất hữu quan với việc nuôi mạng, được gọi tên là Chánh Nghiệp.

5. **Chánh Mạng (Sammājivā):** Việc xa lánh Tứ Ngữ Ác Hạnh và Tam Thân Ác Hạnh bất hữu quan với việc nuôi mạng, được gọi tên là Chánh Mạng.

6. **Chánh Tinh Tấn (Sammāvāyāma):** Sự nỗ lực tinh cần tiến hành theo cả Tứ Chánh Cần, được gọi tên là Chánh Tinh Tấn.

7. **Chánh Niệm (Sammāsati):** Sự truy niệm tiến hành theo cả Tứ Niệm Xứ, được gọi tên là Chánh Niệm.

8. **Chánh Định (Sammāsamādhī):** Sự kiên trụ ở trong Cảnh Minh Sát Nghiệp Xứ (*Vipassanākammaṭṭhāna*), được gọi tên là Chánh Định.

Việc Phân Tích Bát Chi Đạo Thể Theo Giới Uẩn (*Sīlakhanda*), Định Uẩn (*Samādhikhanda*), Và Tuệ Uẩn (*Paññākhanda*)

1. **Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng:** Cả ba Chi Đạo này được liệt vào trong Giới Uẩn.

2. *Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định*: Cả ba Chi Đạo này được liệt vào trong Định Ủn.
3. *Chánh Kiến và Chánh Tư Duy*: Cả hai Chi Đạo này được liệt vào trong Tuệ Ủn.

[**Chú thích:** Thê theo các bản Chú Giải thì từ ngữ *Maggaṅga* (Chi Đạo) bao hàm hai ý nghĩa, là: 1/. Dục Tầm Cầu Níp Bàn, và 2/. Sát Trừ Phiền Não (*Nibbānatthikehi maggiyatitī và kilese marento gacchatitī maggo*). Theo lẽ thường nhiên với những ý nghĩa đặc biệt này đã miêu tả sự khác biệt giữa Bát Chánh Đạo với những Đạo Lộ thông thường. Một cách chính xác, Bát Chi Đạo bao gồm tám Tâm Sở phối hợp với các Tâm Siêu Thê và lấy Níp Bàn làm đối tượng. Với Chi Đạo thứ nhất là Chánh Kiến với ý nghĩa sự liễu tri chân chánh. Chánh Kiến được giải thích là liễu tri Tứ Thánh Đế. Nói một cách khác, là sự liễu tri chính bản thân mình đúng theo chân thực tính; hoặc liễu tri các sự vật đúng theo chân như thực tính; hoặc liễu tri Thực Tướng của tất cả các Pháp. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp, đó là Tâm Sở Trí Tuệ có thiên hướng sát trừ *Vô Minh (Avijjā)*, *Si Mê (Moha)*. Chánh Kiến đứng ở vị trí đầu tiên ở trong Bát Chi Đạo, vì lẽ tất cả mọi sở hành thiết yếu phải được Trí Tuệ dẫn dắt. Chánh Kiến dẫn đến Chánh Tư Duy, nghĩ suy chân chánh. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp, đó là Tâm Sở Tầm hướng Tâm về Níp Bàn, loại trừ những tư tưởng *Tham Dục (Kāmachanda)*, *Cừu Hận (Vyāpāda)* và *Oán Độc (Hiṃsā)*; bằng cách vun bồi các Thiện Pháp *Ly Dục (Nekkhamma)*, *Ly Cừu Hận (Abyāpāda)* và *Ly Oán Độc (Avihimsā)*. Với cả hai Chi Đạo đầu tiên đã hợp thành nhóm Tuệ Đạo.

Chánh Tư Duy dẫn đến Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng; với cả ba Chi Đạo này đã hợp thành nhóm Giới Đạo. Chánh Ngữ có nghĩa là tiết chế, xa lìa, kiêng cử về Tứ Ngữ Ác Hạnh. Chánh Nghiệp có nghĩa là tiết chế, xa lìa, kiêng cử về Tam Thân Ác Hạnh. Chánh Mạng gồm có hai ý nghĩa, là: 1/. Đòi sống chân chánh của Chư Tỳ Khuru (Xuất Gia) tiết chế, xa lìa 21 Pháp Tà Mạng (*Anesanā*); 2/. Đòi sống chân chánh của các vị Cận Sự Nam – Nữ (Tại Gia) tiết chế, xa lìa 5 Pháp Tà Mạng (*Vañijjā*). Cả ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần được bao gồm ở trong ba Chi Đạo này.

Chánh Tinh Tấn là tiến hành trau giồi Tứ Chánh Cần. Chánh Niệm là tiến hành trau giồi Tứ Niệm Xứ. Chánh Định là kiên tâm định thức ở trong Cảnh Minh Sát Nghiệp Xứ. Cả ba Chi Đạo này hợp thành nhóm Định Đạo.

Và cả Bát Chi Đạo này bao gồm cả Tam Vô Lậu Học: Giới, Định và Tuệ.]

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Đăng Giác Phần

-----00000-----

TỔNG HỢP TẬN THỊ (SABBASAṄGAHA)

Việc trình bày liệt kê tất cả Pháp Thực Tính với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn làm thành một nhóm vào chung với nhau.

Sabbasaṅgahe: Pañcakkhandho, rūpakkhandho, vedanakkhandho, saññakkhandho, saṅkhàrakkhandho, viññāṇakkhandho.

Pañcupàdànakkhandhà: rūpupadànakkhandho, vedanùpàdànakkhandho, saññùpàdànakkhandho, saṅkhàrùpàdànakkhandho, viññāṇupàdànakkhandho.

Dvādasāyatanāni: cakkhāyatanam, sotāyatanam, ghāṇāyatanam, jivhāyatanam, kāyayatanam, manāyatanam, rūpāyatanam, saddāyatanam, gandhāyatanam, rasāyatanam, phoṭṭhabbāyatanam, dhammāyatanam.

Aṭṭhārasadhātuyo: cakkhudhātu, sotadhātu, ghāṇadhātu, jivhādadhātu, kāyadhātu, rūpadhātu, saddadhātu, gandhadhātu, rasadhātu, phoṭṭhabbadhātu, cakkhuvīññāṇadhātu, sotavīññāṇadhātu, ghānavīññāṇadhātu, jivhāvīññāṇadhātu, kāyavīññāṇadhātu, manodhātu, dhammadhātu, manovīññāṇadhātu.

Cattāri ariyasaccāni: dukkham ariyasaccam, dukhasamudayo ariyasaccam, dukkhanirodho ariyasaccam, dukkhanirodhagāminipāṭipadā ariyasaccam.

Etthe pana cetasikā sukhumarūpa nibbānavasena ekūnasattati dhammā dhammāyatanadhammadhātūti saṅkham gacchanti. Manāyatanameva satta viññāṇadhātu vasena bhijjati.

Rūpañca vedanā saññā sesā cetasikā tathā viññāṇam iti pañcete pañcakkhandhāti bhāsītā.

Pañcupàdànakkhandhāti tathā tebhūmakā matā bhedābhāvena nibbānam khandhasaṅgaha nissaṇam.

Dvārālambanabhedenā bhavantāyantanāni ca dvārālambanataduppanna pariyāyena dhātuyo.

Dukkham tebhūmakam vaṭṭam taṇhāsamudayo bhavē nirodho nāma nibbānam maggo lokuttaro mato.

Maggayuttā phalā ceva catusaccavinissāṭā. Iti pañcappabhedenā pavutto sabbasaṅgaho. Iti Abhidhammatthasaṅgahe samuccayasaṅgahavibhāgo nāma sattama paricchedo.

Trong Tổng Hợp Tận Thị, có Ngũ Uẩn: Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, Thức Uẩn.

Có Ngũ Thủ Uẩn: Sắc Thủ Uẩn, Thọ Thủ Uẩn, Tưởng Thủ Uẩn, Hành Thủ Uẩn, Thức Thủ Uẩn.

Có Thập Nhị Xứ: Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ, Ý Xứ, Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ, Pháp Xứ.

Có Thập Bát Giới: Nhãn Giới, Nhĩ Giới, Tỷ Giới, Thiệt Giới, Thân Giới, Sắc Giới, Thinh Giới, Khí Giới, Vị Giới, Xúc Giới, Nhãn Thức Giới, Nhĩ Thức

Giới, Tỷ Thức Giới, Thiết Thức Giới, Thân Thức Giới, Ý Giới, Pháp Giới, Ý Thức Giới.

Có Tứ Thánh Đế: *Khổ Thánh Đế, Khổ Tập Thánh Đế, Khổ Diệt Thánh Đế, Khổ Diệt Đạo Thánh Đế.*

Tại đây sáu mươi chín Pháp gồm 52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi Tế (Sukhumarūpa), và Níp Bàn, được xem hợp thành Pháp Xứ và Pháp Giới. Chỉ có Ý Xứ được chia thành Thất Thức Giới.

Sắc, Thọ, Tưởng và các Tâm Sở còn lại cùng các Thức được gọi là Ngũ Uẩn. Cùng thể ấy, các Pháp hữu quan với Tam Cõi Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) được xem là Ngũ Thủ Uẩn. Vì Níp Bàn thì bất phân biệt (Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai), nên không nằm ở trong phạm vi của Ngũ Uẩn.

Do sự khác biệt giữa các Căn Môn và Đối Tượng nên có Thập Nhị Xứ. Tùy hợp nơi Căn Môn, Đối Tượng và Thức hữu quan, nên mới có các Giới khởi sinh.

Sự hiện hữu ở trong cả Tam Cõi Giới là thống khổ. Ái Dục là nguyên nhân khởi sinh Khổ Đau. Khổ Diệt gọi tên là Níp Bàn. Đạo Lộ là con đường siêu thế.

Các Tâm Sở tương ứng với Đạo và Quả thì không nằm ở trong Tứ Đế.

Như vậy, Tổng Hợp Tận Thị được giải thích theo năm phân loại. Đây là Chương thứ bảy của Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã đề cập đến Tổng Hợp Tập Yếu được phân loại thể theo năm bộ nhóm.

-----00000-----

LỜI GIẢI THÍCH

Trong Tổng Hợp Tận Thị thì có được năm nhóm Pháp, đó là: 1/. Uẩn, 2/. Thủ Uẩn, 3/. Xứ, 4/. Giới, 5/. Đế. Và rằng khi phân loại thì có được 39 thể loại (Thủ Uẩn thì không cần phải tính riêng biệt), như sẽ tuần tự trình bày tiếp theo đây:

1. UẨN (KHANDHA)

- Có Ngũ Uẩn, đó là:
 1. **Sắc Uẩn (Rūpakhandha):** Một khối Sắc. Chi Pháp tức là 28 Sắc Pháp.
 2. **Thọ Uẩn (Vedanākhandha):** Một khối Thọ. Chi Pháp tức là Tâm Sở Thọ ở trong 89 hoặc 121 Tâm.
 3. **Tưởng Uẩn (Saññākhandha):** Một khối Tưởng. Chi Pháp tức là Tâm Sở Tưởng ở trong 89 hoặc 121 Tâm.
 4. **Hành Uẩn (Saṅkhārakhandha):** Một khối Hành. Chi Pháp tức là 50 Tâm Sở (loại trừ Thọ và Tưởng) ở trong 89 hoặc 121 Tâm tùy theo thích hợp.
 5. **Thức Uẩn (Viññāṇakhandha):** Một khối Tâm. Chi Pháp tức là 89 hoặc 121 Tâm.

2. THỦ UẨN (UPÀDÀNAKKHANDHA)

- Có Ngũ Thủ Uẩn, đó là:
 1. *Sắc Thủ Uẩn (Rùpupàdànakkhanda)*: Một khối Sắc làm thành Cảnh của Cháp Thủ. Chi Pháp tức là 28 *Sắc*.
 2. *Thọ Thủ Uẩn (Vedanupàdànakkhanda)*: Một khối Thọ làm thành Cảnh của Cháp Thủ. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Thọ ở trong 81 Tâm Hiệp Thế*.
 3. *Tướng Thủ Uẩn (Saññupàdànakkhanda)*: Một khối Tướng làm thành Cảnh của Cháp Thủ. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tướng ở trong 81 Tâm Hiệp Thế*.
 4. *Hành Thủ Uẩn (Sankhàrupàdànakkhanda)*: Một khối Hành làm thành Cảnh của Cháp Thủ. Chi Pháp tức là *50 Tâm Sở (loại trừ Thọ và Tướng) ở trong 81 Tâm Hiệp Thế*.
 5. *Thức Thủ Uẩn (Viññàṇupàdànakkhanda)*: Một khối Tâm làm thành Cảnh của Cháp Thủ. Chi Pháp tức là *81 Tâm Hiệp Thế*.

3. XỨ (ĀYATANA)

- Có Thập Nhị Xứ, đó là:
 1. *Nhãn Xứ (Cakkhāyatana)*: Nhãn được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Nhãn Thanh Triệt*.
 2. *Nhĩ Xứ (Sotāyatana)*: Nhĩ được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Nhĩ Thanh Triệt*.
 3. *Tỷ Xứ (Ghāṇāyatana)*: Tỷ được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Tỷ Thanh Triệt*.
 4. *Thiệt Xứ (Jivhāyatana)*: Thiệt được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Thiệt Thanh Triệt*.
 5. *Thân Xứ (Kāyāyatana)*: Thân được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Thân Thanh Triệt*.
 6. *Sắc Xứ (Rùpāyatana)*: Cảnh Sắc được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Các sắc màu*.
 7. *Thinh Xứ (Saddāyatana)*: Cảnh Thinh được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Các âm thanh*.
 8. *Khí Xứ (Gandhāyatana)*: Cảnh Khí được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Các khí hơi*.
 9. *Vị Xứ (Rasāyatana)*: Cảnh Vị được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Các mùi vị*.
 10. *Xúc Xứ (Phoṭṭhabbāyatana)*: Cảnh Xúc được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Các sự xúc chạm*.

11. *Ý Xứ (Manàyatana)*: Tâm được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *Tất cả các Tâm*.
12. *Pháp Xứ (Dhammàyatana)*: Các Pháp Thực Tính được gọi tên là Xứ vì làm thành tác nhân cho Tâm, Tâm Sở sinh khởi. Chi Pháp tức là *52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi Tế, và Níp Bàn*.

4. GIỚI (DHÀTU)

- Có Thập Bát Giới, đó là:
 1. *Nhãn Giới (Cakkhūdhātu)*: Nhãn được gọi tên là Giới vì có *Tịnh Sắc Căn* để cho Cảnh Sắc đi đến tiếp xúc. Chi Pháp tức là *Nhãn Thanh Triệt*.
 2. *Nhĩ Giới (Sotādhātu)*: Nhĩ được gọi tên là Giới vì có *Tịnh Sắc Căn* để cho Cảnh Thinh đi đến tiếp xúc. Chi Pháp tức là *Nhĩ Thanh Triệt*.
 3. *Tỷ Giới (Ghānādhātu)*: Tỷ được gọi tên là Giới vì có *Tịnh Sắc Căn* để cho Cảnh Khí đi đến tiếp xúc. Chi Pháp tức là *Tỷ Thanh Triệt*.
 4. *Thiệt Giới (Jivhādhātu)*: Thiệt được gọi tên là Giới vì có *Tịnh Sắc Căn* để cho Cảnh Vị đi đến tiếp xúc. Chi Pháp tức là *Thiệt Thanh Triệt*.
 5. *Thân Giới (Kāyādhātu)*: Thân được gọi tên là Giới vì có *Tịnh Sắc Căn* để cho Cảnh Xúc đi đến tiếp xúc. Chi Pháp tức là *Thân Thanh Triệt*.
 6. *Sắc Giới (Rūpadhātu)*: Cảnh Sắc được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Nhãn Thanh Triệt. Chi Pháp tức là *Các sắc màu*.
 7. *Thinh Giới (Saddādhātu)*: Cảnh Thinh được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Nhĩ Thanh Triệt. Chi Pháp tức là *Các âm thanh*.
 8. *Khí Giới (Gandhadhātu)*: Cảnh Khí được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Tỷ Thanh Triệt. Chi Pháp tức là *Các khí hơi*.
 9. *Vị Giới (Rasādhātu)*: Cảnh Vị được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Thiệt Thanh Triệt. Chi Pháp tức là *Các mùi vị*.
 10. *Xúc Giới (Phoṭṭhabbādhātu)*: Cảnh Xúc được gọi tên là Giới vì có việc tiếp xúc với Thân Thanh Triệt. Chi Pháp tức là *Các sự xúc chạm*.
 11. *Nhãn Thức Giới (Cakkhuvīññāṇādhātu)*: Nhãn Thức được gọi tên là Giới vì có việc trông thấy. Chi Pháp tức là *2 Tâm Nhãn Thức*.
 12. *Nhĩ Thức Giới (Sotaviññāṇādhātu)*: Nhĩ Thức được gọi tên là Giới vì có việc được lắng nghe. Chi Pháp tức là *2 Tâm Nhĩ Thức*.
 13. *Tỷ Thức Giới (Ghānaviññāṇādhātu)*: Tỷ Thức được gọi tên là Giới vì có việc ngửi khí hơi. Chi Pháp tức là *2 Tâm Tỷ Thức*.
 14. *Thiệt Thức Giới (Jivhāviññāṇādhātu)*: Thiệt Thức được gọi tên là Giới vì có việc nếm mùi vị. Chi Pháp tức là *2 Tâm Thiệt Thức*.
 15. *Thân Thức Giới (Kāyaviññāṇādhātu)*: Thân Thức được gọi tên là Giới vì có việc xúc chạm. Chi Pháp tức là *2 Tâm Thân Thức*.

16. **Ý Giới (Mānōdhātu):** Ba cái Tâm được gọi tên là Ý Giới vì có việc hiểu biết Cảnh Ngũ thể loại thông thường. Chi Pháp tức là *1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Tiếp Thân*.
17. **Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu):** 76 Tâm được gọi tên là Ý Thức Giới vì có việc hiểu biết Cảnh thể loại đặc biệt. Chi Pháp tức là *76 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới)*.
18. **Pháp Giới (Dhammadhātu):** 69 Pháp Thực Tính được gọi tên là Pháp Giới vì có trạng thái thực tính của bản thân mình. Chi Pháp tức là *52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi tế, Níp Bàn*.

5. THÁNH ĐẾ (ARIYASACCA)

- Có Tứ Thánh Đế, đó là:
 1. **Khổ Đế (Dukkhasacca):** Pháp làm thành sự Khổ Đau, và là Chân Lý của tất cả các bậc Vô Sinh. Chi Pháp tức là *81 Tâm Hiệp Thế, 51 Tâm Sở (loại trừ Tham), 28 Sắc Pháp*.
 2. **Tập Đế (Samudayasacca):** Pháp làm thành tác nhân cho sinh khởi sự Khổ Đau, và là Chân Lý của tất cả các bậc Vô Sinh. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tham*.
 3. **Diệt Đế (Nirodhasacca):** Pháp làm thành công cụ diệt tất sự Khổ Đau, và là Chân Lý của tất cả các bậc Vô Sinh. Chi Pháp tức là *Níp Bàn*.
 4. **Đạo Đế (Maggasacca):** Pháp làm thành tác nhân cho đi đến sự diệt tất Khổ Đau, và là Chân Lý của tất cả các bậc Vô Sinh. Chi Pháp tức là *8 cái Tâm Sở Chi Đạo có Tâm Sở Trí Tuệ, v.v. ở trong 4 Tâm Đạo*.

**Kệ Ngôn Trình Bày Tính Đếm Chi Pháp Trong Ngũ Uẩn Và Thủ Uẩn
Luôn Cả Trình Bày Nguyên Nhân Níp Bàn Là Ngoại Uẩn (Khandhavimutta)**

**1. Rūpañca vedanā saññā Sesā cetasikā tathā
Viññāṇaṃ iti pañcete Pañcakkhandhāti bhāsītā.**

**2. Pañcupādānakkhandhāti Tathā tebhūmakā matā
Bhedābhāvena nibbānaṃ Khandhasaṅgaha nissaṭaṃ.**

1. Tất cả các bậc Học Giả nên trình bày những cả 5 thể loại Pháp này đây: *Sắc Pháp, Thọ, Tưởng, 50 Tâm Sở còn lại, và Thức*, thì gọi là *Ngũ Uẩn*.

2. Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết *Sắc Pháp, Thọ, Tưởng, Hành, Thức* sinh khởi ở trong cả *Tam Cõi Giới*, thì gọi là *Ngũ Thủ Uẩn*.

Còn *Níp Bàn* vượt ra ngoài cả *Ngũ Uẩn* bởi vì *Níp Bàn* thì *bất phân biệt (Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai)*, nên không nằm ở trong phạm vi của *Ngũ Uẩn*.

Việc Tính Đếm Chi Pháp Trong Thất Thức Giới Và Pháp Xứ - Pháp Giới

“Etthe pana cetasikà sukhumarùpa nibbànavasena ekūnasattati dhammà dhammàyanadhammadhātūti saṅkham gacchanti. Manàyanameva satta viññāṇadhātu vasena bhijjati.”- “Tại đây sáu mươi chín Pháp gồm 52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi Tế (**Sukhumarùpa**), và Níp Bàn, được xem hợp thành Pháp Xứ và Pháp Giới. Chỉ có Ý Xứ được chia thành Thất Thức Giới.”

Tại đây, về 69 Pháp gồm có 52 Tâm Sở, 16 Sắc Vi Tế, Níp Bàn nên được gọi là Pháp Xứ và Pháp Giới. Duy chỉ một nhóm Ý Xứ thì được chia ra thành Thất Thức Giới.

Kệ Ngôn Trình Bày Sự Hiện Hành Từ Nơi Phân Loại 12 Xứ Và 18 Giới

Dvārāmbanabhedena Bhavantāyantanāni ca
Dvārāmbanataduppanna Pariyāyena dhātuyo

“Do sự khác biệt giữa các Căn Môn và Đối Tượng nên có Thập Nhị Xứ. Tùy hợp nơi Căn Môn, Đối Tượng và Thức hữu quan, nên mới có các Giới khởi sinh.” Xứ có số lượng 12, bởi vì có sự phân loại khác biệt với nhau từ ở nơi Lục Môn và Lục Cảnh. Giới có số lượng 18, bởi theo phương cách từ ở nơi Lục Môn, Lục Cảnh, và Lục Thức sinh khởi ở trong các Môn và các Cảnh ấy.

Kệ Ngôn Trình Bày Việc Tính Đếm Chi Pháp Ở Trong Tứ Thánh Đế

Dukkham tebhūmakam vaṭṭam Taṇhāsamudayo bhava
Nirodho nāma nibbānam Maggo lokuttaro mato

“Sự hiện hữu ở trong cả Tam Cõi Giới là thống khổ. Ái Dục là nguyên nhân khởi sinh Khổ Đau. Khổ Diệt gọi tên là Níp Bàn. Đạo Lộ là con đường siêu thế.”

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết Pháp luân chuyên ở trong cả Tam Cõi Giới thì được gọi tên là Khổ Đế. Ái Dục thì được gọi tên là Tập Đế. Níp Bàn thì được gọi tên là Diệt Đế. Bát Chi Đạo sinh khởi ở trong Tâm Đạo Siêu Thế thì được gọi tên là Đạo Đế.

Kệ Ngôn Trình Bày Pháp Làm Thành Ngoại Đế (Saccavimutta)

Maggayuttā phalā ceva Catusaccavinissatā
Iti pañcappabhedena Pavutto sabbasaṅgaho

“Các Tâm Sở tương ứng với Đạo và Quả thì không nằm ở trong Tứ Đế. Như vậy, Tổng Hợp Tận Thị được giải thích theo năm phân loại.”

29 Khởi Sinh Tâm Đạo (**Maggacittuppāda**) (loại trừ Bát Chi Đạo) phối hợp với Tâm Đạo, hoặc 37 Khởi Sinh Tâm Quả (**Phalacittuppāda**) vượt ra ngoài cả Tứ Đế thì được gọi tên là Ngoại Đế (**Saccavimutta**). Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha**

đã trình bày Tổng Hợp Tận Thị qua việc chia ra thành năm phân loại, và đã được đề cập đến ở tại đây.

LỜI GIẢI THÍCH Ở TRONG TỔNG HỢP TẬN THỊ

Câu Chú Giải của từ ngữ *Sabbasaṅgaha* (Tổng Hợp Tận Thị), là: “*Sabbesum paramatthadhammaṇaṃ saṅgahoti = Sabbasaṅgaha*”- “Một nhóm trình bày liệt kê hết tất cả các Pháp Thực Tính, bởi do thế mới được gọi tên là Tổng Hợp Tận Thị.” Có nghĩa là – rằng trong Tổng Hợp Tận Thị này - Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã trình bày việc phân tích hết tất cả Tứ Pháp Siêu Lý một cách không dư sót.

1. UẨN (KHANDHA)

Từ ngữ *Khandha* (Uẩn) có nghĩa là một khối, một số lượng; ăn khớp với từ ngữ Pàli đã nói rằng: “*Rasaṭṭhena (Ràsi + Aṭṭhena) Khandho*”- “Gọi tên là Uẩn vì có nội dung là “thành một khối, một số lượng.” Tức là:

1. Pháp làm thành Hiện Tại (*Paccuppanna*), Quá Khứ (*Atīta*), Vị Lai (*Anāgata*) kết hợp với nhau thành một khối.
2. Pháp ở phần Nội Bộ (*Ajjhatta*) và Ngoại Bộ (*Bahiddha*) kết hợp với nhau thành một khối.
3. Pháp ở phần Thô Thiển (*Oḷārika*) và Vi Tế (*Sukhuma*) kết hợp với nhau thành một khối.
4. Pháp ở phần Ty Liệt (*Hīna*) và Tinh Lương (*Paṇīta*) kết hợp với nhau thành một khối.
5. Pháp ở phần Dao Viễn (*Dūra*) và Cận Lân (*Santika*) kết hợp với nhau thành một khối.

Bởi do thế, ở trong cả Ngũ Uẩn, thì:

1. Sắc Pháp hiện đang sinh khởi, Sắc Pháp đã diệt mất đi rồi, Sắc Pháp sẽ sinh khởi nối tiếp ở thời vị lai; kết hợp cả ba phân loại này vào nhau thì được gọi tên là Sắc Uẩn.

- Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành ở trong cùng một phương thức này.

2. Sắc Pháp sinh trú ở bên trong nội thân của Ta và Sắc Pháp sinh trú ở bên ngoài thân của Ta; kết hợp cả hai phân loại này vào nhau thì được gọi tên là Sắc Uẩn.

- Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành ở trong cùng một phương thức này.

3. Sắc Pháp hiện bày thô thiển và Sắc Pháp hiện bày vi tế; kết hợp cả hai phân loại này vào nhau thì được gọi tên là Sắc Uẩn.

- Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành ở trong cùng một phương thức này.

4. Sắc Pháp ty liệt và Sắc Pháp tinh lương; kết hợp cả hai phân loại này vào nhau thì được gọi tên là Sắc Uẩn.

- Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành ở trong cùng một phương thức này.

5. Sắc Pháp dao viễn Trí Tuệ, nghĩa là khó được liễu tri; và Sắc Pháp cận lân Trí Tuệ, nghĩa là được liễu tri dễ dàng; kết hợp cả hai phân loại này vào nhau thì được gọi tên là Sắc Uẩn.

- Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng hiện hành ở trong cùng một phương thức này.

Trình bày nội dung ý nghĩa của Uẩn: Uẩn có nghĩa là một khối, một số lượng; là chẳng phải lập ý lấy một khối lượng lớn kết hợp vào nhau, mà đích thị chính là lập ý chỉ lấy năm phân loại khác biệt với nhau như đã vừa đề cập đến ở tại đây rồi vậy. Vói lý do này, chỉ với mỗi một Tâm Sở Thọ và duy nhất mỗi một Tâm Sở Tưởng mới được làm thành Thọ Uẩn và Tưởng Uẩn.

Còn Về Níp Bàn Là Ngoại Uẩn Cũng Bởi Vì Bất Phân Loại Với Nhau, tức là:

1. Níp Bàn thì bất phân biệt về Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai; và đơn nhất chỉ có Ngoại Thời; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.
2. Níp Bàn thì chẳng phải là Nội Bộ, và đơn nhất chỉ là Ngoại Bộ; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.
3. Níp Bàn thì chẳng phải là Thô Thiển, và đơn nhất chỉ là Vi Tế; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.
4. Níp Bàn thì chẳng phải là Ty Liệt, và đơn nhất chỉ là Tinh Lương; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.
5. Níp Bàn thì chẳng phải là Cận Lân, và đơn nhất chỉ là Dao Viễn; bởi do thế mới không được làm thành Uẩn.

Chỗ nói rằng Níp Bàn là Ngoại Thời, Ngoại Bộ, Vi Tế, Tinh Lương, Dao Viễn; với những thể loại này thì chẳng gọi Níp Bàn là có năm phân loại như vậy; bởi vì Níp Bàn đích thị vừa là Ngoại Thời, lại vừa là Ngoại Bộ, Vi Tế, Tinh Lương, và Dao Viễn.

Câu Chú Giải của từ ngữ *Khandha* (Uẩn), là: “*Anekadukkhehi khajjantīti = Khandhā*”- “Tất cả các Pháp bị biết bao thống khổ nhai ăn; bởi do thế gọi tên là Uẩn.” Lập ý đến Ngũ Uẩn, và chính đây là sinh trú của Sinh, Lão, Bệnh, Tử, v.v. Nếu không có Ngũ Uẩn này rồi, thì những thể loại thống khổ như vậy cũng không sinh khởi lên được. Hoặc một phần khác nữa: “*Suññākāraṃ dhārentīti = Khandhā*”- “Những thể loại Pháp nào biểu hiện đặc tính rằng chẳng có bản ngã; bởi do thế những thể loại ấy được gọi tên là Uẩn.”

Theo lẽ thường nhiên tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này, đa phần thì có sự hiểu biết rằng mọi sự sinh hoạt hiện khởi lên đối với bản thân mình,

chẳng hạn như việc hành động, việc nói năng, việc nghĩ suy, sự an vui, bất an, duyệt ý, buồn lòng, và các việc biến đổi của sắc thân, v.v. Với những thể loại này hầu hết đều là *Tự Ngã*, là *Của Tự Ngã*; chẳng hạn sẽ dùng ngôn từ nói với nhau rằng “*Tôi làm, tôi nói, tôi nghĩ suy, tôi an vui, tôi bất an, tôi duyệt ý, tôi buồn lòng, tôi trẻ, tôi già, tôi đẹp, tôi xấu, v.v.*” Và nếu như các trạng thái như đã vừa đề cập ở tại đây, lại hiện khởi đối với người khác thì cũng sẽ dùng lời nói rằng “*người ấy, người này làm, nói, nghĩ suy, an vui, bất an, v.v.*” Tóm lại tất cả mọi sự việc ở trong thế gian này, có *Tôi Ta*, có *Người* đều toàn là *Ngã Kiến Cháp (Attaditthi)* hết cả thảy. Thế nhưng Chân Lý ấy, sự hiện hành những thể loại này thì chẳng phải là *Tôi Ta*, chẳng phải là *Của Người*, mà quả thật đó chính là thực tính của Ngũ Uẩn. Sẽ nói rằng:

1. Việc biến đổi của sắc thân, như có việc lớn lên, phát triển lên, già xuống, tóc bạc, răng gãy, v.v. hoặc việc hoạt động về Thân và việc nói năng; với những thể loại này gọi là *Sắc Uẩn*.
2. Sự cảm thấy an vui, bất an, duyệt ý, buồn lòng, bình thản; với những thể loại này gọi là *Thọ Uẩn*.
3. Sự tưởng nhớ hoặc nhận ra được các sự việc; với những thể loại này gọi là *Tưởng Uẩn*.
4. Sự tham lam, sự sân hận, sự si mê, sự sùng tín, sự tinh cần, sự liễu tri được Chân Lý, v.v. hình thành việc kiến tạo, tô điểm, sắp bày ở bên trong tâm tính; với những thể loại này gọi là *Hành Uẩn*.
5. Sự nhận thức ở trong các Cảnh; với những thể loại này gọi là *Thức Uẩn*.

Với lý do này, người phối hợp với tất cả *Tuệ Văn (Sutamayapañña)*, *Tuệ Tư (Cintamayapañña)*, và *Tuệ Tu (Bhàvanamayapañña)* thì mới sẽ liễu tri được hết tất cả các sự vật hiện hữu ở trong thế gian này, ngoài ra Ngũ Uẩn này rồi, thì chẳng có cái chi khác nữa, và hết tất cả đều là thực tính Vô Ngã. Còn việc liễu tri đến thực tính Vô Ngã của những thể loại Danh Sắc đây, thì chỉ sẽ được liễu tri tường tận là cũng phải tùy thuộc vào tuần tự năng lực của các Tuệ Giác này vậy.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Khandha (Uẩn)* có nghĩa là “*nhóm, khối, hoặc số lượng.*” Đức Phật phân tích Chúng Hữu Tình thành năm khối nhóm, hoặc Ngũ Uẩn. Tất cả những Sắc Pháp ở về Quá Khứ, ngay Hiện Tại, về Vị Lai đều được gọi chung với nhau là *Sắc Uẩn (Rùpakkhanda)*. Bốn Uẩn còn lại – Thọ, Tưởng, Hành, Thức – cũng được hiểu biết theo cùng một phương thức này. Từ ngữ *Hành (Sankhàra)* được dùng với ý nghĩa đặc biệt. Trong 52 Tâm Sở, Tâm Sở Thọ là một, và Tâm Sở Tưởng là một khác nữa. Và 50 Tâm Sở còn lại thì được gọi chung là Hành Uẩn. Các danh từ miêu tả như “*những sự kết hợp tinh thần, các khuynh hướng, những trạng thái tinh thần*”, v.v. cũng không thể diễn đạt chính xác ý nghĩa của từ ngữ này.]

2. THỦ UÂN (UPÀDĀNANAKKHANDHA)

Câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng *Upādānanakkhandha* (*Thủ Uân*), là: “*Upādānāṇaṃ gocarā khandhā = Upādānakkhandhā*”- “*Uân làm thành Cảnh của Cháp Thủ, bởi do thế mới gọi tên là Thủ Uân.*”

Trong sự việc Đức Phật Ngài đã lập ý trình bày Thủ Uân được tách ra từ ở nơi Ngũ Uân, là cũng để cho làm thành lợi ích ở trong việc tiến tu Minh Sát. Bởi vì người tiến tu Minh Sát sẽ cần phải hạn định Ngũ Uân chỉ ở phần Hiệp Thế đặng làm thành Cảnh của Cháp Thủ. Đề cập đến là Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ, và Ngã Luận Thủ; với những thể loại này sinh khởi là cũng chỉ do bởi nương vào Sắc Pháp, và Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở phần Hiệp Thế làm thành tác nhân mà thôi. Còn đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở phần Siêu Thế thì chẳng phải làm thành Cảnh của Cháp Thủ; lập ý đến cả Tứ Cháp Thủ này thì thường chẳng có nương vào Pháp Siêu Thế mà sinh khởi; với lý do này mới phải lập ý trình bày riêng biệt phần Thủ Uân thêm một lần nữa vậy.

[*Chú thích:* Từ ngữ *Upādānakkhandha* (*Thủ Uân*) được gọi như vậy vì kết hợp thành những đối tượng của sự bám níu, hoặc cháp thủ; và chỉ hiện hữu duy nhất ở trong những Tâm Hiệp Thế. Tám Tâm Siêu Thế cùng với các Tâm Sở phối hợp, và mười Sắc Pháp không do Nghiệp tạo thì không được xem là *Thủ Uân*; vì không thể trở thành những đối tượng của sự cháp thủ.]

3. XỨ (ĀYATANA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Āyatana* (*Xứ*), là: “*Āyatanti attano phaluppattiyā ussāhantā viya hontīti = Āyatanāni*”- “*Những thể loại Pháp nào có thực tính na ná với sự nỗ lực tinh cần, nhằm để quả báo của mình cho được sinh khởi; bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới gọi tên là Xứ.*”

Có nghĩa là:

1. Cả hai *Nhãn Xứ* với *Sắc Xứ* làm thành tác nhân cho việc được trông thấy sinh khởi; bởi do thế việc trông thấy đây mới làm thành quả báo của cả hai Xứ đây. Ở trong những Xứ khác thì cũng hiện hành tương tự như nhau, là:
2. *Nhĩ Xứ* với *Thinh Xứ* thành Nhân, và việc được lắng nghe thành Quả.
3. *Tỷ Xứ* với *Khí Xứ* thành Nhân, và việc ngửi được khí hơi thành Quả.
4. *Thiệt Xứ* với *Vị Xứ* thành Nhân, và việc biết được mùi vị thành Quả.
5. *Thân Xứ* với *Xúc Xứ* thành Nhân, và việc biết sự xúc chạm thành Quả.
6. *Ý Xứ* với *Pháp Xứ* thành Nhân, và việc nhận thức các sự kiện thành Quả.

Nhân với Quả mà đã vừa đề cập ở tại đây thì thường hiện hành theo thực tính Vô Ngã hết cả thấy các Xứ. Những thể loại ấy thì chẳng cần phải có bất luận một sự nỗ lực nào cả; tuy nhiên cảnh trạng hiện hành của những thể loại Xứ ấy thì

lại trông na ná giống như là có việc tích cực phần đầu để cho các quả báo của mình được sinh khởi; bởi do thế mới trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“Ussàhantà viya honti”**- *“Có thực tính na ná giống với sự nỗ lực tinh cần để cho quả báo của mình sinh khởi.”* Hoặc một phần khác nữa: **“Āyasaṅkhāte cittacetāsikadhamme etāni tanonti vitthārentīti = Āyatanāni”**- *“Những thể loại Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc v.v. đây thường tác hành Pháp Tâm và Tâm Sở ở chỗ gọi là Xứ cho phát triển quảng khoáng lên; bởi do thế những thể loại Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc v.v. đây mới gọi tên là Xứ.”*

Trong những cả Thập Nhị Xứ đây, khi phân tách ra thành Nội Phần và Ngoại Phần, thì có 6 Xứ ở Nội Phần – chỗ gọi là **Ajjhattikāyatana** (Nội Thân Xứ) – đó là Nhãn Xứ, v.v. cho đến Ý Xứ. Và có 6 Xứ ở Ngoại Phần – chỗ gọi là **Bāhirāyatana** (Ngoại Xứ) – đó là Sắc Xứ v.v. cho đến Pháp Xứ. Những thể loại Xứ Nội Phần và Ngoại Phần đây, một khi đã tiếp xúc với nhau rồi, thì các Lộ Trình Tâm như có Lộ Trình Nhãn Môn v.v. thường sinh khởi. Lộ Trình Tâm đã sinh khởi lên rồi, thì chẳng phải chỉ có duy nhất mỗi một Lộ Trình Tâm, mà thường sinh khởi rất nhiều Lộ Trình Tâm cho đến nỗi đếm không kể xiết được. Và trong mỗi một Lộ Trình Tâm ấy thì có rất nhiều chủng loại Tâm sinh khởi với nhau; tức là Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có, Quả Dị Thục và Duy Tác cũng có. Chính vì việc sinh khởi của rất nhiều Lộ Trình Tâm, rất nhiều chủng loại Lộ Trình Tâm như vậy, mới được gọi là Tâm và Tâm Sở phát triển quảng khoáng lên. Và trong sự việc Tâm và Tâm Sở phát triển quảng khoáng lên được như thế này, cũng đích thị là chính do bởi nương vào các Xứ ở cả Nội Phần và Ngoại Phần ấy vậy.

Lại nữa, Bất Thiện Pháp thì có Tham, Sân, v.v. và Thiện Pháp thì có Tín, Niệm, Tuệ, v.v. ở những thể loại này ngay trong sát na sinh khởi đầu tiên thì có năng lực hãy còn yếu kém. Khi những chủng loại Lộ Trình Tâm Thiện và Bất Thiện đây cứ mãi luân chuyển sinh khởi xoay tròn, thế rồi năng lực từ ở những chủng loại Thiện và Bất Thiện đây cũng từ từ mạnh dần lên, mãi cho đến làm thành tựu những Thiện Hạnh và Ác Hạnh. Tại đây cũng được gọi là Tâm và Tâm Sở có sự phát triển quảng khoáng lên; và do nương vào Xứ Nội Phần và Ngoại Phần làm thành tác nhân cho sinh khởi tương tự như nhau. Với lý do này mới đề cập để ở trong câu Chú Giải nói rằng *“Những thể loại Xứ Nội Phần và Ngoại Phần đây, thì thường tác hành Pháp Tâm và Tâm Sở cho phát triển quảng khoáng lên.”*

Năm Ý Nghĩa Của Từ Ngữ Xứ (Āyatana)

Từ ngữ **Āyatana** (Xứ) đây, có năm ý nghĩa biểu thị, đó là:

1. **Xuất Sinh Sản Xứ (Saṅjātidesaṭṭha)**: có nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Xứ Nội Phần đây gọi là Xứ bởi vì thường luôn làm thành chỗ nương sinh của tất cả Lộ Trình Tâm; tức là cho dù sẽ sinh ở trong chủng tộc nào,

kiếp sống nào đi nữa, thì chẳng thể sinh ở nơi nào khác mà tất cả đều phải nương sinh vào những thể loại Xứ này hết cả thấy.

2. **Trú Sở Xứ (Nivāsatṭṭha):** có nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Xứ Nội Phần đây gọi là Xứ bởi vì làm thành chỗ nương trú của Lộ Trình Tâm. Việc trình bày như vậy là việc trình bày theo *Phần Cận Lân (Upacàranaya)* tức là trình bày một cách gián tiếp. Bởi vì những Lộ Trình Tâm ấy chẳng phải hiện hữu ở trong lỗ tai, lỗ mũi, v.v. và cho đến khi hội đủ nhân duyên kết tụ vào nhau thì những thể loại Lộ Trình Tâm ấy mới sinh khởi; cũng giống như cây đàn với âm thanh cây đàn, thường thì không nói được rằng âm thanh ấy ở trong thân cây đàn hoặc ở dây đàn. Tuy nhiên nếu đã gảy đàn lên rồi thì âm thanh ấy sẽ hiện khởi lên y như là âm thanh ấy là ở trong dây đàn vậy. Điều này như thế nào, thì Lộ Trình Tâm và những Lục Nội Thân Xứ đây, nếu nhờ như không có hội đủ nhân duyên thì sẽ không nói được rằng Lộ Trình Tâm đây ở trong những Lục Nội Thân Xứ này. Và nếu giả như đã hội đủ nhân duyên rồi, thì sẽ hiện khởi lên tức thời, y như là Lộ Trình Tâm ở trong những thể loại Xứ này, như đã vừa đề cập đến rồi vậy.
3. **Sản Xuất Xứ (Ākaratṭṭha):** có nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thuộc Xứ Nội Phần đây gọi là Xứ bởi vì sinh trú ở khắp cả Hữu Tình, chẳng phân biệt là hạng thấp hoặc bậc cao, nhỏ hoặc lớn; bất kể sẽ là Nhân Loại, Chư Thiên, hoặc Hữu Tình Bàng Sanh, tất cả cũng đều phải có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đồng với nhau hết cả thấy.
4. **Hội Hợp Xứ (Samosaraṇatṭṭha):** có nghĩa là Sắc Xứ, v.v. cho đến Pháp Xứ thuộc Xứ Ngoại Phần đây gọi là Xứ bởi vì làm thành chỗ tụ hội của tất cả Lộ Trình Tâm; tức là những Lộ Trình Tâm đã sinh khởi lên ấy thì thường luôn sẽ cần phải có việc tiếp thân Cảnh. Việc tiếp thân Cảnh của những thể loại Lộ Trình Tâm này na ná với việc vào tụ hội ở trong Cảnh, có Cảnh Sắc v.v. mà bản thân đang tiếp thân.
5. **Nhân Do Xứ (Kàraṇatṭṭha):** có nghĩa là những thể loại Lục Xứ Nội Phần và Lục Xứ Ngoại Phần đây gọi là Xứ bởi vì làm thành tác nhân cho Lộ Trình Tâm sinh khởi; tức là theo lẽ thường nhiên Lộ Trình Tâm sẽ sinh khởi lên được đó, là cần phải có tất cả những thể loại Xứ Nội Phần và Ngoại Phần; nếu như không có những thể loại Xứ này rồi, thì Lộ Trình Tâm không thể nào sinh khởi lên được.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Āyatana (Xứ)* được dùng ở trong ý nghĩa là “*nền tảng, phạm vi, căn cứ, trú xứ*”. Đây là sáu cửa ra vào, Lục Nhập, Lục Xứ, Lục Môn, làm thành nền tảng cho các giác quan. Từ ngữ *Cakkhāyatana (Nhãn Xứ)* là *Tịnh Sắc Căn*, là phần nhạy của con mắt. Chính Sắc Pháp này cảm nhận sắc tướng của Trần Cảnh. Và những phần nhạy của bốn giác quan kia – Thính, Khí, Vị, Xúc – cũng nên được hiểu cùng một phương thức này. Từ ngữ *Manāyatana (Ý Xứ)* ở tại

đây miêu tả không có một bộ phận riêng biệt làm nền tảng cho Tâm Thức như là các Xứ khác. Ý Xứ chỉ cho *Tâm Khai Ý Môn (Manodvārāvajjanacitta)*, có nghĩa là “*sự hiểu biết của Tâm Thức*” cùng với sát na Tâm Hữu Phần Dứt Dòng. (Xin xem lại Chương thứ I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp)]

4. GIỚI (DHÀTU)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Dhātu (Giới)*, là: “*Nissattanijjivattthena = Dhātu*”- “*Nhân Thanh Triệt v.v. gọi tên là Giới; bởi vì có nội dung là chẳng phải Hữu Tình, chẳng phải Sinh Mạng; và đích thị chính là thực tính.*”

Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong thế gian này thì thường luôn có việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi khí hơi, việc biết mùi vị, việc tiếp xúc xúc chạm, việc nghĩ suy với nhau hết cả thấy. Những sự việc này có được cũng bởi vì việc tụ hội vào nhau giữa Môn, Cảnh, Thức; và đó chính là Thập Bát Giới vậy. Ngoài ra việc tụ hội giữa những thể loại 18 Thập Bát Giới này đi rồi, thì sự hiểu biết với nhau rằng việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc nghĩ suy, hoặc việc bước đi, việc đi đến, việc ăn, việc nằm, việc nói năng của Chúng Nhân Loại, hoặc Hữu Tình Bàng Sinh đây, ắt hẳn là không có. Bởi do thể thực tính sinh hoạt của cả những Thập Bát Giới này, thì mới nói với nhau là *Phi Sinh Mạng (Nissatta)*, nghĩa là “*chẳng phải là Hữu Tình, là Con Người.*”

Sự hiểu biết rằng người này người nọ tử vong nhưng Tâm Thức thì bất tử. Khi con người hoặc Hữu Tình đã tử vong rồi, thì Tâm Thức vượt thoát ra khỏi thân xác cũ, và nối tiếp đi ở trong thân xác mới. Sự hiểu biết như vậy thường được liệt vào Ngã Luận Thủ, tức là chấp thủ rằng tất cả Chúng Hữu Tình thì Hữu Sinh Mạng, Hữu Ngã; mà thể theo Chân Như Thực Tính thì Sinh Mạng, Bản Ngã ở chỗ bất tử đây, là chẳng có việc chuyển di từ kiếp sống cũ đi thọ sinh ở trong kiếp sống mới. Việc sinh, việc sống và việc tử, với những thể loại này đều hiện hành theo thực tính của Giới hết cả thấy; tức là một khi đã tử vong rồi, thì Thức Giới, Pháp Giới và Nhãn Giới, v.v. thuộc Sắc Nghiệp đã diệt mất. Đến khi thọ sinh, thì đích thị chính là Ý Thức Giới, Pháp Giới, và Nhãn Giới, v.v. thuộc Sắc Nghiệp đã sinh khởi. Như thế, thực tính sinh hoạt của những cả Thập Bát Giới này mới nói rằng là *Phi Sinh Mạng (Nijjiva)* tức là “*chẳng phải Sinh Mệnh, Bản Ngã.*”

Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ *Dhātu (Giới)*, là: “*Attano sabhavam dhàretiti = Dhātu*”- “*Pháp chủng nào lập ý thiết lập thực tính của mình, bởi do thể Pháp chủng ấy được gọi tên là Giới.*”

Có nghĩa là theo lẽ thường nhiên cả Thập Bát Giới thì thường hiện hành theo thực tính của mình, chẳng khởi lên với một ai, và cũng chẳng ở trong mãnh lực của người nào cả thấy. Thực tính của mình là cái chi thì cũng hằng luôn bảo hộ thực tính của mình đã thiết lập ở thể loại ấy, và bất biến chuyển; chẳng hạn như Nhãn Giới có thực tính *Tịnh Sắc Căn* thích hợp cho các sắc màu đi đến hiện bày, bởi do

thể Nhãn Giới cho dù sẽ sinh trú với một ai đi nữa, thì thường cũng chỉ có đơn nhất thực tính *Tịnh Sắc Căn* để tiếp thu các sắc màu mà thôi. *Tịnh Sắc Căn* của Nhãn Giới không có khả năng để tiếp thu được các âm thanh, hoặc các khí hơi, v.v. và cũng chẳng có một ai có khả năng dùng mãnh lực trong suốt của Nhãn Giới này để tiếp thu các sự vật khác, ở phần ngoài ra các sắc màu được cả.

Sắc Giới chỉ có thực tính biểu thị màu sắc cho hiện bày ở trong Lộ Nhãn Môn; bởi do thể Sắc Giới này mới lập ý thiết lập thực tính biểu thị màu sắc cho hiện bày chỉ riêng ở trong Lộ Nhãn Môn, và không có khả năng để biểu thị màu sắc cho hiện bày ở trong Lộ Nhĩ Môn, Lộ Tỷ Môn, v.v. được.

Nhãn Thức Giới lập ý thiết lập thực tính trông thấy; bởi do thể cho dù Nhãn Thức Giới sẽ sinh khởi với bất luận ai, ở chỗ nào đi nữa, thì thường duy nhất chỉ có việc trông thấy; và sẽ chỉ huy cho việc không trông thấy, hoặc chỉ huy cho chuyển đổi việc trông thấy thành việc được lắng nghe âm thanh cũng không thể có được, chẳng hạn như vậy. Bởi do thể thực tính sinh hoạt của những cả Thập Bát Giới này đây mới được nói rằng “*Pháp chủng nào lập ý thiết lập thực tính của mình, và không có việc biến chuyển.*”

[**Chú thích:** Từ ngữ *Dhātu* (Giới) có nghĩa là Pháp chủng mang theo đặc tính của chính bản thân. Từ ngữ *Dhammadhātu* (Pháp Giới) thì đồng nghĩa với *Dhammāyatana* (Pháp Xứ), nhưng lại khác biệt với *Dhammārammaṇa* (Cảnh Pháp) vì không bao gồm *Tâm Thức (Citta)*, *Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa)* và *Chế Định (Paññatti)*. Từ ngữ *Manoviññānadhātu* (Ý Thức Giới) bao hàm ý nghĩa về những Tâm Thức. Trong 89 cái Tâm, thì có 76 thể loại Tâm được xem là Ý Thức, ngoại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, và 3 Ý Giới.]

5. THÁNH ĐẾ (ARIYASACCA)

Câu Chú Giải của từ ngữ *Ariyasacca* (Thánh Đế), là: “*Ariyaṇaṃ saccānaṃ = Ariyasaccāni*”- “*Pháp làm thành Chân Lý của tất cả các bậc Vô Sinh, thì được gọi tên là Thánh Đế.*”

Có nghĩa là bốn Chân Lý mà Đức Phật đã lập ý khái thuyết rồi đấy, thì cho dù tất cả Chư Thánh Văn Phạm Phu sẽ được nghe thấy hoặc được lắng nghe đi nữa, tuy nhiên thực tính của Chân Lý mà Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết rằng là “*Những thể loại Pháp này là đau khổ, thể loại Pháp này là nguyên nhân cho sinh đau khổ, thể loại Pháp này là công cụ diệt tất đau khổ, và những thể loại Pháp này là đạo lộ cho đi đến sự diệt tất đau khổ*”; các Chư Thánh Văn Phạm Phu ấy thường thì cũng được nghe thấy như vậy, tuy nhiên chẳng thể nào lãnh hội được sâu sắc và vững chắc như là tất cả các bậc Vô Sinh. Bởi do thế, Pháp làm thành Chân Lý thể theo Đức Phật đã lập ý khái thuyết mới được gọi tên là Thánh Đế.

Một phần khác nữa: “*Ariyaṇi tathāni saccāni = Ariyasaccāni*”- “*Cả Tứ Pháp Đế đã thành Chân Lý bất biến chuyển, thì được gọi tên là Thánh Đế.*”

Có nghĩa là Pháp được gọi tên là *Khổ Đế (Dukkhasacca)* thì thường làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải đón nhận sự thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được gọi tên là *Tập Đế (Samudayasacca)* thì thường làm thành nguyên nhân cho sinh khởi biết bao sự thống khổ đến với tất cả Chúng Hữu Tình thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được định đặt tên gọi là *Diệt Đế (Nirodhasacca)* thì thường thành công cụ làm cho diệt tắt biết bao sự thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi. Pháp được gọi tên là *Đạo Đế (Maggasacca)* thì thường thành các Chi Phần tu tập cho đi đến sự diệt tắt thống khổ thật xứng với việc định đặt tên gọi.

Lại nữa, thể theo các vị tiền bối cổ xưa đã định đặt tên gọi tất cả các sự vật Hữu Sinh Mạng và Phi Sinh Mạng hiện hữu ở trong thế gian, chẳng hạn như là nam nhân, nữ nhân, con chó, con mèo, cây cối, núi đồi, xanh, đỏ, v.v. với những sự vật này thì cũng vẫn là sự thật tương tự như nhau. Tuy nhiên ở thể loại sự thật này thì chỉ là sự thật theo thành ngữ của dân gian; và chẳng phải là sự thật thể theo chân thực tính; vì lẽ những cách thức gọi là nam nhân, nữ nhân, con chó, con mèo, này đây đích thị thể theo sự thật rồi đó, thì cũng chỉ là 2 chủng loại Danh và Sắc kết hợp vào nhau mà thôi. Và chỗ gọi là những cây cối, các núi đồi v.v. này đây đích thị thể theo sự thật rồi đó, thì đơn nhất cũng chỉ có một thể loại Sắc Pháp ngàn ấy thôi. Tóm lại, ngoài cả hai Danh Sắc này ra thì chẳng còn có cái chi khác nữa. Bởi do thể thành ngữ dân gian dùng để réo gọi với nhau với những cách thức này, thì cho dù sẽ là sự thật đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn là sự thật thuộc thể tục, và lại chỉ được gọi là *Tục Đế (Sammutisacca)*, và chẳng thể nào được gọi tên là *Thánh Đế (Ariyasacca)*, vì lẽ có việc biến dịch đổi thay.

Việc Phân Tích Tứ Thánh Đế Theo Nhân – Quả, Và Theo Hiệp Thế - Siêu Thế, v.v.

1. Phân tích theo Nhân – Quả (Hetu – Phala):

- Khổ Đế là Quả, Tập Đế là Nhân.
- Diệt Đế là Quả, Đạo Đế là Nhân.

2. Phân tích theo Hiệp Thế - Siêu Thế (Lokiya – Lokuttara):

- Khổ Đế và Tập Đế, cả hai này là *Pháp Hiệp Thế (Lokiyadhamma)* và *Hiệp Thế Đế (Lokiyasacca)*
- Diệt Đế và Đạo Đế, cả hai này là *Pháp Siêu Thế (Lokuttaradhamma)* và *Siêu Thế Đế (Lokuttarasacca)*.

3. Phân tích theo Vòng Luân Hồi (Vaṭṭa):

- Cả hai Danh Sắc sinh trú ở trong Vòng Luân Hồi này đều là đau khổ cả; bởi do thể Khổ Đế đây mới là Đế có sự sinh hoạt ở trong Vòng Luân Hồi, được gọi tên là *Chuyển Khởi Đế (Pavattisacca)*, và là một Đế Bất Thiện.

- Tập Đé là Đé làm thành tác nhân cho Khở Đé sinh khởi, hiện hành ở trong Vòng Luân Hồi, được gọi tên là *Nhân Chuyển Khởi Đé (Pavattihetusacca)*, và là một Đé Bất Thiện tương tự như nhau.
- Diệt Đé là Đé thoái khước khỏi Vòng Luân Hồi, được gọi tên là *Quy Toàn Đé (Nivattisacca)*, và là một Đé Thiện.
- Đạo Đé là Đé làm thành tác nhân cho đi đến sự thoái khước khỏi Vòng Luân Hồi, được gọi tên là *Nhân Quy Toàn Đé (Nivattihetusacca)*, và là một Đé Thiện tương tự như nhau.

Kết Thúc Phần Tổng Hợp Tập Thi
Kết Thúc Chương Thứ VII – Tổng Hợp Nội Vô Tỷ Pháp

-----00000-----

VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP TẬP YẾU
(CHƯƠNG THỨ VII – TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP)

I. VẤN VÀ ĐÁP TRONG LỜI NÓI ĐẦU (ÀRAMBHAPADA)

1/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa trình bày đến phần Liên Kết và Thệ Nguyện, có “Dvāsattavidhā vuttā v.v.” và cho tính đếm số lượng 72 Pháp Thực Tính cho được nhận thấy mà không cần nêu lên lãnh vực nhân quả.*

Đáp: Kệ ngôn mở đầu trình bày đến phần Liên Kết và Thệ Nguyện có nội dung như sau:

**“Dvāsattavidhā vuttā Vatthudhammā salakkhaṇā
Tesam dāni yathāyogaṃ Pavakkhāmi samuccayaṃ”**

Dịch nghĩa là : “*Pháp Thực Tính là bảy mươi hai Pháp bản tánh thực thể mà Bản Đạo đã trình bày, bây giờ sẽ trình bày Tổng Hợp Tập Yếu, tức là Tổng Hợp tập hợp tất cả 72 Pháp Thực Tính ấy thể theo sự tương quan của chúng*”.

Tính đếm số lượng 72 Pháp Thực Tính đây thì có như vậy: tất cả các Tâm tính là 1, 52 Tâm Sở, 18 Sắc Thành Sở Tác, 1 Níp Bàn; kết hợp lại thì có 72.

2/. Hỏi: *Ý nghĩa của Tổng Hợp Tập Yếu là chi ? Cho nêu câu Chú Giải lên trình bày với. Và Ngài Giáo Thọ Anuruddha trình bày việc phân tích 72 Pháp Thực Tính ra thành bao nhiêu nhóm ? Là những chi ? Cho nói ý nghĩa nội dung của từng mỗi nhóm với.*

Đáp: Việc trình bày phân loại đầy đủ chi tiết của cả 72 Pháp Thực Tính ấy, thì Ngài Giáo Thọ Anuruddha đã có trình bày theo riêng từng mỗi phần rồi, và được tính kể từ Chương thứ 1 v.v. cho đến Chương thứ 6; bởi do thể ở trong

Chương thứ 7 này, Ngài sẽ trình bày việc tập hợp lại hết tất cả Tứ Pháp Siêu Lý gồm có các Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn, để sẽ sắp vào chung một nhóm với nhau làm thành một phần Tập Yếu nữa, và được gọi tên là *Tổng Hợp Tập Yếu (Samuccayaṅgaha)*.

Từ ngữ *Samuccaya* khi chiết tự thì có được như vậy: “*Sam* + *Uccaya* = *Samuccaya*”. *Sam* dịch nghĩa là “*Vào với nhau*” hoặc “*Pháp có Thực Tính được vào với nhau*”. *Uccaya* dịch nghĩa là “*kết tập, tập hợp*”.

Khi kết hợp cả 2 từ ngữ này vào với nhau thì dịch nghĩa là “*Việc kết tập vào với nhau*” hoặc “*Việc tập hợp Pháp có Thực Tính được vào với nhau*”, chẳng hạn như trình bày Pháp gọi tên là *Lậu Hoặc (Àsava)* thành một nhóm v.v. cho đến Pháp được gọi là *Đế (Sacca)* thành một nhóm cuối cùng.

Có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Saha ucciyante etthàti = Samuccayo (và) Sampiṇḍetvā ucciyante etenāti = Samuccayo*”- “*Chương có tên gọi là Tập Yếu, vì là Chương sẽ trình bày tập hợp tất cả Tứ Pháp Siêu Lý vào chung với nhau*” (hoặc) *Chương có tên gọi là Tập Yếu vì làm thành nguyên nhân cho việc trình bày tập hợp Pháp Siêu Lý được vào chung với nhau, cho ở chung mỗi nhóm với nhau.*”

Trong Chương thứ 7 này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* trình bày việc tập hợp các Pháp Thực Tính được vào chung với nhau thành từng mỗi nhóm mà được gọi là *Chương Tổng Hợp Tập Yếu*, thì có được 4 bọn nhóm, đó là:

1. *Tổng Hợp Bất Thiện (Akusalasaṅgaha)*: Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất với các Pháp ở phía bên Bất Thiện.
2. *Tổng Hợp Hỗn Hợp (Missakasaṅgaha)*: Việc trình bày liệt kê thành một nhóm với cả ba thể loại Pháp trộn lẫn vào nhau là: Thiện, Bất Thiện và Vô Ký.
3. *Tổng Hợp Đẳng Giác Phần (Bodhipakkhiyasaṅgaha)*: Việc trình bày liệt kê thành một nhóm chỉ duy nhất với các Pháp ở phía bên Tuệ Đạo.
4. *Tổng Hợp Tận Thị (Sabbasaṅgaha)*: Việc trình bày liệt kê tất cả Pháp Thực Tính với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn làm thành một nhóm vào chung với nhau.

II. VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP BẤT THIỆN

3/. *Hỏi*: Chín nhóm Pháp ở trong Tổng Hợp Bất Thiện đây, là những chi? Và trong từng mỗi nhóm thì có được bao nhiêu thể loại Pháp? Cho nói ý nghĩa nội dung với luôn cả Chi Pháp.

Đáp: Trong Tổng Hợp Bất Thiện đây, hiện hữu với cả 9 nhóm Pháp, đó là: 1/. *Lậu Hoặc (Àsava)*, 2/. *Bộc Lưu (Ogha)*, 3/. *Ách Phục (Yoga)*, 4/. *Hệ Phục (Gantha)*, 5/. *Chấp Thủ (Upàdāna)*, 6/. *Triền Cái (Nivarāṇa)*, 7/. *Tùy Miên (Anusaya)*, 8/. *Kiết Sử (Samyojana)*, 9/. *Phiền Não (Kilesa)*.

Và trong từng mỗi nhóm thì có số lượng Pháp hiện hữu như tiếp theo đây, là: 1/. Lậu Hoặc có 4, 2/. Bộc Lưu có 4, 3/. Ách Phục có 4, 4/. Hệ Phục có 4, 5/. Chấp Thủ có 4, 6/. Triền Cái có 6, 7/. Tùy Miên có 7, 8/. Kiết Sử có 10, 9/. Phiền Não có 10.

4/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa kệ ngôn trình bày đến Chi Pháp ở trong cả 9 nhóm Tổng Hợp Bất Thiện đây, và khi sẽ trình bày câu Chú Giải của từ ngữ Tổng Hợp Bất Thiện (Akusalasaṅgaha) thì sẽ trình bày như thế nào ?*

Đáp: *Kệ ngôn trình bày đến Chi Pháp ở trong 9 nhóm Tổng Hợp Bất Thiện đây, thì được dịch nghĩa như vậy:*

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| 1. <i>Àsavoghà ca yogà ca</i> | <i>Tayo ganthà ca vatthuto</i> |
| <i>Upàdàna duve vuttà</i> | <i>Aṭṭha nìvaraṇa siyumu</i> |
| 2. <i>Chañvànusaya honti</i> | <i>Nava saṃyojana matà</i> |
| <i>Kilesà dasa vutto yaṃ</i> | <i>Navadhà pàpasaṅgaho</i> |

1. *Lậu Hoặc, Bộc Lưu, Ách Phục và Hệ Phục, với từng mỗi thể loại này khi tính theo Chi Pháp Siêu Lý thì có được ba. Chấp Thủ thì có hai Chi Pháp Siêu Lý. Triền Cái thì có tám Chi Pháp Siêu Lý.*

2. *Tùy Miên thì có sáu Chi Pháp Siêu Lý, Kiết Sử chỉ có chín Chi Pháp Siêu Lý. Phiền Não thì có mười Chi Pháp Siêu Lý.*

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết việc trình bày Tổng Hợp Bất Thiện bởi theo chín nhóm thì có được như vậy.

Câu Chú Giải của từ ngữ *Tổng Hợp Bất Thiện*: “*Ekantàkusalajàtikànaṃ oghacatukkàdìnaṃ saṅgahoti = Akusalasaṅgaho*”- “*Liệt kê các nhóm có Thực Tính Pháp đều toàn là Bất Thiện Chung như là Bộc Lưu, v.v. sắp thành một Tổng Hợp, bởi do thế mới gọi tên là Tổng Hợp Bất Thiện.*”

5/. Hỏi: *Ngài đã từng được nghe nói rằng tất cả các bậc Vô Sinh đã không còn có Lậu Hoặc rồi, mới được gọi tên là Bậc Lậu Tận (Khinàsa) dịch nghĩa là bậc đã diệt diệt khỏi Lậu Hoặc, bởi do thế xin Ngài giảng giải chủ đề Lậu Hoặc cho được lắng nghe thật vi tế đúng theo nền tảng Giáo Pháp.*

Đáp: *Từ ngữ Lậu Hoặc (Àsava) đây, có nghĩa là các sự vật đã bị ngấm chìm rất lâu dài, tức là loại rượu men rượu nẫu. Tuy nhiên ở trong chỗ này, từ ngữ Lậu Hoặc tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê có thực tính tương tự với rượu men rượu nẫu. Vì lẽ thường nhiên rượu men là các sự vật đã bị ngấm chìm rất lâu dài, và có khả năng làm cho con người một khi đã uống vào rồi, thì có trạng thái chệnh choáng ngà ngà say, mất đi tỉnh giác, và tạo tác ở trong các sự việc không đáng phải tạo tác, như đã được trông thấy hằng mỗi ngày qua những việc kinh cãi, cãi vã lẫn nhau; hoặc việc tranh giành cướp đoạt tài sản với nhau, hoặc tạo tác nghiệp sát*

mạng, v.v. thì đa phần những câu chuyện này là cũng do bởi nương sinh từ ở nơi rượu men đã làm thành tác nhân cho đến cả 90%, và hậu quả là con người đã bị sa đọa vào trong mãnh lực của rượu men ấy, để rồi sẽ phải bị đón nhận quả báo trở sinh tức thì, đó là sự thống khổ về Thân, về Tâm ở ngay trong kiếp sống này và luôn cả kiếp sống vị lai. Điều này như thế nào, thì *Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê cũng có thực tính tương tự với rượu men ấy, là vì cả ba Pháp này dính chặt chồng chất ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian rất lâu dài, và không thể nào tính đếm được số lượng của bao kiếp sống.*

Với lý do này, một khi những thể loại Pháp này hiện khởi đối với người nào rồi, thì sẽ làm cho tâm thức của người ấy bị thất niệm, mất tỉnh giác, và sa đọa vào trong mãnh lực của Tham Ái, hoặc Tà Kiến, hoặc Si Mê, để rồi sẽ tạo tác biết bao điều Ác Hạnh, như về Thân Ác Hạnh v.v. là cũng chính do bởi sự đắm say với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê ấy vậy; để rồi quả báo sẽ phải đón nhận từ ở nơi sự đắm say với mãnh lực của cả ba thể loại Pháp này, cũng sẽ là sự thống khổ về Thân, về Tâm ở trong kiếp sống này và luôn cả kiếp sống vị lai; và cũng tương tự với người đã say rượu men như thế ấy. Bởi do thế, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết lấy cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê, rằng là *Lậu Hoặc*, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Àsavanti ciram parivasantīti = Àsavā, Àsavā viyāti = Àsavā*”- “*Sự vật nào bị ngâm chìm rất lâu dài, thì sự vật ấy được gọi tên là Lậu Hoặc (tức là rượu men rượu nấu), “Những thể loại Pháp chủng nào có thực tính tương tự với rượu men rượu nấu, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Lậu Hoặc (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê).”*

Một trường hợp khác nữa, từ ngữ nói rằng *Lậu Hoặc* đây, khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, đó là “*À + Sava = Àsava*”; *À* dịch nghĩa là “*Vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định*”, *Sava* dịch nghĩa là “*tăng tiến, chảy tràn*”. Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau, thì được dịch nghĩa là “*Pháp làm cho vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định phải tăng tiến thêm lên mãi vô cùng tận.*”

Có nghĩa là sự hiện hữu từ ở nơi Danh – Sắc, Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình, trong từng mỗi con người là sinh rồi tử, tử rồi lại sinh; sự hiện hữu như vậy mãi cho đến tận kiếp sống hiện tại này, với thời gian dài quả là đếm vô hạn lượng. Thế rồi tiếp đến vị lai, thì cũng sẽ phải mãi tử sinh như vậy nữa, và cũng không thể nào hạn lượng được tương tự như nhau. Trình bày cho thấy được rằng vòng luân hồi khổ của tất cả Chúng Hữu Tình đây, tăng tiến lên rất nhiều đến độ vô cùng tận. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Āyatam saṃsāradukkham savanti pasavanti vaḍḍhantīti = Àsavā*”- “*Pháp chủng nào làm cho vòng luân hồi khổ kéo dài vô hạn định ấy, phải tăng tiến thêm lên mãi; bởi do thế Pháp chủng ấy mới được gọi tên là Lậu Hoặc.*” (Tức là Tham Ái, Tà Kiến, Ngã Mạn)

Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng *À* dịch nghĩa là “*có phạm vi hạn định đến Cõi Cùng Tột Hữu (Bhavaggabhūmi) là Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ; hoặc có phạm vi đến Chuyển Tộc (Gotrabhū).*”

Từ ngữ *Sava* dịch nghĩa là “*được sinh khởi, hoặc được tiết lậu chảy ra.*”

Khi kết hợp cả hai từ ngữ này vào với nhau, thì dịch nghĩa là “*được sinh khởi, hoặc được tiết lậu chảy ra cho đến Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Chuyển Tộc với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh.*”

Theo lẽ thường, thì cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này, có được sinh khởi là bởi do nương trú vào Pháp Hiệp Thế và Pháp Chế Định; chính vì thế, một khi trình bày nói rằng “*được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Chuyển Tộc*” thì chẳng hàm ý nội dung đặc biệt nào cả. Có nghĩa là Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, hoặc *Tuệ Chuyển Tộc (Gotrabhūṇa)*, hoặc *Tuệ Dũ Tịnh (Vodanāṇa)*, với những thể loại này thì vẫn đang còn là Pháp Hiệp Thế; chính vì thế mới được làm thành Cảnh của Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê. Với lý do này mới nói rằng cả ba Pháp Lậu Hoặc Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê này được sinh khởi, hoặc được tiết lậu cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc đến Chuyển Tộc. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Bhavato àbhavaggā dhammato àgotrabhumhā savant àrammaṇakaraṇavasena pavattantiti = Àsavà*”- “*Rằng tính theo Cõi Giới thì Pháp chủng nào được tiết lậu chảy đến, hoặc được sinh khởi đến Cõi Cùng Tột Hữu; và khi tính theo Pháp thì đến Chuyển Tộc, với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh; bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Lậu Hoặc.*”

Có điều đáng thắc mắc là cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê đây, được gọi tên là *Lậu Hoặc*, là vì làm thành vật dính chặt chòng chát ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian rất lâu dài; hoặc được tiết lậu chảy ra, được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc cho đến Tuệ Chuyển Tộc, theo như đã có được trình bày rồi đấy; khi là như vậy, còn các Tâm Sở Bất Thiện khác chẳng hạn như Vô Tàm, Vô Quý, Ngã Mạn, v.v. cũng đã có được sinh trú ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình với thời gian lâu dài, và cũng có khả năng được sinh khởi bởi do nương vào Cõi Cùng Tột Hữu, hoặc đến Tuệ Chuyển Tộc làm thành Cảnh tương tự như nhau; thế nhưng vì nguyên nhân nào mà tại làm sao Đức Phật Ngài lại không liệt kê những thể loại Tâm Sở này cho sắp thành những Lậu Hoặc ?

Điều thắc mắc như vậy cũng sẽ phải được giải đáp là “*bởi vì cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê đây, có thực tính làm thành Lậu Hoặc hiện bày một cách rõ ràng hơn hẳn các Tâm Sở Bất Thiện khác,*” chẳng hạn như Ngã Mạn là việc kiêu mạn chấp Ta, thì cho dù phải nương vào Cõi Cùng Tột Hữu hoặc Tuệ Chuyển Tộc làm thành Cảnh rồi mới được sinh khởi đi nữa, tuy nhiên sự quảng khoáng và sự hiện bày một cách rõ ràng thì quả thật không sánh bằng với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê. Cũng tỷ dụ như từ ngữ nói rằng *Suriya* (*Mặt trời*) mà dịch nghĩa là “*Ánh sáng*” đã làm cho tất cả Nhân Loại có sự chói lòa, tức là cũng ngang bằng với mặt trời vậy. Tuy nhiên ánh sáng của các vật thể khác, chẳng hạn như ánh sáng của mặt trăng, hoặc ánh sáng của ngọn lửa thì cũng có khả năng khởi sinh lên sự chói lòa tương tự như nhau đến cho tất cả Nhân Loại; thế nhưng cũng không

gọi là *Suriya* (Mặt trời) được. Tất cả sự việc này, là cũng bởi vì ánh sáng làm cho tất cả Nhân Loại có được sự chói lòa, đã hiện bày rất rõ ràng đến cùng tột, và lại cùng khắp ở trong cả thế gian, thì đó chính là ánh sáng của mặt trời ấy vậy.

Với lý do này, từ ngữ nói rằng *Suriya* mới chỉ hàm ý duy nhất ở đây là mặt trời, và chẳng phải ở mặt trăng hoặc ở ngọn lửa được. Điều này như thế nào, thì các Tâm Sở Bất Thiện khác, cho dù quả thật sẽ làm thành vật dính chặt chòng chát ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình; hoặc được tiết lậu chảy ra, được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu và Chuyển Tộc, với mãnh lực tạo tác cho làm thành Cảnh đi nữa; thế nhưng những sự việc làm thành vật dính chặt chòng chát, hoặc sự tiết lậu chảy ra, có được sinh khởi cho đến Cõi Cùng Tột Hữu và Chuyển Tộc đây, thì thường cũng chỉ hiện bày duy nhất ở trong Pháp hình thành Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê mà thôi; bởi do thế Đức Phật Ngài mới không lập ý khái thuyết đến các Tâm Sở Bất Thiện khác cho sắp thành Lậu Hoặc được.

6/. Hỏi: Cho giải thích đến các chủ đề *Bộc Lưu* và *Ách Phục*, luôn cả nêu lên câu Chú Giải cho trình bày với.

Đáp: + Từ ngữ *Ogha* (*Bộc Lưu*) ở trong chỗ này có nghĩa là “*Pháp chùng ví tựa như dòng thác nước*”. Tức là cả ba Tâm Sở Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành Pháp chùng được ví tựa như dòng thác nước. Vì nguyên nhân nào? Vì theo lẽ thường nhiên, dòng thác nước ấy, một khi bất luận một vật thể nào hoặc Hữu Tình nào đã bị rớt xuống ở trong dòng thác nước, thì dòng nước ấy thường làm nhận chìm vật thể, hoặc hành hạ thương tổn đến Hữu Tình, và rồi làm cho tất cả các vật thể hoặc Hữu Tình phải bị chìm ngấm xuống, không có cơ hội để trôi lên được. Thực tính của cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này cũng tương tự như nhau, tức là làm nhận chìm tất cả Chúng Hữu Tình, và làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm ngấm xuống ở trong Vòng Luân Hồi chí đến tận Cõi Thống Khô, và không có được cơ hội để trôi lên thoát khỏi Vòng Luân Hồi, đặng chứng đắc Níp Bàn Giải Thoát. Có bốn thể loại Pháp chùng có thực tính như dòng thác nước, đó là:

1. *Tham (Lobha)* có thực tính hân hoan duyệt ý ở trong Cảnh Dục Trần; được gọi tên là *Dục Bộc Lưu (Kàmogha)*.
2. *Tham (Lobha)* có thực tính hân hoan duyệt ý ở trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, Thiên Sắc Giới, Thiên Vô Sắc Giới; được tên gọi là *Hữu Bộc Lưu (Bhavogha)*.
3. *Tà Kiến (Ditthi)* có thực tính thấy sai chấp lầm ở trong Danh Sắc, Ngũ Uẩn, cho rằng Hữu Bản Ngã, là Ta, là Người, là Nữ Nhân, là Nam Nhân, v.v.; được gọi tên là *Kiến Bộc Lưu (Ditthogha)*.
4. *Si Mê (Moha)* có thực tính si mê bất liễu tri nương theo Chân Lý của Danh Sắc, Ngũ Uẩn, chẳng phải là Hữu Bản Ngã, chẳng phải là Ta, chẳng phải là

Người, chẳng phải là Nữ Nhân, chẳng phải là Nam Nhân, v.v.; được gọi tên là *Vô Minh Bộc Lưu (Avijjogha)*.

Bởi do thế tất cả Chúng Phạm Phu khi vẫn còn tiến hành sinh hoạt và hiện hữu ở trong thế gian, một khi vẫn còn có những thể loại của sự hân hoan duyệt ý ở trong Dục Trần, và có sự thấy sai chấp lầm, cùng với những si mê ngay trong kiếp sống này thì cho dù sẽ được sinh làm Người, làm Trời, và được an trú trong vị trí ở tầng thượng cấp nào đi nữa, cũng vẫn còn phải bị chìm đắm ở trong Vòng Luân Hồi ấy vậy, và cũng vẫn còn phải quay trở lại để rồi bị chìm đắm ở trong Cõi Giới Thống Khổ thêm lần nữa. Còn với bậc đã chứng đắc được Thiên Định, thì cho dù quả thật sẽ không còn có sự hân hoan duyệt ý ở trong Dục Trần đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn còn có sự hân hoan duyệt ý ở trong sự an lạc hữu quan với Thiên Định; và khi đã thọ sinh làm Phạm Thiên rồi thì cũng vẫn còn hiện hữu với cả sự thấy sai chấp lầm, cùng với những si mê; vì thế tất cả những bậc Phúc Lộc Thiên Giả cho dù bản ngã sẽ đạt được làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên đi nữa, tuy nhiên vẫn phải gọi người ấy đích thị đã bị chìm đắm ở trong đại dương Luân Hồi, và chẳng có cơ hội nào để sẽ vượt thoát ra khỏi cho đi đến được Níp Bàn, luôn cả vẫn còn có thời gian sẽ phải quay trở lại để rồi bị chìm đắm ở trong Cõi Giới Thống Khổ thêm lần nữa; tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Giả sử rằng người ấy khiếm khuyết *Ngũ Điều An Hạnh (Sampatti)*, đó là:

1. ***Pubbe ca katpuññatà:*** là người đã từng có được tích lũy Phước Báo để dành ở trong đời trước.
2. ***Patirùpadesavàsa:*** được ở trong quốc độ có Chánh Giáo Pháp và bậc *Hiền Triết (Sappurisa)*.
3. ***Sappurisùpanissaya:*** được kết giao cận y với bậc Hiền Triết.
4. ***Saddhammavasena:*** được lắng nghe Chánh Giáo Pháp.
5. ***Attasammàpañidhi:*** an trú Thân, Lời, Ý ở trong sự vật tịnh hảo.

Tất cả sự việc này cũng vì Chư Chúng Phạm Thiên một khi tử vong lìa khỏi Cõi Phạm Thiên Giới và đi thọ sinh làm thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên rồi; thì thường sẽ có sự thấy sai chấp lầm nhiều hơn cả ở hạng Người thông thường, và rất khó để sẽ cải thiện cho diệt hết cả được. Bởi do thế các sự thấy sai chấp lầm như có *Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)* v.v. lần lượt trong từng mỗi ngày đã hiện bày ở cùng khắp cả mọi nơi trong thế gian này, thì phần lớn cũng do từ ở nơi những hạng Người này là người hướng dẫn dạy bảo. Vì lý do ấy, Nhân Loại, Chư Thiên mà đã khiếm khuyết Ngũ Điều An Hạnh như đã vừa đề cập ở tại đây, một khi tử vong thì cũng sẽ phải quay trở lại để rồi bị chìm đắm ở trong Cõi Giới Thống Khổ thêm lần nữa, đích thị chính với mãnh lực từ ở nơi Kiến Bộc Lưu và Vô Minh Bộc Lưu vẫn còn hiện hữu ở trong tâm tánh của mình.

Còn bậc đã thành tựu Quả vị Thất Lai và bậc Nhất Lai, thì cho dù quả thật đã sát trừ diệt sự thấy sai chấp lầm đi rồi, tuy nhiên vẫn còn có sự si mê, sự hân hoan duyệt ý ở trong Cảnh Dục Trần; với lý do này, cũng vẫn còn phải bị chìm đắm ở trong đại dương của *Cõi Dục Thiện Thú (Kāmasugatibhūmi)*, tuy nhiên không còn phải quay trở lại để rồi bị chìm đắm ở trong Cõi Giới Thống Khô thêm lần nữa. Đối với bậc Bất Lai thì vẫn còn có sự lo lắng, sự duyệt ý ở trong sự an lạc hữu quan với Thiên Định và ở Cõi Phạm Thiên, đích thị chính do bởi mãnh lực của hai Bộc Lưu này, mới làm cho bậc Bất Lai phải chìm đắm tiếp nối ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, tương tự như một người bị té chìm ở trong mé bờ có mực nước sâu chỉ bằng ngang hông.

Với lý do này, cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê được gọi tên là **Ogha (Bộc Lưu)**. Các Tâm Sở Bất Thiện khác thì không được gọi tên là Bộc Lưu, và lại cũng được hiện hành theo cùng một phương thức với Lưu Hoặc. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Avattharivà hanantīti = Oghā (và) Avahananti osidāpentīti = Oghā; Oghā viyāti = Oghā”**- *“Pháp chủng nào thường làm nhận chìm và hành hạ thương tổn tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Bộc Lưu”* (tức là dòng thác nước) (hoặc) *“Pháp chủng nào làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm ngấm xuống, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Bộc Lưu”* (tức là dòng thác nước). *“Những thể loại Pháp chủng nào làm nhận chìm và hành hạ thương tổn tất cả Chúng Hữu Tình, và làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải bị chìm ngấm xuống ở trong Vòng Luân Hồi chỉ đến tận Cõi Thống Khô, tương tự như dòng thác nước; bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Bộc Lưu”* (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê).

+ Từ ngữ **Yoga (Ách Phục)** dịch nghĩa là *“trói buộc ví như keo dán kết dính hai vật thể cho dính khít vào nhau, và không cho sút sổ ra”* như thế nào thì Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê cũng như thế ấy. Tức là trói buộc tất cả Chúng Hữu Tình cho dính khít ở trong Vòng Luân Hồi Khô, và không có cơ hội để sẽ vượt thoát ra được, chính là cũng do bởi mãnh lực của cả Tứ Ách Phục này, đó là:

1. Tham có thực tính hân hoan duyệt ý ở trong Cảnh Dục Trần, được gọi là Dục Ách Phục.
2. Tham có thực tính hân hoan duyệt ý ở trong Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, Thiên Sắc Giới, Thiên Vô Sắc Giới, được gọi là Hữu Ách Phục.
3. Tà Kiến có thực tính thấy sai chấp lầm ở trong Danh Sắc, Ngũ Uẩn, cho rằng Hữu Bản Ngã, là Ta, là Người, là Nữ Nhân, là Nam Nhân, v.v.; được gọi là Kiến Ách Phục.
4. Si Mê có thực tính si mê bất liễu tri nương theo Chân Lý của Danh Sắc, Ngũ Uẩn, chẳng phải là Hữu Bản Ngã, chẳng phải là Ta, chẳng phải là

Người, chẳng phải là Nữ Nhân, chẳng phải là Nam Nhân, v.v.; được gọi là Vô Minh Ách Phược.

Khi sẽ đem so sánh, thì keo dán được ví với Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê; hai vật thể thì một vật thể được ví với tất cả Chúng Hữu Tình, và còn một vật thể kia thì được ví với những kiếp sống, tức là Vòng Luân Hồi Khổ ấy vậy.

Hoặc một ví dụ khác nữa, được ví như đặt cái ách vào cổ con bò. Khi con bò ấy sẽ bước đi trong đường lộ chi, thì thường cũng phải kéo lôi cái ách dính theo cùng như thế nào, tất cả Chúng Hữu Tình quanh quần ở trong Vòng Luân Hồi Khổ và không cho vượt thoát ra được, vì đã bị trói buộc dính chặt với Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê cũng như thế ấy. Khi đem so sánh, thì con bò được ví với tất cả Chúng Hữu Tình; cái ách được ví với Tam Giới gồm Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới; còn sợi dây trói chặt con bò dính chặt vào cái ách được ví như Tham Ái, Tà Kiến và Si Mê.

Thế theo điều tỷ dụ như đã vừa đề cập tại đây, ắt hẳn trình bày cho thấy rằng tất cả Chúng Hữu Tình luân chuyển sinh tử ở trong Vòng Luân Hồi Khổ không thể vượt thoát khỏi ra được, là cũng chính do bởi mãnh lực của Tham Ái, Tà Kiến, và Si Mê làm thành người trói buộc Hữu Tình cho dính chặt vào. Bởi do thế, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết cả ba Pháp Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành *Ách Phược (Yoga)*; còn các Tâm Sở Bất Thiện khác không được gọi tên là *Ách Phược*, vì cũng có cùng một phương thức nghĩa lý với Lậu Hoặc như đã có đề cập đến rồi vậy. Có câu Chú Giải của từ ngữ *Ách Phược* như vậy: “*Vatasmim satte yojentiti = Yogà*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào trói buộc Hữu Tình cho dính chặt ở trong Vòng Luân Hồi Khổ, ấy là các kiếp sống; bởi do thế những Pháp chủng ấy được gọi tên là Ách Phược.*” (tức là Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê)

7/. Hỏi: Cho dịch nghĩa và giải thích trong câu Chú Giải như tiếp theo đây: “*Kàyaṃ ganthentiti = Kàyaṅghà (và) Kàyena kàyaṃ ganthentiti = Kàyaṅghà*”, và cho trình bày sự khác biệt giữa Tham Ác (*Abhijjhà*), Sân Độc (*Byàpàda*) thuộc Ý Ác Hạnh với Tham Ác, Sân Độc thuộc Hệ Phược.

Đáp: Lời dịch nghĩa câu Chú Giải ấy có như vậy: “*Kàyaṃ ganthentiti = Kàyaṅghà (và) Kàyena kàyaṃ ganthentiti = Kàyaṅghà*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào thắt chặt, tức là móc dính vào Danh Thân, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Thân Hệ Phược*” (hoặc) “*Những thể loại Pháp chủng nào thắt chặt, tức là móc dính Danh Thân – Sắc Thân ở trong khoảng thời gian giữa kiếp sống hiện tại với Danh Thân – Sắc Thân ở kiếp sống vị lai; bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Thân Hệ Phược.*”

Giải thích về Từ ngữ *Gantha (Hệ Phược)* lập ý đến vật trói buộc Hữu Tình bởi theo trạng thái thắt chặt vào nhau, y như móc xích sắt. Lẽ thường móc xích sắt là một khâu chuỗi thắt chặt dính liền với nhau thành một chuỗi dây dài như thế

nào, thì cả ba Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này thường luôn thắt chặt Hữu Tình ở trong khoảng thời gian tử vong với tái tục, và tái tục với tử vong cho móc dính liền nhau, không có thời gian cho vượt thoát đi được; ví tựa như chuỗi móc xích thắt chặt dính liền như thế ấy. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết cả ba Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê này làm thành *Hệ Phược (Gantha)*. Thế nhưng, ở trong Hệ Phược này, lại có kết hợp với từ ngữ *Kàya (Thân)*, là cũng để cho được biết đến Pháp bị thắt chặt móc dính do bởi Tham Ái, Tà Kiến, Si Mê, đó chính là *Danh Thân (Nāmakāya) – Sắc Thân (Rūpakāya)*, và đó cũng chính là tất cả Chúng Hữu Tình ấy vậy.

+ Sự khác biệt giữa Tham Ác và Sân Độc thuộc Ý Ác Hạnh với Tham Ác và Sân Độc thuộc Hệ Phược:

1. *Tham Ác (Abhijjhā)* thuộc Ý Ác Hạnh (*Manoduccarita*), đó là Tham thuộc thể loại thô thiển, có thực tính dục tầm cầu của cải tài sản của tha nhân cho đăng làm của mình một cách bất hợp pháp, Phi Chánh Pháp.

2. Còn *Tham Thân Hệ Phược (Abhijjhākāyagantha)* là có cả Tham thuộc loại thô thiển và luôn cả loại vi tế - thắt chặt dính liền với dục tầm cầu, sự duyệt ý ở trong của cải tài sản của tha nhân, hoặc của chính mình một cách hợp pháp cũng có, bất hợp pháp cũng có; đều sắp thành *Tham Thân Hệ Phược* hết cả thảy.

3. *Sân Độc (Byāpāda)* thuộc Ý Ác Hạnh, tức là Sân thuộc thể loại thô thiển liên quan với sự suy nghĩ dẫn đo mưu hại tha nhân cho họ có những điều thống khổ nguy hại, hoặc chú tâm nguyên rửa người mà ta không ưa thích cho đến chết đi.

4. Còn *Sân Thân Hệ Phược (Byāpādakāyagantha)* tức là Sân thuộc loại thô thiển cũng có, hoặc loại vi tế cũng có; có nghĩa là không ưa thích, bất duyệt ý, oán hận, sợ hãi, khổ tâm buồn lòng, chí đến thực hiện việc sát mạng, thô ác ngữ. Với những thể loại này đều sắp thành *Sân Thân Hệ Phược* hết cả thảy.

8/. **Hỏi:** Khi chiết tự từ ngữ *Upādāna (Chấp Thủ)* ra thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Có ý nghĩa là chi? và cho trình bày câu Chú Giải với.

Đáp: Từ ngữ *Upādāna (Chấp Thủ)* khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, là *Upa + Àdāna*. *Upa* lập ý đến “*nắm bắt*”, *Àdāna* lập ý đến “*túm chặt*”. Khi kết hợp hai từ ngữ này vào nhau thì lập ý đến “*việc chấp thủ ở trong Cảnh*”. Pháp chấp thủ chặt ở trong Cảnh mà gọi là Chấp Thủ đây, được ví như một con rắn chụp bắt và cắn chặt con ếch, không chịu buông thả ra như thế nào, thì cả hai Pháp Tham Ái và Tà Kiến có thực tính chấp thủ chặt ở trong Cảnh của mình, không chịu buông thả cũng như thế ấy. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Upādiyantīti = Upādānāni*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào thường chấp thủ chặt ở trong Cảnh, bởi do thể những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Chấp Thủ.*”

9/. Hỏi: Theo lẽ thường tất cả con người chúng ta thường thì đa phần không từng có sự duyệt ý ở trong việc thực hiện xả thí, trì giới, tu tập. Khi đã là như vậy, là do bởi chi làm thành vật cản trở ? và Pháp làm thành vật cản trở ở trong việc thực hiện Thiện Sự ấy thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho nêu lên thí dụ để trình bày với.

Đáp: Theo lẽ thường, tất cả Nhân Loại thường thì đa phần bất duyệt ý ở trong việc thực hiện xả thí, trì giới, tu tập. Khi đã là như vậy, cũng chính do bởi mãnh lực từ ở bất luận một trong các Pháp Triền Cái có Tham Ái, Sân Hận, Hôn Trầm, Thụy Miên, Trạo Cử, Hối Hận, Hoài Nghi, Si Mê; hoặc do bởi 2, hoặc 3, hoặc 4 các Pháp ấy vậy; hoặc đôi khi đang thực hiện Thiện Sự thì lại khởi sinh lên sự nản lòng thối chí, bất duyệt ý, để rồi đã làm cho đức tin, và trí tuệ sáng suốt phải bị thối giảm sa sút đi. Điều này là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Hôn Thùy Triền Cái khởi sinh và đã che chắn cản trở Thiện Sự, là Đức Tin, v.v. đi rồi. Và nếu nhớ như các Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái ở thể loại thô thiển khởi sinh đến với bậc Phúc Lộc Thiên Giả thì cũng làm cho Thiên Định đã từng có được, phải bị hoại diệt đi để rồi không còn có khả năng để cho nhập định được.

Sẽ nêu lên một thí dụ điển hình để trình bày cho được thấy một cách dễ dàng, chẳng hạn như một người không có sự sùng tín ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, tuy nhiên tình cờ lại được lắng nghe người ta trình bày đến những câu chuyện về Nghiệp Báo có chức năng sắp bày tất cả Chúng Hữu Tình đón nhận sự an vui, sự khổ đau; hoặc một khi tử vong rồi thì cũng làm cho một số được đi thọ sinh thành Chư Thiên, một số về Nhân Loại, một số về Hữu Tình Bàn Sanh, một số về Ngạ Quỷ, và đọa Địa Ngục. Có việc nêu lên vấn đề Nhân Quả, điều ám chỉ, lời ẩn dụ, luôn cả việc tỷ giảo với nền tảng của những Phật Ngôn và Chú Giải; mà nếu giả như người đang lắng nghe ấy đã không có bị Triền Cái bao phủ trùm lấy, thì thường thiết yếu sẽ phải khởi sinh lên sự sùng tín, và nỗ lực mài miết chăm chú lắng nghe; và lại ghi nhớ thâm nhập lấy ý nghĩa của từng nội dung, tập trung tâm trí không cho tản mạn lan man; thế rồi cũng sẽ liễu tri được ý nghĩa của những nội dung ấy là Thiện Nghiệp Lực, tức là Tín, Tấn, Niệm, Định Tuệ đã được khởi sinh.

Thế nhưng với người bất tín ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, và đang khi lắng nghe về các câu chuyện ấy thì thường khởi sinh sự nghi lự, thắc mắc, không tin rằng sẽ hiện hành thể theo như thế ấy được. Vì lẽ người ấy bất liễu tri ở trong sự việc hiện hữu sinh tồn của tất cả Chúng Hữu Tình đã hiện hành duyên theo mãnh lực của Nghiệp Báo. Một khi đã bất liễu tri rồi, thì thường khởi sinh lên việc chán ngán, không muốn lắng nghe, tâm trí thường chao đảo tìm kiếm đối tượng khác, để thay vào đó sẽ phát sinh lên sự mãn nguyện duyệt ý. Khi đã không tìm ra được, chỉ vì ở tại nơi đây thuần nhất trình bày Giáo Pháp mà thôi; thế rồi đã phát sinh lên sự bất duyệt ý, và nghĩ rằng Ta đã đi đến không đúng địa điểm rồi. Chỉ trong một khoảnh khắc sát na ấy, tâm trí của người ấy đã nghĩ tưởng đến hàng trăm thứ chuyện ngổn ngang sai khác, đã không còn tập trung để lắng nghe đến câu

chuyện đang được khéo trình bày mãi cho đến chấm dứt việc thuyết giảng. Sự việc như thế, là bởi do người ấy đã không có khởi sinh lên Thiện Nghiệp Lực, và chỉ có duy nhất một phía Triền Cái khởi sinh ngàn ấy mà thôi. Tức là ngay ở trong lúc ban đầu thì Hoài Nghi Triền Cái khởi sinh, tiếp đến là Vô Minh Triền Cái khởi sinh, và tuần tự nối tiếp theo là Hôn Thù Triền Cái, Tham Dục Triền Cái, Sân Độc Triền Cái, Trạo Hối Triền Cái khởi sinh.

Có sáu thể loại Pháp làm thành vật cản trở ở trong việc sẽ thực hiện Thiện Sự, đó là: 1/. Tham Dục Triền Cái, 2/. Sân Độc Triền Cái, 3/. Hôn Thù Triền Cái, 4/. Trạo Hối Triền Cái, 5/. Hoài Nghi Triền Cái, 6/. Vô Minh Triền Cái.

10/. Hỏi: *Có bao nhiêu thể loại Phiền Não mà không được gọi tên là Tùy Miên ? Là những chi ? Và Phiền Não được gọi là Tùy Miên là thể loại Phiền Não nào ? Cho nêu câu Chú Giải lên trình bày với.*

Đáp: Có hai thể loại Phiền Não không được gọi tên là Tùy Miên, đó là:

- 1/. Khởi Lập Phiền Não (**Pariyutthānakilesa**),
- 2/. Việt Cấp Phiền Não (**Vitikkamakilesa**)

Tùy Miên đây, là một thể loại Phiền Não ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình, và lại là thể loại Pháp bí ẩn, không có khả năng để được trông thấy, và chỉ ngoại trừ riêng với bậc Chánh Đẳng Giác mà thôi. Theo thông thường thì Tùy Miên Phiền Não đây có thực tính tĩnh lặng, chẳng có hiện bày ra ngoài ở bất cứ một Lộ Môn nào cả; tiếp đến một khi có những Cảnh – tốt hoặc xấu – đi đến tiếp xúc với Lộ Nhân Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn; thế rồi Tùy Miên Phiền Não đang tĩnh lặng đây, liền chuyển đổi thực tính thành *Khởi Lập Phiền Não (Pariyutthānakilesa)* và xuất sinh khởi lên ở Lộ Ý Môn. Nếu như Khởi Lập Phiền Não này có năng lực cực kỳ mãnh liệt, thì chuyển đổi thực tính thành *Việt Cấp Phiền Não (Vitikkamakilesa)* xuất sinh khởi ra ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngũ Môn. Khởi Lập Phiền Não khởi sinh ở Lộ Ý Môn, hoặc Việt Cấp Phiền Não khởi sinh ở Lộ Thân Môn và Lộ Ngũ Môn; với cả hai thể loại Phiền Não này thì không được gọi là Tùy Miên Phiền Não; tuy nhiên Khởi Lập Phiền Não này lại xuất sinh từ ở nơi Tùy Miên Phiền Não, và Việt Cấp Phiền Não thì được xuất sinh từ ở nơi Khởi Lập Phiền Não. Với lý do này, từ ngữ Tùy Miên mới làm thành một thể loại Phiền Não tĩnh lặng ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“Santāne anu anu sentitī = Anusayā”**- *“Những thể loại Pháp chủng nào thường ngủ ngầm ở trong sự nối tiếp từ ở nơi Danh Pháp – Sắc Pháp, bởi do thế những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Tùy Miên.”*

Hoặc một phần khác nữa: **“Anurūpaṃ kàraṇaṃ labhitvā senti uppajantīti = Anusayā”**- *“Những thể loại Pháp chủng nào một khi đã hội túc nhân khả ái thì*

thường được khởi sinh, bởi do thể những thể loại Pháp chủng ấy được gọi tên là Tùy Miên.”

11/. Hỏi: Nếu sẽ nêu lên điều thí dụ để so sánh giữa cả ba thể loại Tùy Miên Phiền Nã, v.v. và cho trình bày Thiện Sự mà có khả năng phóng khí những cả ba Phiền Nã ấy theo riêng từng phần, rằng Thiện Sự nào phóng khí Phiền Nã nào ?

Đáp: Nếu sẽ nêu lên điều thí dụ để so sánh giữa cả ba thể loại Tùy Miên Phiền Nã, Khởi Lập Phiền Nã và Việt Cấp Phiền Nã này đây, thì cũng được so sánh giống với cây que diêm lửa. Tùy Miên Phiền Nã được ví như ngọn lửa ở ngay đầu cây que diêm. Các Cảnh đến tiếp xúc với Lộ Nhãn Môn, Lộ Nhĩ Môn, Lộ Tỷ Môn, Lộ Thiệt Môn, Lộ Thân Môn và Lộ Ý Môn thì được ví như lấy cây que diêm đánh vào bên cạnh hộp diêm. Khi hiện khởi lên ngọn lửa thì ví ngọn lửa này giống tựa như Khởi Lập Phiền Nã; và khi lấy ngọn lửa đã hiện khởi lên đây, đem châm vào bất luận một vật thể nào, thì lửa bốc cháy dính vào các vật thể ấy được sánh tựa như Việt Cấp Phiền Nã vậy.

+ Việc phóng khí cả ba Phiền Nã bởi theo Giới – Định – Tuệ, đó là:

1. **Giới Thiện** thì có được khả năng phóng khí Việt Cấp Phiền Nã.
2. **Định Thiện** thì có được khả năng phóng khí Khởi Lập Phiền Nã.
3. **Tuệ Thiện** thì có được khả năng phóng khí Tùy Miên Phiền Nã.

12/. Hỏi: Nguyên nhân nào sự duyệt ý, sự oan trái oán hận, sự chấp Ta, v.v. những thể loại này đã được gọi tên là Kiết Sử ? Cho giải thích và nêu lên câu Chú Giải để trình bày với.

Đáp: Từ ngữ *Samyojana* (Kiết Sử) lập ý đến Pháp chủng trói buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, không cho thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi Khổ được; tương tự như một sợi thừng thúc trói buộc chặt Hữu Tình, hoặc vật thể không cho sút sổ ra được. **Giải thích rằng:** Theo lẽ thường ở trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Phạm Nhân thì thường có một thể loại Pháp chủng được ví như một thừng thúc to lớn dài bằng 20 sải tay (40 m) dùng để thực hiện việc thúc phược buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, không cho vượt thoát khỏi Khổ Uẩn; và những thừng thúc dài 20 sải tay này đích thị chính là Kiết Sử ấy vậy. Và ở trong tất cả những sợi dây thừng thúc là cả 10 Kiết Sử này, nếu nhờ như bất luận một thừng thúc nào có trạng thái khởi lên căng cứng thì sợi dây thừng thúc ấy sẽ dắt dẫn Chúng Hữu Tình bởi do nương theo Nghiệp Lực mà cho đi tục sinh ở trong Cõi Giới hữu quan với thừng thúc ấy. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Samyojenti bandhantiti = Samyojanani*”- “*Những thể loại Pháp chủng nào thường thừng thúc buộc chặt tất cả Chúng Hữu Tình, bởi do thể những thể loại Pháp chủng ấy mới được gọi tên là Kiết Sử.*”

13/. Hỏi: Việc phân loại 10 Kiết Sử với Hạ Phần và Thượng Phần thế theo Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng; luôn cả lời giải thích ở từng mỗi vấn đề với.

Đáp: + Việc phân loại Thập Kiết Sử với Hạ Phần (***Orambhàgiya***) và Thượng Phần (***Uddhambhàgiya***) (Theo Phần Kinh Tạng), đó là:

1. Hạ Phần Kiết Sử (*Orambhàgiyasamyojana*): Có 5 Kiết Sử hiện hành ở trong Hạ Phần, tức là Cõi Dục Giới, đó là:

a/. Dục Ái Kiết Sử, b/. Khuê Phần Kiết Sử, c/. Tà Kiến Kiết Sử, d/. Giới Cấm Thủ Kiết Sử, e/. Hoài Nghi Kiết Sử.

2. Thượng Phần Kiết Sử (*Uddhambhàgiya*): Có 5 Kiết Sử hiện hành ở trong Thượng Phần, tức là Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới, đó là:

a/. Sắc Ái Kiết Sử, b/. Vô Sắc Ái Kiết Sử, c/. Ngã Mạn Kiết Sử, d/. Trạo Cử Kiết Sử, e/. Vô Minh Kiết Sử.

Thông thường tất cả Chúng Phàm Nhân không có chứng đắc Thiên Định thì sợi dây Dục Ái Kiết Sử thường luôn căng cứng. Và nếu như người ấy tạo tác nhiều Ác Hạnh, thì cả ba sợi dây gồm Khuê Phần Kiết Sử loại thô thiển, Tà Kiến Kiết Sử và Hoài Nghi Kiết Sử đây có được cơ hội căng cứng lên, và dắt dẫn người ấy phải bị đọa xuống Cõi Thống Khổ. Còn Giới Cấm Thủ Kiết Sử thì không có hiện bày đối với khắp cả mọi người, thế nhưng nếu đã có hiện bày đối với người nào rồi, thì cũng tương tự như nhau, là có khả năng dắt dẫn người ấy phải bị đọa xuống Cõi Thống Khổ vậy. Nếu như người ấy đa phần tạo tác Thiện Hạnh, thì cả hai sợi dây Khuê Phần Kiết Sử loại phổ thông, và ***Ngã Kiến Kiết Sử (*Attadiṭṭhi samyojana*)*** này có được cơ hội căng cứng lên, và dắt dẫn người ấy cho đi tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Đối với cả 3 sợi dây Kiết Sử gồm Tà Kiến Kiết Sử, Giới Cấm Thủ Kiết Sử, và Hoài Nghi Kiết Sử đây thì không có được cơ hội căng cứng.

Còn Phàm Nhân đã chứng đắc Thiên Định thì cả ba sợi dây Kiết Sử gồm Dục Ái Kiết Sử, Khuê Phần Kiết Sử và Giới Cấm Thủ Kiết Sử không có được cơ hội căng cứng, duy chỉ có Trạo Cử Kiết Sử có được cơ hội căng cứng lên mà thôi; bởi do thế một khi bậc Phúc Lộc Thiên Giả mệnh chung lìa khỏi Cõi Dục Giới rồi, thì tùy thuộc vào tầng Thiên Định đã chứng đắc, mới đi thọ sinh ở Cõi Sắc Giới hoặc Cõi Vô Sắc Giới. Tuy nhiên Phàm Nhân đã đi thọ sinh thành Phạm Thiên đây, thì vẫn chưa trừ tiết gốc rễ Dục Ái Kiết Sử, chỉ là phóng khí một cách đè nén với mãnh lực của Thiên Định ngăn ấy thôi; bởi do thế nếu như vị Phạm Thiên nào khi đến thời hoại Thiên Định và mệnh chung, thì vị Phạm Thiên ấy sẽ không thể tái tục trở lại thành Phạm Thiên được nữa, mà phải đi tục sinh ở trong Cõi Dục Giới và sẽ làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Sự việc như vậy, là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Dục Ái Kiết Sử, Khuê Phần Kiết Sử hiện hữu ở trong Uẩn Giới Tính của chính tự bản thân mình.

Bậc đã thành tựu viên mãn Đạo Quả Thất Lai hoặc Nhất Lai, với cả ba Kiết Sử gồm Tà Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ đây, thì đã được sát trừ một cách tiệt diệt; bởi do thế mới vượt thoát ra khỏi *Hạ Phần Luân Hồi (Hetthimasamsàra)*, tức là cả Tứ Khổ Thú. Tuy nhiên vẫn chưa vượt thoát ra khỏi *Trung Phần Luân Hồi (Majjhimasamsàra)* tức là Cõi Nhân Loại với Cõi Thiên Giới; và *Thượng Phần Luân Hồi (Uparimasamsàra)* tức là Cõi Sắc Giới với Cõi Vô Sắc Giới; vì lẽ cả bảy Kiết Sử còn lại đây, thì vẫn còn hiện hữu ở trong Uẩn Giới Tính. Và cho đến khi đã thành tựu viên mãn bậc Bất Lai rồi, thì cả hai Kiết Sử gồm Dục Ái Kiết Sử và Khuê Phần Kiết Sử này lại một lần nữa được sát trừ một cách tiệt diệt và chẳng còn dư sót; bởi do thế bậc Bất Lai này mới vượt thoát ra khỏi Trung Phần Luân Hồi; vì lẽ cả năm Hạ Phần Kiết Sử này đã không còn hiện hữu. Thế nhưng vẫn chưa vượt thoát ra khỏi Thượng Phần Luân Hồi, bởi vì Thượng Phần Kiết Sử vẫn còn đang hiện hữu vậy. Tiếp đến khi đã thành tựu viên mãn bậc Vô Sinh rồi, thì mới vượt thoát ra khỏi Thượng Phần Luân Hồi, và khi đến thọ mạng diệt thì cũng thành đạt Vô Dư Y Níp Bàn. Tất cả sự việc này, là cũng do bởi sát trừ tiệt diệt một cách hoàn mãn cả mười sợi dây Kiết Sử.

+ Việc phân loại Thập Kiết Sử với Hạ Phần (*Orambhàgiya*) và Thượng Phần (*Uddhambhàgiya*) (Theo Phần Vô Tỷ Pháp Tạng), đó là:

1. Hạ Phần Kiết Sử: Có 7 Kiết Sử hiện hành ở trong Hạ Phần, đó là:

a/. Dục Ái Kiết Sử, b/. Khuê Phần Kiết Sử, c/. Tà Kiến Kiết Sử, d/. Giới Cấm Thủ Kiết Sử, e/. Hoài Nghi Kiết Sử, f/. Tật Đố Kiết Sử, g/. Lận Sắc Kiết Sử.

2. Thượng Phần Kiết Sử: Có 3 Kiết Sử hiện hành ở trong Thượng Phần, đó là: a/. Hữu Ái Kiết Sử, b/. Ngã Mạn Kiết Sử, c/. Vô Minh Kiết Sử.

Lại nữa, việc phân chia Thập Kiết Sử ra thành Hạ Phần và Thượng Phần Kiết Sử đây, thì ở trong bộ *Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh* đã có trình bày nói rằng “*Kiết Sử mà bị sát trừ do bởi ba Đạo thập thì được gọi tên là Hạ Phần Kiết Sử, còn Kiết Sử mà bị sát trừ do bởi Đạo Vô Sinh thì được gọi tên là Thượng Phần Kiết Sử.*”

14/. Hỏi: Theo lẽ thường nhiên người đang ngủ say sưa thì tâm thức của người ấy thường thanh thản trong sáng, chẳng có bất luận sự buồn phiền ưu não nào cả. Thân lời thì chẳng có hiện hành bởi theo trạng thái đáng ghê ghét, đáng sợ hãi, đáng sầu bi thảm hại chút nào cả. Thế nhưng khi người ấy đã thức dậy rồi, thì tâm thức cũng có thay đổi, là buồn phiền cũng có, ưu não cũng có. Thân lời cũng có cử chỉ điệu bộ khởi sinh lên ở chỗ đáng ghê ghét cũng có, đáng sợ hãi cũng có, đáng sầu bi thảm hại cũng có. Chỗ đã là như vậy, thì muốn được thấu hiểu rằng đã hiện hành do bởi mãnh lực chi? Có được số lượng là bao nhiêu? Là những chi? Và những thể loại Pháp này khi tính đếm theo đây đủ toàn bộ thì

có số lượng là bao nhiêu ? Và việc tính đếm ấy thì có phương thức tính đếm như thế nào ?

Đáp: Chỗ đã là như vậy, là cũng do bởi mãnh lực của Phiền Nã. Phiền Nã có số lượng là 10, đó là: 1/. Tham Ái Phiền Nã, 2/. Sân Hận Phiền Nã, 3/. Si Mê Phiền Nã, 4/. Ngã Mạn Phiền Nã, 5/. Tà Kiến Phiền Nã, 6/. Hoài Nghi Phiền Nã, 7/. Hôn Thù Phiền Nã, 8/. Trạo Cử Phiền Nã, 9/. Vô Tâm Phiền Nã, 10/. Vô Quý Phiền Nã.

Và những thể loại Pháp này khi tính đếm theo đầy đủ toàn bộ thì có số lượng là 1,500. Phương thức tính đếm có được việc tính đếm như vậy: có 150 Cảnh làm thành tác nhân cho Thập Phiền Nã sinh khởi, đó là:

- *Danh Ngũ Thập Tam (Nāmatapaññasa):* là 53 Danh Pháp, 18 Sắc Thành Sở Tác, 4 Sắc Thực Tướng; kết hợp lại thành 75 Pháp.
- *Trong Nội Giới Tính (Ajhattasandāna):* là ở bên trong bản thân mình, có được 75 Pháp.
- *Trong Ngoại Giới Tính (Bahiddhasandāna):* là vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện hữu ở bên ngoài của bản thân mình, có được 75 Pháp. Kết hợp lại thành 150 Cảnh x 10 Phiền Nã = 1,500 Phiền Nã.

15/ Hỏi: Cho trình bày Pháp Bất Thiện như tiếp nối theo đây:

1. Pháp làm được Lậu Hoặc nhưng không làm được Hệ Phược.
2. Pháp làm được Hệ Phược nhưng không làm được Lậu Hoặc.
3. Pháp làm được cả hai Lậu Hoặc và Hệ Phược.
4. Pháp không làm được cả hai Lậu Hoặc và Hệ Phược.
5. Pháp làm được Triền Cái nhưng không làm được Kiết Sử.
6. Pháp làm được Kiết Sử nhưng không làm được Triền Cái.
7. Pháp làm được cả hai Triền Cái và Kiết Sử.
8. Pháp không làm được cả hai Triền Cái và Kiết Sử.
9. Pháp làm được Tùy Miên nhưng không làm được Phiền Nã.
10. Pháp làm được Phiền Nã nhưng không làm được Tùy Miên.
11. Pháp làm được cả hai Tùy Miên và Phiền Nã.
12. Pháp không làm được cả hai Tùy Miên và Phiền Nã.

Và Pháp làm được những cả chín nhóm Bất Thiện Pháp gồm có Lậu Hoặc, Bộc Lưu, Ách Phược, Hệ Phược, Chấp Thủ, Triền Cái, Tùy Miên, Kiết Sử, Phiền Nã đây, đó là những Pháp chi ? Bất Thiện Pháp không làm được cả những cả chín loại nhóm này, đó là những chi ?

Đáp: Tuần tự trình bày theo các câu hỏi đã được nêu lên:

1. Pháp làm được Lậu Hoặc nhưng không làm được Hệ Phược; tức là Tâm Sở Si.

2. Pháp làm được Hệ Phục nhưng không làm được Lưu Hoặc, tức là Tâm Sở Sân.
3. Pháp làm được cả hai Lưu Hoặc và Hệ Phục, tức là Tâm Sở Tham và Tâm Sở Tà Kiến.
4. Pháp không làm được cả hai Lưu Hoặc và Hệ Phục, tức là 12 Tâm Bất Thiện, 23 Tâm Sở (loại trừ 4 Chi Pháp).
5. Pháp làm được Triền Cái nhưng không làm được Kiết Sử, tức là Hôn Trầm, Tùy Miên, và Hối Hận.
6. Pháp làm được Kiết Sử nhưng không làm được Triền Cái; tức là Ngã Mạn, Tà Kiến, Tật Đố, và Lận Sác.
7. Pháp làm được cả hai Triền Cái và Kiết Sử; tức là Tham, Sân, Si, Trạo Cử, và Hoài Nghi.
8. Pháp không làm được cả hai Triền Cái và Kiết Sử; tức là 12 Tâm Bất Thiện, 15 Tâm Sở (loại trừ 12 Chi Pháp).
9. **Không có** Pháp nào làm được Tùy Miên nhưng không làm được Phiền Nã.
10. Pháp làm được Phiền Nã nhưng không làm được Tùy Miên; tức là Hôn Trầm, Vô Tàm, Vô Quý, và Trạo Cử.
11. Pháp làm được cả hai Tùy Miên và Phiền Nã; tức là Tham, Sân, Si, Ngã Mạn, Tà Kiến, và Hoài Nghi.
12. Pháp không làm được cả hai Tùy Miên và Phiền Nã; tức là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Sở (loại trừ 10 Chi Pháp).

Và Pháp làm được những cả chín nhóm Bất Thiện Pháp gồm có Lưu Hoặc, Bộc Lưu, Ách Phục, Hệ Phục, Chấp Thủ, Triền Cái, Tùy Miên, Kiết Sử, Phiền Nã đây, đích thị chính là Tâm Sở Tham. Bất Thiện Pháp không làm được cả những cả chín loại nhóm này, đích thị chính là 12 Tâm Bất Thiện, 13 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Tâm Bất Thiện.

III. VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP HỖN HỢP

16. Hỏi: Có bao nhiêu nhóm Pháp ở trong Tổng Hợp Hỗn Hợp? Là những chi? Và rằng khi phân loại thì có được số lượng là bao nhiêu? Là những chi?

Đáp: Trong Tổng Hợp Hỗn Hợp thì có được bảy nhóm Pháp, đó là: 1/. Nhân, 2/. Chi Thiên, 3/. Chi Đạo, 4/. Quyền, 5/. Lực, 6/. Trưởng, 7/. Vật Thực. Và rằng khi phân loại thì có được 64 thể loại; đó là: Lục Nhân, Thất Chi Thiên, Thập Nhị Chi Đạo, Nhị Thập Nhị Quyền, Cửu Lực, Tứ Trưởng, Tứ Thực.

17. Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa nội dung và Chi Pháp theo riêng từng mỗi phần của các Pháp như tiếp theo đây: Lục Nhân, Thất Chi Thiên, và Thập Nhị Chi Đạo.

Đáp: 1/. Ý nghĩa nội dung và Chi Pháp của Nhân (**Hetu**) là: “*Quả báo thường sinh khởi bởi do những thể loại Pháp này, bởi do thể những thể loại Pháp này mới được gọi tên là Nhân*”. Có nghĩa là tất cả các Pháp được đón nhận sự bảo trợ từ ở nơi Nhân thì thường có thực tính kiên định ở trong Cảnh như thế nào, y như cây cối có rễ cây tươi tốt vươn trải ra như thế ấy. Nhân có 6 Chi Pháp, là: Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

2/. Ý nghĩa nội dung và Chi Pháp của Chi Thiên (**Jhānaṅga**) là: “*Những thể loại Pháp nào thường đi vào thâm thị Cảnh có đề mục Hoàn Tịnh (Kasina) v.v. bởi do thể những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Thiên Na.*” Hoặc “*Những thể loại Pháp nào thường thiêu đốt Pháp đối nghịch nhau, bởi do thể những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Thiên Na.*” Tức là 7 Chi Thiên.

Chỗ gọi là Thiên Na đây, **có nghĩa là Pháp cũng có thực tính đi vào thâm thị Cảnh một cách kiên định.** Đối với Cảnh bị chú mục, thì bất hạn định sẽ là Cảnh Nghiệp Xứ hoặc là chẳng phải; sẽ là Hiệp Thế hoặc Siêu Thế; sẽ là Siêu Lý hoặc Chế Định đi nữa; với những thể loại này đều làm thành Cảnh của Thiên Na hết cả thấy. Lại thêm một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng Thiên Na đây, được dịch nghĩa là “*thiêu đốt*”. Từ ngữ “*thiêu đốt*” ở trong chỗ này lập ý đến “*làm cho Pháp làm thành đối nghịch với mình có năng lực phải bị thối giảm xuống*”, hoặc “*làm cho không khởi sinh lên được*”. Tức là 6 Chi Thiên (loại trừ Ưu Thọ) hiện hữu ở trong Tâm Đáo Đại. Còn Chi Thiên hiện hữu ở trong Tâm Dục Giới thì có thực tính đi vào thâm thị Cảnh một cách kiên định, và hiện bày rõ ràng hơn là việc thiêu đốt Pháp làm thành đối nghịch với mình.

3/. Ý nghĩa nội dung và Chi Pháp của Chi Đạo (**Maggaṅga**) là: “*Pháp làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến các Cõi Giới, và Níp Bàn.*” Đó chính là 12 Chi Đạo, gồm có Chánh Kiến, v.v. ấy vậy.

18. Hỏi: Cho phân tích Nhị Thập Nhị Quyền bởi theo Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp; và cho trình ý nghĩa nội dung của Nhị Thập Nhị Quyền này theo riêng từng mỗi phần.

Đáp: Phân tích Nhị Thập Nhị Quyền bởi theo Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp thì có như vậy, là: Trong 22 Quyền ấy, với cả 7 Pháp Quyền gồm Nhãn Quyền, Nhĩ Quyền, Tỷ Quyền, Thiệt Quyền, Thân Quyền, Nữ Quyền, Nam Quyền, được kết hợp lại gọi là **Sắc Pháp**. Mạng Quyền là **Tâm Sở và Sắc Pháp**. Ý Quyền là **Tâm**. Lạc Quyền, Khổ Quyền, Hỷ Quyền, Ưu Quyền, Xả Quyền, Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, Tuệ Quyền, Vị Tri Đương Tri Quyền, Dĩ Tri Quyền và Cụ Tri Quyền, kết hợp 13 Pháp này gọi là **Tâm Sở**.

Và ý nghĩa nội dung của 22 Quyền theo riêng từng mỗi phần (thì đã có trình bày ở phần trên rồi).

19. Hỏi: *Hãy phân tích Cửu Lực Pháp bởi theo Tịnh Hảo (Sobhana) và Vô Tịnh Hảo (Asobhana) luôn cả trình bày ý nghĩa nội dung của các Lực ấy với; và cho tuần tự trình bày Chi Pháp của Tứ Trường và Tứ Thực.*

Đáp: Phân tích Cửu Lực Pháp bởi theo Tịnh Hảo và Vô Tịnh Hảo thì có được như vậy: kết hợp cả năm Lực gồm Tín Lực, Niệm Lực, Tuệ Lực, Tàm Lực và Quý Lực này lại được gọi là **Tịnh Hảo**. Kết hợp cả hai Vô Tàm Lực và Vô Quý Lực này lại được gọi là **Vô Tịnh Hảo**. Kết hợp cả hai Tín Lực và Định Lực này lại thì được gọi cả hai, **vừa là Tịnh Hảo và vừa là Vô Tịnh Hảo**.

Và ý nghĩa nội dung của Cửu Lực, Tứ Trường và Tứ Thực bởi theo riêng từng mỗi phần (thì đã có trình bày ở phần trên rồi).

20. Hỏi: *Những Tâm Sở nào khi sát na phối hợp với một vài nhóm Tâm thì không làm được Chi Thiên, Chi Đạo, Quyền và Lực? Hãy trình bày tên gọi của nhóm Tâm ấy, luôn cả nêu lên nền tảng Giáo Pháp cho dẫn chứng với.*

Đáp: Một vài Tâm Sở khi sát na phối hợp với một vài nhóm Tâm thì không làm được Chi Thiên, Chi Đạo, Quyền và Lực, đó là:

1. **Tâm Sở Thọ, Tâm Sở Nhất Thống** ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức thì không làm được **Chi Thiên**.
2. **Tâm Sở Nhất Thống**
 - ở trong 18 Tâm Vô Nhân thì không làm được **Chi Đạo**.
 - ở trong 16 Tâm Vô Căn thì không làm được **Định Quyền và Định Lực**.
 - ở trong 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi thì không làm được **Tà Định, Định Quyền và Định Lực**.
3. **Tâm Sở Tàm** ở trong 8 Tâm Vô Nhân (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức) thì không làm được **Chi Đạo**.
4. **Tâm Sở Căn** ở trong 1 Tâm Tiểu Sinh, 1 Tâm Khai Ý Môn thì không làm được **Chi Đạo**.

Như dẫn chứng nền tảng Pàli đã có trình bày rằng: *“Pañcaviññāṇesu jhānaṅgaṇi, ahetukesu maggaṅgaṇi na labbhanti tatthā aviriyesuekaggatā indriyabalabhavaṃ na gacchati, vicikicchācitte pana maggabhavaṃ pi.”*- “**Các Chi Thiên** không thể tìm được ở trong Ngũ Thức. **Các Lực** không thể tìm được trong các Tâm không có tinh tấn. **Các Chi Đạo** không tìm thấy được ở trong các Tâm Vô Nhân. Cũng vậy, trong Tâm Tương Ứng Hoài Nghi thì **Nhất Thống** không thể trở thành Chi Đạo, Quyền hoặc Lực.

Giải thích: Ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức thường không có được Chi Thiên. Ở trong 18 Tâm Vô Nhân thường không có được Chi Đạo Tâm Sở Nhất Thống. Ở trong 16 Tâm Vô Căn thường không đạt đến Định Quyền và Định Lực.

*Sagatyà ca duggatyà ca
Tesañca pathabhùtattà
Maggassa và àngàṇitì*

*Nibbànanassa ca pàpaṇà
Maggàṅàṇitì vuccare
Maggàṅàṇitì sammata*

“Cửu Chi Pháp mà Ngài đã nói rằng là Chi Đạo, bởi vì làm thành tác nhân cho đi đến Thiện Thú, Khổ Thú, Níp Bàn; và làm thành đạo lộ cho đi đến Thiện Thú, Khổ Thú và Níp Bàn.” Một phần khác nữa: “Cửu Chi Pháp mà Ngài gọi là Chi Đạo, bởi vì làm thành từng mỗi Chi Phần của Đạo.”

5. Câu Chú Giải của từ ngữ *Indriya* (Quyền), là: “*Indanti paramaissariyam karontitì = Indriyàṇi*”- “Những thể loại Pháp nào làm thành người chủ quản, nghĩa là thường tác hành cho bản thân được hoàn toàn độc lập; bởi do thể những thể loại Pháp ấy mới gọi tên là Quyền.”

6. Từ ngữ *Bala* (Lực) có nghĩa là “bất kinh động”. Như có Pàli trình bày rằng: “*Akampanatthena balaṃ*”- “Gọi là Lực với ý nghĩa bất kinh động” Hoặc “*Baliyanti uppanne paṭipakkhadhamme saṅgati maddantitì = Balàṇi*”- “Những thể loại Pháp nào thường có năng lực đè nén Pháp đối nghịch đã có sinh khởi, và có sự kham nhẫn chiến đấu tiêu diệt những thể loại Pháp đối nghịch ấy, bởi do thể những thể loại Pháp ấy được gọi tên là Lực.”

7. Câu Chú Giải của từ ngữ *Adhipatì* (Trưởng) là: “*Adhinàṇaṃ pati = Adhipati*”- “Pháp làm thành thủ trưởng của Pháp hữu quan với mình, hoặc Pháp làm thành trưởng trội hơn Pháp hữu quan với mình; bởi do thể Pháp ấy mới được gọi tên là Trưởng.” Hoặc một phần khác nữa: “*Adhiko pati = Adhipati*”- “Pháp làm thành thủ trưởng có năng lực cùng tột, hoặc Pháp làm thành trưởng trội có năng lực cùng tột; bởi do thể mới được gọi tên là Trưởng.”

8. Câu Chú Giải của từ ngữ *Àhàra* (Vật Thực), là: “*Àhàrantitì = Àhàrà*”- “Những thể loại Pháp nào thường dất dẫn các Pháp làm thành quả báo của mình; bởi do thể những thể loại Pháp ấy được gọi tên là Vật Thực.”

23. Hỏi: Từ ngữ *Jhàna* (Thiền Na) có ý nghĩa như thế nào? Và những Pháp chi làm thành đối nghịch đối với Chi Thiền? Cho trình bày theo riêng từng mỗi Chi Phần.

Đáp: Chỗ gọi là Thiền Na đây, có nghĩa là “*Pháp cũng có thực tính đi vào thâm thị Cảnh một cách kiên định*”. Đối với Cảnh bị chú mục, thì bất hạn định sẽ là Cảnh Nghiệp Xứ hoặc là chẳng phải; sẽ là Hiệp Thế hoặc Siêu Thế; sẽ là Siêu Lý hoặc Chế Định đi nữa; với những thể loại này đều làm thành Cảnh của Thiền Na hết cả thấy.

Lại thêm một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng Thiền Na đây, được dịch nghĩa là “*thiếu đốt*”. Từ ngữ “*thiếu đốt*” ở trong chỗ này lập ý đến “*làm cho Pháp làm thành đối nghịch với mình có năng lực phải bị thôi giảm xuống*”, hoặc “*làm cho không khởi sinh lên được*”. Tức là 6 Chi Thiền (loại trừ Ưu Thọ) hiện hữu ở trong Tâm Đạo Đại. Còn Chi Thiền hiện hữu ở trong Tâm Dục Giới thì có thực tính đi

vào thăm thị Cảnh một cách kiên định, và hiện bày rõ ràng hơn là việc thiêu đốt Pháp làm thành đối nghịch với mình.

+ Pháp làm thành đối nghịch với Chi Thiên, đó là:

1. *Hôn Thùy* là Pháp đối nghịch với *Tâm (Vitakka)*
2. *Hoài Nghi* là Pháp đối nghịch với *Tứ (Vicàra)*
3. *Sân Độc* là Pháp đối nghịch với *Hỷ Lạc (Piti)*
4. *Tham Dục* là Pháp đối nghịch với *Nhất Thống (Ekaggatà)*
5. *Trạo Cứ, Hối Hận* và *Ưu Thọ* là Pháp đối nghịch với *Hỷ Thọ (Somanassa)* và *Xả Thọ (Upekkhà)*
6. *Hỷ Lạc* và *Hỷ Thọ* là Pháp đối nghịch với *Ưu Thọ (Domanassa)*

24. Hỏi: Cho giải thích cả chín Chi Pháp có Trí Tuệ, v.v. chỗ được gọi tên là Đồ Đạo (*Magga*), và Đức Phật Ngài lập ý trình bày đạo lộ ngoài ra 12 Chi Đạo thì có được bao nhiêu thể loại? Là những chi? Rằng tính theo Chi Pháp thì gồm những chi?

Đáp: Chín Chi Pháp có Trí Tuệ, v.v. chỗ được gọi là Đồ Đạo đây, cũng vì theo lẽ thường nhiên tất cả Chúng Hữu Tình luân hồi sinh tử ở trong 31 Cõi Giới, hoặc bậc đã được chứng đạt đến Níp Bàn, thì thường phải nương vào tác nhân làm thành đạo lộ nâng đỡ sách tấn cho được chứng đạt đến. Như thế, **Pháp làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến các Cõi Giới, và Níp Bàn;** đó chính là 12 Chi Đạo, gồm có Chánh Kiến, v.v. ấy vậy.

Trong số lượng 12 Chi Đạo đây, thì có 8 Chi Đạo làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến Cõi Thiện Thú và Níp Bàn, đó là: 1/. Chánh Kiến, 2/. Chánh Tư Duy, 3/. Chánh Ngữ, 4/. Chánh Nghiệp, 5/. Chánh Mạng, 6/. Chánh Tinh Tấn, 7/. Chánh Niệm, 8/. Chánh Định.

Có 4 Chi Đạo làm thành tác nhân và thành đạo lộ cho đi đến Cõi Khổ Thú, đó là: 1/. Tà Kiến, 2/. Tà Tư Duy 3/. Tà Tinh Tấn, 4/. Tà Định.

Ở trong Kinh Tạng, Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết đạo lộ ở ngoài ra 12 Chi Đạo như đã vừa đề cập đến đây, thì vẫn còn hiện hữu thêm nữa, đó là: Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạng, và Tà Niệm. Thế nhưng khi sắp bày thể theo Chi Pháp Siêu Lý thì chẳng có chi đặc biệt; và Tà Ngữ chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện liên quan với Ngữ Ác Hạnh; Tà Nghiệp chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện liên quan với Thân Ác Hạnh; Tà Mạng chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện liên quan với việc nuôi mạng ở trong đạo lộ bất chánh; và Tà Niệm chính là Tâm khởi sinh Bất Thiện có Tướng làm tướng trội ở trong liên quan với việc nghĩ suy đến các điều Bất Thiện.

25. Hỏi: Cho giảng giải ở trong từ ngữ *Indriya (Quyền)* một cách ngắn gọn, luôn cả việc phân tích những thể loại Quyền này bởi theo Cõi Giới dựa theo nền tảng Giáo Pháp đã được đề cập đến.

Đáp: Giảng giải ở trong từ ngữ **Indriya** (*Quyền*) một cách ngắn gọn dựa theo nền tảng Giáo Pháp đã được đề cập đến thì có ý nghĩa như vậy:

Từ ngữ **Indriya** (*Quyền*) dịch nghĩa là “*làm thành người chủ quản*” có nghĩa là ***có khả năng làm cho Pháp Thực Tính của sinh với mình, phải hiện hành theo mãnh lực của mình.*** Chẳng hạn như Nhãn Quyền làm thành người chủ quản ở trong việc trông thấy, tức là việc trông thấy sẽ được hiện khởi lên cũng phải nương vào Nhãn Thanh Triệt. Nếu không có Nhãn Thanh Triệt, thế rồi việc trông thấy cũng không thể sinh khởi lên được. Và việc trông thấy xa hoặc gần, trông thấy được rõ ràng hoặc không rõ ràng, đó cũng chính là do bởi nương từ ở nơi Nhãn Thanh Triệt ấy vậy. Nếu như Nhãn Thanh Triệt có năng lực tốt đẹp, thì việc trông thấy cũng được thấy xa và rõ; và nếu như Nhãn Thanh Triệt có năng lực yếu kém, thì việc trông thấy cũng chẳng thấy được xa và cũng không rõ ràng. Với những thể loại này, là cũng chính do bởi Nhãn Thanh Triệt đã tạo tác cho hiện hành theo mãnh lực của bản thân mình ở trong việc chủ quản ấy vậy.

Ở trong các Quyền khác cũng tương tự như nhau, tức là từng mỗi Quyền cũng có chức năng chủ quản, nghĩa là tạo tác cho Pháp Thực Tính liên quan với bản thân được hiện hành theo mãnh lực của mình.

+ Việc phân tích Nhị Thập Nhị Quyền bởi theo *Cõi Giới (Bhùmi)*, đó là:

1. *Nhãn Quyền, Nhĩ Quyền, Tỷ Quyền, Thiệt Quyền, Thân Quyền, Nữ Quyền, Nam Quyền, Lạc Quyền, Khó Quyền, Hỷ Quyền*, kết hợp cả 10 Quyền này lại đều là Pháp Dục Giới hết cả thấy; bởi do thế gọi là *Dục Quyền (Kàmaindriya)*.

2. *Mạng Quyền, Ý Quyền, Xả Quyền, Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, Tuệ Quyền*, kết hợp cả 8 Quyền này lại được làm thành Pháp Dục Giới, Pháp Sắc Giới, Pháp Vô Sắc Giới và Pháp Siêu Thế; bởi do thế gọi là *Dục Giới Quyền, Sắc Giới Quyền, Vô Sắc Giới Quyền, và Siêu Thế Quyền (Kàma, Rùpa, Arùpa, Lokuttaraindriya)*.

3. *Hỷ Quyền* được làm thành Pháp Dục Giới, Pháp Sắc Giới, Pháp Vô Sắc Giới và Pháp Siêu Thế; bởi do thế gọi là *Dục Giới Quyền, Sắc Giới Quyền, và Siêu Thế Quyền*.

4. *Vị Tri Đương Tri Quyền, Dĩ Tri Quyền, Cụ Tri Quyền*, kết hợp cả 3 Quyền này lại đều được làm thành Pháp Siêu Thế hết cả thấy; bởi do thế gọi là *Siêu Thế Quyền*.

26. **Hỏi:** Từ ngữ **Bala** (*Lực*) có nghĩa là “*bất kinh động*” luôn cả có năng lực kham nhẫn đè nén được các Pháp đối nghịch; muốn biết rằng “*bất kinh động*” ấy như thế nào, có năng lực kham nhẫn đè nén và chiến đấu tiêu diệt các Pháp đối nghịch như thế nào? Hãy giải thích luôn cả nêu lên phần Pàli dẫn chứng trình bày và không cần phải dịch nghĩa.

Đáp: Từ ngữ *Bala* (*Lực*) có nghĩa là “*bất kinh động*”. Như có Pàli trình bày rằng: “*Akampanatthena balaṃ*”- “*Gọi là Lực với ý nghĩa bất kinh động*” Hoặc “*Baliyanti uppanne paṭipakkhadhamme sahanti maddantīti = Balāni*”- “*Những thể loại Pháp nào thường có năng lực đè nén Pháp đối nghịch đã có sinh khởi, và có sự kham nhẫn chiến đấu tiêu diệt những thể loại Pháp đối nghịch ấy, bởi do thể những thể loại Pháp ấy được gọi tên là Lực.*”

Lời giải thích: Thông thường tất cả các vị tướng quân thường bất kinh động ở trong chức nghiệp của mình như thế nào, thì Cử Chi Pháp có Tín, v.v. cũng thường bất kinh động ở trong chức năng của mình, như là sự sùng tín, sự nỗ lực tinh cần, v.v. như thế ấy, nên mới được gọi tên Lực.

Sự bất kinh động có hai thể loại, đó là:

1/. Có một vài vị tướng quân bất kinh động ở trong chức nghiệp của mình; có nghĩa là sự làm thành người chủ quản sống ở trong quyền lực chỉ huy của mình, và một khi có được tiếp xúc với quân thù rồi thì bất kinh động, và lại có khả năng diệt trừ bọn quân thù ấy được. Điều này như thế nào, thì những thể loại Pháp Lực ở bên phía Thiện cũng bất kinh động ở trong chức năng của mình, và có khả năng diệt trừ Pháp Bất Thiện ở phần đối nghịch với mình, cho tiệt diệt đi được. Như trường hợp về Tín Lực có sự sùng tín một cách kiên định bất kinh động, và có khả năng diệt trừ Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho khởi sinh lên sự bất khả tín, cho phải bị tiệt diệt đi được chẳng hạn như vậy.

2/. Có một vài vị tướng quân bất kinh động ở trong chức nghiệp của mình; có nghĩa là chỉ đơn nhất làm thành người chủ quản ở trong quyền lực chỉ huy của mình mà thôi, thế nhưng một khi có được tiếp xúc với quân thù thì lại không có khả năng để sẽ diệt trừ bọn quân thù ấy cho phải bị thất bại thảm hại đi được. Điều này như thế nào, thì những thể loại Pháp Lực ở bên phía Bất Thiện quả thật có sự bất kinh động ở trong chức năng của mình, tức là chỉ có đơn nhất kiên trụ ở trong Pháp cùng câu sinh với mình mà thôi; thế nhưng một khi Pháp Thiện ở phần đối nghịch với mình đang sinh khởi lên, thì lại không có khả năng để sẽ diệt trừ đi được; phải bị thối giảm và hiện hành đi theo ở phần Thiện Pháp. Như trường hợp về Vô Tàm Lực quả thật có sự bất kinh động ở trong việc không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh; thế nhưng một khi Tàm Lực sinh khởi lên rồi thì Vô Tàm Lực cũng phải bị thất bại, và không còn có khả năng để kiên trụ được nữa, chẳng hạn như vậy. Như có phần Pàli dẫn chứng trình bày rằng:

<i>Asaddhiye kosajje ca</i>	<i>Muṭṭhassacce ca uddhacce</i>
<i>Avijjāya ahirike</i>	<i>Nottappe ca na kampare.</i>
<i>Tasmā saddhādayo satta</i>	<i>Kusalādi balāni ca</i>
<i>Yuttessveva akampena</i>	<i>Upaññāpi taṇṇāmikā.</i>

“*Thất Chi Pháp có Tín, v.v. ở phần những thể loại Thiện và Vô Ký đây, gọi tên là Lực vì lẽ theo tuân tự bất kinh động ở trong Pháp Bất Thiện; có nghĩa là Tín*”

thường bất kinh động ở trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi sự bất tín. Cần thường bất kinh động ở trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi sự lười biếng. Niệm thường bất kinh động ở trong Pháp Bất Thiện làm thành tác nhân cho sinh khởi việc thất niệm. Định thường bất kinh động ở trong sự phóng dật. Tuệ thường bất kinh động ở trong việc bất liễu tri Chân Lý. Tàm thường bất kinh động ở trong sự không có hổ thẹn đối với Ác Hạnh. Quý thường bất kinh động ở trong sự không có giạt mình ghê sợ đối với Ác Hạnh.

Ngay cả Pháp Bất Thiện có những thể loại Cần, Vô Tàm, Vô Quý đây, cũng được gọi tên là Lực, vì lẽ chỉ bất kinh động đơn nhất ở trong Pháp Tương Ứng với mình mà thôi.”

27. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải ở trong từ ngữ **Adhipatì** (Trưởng) và Pháp được làm thành Trưởng đấy thì ở trong thể loại Tâm Đồng Lực nào ? Và lại cho nêu lên phần Pàli dẫn chứng để trình bày.

Đáp: Câu Chú Giải của từ ngữ **Adhipatì** (Trưởng) là: **“Adhinànam pati = Adhipati”**- “Pháp làm thành thủ trưởng của Pháp hữu quan với mình, hoặc Pháp làm thành trưởng trội hơn Pháp hữu quan với mình; bởi do thể Pháp ấy mới được gọi tên là Trưởng.” Hoặc một phần khác nữa: **“Adhiko pati = Adhipati”**- “Pháp làm thành thủ trưởng có năng lực cùng tột, hoặc Pháp làm thành trưởng trội có năng lực cùng tột; bởi do thể mới được gọi tên là Trưởng.”

Pháp được làm thành Trưởng đấy, thì chỉ phải ở trong Tâm Đồng Lực Nhị Nhân hoặc Đồng Lực Tam Nhân mà thôi; bởi do thể Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới trình bày để ở trong bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp rằng: **“Dvihetukatihetujavanesveva yathàsambhavam adhipatiekova labbhati”**- “Trong Tứ Trưởng thì chỉ có một Trưởng được chứng đắc một lần, tùy theo trường hợp, và chỉ ở trong các Tâm thuộc Nhị Nhân hoặc Tam Nhân.” Duy nhất chỉ có được một Trưởng ở trong số lượng Tứ Trưởng, và tùy theo trường hợp chỉ sẽ được hiện hành ở trong các Tâm Đồng Lực Nhị Nhân và Tâm Đồng Lực Tam Nhân mà thôi.

28. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Pháp làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản của **Quyền** với sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản của **Trưởng** một cách đầy đủ chi tiết.

Đáp: 1. Pháp làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản **bởi theo sự làm thành Quyền đây**, một khi sinh khởi lên thì thường đồng câu sinh trong cùng một lúc được nhiều Quyền với nhau mà không có việc bất hòa lẫn nhau; bởi vì những thể loại Pháp làm thành Quyền đây chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong chức năng của mình mà thôi. Có nghĩa là Nhân Quyền chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong việc trông thấy. Ý Quyền cũng chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong việc tiếp thu Cảnh. Tín Quyền cũng chỉ làm thành Trưởng đặc biệt đơn nhất ở trong sự sùng tín, v.v. Chẳng hạn như khi cái Tâm Đại Thiện

thứ nhất sinh khởi lên thì ở trong cái Tâm Đại Thiện đồng câu sinh với Tâm Sở đây, có được 8 Pháp làm thành Quyền cùng câu sinh với nhau, đó là: Mạng Quyền, Ý Quyền, Hỷ Quyền, Tín Quyền, Cần Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, và Tuệ Quyền.

Ở trong những cả Bát Quyền cùng câu sinh với cái Tâm Đại Thiện thứ nhất này, thì Tâm Sở Mạng Quyền làm thành Trưởng chủ quản ở trong chức năng bảo hộ Tâm – Tâm Sở cùng câu sinh với mình. Cái Tâm Đại Thiện thứ nhất thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc tiếp thân Cảnh. Hỷ Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc thụ hưởng Cảnh an lạc về Tâm. Tín Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc sùng tín. Cần Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc tinh cần. Niệm Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc đạt được ghi nhớ. Định Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc kiên trụ với Cảnh. Tuệ Quyền thì làm thành Trưởng chủ quản ở trong việc liễu tri được Chân Lý. Từng mỗi phần làm theo mỗi chức năng riêng biệt, và không có việc càm chỉ làm thành Trưởng lẫn nhau. Do vậy mới gọi là “*làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản bởi theo sự làm thành Quyền.*”

2. Còn sự làm thành Trưởng, làm thành người chủ quản ***bởi theo sự làm thành Trưởng*** đấy, một khi sinh khởi ở trong từng mỗi giai đoạn thì thường chỉ được sinh khởi duy nhất một thể loại Pháp mà thôi. Chẳng hạn như ở trong sát na Dục làm thành Trưởng, tức là có sự duyệt ý một cách dững mãnh hiện khởi lên rồi, thì Cần, Tâm, và Tuệ cũng phải thuận từng theo Dục ở trong các Cảnh ấy. Nếu ở giai đoạn nào Cần làm thành Trưởng, tức là có sự tinh cần một cách dững mãnh hiện khởi lên rồi, thì Dục, Tâm, và Tuệ cũng phải thuận từng theo Cần đi ở trong các Cảnh ấy. Nếu ở giai đoạn nào Tâm làm thành Trưởng, tức là có sự chú tâm một cách dững mãnh hiện khởi lên rồi, thì Dục, Cần, và Tuệ cũng phải thuận từng theo Tâm đi ở trong các Cảnh ấy. Và nếu ở giai đoạn nào Tuệ làm thành Trưởng, tức là có sự liễu tri được Chân Lý hiện khởi lên rồi, thì Dục, Cần và Tâm cũng phải thuận từng theo Tuệ đi ở trong các Cảnh ấy, tương tự như nhau.

Tóm lại, rằng sự làm thành Trưởng ***bởi theo sự làm thành Quyền*** thì ở trong từng mỗi một giai đoạn, thường đồng câu sinh trong cùng một lúc được nhiều Quyền với nhau mà không có việc bất hòa lẫn nhau. Còn sự làm thành Trưởng ***bởi theo sự làm thành Trưởng*** thì trong từng mỗi giai đoạn thường chỉ được sinh khởi duy nhất một thể loại Pháp mà thôi, và không thể có nhiều Trưởng cùng sinh khởi lên với nhau được.

29. Hỏi: Ngài đã nói rằng Pháp nào thường dắt dẫn đưa đến trở sinh quá báo của mình, và Pháp ấy được gọi tên là **Àhàra** (Vật Thực). Muốn biết được hiểu biết đến từ ngữ “dắt dẫn đến” là dắt dẫn đến như thế nào? Xin cho lời giải thích và cho trình bày đến việc dắt dẫn của cả Tứ Thực theo riêng từng mỗi phần, luôn cả nêu phần Pàli dẫn chứng lên để trình bày với.

Đáp: Từ ngữ *Àhàra* (Vật Thực) dịch nghĩa là “dắt dẫn đến” có nghĩa là “làm cho quả bảo sinh khởi, và lại giúp đỡ ủng hộ cho được tồn tại, và được tăng trưởng lên”. Tương tự như nói với nhau rằng “công việc này được thiết lập lên, và được phát triển lên là cũng do bởi người quản lý làm thành nhà hướng dẫn dắt dẫn” và nếu thiếu mất người quản lý này đi rồi, thì các công việc ấy sẽ không có thể tồn tại và phát triển lên được. Điều này như thế nào thì sự sinh hoạt của tất cả Chúng Hữu Tình cũng tương tự như nhau, tức là một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã được sinh khởi với mãnh lực của Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế, thì Hữu Tình ấy sẽ có được sinh mệnh hiện hữu và được phát triển lên, là cũng do bởi nương vào Bồ Phẩm ở trong các vật thực sai khác làm thành người dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình ấy. Và khi Sắc Vật Thực đã sinh khởi rồi, thì cũng làm cho Hữu Tình ấy có được sinh mệnh hiện hữu và được phát triển lên; bởi do thế chất **Bồ Phẩm này mới được gọi tên là Đoàn Thực.**

Xúc (Phassa) được gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn Thọ. Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này có sự nhận thức an lạc (*Hỷ Thọ*), bất an (*Ưu Thọ*) hoặc thân nhiên (*Xả Thọ*), đã là thực tính của những cảm thọ đây sẽ hiện khởi lên được thì trước tiên cũng phải do nương vào việc tiếp xúc giữa Cảnh, Môn và Tâm. Việc tiếp xúc giữa cả ba thực tính này gọi là Xúc. Nếu không có Xúc là việc tiếp xúc này đây, thì các sự nhận thức ấy cũng sẽ không thể hiện khởi lên được. Và một khi đã thiếu mất sự nhận thức ấy đi rồi, thì tương tự như nhau, Tham là sự duyệt ý và dính mắc ở trong các Cảnh, là chỗ làm thành tác nhân cho việc tiến hóa của Thế Giới Hữu Tình này cũng không thể có được; bởi do thế **Xúc đây mới được gọi tên là Xúc Thực.**

Tư Tác Ý (Cetanà) được gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Quả Dị Thực, gồm có Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Nhãn Thức, v.v. sinh khởi lên được. Lẽ thường tất cả Chúng Hữu Tình, chỉ ngoại trừ bậc Vô Sinh, khi mệnh chung rồi thì thường có việc việc tái tục tiếp nối trở lại ngay tức thì, và tiếp theo đó là có việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc ngửi khí hơi, việc nếm mùi vị, việc xúc chạm hiện khởi lên. Những thể loại này đều là Thức Quả Dị Thực hết tất cả, và Pháp làm thành tác nhân từ nơi việc sinh khởi của những thể loại Thức Quả Dị Thực này, cũng chính là Tư Tác Ý có việc sắp bày tạo tác các sự việc ấy hữu quan với Thân Hành cũng có, hoặc Ngũ Hành cũng có, hoặc Ý Hành cũng có. Nếu như không có Tư Tác Ý làm thành người sắp bày tạo tác, thế rồi tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã mệnh chung thì cũng sẽ không có việc tục sinh, việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v.

Có hai thể loại Tư Tác Ý làm thành người dắt dẫn cho tất cả Chúng Hữu Tình sinh khởi, và có được những thể loại từ nơi việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v., đó là: Tư Tác Ý hiện hữu ở trong các Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện Hiệp Thế làm thành người dắt dẫn cho Thức Quả Dị Thực sinh khởi một cách trực

tiếp. Còn Tư Tác Ý hiện hữu ở trong các Tâm khác, phần ngoài ra Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế, thì làm thành người dắt dẫn Uẩn Tương Ứng với nhau cho sinh khởi chỉ ngần ấy mà thôi. Với lý do này, **Tâm Sở Tư được gọi tên là Ý Tư Thực.**

Tất cả Tâm gọi là Vật Thực cũng vì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và Sắc Nghiệp sinh khởi. Lẽ thường Tâm và Tâm Sở cho dù quả thật là câu sinh với nhau đi nữa, tuy nhiên Tâm thường làm thành nhân vật chánh yếu dắt dẫn của Tâm Sở và Sắc Nghiệp. Đối với Tâm Tái Tục thì làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở và sắc Nghiệp sinh khởi. Còn Tâm Chuyển Khởi thì chỉ làm thành người dắt dẫn cho Tâm Sở mà thôi. Bởi do thế, Sắc Nghiệp sinh ở trong Thời Chuyển Khởi (*Pavattikàla - Thời Bình Nhật*), hoặc Sắc Nghiệp của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, thì thường chẳng có nương sinh do từ nơi Tâm ở ngay trong kiếp sống này, mà thường là nương sinh từ ở nơi Nghiệp Quá Khứ được gọi là *Nghiệp Thức (Kammaviññàṇa)* làm thành người dắt dẫn cho sinh khởi. Với lý do này, **tất cả các Tâm mới được gọi tên là Thức Thực.**

+ Và việc dắt dẫn của cả Tứ Thực theo riêng từng mỗi phần thì có như vậy, đó là:

1. **Đoàn Thực:** thì dắt dẫn *Tổng Hợp Vật Thực Bát Thuần* cho sinh khởi trong Uẩn Giới Tính của tất cả Chúng Hữu Tình.
2. **Xúc Thực:** thì dắt dẫn *Thọ* là việc thụ hưởng Cảnh an lạc cũng có, khổ đau cũng có, thân nhiên cũng có.
3. **Ý Tư Thực:** thì dắt dẫn *Thức Tái Tục* là việc sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, Hữu Tình Địa Ngục, và *Thức Chuyển Khởi* là việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v.
4. **Thức Thực:** thì dắt dẫn *Tâm Sở và Sắc Nghiệp*.

Như có kệ ngôn trình bày rằng:

Ojaṭṭhamakarūpaṃ ye Vedanaṃ paṭisandhikaṃ
Nāmarūpaṃ àharanti Tasmàhàrāti vuccare

“Những thể loại Pháp nào thường dắt dẫn theo riêng từng mỗi của Tổng Hợp Vật Thực Bát Thuần, của Thọ, của Thức Tái Tục, Tâm Sở và Sắc Nghiệp; bởi do thế những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là Vật Thực.”

30. Hỏi: Hãy trình bày Pháp như tiếp theo đây:

1. Pháp làm được Chi Thiên nhưng không làm được Chi Đạo.
2. Pháp làm được Chi Đạo nhưng không làm được Chi Thiên.
3. Pháp làm được cả hai Chi Thiên và Chi Đạo.
4. Pháp không làm được cả hai Chi Thiên và Chi Đạo.
5. Pháp làm được Chi Đạo nhưng không làm được Lực.
6. Pháp làm được Lực nhưng không làm được Chi Đạo.

7. *Pháp làm được cả hai Chi Đạo và Lục.*

8. *Pháp không làm được cả hai Chi Đạo và Lục.*

Đáp: Tuần tự trình bày theo các câu hỏi đã được nêu lên:

1. Pháp làm được Chi Thiên nhưng không làm được Chi Đạo; tức là Tâm Sở Tâm, Tâm Sở Hỷ Lạc, và Tâm Sở Thọ ở trong 111 Tâm (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức); Tâm Sở Tầm ở trong 8 Tâm Vô Nhân; Tâm Sở Nhất Thống ở trong 8 Tâm Vô Nhân và 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi.
2. Pháp làm được Chi Đạo nhưng không làm được Chi Thiên; tức là Tâm Sở Niệm, Tâm Sở Trí Tuệ, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, Tâm Sở Tà Kiến và Tâm Sở Cần ở trong 103 Tâm (loại trừ 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh).
3. Pháp làm được cả hai Chi Thiên và Chi Đạo; tức là Tâm Sở Tầm ở trong 47 Tâm (loại trừ 8 Tâm Vô Nhân); Tâm Sở Nhất Thống ở trong 102 Tâm (loại trừ 18 Tâm Vô Nhân, 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi).
4. Pháp không làm được cả hai Chi Thiên và Chi Đạo; tức là 89 Tâm, 40 Tâm Sở (loại trừ 12 Tâm Sở, ấy là Thọ, Nhất Thống, Tầm, Tứ, Cần, Hỷ Lạc, Tà Kiến, Niệm, 3 Ngăn Trừ Phần, Trí Tuệ ở chỗ làm thành Chi Thiên và Chi Đạo); và Tâm Sở Thọ, Tâm Sở Nhất Thống ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức; Tâm Sở Cần ở trong 1 Tâm Khai Ý Môn, và 1 Tâm Tiểu Sinh, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn.
5. Pháp làm được Chi Đạo nhưng không làm được Lục; tức là Tâm Sở Tầm ở trong 47 Tâm (loại trừ 8 Tâm Vô Nhân), Tâm Sở Tà Kiến, và 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.
6. Pháp làm được Lục nhưng không làm được Chi Đạo; tức là Tâm Sở Tín, Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Quý, Tâm Sở Vô Tầm, Tâm Sở Vô Quý, và Tâm Sở Cần, Tâm Sở Nhất Thống ở trong 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh.
7. Pháp làm được cả hai Chi Đạo và Lục; tức là Tâm Sở Trí Tuệ, Tâm Sở Niệm, và Tâm Sở Cần ở trong 103 Tâm (loại trừ 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh); Tâm Sở Nhất Thống ở trong 102 Tâm (loại trừ 18 Tâm Vô Nhân, 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi).
8. Pháp không làm được cả hai Chi Đạo và Lục; tức là 89 Tâm, 38 Tâm Sở (loại trừ 14 Tâm Sở, ấy là Tâm Sở Nhất Thống, Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Cần, Tâm Sở Vô Tầm, Tâm Sở Vô Quý, Tâm Sở Tà Kiến, Tâm Sở Tín, Tâm Sở Niệm, Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Quý, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, Tâm Sở Trí Tuệ ở trong Chi Đạo và Lục); và Tâm Sở Nhất Thống ở trong 16 Tâm Vô Cần và 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn.

VẤN VÀ ĐÁP TRONG TỔNG HỢP ĐĂNG GIÁC PHẦN

6. *Thẩm Thần Túc (Vimamsiddhipàda)* có nghĩa là “Trí Tuệ một cách dừng mãi làm thành túc căn khởi lập đưa đến sự thành tựu viên mãn Thiền Định, Đạo, Quả”. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 17 Tâm Thiện Tương Ứng Trí*.
7. *Tấn Quyền (Viriyindriya)* có nghĩa là “Tinh Tấn làm thành người chủ quản ở trong sự nỗ lực tinh cần đối với sự vật thích hợp”. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Cần ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.
8. *Tín Lực (Saddhàbala)* có nghĩa là “Tín làm thành người bất kinh động ở trong sự sùng tín đối với sự vật thích hợp”. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tín ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.
9. *Tuệ Lực (Paññàbala)* có nghĩa là “Trí Tuệ làm thành người bất kinh động ở trong việc liễu tri được Chân Lý”. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Trí Tuệ ở trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.
10. *Hỷ Lạc Đăng Giác Chi (Pitisambojjhaṅga)* có nghĩa là “Sự thỏa lòng duyệt ý làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ thánh Đế”. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Hỷ Lạc ở trong 4 Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ, 4 Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ, 30 Tâm Đồng Lực Kiên Cố Hỷ Thọ (Sappitikaappanàjavana); hoặc 3 Tâm Thiện Sắc Giới, 3 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế*.
11. *Định Đăng Giác Chi (Samàdhisambojjhaṅga)* có nghĩa là “Sự kiên trụ ở trong Cảnh làm thành Chi Phần của việc liễu tri Tứ Thánh Đế”. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.
12. *Chánh Tư Duy (Sammàsaṅkappa)* có nghĩa là “Sự nghĩ suy chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn”. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Tâm ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 10 Tâm Đồng Lực Sơ Thiện, hoặc 1 Tâm Thiện Sắc Giới, 1 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế*.
13. *Chánh Định (Sammàsamàdhi)* có nghĩa là “Sự kiên trụ định thức chân chánh làm thành đạo lộ cho đi đến Đạo Quả, Níp Bàn”. Chi Pháp tức là *Tâm Sở Nhất Thống ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố*.

32. Hỏi: Kệ ngôn trình bày đến Chi Pháp ở trong Tổng Hợp Đăng Giác Phần đã trình bày như thế nào ?

Đáp: Kệ ngôn trình bày đến Chi Pháp ở trong Tổng Hợp Đăng Giác Phần có như vậy: “*Chando cittaṃ upekkhà ca saddhà passaddhi pitiyo. Sammàdiṭṭhi ca saṅkappo vàyàmo viratittayaṃ. Sammàsati samàdhìti cuddasete sabhàvato. Sattatimsappabhedena sattadhà tattha saṅgaho*”- “Như vậy, Tổng Hợp này khi

phân loại thì có được bảy nhóm Pháp, gồm có 37 thể loại thể theo Thực Tính Pháp, đó là: Dục, Tâm, Trung Gian, Tín, Khinh An, Hỷ Lạc, Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Tinh Tấn, ba Ngăn Trừ Phần, Chánh Niệm và Chánh Định”.

33. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp của Pháp Đăng Giác Phần có các vị trí như tiếp theo đây: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Vị Trí.

Đáp: Chi Pháp của Pháp Đăng Giác Phần có các Vị Trí như vậy:

1. Một Vị Trí thì có chín, đó là: Tâm Sở Tâm, Tâm Sở Khinh An, Tâm Sở Hỷ Lạc, Tâm Sở Trung Gian, Tâm Sở Dục, Tâm, Tâm Sở Chánh Ngữ, Tâm Sở Chánh Nghiệp, Tâm Sở Chánh Mạng.
2. Hai Vị Trí thì có một, đó là Tâm Sở Tín.
3. **Không có ba Vị Trí.**
4. Bốn Vị Trí thì có một, đó là Tâm Sở Nhất Thống.
5. Năm Vị Trí thì có một, đó là Tâm Sở Trí Tuệ.
6. **Không có sáu – bảy Vị Trí.**
7. Tám Vị Trí thì có một, đó là Tâm Sở Niệm.
8. Chín Vị Trí thì có một, đó là Tâm Sở Cần.

34. Hỏi: Pháp Đăng Giác Phần này có được sinh khởi ở trong Pháp Hiệp Thế hay không? Nếu như được thì sẽ được ở trong sát na nào? Cho nêu lên nền tảng Giáo Pháp cùng với cả lời dịch nghĩa cho được thấy với.

Đáp: Những cả 37 Pháp Đăng Giác Phần này một khi thành tựu viên mãn đủ cả Lục Thanh Tịnh [loại trừ Tri Kiến Thanh Tịnh (*Nāṇadassanavisuddhi*)] thì cũng sẽ phải được phối hợp ngay ở trong Tâm Thiện Hiệp Thế và Tâm Duy Tác cho đăng thường sinh khởi (vì lẽ việc tu tập Pháp Hành cho được thành tựu viên mãn cả Lục Thanh Tịnh có Giới Thanh Tịnh (*Silavisuddhi*) v.v. cho đến Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh (*Paṭipadāṇāṇadassana visuddhi*) là cũng sẽ phải tu tập Pháp Hành ngay ở trong tất cả các Tâm Thiện Hiệp Thế và Tâm Duy Tác này vậy.) Như có dẫn chứng phần Pàli trình bày rằng: **“Lokiye pi yathāyogaṃ chabbi suddhippavattiyam”**- “Các Pháp này cũng sinh khởi ở trong các Tâm Hiệp Thế, tùy theo trường hợp, trong sự diễn tiến của sáu giai đoạn Thanh Tịnh (*Visuddhi*)”.

35. Hỏi: Nhóm Trí Tuệ nào được gọi tên là **Bodhi** (Giác Ngộ) ở trong Tổng Hợp Đăng Giác Phần này? Cho trình bày Nhân - Quả luôn cả nêu lên phần Pàli dẫn chứng cho được thấy với.

Đáp: Trí Tuệ được gọi tên là **Bodhi** (Giác Ngộ) ở trong Tổng Hợp Đăng Giác Phần đây, tức là Trí Tuệ hiện hữu ở trong 4 Tâm Đạo. Như có nền tảng Pàli mà Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết ở trong bộ Kinh Pàli Đại Xiển Minh (*Mahāniddeśa*) nói rằng: **“Bodhi vuccati catūsu maggesu ñāṇaṃ ñāṇa”**- “Trí Tuệ ở trong Tứ Đạo, gọi là Giác Ngộ.” Nhân Quả sẽ nêu lên để trình bày, là cũng

bởi vì ở trong chỗ này cần phải có một cách đặc biệt Pháp chủng làm thành bậc liễu tri Tứ Thánh Đế, như có câu Chú Giải đã trình bày rằng: “*Cattàri saccàni bujhatīti = Bodhi*”- “*Pháp chủng nào liễu tri cả Tứ Thánh Đế, bởi do thế Pháp chủng ấy được gọi tên là Giác Ngộ.*”

Còn Trí Tuệ hiện hữu ở trong Tâm Hiệp Thế, Tâm Quả hữu quan với Giác Chi (*Bojjhaṅga*) thì chẳng phải là Trí Tuệ liễu tri Tứ Thánh Đế; mà chỉ làm thành tác nhân cho liễu tri Tứ Thánh Đế mà thôi. Như có câu Chú Giải của từ ngữ *Bojjhaṅga* (Giác Chi) đã trình bày rằng: “*Bujjhanti etāyāti = Bodhi*”- “*Tất cả các bậc Ấn Sĩ thường được liễu tri Tứ Thánh Đế là do bởi nhóm Pháp này, bởi do thế nhóm Pháp làm thành tác nhân cho được liễu tri Tứ Thánh Đế đây, mới được gọi tên là Giác Ngộ.*”

Lại thêm một trường hợp khác nữa, từ ngữ *Bodhi* (Giác Ngộ) ở trong Giác Chi (*Bojjhaṅga*) đây, cũng chẳng phải là tên gọi chỉ dành riêng có mỗi một Trí Tuệ, mà còn các Chi Pháp khác nữa của Giác Chi cũng được gọi tên là *Bodhi* (Giác Ngộ).

36. Hỏi: *Đẳng Giác Phần (Bodhipakkhiya) có ý nghĩa như thế nào ? Nếu bỏ túc thêm từ ngữ Saṅgha (Tổng Hợp) vào thì sẽ có ý nghĩa như thế nào ? Cho lời giải thích, luôn cả nêu câu Chú Giải lên trình bày với.*

Đáp: Đẳng Giác Phần (*Bodhipakkhiya*) thì sẽ có ý nghĩa như ở trong câu Chú Giải đã có trình bày rằng: “*Bodhiyā pakkhe bhavāti = Bodhipakkhiyā*”- “*Pháp khởi sinh ở trong một phía của Tứ Tuệ Đạo thì được gọi tên là Đẳng Giác*”. Nếu bỏ túc thêm từ ngữ *Saṅgha* (Tổng Hợp) thì sẽ có ý nghĩa như ở trong câu Chú Giải đã có trình bày rằng: “*Bodhipakkhiyānaṃ saṅghoti = Bodhipakkhiya saṅgho*”- “*Việc trình bày tập hợp tất cả lại làm thành một phía Tứ Tuệ Đạo, bởi do thế mới được gọi là Tổng Hợp Đẳng Giác Phần.*”

37. Hỏi: *Từ ngữ Satipaṭṭhāna (Niệm Xứ) có ý nghĩa như thế nào ? Trình bày câu Chú Giải ra sao ? Và tại làm sao chỉ có mỗi một Niệm (Sati) mà được làm thành cả Tứ Niệm Xứ ? Cho lời giải thích và luôn cả nêu Nhân Quả với.*

Đáp: Từ ngữ *Satipaṭṭhāna* (Niệm Xứ) có ý nghĩa là: “*Niệm làm thành chủ vị, tức là làm thành chính yếu ở trong tất cả các Pháp Tương Ứng, và rồi an trụ ở tất cả các Cảnh, có Thân, v.v.;*” Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Sati eva paṭṭhānanti = Satipaṭṭhānaṃ*”- “*Đích thị chính là Niệm làm thành chính yếu ở trong Pháp Tương Ứng, và rồi kiên trụ ở trong Cảnh, có Thân, v.v.; bởi do thế mới gọi tên là Niệm Xứ.*”

- Nguyên nhân chỉ có mỗi một Pháp Niệm mà làm thành cả Tứ Niệm Xứ, vì:
 1. Thiết lập cho việc hạn định về Cảnh, thì có 4.
 2. Thực tướng của trăm triệu hiện khởi lên, thì cũng có 4.

3. Và việc đoạn tận các Pháp Điên Đảo, thì cũng có 4.

Với nguyên nhân này mà chỉ có mỗi một Pháp Niệm mới làm thành được cả Tứ Niệm Xứ.

- Có bốn Cảnh làm thành trú xứ cho việc hạn định của Niệm, đó là:
 1. *Sắc Uẩn (Rùpakhandha)*: làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là *Thân Tùy Quán Niệm Xứ*.
 2. *Thọ Uẩn (Vedanàkhandha)*: làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là *Thọ Tùy Quán Niệm Xứ*.
 3. *Thức Uẩn (Viññàṇakhandha)*: làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là *Tâm Tùy Quán Niệm Xứ*.
 4. *Tướng Uẩn (Saññàkhandha)* và *Hành Uẩn (Sankhàrakhandha)*: làm thành Cảnh cho việc hạn định của Niệm, được gọi là *Pháp Tùy Quán Niệm Xứ*.

- Tứ Thực Tướng làm thành trầm triệu cho hiện khởi lên, và việc đoạn tận Tứ Pháp Điên Đảo (**Vipallāsadhama**):
 1. Việc hạn định thâm sát thường luôn ở trong *Thân (Kāya)*, làm thành tác nhân cho *Bất Tịnh Thực Tướng (Asubhalakkhaṇa)* hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thì thường đoạn tận *Tịnh Điên Đảo (Subhavipallāsa)* cho diệt mất đi.
 2. Việc hạn định thâm sát thường luôn ở trong *Thọ (Vedanā)*, làm thành tác nhân cho *Khổ Đau Thực Tướng (Dukkhalakkhaṇa)* hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thì thường đoạn tận *Lạc Điên Đảo (Sukha vipallāsa)* cho diệt mất đi.
 3. Việc hạn định thâm sát thường luôn ở trong *Tâm (Citta)*, làm thành tác nhân cho *Vô Thường Thực Tướng (Aniccalakkhaṇa)* hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thì thường đoạn tận *Thường Điên Đảo (Nicca vipallāsa)* cho diệt mất đi.
 4. Việc hạn định thâm sát thường luôn ở trong *Thực Tính Pháp (Sabhāva dhamma)* tức là Tướng và Hành, làm thành tác nhân cho *Vô Ngã Thực Tướng (Anattalakkhaṇa)* hiện khởi lên, và cũng ngay trong cùng một sát na ấy, thì thường đoạn tận *Ngã Điên Đảo (Attavipallāsa)* cho diệt mất đi.

38. Hỏi: Thế loại Tinh Tấn nào được làm thành Chánh Cần, và trong việc nói rằng Tinh Tấn ở ngoài ra Thiệt Tinh Tấn thì không thể làm được Chánh Tinh Tấn, khi đã là như vậy do bởi nguyên nhân nào? Và cho giảng giải đến hết cả Tứ Chánh Cần cho được thấy độ khoảng hai điều theo sự hiểu biết của Ngài.

Đáp: Tinh Tấn được làm thành Chánh Cần thì phải là thể loại Tinh Tấn một cách mãnh liệt. Tinh Tấn thông thường thì không thể nào làm được, và Tinh Tấn làm thành Chánh Cần đây, thì phải là Tinh Tấn hiện hữu duy nhất chỉ ở trong Tâm Đồng Lực Thiện mà thôi. Còn Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Đồng Lực Duy Tác và Tâm Quả thì không thể nào làm thành Chánh Cần được. Vì lẽ tất cả các bậc Vô Sinh thì thường đã vượt thoát khỏi chức năng tạo tác hữu quan với việc đoạn tận Bất Thiện và tác hành cho Thiện sinh khởi đi rồi. Bởi do thế, *Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Đồng Lực Duy Tác mới không được gọi là Chánh Cần. Đối với Tinh Tấn hiện hữu ở trong Tâm Quả thì cũng tương tự như nhau, tức là bất hữu quan với cả bốn chức năng ấy, vì lẽ tự bản thân mình đã là Di Thực Quả rồi.*”

- Chỉ có mỗi một Pháp Tinh Tấn làm thành cả Tứ Chánh Cần vì lẽ *Sự Vụ (Kicca)* của Tinh Tấn ở tại nơi đây hiện hữu bốn thể loại, đó là:
 1. Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi.
 2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được.
 3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên.
 4. Tinh cần để làm tăng trưởng Thiện Pháp đã có được sinh khởi lên rồi.

1. Tinh cần để đoạn trừ Ác Pháp đã có sinh khởi lên rồi (*Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo*): Tại nơi đây, Bất Thiện Pháp đã có sinh khởi lên rồi, ở chỗ được gọi *Uppannapāpaka* có nghĩa là Bất Thiện hữu quan với Ác Hạnh (*Duccarita*) và Ác Mạng (*Dūrājiva*) mà bản thân đã có tạo tác ở ngay trong kiếp sống này.

Một trường hợp khác nữa, cho dù quả thật thể loại Bất Thiện hữu quan với Ác Hạnh và Ác Mạng mà bản thân vẫn chưa có từng tạo tác đi nữa, tuy nhiên vẫn có thực tính tương tự với Ác Hạnh – Ác Mạng mà bản thân đã có từng tạo tác đi rồi, thì thể loại Bất Thiện Ác Hạnh – Ác Mạng ấy cũng vẫn được gọi tên là “*Ác Pháp đã từng sinh*” (*Uppannapāpaka*) tương tự như nhau, thế nhưng chẳng phải là trực tiếp. Chẳng hạn như nam nhân **K** đã từng có sát hại đến gà, bởi do thế *Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapāṇātipāta)* đây, là thể loại “*Ác Pháp đã từng sinh*” (*Uppannapāpaka*) một cách trực tiếp đối với nam nhân **K** này. Còn về việc *Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapāṇātipāta)* hữu quan với việc sát mạng ở các loài Hữu Tình khác, ngoài ra việc sát mạng gà, thì cũng vẫn được gọi là “*Ác Pháp đã từng sinh*” (*Uppannapāpaka*) tương tự như nhau; thế nhưng hiện hành một cách gián tiếp, vì lẽ lập ý chỉ lấy tên gọi của hành động tạo tác mà thôi. Bởi vì việc sát mạng gà, hoặc sát mạng đến các Hữu Tình khác, thì tất cả cũng đều gọi tên là *Sát Mạng (Pāṇātipāta)* hết cả thảy. Những Ác Hạnh khác thì cũng hiện hành tương tự y theo với phương thức này.

Theo lẽ thường nhiên, một khi Bất Thiện Nghiệp Lực đã có từng sinh khởi lên rồi, thì cũng phải diệt tắt, và sẽ chẳng thể nào tồn tại được lâu dài. Khi đã là

như vậy, thì việc đoạn tận Bất Thiện đã có từng sinh khởi lên, sẽ chẳng phải là việc đoạn tận một cách trực tiếp được, mà đó chỉ là việc đoạn tận gián tiếp mà thôi. Sẽ nói rằng một khi thẩm sát liễu tri được đúng sai rồi, thì cũng có sự chủ tâm rằng Ta đây sẽ không tạo Ác Hạnh, như việc sát mạng Hữu Tình, v.v. và hơn nữa ở trong sự diễn tiến của câu chuyện này thì cũng không đáng phải nỗ lực để giữ lấy nghĩ suy ấy cho khởi sinh ưu não buồn lòng, vì lẽ chẳng có lợi ích chi cả. Có nghĩa là sẽ không thể nào làm cho Thiện Pháp bị thối giảm đi được, mà trái lại bởi do nương vào việc nghĩ suy này, chỉ sẽ là làm cho phát sinh tội lỗi, tức là sẽ làm cho tâm thức thêm buồn rầu nóng nảy khởi sinh lên. Một khi đã thẩm sát một cách thấu đáo như vậy rồi, thì cũng buông bỏ việc nghĩ suy ấy đi, rồi nỗ lực tinh cần làm cho tâm trí khởi sinh Thiện Pháp nối tiếp theo. Cả hai thể loại này được gọi tên là *Uppannānaṃ pāpakānaṃ pahānāya vāyāmo*. Còn việc đoạn tận Bất Thiện đã từng sinh của Tinh Tấn ở trong phần *Đạo Thiện (Maggakusala)* thì đã rõ ràng rồi.

2. Tinh cần để ngăn ngừa không cho Ác Pháp sẽ sinh khởi lên được (*Anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo*): Tại nơi đây, Bất Thiện Pháp vẫn chưa từng có sinh khởi - ở chỗ được gọi *Anuppannānaṃ* có nghĩa là Bất Thiện hữu quan với việc Ác Hạnh và Ác Mạng mà bản thân vẫn chưa từng có tạo tác chỉ ở trong kiếp sống này. Vì lẽ thường nhiên tất cả con người sinh tử luân hồi ở trong Vòng Luân Hồi Khổ đây, thì sẽ không thể nào đã không từng tạo tác Bất Thiện Pháp với Ác Hạnh và Ác Mạng ấy được, ắt hẳn đã từng có tạo tác hết cả thầy; bởi do thế mới lập ý lấy Bất Thiện Pháp vẫn chưa từng sinh khởi đây chỉ là ở trong kiếp sống này mà thôi. “*Ác Pháp chưa từng sinh*” (*Anuppannapāpaka*) đây, thì có hai thể loại, đó là:

- *Người nào vẫn chưa từng có thân đạo*, bởi do thế Bất Thiện mà chưa từng sinh đây, đó chính là Bất Thiện chưa từng sinh đối với người ấy.
- *Người nào đã từng có thân đạo về ngân tiền, nhưng vẫn chưa từng thân đạo về kim tiền*; bởi do thế Bất Thiện chưa từng sinh hữu quan với việc thân đạo kim tiền thì được liệt kê thành *Bất Thiện chưa từng sinh* đối với người ấy. Tại đây lập ý chỉ lấy sự khác biệt với nhau giữa Cảnh cũ và Cảnh mới; tức là vật chất của cải mà người ấy vẫn chưa từng thân đạo với vật chất đã từng có thân đạo, đích thị là chẳng giống với nhau; chính vì thế, mới được liệt kê thành thể loại *Bất Thiện chưa từng sinh*.

Lại nữa, Ngài Chú Giải Sư nói rằng bất luận một người nào đã từng có sát mạng Hữu Tình rồi; thế nhưng khi hãy còn ít tuổi thì vẫn chưa từng có sát mạng Hữu Tình, và tiếp đến đã có sát mạng Hữu Tình nhưng lại không nghĩ tưởng đến, lại còn quên hết tất cả đi. Khi đã là như vậy, thì cũng vẫn được liệt kê thể loại *Bất Thiện Sát Mạng (Akusalapāṇātipāta)* này là thể loại *Bất Thiện chưa từng sinh* đối với người ấy; tuy nhiên chỉ hiện hành một cách gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp.

Sự cố gắng để cho các Thiện Pháp mới được sinh khởi, tức là cần phòng lưu tâm thường luôn ở trong Thiện Pháp với việc thực hiện xả thí, trì giới, tiến tu Chỉ Quán, việc phụng dưỡng Mẹ Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ; việc nghiên cứu học hỏi, việc giảng dạy Pháp Học, việc nguyện thọ trì *Điều Tiết Dục (Dhutaṅga – Đầu Đà)*, việc trùng tu các tự viện, v.v. Việc thực hiện như đã vừa đề cập đến đây, thì cũng được gọi là “*Anuppannaṇaṃ pāpakānaṃ anuppādaya vāyāmo*”-

3. Tinh cần để làm cho Thiện Pháp sẽ được sinh khởi lên (*Anuppannaṇaṃ kusalānaṃ uppādaya vāyāmo*): Tại nơi đây, Thiện Pháp mới - tức là Thiện Pháp vẫn chưa từng có sinh khởi, ở chỗ được gọi *Anuppannakusala* lập ý đến Thiện Hiệp Thể gồm có Chỉ Quán, v.v. tùy theo thích hợp mà vẫn chưa từng có sinh khởi ở trong kiếp sống này; và *Đạo Thiện (Maggakusala)* vẫn chưa từng có sinh khởi ở trong kiếp sống này và những kiếp sống trước.

Người nào vẫn chưa từng thực hiện Xả Thí Thiện, bởi do thể Xả Thí Thiện ấy là *Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)*. Đối với người ấy, hoặc với người đã từng có thực hiện Xả Thí Thiện rồi, thể nhưng vẫn chưa từng thọ trì Ngũ Giới; từng thọ trì Ngũ Giới rồi, thể nhưng vẫn chưa từng thọ trì Bát Giới; từng thọ trì Ngũ Giới và Bát Giới rồi, thể nhưng vẫn chưa từng thực hiện Chỉ Quán; bởi do thể những thể loại Ngũ Giới, Bát Giới, Chỉ Quán đây cũng thuộc thể loại *Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)* đối với người ấy, tương tự như nhau.

Hoặc chỉ nội ở trong việc Xả Thí Thiện ấy không thôi, với người nào chỉ duy nhất đã từng mức vật thực bỏ vào bát cúng dường vị Tỳ Khưu, thể nhưng không từng cúng dường y áo; hoặc đã từng xuất gia thành vị Tỳ Khưu, thể nhưng vẫn chưa từng cúng dường *Thí Tăng Y (Kathina)*; hoặc đã từng cúng dường Thí Tăng Y rồi, thể nhưng vẫn chưa từng kiến tạo Pháp Bảo, v.v. Tương tự như nhau, những thể loại này cũng được gọi là *Thiện chưa từng sinh (Anuppannakusala)*, và việc đã vừa đề cập đến tại đây cũng sắp thành thể loại Thiện Hiệp Thể.

Đối với *Đạo Thiện (Maggakusala)* vẫn chưa từng có sinh khởi đấy, tức là với người nào đã từng tiến tu Minh Sát rồi, thể nhưng vẫn chưa từng thành tựu Quả vị Thất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Thất Lai rồi, thể nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Nhất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Nhất Lai rồi, thể nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Bất Lai; hoặc đã thành tựu Quả vị Bất Lai rồi, thể nhưng vẫn chưa thành tựu Quả vị Vô Sinh; thể thì những Đạo Thiện như đã vừa đề cập đến tại đây cũng được gọi là *Đạo Thiện vẫn chưa từng sinh khởi* vậy.

Khi người nào đã thẩm thị thấy rằng bất luận một Thiện Pháp nào ở trong tất cả những Thiện Pháp như đã vừa đề cập, mà vẫn chưa từng sinh khởi đối với mình, thì liền nỗ lực tinh cần thực hiện cho được sinh khởi. Đích thị chính việc nỗ lực tinh cần để làm cho Thiện Pháp mà vẫn chưa từng có sinh khởi, cho có được sinh khởi đối với bản thân mình, thì đã được gọi tên là “*Anuppannaṇaṃ kusalānaṃ uppādaya vāyāmo*”.

4. Tinh cần để bảo trì tăng trưởng Thiện Pháp đã có sinh khởi lên rồi (*Uppannanam kusalanam bhiiyobhàvaya vàyàmo*): Tại nơi đây, Thiện Pháp đã từng có sinh khởi cho được tăng trưởng thêm lên, ở chỗ được gọi *Uppannakusala* (*Thiện đã từng sinh*) chỉ lập ý riêng về Thiện Hiệp Thế gồm có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập mà đã từng có được sinh khởi lên đối với bản thân mình ở trong kiếp sống này và kiếp sống trước mà thôi. Chỗ sẽ phải nỗ lực tinh cần làm cho tăng trưởng lên cùng tốt đấy, tức là làm cho sinh khởi lên hoài hoài. Tuy nhiên đối với *Đạo Thiện* đây, thì chẳng có hữu quan, vì lẽ *Đạo Thiện* đã từng có được sinh khởi đối với bản thân mình, thì thường được sinh khởi duy nhất chỉ có một lần rồi liền diệt tắt đi, không có được sinh khởi lên hoài hoài; và duy chỉ có nỗ lực tinh cần làm cho tăng *Đạo Thiện* ở các bậc trên vẫn chưa được sinh khởi, làm cho sinh khởi lên mà thôi. Bởi do thế ý nghĩa của từ ngữ *Uppannakusala* (*Thiện đã từng sinh*) ở tại đây, mới chỉ dành riêng ở phần Thiện Hiệp Thế đã từng có được sinh khởi đối với bản thân mình ngay ở trong kiếp sống này và kiếp sống trước. Và sự nỗ lực tinh cần để làm cho Thiện Pháp đã có được sinh khởi lên rồi, cho được thường luôn sinh khởi, thì mới được gọi tên là “*Uppannanam kusalanam bhiiyobhàvaya vàyàmo*”.

39. *Hỏi:* Ngài có sự sở nguyện sẽ nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp cho chấm dứt chương trình đào tạo cả chín lớp, luôn cho đến được đón nhận văn bằng Đại Học, thì sẽ cần phải có bao nhiêu thể loại Pháp để làm thành công cụ cho thành tựu trong sự sở nguyện của Ngài ? Là những chi ? Và những thể loại Pháp này nếu đã ở trong Quả Dị Thục và Duy Tác thì sẽ có được gọi tên làm thành công cụ cho thành tựu sự sở nguyện ở trong sự việc tịnh hảo hay không ? Vì lý do nào ?

Đáp: Khi Tôi có sự sở nguyện sẽ nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp cho chấm dứt chương trình đào tạo cả chín lớp, luôn cho đến được đón nhận văn bằng đại học đấy, thì sẽ cần phải có *Thần Túc (Iddhipàda)* là Pháp làm thành công cụ cho thành tựu sự sở nguyện. Thần Túc có bốn thể loại, đó là: 1/. Dục Thần Túc, 2/. Cần Thần Túc, 3/. Tâm Thần Túc, 4/. Thâm Thần Túc. Và những thể loại Pháp này nếu đã ở trong Quả Dị Thục và Duy Tác rồi, thì sẽ không được gọi tên là công cụ cho thành tựu sự sở nguyện ở trong sự việc tịnh hảo. Tất cả sự việc này là cũng vì *Pháp Dị Thục Quả (Vipàkadhamma)* đích thị chính là quả báo của Tâm Đạo; bởi do thế Tâm Quả hoặc Dục, Cần, Trí Tuệ hiện hữu ở trong Tâm Quả mới không được gọi là Thần Túc. Còn *Pháp Duy Tác (Kiriya-dhamma)* thì chỉ đơn nhất của các bậc Vô Sinh, và theo lẽ thường nhiên tất cả các bậc Vô Sinh là bậc đã đạt đến sự thành tựu một cách viên mãn; bởi do thế *Dục (Chanda)*, *Cần (Viriya)*, *Tâm Duy Tác (Kiriya-citta)* và *Trí Tuệ (Pañña)* của bậc Vô Sinh mới không được gọi là *Thần Túc*.

Lại nữa, Dục, Cần, Trí Tuệ và Tâm Thiện mà sinh khởi một cách thông thường thì không thể làm thành Pháp Thần Túc được; thiết yếu phải có năng lực

một cách dừng mãnh thì mới sẽ được làm thành Pháp Thần Túc. Bởi vì Chi Pháp của cả Tứ Thần Túc đây, đích thị cũng chính là cả **Tứ Trưởng** vậy; chỉ khác biệt là Pháp làm thành Trưởng thì có được cả Thiện, Bất Thiện, và Vô Ký; thế nhưng Pháp làm thành **Thần Túc** thì đơn nhất chỉ có Thiện ngàn ấy mà thôi.

40. Hỏi:

Đáp:

41. Hỏi:

Đáp:

42. Hỏi:

Đáp:

43. Hỏi:

Đáp:

44. Hỏi:

Đáp:

45. Hỏi:

Đáp:

46. Hỏi:

Đáp: